TÔ HOÀI

chiều chiều







Phương Nam Book
NXB Hội Nhà văn

CHIỀU CHIỀU

Tác giả: **Tô Hoài**
Xuất bản: **Hội Nhà Văn**
Ebook: **Cuibap**
Text: **Waka.vn**

CHƯƠNG 1



ghé ơ nghé
Nghé bông hay là nghé hoa
Như cà mới nở
Mẹ cõng xuống sông
Xem rồng lấy nước
Mẹ gọi tiếng trước
Cất cổ lên trông
Mẹ gọi tiếng sau
Cất lồng lên chạy
Lồng ba lồng bảy
Lồng về với mẹ
Nghé ơ
Mày như ổi chín cây
Như mây chín chùm
Như chum đựng nước
Như lược chải đầu
Cắn cỏ ăn no
Kéo cày đỡ mẹ
Việc nặng phần mẹ
Việc nhẹ phần con
Kéo nỉ kéo non
Kéo đến quanh tròn
Mẹ con ta nghỉ
Ông khách hỏi mua
Nhà ta chả bán

Ông khách hỏi hoạn
Nhà ta chẳng cho
Nghé ơ...

(Bài "Gọi nghé" vùng Thụy Anh - Thái Bình)

Năm ấy, tôi ở một tổ đi thực tế nông thôn, nửa năm về Thái Bình. Tổ tôi có tổ trưởng Hoàng Trung Thông với các tổ viên: Chu Ngọc, Phùng Quán, Trần Lê Văn, Hoàng Cầm.

Tổ trưởng Thông họp chúng tôi lại, trước khi đi, dịch cái nghĩa chuyến đi dài ngày này là xuống địa phương tham gia lao động cho thấy được, biết được làng xóm sau cải cách ruộng đất và sửa sai đương lên hợp tác xã rầm rầm. Tôi hiểu rằng không có yêu cầu về viết lách, thế là đi cho mở mắt ra. Năm trước, tôi cũng đã về xã ngót hai năm, ba đợt làm anh đội cải cách rồi anh đội sửa sai. Nghe Thông nói thế, tôi cũng lấy làm thường.

Lên hợp tác rầm rầm là nói quen miệng, khoái miệng, chứ thực phong trào hợp tác hóa nông thôn chỉ mới bắt đầu. Xã chúng tôi tới mới có một thôn này được chọn làm thử - thôn ít phức tạp khi cải cách ruộng đất thì cho làm thí điểm.

Lại được dặn thêm: Lao động tùy sức, không như "ba cùng" phải lăn vào bói việc ra mà đổ mồ hôi "thổ cải". Tổ trưởng phổ biến thế chứ có gay go mấy tôi cũng chẳng ngại. Tôi đã hai năm với đồng ruộng từ Thanh Hóa ra Hải Dương, hai cuộc tổng kết ở Hậu Hiền, ở Quỳnh Côi, ba đợt công tác từ đội viên chân trắng lên

đội phó phụ trách tòa án rồi làm báo đoàn sửa sai. Trước đấy tôi chưa biết mặt cây lúa. Rồi tôi cũng xắn quần khỏi đầu gối ra đồng lội ruộng, vai vẫn đeo cái túi sắc cốt da, vẻ cán bộ. Anh đội chúa chỏm một xóm, ngại ra đồng thì mở túi lấy sổ vờ nghiên cứu, đói thì bảo cô Đăng con ông rể trưởng xóm ra chợ mua bánh ngô kẹo bột về ăn, có người đến thì đứng dậy cầm cái chổi đưa mấy nhát quét nhà, ăn vụng, kể cả ăn vụng người, và làm che mắt thế gian, anh đội tôi nào biết có ai trên đầu. Tôi chẳng bỡ ngỡ những cuộc đi thế này, kể cả khi đương kháng chiến, ở Tuyên Quang làm thuế nông nghiệp với Nam Cao, xuống vùng giáp địch ở Việt Trì, công tác thuế công thương với Xuân Diệu.

Nhưng tôi cũng không đi một lúc với cả tổ. Các anh đã xuống huyện trước tôi. Tôi còn bận ở lại tổ chức cho các đội đi thực tế các nơi. Bấy lâu ở cơ quan, tôi như con dao pha, chuyên làm những việc linh tinh và cụ thể.

Ban chấp hành và thường vụ Hội Văn nghệ đã bầu lại, sau mấy đợt học tập kiểm điểm, trước mắt hãy đi thực tế, và tôi phải làm những việc này cho xong đã. Các chuyến đi, trước nhất là anh em công tác ở cơ quan. Nhưng nhiều văn nghệ sĩ ở Hà Nội chưa có việc làm cơ quan nào cũng đến nói muốn được đi. Tất cả mỗi người mỗi vẻ, mỗi nỗi. Có những người sẵn sàng đi xa. Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Văn Cao, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Văn Tý lên huyện Điện Biên trên Lai Châu - rừng xanh núi đỏ quá,

chẳng ai tranh, xếp đoàn đi xong ngay. Các nông trường ở Tây Bắc, Trung Du, miền núi Nghệ An đương là những vùng đất mới kỳ diệu. Nguyên Hồng, Võ Huy Tâm, Huy Phương, Nguyễn Hải Trừng về nhà máy và ra mỏ ở Hải Phòng, ở Hồng Quảng. Kim Lân vác xà beng đi đào sông bên Bắc Hưng Hải... Trang nhất báo Nhân Dân in ảnh Nguyên Hồng đẩy xe goòng nhà máy xi măng và Võ Huy Tâm đội mũ thợ, tay xách đèn bão, đi lò. Còn nhiều đoàn, đội nữa, tôi nhớ đại khái thế. Dẫu cho việc đi là được đi hoặc tự nguyện nhưng đều ý tứ, mỗi người cũng có tính toán và thu xếp riêng, ai chả thế. Những người bị kỷ luật của Hội về vấn đề Nhân Văn hay là có hơi hướng với đám này thì coi như nhất loạt thẳng cánh đi. Những người trong kiểm điểm có tư tưởng hữu khuynh như tôi phải đi cọ xát thực tế cho thấy được cái đúng ở đâu. Các người lãnh đạo thì chẳng ai nghĩ các anh ấy phải đi. Nhưng cũng có người hăng hái với phong trào cứ thấy nay có bài về nông trường Rạng Đông, mai có bút ký mỏ cọc 6, ngày kia đã có thơ tả cầu Hiền Lương - đi nhanh quá, hăng quá, chẳng biết bằng ô tô hay bằng xe đạp. Các người bấy giờ đương là những cốt cán vững như Đồ Phồn, Mạnh Phú Tứ, Huyền Kiêu thì ở nhà củng cố cơ quan. Nhưng các anh ấy nói nhún, cũng khoe khéo "tớ ở nhà canh gác cho các cậu đi, khoái nhé". Chúng tôi đã ở Việt Bắc, ở khu Tư, khu Năm hay Nam Bộ thế nào thì cũng đã quen các đợt công tác về làng xã, nhà máy hay đơn vị

quân đội. Nhưng cái khó và cái dễ là đối với anh chị em trước kia ở Hà Nội sau chín năm kháng chiến. Chẳng mỗi chốc đã được mời đi thực tế, được vào học trường Đại học Nhân dân, đấy là dấu hiệu rồi may mắn có thể vào biên chế nhà nước. Lo lo và chờ đợi cái thước tin cậy đo đến mình.

Tôi vướng vô khối những cái bấn này chẳng ra đâu vào đâu. Bởi đây không phải cuộc bắt đi nhưng ai cũng nên đi. Có người cần, có người ngại, có người thờ ơ, mỗi người mỗi khác. Bác Tú Mỡ hăng hái đạp xe theo tổ trưởng Đào Vũ mấy tháng ở Vũ La dưới Hải Dương. Tôi đến Vũ La, bác khoe: "Về nhà quê, khí hậu tốt, lao động một tý, ăn khỏe hẳn lên". Trên có nhắc tôi rủ ông Phan Khôi, nhưng bố bảo tôi cũng chẳng dám đến cái gác phố Thuốc Bắc mời ông ấy đi thực tế. Lão quắc mắt lên, hỏi dồn, rồi xỏ cho mấy câu, chỉ dại mặt.

Họa sĩ Nguyễn Sáng cũng không đi. Tôi đã nói với Hoàng Trung Thông cho Nguyễn Sáng đi với chúng tôi. Về làng mà chỉ trần có mấy anh cầm bút thì nhạt trò. Phải có người múa hát, người làm xiếc, người biết vẽ thỉnh thoảng làm cái truyền thần cho bà con thì dễ nổi đình đám. Nguyễn Sáng xua tay: "Vẽ là lao động rồi. Tớ bận vẽ".

Nguyễn Sáng có đương vẽ vời gì đâu. Hồi ấy, Nguyễn Sáng mê ăn kem hiệu Tiến Đạt phố Yết Kiêu. Kem que thôi, nhưng Tiến Đạt được tiếng quay ra nhiều thứ kem lạ miệng, kem dứa,

kem cốm, lại còn kem mùi ổi, kem mùi mít, mùi na, mùa nào thức ấy. Thật cũng không phải Nguyễn Sáng khoái kem, mà họa sĩ đương phải lòng các cô bán kem. Nhà có mấy cô mười ba, mười bảy hay hay mắt, cái anh chàng trên dưới bốn mươi tuổi này cứ lăn lóc mê tơi.

Hơn mười năm trước, năm 1946, Nguyễn Sáng đã có vợ. Cô Jennen Đobrien, Pháp lai Đức, cùng sinh viên Mỹ thuật. Nhà ở phố Bùi Thị Xuân bây giờ, tôi thường đến nhờ Nguyễn Sáng vẽ cho báo Hồn Nước cơ quan Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc Việt Nam. Jennen nhỏ nhắn, búi tóc, mặc áo cánh nâu, quần láng thâm. Mỗi người đã sẵn một chiếc ba lô xì cút sửa soạn đi kháng chiến. Hà Nội đương vừa bí mật vừa sôi lên sắp sửa cho cuộc chiến đấu. Ngoài đường, người quảy gánh và xe bò đồ đạc tản cư đi bên những hào lũy các đội viên tự vệ sao vuông của khu phố và cơ quan. Họa sĩ Mai Văn Hiến, Nguyễn Văn Thiện, Thân Trọng Sự, Nguyễn Tư Nghiêm đã ra Ngã Tư Sở ở địa điểm tạm, chờ đi. Trụ sở hội Văn Hóa Cứu Quốc gần bờ hồ Thiền Quang không còn ai. Thâm Tâm đưa vợ con tản cư về Hải Dương, trở lên thì đã nổ ra kháng chiến. Những bài thơ về đường số 5 trong khói lửa của Thâm Tâm có hơi hướng những việc nhà này. Thâm Tâm vào bộ đội ở báo Vệ quốc quân của Lê Tất Đắc. Tôi gặp lại trên đồi Đồng Lư bên sông Đáy gần chùa Trầm, chùa Thầy. Nam Cao về quê thu xếp việc nhà rồi ra làm báo kháng chiến của tỉnh Hà Nam. Tôi có

giấy tờ ở lại khu ll (Hà Nội) làm phóng viên mặt trận của báo Cứu Quốc. Vợ chồng Nguyễn Sáng xắm nắm, không biết rồi sẽ đi thế nào. Nguyễn Sáng công tác ở nhà in bộ Tài Chính, cơ quan tối mật in giấy bạc, tem và công phiếu kháng chiến. Làng nào, phố nào cũng đương ráo riết đề phòng việt gian, canh cả những giếng nước, vòi nước, sợ việt gian bỏ thuốc, bôi thuốc độc vào vòi nước. Chẳng may ai có bộ quần áo tô-pi-can mép vải viền xanh trắng đỏ tam tài, hay trong túi có cái gương "ám hiệu máy bay" thì bỏ đời rồi. Không thể cơ quan tài chính quan trọng thế mà lại có con đầm mũi lõ mắt xanh đi theo. Nguyễn Sáng và Jennen phải chia tay. Họ xa nhau thế nào, tôi không biết, cũng không bao giờ hỏi. Chỉ đến 1954, trở về thành phố, mới hỏi có tin tức Jennen không. Nguyễn Sáng nói: "Biết đâu mà tìm. Chắc nó về Tây đã lâu". Rồi đùa: "Mày làm báo hay đi nhiều nơi, dò la hộ tao xem nó ở đâu". Từ đấy, chẳng bao giờ nhắc đến nữa.

Nguyễn Sáng mê gái hay để ý những cô gái mới lớn. Lý luận vơ vào của anh ta rằng "tình yêu không có tuổi". Bởi thế hay đến ăn kem que nhà Tiến Đạt. Tôi chẳng còn ở tuổi lăng nhăng thuở nào đi hộ vệ Đinh Hùng, Nguyễn Bính ngày ngày vào mua phong thuốc lào Đông Phát trước cửa chợ Đồng Xuân có cô bán hàng bắt mắt rồi lại đảo qua phố Mới, cầm ra quyển Bồng Lai hiệp khách ba xu của ông Tàu Lý Ngọc Hưng viết truyện kiếm hiệp, để được nhìn mặt, đụng

tay cô Sính con ông ấy. Nhưng cũng đôi ba lần tôi đến hàng kem Tiến Đạt làm khách đứng ngoài quầy, xem Nguyễn Sáng ăn hết mấy que kem mà vẫn chưa dứt chuyện. Nguyễn Sáng không đi thực tế là vậy, cũng chẳng ai để ý. Nhưng tôi thương nhất Nguyễn Khắc Dực viết kịch, xin mấy lần mà không được đi. Tôi quen Nguyễn Khắc Dực trước 1945. Cái khi ở Hà Nội mọi thứ rối ren, từ miếng cơm đến thời sự. Quân Nhật đã đánh vào Lạng Sơn, đổ bộ Hải Phòng. Đường tiếp tế ét xăng Hải Phòng - Trùng Khánh, Pháp cho Tưởng Giới Thạch thuê đã bị Nhật chặn phá. Rồi Pháp - Nhật có choảng nhau to hơn không, ở những đâu nữa. Các đảng viên thân Nhật mọc nhua nhúa. Trong khi các đoàn thể cứu quốc của Việt Minh đã công khai bán tín phiếu, tổ chức lan rộng, có cả Việt Nam Cứu quốc hội, nghĩa là bao gồm người cả nước cứu quốc. Trong thanh niên, ở các tổ chức công khai và cả bí mật liên miên tranh luận lý thuyết, đến cả ở sân trại giam sở Liêm phóng Bắc Kỳ, mà tôi đã được chứng kiến, người ta cũng sôi nổi cãi nhau chửi nhau quốc gia hay quốc tế, đệ tam hay đệ tứ.

Tôi cũng quen mấy cha theo đệ tứ áng lứa tôi lúc ấy, hơn tuổi một chút có Nguyễn Tế Mỹ, Nguyễn Xuân Huy, trên nữa có Phạm Ngọc Khuê, em em tuổi tôi đôi chút có Nguyễn Khắc Dực, Vũ Tăng... Tôi chẳng bao giờ nhớ mạch lạc thế nào, cứ triền miên những câu biện chứng pháp hạt đậu thành cây đậu... cách mạng

thường trực, cách mạng phải lên toàn thế giới mới đến thế giới đại đồng... Cũng là những câu nhặt trong sách Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu Nhà xuất bản Tân Việt in. Một thời hoang dại của con người ta, gân cổ cãi cọ những ngược đời và đam mê. Ở quãng không còn tuổi thiếu niên của chúng tôi, cũng chưa hẳn đã thanh niên, dòng đời còn loăng quăng, cái gì cũng vỗ ngực ta đây, nhưng thật thì chưa biết mình rồi ra sao. Có điều, nếu đứa nào làm mật thám Pháp, Nhật ăn lương tháng hay được trả tiền vụ tiền từng việc, thì là quân trộm cướp, bị khinh, bị chửi và mọi người xa lánh. Quốc Dân đảng hay Đại Việt mới mọc ra đấy và có quan thày Nhật cũng coi là lớ quớ, làm tiền, cơ hội. Chúng tôi thiên về quốc tế mới hơn đệ tam quốc tế mà tôi theo từ thời ái hữu, nghiệp đoàn rồi thanh niên phản đế, bây giờ là mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh, nghe có sự tin cậy và quyết tâm. Nguyễn Khắc Dực cũng như tôi, nhưng nó lại mê cái cách mạng thường trực của tờ-rốt-kít. Cho đến kháng chiến, cũng không gặp lại. Nghe nói Nguyễn Tế Mỹ bị thủ tiêu ở Thanh Hà và Dực bị bắt ở Sơn Tây. Rồi đích xác thế, tôi còn biết Dực bị giam cùng với Nguyễn Hoạt trên khu du kích vùng núi Ba Vì của tỉnh Sơn Tây. Tôi biết như vậy cũng vì Nguyễn Hoạt. Nguyễn Hoạt người làng Đông trên Bưởi. Tôi quen Nguyễn Hoạt ở làng Đông hay Doãn Quốc Sỹ dưới Cót, những đứa trạc tuổi, cùng vùng và có chút chữ nghĩa. Làng Đông có mấy thằng cùng tôi, Hòa, Uẩn với

Hoạt. Hòa và Uẩn học với tôi trường Yên Thái. Rồi sau Hòa làm lý trưởng, gọi là Lý Hòa. Uẩn thì đi lính không nghề Ons sang Tây. Ấy thế mà năm 1952, trên mặt trận Tây Bắc, tôi trông thấy thằng Uẩn mặc bộ đội đứng ăn cơm tập thể đổi đầu đũa dưới nhà bếp địa phương quân tỉnh Sơn La. Tôi không tin mắt tôi. Tôi hỏi, anh em bảo đấy là đồng chí Đông, sắp lên quân chủ lực. Lúc kháng chiến, ta hay đổi tên, gọi là bí danh, nhưng Đông, làng Đông thì đích thằng Uẩn rồi. Tôi chưa kịp gặp, Uẩn đã lẩn đâu mất. Chắc nó đã trông thấy tôi. Không hiểu sao nó lại lánh mặt. Còn Nguyễn Hoạt tôi quen khi tôi đã ra học trường tiểu học Yên Phụ. Nguyễn Hoạt học trường Bưởi, cấp trung học hơn trường tôi. Nó gầy còm nhom, hay bị trẻ con làng Thụy, làng Hồ bắt nạt, đón đánh mỗi khi đi học qua. Trong cặp tôi đã trữ săn đá đường tàu điện, gạch củ đậu để ném chó, ném sấu và phòng nện nhau. Tôi đã mấy lần cứu thằng Hoạt, tôi đánh bọn làng Thụy, làng Hồ chó cậy gần nhà bắt nạt Hoạt. Thế là chúng tôi thành bạn. Rồi bẵng đi đến 1945, tôi được tin Nguyễn Hoạt giữ chức "tỉnh chính phủ Quốc Dân đảng" dưới Nam Định. Khi đó, tỉnh nào có quân Tàu Tưởng đóng thì ở đấy có trụ sở Quốc dân đảng Việt Nam núp bóng treo cờ Tàu có hình mặt trăng mà chúng tôi gọi là cái cờ "ru-líp" xe đạp. Đến kháng chiến, Hoạt bị tù.

Nguyễn Hoạt và Nguyễn Khắc Dực đều bị bắt ở Sơn Tây. Nói là phải tù, nhưng đều làm

công tác - Nguyễn Khắc Dực kể với tôi: "Chúng tớ công tác địch vận. Viết và in đá lăn tay truyền đơn chữ Pháp cho bộ đội vận động lính Âu Phi. Có đến hơn ba năm di chuyển quanh quẩn trong chiến khu Ba Vì. Rồi hai đứa được thả."

Mỗi người đi mỗi nơi. Nguyễn Hoạt "dinh tê" vào Hà Nội. Nguyễn Khắc Dực tìm lên cơ quan văn nghệ kháng chiến. Ở tận vùng hậu địch khu hai, khu ba, lần mò thế nào, không biết ròng rã bao nhiêu lâu mà Dực tìm được, tới được nơi chúng tôi đóng cơ quan quãng cây số 7 trong chân núi Là đường Tuyên Quang - Hà Giang. Thế là Nguyễn Khắc Dực ở với chúng tôi. Dực lặng lẽ, nghiêm nghị, chẳng còn hung hăng cách mạng lung tung kỳ củng như xưa nữa. Có lẽ cũng chỉ có tôi biết cái thuở bát nháo ấy của Dực, chứ Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Ngô Quang Châu, Nguyễn Văn Mãi chẳng biết đâu và tôi cũng không nói lại với ai là thằng Dực phản động và ở tù ra. Nguyễn Khắc Dực tham gia phát động giảm tô ở Thái Nguyên, viết kịch Con bò quả thực được giải khuyến khích của Hội Văn nghệ Việt Nam, năm ấy đặt ra giải thưởng văn học đầu tiên. Dực hăng hái và nền nếp chẳng khác chúng tôi. Đời người ta ai ngang bằng sổ ngay biết trước bao giờ - ngẫm ra thế. Nguyễn Khắc Dực không viết báo Nhân Văn. Không làm đặc san Giai Phẩm. Cũng như nhiều anh chỉ mới có tên quảng cáo tác phẩm ở bìa 4 sách Nhà xuất bản Minh Đức "sẽ in, sẽ ra" cũng bị liệt vào cái bị ấy cả. Nhưng Nguyễn Khắc Dực

thì không, dù các anh kia thì cũng ở một cơ quan, hàng ngày gặp. Thế mà Nguyên Khắc Dực cũng chả chơi, Dực tu tỉnh và biết mình. Cái vạ xảy ra ở trên trời rơi xuống. Bỗng dưng Nguyễn Khắc Dực nhận được cái thư của Nguyễn Hoạt từ Lào gửi về. Không biết Nguyễn Hoạt ở Sài Gòn sang Lào hay nó ở Sài Gòn nhờ người bên Lào gửi hộ. Hồi đó thư từ Bắc Nam không mấy ai viết vài chữ gửi đường bưu thiếp theo hiệp định Giơ Ne. Người ta hay nhờ người quen ở nước ngoài chuyển. Tôi cũng thường có thư cho chị Tư tôi ở miền Nam. Thư sang Pháp, cô Thu Trang ở Pari gửi tiếp cho về Sài Gòn. Tôi không được đọc cái thư của Nguyễn Hoạt viết cho Nguyễn Khắc Dực. Nhưng nhiều người đã được đọc, hay là, chỉ được nghe nói lại rồi thêm râu ria vào thì đúng hơn. Nhưng đã nhiều người biết, có khi cũng bởi Nguyễn Khắc Dực đã khoe chăng. Cu cậu cũng thú vị chứ, các ông viết lách là chúa trống mồm, hay bốc.

Cái thư của "phía bên kia" của địch, giao thiệp với địch sờ sờ ra đấy, lôi thôi hơn biết bao nhiêu những phóng sự Xiếc khỉ của Quang Dũng hay bài ký tả chuyện mất xe đạp trước cửa hàng nhà mậu của Thanh Châu mà lúc ấy có tiếng xì xào. Thư của Nguyễn Hoạt kể anh ta đương tài danh nhất Sài Gòn và có tiếng ra thế giới, ký bút danh Hiếu Chân, đã viết báo lừng lẫy lại dịch đăng báo và in Liêu Trai Chí dị. Đi xe hơi có vệ sĩ hộ tống, đương vận động vào nghị viện (Khi chế độ Ngô Đình Diệm đổ,

Nguyễn Hoạt đã làm nghị sĩ trong Thượng nghị viện). Tôi không biết Nguyễn Khắc Dực đã bị kiểm điểm tóe khói hay thế nào. Dực đã về công tác Hội Sân khấu. Việc Nhân Văn Giai Phẩm đã qua lâu, nhưng việc này thì như vết chàm trên trán, không xóa được. Cho nên Nguyễn Khắc Dực không được đi thực tế như mọi người. Nhưng rồi có Vương Lan nhà viết kịch xung phong về giúp sân khấu vùng mỏ, Nguyễn Khắc Dực lại lên xuống xin cơ quan mấy lần mới được đi Hồng Quảng, công tác biệt phái đề tài công nhân. Đi vào các đề tài sáng tác, chuyện tự nhiên với chúng tôi, nhưng đã bị mấy phen vấp váp, đến lần tai bay vạ gió này thì quá rồi. Xuống vùng mỏ, Nguyễn Khắc Dực đã đi hẳn vào núi, viết về người Dao quần ống chẹt. Một lần, Nguyễn Khắc Dực về Hà Nội tìm tôi, khoe: Cái kịch dài viết về dân tộc Dao của Nguyễn Khắc Dực sắp được diễn ở thị xã Hòn Gai - tôi không nhớ tên vở kịch. Dực rủ tôi xuống xem. Nhưng tôi không cố gắng đi được. Bẵng đi, nghe tin Dực ốm rồi qua đời. Còn các thằng Hiếu Chân Nguyễn Hoạt làm báo Tự Do ở Sài Gòn, đã viết cái thư giết Nguyễn Khắc Dực kia, tôi được biết nó ở lại Sài Gòn. Có lẽ cũng không ai buồn xách cái tã ấy đi di tản. Thằng Điều bạn người làng tôi ở Sài Gòn lâu năm, Điều kể gặp Nguyễn Hoạt hỏi nó có muốn gặp Tô Hoài không. Nguyễn Hoạt lắc đầu. Ít lâu sau, nghe tin nó chết bệnh. Các văn nghệ sĩ ở Việt Bắc, ở khu Năm, ở Nam Bộ ra đều đã quen các đợt công tác

thực tế trong kháng chiến. Cái dễ và cái khó nhất là đối với người đương ở Hà Nội bấy giờ. Chưa mỗi chốc đã vào làm việc một cơ quan nào, nhưng được bảo đi thực tế, là dấu hiệu được tin cậy.

Chị Mộng Sơn bảo:

- Tôi xuống lao động nhà máy dệt Nam Định.

Tôi thật tình nói:

- Chị đã quen thuộc thành phố, chị nên...

Mộng Sơn ngắt lời ngay:

- Anh cho là tôi không được đi với công nhân à?

- Không, không... Vâng, vâng... chị đi nhà máy... nhà máy...

Ở Nam Định về, mấy tháng sau ở tổ sáng tác, chị không nhờ tôi đọc bản thảo, cũng không cho tôi những quyển sách của chị mới in, như năm trước chị và anh Uyển Diễm đã tặng tôi sách Nhà xuất bản Vỡ Đất của anh chị. Chị cho là tôi thành kiến khả năng sáng tác về công nhân của chị.

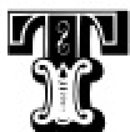
Với Hồ Dzếnh thì gọn việc. Tính anh cẩn thận, chu đáo, tính toán, người nhà vào nằm bệnh viện Bạch Mai, anh đi chăm nom, lại xin cái giấy giới thiệu viết bài báo về bệnh viện. Anh bảo anh thích đi thực tế, nhưng anh bận việc gia đình, nhà có cháu nhỏ, anh đề nghị đi nhà máy xe lửa Gia Lâm, vừa thâm nhập thẳng vào giai cấp công nhân lại tiện đi về gần nhà. Nhiều người thiết tha đi, phụ cấp tiền chỉ cái

hương cái hoa. Ở nhà máy xe lửa Gia Lâm, Hồ Dzếnh làm với tổ sơn toa tàu, được trả tiền công khoán cẩn thận - Hồ Dzếnh bảo tôi thế, tôi cũng lây cái ham thích của anh. Hồi ấy, anh cho tôi những tập thơ Rừng phong của Vũ Hoàng Chương Nhà xuất bản Đông Phương của anh in 1953 và tập thơ thiếu nhi Mấy vần tươi sáng của Trần Trung Phương. Anh nói: "Tôi tặng sách, nhưng tôi không phải người quị lụy đâu nhé". Tôi hiểu câu anh nói. Trước kia, tôi cũng chỉ biết, không quen Hồ Dzếnh. Khi ấy, anh đã thôi đứng bán hàng tơ lụa cho Thượng Hải thương điếm, nhà Phan Thái Thành ở Hàng Ngang. Anh đi sửa mo-rát, trông nom nhà in Á Châu xuất bản cục, phố Emin Nôly - đường Châu Long bây giờ, chủ nhà in và xuất bản Nguyễn Bá Dĩnh mượn anh, nhưng Dĩnh cũng là bạn anh. Tập truyện ngắn Chân trời cũ của anh in ở đấy. Những hôm cạn tiền đi uống, đi ả đào, Vũ Trọng Can và tôi đứng đầu phố đợi Nguyễn Bính vào nhà in Á Châu đả tiền Hồ Dzếnh. Anh thường cho chúng tôi tiền, nhưng cũng như Trúc Đường trong Ngũ Xã, anh không kéo lũ đi đàn đúm với chúng tôi. Ý tứ Hồ Dzếnh là "tôi tặng anh sách, nhưng tôi không cầu cạnh anh đâu".

Nhiều anh em viết trước 1945 ở Việt Bắc về, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Kim Lân... gặp lại người quen, nhưng cũng mỗi anh một cách. Nguyên Hồng chỉ chăm chú quanh tuần báo Văn không gặp lại ai. Nguyễn Tuân gặp Đoàn Phú

Tứ ở ngã tư Bà Triệu. Vẫy xe đạp Nguyễn Tuân, Đoàn Phú Tứ nửa đùa nửa thật nói: “Moa là đại biểu Quốc hội đấy nhé”. Trước kia, Đoàn Phú Tứ là đại biểu Quốc hội Nam Định thật. Nguyễn Tuân không bắt tay, đi thẳng.

CHƯƠNG 2



ôi thì giao thiệp với các bạn vì công tác cụ thể, và cũng vì tôi có những quen thuộc ngóc ngách hơn. Dễ thường chỉ tôi biết bút danh Sửu (Nguyễn Ngọc) trước kia có sách cho thiếu nhi loại Hoa Mai Nhà xuất bản Cộng Lực của Bùi Xuân Tuy, có ông phụ trách biên tập Lê Roãn Riệu - cái tên lạ quá, nên cứ nhớ, đã sáng kiến vẽ huy hiệu cái thừng ở bìa sách, mà chúng tôi thường đùa là cái thừng trói người viết vào người xuất bản. Thy Ngọc làm biên tập Nhà xuất bản Kim Đồng, một thời gian bị chuyển sang làm mi và vẽ, cái cơ quan "quyền rơm" của chúng tôi chẳng giúp được gì. Nguyễn Minh Lang học xong Đại học Nhân dân rồi đi dạy học, chúng tôi xin về làm báo, sở giáo dục thành phố không cho, cũng chịu. Chánh văn phòng Vĩnh Mai đưa các anh Thanh Châu, Hữu Loan, Quang Dũng ở Thanh Hóa ra vào biên chế báo thì được, vì các anh ở vùng kháng chiến, nhưng cũng như mọi người ai mới vào biên chế, phải đứng ở lương biên tập hạng khởi điểm. Hồ Dzếnh đã dịch và in một tiểu thuyết Nhật cho Nhà xuất bản Thanh Niên. Nhà xuất bản muốn nhận Hồ Dzếnh vào làm. Những cơ quan có trách nhiệm xem xét thấy có thời gian Hồ

Dzếnh làm đại diện bên Nhật của báo Thần Chung ở Sài Gòn. Mọi việc báo và xuất bản của các cơ quan khác, chẳng mảy may bận đến hội, nhưng đến lúc có trắc trở thì bù nhìn chúng tôi được khiêng ra trả lời. Tôi có đọc một bài báo Trần Thanh Địch viết về Hồ Dzếnh có câu trách hội cái sự này. Và Hồ Dzếnh sau đó, đi đường gặp tôi, coi như không nhìn thấy. Cũng như Ngọc Giao đã dự Đại hội thành lập Hội Nhà văn Việt Nam 1957, nhưng đến khi Đại hội Văn học nghệ thuật toàn quốc, Ngọc Giao không được mời thì cũng không phải do Hội Nhà văn cứng rắn đến thế. Trong kháng chiến, trên tạp chí Văn Nghệ in ở Việt Bắc, tôi đã đăng một bài đánh tiểu thuyết Mưa thu viết chửi cộng sản của Ngọc Giao in ở Hà Nội. Đến năm gặp lại, Ngọc Giao bắt tay tôi, thủ thỉ: “Một đòn rất tốt, rất tốt”. Anh lại đã viết báo lời sám hối về tiểu thuyết đó và kể lại ơn tôi về bài phê bình Mưa thu của anh. Nhưng không được dự Đại hội Văn nghệ, Ngọc Giao gửi cho tôi mấy câu thơ chửi mỉa mai, cay cú. Biết làm thế nào, những “vạ đá” này. Bây giờ cũng ra những chuyện ngày xưa cả rồi.

Nhưng Sao Mai đi thực tế thì khác, có thể là một thiên tiểu thuyết tự truyện kỳ tình, xã hội, bi hài. Tôi biết tiếng Sao Mai qua mấy mẩu truyện cực ngắn trên tạp chí Văn nghệ in một kỳ: Uất, Căm, Đi, Đổi mà Nguyễn Huy Tưởng khen rất hay, đã chọn được trong những bài dưới khu Ba gửi lên và in tạp chí. Đi thực tế

người ta đi khắp nơi, Sao Mai xin về làng quê vợ vùng đồng chiêm Nam Định. Vừa tự nguyện, lại tự giải quyết mọi mặt, nhẹ nhàng quá. Sao Mai viết khỏe, đã in ngay phóng sự Trại di cư Pagot Hải Phòng - đến lúc tiểu thuyết Thôn Bàu thắc mắc ra thì "có vấn đề" mà lúc ấy Sao Mai không muốn nhắc đến nữa, nhưng tôi chắc anh này về làng, thế nào cũng viết được cái gì đây, tôi tin khả năng Sao Mai.

Một hôm chúng tôi với họa sĩ Phạm Khanh ăn chả cá ở nhà hàng Sơn Hải - có họ hay quen thế nào với Sao Mai. Trong lúc nhấm nháp, Sao Mai làm vẻ đùa nghiêm: "Báo cáo anh, tôi đi thực tế thành công rồi". Tôi còn chưa hiểu thế nào, Sao Mai đã cười khà khà: "Ở lại thì phải sạch sẽ chứ. Tôi cắt được cái nợ, tôi đã cai được". Mới hay Sao Mai vừa cai nghiện. Sao Mai đã chữa bằng một liều thuốc dân gian, mạnh và dữ, phải có nghị lực mới cai được. Sao Mai đã nhịn hút. Cái năm 1945, Nguyễn Tuân cũng đã cai. Khi cảm thấy cồn cào nhớ bữa, Nguyễn Tuân ra đầu ô, làm mấy chén rượu, nằm kềnh cang lơ mơ một lúc, rồi về. Cơn nghiện biến, không đến hành nữa. Sao Mai có yếu hơn anh chàng phải cố nhịn, mặc cho cơn nghiền vật dựng người dậy. Cứ thế đến đứt cơn, rồi hết cơn, rồi quên. Tôi hỏi thế anh có phải rượu kềnh cang như bác Nguyễn không? Sao Mai cười không ra tiếng. Sau này mới biết anh chàng còn uống thuốc tình tang hẳn hoi, không phải chỉ rượu mà bằng mấy bác Nguyễn ấy. Bài

thuốc cai của Sao Mai có gia giảm cả vị phụ nữ. Anh không kể cho chúng tôi biết. Anh nói lảng chuyện “Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng cũng không muốn đi đâu. Nhưng các bố sợ các ông về thì rồi ngoài này không có thuốc.”

Sao Mai đã khỏe, rắn rỏi, trở lên Hà Nội với vợ con và nhà được thêm khẩu bồng bế theo cả dì hai nó. Anh khéo thu xếp phòng nhất phòng nhì, sở gốc thì cạnh nhà thờ Tin Lành bên nhà hát thành phố, sở mới ngoài Thanh Trì. Sao Mai đương viết về anh hùng nông nghiệp Đỗ Tiến Hảo ở đấy. Vừa tiện, lại có chỗ bấu víu hờ. Tôi đã được đọc cái bản thảo người thật việc thật ấy cho Nhà xuất bản Thanh Niên, có đến ba trăm trang viết. Nhưng rồi ông anh hùng này đổ vì cái tật hay léng phéng. Ông Hảo đã đến trường Nguyễn Ái Quốc nói chuyện về nghề nông, khóa tôi học. Ông nói hay lắm. Một năm tôi vào khu kinh tế mới của Hà Nội ở Lâm Đồng, ông Hảo bây giờ đã hết anh hùng rồi lại đã có phòng nhì mới đem vào, đương đào ao thả cá. Chén bữa cá ao nhà ngon tố hảo. Vừa đây, tôi lại có dịp qua huyện Lâm Hà hỏi thăm thấy bảo rồi lục đục thế nào, Hảo trở ra Thanh Trì đã lâu. Có lẽ lão cũng đã trên dưới bảy mươi rồi mà cứ chạy loạn trong nhà đến nhược người, thật khổ thân. Sao Mai thì thao tác tinh thông hơn Đỗ Tiến Hảo một cái đầu. Thành phố đương vận động người đi kinh tế mới. Thế là bầu đoàn thê tử kéo nhau lên vùng đồi núi Phú Thọ và trụ lại tới bây giờ. Sao Mai đã được cử về đi khắp các

huyện ngoại thành Hà Nội, báo cáo điển hình thành công gia đình đi kinh tế mới. Quê mới ở làng đồi Văn Luông, cả một vùng rừng đồi Thanh Sơn, Đồn Vàng đã thuộc làu rồi. Cái hay đã nảy ra từ cái bối rối "thôi thì lôi nhau lên rừng, có đánh chém nhau ở xó xỉnh ấy thì cứ việc". Cái hôm chè chén ở quán chả cá Sơn Hải, anh đương đợt, hay vừa xong báo cáo thành tích đi kinh tế mới của nhà anh cho bà con các làng ngoại thành.

Chốc đã ra quá nửa đời người. Nhưng mà vất vả rồi dần dà lại ăn về hậu vận, kể cả cái hoạn nạn long đong họ Tân bên Tàu, ông Tân Khải Minh Sao Mai cũng vượt được. Sao Mai trong hoàn cảnh nào thì việc viết với anh cũng như một đòi hỏi. Bận đến mấy Sao Mai cũng cầm bút. Cái nghề chân chính đã là quả phúc của ông. Đến lúc trời mở cửa, trời vẫn thấy ông cầm bút, rồi được tỉnh Vĩnh Phú để mắt đến, anh em kiệu ông ra làm một chân phụ trách văn nghệ tỉnh. Năm trước, tôi gặp ở thành phố Việt Trì. Sao Mai cười lấp lánh mắt, lại bốc, bốc thật chứ không phải bốc phét: "Này ông, ở Văn Luông ấy mà, nhà vườn của các con các cháu Sao Mai bây giờ san sát liền một vệt năm bảy quả đồi chứ chẳng vừa". Tôi mừng bạn một câu rằng: Nhớ đến cái đận ông về dự trại sáng tác ở Quảng Bá, thợ mộc theo về ăn đợi nằm chờ ông vay tiền ứng sáng tác để trả công làm nhà thì tôi thật phục cái gan, cái trí của ông. Tôi lại khoái ông có máu đa tình mà lại chung thủy, léng téng

với ai rồi cũng lấy người ta. Nghe nói ông mới có phòng mới. Ông lại bán cái đất có thật để ra xây tổ uyên ương trên cành lau ở bờ sông Thao.

Thôi ta trở lại cái hôm chả cá Sơn Hải thời kỳ ấy, uống rồi thì chuyện tử tế bỗng đâm sang nói nhảm. Phạm Khanh nói nhảm đê mê đến ghê người, sởn gai ốc. Nhưng lúc nói đứng đắn thì Phạm Khanh khẩn khoản: "Ghi tên tôi vào danh sách đi thực tế, có lao động cải tạo mới nên con người, đi đâu cũng được". "Anh đề nghị với Hội Mỹ thuật. Chắc cũng dễ. Tôi sẽ nói thêm với các anh ấy". Rồi Phạm Khanh lên Lạng Sơn làm đường sắt. Lại thấy nói đến năm về, họa sĩ hàng ngày ngồi thiền và tập yoga. Một hôm đến miếng trồng cây chuối ngược, cây chuối đổ rơi từ sân gác thượng xuống. Cũng có người thì thào: Anh ấy tự vẫn! Không biết thế nào.

Thanh Đình đã đứng tuổi, người thấp bé, nói láu táu, hôm nào cũng đến đòi đi thực tế. Thanh Đình là tay viết truyện kiếm hiệp ba xu Người nhạn trắng từ thời tôi còn học lớp bét, lớp ba đương mê những Dao bay, Mắt thần của Trường Xuân và Người cá voi của Văn Tuyền Phạm Cao Củng. Những loại truyện ba xu này không được coi là văn học. Vả lại, Thanh Đình bỏ viết đã lâu lắm. Hôm nào anh cũng đứng trước cửa Nhà xuất bản Văn Học. Gặp tôi, anh bảo: "Tôi có công tác, đợi anh Thạc". Thạc là tên cúng cơm của Như Phong, đương làm giám đốc Nhà xuất bản này. Thạc và Thanh Đình là bạn học tiểu học trường Cửa Đông. Thấy Đoàn

Phú Tứ đến tìm Như Phong đưa bản thảo dịch kịch Ipsen, Thanh Đình nói: “Tao vào thằng Thạc, tao với thằng Thạc là bạn nối khố cùng lớp, tao đương viết cho nó một cái trường thiên tiểu thuyết roman neuve!”. Nhưng rồi anh ấy cũng không năn nỉ đòi đi nữa. Buổi chiều, tôi uống bia hơi cửa hàng ngã tư Bà Triệu-Trần Nhân Tông, thấy anh xách cái làn to bước vào. Anh bắt tay tôi chặt. Anh không uống bia, cũng không trò chuyện sáng tác. Anh đi bỏ mối bánh đậu, kẹo lạc cho các hàng nước. Bí nhất cái lần gặp Nguyễn Hoàng Quân. Quân còn trẻ, không thuộc lớp cầm bút trước kia. Ở trên rừng, đôi khi đọc báo Hà Nội, thấy thơ Nguyễn Hoàng Quân. Người sạm đen, tóc bù xù tổ quạ, mặt vuông gầy nhưng vóc người có thể lực lưỡng.

Anh tự giới thiệu:

- Thi sĩ Nguyễn Hoàng Quân.

- Chào anh Nguyễn Hoàng Quân.

- Tôi muốn được đi thực tế.

- Vâng, nhiều anh đã đi...

- Anh cho tôi biết các điều kiện đi thực tế...

- Anh có thể xuống lao động nhà máy hoặc...

Nguyễn Hoàng Quân mở to đôi mắt đờ đẫn:

- Đi làm cu li á? Tôi đã bảo với anh tôi thi sĩ...

Hình như tôi còn giải thích dài dòng đi nhà máy, đi nông thôn thế nào đấy, nhưng rồi Nguyễn Hoàng Quân đứng dậy, đi ra. Cái dáng bước kiêu căng khuệnh khoạng, cái bóng vía thi

sĩ kiểu ốp đồng thế, làm thế nào nói cho anh ấy nghe ra được. Nhưng Nguyễn Hoàng Quân không trở lại nữa. Tôi có ý tiếc anh còn ít tuổi, vẻ khỏe mạnh. Nhà anh ở trên gác bên cửa rạp chiếu bóng Hàng Chiếu, cạnh cái ngõ nách vào chợ Đồng Xuân được tiếng các gánh bún ốc, phở chua và chè sen, lúc nào cũng bề bộn người ngồi. Một lần tôi đến, lên hết thang thấy các cửa đều đóng khóa trái. Xuống hỏi thăm bà hàng nước ở gốc nhội vỉa hè, bà ấy nói:

"Anh ấy chết mấy tháng nay rồi, ông không biết à?"

Tôi ngỡ chẳng rõ Nguyễn Hoàng Quân chết thật hay là vì cứ huênh hoang và to tiếng cãi nhau với xóm giềng, người ta rủa thế.

Người đi thực tế không ai giống ai, lại nỗi những tin bối rối xa gần về. Ca sĩ Ái Loan lội bùn chết bệnh uốn ván ở Phủ Lý. Có người ở Hòn Gai lên kiện Nguyễn Hải Trừng. Anh đã lấy vợ ở vùng than. Khi địa phương làm điều tra dân số, anh đi khai giấu nhưng đã lộ ra có vợ trong Nam, có con ra tập kết và anh đã rút tuổi thật xuống gần nửa, hôm làm giấy giá thú. Người nhà nọ cốt báo cho cơ quan biết thôi, không kiện tụng và đòi hỏi gì, cô nạn nhân ấy đã ra tòa ly dị được rồi. Cũng lại anh ấy về sau sơ tán bom Mỹ vào Mỹ Đức, anh "nhảy dù" tai tiếng ầm làng, rồi về Hà Nội lại lấy vợ, khi hòa bình lập lại bà ấy ra tòa xin tiêu hôn, tôi lại phải thay mặt cơ quan đi chứng kiến. Lôi thôi quá.

Mỗi ngày loạn xạ một thứ việc, nhưng tôi lo

đã ngớt, tôi sửa soạn đi Thái Bình. Tôi sắm sổ tay, theo thói quen mỗi chuyến đi và mấy quyển sách đọc: Bàn về thực tiễn và Lời nói đầu sách Điều tra nông thôn của Mao Trạch Đông. Bài của Võ Nguyên Giáp tôi đã nghe mấy buổi ở câu lạc bộ quân đội Kết hợp lý luận với thực tiễn trong cuộc cách mạng ruộng đất ở nước ta, nói về cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức và sửa sai. Những bài cắt ở báo của Minh Nghĩa (Trần Quang Huy) phân tích sai lầm cải cách ruộng đất. Tôi ghi trên đầu sổ tay của chuyến đi một câu không biết lấy được ở sách nào: Chân lý là quá trình (Lê Nin). Và đem theo quyển phóng sự để đọc lại Tan rã (Kaputt, của C. Malaparte một phóng viên Ý trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, có chương viết về cuộc tàn sát Do Thái ở thành phố Vacsôvi bị chiếm và các trận tuyến phía quân Đức và Ý).

Bấy giờ ở Trung Quốc đã nổ ra cuộc đấu tranh Trăm hoa đua nở trong văn nghệ, mà sau đấy Đinh Linh, Phùng Tuyết Phong đã phải đi lao động cải tạo trồng kê, đào củ cải ở vùng quê nào. Nhưng chưa phải đảo lộn dữ dội như Cách mạng văn hóa mấy năm sau. Còn chúng tôi đi thực tế thì khác, chúng tôi bấy giờ đi với ý nghĩa rằng đất nước đã sang giai đoạn mới, phải lao vào mà bắt kịp tầm nhìn. Mặc dầu tôi đã đi làm cải cách ruộng đất và công tác sửa sai mà khi trở về xảy ra việc Nhân Văn, cái nghĩ và làm của tôi vẫn chất chưởng, tôi cũng không cắt nghĩa được. Sự tự ti nặng nề bấy giờ đã làm tiêu

tan cả suy nghĩ và nghị lực, lắm điều đã biết, đã nghiên cứu hẳn hoi, thế mà nghe nói lại, đọc lại cứ thấy như mới, như chưa tỏ tường bao giờ. Tự nguyện hay không, tôi thấy tôi phải đi mới giải quyết được bế tắc cho mình.

Tôi đáp tàu thủy xuống Thái Bình. Ở bến Phà Đen tàu xuôi khi chưa rạng sáng, cho đến lúc trông ra thấy mặt sông Cái đỏ ngầu mênh mang giữa hai bờ thấp thoáng chân đê, lũy tre, bãi ngô, làng xóm. Những bụi chuối xơ xác vàng rượi, những ruộng mới vỡ, những lò gạch - bóng con bò và người cày trên bãi hiện ra gầy cao cao. Mới đi một lúc mà thành phố và mọi công việc tôi như đã bỏ lại ở đẩu ở đâu rồi. Cái tàu thủy "màn xế" đỗ từng bến với người các vùng dọc sông quen thuộc đã lâu đời. Người xuống khoang ngồi ràn rạt đầy các hàng ghế, nhà tàu mới đi đếm đầu phát vé. Năm 1958 đã khác trước, làng xóm vào tổ đổi công, đương lên hợp tác xã. Chuyến tàu Trung Hưng, tôi đi ngót một ngày về đến Cầu Bo, người lên xuống các bến nơi nào thì đoán ra quang cảnh ấy. Một bà chít khăn vuông hoa choạc ngón tay chùi mép quết trầu, nói: "Ối dà, chính phủ đương thu người các nơi về làm ruộng, làng nào cũng đông ơi là đông. Bây giờ mới ra cái thời nhất nông nhì sĩ, các ông ạ".

Nhưng bà ấy thì đương chạy chợ, buôn chuyến. Những khiêng củ nâu không biết từ bến đường ngược nào xuôi về. Bà xuống các chợ Thái lùng mua cau. Đến vùng mía Trình Xuyên

thì nhiều quang gánh buôn mật lên bến.

Nhộn nhịp khắp nơi, chẳng phải chỉ có một cảnh người về làng trong tiếng “ối dà” câu nói lộn lưỡi của mấy mụ hàng chợ. Tôi nghỉ lại thị xã, trọ hàng cơm trên bến Cầu Bo. Tôi đạp xe lên đầu tỉnh qua phố chính Guyn Pickê ngày trước. Hai bên đường cỏ tranh cao ngập đầu. Bao nhiêu năm đã qua, cái trường tiểu học ông giáo Nguyễn Công Hoan dạy ở chỗ nào? Cái bến ô tô Thái Bình-Nam Định-Hà Nội mà ông lang Dương làng tôi đã từng đứng đầu du côn tranh khách cho hãng ô tô Mỹ Lâm con thỏ, chẳng nhận ra đâu nữa. Đầu phố huyện Vũ Tiên, nhà hát bà ký Đường, Nguyễn Khắc Mẫn đã viết truyện ngắn Bà ký Đường đăng tuần báo Ngày nay, có đêm ông lang Dương đã dẫn chúng tôi vào hát. Chỉ còn trong tưởng tượng. Giữa bãi hoang loáng thoáng những vườn dâu.

Hôm sau, đi Thái Ninh sớm. Cái xóm tôi đến là xóm Đồng. Về quê, chỉ những cái tên cũng đã mường tượng được lai lịch làng xóm. Không phải như bây giờ nhà cửa cứ mọc loang ra khắp nơi. Những cái tên ngày ấy đã chỉ ra gốc gác. Xóm Đồng, xóm Trại, xóm Mới, xóm Ao... là những nơi ở mới bên lũy tre rìa làng, bọc quanh các xóm Trung, xóm Giữa, xóm Đình sầm uất của các nhà có máu mặt, các nhà chức việc. Xóm trong lũy, ngoài lũy là nhà thiên hạ đến ngụ cư, nhà mõ, hay là nhà đông người phải san ra, dần dần nhiều năm mới ấm chỗ, có khói bếp, cây cau, cây rơm và đường cứt trâu.

Đứng trên đê trông xuống mênh mông - cả tỉnh Thái Bình đều bốn phía chân trời, không nhấp nhô gò đống, không một chấm núi. Chỉ rợn lên những cánh đồng, những con đê, những bờ tre. Con sông Diêm lừ đừ phẳng lặng. Cái chợ họp hôm họp mai chốc lát đầu bến cũng gọi là chợ Phố, có lẽ vì cũng có lò rèn, lò may, quán nước. Chốc chốc lại đi qua một bọn các cô, ống quần gấu váy túm lên tận bẹn, cặp đùi đen nhánh tròn như cái chĩnh. Đoàn người vác những cái dặm xuống chuôm sâu. Ở đồng đất này, đàn bà đi đặt lờ cá, đánh te, cày bừa chẳng khác đàn ông. Gặp khi một bọn đi dưới đồng lên các cô cứ nồng nỗng trần truồng ở đầu cống Bắc thì đàn ông cũng không dám bén mảng qua.

Những đồng cao đương làm màu, khoanh bờ cuốc đi cuốc lại, cắm dây khoai. Người ngâm mình dưới đìa nước vác bùn lên úp vào đầu bờ. Nhưng không phải đắp cho khoai mà đánh đống phơi ải để ít nữa tãi xuống ruộng mạ. Mấy hôm sau, được biết mỗi xã viên đương phải quảy ngày năm mươi gánh bùn. Phùng Quán đã đi làm được mấy buổi, mỗi hôm xong gánh bùn khoán lại vớt lá trang, cỏ năn, rong nước về ủ cái hố phân xanh của chúng tôi.

Cống Trà Linh ngăn mặn, làng xóm và cánh đồng bên kia lợ nước ra tận biển, đến mùa nước, những con rươi hiếm hoi vẫn nổi từng đám. Đường ngoằn ngoèo xuống Diêm Điền có đến mười mấy cây số ngập trong cỏ. Người sang đò về bên Thụy Anh, trong bóng chiều chỉ nghe

ánh ỏi, lao xao như tiếng chim chích chòe chặp tối hót về tổ.

Vào xóm càng rõ ra cái xóm trại còn tạm bợ. Nhà nhà đều tường đất, những hốc khoét vào trong tường đựng mọi thứ, cái điếu cày, bó đóm, nắm giẻ rách, rổ đậu đãi, niêu tép kho. Cái bùi nhùi rơm lấy dưới bếp lên, tiếng thổi lửa phù phù. Đâu mà có giẻ rách làm nòm, ở xó xỉnh này cái giẻ cũng được khối việc khác. Một người vục cái bát đàn vào vại nước, vừa uống vừa nhìn ra xem ai lạ vào xóm. Cái xe đạp của tôi phát ra tiếng kêu tách tách cũng kéo được mấy đứa trẻ tò mò chạy ra, trong đám có Hoàng Trung Thông lực lưỡng cởi trần, râu rậm Trương Phi. Tôi hỏi:

- Cánh ta ở xóm này a?

- Rải rác các xóm ở ngoài này. Rách một tý, nhưng thoáng mát dễ chịu.

Tôi đùa:

- Lại ôn nghèo gợi khổ, bắt rễ xâu chuỗi à?

Thông cười:

- Không, thích nhà nào ở nhà ấy. Tôi đã chọn cho ông một nhà ít người, kề ruộng kề sông. Ông vào xem, không vừa ý thì đi nhà khác. Có rễ sẵn, rễ cái hẳn hoi.

Tôi nói:

- Có phải bắt rễ tôi cũng xong ngay. Cậu không nhớ tớ đã đội phó cải cách a?

Tôi đi cải cách ruộng đất, hai đợt ở Quảng Xương, ở Nông Cống rồi cả đội chuyển ra Hải Dương, đã dự hai kỳ tổng kết cả tháng trong

Hậu Hiền rồi ra Quỳnh Cơi ở Thái Bình này. Đến bây giờ vẫn như còn mê ngủ, chưa hết ngạc nhiên, ngơ ngẩn về đợt công tác dài hạn. Quê tôi, làng nghề thủ công, dệt lĩnh dệt lụa, làm giấy. Tôi không biết ước lượng được một miếng, một sào, một mẫu rộng hẹp thế nào. Thoạt nhìn, cây ngô cũng như cây mía, cây lau. Thế mà tôi đã dạy cho nông dân kể khổ, đấu địa chủ, rồi thống kê sào, mẫu, rồi cắm thẻ chia ruộng, thắc mắc gì cũng giải đáp được tuốt, anh đội phải quán triệt mà, cứ linh binh, tất bật cả lên.

CHƯƠNG 3



ghĩ lại giật mình vì sự bắt chước kỳ quặc. Cả nước ta bước vào trường kỳ kháng chiến, có nghĩa là ở đâu cũng có tổ chức của chính quyền, của đảng, được thế mới đánh nổi giặc ở Điện Biên Phủ chứ. Nhưng bây giờ đi làm cải cách về xã coi như không biết, không được phép biết, không chào hỏi không bắt tay - không mảy may giao thiệp với tổ chức sẵn có. Đội viên tôi một mình đeo ba lô lò mò vào xóm. Cứ đoán nhà nào xơ xác nhất thì vào "bắt rễ". Rễ ấy "xâu chuỗi" sang những nhà cố nông khác, cứ thế tôi lập nên trưởng thôn, chủ tịch, tổ đảng và chính quyền mới toanh. Người chỉ có miếng ruộng loại riêng ra mà chẳng có ruộng đất nhưng bị tố là có tội ác với nông dân thì cũng cùm ngay, gọi là tên cường hào cá biệt. Tài liệu từng chữ dạy thế, khu đoàn ủy Chu Văn Biên lên lớp dạy thế, lại nghe Trung ương Hồ Viết Thắng ngồi ô tô vôn ga đen mặc quần áo nâu về cắt nghĩa thế, "Nông dân là quân chủ lực", chúng tôi bắt đầu tự gọi chúng tôi là "quân ông Thắng". Ôi thôi kế hoạch công tác phăm phắp từng ngày, chỉ còn cách trí trá, nói dối mới sản ra các báo cáo kịp được. Hôm đầu đến Đồng Tiến ở Nông Cống, tôi lảng vảng một lượt qua xóm rồi vào liều một

nhà không có cổng ngõ - đến cái cổng ngõ cũng không có thì ăn chắc là cố nông rồi. Trời đã xẩm tối. Nhà chỉ có ba bố con, cởi trần. Thế là hay lắm. Đến lúc hỏi tỉ tê thì anh ấy nói người ta có cái số, số tôi nghèo, trước kia, cũng có mẫu ruộng hương hỏa, rồi bán dần. Tôi nghe mà rối ruột, thế là tại lười, tại không ăn nên làm ra, tại những gì gì nữa, anh này có bị địa chủ đè đầu cưỡi cổ không? Tôi hỏi, anh bảo: Không. Thế thì không phải bần cố rồi. Gà gáy, tôi đeo ba lô lủi tìm nhà khác, ba bố con còn ngủ ngáy kho kho.

Cái khi xuống Quảng Xương, nhớ lại vẫn còn hốt. Tôi tìm vào một nhà, cái ang đựng nước cũng làm bằng một mảnh trôn vại, nghèo quá. Đúng là rễ, mà rễ cái nữa. Thấy anh đội ba lô vào nhà mình, sướng tỉnh người, chập tối người chủ nhà cầm ở đâu về một bọc lá chuối.

- Cái gì thế?

- Cái dái trâu.

Rồi anh nói cho biết:

- Các xóm ngả trâu nhiều lắm, giết hết. Sợ bị lên địa chủ mà. Tôi bảo cho tôi cái này về thết anh, được ngay. Ấy nhờ oai anh mà tối nay nhà tôi mới được ngửi hơi thịt trâu.

Tôi cứ chạy đùng đùng, thằng Tào Tháo đuổi tôi cả đêm. May quanh bờ rào bãi hoang, bĩnh chỗ nào cũng được. Vào nằm rúm ró thở mà không dám rên.

Tôi bảo:

- Anh đi hái cho tôi mấy cái lá ổi, anh ơi!

- Để cho nó cầm à? Không nên đâu. Chốc nữa ăn cơm thì khắc khỏi.

Tôi lử lả, không còn hơi để hỏi tại sao ăn cơm lại khỏi tháo tỏng. Hãy còn tối đất, anh chủ nhà đem cái niêu mới bắc ở bếp xuống, tôi sờ tay thấy nóng, nhưng lại ram ráp như bột, không phải cơm.

Anh ấy nói:

- Đã lâu không biết mặt hạt gạo. Cám đấy. Nuốt cái này thì bụng cứng lại ngay, hết đi ỉa. Cố ăn một bát, anh ạ.

Cám thì như mạt cưa, mày gỗ, có lẽ cám đã hút tiệt phân lỏng trong bụng. Tôi hết đi ngoài. Ăn hai bữa cám, cả tuần không đi ra được, bụng réo òng ọc, rồi đau cuộn lên, nổi từng cục. Đến bây giờ trông nhà nào tuềnh toàng, không có bức vách, lại nhớ nhà anh ấy ở Quảng Xương, tôi còn trợn.

Tổ trưởng Hoàng Trung Thông cắt đặt cho tôi với Phùng Quán, hai người làm một nhóm. Quán ở nhà khác, thường ngày đến chỗ tôi, lúc ngủ, lúc ngồi chơi, lúc bới ra việc làm. Quán bảo tôi:

- Anh trông ông lão nhà anh ở có giống ông Phan Khôi không?

Tôi lạ vì cái so sánh của Quán. Một ông đù đờ mù chữ với một ông khinh khỉnh bụng một bồ chữ, giống thế nào được. Nhưng rồi tôi để ý thấy Quán nói đúng, mặt ông Ngải mai mái, không trắng, không sạm. Người suốt đời ở ngoài đồng áng mà da không bắt nắng. Cái nước

da nhờn nhợt ấy thì có giống ông Phan Khôi. Quán nhận xét tinh, nhưng chỉ bề ngoài Phan Khôi, tất nhiên. Về cái ngang ngạnh đốp chát của Phan Khôi thì chúa thần lằn, tôi đã nếm mùi. Mấy năm cùng ông một cơ quan, khi Phú Thọ, khi sang Thái Nguyên, khi trên Tuyên Quang. Còn non tuổi, tôi đã đọc Phan Khôi trên báo Phụ Nữ Tân văn, Phụ Nữ Thời đàm ở Sài Gòn, ở Hà Nội, tôi nhớ bài thơ dài in cả trang báo Chơi thuyền trên sông Tân Bình bài này nhớ được, hay hơn bài Tình già, mặc dầu bài viết thể thơ cũ.

Ông ký Phan Khôi, Chương Dân, có khi ký Thông Reo tôi cũng nhận ra. Văn ông khác thường. Kinh thánh cả Tân ước, Cựu ước của hội đạo Tin Lành, người ta bảo ông dịch thuê, khi ấy ở Hải Phòng, tôi cũng đã đọc. Có chương Nhã ca lời rất thơ, Phan Khôi lại có cái tiểu thuyết Trở vỏ lửa ra in trong Phổ thông Bán nguyệt san, Nhà xuất bản Tân Dân, nhưng viết nhạt đọc mãi mới hết, như gà ăn cám phải lắc cổ.

Tôi bảo Quán:

- Tôi thích lời Phan Khôi bình bài thơ Cái thước của Nguyễn Xuân Huy trên Phụ nữ Thời đàm. Nhưng sao không thấy in vào Chương Dân Thi Thoại. Có lẽ quyển này ra trước khi ông viết bài đó. Tôi hỏi, ông ý ngồi im không trả lời, chẳng ra khinh người, chẳng ra điếc. Tiểu thuyết Trở vỏ lửa rađọc chán bỏ xừ. Lý luận Phan Khôi chỉ thú vị lúc nào lời lẽ ngang như

cua. Nhưng giáp mặt ông, tôi chỉ nói tâng ông: Văn Phan Khôi ngang tàng. Ông ấy cũng lặng thinh, chẳng nói sao.

- Ông Phan Khôi còn coi ai ra gì! Ông ấy đánh giá tôi là thằng con nít. Ấy thế mà ông lại thích bài Lời mẹ dặn.

- Chắc vì bài thơ ấy cũng ngang như cua.

Chúng tôi cùng cười. Tôi kể:

- Mình đọc Phan Khôi nhiều đến thế từ thuở bé, ông phải khoái lắm chứ. Thế mà ông ấy đốp một câu:

"Tôi chưa xem bài nào của anh. Chẳng biết anh viết có ra cái gì. Nghe có người nói anh viết truyện con giun, con dế".

Chuyện với ông Phan Khôi khi nào cũng ngại, nhưng lại vui và thích được khích ra những cái ngang ngạnh. Ông tuổi tác, được trên trọng vọng, nhưng ngạo đời, chúng tôi ở liền phải phục dịch ông và hứng những cái khó chịu. Ở trên rừng, không có lĩnh lương tháng, ông chén tiểu táo - tiểu táo là chế độ cao cấp, còn chúng tôi ăn đại táo lại là hạng cơm ngữ với muối rang. Khi về Hà Nội ông được đãi tiêu chuẩn nhân sĩ, cả khi xảy ra Nhân Văn, ông có dính líu nhưng vẫn được hưởng thế, có người phục vụ là bà vợ bé của ông, cho đến khi ông mất. Các ông Nguyễn Công Hoan, Tú Mỡ, Hoàng Ngọc Phách còn khuya cũng chưa bằng. Cụ Ngô Tất Tố, cái khi bị ung thư gan đã nặng nằm nhà ở đồi Cháy trên Yên Thế còn ngậm ngùi vì chuyện ấy. Anh em xung quanh như tôi,

dưới mắt ông, chỉ là bọn để sai phái "những thơ lại của chế độ", ông dửng dưng như không. Ấy thế nhưng ông lại dễ chuyện các thứ tiếu lâm và có Yến Lan giúp việc thư ký giải thưởng hội Văn Nghệ, Yến Lan tính cẩn thận thì Phan Khôi cũng cẩn thận và chu đáo thế. Ông sốt sắng viết báo khi tôi hỏi móc ông những chuyện hiểm: "Có phải năm 1946, ông làm Trung ương ủy viên Quốc Dân Đảng", mặt ông vẫn lạnh lùng nhợt nhạt thế. Rồi lại những chuyện tiếu lâm. Tôi vẫn trêu:

- Ông Ngô Tất Tố kể là hồi làm báo ở Sài Gòn, ông hay tranh luận sinh sự, nhiều người ghét muốn lánh ông, cho nên ông đi đâu cũng phải xách theo cái ba toong.

Ông Phan Khôi được gãi vào chỗ khó chịu, cười khẩy:

- Ông Ngô là thằng lý Đình Dù ra tỉnh mới tưởng thế chớ. Tôi cầm cái gậy song nạm bạc, có đấy. Nhưng cầm ba toong đội mũ phớt là ăn chơi mốt Tây thời ấy chớ đâu ba toong để đánh nhau, để phòng thân. Đồ nhà quê!

Tôi ngẫm có thể ông Phan Khôi nói đúng. Tận sau này cái thời tôi hai mươi tuổi, ở trong làng đi chơi chúng tôi cũng nhung nhăng áo pigima xanh trứng sáo, viền tím, tay chống ba toong song, trong túi có cái đèn Đe mông hai, ba pin.

Vì cái câu Phùng Quán nói ông Ngải giống ông Phan Khôi mà lại lan man. Quả là Hoàng Trung Thông đưa đến nhà ông Ngải ở xóm

Đồng cạnh rìa lũy, thông thống ra ruộng, xuống đến lợi nước mới lơ thơ mấy bụi tre, bụi hóp be bờ phòng mùa lũ khỏi lở.

Ông Ngải lúi húi dưới cầu ao, đương mổ con vịt.

Thông nháy mắt nhìn tôi:

- Thế nào, ở được chứ? Ông chủ nhà giết vịt đón khách đấy.

Ông Ngải đã chùi tay vào mỏm cọc cầu ao rồi lên tựa lưng vào bụi tre. Quanh đấy, lỉnh kỉnh ống điếu cày, ấm nước, mấy mẩu gộc cây làm ghế cạnh cái bát đàn, như bàn uống nước ngồi chơi ngay bờ ao. Tôi mới để ý cái khóm tre lép. Nói đến tre, người ta tưởng lũy tre, khoanh tre chằng chịt, lởm chởm gai, trộm cướp và con lợn con gà không lách, không chui được. Chiều chiều, đàn cò bợ đi ăn về đậu ngất ngưởng trên ngọn.

Đêm gió bấc, những tay tre kẽo kẹt nghiến vào nhau.

Chẳng ai để mắt đến cái giống tre lép, cao hơn đòn gánh, bằng cây sậy mà không có gai, mọc thành bụi trong các xó xỉnh ao chuôm.

Bụi tre lép lá lưa thưa nhợt nhạt. Tên là lép, đã biết là giống tre hèn, vót làm đũa, chẻ cái lạt cũng không xong. Mỗi bụi vài mươi cây đầu xóm, bờ ao, ngõ ngang như bờ rào chỉ đường. Trẻ con chơi đánh hú rúc vào giữa bụi. Những con trâu, con bò dưới đồng về, đã thành lệ, bao giờ cũng đứng cọ sườn vào lưng cây. Con đỉa rơi phọt máu tươi, con ruồi trâu mải hút máu, chết

kẹp giữa thân tre. Quanh bụi tre, nơi cho người ngồi hóng gió. Ông Ngải luẩn quẩn quanh bụi tre lép, tha việc ra đấy làm, kể cả cái điếu, ấm nước.

Người đi qua, khách vào nhà, cũng ghé xuống, vui chuyện đưa đà ngồi một lúc.

Chẳng biết từ bao giờ, cái bụi tre lép ngoài bờ ao đã thành chỗ dừng chân chẳng khác cái quán dưới cây muỗm đầu làng. Những gộc tre đã lên nước sẫm như củ nâu. Lưng bụi, những bó lạt cật quàng vào đấy. Cái rỏ, cái lờ, cái hom lươn ông Ngải đương đan rồi gác lên bụi, như mái hiên. Ông Ngải nói: "Đêm hè ngủ ngoài này mát, gió hây hẩy bằng mấy quạt kéo, quạt điện ấy chứ". Cả cái xóm Đồng cũng chưa biết mặt cái quạt điện thế nào. Cạnh đấy, trên ba hòn gạch chỉ ông đầu rau, nồi nước luộc vịt đã sôi lăn tăn.

Ông Ngải bảo Thông:

- Ở đây chốc nữa chén thịt vịt.

Thông cười:

- Ông thánh quá, đã bói được hôm nay nhà có khách.

- Ông khách số đỏ. Tối hôm qua, con cạc này phải rái cá lên ngoạm mất cái cổ. Tiết đông cả, mất hãm được tiết canh. May mà nghe tiếng vịt quác, tôi chạy ngay ra, không thì nó tha mất. Ngoài sông, ở những bờ bụi kia, lắm giống rái cá, cả con rắn hổ mang, hổ lửa nữa. Nhưng cũng chưa lắm bằng ngày trước.

Ông Ngải cầm chiếc đũa cả lật con vịt trong

nồi cho được chín đều. Con vịt cụt cổ, tròn thu lu như cục thịt.

Ông Ngải trỏ xuống bờ ao. Chỗ con rái cá bò trong ráy ra, mặt bùn còn nhẵn dài vệt bụng trườn.

Thông nói:

- Thì bụng con rắn cạp nong cạp nia, con mai gầm bò cũng hệt thế này. Biết sao được, hả ông?

- Khác chứ. Có bận tôi chậm lùa vịt về, chặp tối rái đã ra rình. Ngày trước còn sẵn nữa, hôm nào giở giói đói mồi, rái nổi lên bơi cả đàn. À cái rượu đậm người ngoài Diêm mang vào, tôi vẫn để dành các ông, có dịp...

Thông thoái thác:

- Hôm nay ông cho tôi kiếu. Tôi đưa được ông bạn đến mọi khi tôi đã nói với ông. Bây giờ tôi phải lên xã họp. Chẳng biết việc gì mà mời hỏa tốc.

- Họp thì quanh năm chứ thịt vịt thì chẳng mấy khi...

Thông nói thêm mấy câu bãi ra, rồi mặc áo vào đi luôn, trong khi tôi cởi ba lô trên xe đạp đặt ghé xuống mép bụi tre. Tôi không nghĩ xã có việc gấp. Thằng này phàm ăn phàm uống, thế mà có lẽ ghê con vịt bị rái cắn - con rái hay con rắn thì cũng nó cả.

Còn tôi chẳng để ý. Ông ngoại tôi có môn thuốc gia truyền chữa rắn cắn, rắn cạp nong cạp nia độc nhất cũng chữa được, đã cho tôi từ thuở nào cái cảm tưởng không sợ rắn. Ông tôi mất đã

từ nửa thế kỷ rồi, ngày còn bé cũng chỉ được ông sai luyện thuốc, mật mai gầm trộn với hồng hoàng, nhựa duối rồi viên lại cho người bị rắn cắn nuốt chửng. Chứ tôi biết bài thuốc rắn cắn thế nào. Có lẽ đã trông thấy nhiều rắn, lẽ cái không biết sợ từ ngày dại khờ mùa hạ mùa đông tha thẩn các cánh đồng, cái thuở bé sao mà lâu thế, dài thế. Bắt châu chấu bán cho người chơi chim họa mi. Bán không hết thì vặt cánh, bóp bụng cứt, rang khan với muối, ăn vã. Rồi thì kéo bọn đi hun chuột đồng, chuột luộc, chuột rán đều ngon. Quả sấu, quả nhót dầm nước mắm ớt, bây giờ đến mùa vẫn nhớ thèm và nói đến còn tứa nước rãi. Hôm nắng hanh thì lùng các bụi tre bắt rắn ráo ra phơi mình, chúng nó là rắn, nhưng rắn ráo, rắn nước, rắn mòng không có nọc độc, thịt mềm như thịt gà con luộc. Đến khi đi công tác, những năm ở rừng trên Tây Bắc, ở Mường Than uống rượu bọ hung sào với Lý Nủ Chu, hôm đến nhà thống lý Mo Chống Lầu ở Háng Chú dưới Phù Yên nhắm thịt ngựa luộc không muối. Có lần ở Bản phải uống rượu gấu tàu - cái rượu để đổ cho ngựa uống lấy sức lên dốc, vừa tợp một ngụm, hai môi đã run bần bật. Cũng bởi cái tính tạp ăn từ tuổi thơ, chẳng phải liều hay nhát, mà cả đời đã ăn tạp, thịt chó dại còn ăn được, con gà con vịt phải rắn cắn thì sá gì.

Ở nhà ông Ngải mấy tháng, lại được chén bữa vịt rắn cắn, lần này thì đích con rắn chứ không còn ngờ rắn hay rái cá bò lên chuồng.

Giữa trưa, đàn vịt đang rúc bèo cạnh bờ ao. Một con hổ mang trong hang trên bờ lao thẳng ra. Rõ ràng tôi thấy con vịt bỗng dưng như phải gió, gục cổ xuống, rãy cánh đành đạch trên mặt bèo. Ông Ngải nói: “Anh này số thật may, toàn được đánh chén. Hôm đến thịt vịt, hôm đi lại vịt thịt”.

Thông cho biết công tác sinh hoạt của tổ. Hàng tháng đem tem lên kho huyện lấy gạo, tiền ăn và gạo đưa chủ nhà. Chung với nhà chủ, có gì ăn nấy, việc nào đỡ tay được thì đỡ, nhà nào cũng vui vẻ cả. Tổ trưởng Thông đi họp xã, họp huyện. Chúng tôi tổ viên chỉ họp tổ sản xuất với xã viên. Thông với tôi là đảng viên thì họp tổ đảng ở xóm, họp chi bộ trên xã. Lâu lâu, tổ họp hội ý một lần. Thông la đà rượu nhưng công tác nhanh nhẹn đâu vào đấy, như tỉnh ủy viên Hoàng Trung Thông ở Nghệ An năm xưa ra với chúng tôi trên Việt Bắc. Cuộc nào quá chén mà rồi có họp, Thông nói hăng hái, mạch lạc và dài hơn mọi khi. Ta đây có ngất ngưởng đâu. Riêng vẻ như thường mà khác thường ấy cũng đã là hơi hơi say rồi. Cuối xóm, lác đác mấy nhà đã ở lan ra ngoài bờ tre, lại sắp lên xóm mới. Đâu đâu cũng thêm người ra, nhà mọc như bè nghể. Trước kia, những nơi bị cháy, bị chết dịch, mất mùa, cái năm đói người bỏ đi, cả xóm thành gò hoang, bây giờ thì cứ ngày một chen chúc. Tôi về chưa được bao lâu, đã thấy chỗ gặt chỗ làm mùa, mặt lúa cao ngang bờ lũy. Lại ruộng xếp ải đã nỏ, đất uốn cong lên. Mùa

màng liên tiếp mấy chiêm, mấy mùa, mấy màu, chẳng biết thế nào, trong làng ngoài đồng tất tả bộn rộn, không tưởng được mới vài ba năm trước cũng ở đây đương yên lành bỗng nhiên sôi sục giảm tô, thổ cải, người chết bắn, người thắt cổ. Có hỏi đến cũng chẳng ai muốn nói lại cái hồi nhố nhăng ai oán kia.

Về sự tích khi cải cách thì mấy xóm mới này không địa chủ - cộng ruộng đất mà tính ra không nhà nào đến mức lên địa, mà phú cũng không có. Qui theo tỷ lệ khẩu cứ bổ năm phần trăm địa cho mỗi xã mà cũng không moi được ra đủ. Anh đội ấy bị đổi, vì bất lực, bao che, nhưng rồi đưa xã lên trọng điểm, cụm về, đoàn về cũng phân vân không tìm được đủ địa. Ai cũng tìm ra địa, qui thành địa, không ai nghĩ rằng ở đồng đất này người ta tự tay cày cuốc khai phá nên cái ăn.

Cả đời ông Ngải cuốc ra miếng ruộng, bây giờ ông vẫn ngồi dưới bụi tre lép nhìn ra những miếng ruộng ấy.

Các tay chức việc mà đội gọi là tổ chức cũ chỉ có mỗi người trưởng thôn chẳng moi ra tội gì thì đã bị cách chức. Tề ngụy thời Tây vừa qua cũng có người ra làm thư ký xã ủy. Một đêm, du kích ta lội sông sang trói lôi đi chắc bị ngỏm ngay đương lúc ấy. Nhưng ở đất tề gần bốt, lại có người ra làm. Bây giờ khôn, làm hai mang. Ban ngày việc tề, tối bắt mối làm Việt Minh.

Tôi và cả đoàn cũng phân vân, nhưng rồi quyết bắt xã ủy Khế. Hai mang, thì một mang

Quốc dân đảng thế cũng là phản động cả. Đến hôm du kích chuỗi rễ sắp sẵn thừng chão đến bắt thì lão Khế hai mang đã lặn mất. Vậy nó là cường hào gian ác cá biệt, tịch thu miếng vườn, cái nhà lá ba gian, đuổi vợ con nó đi. Thế là đủ số địa, lại có cường hào ác bá thêm cả quả thực, đội đương lẹt đẹt hóa ra có thành tích.

Đến sửa sai, đội cải cách giải tán, rút đi, đội sửa sai về tuyên bố cởi cái oan, thì lão Khế lù lù ở đâu về. Hóa ra lão chẳng đi đâu, lão núp ở hầm bí mật ngoài chân tre, như hầm cán bộ thời kháng chiến. Ngày lão nằm hầm, tối thì xóm giềng xách cơm rượu ra cho lão. Có đêm mưa to lão vào ngủ gác bếp nhà nọ, người biết cũng mặc, chẳng trình báo ai cho lôi thôi ra. Lão Khế cười hề hề: "Làm cán bộ, làm tề ngụy, nằm hầm mãi đã cả bồ kinh nghiệm, đứa nào mà bắt nổi ông!"

Cũng là khỏi vòng cong đuôi, chứ thật đã bạt vía và nghĩ ngợi lắm. Được trả lại nhà, vườn, lão gọi vợ con về ở còn lão kêu chán tình nghĩa cái làng này lắm. Rồi lão bỏ cả đảng viên, lão đi. Lên tỉnh hay đi đâu, có người nói thấy lão dựng cái quán nước ở cầu Bo, lại có người bảo lão ngồi xem bói chui bên chợ Rồng.

Thỉnh thoảng, lão Khế về, vẫn tươm tất bộ quần áo ka ki xi măng đại cán. Có khi vác cái rọ nhốt con chó đem về làm thịt, mời các ông đã phúc đức che tội cho lão hồi ấy, đến đánh chén. Hỏi việc làm ăn, vài chén vào rồi, lão cười ha hả "Người làm ra của, còn người còn của, đâu

chẳng kiếm được", rồi lại đi. Từ hồi xảy ra những nhố nhăng cây chuối mọc ngược, gà mái đạp gà trống, con cái vạch mặt bố mẹ, vợ tố chồng, nhiều người vẫn đăm chiêu, âm thầm như lão Khế. Nhưng tôi chưa được gặp ông Khế về lần nào.

Cái xóm Đồng lặng lẽ, ông Ngải nhà tôi ở chẳng bận những chuyện rối ren ấy. Từ thời Tây thì ông Ngải ở dưới ruộng lên, vẫn ngồi bên bụi tre lép, rúc điếu thuốc, uống ngụm nước chè vò. Con sông nhỏ lấp lánh ôm vòng ngoài chân tre. Đến bây giờ có tôi thêm vào, tôi ngồi không rỗi rãi cả buổi chiều, ông đan hom lươn, tôi nhìn bóng chiều vàng từ mặt nước lên lan dần vào trong xóm. Đẹp đến ngẩn ngơ, tôi không biết vẽ cũng nguệch ngoạc mấy nét êm ả vào sổ tay.

Nhà cửa trong làng khang trang hơn các xóm ngoài tre. Hũm ao cạn cấy cần đã xanh om, gợi những tháng cuối năm sắp đến. Vườn chè loang loáng từng luống. Trong bóng cây đa ngôi đình có lớp cửa giữa mối xông lên tận nóc suýt bị dỡ bỏ hồi cải cách đã được đóng mới, ủy ban cho các cụ phụ lão và ban văn hóa được ngả cây nhãn cổ thụ đầu làng xẻ lấy gỗ.

Giữa xóm, một ngôi nhà tường xây trên nền cao có thềm bước lên, trông vào thấy lóng lánh chiếc gương tàu in hình con phượng ngũ sắc trong gương, bên cạnh dán những tranh cắt ở báo ra, xanh đỏ rợ mắt. Cụ phó - không biết phó gì, cụ mất đã lâu, nhà có ba mẫu, hai chiêm một

mùa, bị lên địa vì nhà tuy ruộng không nhiều nhưng không có lao động chính. Dũng, con trai cụ phó, làm chi ủy từ thời bóng tối, bị tố phản động Quốc dân đảng chui vào Đảng, đội bắt giam. Rồi sửa sai, Dũng được tha, xuống thành phần trung nông, phục hồi đảng viên, nhưng xem chừng Dũng sợ quá, cay quá người ngợm và nhà cửa chưa lại sức. Nhà ngang đã xiêu, phải chống hai cây tre. Một cót thóc cỏn con quây lại, như cái chỏm tóc trẻ nít. Ngày trước Dũng học trên tỉnh, lấy vợ rồi mới về làng. Đi gặt, không biết gánh. Vợ người thiên hạ, dân tỉnh, quấn tóc, răng trắng - trắng tự nhiên, không phải răng đen mới cạo, phảng phất chút phong lưu còn lại, không biết còn lại ở cái gì.

Chúng tôi gọi với lên: “Ông Dũng ơi! Đi họp”.

Dũng ngồi bó gối trong phản nói vọng ra: “Tôi đương lên cơn sốt, không đi được, báo cáo các đồng chí”. Rồi nghe tiếng rũ chiếu phành phạch. Xem chừng còn đau đầu, không biết thật hay vờ. Quốc bảo tôi thế.

Họp chi bộ buổi tối trong làng. Đi qua bóng tối bóng sáng le lói những cái đèn con đặt giữa ruộng mạ để bắt bướm, nắc nẻ, sâu đo, xa xa gần gần nhấp nháy chấp chới như ma trơi ra đêm mưa ngoài tha ma.

Cùng đi, chuyện với Quốc - một đảng viên kết nạp trong cải cách, vừa rồi bầu ban quản trị được ít phiếu, không trúng. Quốc cho là bị dân thành kiến đảng viên hồi bần cố. Nhưng Quốc

vẫn phụ trách công an xã, lại kiêm công tác phân bón của hợp tác.

Quốc kể trong làng không êm ả như các xóm ngoài ấy mà cũng không phải chỉ có một mình chuyện ông Khế. Những cánh đồng, những bụi tre thì vẫn đìu hiu như bao đời vậy. Quốc là người được dìu dắt nên cán bộ mà lúc đó nghĩ lại Quốc còn rùng mình. Và dần dần Quốc nói tôi mới hay không phải chỉ có một chuyện đảng viên Khế.

Lý trưởng Vạn bị tố phải bắt, tự nhận là bí thư Quốc dân đảng cả vùng. Những người biết nhưng không dám nói. Lý Vạn cũng chẳng đảng phái phản động gì đâu. Tội nó là làm lý trưởng, cán bộ về, nó không bắt, nhưng nó đuổi không cho vào làng. Lại khoe ầm lên làm thế để cho làng nước bình yên. Cái hôm đội vừa về địa chủ Lịch đuổi trâu qua sông, ngã chết đuối. Các tổ rễ chuỗi phân tích phát hiện là Lý Vạn giết mụ Lịch để trảm đầu mối. Mít tinh mừng chính quyền mới ra mắt, Lý Vạn bị đem xử bắn đầu tiên... Nhưng thương nhất bác Đạt người giữ cống Bắc. Giữ cống, lĩnh lương của bốt, lại được tiền của ta vì đêm thì mở cống cho cán bộ bơi qua. Việc ấy chẳng mấy người biết, cũng không ai đem tố cho rắc rối.

Con gái bác Đạt là du kích, được đi canh gác, cứ ngứa tay thúc báng súng vào bụng lão địa chủ Vạn. Vạn hộc ra một đống máu rồi nói. "Bố mày đã xơi lương của bốt, lại ăn tiền của Việt Minh, mày về mà đấu đá khảo đả bố mày

ấy". Không chỉ có một con gái ông Đạt mà cả tổ du kích nữ ở đấy. Thế là cái tin, ông Đạt ăn tiền hai mang loang ngay ra. Đến hôm đấu, Vạn còn rống lên: "Ông nông dân Đạt đã ra cây nhãn đầu làng nhận tài liệu Quốc dân đảng đem về cho tôi, các ông các bà nông dân có biết không".

Cán bộ đội phụ trách xóm ông Đạt bị gọi về trụ sở đội kiểm điểm để lọt lưới. Đêm ấy, họp xóm, đã thay cán bộ mới. Mọi người đến đông đủ, anh cán bộ mới quát to: "Địch ngồi lù lù với bà con, mà không ai biết à?" Hệt chuyện hồi tôi ở Nông Cống, cán bộ Lâm xóm Trúc không phát hiện ra địch, tôi được điều về thay. Tôi tính toán ra được một địa chủ hệt như đảng viên Dũng mà Quốc vừa kể, lúc nãy chúng tôi vừa đi qua nhà. Anh này cũng ở tỉnh về quê trông nom vườn ruộng. Một buổi sớm, dân quân du kích giải anh ta đi. Gặp tôi đầu xóm, anh ta vái tôi rồi sợ sệt lễ phép hỏi: "Ông cho em lên địa chủ ạ?".

Cả đám họp quay lại nhìn ông Đạt. Ông ấy đứng phắt lên, chạy thẳng ra đâm đầu xuống cống Bắc.

Mọi cái đều dữ dằn, Quốc bảo Quốc kể lại mà còn sợ, nhưng giọng Quốc lại nhẩn nha, dửng dưng, tôi không đoán được tâm trạng anh thế nào. Quốc là cốt cán hồi cải cách, nhưng bây giờ vẫn tích cực và được làm công tác. Quốc phàn nàn làm công an ngày ngày bắt thuốc lào, bắt rượu, bọn buôn chè tươi, chỉ mua thù chuốc oán. Nhiều lần đã bị ném gạch vào nhà.

“Chắc rồi tôi cũng không đậu được chân hội đồng nhân dân. Nhiều đứa ghét quá. Có nhà giết lợn, tôi bảo để lại cho cân thịt. Vợ nó cắp rổ thịt hẳn hoi, nói ráo hoảnh: Thưa ông công an, hết rồi. Thịt này có phiếu người ta đặt, tôi phải đem lên chợ trả người ta. Nó ghét tôi vì hôm trước tôi hỏi: “Nhà mày không đóng sát sinh à? - Mà nó có đóng bao giờ đâu, nhiều nhà nấu rượu lậu, tôi cũng lờ, thế mà...”

Chi bộ mười lăm đảng viên, chưa kể hai chúng tôi, ngồi họp trên ổ rơm. Chương trình có đến một huyện việc, quá nửa đêm cũng chưa xong, phải dừng lại. Trước lúc họp đã bàn ưu tiên gọi hai mươi người sáu ngày dân công đào sông Diêm chống úng, tiêu chuẩn thì tự túc. Một người nói: “Thế thì đả thông khó đấy, điều dân công bảo được tiền thù lao mà”. Bí thư Sự nói bừa đi, nhưng át giọng: “Đấy là đi dân công lúc kháng chiến, bây giờ thời bình thì khác. Nào bắt đầu họp, chương trình dài lắm”. Một người lơ lửng chép miệng một câu ví von: “Bí thư nói đúng lắm. Sớm đúng, chiều sai, đến mai lại đúng, lúc nào cũng đúng”.

Các việc bàn lần lượt: Rút kinh nghiệm hợp tác xã thí điểm vụ gặt đương lắm thắc mắc; cho các liên tổ đổi công học tập chuẩn bị lên hợp tác xã; chuyển thóc lên huyện vấn đề kết nạp đảng viên trong dịp đông xuân; tuyên truyền thanh niên nghĩa vụ quân sự đầu 1959; công tác bán thóc vụ này cho chính phủ quản lý thị trường, tăng cường kiểm soát rượu, thuốc lào, chè thuế

sát sinh; hạn chế ăn uống lu bù đầu mùa, các tổ báo cáo làm phân, gieo mạ đúng kỹ thuật...

Chủ tịch xã nói chen chẳng vào trật tự mục nào:

- Nhà tôi thì gieo mạ lối cũ, khổ thế.

Nhiều người cười: Ông chẳng quảng bá thì cả làng biết rồi. Bà chủ tịch đã rêu rao khắp xóm: Tôi học thế nhưng tôi không làm thế đâu. Giỏi thế thì ông mới làm được chủ tịch.

Đáng lẽ việc hợp tác xã thí điểm và tổ đổi công lên hợp tác xã lắm ý kiến nhất thì lại êm đềm cho qua vì chẳng ai phát biểu. Có lẽ, ai cũng biết đằng nào rồi cũng lên, nói hay không cũng phải thí điểm phải lên. Còn mấy mục nữa, nhưng khuya quá, mấy người đã rúc vào ổ rơm ngáy rền rĩ vang gian nhà họp.

Bí thư Sự kết thúc, trịnh trọng nhấn một câu:

- Ta tiến lên lập hợp tác, ví như cái xe, là cái xe thì việc của cái xe là đi, dù đường còn xấu, còn gồ ghề, nhưng vẫn là có đường cho cái xe lăn bánh, ta phải cố gắng.

Bí thư đã nhớ câu này ai phát biểu ở cuộc họp nào trên huyện.

Một hôm, tôi sang chơi nhà Sự. Những đống thóc gặt hôm qua đã kéo xong. Sự đã tạm chia ngay cho mỗi nhà mười cân. Đương có nắng, phơi nhanh. Gặt ăn ngay, bây giờ đâm ra giáp hạt từng ngày. Trong làng mà biết, chắc lắm người cười thầm.

Vợ Sự người nhỏ con, đôi mắt lẳng đưa đẩy,

vẻ như không phải người làng. Hỏi ra cũng nhà bên kia sông, làng bên.

Chị Sự kể chuyện lúc kháng chiến.

- Nhà tôi chạy giao thông rồi sang bộ đội chủ lực huyện, đi cả tháng, cả năm. Đêm tối trời, một trung đội đến trạm chờ trong làng đợi anh ấy dẫn sang sông.

Lúc ra sân nghe ngóng, thấy ở các gốc chuối lung lay nhấp nhô như người nấp. Bị động rồi, làm thế nào báo được vào trong trạm dừng lại. Ra bây giờ thì chúng nó gô cổ ngay. Tôi mới nói để tôi đi cho. Có lần tôi đã giả làm bà mụ đi đỡ đẻ đi gặp du kích ở xóm trong.

Lần này tôi làm người đi cho sữa. Tôi cầm đòn gánh, khua cả vào bụi chuối, làu bàu râm ran: "Con đói sữa mà nửa đêm gà gáy mới gọi thế này, cha tiên nhân nhà mày". Trong bụi chuối không thấy nhúc nhích, tôi vào báo được cho trạm, lúc về lại cứ quơ đòn gánh, ca cẩm chửi. Thế là không ai ra đợi sang sông. Nhưng anh ấy vẫn nằm trong nhà, bây giờ đến đợt sợ nhỡ cái chúng nó sục vào...

Đến khuya, có tiếng gọi khe khẽ - Bà chủ ơi bà chủ - Đứa nào thế? - Bà làm ơn cho mượn con dao tôi chặt cây chuối bơi qua sông, pạctidăng nó sắp tuần xuống đây rồi - Cha đẻ mẹ mày, đêm hôm nhà đàn bà con gái, bà thì... - Tôi là bộ đội - Bộ đội, đội thúng đội mẹt cái con đẻ mẹ chúng mày. Nhà tề đây có cút không thì bà gọi bảo hoàng nó xuống gông lại. Im lặng. Thế là yên đêm ấy.

Cũng chuyện ngày trước, câu chuyện ma quái này Phùng Quán nghe được có người kể, không phải chị Sự rỉ tai.

Đêm kia, Sự bơi qua sông về, trời sáng trăng. Sự trèo tường đất vào vạch cửa liếp đằng sau. Toan gõ vách làm hiệu như mọi khi. Nhưng trông vào chấn song, thấy rõ hai người nằm dưới đất. Một cái bóng thì đích là vợ Sự. Người kia là một thằng đàn ông, đen sậm như mặc áo rằn ri trên bốt. Sự nhấc chót cửa vào, lặng lẽ hai tay bóp cổ thằng đàn ông, lôi ra bờ sông, cho một nhát vỡ đôi đầu, ném xuống nước.

Vợ Sự vẫn nằm ngủ, không biết. Sự dựng con dao bầu vào vách, nằm xuống, vần vợ. Cho đến bây giờ, người ta còn thì thào đoán với nhau. Không biết cái thằng bị beng cổ chết mất xác là thằng nào. Chắc lính trên bốt. Hồi ấy làng không thấy thiếu người. Ai cũng đoán con mụ vờ ngủ. Chuyện đã lâu và cứt trâu đã hóa bùn, con quạ mổ vẫn đĩ tính, chua ngoa, chẳng ai dám dây. Nó chửi cả xóm, cả họ. Vợ Sự bảo chồng: “Nhà là đảng viên, là bí thư, là chủ nhiệm thì phải vào hợp tác cho có thành phần. Tôi ở ngoài, bao giờ làng này lên hợp tác xã hết thì mẹ con tôi cũng lên”.

Việc lao động của các nhóm chúng tôi thì cứ nghĩ ra mà làm, hay đôi khi làm đỡ bà con tổ sản xuất.

Không thì đi chơi, nằm đọc sách, đào giun cho vịt ăn. Cũng chẳng khi nào trò chuyện sáng tác tối tác ra sao.

Tổ trưởng đã bảo đợt đi này không có kế hoạch sáng tác, nhưng chúng tôi như có ý tránh những cái đã qua.

Kể cũng tế nhị, cùng một tổ, nhưng mỗi người mỗi nhẽ. Có anh chỉ dính với tập san Giai Phẩm có tên ở cái quảng cáo trên bìa bốn của Nhà xuất bản Minh Đức. Có anh không viết một chữ sai trái, nhưng bỏ đôi ba câu nói ngang. Tôi đã viết kiểm điểm trên báo để nông nỗi tình hình văn học xảy ra thế thì tôi câm như hến là đành một bề rồi. Nhưng tổ trưởng Hoàng Trung Thông vừa qua với bút danh Hồng Vân, đã tả xung hữu đột những bài đao búa cùng những bài của nhà sử học Nguyễn Văn Phùng đã phang từ lý lịch Phan Khôi xuống. Trần Lê Văn thường kể những năm về sau, Hoàng Trung Thông đã rượu và yếu nhiều, mỗi khi gặp, hay hỏi: “Ngày ở Thái Bình, mình thế nào, có vấn đề gì không”. Kể ra chẳng có vấn đề gì, nhưng mà lại có vấn đề, có mà không cái hồi ấy nó thế đấy.

Ngoài đồng có ruộng đã cày vỡ, đương cữ nắng, nhiều xứ đồng cao ở gần chân tre đã xếp ải. Vùng này làm ruộng có thói quen xếp ải - luống đất đã được cày lật, bê lên đặt từng dãy, phơi nắng ít lâu rồi tháo nước vào bừa. Làm thế, đất khô thoáng như bón phân. Chúng tôi ngày ngày ra đồng xếp từng tảng đất lên quanh bờ.

Có một việc tôi chỉ nghe kể lại. Khi tôi về Thái Ninh thì đã xong, đã vứt bỏ xó rồi. Ấy là tổ trưởng Thông có sáng kiến thử cấy dày, hưởng

ứng nước bạn đại nhảy vọt. Mỗi chân mạ không cắm hai ba dảnh, mà nhét bảy dảnh, mười dảnh một cụm. Có báo đã đăng tấm ảnh bên Trung Quốc, trẻ con trèo lên chạy chơi trên mặt thóc ruộng lúa cấy dày đã chín.

CHƯƠNG 4



ăm sau, tôi học trường Nguyễn Ái Quốc, cùng tổ với kỹ sư canh nông Ngô Tấn Nhơn. Anh Nhơn là người đã cùng đoàn cán bộ đi tham quan Quảng Tây. Bạn đưa đến một cánh đồng thí điểm cấy dày. Nhưng ruộng đã gặt, được nghe báo cáo xem ảnh và trông gốc rạ chi chít liền như trải chiếu. Bạn trình bày có kỹ thuật mới sang năm bình quân mẫu sẽ trăm tấn, bây giờ cho ruộng luân canh bỏ hóa để đất được ngủ, được thở vụ sau càng tốt hơn nữa.

Anh Nhơn cười hiền lành: Các đồng chí ấy và chúng tôi đều ước vọng như người nông dân xưa nay ước vọng. Đi tham quan về, tôi làm báo cáo và kế hoạch. Trên nhận xét con số chỉ tiêu còn thấp còn bảo thủ. Vừa đi tham quan nơi tiên tiến nhất, không thể xoàng thế. Tôi nâng 4 triệu lên 6 triệu tấn gần gấp ba. Ra hội nghị, nống lên nữa, thành 7 triệu ở các cuộc họp xóm, xã, tổ sản xuất, tôi đã dự lắm cuộc thi đua đặt mức. Cũng như các cuộc họp anh Nhơn kể lại, làm ăn còn trông vào ngày mưa ngày nắng mà đâu cũng thế, cứ sôi nổi nhận văng mạng thật cao, càng cao, ở xã, rồi lên huyện, lên tỉnh lại đun lên. Thả sức ganh nhau, rồi chẳng làm được cũng thôi. Bỏ vì được hạt thóc còn “trông

trời, trông đất, trông mây" cứ ước thế vầy, mất gì.

Tổ ông Thông mượn được miếng ruộng vài thước vuông rồi xin mạ về cắm liền tù tì. Ngày ngày tát nước, bỏ phân, ủ phân xanh, cả phân tươi. Cây lúa chen chân lên, cũng xanh mỡ mượt mà, nhưng lúa xít gốc, nóng hầm hập, hút nước tợn quá. Phải kế hoạch quạt cho lúa mát, vào làng mượn chiếc quạt thóc cánh phẳng nặng như cái cùm - ở trên báo đã nói lúa cấy dày lên, nóng phải quạt, kinh nghiệm canh tác đấy. Quạt vài hôm, lay thử, cả khóm lúa bềnh ngã ngửa, lá vàng ỏng, thối rễ.

Ông Ngải kết luận hộ: "Các anh chơi trò trẻ ranh".

Rồi những năm sau, Phùng Quán còn đi lao động dài hạn, ngắn hạn ở những nông trường Đông Hiếu, Tây Hiếu và đâu đâu nữa không biết, nhưng mà đợt này một nhóm có hai chúng tôi, kể ra tổ trưởng Thông cũng khéo xếp. Một mình tôi thì nên cơm cháo sao được, lại chỉ mồm miệng đỡ chân tay. Nhớ hôm ấy có mấy chén rượu suông. Hồi này Thông cũng chưa uống mấy, nhưng máu nát rượu thì sẵn, không vì uống nhiều hay ít, chỉ cầm chén ngùi hơi men đã ngà ngà rồi.

Thông đứng dậy, chân la đà. Phùng Quán giơ tay: "Anh để em đỡ". Thông quắc mắt: "Tao vừa công bố mày với ông Hoài một nhóm, tao có say đâu".

"Anh cứ vịn vai em cho chắc". Thông quát:

"Ông mà phải để cho Nhân Văn dắt à?" Tôi nhớ một hôm ở cơ quan 84 Nguyễn Du, có liên hoan cuối năm, bấy giờ chỉ có rượu mùi, chẳng biết Thông uống thế nào, đến lúc ra cửa, Quán dìu một bên. Thông vùng tay ra, cũng nói một câu ấy: "Tao mà... tao mà...". Chẳng biết Thông nhớ không. Chắc là không, nên mới nói lại đúng thế. Quán ngồi lặng im, vẻ mặt buồn, nhìn Thông đi ra. Chúng tôi bàn việc làm hố phân. Cái sự người say không cho là mình say, mà cũng không hẳn là say, bởi vì sáng kiến do tổ trưởng Thông nảy ra bảo tôi và Quán làm một hố phân, không phải chúng tôi đã nghĩ ra.

Hai người một hố phân xanh. Các nhóm khác hình như cũng làm thế. Hố phân chúng tôi đào ngoài góc vườn chè. Ông Ngải hỏi: "Các anh làm gì đấy?"

- Hố phân xanh ạ!

Ông Ngải không nói gì. Quán đi mượn thêm một chiếc mai về cho tôi.

Quán nói:

- Anh thì trình độ hơn em, anh là nhóm trưởng.

Nhưng việc này thì em xin chỉ huy anh. Lệnh của em là: Em đào, anh hất đất lên.

Đúng quá, vừa sức chân tay tôi, không thể còn ý kiến vào đâu được. Quán phạt cỏ, làm dấu xới một vòng tròn to bằng cái miệng giếng, rồi bắt đầu thúc lưỡi mai, nhanh nhẹn điệu nghệ. Hai tay nhấc cán, bàn chân dận lên thành lưỡi, bẩy đất lên. Nhưng đất vụn ra, tôi không lùa

mai hất được. Tôi lấy tay bốc, nhưng một lúc vẫn chưa được bốc, chỉ đất cằn lăn ra nham nhở từng đám. Quán bảo: “Không cần bốc vội, đợi đào quành thế này cho thành miệng hố đã”.

Thì tôi cũng biết thế và ngồi tỳ khuỷu tay lên đầu gối, đợi.

Ông Ngải đi đâu về, ra vườn, đứng nhìn Quán cởi trần hì hục đào. Ông Ngải chép miệng:

- Đào thế thì đến hai phiên chợ Diêm cũng chưa được cái hố đâu.

Quán hỏi lại, giọng rụt rè, không rành rõ tự tin như lúc nãy giảng cho tôi:

- Ông bảo phải đào thế nào?

- Hố ủ phân chỉ như miệng cái thúng, đào đâu to như cái giếng thế. Khoét hũm trước, bằng cái đấu thôi. Xắn ra từng phía mới được.

Rồi ông Ngải cầm mai, đẩy chân một cái, chỉ ba bốn nhát, đất đã lên từng vốc. Quán đứng nhìn ông Ngải, gật gù: “Được rồi, cháu sáng mắt ra rồi, cụ ạ. Không phải chỉ anh mới có năm xe chữ, em chẳng mẹt chữ nào mà cũng suông cả. Trí thức tiểu tư sản không bằng cục cứt thật. Cụ ra ví dụ thế đủ rồi, để cháu làm tiếp.”

Nhưng ông Ngải đương thuận tay cứ đào, hai chúng tôi bốc liền liền lên. Quán cứ tắc lưỡi: “Trí thức, trí thức”...

Ông Ngải thúc mai phăm phăm, vừa chuyện vừa hỏi: “Ông phó cạo ngoài đê bảo ông Ngọc mới được sang nước Tiệp Khắc về.”

Đã mấy năm trước, hội Sân khấu cử Chu Ngọc đi tham quan nước Tiệp. Chắc Chu Ngọc

đã khoe với ông phó cạo.

- Vâng ạ.

- Thảo nào, ông ấy đi cả ngày, không xếp ải, không đào hố phân như các anh. Cán bộ to mới được thế.

Quán nói:

- Không phải đâu. Ông ấy cũng bằng cháu thôi.

- Cán bộ cốp là bác Thông, bác Thông chúng cháu cũng lao động cả ngày đấy. Lao động là vinh quang, ông Ngọc ông ấy lười ạ.

- Thế hai bác đã được đi nước Tiệp Khắc chưa?

Quán cười to:

- Ối, ăn thua gì. Chỉ đi nửa buổi đã đến nước Tiệp Khắc, bằng từ đây xuống Diêm, à xa hơn một tý. Bác Thông ngồi tàu bay nửa tháng mới sang đến nước Liên Xô. Hôm nào cụ cứ hỏi chuyện bác ấy xem.

- Ô là vậy! Ôi a ồ...

Chẳng mấy lúc đã rõ ra cái hố sâu, tròn vành vạch, ông Ngải vào lấy cái sảo cho chúng tôi khiêng đất đổ đắp vào các gốc cây chè. Ông Ngải nói: “Đất tường, đất vách ám khói bồ hóng ủ phân chóng ngấu. Sẵn cái mai, bếp nhà tôi có mảng tường ám khói đã đổ một vì, tôi đợi có rơm thì lấy bùn ao đắp tường mới, các anh đem đất ấy ra mà lót hố phân.”

Quán xua tay:

- Không, không, cụ ạ.

- Đất có hơi bếp, người ta gánh ra ruộng tốt

như bỏ phân ấy mà.

- Thôi, thôi. Tổ trưởng đi kiểm tra lại bảo chúng cháu ăn gian đem lót đất dưới đáy cho chóng đầy hố thì chết cha.

- Đất vách bếp khác...

- Các ông cán bộ to không biết đất nào vách bếp vách chuồng trâu đâu. Cháu lạy cụ.

Tôi chen vào:

- Mà hố chóng đầy thì chóng hết việc, lại phải đào hố khác, vẽ chuyện.

Chán chuyện chúng tôi. Ông Ngải cười hiền lành, không nói nữa. Ông ra ngồi hút thuốc bên bụi tre lép.

Ông quay mặt vào bảo: “Nghỉ tay ra uống nước”. Rồi ông vào trong bếp bưng ra nồi nước chè buổi sáng còn. Ông chỉ nghiện thuốc lào và nước chè vò. Sáng sớm, ông làm hết hai ấm chè tươi đặc rồi ra làm đồng, đến trưa về mới ăn cơm. Mặc cả nhà ăn sớm, từ thuở trẻ, ông Ngải cơm nước thế, đã quen lệ.

Chặp tối, từ trên đê lộc cộc xuống một cái xe ba gác người đẩy người kéo, người bắt bánh chở đồ đạc và máy “chớp phim”. Đội chiếu bóng huyện được lệnh cho ưu tiên về phục vụ hợp tác xã thí điểm. Hai cái xe phủ bạt ni lông xanh, dây chằng như buộc con trâu, phía dưới hở ra một hàng đít phuy xăng sơn hắc ín và những cạnh hòm gỗ vuông. Ngoài nóc bạt cài chiếc loa thiếc to bằng cái thùng và một bu gà, tiếng nhiếp nhiếp cả gà con, không biết là để thịt hay gà đàn nuôi.

Mỗi xe, một người xách lúc lắc cái đèn bão, cứ hô tiến lên, tiến, tiến lên mỗi chỗ đường lồi lõm ổ trâu.

Đội chiếu bóng của huyện, của tỉnh lưu động qua các làng, đem đến những máy móc và phim ảnh các nơi mà nhiều người trong làng chưa bao giờ được xem và cái gì mới cũng thấy là lạ.

Hôm vừa rồi, hiệu chụp ảnh ở chợ Diêm bán được mấy chục chiếc ảnh một nữ diễn viên Liên Xô, ông thợ đã khéo tô mặt mộc thành mặt son phấn, váy áo sặc sỡ. Thanh niên bá vai hỏi nhau: “Mua ảnh em chăn ngựa chưa”, ý nói ảnh cô giáo trong phim Tiếng hát người chăn ngựa mới chiếu mấy đêm ở bãi chợ.

Ba tối liền, các phim Tống Cảnh Thi, Tiếng hát người chăn ngựa, người các làng về xem ngồi kín mặt ruộng đồng cao. Ông Ngải đi xem, còn tôi nằm trong chõng cạnh bụi tre lép, dưới ánh trăng suông, ngoài chân đê, nghe loa hát đồng ca Hò kéo pháo, tiếng máy phành phạch, tiếng người thuyết minh sang sảng, thánh thót.

Giữa mấy đêm vui, ngoài đồng nhiều thửa ruộng vẫn đương gặt và ban quản trị họp khuya bàn những chuyện gấp. Khi giáp hạt, cái đói và cái ăn kề nhau, nhà nào cũng nháo nhác, nhưng năm nay có hợp tác, có tổ, cái lo được đem ra đình, ra trụ sở.

Hai cái xe ba gác của đội chiếu bóng lạch cạch chuyển sang làng khác rồi. Xẩm tối, các xã viên đã đến đông đủ. Chúng tôi đi họp, có tổ

trưởng Thông và một cán bộ ban công tác nông thôn không biết huyện hay tỉnh cũng dự. Mỗi một cái đèn Hoa Kỳ trên đầu bàn đằng kia, cả gian nhà hũ nút tối lem nhem như trong chuồng trâu. Các bà, các chị bó gối ngồi lố nhố dưới đất. Một anh dáng chừng thông tin xã, nói to:

- Các bác văn nghệ ra cho một bài nào.

- Phải đấy! Ai đi hò lờ...

Bí thư Sự hét:

- Đây là các bác nhà văn, nhà báo, không phải văn công.

- Thì cũng là văn báo, văn công cả!

Một người ngồi đằng giáp tường bỗng lên một câu hò lơ lẩy Kiều.

- Nhà báo à? Báo cô báo cậu! Đội trời đạp đất ở đời. Ai đi hò lờ. Họ Từ tên Hải vốn người ăn không. Hò lơ hó lơ hò lừ...

Quán ghé tai tôi:

- Tên ấy xỏ chúng mình. Tôi phải ra trổ một bài đập lại.

Tôi kéo Quán ngồi xuống. Bí thư Sự tinh ý quát:

- Không được hát mất lập trường. Câm cái mồm!

Nhiều người vỗ tay, cười ầm. Không biết cười cái gì. Thật quái, rồi cái năm tôi học trường Nguyễn Ái Quốc, đi với anh Thử cùng tổ về tìm hiểu một hợp tác xã nông nghiệp ở Trôi Gối vùng các huyện Đan Phượng và Hoài Đức. Chúng tôi qua cánh đồng, Thử có cái đài Orion

đeo bên nách, hát eo éo. Một anh đương cuốc ruộng, ngẩng đầu lên, hát đúng cái câu lẩy Kiều có chữ "ăn không". Ở đâu cũng có người làm, người chơi, những ví von xỏ xiên sao khéo bay xa thế.

Rồi vào cuộc họp ngay ngắn. Bí thư kiêm chủ nhiệm bắt đầu nói, giọng đều đều như đọc giấy: "Thóc đương gặt, chưa lên sổ sách, không được hoang mang. Thóc chưa về nhà nhưng thóc đã được quẩy về sân kéo đá, thóc chạy đâu, thóc mất đâu mà nháo lên."

Một bà vừa bước vào, nói ngay: "Mua xi măng chưa, trám xi măng vào mồm người ta ấy à? Thấy mùa màng thóc lúa không ra sao thì phải sốt ruột chứ."

Chủ nhiệm lại nói, xung quanh lại to nhỏ lầm bầm.

Có lúc ồn lên như sắp cãi nhau, nhưng không, cứ vừa to tiếng lại vừa pha trò thế thôi.

Đảng viên Quốc trình bày cái thắc mắc của mình, nhưng nay đã ổn. Trong góc nhà có tiếng chép miệng, kháy:

- Anh chẳng ổn thì ai ổn. Anh ổn là phải.

Chủ nhiệm Sự nói:

- Năm nay, chắc rồi tôi cũng thiếu, nhưng...

Cái bà nói mua xi măng lúc nãy, đốp ngay:

- Anh thiếu, đố anh dám thắc mắc.

- Tôi không thắc mắc lung tung!

- Tưởng tôi thắc mắc lung tung à? Có ở đây đông đủ cả nhà, là trong nhà, tôi nói toạc ra thế chứ làm người phải có ăn có nghĩ chứ. Nhà tôi

ngay bên đường cái, ai đi qua chẳng tạt vào nhờ điếu thuốc, chén nước vờ xem con gà con qué dò la. Người kẻ bãi hỏi tôi năm nay thế nào, tôi chỉ vào đống thóc thuế anh Sự gửi, tôi bảo thóc nhà được chia đợt đầu, chưa kịp cân lại. Còn nữa, còn nữa. Ối, đầu vụ mà hợp tác tống đến lắm thế. Đứa nào bảo tôi ăn nói phá hoại, hả? Thời này, không phải thời cải cách, vu oan giá họa cho người ta không được đâu.

Lắm cái biết rồi, hỏi không để làm gì, cũng cứ hỏi, như phải có thắc mắc, có hỏi mới là đi họp.

- Chia cho vài hạt thóc thế thì làm sao tôi nuôi con tôi. Không nuôi trẻ con nữa à?

- Nhà ai chẳng có trẻ con, chưa có hợp tác thì vẫn phải nuôi trẻ con chứ!

Bà ấy còn làu bàu nói một mình. Có người thì thào bà lão ban chiều dắt cháu vào ăn cỗ cơm mới nhà ông đảng viên Dũng vừa xuống thành phần không vào hợp tác, chắc lại mới nghe ông ta thổi cho mấy câu bất mãn bất mèo.

Mấy khi có cán bộ trên về và thế nào ông cán bộ cũng phát biểu và nói dài. Đã quá mười giờ, lại giơ tay hùng hổ sang mục đích ý nghĩa đông xuân năm nay quan trọng đến kinh tế, chính trị ra sao. Cả loạt người ngồi xa đã tựa vào tường, ngủ từ bao giờ. Có bà ngủ gật giật mình ngồi chồm hỗm lên, hỏi:

- Ông này lắm lời nói đến sáng chắc?

Cán bộ nói:

- Không nói đến sáng đâu. Điều thứ năm

là...

Cán bộ làm vẻ bình tĩnh nhưng bị câu hỏi sống sượng trắng trợn, cũng mất đà thao thao, nhụt giọng dần, rồi đột nhiên ngồi xuống.

Cuộc họp cũng phải gác mấy việc, chỉ còn bàn làm mạ. Lại cãi cọ lao xao. Việc làm, việc thi đua bao giờ cũng nói hăng, dẫu đương còn thắc mắc bề bề. Và ồn nhất là lúc gắp thăm chia ba chiếc lưỡi cày 51 chủ nhiệm mới sắm về.

Cái hố chúng tôi đã đào xong, sâu bằng chiếc vại, bây giờ đến công tác làm phân. Quán hỏi:

- Thế nào?

Anh chàng hỏi cốt để khơi ra rồi lại nói:

- Việc này lại đến Quán ra tay thôi. Hôm nọ xuống Diêm đấy, Quán đã cắt nghĩa cho mọi người biết ngọn nguồn hạt muối và nghề làm muối. Anh lại quên rồi.

Không phải chỉ tát nước biển lên phơi nắng thì ra muối. Tháo nước mặn vào, vừa phơi vừa pha, đến lúc bỏ hạt cơm vào mặt nước, hạt cơm chìm là được. Lấy nước cái chan lên mặt ruộng xi măng, hơi nước bay dần đi còn lại hạt muối, hạt vuông mặt nhỏ là muối tốt, thế, thế...

- Quán nói thạo thế, chúng ta sẽ ở lại Diêm Điền, xin đi thực tế đợt nữa làm công nhân nghề muối.

Quán cười hố hố.

Dọa chơi đấy thôi. Để anh thấy Quán lãnh đạo làm hố phân này là đích đáng. Ngày ở bộ đội, làm cả một trăm hố phân cho đại đội, chả là

tăng gia đơn vị riêng mà.

- Tớ vẫn làm theo Quán phân công đấy thôi.

Được rồi. Thế thì bây giờ, tính...

Chúng tôi ngồi hai bên hố, ngắm nghía, còn khoái cái công trình mới, đã quên mất nếu ông Ngải không đào thử và chỉ vẽ cho thì còn loay hoay đến sang năm cũng chưa chắc được cái hố nhép.

- Bây giờ tính... Theo lệnh tôi. Nhóm ta thi đua với các nhóm. Sáng mai triển khai ngay hai công tác: đi gắp phân và bẻ lá ủ phân. Nhặt phân, gắp phân, gánh phân không phải việc của anh, mà anh cũng không làm nổi. Tôi phân công anh đi các bờ bụi bẻ lá ủ. Nhớ cái lá nào ngấu được, lá rền đất, dây mảnh bát, lá xoan. Đừng rước về lá tre, lá duối ủ một năm không ngấu không tơi thì chết dở.

- Ừ, tớ không biết gánh. Tớ như anh đảng viên Dũng trong làng đem hai cái vai thờ ở tỉnh về.

- Ai sinh ra mà đã biết gánh, lại gánh phân. Nhưng Quán đã sinh ra là bộ đội thì biết hết, làm hết.

Rồi Quán về, vừa đi vừa hát thật to. Như giễu cợt, như quá vui, không biết bài chòi hay hát dặm, chắc lại một câu Quán vừa nặn ruột ra - giọng Huế nghé ngọ lai lai.

Trời mưa, trời gió đùng đùng

Cha con ông Sùng đi gánh cứt trâu...

Sớm hôm sau, tôi ra ngoài tha ma cuối đồng. Đã để ý trên bụi móc diều ở đấy leo bùm

tum chằng chịt những dây lá mảnh bát, mảnh cộng, dây tơ hồng. Ngày còn ở làng, tôi hay đi ngắt lá mảnh bát về nấu canh láo nháo, canh cua, tôi vẫn thuộc rau má, rền cơm, rau sam, mùng tơi - những lá nào người ăn được thì chắc chóng ngấu, không như lá tre, lá duối dai hơn giấy dầu bọc xi măng. Quán ở trong xóm đằng kia đi ra, gánh đôi quang lồng một, hai thanh tre gắp phân đặt trên mặt sọt.

- Không được hả?

- Không được là thế nào! Kết quả buổi khai trương vượt mức. Đổ vào hố rồi. Ra giúp ông anh đây. Bỏ đống lá vào sọt này, tôi quảy về cho.

Mỗi buổi sáng, công việc nhóm tôi như vậy. Có hôm Quán xong việc ra sớm, tôi còn đương leo trên bụi duối, cắt dây mảnh bát. Quán quăng cái quang gánh, ngồi phệt xuống đám cỏ trên nấm mả nhà người ta. Quán kể nông nỗi đi gắp phân như là đọc một mẩu chuyện trên báo. Các đường ngoắt ngoéo trong xóm trổ ra cổng đồng còn tối đất. Những con trâu, con bò ra ruộng làm sớm, thói quen tự nhiên tới rệ cỏ ven hào nước thì đứng lại ỉa. Đến khi sáng hẳn, trẻ con trong xóm mắt nhắm mắt mở lốc nhốc kéo ra, ngồi bĩnh đấy. Hai thanh tre của Quán mở ra gắp lên sọt tuốt cả phân trâu, phân người. Tìm ra những con đường phân này cũng chẳng phải tài giỏi riêng Quán, mà sáng nào cũng có người nhặt phân từ các ngõ xóm ra cổng đồng, đi muộn có khi hết.

- Lá khoai lang ủ phân tốt, xuống lấy thêm

vài nắm.

Quán xua tay:

- Đừng mó dái ngựa! Rau lang người ta cho lợn. Anh chưa bị vồ nào à? Cục cứt ở trong ruộng người ta cũng không được đụng vào. Sáng nay thôi, tôi hót bãi phân dưới ruộng, một tên đến sừng sộ ngay. Con trâu hay thằng người ỉa ruộng tôi làm là phân của nhà tôi, anh lên đường cái mà hót. Luật Đất đai đã nói đất của nhà nước, thằng cha lạc hậu thế mà mình phải chịu.

Chúng tôi làm hố phân cùng lúc với mọi bộn bề của những buổi gặt chính vụ. Rồi ra cái xóm Đồng này hay hay dở không chỉ vì niêu cơm mỗi nhà trông vào, mà cả xã, cả hàng huyện đương nghe ngóng, tọc mạch về cái hợp tác xã thí điểm. Đã lên kế hoạch gặt trước trên ba mươi mẫu. Trời nắng thuận, lúa chín già mặt hạt thóc, đã được mấy mẫu sớm. Đợt này thu tiếp một lèo trên mười mẫu, còn bọn ruộng hom muộn để đến cuối tháng gặt nốt, chỉ ra đồng vài ba ngày là cùng. Công điểm gặt không sổ sách như công cày bừa đầu vụ mà cân thóc trả tạm ngay cuối ngày.

Cả nhà cơm nước xong từ lúc còn tối đất. Ông Ngải thì ngồi uống nước, hai ấm đã kiệt. Đòn càn, đòn xóc, dây dợ, thừng chão đã cắm sẵn từ hôm qua ngoài ruộng.

Giá như các năm trước chưa có tổ thì đã đi từ lúc sao mai còn lóng lánh đầu ngọn tre. Bây giờ các nhà gọi nhau í ới, đến sáng bạch ngoài

mặt ruộng mới dần dần rộn tiếng cười nói rồi tiếng tay lúa chuyển rào rào.

Tôi cũng ra ruộng với ông Ngải. Ông Ngải dạy tôi gặt như bảo trẻ con chơi. Ông Ngải bảo cách vun cây lúa, cắt quơ liềm, tôi nhận ra lý luận cái liềm, cái hái là những tay máy đầu tiên thay tay người. Hình như Ăng Ghen nói tương tự thế. Tôi cười thầm tôi chưa đổ mồ hôi đã ra lý luận. Rồi tôi lại bực tôi tủn mủn hay chế giễu cả những việc giản dị. Đến những động tác phức tạp nữa thì tôi cũng im cắt nghĩa, tôi lại cười tôi. Tôi gặt với ông Ngải, anh Sự và một lũ các cô Lẻn, cô Dăm, cô Vĩnh. Tay con gái thoăn thoắt, không quờ quạng như tôi. Nhưng tôi cũng không thấy ngượng.

Tôi vơ bốn khóm lúa, hai đầu gối khuỳnh đỡ như kiệu quì. Tôi phải nhớ: tay cắt cất cao, chân cụp lại, duỗi ra, từng hiệp, từng hiệp. Có cô ngoảnh sang tôi, cười như nắc nẻ: “Anh Tư đừng lo, ông Ngải mà dạy cắt lúa thì chỉ nửa buổi anh đã hơn đứt chúng em”. Các cô đùa như nói trêu trẻ con, chứ đời nào tôi ví được với các cô gặt khoan thai như văn công múa. Tôi nhớ năm trước vào giải phóng Tây Bắc, ngẩn ngơ nhìn các cô gái Thái gặt ở Phù Yên, lưỡi dao cắt từng bông lúa nếp thu vào ống tay áo chàm, như nhìn cô tiên trên trời sa xuống.

Hôm sau, gặt lúa dâu. Quán lại dạy tôi bài học khó hơn. “Biết gặt, biết bó, biết gánh, gánh không đổ, làm được ba cái biết ấy mới là thợ gặt”. Tôi hỏi:

- Quán thạo mấy biết?

- Gặt và gánh. Còn bó thì chân đạp và đầu gối tỳ còn đuối, bó chưa chặt.

- Tớ thì ông Ngải mới cho học quơ liềm.

- Anh đích thực "họ Từ tên Hải vốn người ăn không" đã lâu rồi, chính phủ miễn cho anh chức nông dân.

Chuyện vui, chuyện cười lao xao trong ruộng, chẳng mấy lúc đã cao ngộn những xếp lúa đầu bờ. Quán bỏ gặt lăng xăng lên chen vào đám gánh. Quán nhanh nhẹn quơ mấy cây lúa thành một khóm, ba bốn khóm ra một gồ, ba gồ một lượm, ba lượm một bó. Một đòn xóc hai bên sáu bó, khỏe thì tám. Một mạch thẳng về đến sân - gánh thóc không được đổ, đổ thì thóc rụng.

Quán gánh con cón, như trai làng, hệt thợ gặt. Chẳng quẩn chân ai chút nào. Ông Ngải nói: "Anh Quán ở đây được. Đã vợ con chưa?"

Cô Hến kể: Bố tôi yếu rồi, chứ ngày trước ấy a! Nhà ăn thế anh đã bảo sớm, chứ khi chưa vào hợp tác, mẹ tôi thổi cơm từ canh hai. Hôm nào đi gặt mướn thì đến ruộng mới tỏ mặt người. Bố tôi ra đơm đó, nhấc lờ về, uống xong vò chè rồi đứng dậy ra ruộng còn tối đất.

Buổi gặt về, chiều đứng im. Dòng sông và bóng bụi tre, bụi chuối lẫn vào nhau. Sao hôm vừa lặn, sao vược lên cùng chùm sao tua rua như một quang đèn treo trên đầu khoanh tre. Khéo nhỉ, sao tua rua mọc như thắp đèn đến sáng canh đêm kéo lúa.

Ngày trước, nhà giàu thuê thợ hay treo giải gặt đầu mẫu. Chủ ruộng đếm từng quảy về trước. Ai chẳng may cắt với ông Ngải thì biết trước là mất giải. Ông Ngải đã ăn giải cả chục gánh một buổi. Làm ruộng giỏi như ông Ngải, ngày ấy, khi ở xóm Đồng về, tôi đã viết một bài học văn cho học sinh lớp phổ thông miêu tả Ông Sóng vò lúa. Bàn chân to ngoàm nghiến từng lượm. Người làm ruộng không cày, không trâu, không kéo đá, cả đời chỉ cái cuốc và hai bàn tay, hai bàn chân với những nét ác liệt. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ mùa gặt ấy- mà cô Hến nói bố tôi già yếu rồi, nhưng tôi trông ông vẫn như pho tượng đá không có tuổi, tay liềm thoăn thoắt, một chốc đã ôm cả hàng lúa ra xếp xòe đuôi cá. Rồi ông lên bó, chân đạp đầu gối ấn, chiếc đòn xóc đâm ngọt xuống, nhắc lên, hai bó lúa ôm tròn hai đầu đòn như hai thớt cối đá.

Buổi gặt chiều, nắng nhạt nhuộm phớt vàng lên ngọn tre rồi mờ dần như khói. Phía bờ sông đã ngẩn lên một vảy mồng trăng đầu tháng. Ngoài đồng vãn người thì trong sân, mùi lúa chín, mùi hôi gà vịt ra rúc xốc thóc rụng, trong vách lom đom lửa bếp. Cơm xong lại hối hả đổ đi vò lúa, kéo lúa.

Tập gặt, quẩn chân người ta, nhưng tôi đã xếp được, hai tay hai bên đặt bó lúa đều, kiểu vẫy đuôi cá vược cũng như ai. Nhưng chịu không bó được và thử nhấc cái đòn xóc, hai vai như sắp sụn xương. Thế đã là được, cũng không nghĩ thêm được câu lý luận nào nữa.

Vừa buông tay liềm, nhìn xa đằng cánh đồng sâu đã thấy như chênh lên, mép ruộng nước loang loáng nổi hình người vai đeo thừng, tay chống gậy gò lưng kéo bừa. Các xứ đồng cao lại làm màu trồng khoai tây, có mảnh đã xanh nhu nhú. Tiếng chuông chùa bên sông bỗng ngân lên giữa lặng im. Hai chiếc thuyền bỏ mui trong bến, lửa bếp ánh đỏ mặt nước.

Những mẹt cau bà Ngải mới bổ phơi ngoài sân đã được cất vào nóc chạn. Miếng cau xếp dựng hạt cho nhựa chảy, mai nắng lại bưng ra. Trong bóng chiều mỗi lúc một sẫm lại, tiếng gọi đò, tiếng trẻ cười, tiếng trống báo họp tối, tiếng xe lúa về, bánh xe lạo xạo trên đường ẩm hơn sương. Đến khi đã tối thui thì như có cái vung úp xuống một trời sao long lanh ướn rợn lên.

Dẫu thế nào thì những ngày gặt hái được trông thấy hạt thóc, đâu cũng rộn rã nhất vụ. Người lo các thứ cho mọi công việc. Hũ mỡ nấu nướng cơm nước ngoài đồng, chai dầu thắp kéo lúa khuya, cân chè hạt, nụ vối, xó thuốc lào... Và có hạt thóc, con chim gáy trong bụi tre trong giọng hơn, con gà con chó mỡ màng, con người quần quật làm bất kể đêm ngày, nhưng ra được hạt gạo mới, mặt mũi dường như có phổng phao hơn. Cô Vinh nói đùa, mà thật: "Em như con gà, quanh năm gày so vai, đến ngày mùa lại béo ú".

Chúng tôi bộn rộn ra đồng, nhưng vẫn chăm hố phân. Có cái hố phân xanh mà không nên hồn thì còn ra sao - Phùng Quán bảo thế.

Cái việc khó nhọc nhất vẫn là quang gánh Quán đi gắp phân sớm, lỡ muộn là bị nhặt tranh hết. Thế mà hôm nào Quán cũng về trước, lại đem quang sọt ra bờ rào giúp tôi khiêng đống dây dợ, lá lẩu về đắp xuống hố. Chúng tôi vừa trễ nải lại như siêng năng, cứ lầm lũi, tuần tự và thờ ơ tha thẩn như thế. Quán phải quang gánh đi từ tờ mờ nhưng chưa chắc đã dậy sớm hơn tôi. Chẳng phải tôi mất ngủ bận bịu đọc hay viết khuya mà bởi ông Ngải đã ra bụi tre lép từ lúc sương đêm còn lùa vào nhà, gà vừa gáy tan canh. Lịch kịch, lỉnh kỉnh ông Ngải dựng cánh liếp lên, đem cái nồi, rổ chè trong bếp ra ngoài bờ ao. Cả đời cạnh bụi tre, đã ngồi đấy rồi.

Tôi tan mất giấc, ra với ông Ngải. Ông chẳng quan tâm, chẳng khách sáo. Ông nói cái đêm chỉ làm lười con người, dậy sớm thế mới phải. Đã thuộc việc, tôi lấy rổ hái chè ngoài vườn từ chiều hôm trước vào gác trên bờ tre. Hôm đầu, ông cầm rổ rồi nói: “Chưa biết hái. Phải vứt lá già, ngắt lá đương lứa thì chè mới đậm, mới sánh nước”. Ông nhặt bỏ đi đến nửa rổ những lá còi, lá sần sùi mà tôi tiện tay đã tuốt trụi cả cành.

Chẳng làm nổi cái thớ đút bếp. Trong đời, có mấy lúc ủ hố phân xanh để chơi mà cũng lo, cũng không làm nổi. Thế thì tôi còn biết làm gì, tôi là ai, tôi là thằng thế nào. Việc ấy cũng áy náy một thoáng nghĩ.

Bút mực, bút bi làm trò trống gì. Lởn vởn những câu Nguyễn Bỉnh Khiêm tự mỉa, mà là

thật như ông ấy ngồi trong bụng mình - năm thế kỷ trước, thánh thật.

Không có tài mà được ngộ nhận, ban khen
Nhởn nhơ mà cứ dối là mình vất vả
Vốn học chưa đủ thỏa lòng mong mỏi
Chỉ chuốc lấy hư danh cho người đời chê cười...

"Người đời" trước mắt tôi chỉ là ông Ngải thôi mà đã cảm thấy ngượng ngùng, ngượng mà trơ ra không tự biết, nghe như thơ chửi người khác. Bàn tay ông Ngải ngoàm ra, vò nắm chè như mớ rơm rửa bát. Bỏ chè vào rổ, ông Ngải dội nước sôi "luộc" rồi cho vào ấm. Nhấp ngụm nước chè xanh rợn, đắng tê đầu lưỡi. Ấy thế mà rồi cái đắng ấy dần dà hóa ra ngọt đậm quen từ hôm nào, không biết. Mỗi sớm đi làm, chỉ bát nước chè đã no - ông Ngải bảo vậy. Tôi cũng bắt đầu cảm thấy thế.

Vầng trăng cuối tháng còn vệt sáng xiên ngang giữa nhà, bà Ngải đã gọi cô Hến dậy thổi cơm. Cơm đèn, cơm đóm, cơm sáng trăng, ông Ngải dửng dưng. Ba mẹ con quanh cái chõng, lâu nay có thêm tôi, nhà vẫn sớm mai cơm nước giờ giấc thói quen thế. Thường thì cơm khan, chỉ chan nước mưa, nước vối, ít bữa nấu canh. Có đêm ông Ngải đi họp hợp tác về, hỏi tôi mấy giờ tôi bảo ba giờ sáng. Ông Ngải không đi nằm, nhóm lửa đun nước ngồi uống đến gà gáy tan canh rồi đứng lên ra bờ sông đặt đó. Hai bàn chân bàn cuốc, bước huỳnh huỵch. Đời ông chỉ cuốc, xắn mai, làm vai con trâu kéo. Từ cái năm

xây cống Trà, đồng bớt mặn, khỏi mặn, ông Ngải ra vỡ hoang được chín miếng thành ruộng rồi ở luôn đấy, chẳng bao lâu những nhà khác cũng kéo ra, cái xóm to dần.

Gặt đã vãn rồi ông Ngải dò dẫm lại từng góc ruộng, rồi đi nhấc lờ cá. Mẹ con cô Hến thì bắt con chạch, con cua đến nhạt nắng mới về. Con tép bỏ vào chĩnh nước cáy. Mớ chạch vùi nồi kho được thức ăn mai rồi.

Cu Ốc thì đi tập dân quân, nằm vạ vật ngoài đình, sớm hôm ra ngay ruộng.

Bên kia sông, trên mặt đê kéo dài nền trời xám chẳng ra chiều ra sớm. Những quảy lúa nhấp nhô, chiếc xe bò lạch cạch, tiếng vọng xuống nước nghe vời vợi. Còn khô thoáng thế này mà chỉ tháng sau đã đến cữ mưa dầm, gió bấc cho đến khi cánh đồng kiệt đã lên sâm sấp nước thì có lứa rươi đầu ngoi lên ngọ ngoạy chân cỏ.

Hôm ấy phiên chợ Thượng. Nhà có buồng chuối dấm, bà Ngái đem bán. Chịu khó đi chợ xa quả chuối được tiền hơn quanh quẩn xó chợ Phố của rẻ như rác.

Đò ngang đằng sau chân tre mới gà gáy đã nghe tiếng mái chèo gạt nước sớm hơn thường ngày. Bà Ngải trỏ vào giường gọi: “Trỗi! Trỗi!” Một lát, bà cũng lại đi ngả lưng rồi cái Hến mới ầm ừ ngồi lên. Ông Ngải đã gật gù ngoài hiên với ấm nước. Hến vào bếp bắc nồi, thổi lửa. Cơm đã cạn, Hến ghế nồi, quấn mồi rơm rác quanh miệng kín nắp nồi rồi lại mò vào giường.

Bà Ngải cứ như cái máy lại ngồi lên, ra ngả chiếc mâm chõng, lại cất tiếng réo "Trỗi, Trỗi" gọi thằng Ốc, cái Hến ra ăn cơm. Tôi đương uống nước với ông Ngải cũng vào mâm. Tối mò, chẳng đèn đóm, vẫn cơm chạch kho lại thêm món muối rang như mọi sớm.

Tiếng cút kít, cót két cái lăn đá kéo lúa đã ánh ỏi ngoài đầu xóm. Ông Ngải uống cạn ấm nước vẫn cằn nhằn đêm qua ra sân coi lúa, không biết bọn con đĩ dại nào kéo đá cờn như ngựa bật cương, đú đởn nhau đùa nhau để lỏi thóc, sứt cả cái tai lăn.

Sáng bạch thì cả nhà đã đi hết...

Quán ra bảo tôi: "Bận sau anh chớ có trèo lấy lá xoan ủ phân, cành xoan không có thớ, nó mà khấc một cái rơi thẳng xuống đất, chỉ có gãy xương. Để xem chỗ nào có bèo ong. Cái bèo ong lợn không chén, có khi còn". Quán nói để khoe nó biết cành xoan ròn chứ tôi có trèo xoan bao giờ. Ừ thì mày đi mà tìm bèo ong. Ông đã chén cơm từ tám hoánh với cả nhà, bây giờ tức bụng chỉ muốn nằm khểnh, mặc dầu tôi vừa mắng thằng tôi là ai, tôi là ai thì tôi biết quá chứ.

Tôi ngắm lên cái nhà ông Ngải mới làm năm ngoái chưa xong hẳn. Một tay ông lo toan cặm cụi, chăm chút từ lúc trồng vườn xoan tơ cho đến năm những cây xoan đầu lứa được ngả xuống cưa, đẽo rồi ngâm vào bùn ao. Ông Ngải lại cẩn thận đi lùng cái thuốc bom, thuốc bom chống được mối mọt, ông hòa loãng ra quết vàng khè khắp kèo cột ba gian nhà. Cái sân còn

đất nện, nhưng đã lên tường xây gạch con kiến bao quanh. Sau cổng trồng hai cây cau lùn. Vài năm nay nhà được đủ bữa, đã khác. Một đời người chỉ cầm cuốc, dần dà lên được cái nhà tươm thế này.

Hồi Pháp chiếm, ông Ngải không bị bắt đi dõng, đi bảo an, vì đã hom hem râu ria. Lão xếp bốt hương binh quát ra lệnh: "Râu dài quá rốn cũng mặc mẹ nó. Cứ thấy đứa nào vẫn hau háu mắt cú thì biết nó còn nhòm ăn, nhòm gái được thì cứ bắt cạo râu rồi giải cả về đây". Nhưng không phải ông Ngải nuôi râu chống càn như nhiều người trong vòng tuổi ba mươi, mà hai con mắt ông Ngải từ trẻ đã lèm nhèm viền vải tây điều. Thế là thoát chân lính tráng. Nhưng ông Ngải cũng không đi Việt Minh. Cũng như bây giờ, ông vẫn nói một câu lừng khừng "chẳng ôm rơm nặng bụng".

Lúc cải cách, cả làng nháo nhào, ông đứng yên. Không ai đụng đến mấy miếng ruộng tay ông cuốc nên. Ông Ngải chẳng tị nạnh với đứa nào. Bây giờ có hợp tác ông vào ngay. Cái lý của ông cũng như người ta hiểu. "Cái ruộng nó trần trần ra đấy, làm thì ra thóc chứ ra gạch a? Có ruộng thì có thóc, hợp tác cũng là ta cả thôi". Ông nói thế, nhưng thật cũng không ai đoán nổi tại sao ông vào hợp tác nhanh vậy.

Ông Ngải được bầu làm chân kiểm soát trong ban quản trị. Ông Ngải hỏi kiểm soát có phải là "củ soát tế vật" như ngày xưa các cụ đi tế ngoài đình. Sự bảo: "Kiểm soát là đứa nào làm

sai thì kiểm soát, uốn nắn người ta". Ông Ngải chỉ "ừm" một tiếng.

Tôi cũng lấy làm lạ cái tích cực bất thường của một người chỉ chăm chăm việc làm quanh cái mai, cái cuốc. Một hôm, ông nói tôi mới nghĩ ra. Thì lại thật dễ dàng cái sự nhận làm kiểm soát và vào hợp tác của ông. Ông tính: "Vợ chồng tôi già rồi. Con cái thì có nhớn mà chẳng có khôn. Thì phải dựa vào trên chứ dựa vào ai, trên bảo làm thế thì làm". Ông vào hợp tác ngay cũng đơn giản cái nghĩ thế. Ông lại cắt nghĩa rằng vào hợp tác ai cũng phải lao động. Lao động được chấm công, ăn thóc, không làm thì nhịn há mồm ra. Ông thích rõ ràng như thế. Ông Ngải ghét nhất đứa lười, quân lười thối thây. Năm trước, có người được chia ruộng, lại ôm đống quả thực cả giường chiếu, chum vại, quần áo hẳn hoi, thế mà rồi nhai hết, bán cả lúa non, lại cởi trần nằm ổ lá chuối khô. Ông chửi ầm lên, ông bảo cho nó chết. Ông Ngải chửi đứa người lười cũng khác người ta. "Không phải nó chịu hèn nằm ngửa ăn sẵn đâu, những đứa quân thâm hiểm lắm chứ chẳng vừa". Bọn chúng thâm hiểm thế nào thì ông không nói.

Có việc trên khuyến khích làm bèo hoa dâu bón ruộng. Bàn ở ban quản trị, ông Ngải nói: "Đừng nuôi bèo dâu mà công toi. Bên Quỳnh Côi làm được, còn ở ta đất bãi nên đồng, không hợp bèo dâu". Chủ nhiệm Sự nhăn nhó: "Tôi họp cả ngày nghe huyện dạy làm rồi bảo cho hợp tác xã thí điểm được lên huyện lĩnh một sọt

bèo" "Các ông ấy dạy làm chứ các ông ấy có làm đâu". Sự nói: "Thôi thì ta cứ đem về thả, có hỏng cũng chẳng chết ai". Ông Ngải chẳng găng nữa, mà lại nói hôm nào có bèo để ông đi lĩnh. Sự thì đa nghi, nói khéo: "Bèo là phân bón, công tác phân bón của đồng chí Quốc, bố ạ".

Ông Ngải lặng im. Ấy có lẽ ông lại tơ tưởng với những mảnh ruộng bãi tay ông cuốc. Cứ ai bàn làm ăn, cả lúc ngồi yên dễ thường ông cũng nghĩ về nó. Tôi đã nghe ông nói không biết cơ man nào lần, tôi cứ thành kiến về ông như thế. Nhưng mà một tay một đời làm nên tác phẩm công trình thế, tự hào như ông là phải chứ. Cả cái thung này ngày trước hoang mặn, chỏng trơ. Từng tảng cuốc lên rồi nhiều người trong làng ra kéo đỡ nhau dần dà vượt qua được cái đất chua đất ác. Cũng bởi mọi nhà sàn sàn, lại quen vất vả tối ngày, người ta cũng dễ một bụng, đổi công hay hợp tác thì cũng ra hạt thóc ăn chia cả.

Nhưng các nơi khác soi mói nhìn vào tò mò và lo lo. Cũng có người rì rầm: "Vừa được chia miếng ruộng, chưa ăn xong bát cơm đã cộng lại, rồi còn vần xoay thế nào". Nhưng những băn khoăn ấy không biết đến đâu, rồi im. Bởi vì chính phủ đã dựng cái hợp tác thì rồi ở đâu cũng phải bước vào. Dạo này, Quán lên tận gần chợ Phố lấy phân. Chẳng biết có trâu bò xóm nào ra đồng đằng ấy, nhưng Quán đã cáo lắm, đi tìm đồng vắng nơi đã bỏ phân chuồng, đến thuổng một ít. Một hôm, đã chẳng được gắp phân nào, lại bị tẽn, Quán kể:

Người trong xóm ra hỏi:

- Hợp tác trên ấy gặt hết chưa? Nghe nói họp thắc mắc suốt đêm không xong mà? À, à, đến lấy phân ruộng nhà người ta, không được đâu. Hợp tác trên ấy ăn hết phân rồi á?

Quán lại chuyện:

- Chưa hết, chưa hết, đểu lắm. Còn có những đứa ra ngắm tôi rồi chép miệng: "Hôm mới về các anh trắng trẻo béo tròn thu lu như ông cố đạo, bây giờ nhô vai gầy đen nhẻm. Chân tay học trò của người ta thế kia mà các ông các bà hợp tác bắt con người ta làm con mẹ mũi thung đi gắp phân. Dân ở bờ bãi quen xơi cả cứt có khác". Chúng nó nói nặng hơn chửi, tôi không dám đối đáp lại.

Quán tong tả với cái quanh gánh sọt không. Chúng tôi nhìn nhau cười, chẳng hẳn cười. Quán hay chửi bọn mỏ quạ ác khẩu. Rõ cái bụng ghét thì con mắt méo nhìn người ta. Làm gì đâu mà đen nhẻm. Bữa nào cũng đánh mấy bát cật lực, ít thức ăn càng tốn cơm gạo mới. Có về đây mấy đốt xương, khớp xương trong người tôi mới được đụng đến. Ở cái xóm lam làm đầu tắt mặt tối này, chuyện trong mọi nhà vui buồn chan hòa với mình. Chúng tôi dường như ai cũng cảm thấy thế. Ngày rộng tháng dài tôi cũng không sốt ruột về thành phố.

Tôi thích thú mọi chuyện nhà ông bà Ngải. Bà Ngải lại kể ngày trước ông ấy đi kéo cày mướn thay trâu. Một con trâu thường đi suất ba sào. Ông kéo một buổi năm sào ruộng dầm gần

gấp đôi trâu, chỉ đổi vai thừng một lần. Ngày công cao gấp rưỡi người khác mà các chủ ruộng đều ưa gọi ông, nhiều người đặt hẳn cọc đầu năm. Rồi lại việc sông nước, đi cất vó. Cái năm ra phá hoang, chưa nên đất phải bện cỏ đánh luống để vùi dây khoai. Được ba tháng lá tốt um, móc lên ngốt mắt những củ khoai mập mạp. Rồi ông ấy lợp lều ở luôn, vừa trông vừa làm. Đến khi thành ruộng đã cấy được rồi mà cứ gặt xong lại cuốc, đất ngấu như bãi bồi. Thế là lại cắm luống dưa hồng, dưa gang, được quả to như lợn tháu lăn lóc cả đồng.

Vừa sửa sang vườn ruộng, trồng rào hóp ra men sông thì xã ủy lập chòi hương dũng, rồi Tây về đóng bốt, đuổi không cho người ở gần. Thế là phải chạy trở vào làng. Nhưng chẳng bỏ vụ nào, vẫn lẻn ra đánh luống, chỉ phải cái không được ăn. Nhớ làm thì ra làm thôi. Dưa hồng chín vàng bờ sông. Hai bốt Trả, bốt Cầu Sắt chúng nó đem xe cam nhông ra khuân tiệt.

Năm bình yên rồi mới làm nhà, làm dần, tưởng như xong mà bây giờ vẫn chưa xong. Sang năm xẻ gỗ mít, đóng cửa bức bàn. Mọi thứ ông đều làm tất tật. Bà Ngải lại kể với tôi: “Buồn cười quá, khinh cả con trâu cũng chẳng bằng ông ấy, ăn thịt thì còn được chứ kéo lúa thì chỉ biết kéo. Hai bàn chân tôi đây vò lúa khéo bằng mấy trâu kéo đá. Cả lượm tôi vò chẳng rơi vãi một hạt”.

Nhiều cụ già khác ngày trước như thế cả, như mẹ tôi khi sinh thời, người không ăn cháo,

có mệt mỏi cũng chỉ ăn cháo nấu như cơm nát. Ông Ngải nói người mà ăn cháo thì liệt giường chầu trời đến nơi. Có lần ông Ngải đương lên cơn sốt rét mà nhà còn sào ruộng chưa bừa, đã hẹn cấy. Ông dậy, đùng đùng vác bừa đi. Ông đặt nghiêng răng bừa trên mặt nước, rồi quàng thừng kéo. Bừa xong cả thửa ruộng, ngồi xuống bờ, không đứng lên được nữa. Ông nghĩ phen này chết mất.

Không đi được, ông khoác bừa lên vai, lội xuống lạch nước, ông quờ quạng bơi bò về tận bờ rào hóp sau nhà. Ông vào nằm đắp hai cái chiếu, đến nửa buổi, mồ hôi toát ra như tắm, thế là tan cơn sốt. Ông lại ra chỗ ruộng mới bừa xem thợ cấy đã đến chưa.

Người ta hay nói vui với ông Ngải: “Cái lão khọm này thì phải bao giờ cho đi Liên Xô xem máy cày, máy gặt đập, cái tàu hỏa, tàu bay thì may ra lão mới biết sợ. Chứ con trâu con bò thì chỉ để mổ thịt, được cái bộ gì phải không?” Ông Ngải cười: “Đúng đấy, nhưng mà biết đến năm thằng Ốc, cái Hến lấy vợ lấy chồng thì tôi còn sống mà được nhìn thấy cái máy cày chưa?”

Ông Ngải nói ví thử thế cho vui miệng chứ cái Hến chỉ khoảng tuổi mười lăm, mà đã sắp về nhà chồng. Chú rể Toàn ở trong làng, cũng học lớp hai lớp ba cho biết mặt chữ như Hến rồi ở nhà. Toàn chắc nhỉnh tuổi hơn Hến, dáng chững chạc. Mỗi lần ra nhà Hến, Toàn đội cái mũ nan lá cọ bóng dầu, áo sơ mi trắng, quần phăng ka ki xanh nhạt, trong túi quần có cái

khăn mùi xoa.

Bố vợ sai xới luống rau, chữa cầu ao, đánh cây rơm. Toàn cởi trần, mặc độc cái quần cộc. Thói tục đất này tự nhiên, mới ăn hỏi mà chàng rể đã năng đến nhà vợ. Nhưng tôi chẳng thấy hai đứa trò chuyện, đùa nghịch khi nào. Chiều cơm nước xong thì Toàn về.

Hôm ấy, Toàn với Hến ra vườn cắt hai buồng chuối tây mỗi buồng hơn mười nải. Một góc vườn có đến mấy chục cây chuối, chuối dấm chuối chín chẳng mấy phiên chợ Phố, chợ Diêm không có chuối ra chợ. Mà tôi không thấy nhà ăn quả chuối nào bao giờ. Mai đi chợ Diêm từ lúc sao chưa lặn, thế mà khi Toàn về trong làng, tối mẹ con Hến lại đi kéo lúa như mọi khi đến khuya ngủ một lúc gà đã gáy dồn. Bà Ngải lại gọi: “Hến! Hến! Trỗi! Trỗi!”. Tinh mơ ông Ngải đã ngồi đầu chõng với cái vò nước, cái điếu cày. Cô Hến trở mình, ngái ngủ. Phải vài ba lần bà Ngải quát gọi, cô Hến mới ậm ự ngồi lên. Lại ra nhóm bếp, bắc nồi, tra gạo bà Ngải đã vo sẵn, lúc quấn cơm xong lại vào giường lăn ra. Đến lượt bà Ngải bày mâm bát, bắc cơm, lại hò: “Trỗi! Trỗi!” Cô Hến trở mình, chép miệng, ú ớ. Phải mấy câu giật lên nữa cô mới thật ngồi dậy được và ra chỗ mâm chõng. Rồi vẫn chỉ có ba mẹ con và tôi ăn thầm trong bóng tối.

Tôi nói:

- Tôi cũng đi chợ Diêm. Lúc nào Toàn ra đây?

- Bây giờ thôi.

Bà Ngải đã ăn xong, đứng dậy. Tôi ra mái hiên nhìn trời chỉ còn ông sao mai sáng rợn sau bụi tre. Toàn chưa ra, tôi lại vào uống nước. Ông Ngải kể chuyện ngày trước quãng trời này ông đã đi "đón công" ở chợ Phố. Chủ ruộng đến chọn người mướn đưa ra ruộng, cắt được một gánh, xóc đòn quẩy về sân nhà người ta, trời mới sáng.

Ông Ngải vẫn gật gưỡng, lại hút điếu thuốc. Sớm mai mù mờ, lạnh đầu ngón tay. Ông Ngải đã đặt đó lúc chặp tối qua, bây giờ đợi con rể ra, chúng nó đem chuối xuống chợ thì ông xuống rệ sông nhấc đó. Nhưng ngại đi trễ nhỡ tuột cứ cá ra, ông Ngải đứng lên. Đặt đó cũng không phải cứ quăng xuống cửa rãnh, phải bôi đất thó nhẵn mép nước, cá bống vào mới không trợn. Đến lúc Toàn ở trong làng ra, ông Ngải vừa xách đó về đã lại ngồi ngoài bụi tre lép chẻ lạt. Chỉ được một con rắn mòng không cá nào dám bén mảng, ông Ngải đem đó về ngay. Quay đi quay lại, mới tinh mơ bảnh mắt ông Ngải đã làm được ối việc.

Toàn vác đến cái đòn ống. Hai buồng chuối buộc túm cuống lại, như trói con lợn, mỗi người một đầu đòn. Cái đòn lắc lư đi một quãng, tôi bảo để tôi đỡ một vai. Toàn bảo: "Nhẹ như bấc, có gì đâu". Từ nhà xuống Diêm, hơn mười cây, đi đã mất ngót buổi. Mọi thứ mua bán đều gồng gánh trên vai, chẳng biết thế nào nặng, thế nào xa.

Hai bên cánh đồng lác đác những đầu bờ

cắm đòn xóc, treo cái mồi rơm, ấm nước. Nhiều nơi còn gặt muộn. Nhưng nhiều chỗ đã làm mùa, đương cày dầm.

Rồi có ruộng cày xếp ải quanh bờ, đất đã nỏ, sắp tháo được nước. Chỗ làm mùa, chỗ sang màu, đồng áng chẳng còn phân biệt mùa vụ, lúc nào cũng lật đất kiếm cái ăn.

Đã trông xa xa những bãi sú xanh xanh ngang mặt biển. Rễ sú to hơn thân cây, trồng từng hàng làm bờ rào ngăn sóng. Trên những vùng cỏ bằng phẳng mặt nước lợ, lốm đốm những con cò trắng mỏ ngà, chốc lại bay vồng lên. Đàn vịt nhà hàng trăm con lạch bạch, à à vỗ cánh đùa quẩn trên mặt nước.

Phố Diêm giữa đường cát, nổi lên lơ thơ tháp nhô mái lá như những chóp nón úp. Nhà cửa, hàng quán vách quét vôi vàng như phố nửa thời tản cư. Một kho gạo, một hiệu bách hóa nhà mậu thì tường gạch trần, lợp ngói.

Ngoài cửa sông, những đống lưới cao như gò. Mấy cánh buồm nâu. Không biết thuyền sắp ra khơi hay thuyền buôn vào chợ. Nhà ai phơi cá, phơi moi ngay mặt đường. Những đàn nhặng xanh bay từng đám chụm lại, tưởng như vốc tay được. Mùi cá, mủi mắm thum thủm khắp nơi.

Xóm thưa thớt lẫn với cánh ruộng muối trắng. Biển tít mù ngoài bãi sú bạt ngàn, những mái tôn, mái lá càng ẹp xuống dưới những tảng đá chặn lên ngăn gió thổi bay. Không một bóng chim. Một vùng tiêu sơ ngày ấy, bây giờ đọc báo

được tin đương xây cảng hiện đại Diêm Điền cho tàu viễn dương hàng nghìn tấn ra vào được. Không cắt nghĩa được mà lại thấy ra được, như hồi đầu thế kỷ, ở nơi chơ vơ sóng gió, ăn còn không có lấy đâu ra chữ nghĩa và hiểu biết, thế mà ở đây đã sinh ra người thanh niên Nguyễn Đức Cảnh xuất dương đi hoạt động từ khi cách mạng còn trong trứng nước…

CHƯƠNG 5

hợ lèo tèo ngay giữa phố, gió lùa đùng đùng. Bánh ngô, bánh đúc bị táp cát, ăn nhai cả sạn, thì vẫn ăn thế. Một chốc chợ tan, các cọc lều được nhổ lên, đàn vịt lại ùa vào rúc cái bãi trống. Chỉ còn lại một hiệu ảnh người xúm đông xúm đỏ xem bác phó nháy lúi húi tô màu. Khách chụp ảnh thích ngồi ghế, môi má tô màu đỏ, áo hồng sau lưng có phông chậu hoa và hồ Hoàn Kiếm.

Trong kháng chiến, bộ đội tỉnh đã tấn công san bằng bốt Diêm Điền, không biết bốt ở chỗ nào. Chắc hỏi thì cái Hến, thằng Toàn cũng chẳng biết. Tây về đóng lại, xây đồn sang Quang Lang. Một lần xuống khu Ba công tác hậu địch đồng bằng sông Hồng, Hoàng Trung Thông - tổ trưởng Thông của chúng tôi đã đi với đoàn cán bộ vào tận Quang Lang này. Thông kể: Quang Lang có tề hai mang, ngày ở hầm, tối lên gặp và họp với cán bộ cơ sở, ngay cạnh đồn. Trông ra biển, ngọn hải đăng Hòn Dáu và đèn điện bên Đồ Sơn nhấp nháy. Hoàng Trung Thông đã bí mật ở Quang Lang cả tháng. Khi trở ra, đóng vai người thuyền buôn các nơi về chợ Diêm.

Đã toan kể cho Toàn và Hến nghe chuyện bác Thông hồi còn bốt Tây, đã công tác bí mật

vào Quang Lang, Diêm Điền. Nhưng lại thôi. Bấy giờ chúng nó chắc mới chập chững biết đi, hay là chưa sinh. Cái lạ, chúng nó sắp cưới mà từ lúc đi đến xẩm tối về, toàn nói trống không, nhát gừng rồi lẳng lặng, như phải khó chịu đi với nhau. Hay là tôi không hiểu và tôi làm chúng nó ngại. Tôi về kể cho ông Ngải nghe tổ trưởng Thông đã vào công tác tận bốt Quang Lang. Ông Ngải nói: “Việt Minh cao cấp đi bợm nhỉ?”

Bỏ một buổi lấy lá ủ phân, hôm sau lại ra gò ngoài tha ma sớm. Quán đã về nhanh hơn mọi khi, Quán ra bờ rào đỡ tôi ngắt lá, cắt dây. Các bờ rào gần đã kiệt lá, phải đi kiếm những gò xa.

Tôi hỏi Quán:

- Gặp may thế nào mà về sớm thế?

Quán quẳng cái gánh không xuống từ nãy.

- May rủi quái gì, ra muộn, hết sạch.

- Thức đêm mò mẫm ả nào, con Vĩnh hay con Răm?

- Cái con khỉ khô. Ngủ say quá, sáng nào cũng phải nhờ chủ nhà gọi. Không khí trong lành mà.

Rồi Quán kể lể:

- Anh không biết cái lệ trong làng chỉ có ông già, bà già mới đi gắp phân. Các cố ít ngủ, từ gà gáy đã chực đấy. Con trâu vừa cho ra, các cố chiếm ngay. Mấy bãi thì cắm que giữ sẵn. Thanh niên ở đây không đi hót cứt, dù là cứt trâu.

Tôi lên giọng:

- Chúng ta đi lao động thì việc nào cũng bằng nhau.

Tôi nghĩ sẵn: Thằng này lại sắp chơi mình một câu đại khái anh thử đi gắp cứt như tôi xem việc bằng nhau thế nào. Nhưng Quán giơ tay, cười cười:

- Mưu Gia Cát! Gia Cát Khổng Minh Phùng Quán đương tính ra một kế tuyệt diệu.

Những hôm sau, tôi cũng không hỏi Quán có tranh được phân trâu hay không. Cái hố gần đầy, được hay chẳng được cũng thế, chúng tôi đủng đỉnh buổi đực buổi cái. Quán gánh về hai sọt nhoe nhoét bùn.

Tôi hỏi thờ ơ:

- Bùn à?

Quán đặt gánh, giơ tay cắt nghĩa:

- Anh đừng coi bùn là xoàng nhé. Bùn khác đất vách, bùn mà ngấu với lá làm phân xanh thì tốt bằng mười đất vách bồ hóng nhà ông Ngải.

- Sao cậu biết?

Quán trợn mắt:

- Anh viết văn phải giàu tưởng tượng lắm, mà anh chưa phân tích được bùn là cứt tháo tỏng của ông trời, cứt của trời ném xuống thì nhất định hảo hạng rồi. Nói đùa chứ tôi đã đi hỏi nhiều người bảo bùn khá.

Rồi Quán lại lấy phân của trời hay phân trâu, phân giun dế, không biết. Những cái dây leo mà mỗi hôm tôi ôm về, dây mồng tơi, dây tơ hồng, dây lạc tiên, dứt mãi cũng quang cả. Ngoài tha ma gò đống mồ mả trụi hết, phải ra

bờ tre đầu đồng. Cái hố của chúng tôi đã cao lùm lùm, lổn nhổn nhoét bùn, đắp ôm lá lên, xanh rã rượi như cái mả mới. Tôi bàn phải đào cái hố khác.

Nhưng Quán gàn:

- Khoan, khoan đã. Hố này cũng chưa biết tiêu thụ thế nào. Hẵng đợi chỉ thị của tổ trưởng. Mà gặt hái xong, hợp tác còn khối việc mó. Ta giúp bà con làm gì hơn là làm mãi cái con khỉ này.

Quả là Quán thạo và thiết thực nhiều. Sáng kiến của tôi đem bỏ sọt ngay được. Những dự định tìm hiểu vùng này cho ra tấm ra miếng, tôi đem cả sổ tay đi mà đã làm được đâu.

Vào bên bụi tre lép tôi đứng lại. Giống như ông Ngải. Và ông Ngải ngồi tựa lưng vào thân tre từ bao giờ. Hai ống chân lấm bùn đã cọ đen nhoáng. Ông này chân tay bắt nắng mà mặt lúc nào cũng bềnh bệch, nắng không bắt, tôi lại so sánh. Như da mặt ông Phan Khôi thật. Ở trong bếp, cái Hến đương vùi nồi cá kho, món ăn làm tốn cơm nhất với tôi. Không đâu kho cá ngon bằng đây. Kể cả món cá chuối kho khan, rắn đanh lại lúc ăn phải vắt chanh, như ở Đại Hoàng quê Nam Cao ngày trước, cũng không dễ ăn hơn. Hay là vì cả tháng độc có cơm với muối rang mỡ ngỡ thế. Người đi làm đồng về, trong cái giỏ đeo lưng, được con săn sắt, con lươn, con rắn nước, mùa mưa thì xuống ruộng tràn chộp con rô, con chạch, đem mổ moi ngoài câu ao rồi bỏ vào cái nồi đất với củ riềng để cả tảng

ướp muối một lượt. Nồi chát bùn miết kín mép vung. Gạt mấy ông đầu rau ra, đặt nồi giữa bếp, quấn rơm rồi đắp ụ tro quanh. Ninh suốt đêm, đến bữa mới bưng ra, con cá, con rắn xương đã nục như bột. Thơm thế, bùi thế.

Ông Ngải hỏi:

- Hôm qua xuống chợ Diêm mua được gì không?

- Ăn cái bánh đúc ngô.

Ông Ngải lại hỏi:

- Đám lá phân xanh đã trương lên mặt hố. Bao giờ ông Thông đến thu?

- Chẳng thu đâu, ông ạ.

- Thế thì các anh ủ phân làm gì?

- Học tập lao động ấy mà.

- Rõ buồn cười.

- Thật đấy ạ.

- Vậy để cho tôi. À hỏi xin ông Thông đã chứ.

Tôi nói:

- Bác Thông cũng chẳng biết đổ đi đâu. Ông cứ lấy.

Ông Ngải rỡ đất tường bồ hóng ra san lấp lên đống lá mùng tơi đã óp xuống rồi xúc thêm bùn ao phủ lên, như miết bùn nồi cá kho. Ông bảo làm thế cho thật kín, phân ngấu đều, ra giêng hai ông đem một gốc chè chiết cắm vào, chỉ một năm nhất định ra lá. Thế là nhóm tôi xong được công tác cái hố ủ phân.

Kể ra thì khối việc của hợp tác, ngày nào chả có việc, như Quán nói - nghề nông quanh

năm lắm việc, nghĩ ra mà làm chứ đâu có nông nhàn trong tưởng tượng, trong sách vở. Nhưng bây giờ toàn việc chẳng bận đến chúng tôi. Các tổ hợp tác vẫn gay go cung cách chia bôi. Gặt hết rồi, chỉ còn một ít dự. Nhưng những đống thóc đã kéo xong vẫn còn chất rải rác, ngày ngày có người đến phơi rồi vun lại, vạch vôi đánh dấu. Lão "củ soát" Ngải đảo lại mấy lần nhòm nhòm ngó ngó. Thóc phơi sân nhà mình mà không phải của mình, nghĩ tức lộn ruột. Đã đành được cân tạm về ăn, nhưng chưa tính rành rẽ, những thắc mắc cứ nặng nề thêm. Các bà nhiều lo hơn, cứ nhà nọ thậm thụt sang nhà kia. Chẳng biết có phải người chồng đã nhòm trộm sổ kế toán, về bảo vợ: "Vài ba điểm được mấy cân thóc chết tiệt, phen này bán sới, bị gậy đi kiếm phương khác thôi!". Chủ nhiệm Sự nói ang áng: "Số công điểm là thế, là thế, lo con bò trắng răng a!". Người ta vặn là thế là thế, là thế nào... Sự cũng lúng túng không biện bạch kiểu "đến mai lại đúng" được. Vợ chi ủy Quốc chì chiết chồng thâu đêm. Mọi năm, quây cót chật buồng ra kín thềm hè, năm nay thóc đi đâu, thóc còn lang thang sân nhà người ta. Đến tối, Sự vào nhà kế toán, mở sổ ra, cộng trừ tính, càng rối xòe mù mịt. Vợ Sự vẫn giữ một miếng ruộng ngoài, nhưng chẳng dứt nghiến ngả chồng: "Bỗng dưng sinh ra cái hợp tác, chỉ phá rối".

Từ hôm có kế hoạch đổ thóc ra phơi nốt một nắng rồi dồn lại sắp chia thì cũng đỡ ồn.

Nhưng lúc nào cũng lại nẩy ra lắm cái lôi thôi, lung tung khác. Mấy con gà của nhà Sự ăn thóc đến nghẹn tắc cổ. Sự tưởng gà lên cơn giật chết dây. Đến lúc con gà trống cong cổ ựa ra rãi lẫn thóc, mới biết. Chẳng ai nhìn thấy con gà mổ trộm, vợ Sự cũng cứ bô bô nói trống không: "Ngày mùa, cúng cho con gà con qué kiếm miếng, mất của ai". Sự gánh thóc về, đổ ra sân, đánh dấu chen giữa một hàng gạch. Hai chị em thằng con ở nhà xúc trộm. Sự xem lại thấy mất dấu, chửi toáng lên rồi vào buồng bê thúng thóc nhà ra toan đổ bù. Thằng con với đứa con gái giằng lại, vợ Sự lăm lăm cầm cái đòn gánh, trợn mắt, mắm môi. Sự đành đứng ơ. Nhà nào cũng lục đục. Chồng đi làm mạ, về hỏi: "Ở nhà nắng thế mà không trang thóc a?". Vợ chao mặt một cái: "Thóc của thiên hạ đâu vẫn đấy, ai dám mó vào, con hùm chưa vồ mất hạt nào đâu". Không thổi cơm tối, vợ bảo chưa có thóc thì đi cướp gạo ở đâu mà thổi.

Nhiều điều tiếng rên rỉ rêu rao: "Cốc mò, cò xơi"- ý nghi ngờ người này người kia ở ban quản trị, ở những nhà có sân cho phơi nhờ.

Các nơi quanh đấy và trong làng vẫn lảng vảng, dò hỏi. Người ta đồn thế nào nơi nào rồi cũng phải lên hợp tác, lại càng hãi những đồn đại. Cán bộ kỹ thuật về hướng dẫn chống bệnh toi gà, cũng xúm lại hỏi đủ thứ. Anh cán bộ quen giải thích tào lao buông một câu: "Ôi dào, tôi đi nhiều nơi đã biết hợp tác nào lúc đầu cũng nát như tương, ấy vậy mà rồi đâu lại vào đấy.

Yên chí". Yên chí thế nào, người ta rủa anh cán bộ gà chỉ biết ăn như mỏ khoét.

Trong làng, mỗi xóm, mỗi nơi một khác. Các nhà làm riêng, nhất là những nhà được xuống thành phần mấy năm nay, lặng lẽ êm ả gặt hái rồi đợi mai kia đến Tết. Tổ đổi công thì nhộn nhịp gánh thóc về nhà như chọc tức, trêu ngươi. Thóc rơm còn đánh đống vàng rực ngoài sân, mỗi tổ đã ăn mừng đụng ăn chia một con lợn. Còn để vào vụ cày xong mổ con nữa rồi có phải lên hợp tác mới lên. Có lúc nói: "Sào ruộng tôi đổi công năm nay kém năm ngoái ba gánh, thật đấy." Nhưng lại rỉ tai người khác: "Nói thế để hợp tác thấy họ hơn, cho họ sướng. Nhưng ta lại cứ ăn, cứ mừng".

Những nhà làm đổi công thì tiếc ruộng tốt, không muốn cộng ruộng vào hợp tác. Cứ rối xòe lên.

Lại vẫn lôi thôi cấy dày cấy thưa. Cái dạo tổ trưởng Thông thử mấy thước cấy dày, bị cả xóm cười làm trò trẻ con. Còn hợp tác đi trên huyện học cấy dày kỹ thuật mới. Cả Quốc với Sự lên hội nghị. Hôm về, Quốc nói: "Ban kỹ thuật huyện đi ngắt một bông thóc ruộng đổi công, một bông ruộng hợp tác. Ruộng cấy thưa được một trăm hai mươi hạt. Ruộng hợp tác mới cấy dày nửa vời, đếm đã được một trăm tám mươi, tuy hạt nhỏ nhưng đều mặt, cân lên nặng hơn bên kia. Cũng không phải lúa cấy thưa ngon cơm hơn. Cái ấy là tại giống". Người ta nghe tai nọ sang tai kia, cũng chẳng ai để ý hỏi cặn kẽ cái

kỹ thuật mới. Dường như cả chân trong và chân ngoài đều cứ chờ đợi thế nào.

Những đêm sương sa, sáng ngày ra nắng đã hoe nhạt. Chớm vào thu rồi. Cây cau trước sân bỗng rơi xuống nghe ình một tàu lá vàng óng. Ông Ngải nói:

- Tàu cau đã rụng thế vầy chỉ mùa sang năm thì bói được.

Gió giải đồng rạt rào, miên man. Nước sông Diêm trong veo thấp thoáng lưa thưa sau rặng hóp đá, nhìn ra mới ngắm được cái tài tình của những chữ "nước chảy lơ thơ".

Bắt đầu tính hết công điểm chia thóc từng nhà. Chưa chia đã rắc rối, bây giờ lại rẽ sang những nói ra nói vào khác. Bà Ngải phàn nàn mớ thóc, mớ rơm như cái chổi cùn. Cứ thấy quảy lúa về kéo rồi phơi ở sân nhà mình rồi lại cùn cụt đội thóc đi đâu.

- Tôi đi chợ, người ta hỏi. Có phải một mình bà phải chăm mười con trâu? Được ăn bao nhiêu công điểm?

- Thế bà nói hoang mang a?

- Không, tôi bảo tôi lên hợp tác rồi thì tôi không biết hoang mang, thắc mắc cái gì cả. Thế là chẳng đứa nào mở mồm hỏi khích bác nữa.

Ông Ngải thì hăng hái một cách rạch ròi. Ai vào bên bụi tre lép ăn thuốc nhờ, ông nói như đọc trong báo ra:

- Có muốn biết thì tôi dẫn cho mà biết. Thóc thuế đóng rồi, phân than, công trâu bò gác ra rồi, tính cộng lại thì sản lượng được chia

nhỉnh hơn mọi khi. Có thế mới lên hợp tác xã chứ. Ấy là năm nay còn chưa làm có kinh nghiệm, mà cái dự, cái di, cái hom cấy vặt vãnh chưa tính. Con gà con qué ngày mùa nhặt vài hạt thóc đã chết ai mà chúng nó đồn láo hợp tác phải giết hết gà vịt để khỏi thắc mắc. Những đứa nào ăn nói phản động thế?

Ông râu vểnh nhả khói thuốc:

- Ông dẫn ra vầy thì tôi hiểu ngay. Sắp lên hợp tác cả rồi, tôi phải hiểu biết chứ. Nhưng thế nào, mùa này sao mức thu nhà ông chỉ nhỉnh thôi. Như mọi khi, mình làm mình ăn cả, thì nhà ông được bao nhiêu ấy cơ.

Nó nói ngóc ngách, ông Ngải im. Rồi sang câu khác:

- Vào hợp tác thì phần tăng phần giảm trông vào lao động. Bao giờ chẳng như vầy, người chịu khó thì chẳng lo. Chết những thằng ngay xương, bây giờ hợp tác làm ăn có chúng có bạn, thằng lười trơ mặt ra. Tôi sướng nhất cái ấy.

Ông nọ cũng không còn hỏi vặn vẹo vào đâu, lảng chuyện.

- Rõ rồi. Tối qua, trong làng có đám suýt cháy nhà. Tình nghi đứa ném bùi nhùi, cháy từ ngoài nóc vào, ông biết không?

Sự ở đâu vào, nói chen:

- Lúc đương tiến lên thế này, phải cảnh giác. Thù nhau đốt nhà, bắt đứng ở đổi công a? Không được.

Mỗi người lại kéo mồi thuốc, rồi mỗi người

đi mỗi việc. Người lùa vịt ra đồng cho xốc thóc mót, người vào tổ cân thóc chia. Người lên quán nước trên đê...

Ông Ngải tính nhẩm hình như công điểm nhà ông có dôi ra. Dôi ra thì lợi chứ sao, nhầm lõm vào mới là thiệt. Nhưng không, nhà mình được, nhà khác mất, rồi người ta moi đến thì lòi đuôi. Cứ phân minh trước sau. “Cả đời tôi chẳng ăn không của ai bao giờ”. Suốt đến chặp tối, ba bố con xướng lần lượt từng điểm, tôi ngồi làm tính cộng, cộng đi cộng lại. Thấy cái lúa dua hom, con số công gặt của cái Hến vào sổ hai lần, không biết đúng không.

Ông Ngải xách cái đèn chai đến ngay nhà kế toán.

Anh kế toán đương bò chổng mông tính sổ dưới ánh cái đèn cày. Kế toán đã vẫy mấy chú bé đương ngồi học bài ngoài hiên vào soát các sổ cho nhanh. Xem đến sổ nhà ông Ngải thấy thừa ra mười công ở sổ điểm cô Hến. Ông Ngải gật gù bảo kế toán: “Tôi thế đấy anh biết chưa?”

Ông Ngải yên tâm. Nhưng ông Ngải còn băn khoăn:

“Cái bụng mình như chiếc bánh bóc ra mà thiên hạ cứ bảo quản trị ăn cắp. Chẻ hoe ra đấy nhé”. Bà Ngải cằn nhằn: “Thèm nhặt đâu vài điểm công với xá. Ngày trước kéo lúa ủng hộ bộ đội cả năm đấy sao”. Nhưng cũng lắm cái cứ bực mình. Lúa ruộng tốt ruộng của nhà chia đi đâu, toàn gánh về cái táp nham của những nhà đứa nào ấn cho.

Ông Ngải nói khẽ khàng với tôi, như tiếng thở dài:

- Thì cũng chỉ vì thằng Ốc, cái Hến. Cứ như chúng tôi cả ngày một niêu cũng xong, chứ vào hay ra làm gì cho mỏi chân, có phải không anh?

Mỗi khi ông Ngải dường như nghĩ nỗi sau này, hay nói với tôi tương tự câu ấy.

Cũng không nhớ tổ chúng tôi còn ở xóm Đồng bao nhiêu lâu, rồi cả bọn về một lúc hay đi lẻ tẻ dần. Bởi tôi lại một mình trở về, chẳng biết đã ai về trước chưa. Cũng chẳng vì công tác cơ quan gọi. Đợt đi này không có hạn ngày, không biết Hoàng Trung Thông có phải về vì công tác chờ đợi thế nào, còn thì lắm lúc nghĩ tôi cảm thấy tôi cũng như cái đinh long, đóng vào cũng được để vậy cũng thôi - cái nghĩa bề nổi, không chữ nghĩa thâm thúy như câu chèo cổ "nát ván, long đinh" đâu. Tôi đương muốn lên mấy nơi trên Hải Dương có những tổ các anh Bùi Hiển, Đào Vũ rồi về. Tổ trưởng Thông bảo: "Ừ, về thì về". Ở lâu, tuy chẳng có gì giữ chân, mà cũng ngại đến lúc rời đi cũng nhớ. Anh em biết tôi sắp về, đi qua, tạt vào, mỗi hôm lại hỏi: "Khi nào về?"- "Cũng chưa định". Nhưng thấy người cứ hỏi, tôi cũng đâm sốt ruột. Thế là quyết định mai đi. Quán sang chơi. Ông Ngải với tôi đương mổ, làm lòng con vịt dưới cầu ao. Quán tựa lưng bụi tre, hút thuốc, hỏi:

- Gà hay vịt đấy?

Tôi nói:

- Hay quá. Ở đây làm vài chén "trường

đình".

Ông Ngải vẫn cúi, té nước lên lưng con vịt.

- Thịt vịt, con vịt bị rắn cắn. Anh Tư trông thấy con hổ mang trong hang bờ ao vừa nhoài ra. Còn đánh tiết canh được cơ mà. Xong hết rồi, chỉ còn bỏ nồi luộc. Vơ hộ nắm lá tre dóm bếp. Quét qua chỗ ấy rồi vào bảo cái Hến dọn mâm bát ra. À hũ rượu trong gầm giường hãy còn.

Ông Ngải đều quí hai chúng tôi. Nhưng xem ra ông ý tứ với mỗi người một vẻ. Như cung cách và người ngợm tôi, ông Ngải trọng như một ông giáo làng, ông thày đồ ở trọ. Ông nói thời Tây có cái trường học trên chợ Phố có thày giáo trông cũng giống tôi, nên ông nhớ. Còn Quán thì mồm miệng chân tay đều xốc vác, có hôm ông bảo Quán vần trả cái cối đá to bằng cái vại ông Ngải mượn trong làng. Lại chỉ có cái súng gỗ, mà Quán đẽo răng cưa, gọt mổ cò dạy dân quân Ốc như bắn súng thật. Ông bà Ngải thân tình với Quán như người trong nhà, như thằng Toàn con rể.

Quán bần thần nói:

- Tiếc quá, cháu đã hẹn đụng chó với anh em rồi.

- Bao giờ?

- Chốc nữa chén.

- Nhà ai đấy?

- Nhờ lão quán nước chợ Phố. Ông Ngải biết đấy, lão này chùm chó. Cháu đi nhé. Cái thịt chó là hết cỡ, không thịt nào địch được, đừng để

phần cháu.

Rồi Quán đi luôn. Tổ trưởng Thông "chạy" con vịt rái cá cắn hôm trước đã "lặn" đi họp cũng nhanh như thế. Tôi với Quán ra đầu ngõ. Quán nháy mắt, phân trần:

- Có chó má nào ở đâu. Tôi đã đánh nhau giáp lá cà với các thứ Tây ở mặt trận Huế. Nhưng cái giống gà vịt bị rắn mổ này thì tôi khiếp, anh ạ.

Tôi cười:

- Thôi, đi đi.

Tôi trở vào bắc bếp. Ông Ngải nói như vạch bụng anh chàng ra:

- Chú Quán sợ thịt vịt rắn cắn. Sợ quái gì!

Tôi không vào chuyện với ông Ngải mà tán về rắn:

- Cái rượu ngâm tam xà, ngũ xà chữa bách bệnh, đau xương thấp khớp, liệt âm liệt dương, khỏi hết.

Rượu rắn bổ nhất trần đời. Ngoài bờ sông bờ ao sẵn rắn, ông nên ngâm vài vò, rồi hũ chôn hũ uống, dùng cả năm.

- Biết thế, mà tôi bỏ rượu đã lâu. Giờ, đứng gần người say ngửi hơi rượu cũng lợm giọng.

Rồi ông Ngải cười khà khà xách ngược con vịt đã rửa sạch bóng.

- Anh xem, da dẻ nó hon hỏn thế này. Dại quá, cái nhà chú Quán…

Những ngày ấy, xa gần mịt mờ như chiêm bao chắp nối trong giấc ngủ đêm qua. Tiếng rằng ở Thái Bình về Quán công tác ở phòng Văn

hóa Quần chúng, nhưng cũng là làm vì và dông dài chẳng khác khi ở xóm Đồng.

Rồi lại đi, lại đi. Bị kỷ luật ba năm không hội viên Hội Nhà văn, nhưng rồi ba mươi năm mới có lời làm lễ giải hạn. Không cấm sáng tác, nhưng viết thì không đâu in. Những nơi này có cán bộ cơ quan khác đến làm công tác theo dõi, những câu nói cuối cùng của ông theo dõi này về bài báo, về quyển sách, nhất là nếu lại dẫn chứng cấp trên "anh ấy, anh ấy đã bảo thế" thì còn sinh sát hơn quyền hành những người phụ trách Nhà xuất bản và tờ báo ấy.

Tôi đã xem mấy bài các bạn Quán viết về Quán tập câu cá rồi câu cá hồ Tây vào loại tay nghề. Một Lã Vọng bất đắc dĩ, trò chơi mà hóa thật. Ở thành phố, những năm ấy chẳng phải chỉ có mình Phùng Quán câu cá đợi thời. Khối các ông Lã Vọng khác nhau. Những ông chủ bỗng trắng tay, thất nghiệp và biết bao những nông nỗi thế nào nữa, chỉ còn trông vào đống rác, cái cần câu, bắt cóc, bắt chuột... và những cung cách kiếm cơm không nói hết thành tên được. Ông Kỷ cậu họ tôi, nhà buôn sơn ngoại lâu năm có tiếng trong thành phố. Mấy hôm ấy, Tây ở Hà Nội chỉ còn ngồi đợi rút xuống Hải Phòng. Người được tự do vào thành phố, nhưng có trật tự. Lính Pháp thờ ơ gác, tôi đứng trên đường Mai Lĩnh, trông thấy dòng người nghìn nghịt qua cánh đồng Văn Quán lên thị xã Hà Đông. Ông bà Kỷ lái xe riêng lên thị xã Sơn Tây - tôi đương làm phóng viên báo Nhân Dân đi

xuống nhà thờ Phúc Nhạc viết bài về tình hình bà con công giáo di cư vào Nam. Tôi ghé lại Sơn Tây, ông bà lên chơi. Năm sau, Hà Nội cải tạo tư sản, ông âm thầm bán ô tô, bán biệt thự, còn chuyến hàng sơn cuối cùng ở Pháp về thì vướng lại cảng Nhà Rồng trong kia. Hết của, ông Kỷ thành tay sát cá hồ Tây. Những thung thổ cá mú vòng hồ chẳng chỗ nào ông không thuộc. Lại các ông Ba, ông Tư trong làng nội, các người hôm qua chủ lò bánh mì giàu có chất của lên được, bây giờ mất cửa hàng, mất lò, nhà dọn xuống ở bãi Nghĩa Dũng. Hai ông đóng khố, vác chũm đi đơm đó ven sông, thực sự kiếm miếng hàng ngày.

Những tâm sự trầm uất và cái sức viết đương khỏe của lứa tuổi Quán đã vẩn vương tôi. Tôi mà còn bải hoải nữa là. Đi lâu thế, tôi cũng thao tác mọi việc viết, thế mà chẳng tả nổi về cái xóm Đồng một chữ. Phùng Quán vẫn chịu khó cặm cụi mà sau này bè bạn đã tổng kết sáu chữ cho cái giai đoạn bi đát ấy: Câu chui, rượu chui, viết chui. Những năm này Quán đương sức viết. Không đâu in, nhưng Quán vẫn viết. Nhà xuất bản Kim Đồng in truyện thiếu nhi Tâm Trọc về thăm nhà. Có tiếng xì xào của Phùng Quán ký tên khác.

Chẳng biết Nhà xuất bản có ai bị kiểm điểm, bị hạ bậc lương, bị mất việc không. Chắc không. Vì quyển sách mỏng và viết về kháng chiến chống Pháp, mà vốn Phùng Quán xưa nay sở trường tráng ca, anh hùng ca. Phùng Quán

gửi bài thi viết về Lê Nin. Truyện của Quán - tất nhiên, lại ký tên khác, được xếp giải nhất. Cũng chẳng biết tác giả có đi lĩnh thưởng không và làm thế nào nhận được cái đồng hồ báo thức quà tặng. Con người chăm viết, viết khỏe mà chỉ đôi khi in ra được dăm ba chữ. Tâm trạng bức bối kéo dài còn đau hơn sự cấm đoán. Mấy năm gần đây, Phùng Quán làm nhiều thơ, viết báo và đưa in những bộ truyện đồ sộ như hồi ký Tuổi thơ dữ dội vẫn là nối tiếp một Phùng Quán ba mươi năm trước, một tay sử thi có hạng. Nhưng người thì chưa bao giờ trẻ, mà chẳng còn trẻ trung đâu nữa. Phùng Quán đã vào năm mươi rồi. Thân hình bơ phờ mảnh khảnh, lại ăn mặc kiểu các cụ áo năm thân rộng nhuộm cậy màu hoa hiên, bộ râu chuột lưa thưa. Làng văn đã có Nguyên Hồng xống áo và râu ria cũng tương tự. Nhưng tôi chẳng bao giờ nhận ra Nguyên Hồng đã lão thế và không thể thấy cụ Phùng Quán lụ khụ nâu sồng này khác hồi cụ Phùng Quán trạc hai mươi tuổi ở xóm Đồng. Quần áo và bộ râu có việc của nó. Có phải vì tôi hơn Quán cả con giáp cứ thấy người không bằng tuổi mình thì lúc nào cũng vẫn tưởng như ngày xưa. Có thể vậy, tôi cứ nhớ như vừa mới đây. Thật thì chốc đà đã là hơn ba mươi năm qua - những cách quãng phí hoài đời người của Phùng Quán.

Những lần gặp giữa phố, Phùng Quán bảo tôi:

“Anh lên chơi nhà tôi. Có cái rượu uống

được”. Tôi không lên. Chẳng vì ngại đi, mà cứ thế nào. Tôi đánh chén thịt chó Hàng Bè với Lê Đạt mà không lên hồ Tây, dù cái máu rượu ông phó bí thư chi bộ cũ của tôi thì chán chết, khề khà với Phùng Quán thú vị nhiều. Rượu vui, rượu buồn đều cần, nhưng phải tùy lúc. Cho mãi đến hôm mừng Nguyễn Hữu Đang thượng thọ tám mươi tuổi - hai ông em kết nghĩa Phùng Quán, Phùng Cung của Đang bảo tôi, tôi mới lên nhà Quán. Gặp lại bạn Đang già mình vốn quí trọng, thế mà lại buồn. Nhưng cái nhà vườn bên hồ Tây của vợ chồng Phùng Quán hôm ấy đông khách đến mừng cụ Đang quá, có đám đông thì tôi cảm thấy mất vui. Đành vào nhấc hũ rượu, làm một chén chia vui rồi về.

Tôi ở xóm Đồng đi nửa buổi đến cầu Phú Lương. Tổ của Đào Vũ ở thôn Vũ La ven đê bên kia cầu. Buổi tối nhìn lên thấy quầng đèn sáng thành phố Hải Dương. Bác Tú Mỡ ngày ngày chăm chút lau cái xe đạp rồi buộc thừng treo lên, không để bánh xe chịn đất. Lâu nay chỉ còn trông thấy người có tuổi lau xe đạp. Cả Sỹ Ngọc, không nhớ các anh ở cùng nhà hay đến chơi.

Vũ La nhộn nhịp, đông nhộn. Bên trong khoanh tre, những khoảnh vườn mơn mởn cà chua đương vào lứa phấn mỡ. Khác làng mạc Thái Bình, chỉ có mấy cây chè khẳng khiu sau bờ tường đất u ám như tổ mối.

Vũ La cũng đương xếp ải. Nhiều chỗ đất phơi đã được nắng trắng nhạt như làn sóng đất lăn tăn. Các chủ nhiệm hợp tác xã toàn tỉnh

đương về họp ở đây.

Cả hội nghị với lớp kế toán hôm ấy cũng đi xếp ải giúp hợp tác xã. Tiếng trống tom tom gọi xã viên đi làm đồng. Cửa hàng hợp tác xã mua bán mở sớm. Vải xanh Sỹ Lâm, vỏ áo bông, chăn bông tiết kiệm trần ô trám. Còn sớm mà người đã ra vào xúm xít. Cả tổ Đào Vũ cũng trong nhộn nhịp này. Tôi cảm như chúng tôi ở dưới kia chểnh mảng chẳng nên trò gì. Nghe chuyện cánh Kim Lân đi công trường thủy lợi Bắc Hưng Hải bên Hưng Yên, cả ngày đào đất, gánh đất bằng dân công.

Đào Vũ đi làm đồng trong tiếng trống giục đầu xóm. Đào Vũ khoác bừa lên vai, tay cầm thừng dắt con trâu. Như những người đi cày và mấy con trâu vừa đi qua cổng. Tôi bỗng nhớ Quán, lẩn thẩn đoán con trâu này bĩnh trong chuồng chưa, nếu ra đường đồng mới ỉa thì Quán gắp được.

Nhà văn Đào Vũ, một người làm ruộng. Không ngẫu nhiên mà sau chuyến đi ấy Đào Vũ ở lại Vũ La, bắt đầu bộ tiểu thuyết Cái sân gạch miêu tả cuộc đấu tranh sản xuất và con người ở Vũ La những ngày đầu hợp tác hóa.

Nghĩ lại, mình lêu têu ghê. Nhưng biết thế thôi, cũng chẳng ân hận. Ở đời mỗi người một mánh, một tật. Tôi nghỉ lại Hải Dương, Hải Dương cũng tương tự các thị trấn khác, lỗ đỗ lốm đốm dấu vết thời sự và thời gian: những dãy phố, những căn nhà bị rỡ cái năm tiêu thổ kháng chiến đã được vá nham nhở các bức

tường và cửa hàng mặt tiền quét vôi, ốp mấy hàng gạch hoa duyên dáng như cô gái trong làng diện áo phin trắng mà lại đi chân đất. Các phố nhỏ, khúc khuỷu vẫn lặng lẽ quê quê. Đương có đợt đăng ký lại các hộ công thương. Đồn ầm lên rồi những nhà nào không được cấp môn bài lại thì phải dọn về quê làm nông dân.

Ở đầu tỉnh, đồ sộ một nhà máy làm đồ sứ. Năm trước, đây còn là một bãi hoang. Trong cải cách ruộng đất chỗ ấy là nơi các làng xung quanh lên mượn làm mít tinh đấu địa chủ. Đội tôi ở Cẩm Bình đã đưa dân đi dự nhiều lần. Những chuyện đấu tố chỉ chợt nhớ đến đã thấy sượng mặt.

Nhưng tôi nhớ có lần Nguyễn Công Hoan rủ tôi về Hải Dương, Nguyễn Công Hoan nói: “Trong tiểu thuyết Đống rác cũ của tôi, anh bảo anh thương cái người đàn bà phải đi làm dâu khổ cực trăm bề, tôi đưa anh về nhà nhân vật ấy”. Chúng tôi xuống tàu hỏa rồi qua phố chính vào một cái ngõ lát gạch nghiêng như đường làng. Căn nhà một tầng, mái ngói rêu phủ đen sì. Lỗ tròn mắt bò mở hé, sau cánh cửa, một ông cũng trạc Nguyễn Công Hoan ra mời chúng tôi vào. Ông không cao lớn, mà thấp người, mặt tai tái đến độ không trông rõ bộ ria mép, như một cụ làng bẹp ngày trước. Phản giữa trải chiếu, chủ nhà mở chiếc lồng bàn úp trên mâm đồng thau. Một mâm cỗ thịt gà thịnh soạn. Chủ nhà cười. “Mười giờ chưa thấy các xừ, chưa nghe còi tàu về, đã lo lo”. Ra chủ khách đã có hẹn, và

cách nói thân tình.

Trong bữa chén, hai ông toàn nói chuyện dạy học ở Kinh Môn, ở Vũ Tiên, ở Lào Cai. Ông ấy ngày trước cũng là nhà giáo trường huyện. Đến chiều về cũng không thấy anh Hoan trò chuyện gì với tôi về nhân vật người đàn bà bạc phận. Anh Hoan hay tư lự những cái anh đương nghĩ, có khi hỏi thì lại trả lời lạc sang điều khác.

Nhưng rồi tôi cũng phải hỏi. Thì anh nói:

- Tôi đã bảo rồi mà. Nhà người ta đấy.

Chẳng hiểu ra sao, nhưng tôi cũng không hỏi thêm.

Hỏi anh lại nói khác nữa, thì chịu, rồi tôi phải đoán lấy. Nhưng cũng không nghĩ ra được đấy là nhà người ấy khi còn con gái hay là nhà chồng, hay là nhà ai?

Cứ cho đấy là nhà người ấy trước khi về nhà chồng. Cho đẹp và buồn những kỷ niệm của người viết.

CHƯƠNG 6



hiều chuyện với Nguyễn Công Hoan cũng lắm bất ngờ tức cười chua chát như những cái kết truyện ngắn của anh. Dự quốc khánh, lễ lạt ở sứ quán nào, Nguyễn Công Hoan đi đôi giày da bóng lộn, tôi chưa thấy khi nào. Tôi tò mò:

- Giày luých này chắc Tết anh mới diện?

Anh giơ tay cắt nghĩa kiểu thày giáo trịnh trọng giảng bài:

- Dự tiệc đứng thì hay đi đi lại lại, người ta cứ phải nhìn giày mình, cho nên cần có giày tử tế.

Tôi đùa:

- Rồi về lại đánh xi cẩn thận, bọc giấy bóng, cất đi.

Anh còn nói lạ hơn:

- Không, giày này tớ đi mượn. Cậu nhận xét cũng xoàng. Có là giày đi mượn thì mỗi tiệc mới một đôi khác nhau chứ.

Đã có lần anh kể anh có một người anh em con chú con bác làm nghề vá giày ngồi ở bờ tường cạnh chợ Hàng Da. Người vá giày vỉa hè, trên tường đóng đanh treo bán những đôi giày cũ được mông má lại.

Tôi nhớ chuyện anh kể, nhưng không chắp

nối lại được trong tưởng tượng, Nguyễn Công Hoan đã đến mượn trong đám những đôi giày treo bán ấy vào dịp long trọng. Nguyễn Công Hoan có lắm nhân vật bất ngờ trong đời thường như thế. Anh dẫn tôi đến ăn bún chả nhà một ông ở đầu phố Nhà Thương Khách cũ. Nhà ông làm vàng hồ, trang kim hài hán, nhuộm giấy thẻ hương. Hồi ấy còn ngặt về lễ bái lắm, vợ con ông làm hàng mã phải ngồi làm dấm dúi dưới bếp. Ông ấy xoa xoa tay, kính cẩn: "Các bác làm việc dương gian, nhà em thì công tác đường âm, thưa phải không ạ".

Ồ, kể mọi ly kỳ về Nguyễn Công Hoan thì vô số, vô cùng như những truyện ngắn có kết bất ngờ của ông.

Nhà trọ bến xe Hải Dương chẳng khác dãy lều lá dưới cầu Bo. Cũng thế, người ra vào thậm thụt, người gánh người đội, người đeo, không biết trong tải đựng gì, không đoán được người đi buôn hay quân đầu trộm đuôi cướp, lúc chặp tối càng đông.

Cô ấy tóc cún, răng vàng. Mấy cô khác ngồi góc giường trong đương đố nhau tuổi. Có cô nói bô bô:

"Cái quyển Đồi thông hai mộ hay bằng vạn các quyển mới bây giờ". Một lúc sau thì đoán ra những cô này có những bao tải dép râu nhét dưới gầm giường. Ả răng vàng thì buôn cau khô lên chợ Đồng Xuân. Những thứ ấy, chẳng kiếm được mấy nả tiền, ắt trong thúng mủng kia có thuốc lào, thuốc phiện. Những cô này mới nứt

mắt nảy nòi mà sao giống những mụ nạ dòng già đời đi buôn chuyến hôm tàu thủy xuôi mà tôi trông thấy và đụng chạm từ thời Pháp thuộc đã từ lâu chết xuống âm ty. Cách nói, dáng điệu, áo cánh trắng quần thâm mới, vẻ trễ tràng, vừa ta đây vừa bất cần đời, tay các ả đeo nhẫn, cổ dây chuyền vàng - chắc vàng tây. Tưởng như đàn bà con gái nhà chúng nó đã mấy đời cha truyền con nối đi buôn chuyến thế này.

Nhà trọ một dãy ngăn từng gian, vách dán giấy dầu, ba trăm thì giường chung ba người. Mụ chủ chứa đã hơi luống tuổi, nửa tỉnh nửa quê, cổ tay đeo cái vòng xanh xanh, chẳng biết vòng nhựa hay đá thật.

Cô người làm áo cánh hồ thủy đưa người trọ vào buồng, giao cái màn tận tay. Những của chua này, khuya tý nữa, có thể nháy vào được. Mụ chủ rền rẫm phàn nàn: “Cái nghề chứa trọ không biết tội tình ra sao mà các ông công an cứ bắt vác sổ sách lên đồn xuống ải khai báo cũng đủ hết đêm”. Tôi nằm một giường, nhưng thuê cả ba chỗ. Tôi lấy cái dây cao su trong ba lô ra buộc dóng khung xe đạp vào thành giường ngay cửa màn, nếu với tay ra có thể nắm được thằng kẻ trộm.

Hôm sau, đạp xe la cà dọc đường, chiều mới về tới ga Hàng Cỏ. Chỉ ra khỏi thành phố ít lâu, trở lại đã có cảm tưởng vắng mình thì phố xá khang khác, rồi một lúc hay vài hôm mới quen dần và thấy lại chẳng có gì khác cả. Sương mờ thành làn trong ánh đèn đường, người người

tấp nập, hối hả. Đi bộ, xe đạp cầm cuốc, cầm xẻng, miệng mũi bịt khẩu trang miếng vải trắng, nhiều người quần xắn cao, ống chân bê bết bùn. Tôi trông thấy Hoàng Văn Tiến, đại sứ ở Ba Lan về làm thứ trưởng, năm trước tôi đã quen trên chuyến xe lửa Hà Nội - Bắc Kinh. Tiến cũng ống quần móng lợn, dọc khung xe buộc cái xẻng, đạp veo veo ngược đường hàng Lọng. Những người ấy ở công trường hồ Bảy Mẫu ra. Cả thành phố đương đào đắp vùng ao bùn làm công viên Thống Nhất.

Tôi vào quán phở Hậu, phía trên dốc Hàng Kèn.

Chặp tối khách kín các bàn. Ông chủ quán tóc muối tiêu, gầy gùa, nhanh nhẹn vừa bốc bánh vừa nói vằn vèo như vi von rồi tâm sự một câu, mà tôi là khách quen nghe đã thuộc: "Làm lắm thì chày vảy ra chứ ăn thua gì. Thời buổi này, đổ mồ hôi nước mắt đủ hai bữa tọng vào họng, được phục vụ nhân dân thế là độc lập tự do, hạnh phúc rồi". Trên tường treo bức ảnh phóng to một chiến sĩ mũ ca lô, thắt lưng da to bản, áo kẻ ô trám "binh sĩ mùa đông" năm 1946. Tôi hỏi, ông bảo: "Cậu em nó". Cũng không muốn hỏi thêm người chiến sĩ ấy đã hy sinh hay còn sống. Mấy năm sau, ông hàng phở khó nhọc mới được hai bữa tậu ngôi nhà hai tầng khang trang tĩnh mịch trong ngõ Tràng An. Hai cô áo dài xanh liễu, vét dạ Hồng Công óng ánh kim tuyến. Tóc đợt đợt sau gáy, đen nhánh, có thể khinh được mọi mốt tóc đương thời của phụ nữ

Hà Nội. Câu chuyện hai người to nhỏ mà như khoe cứ lọt tự nhiên vào tai người bên cạnh chẳng ra vô ý, ra khoe hay không coi ai ra gì. Qua chuyện, biết một cô đã có hai con, một cô có một con. Bây giờ còn hàng nào ăn được, phở Hói hay Tân Tân? Cũng khó ngon lắm. Cái phở thịt trâu thịt "ngầu pín" cuối phố Huế thì mới nghe nói đã mất vía.

Không dưng, bỗng cau có:

- Đáng nhẽ đi Hồng Công rồi. Ở đấy sang Anh như đi chợ. Mình đã có pass-port. Chỉ vì sắp ở cữ, cậu mình bảo rồi tính sau, mẹ tròn con vuông đã. Thế là ông bô tính chệch giờ. Bây giờ thì gác hết.

Một tiếng thở dài:

- Cậu mợ mình cũng thế, nếu không tớ đã không được ngồi với đằng ấy ở đây.

- Mua được một lúc ngồi với nhau thế này giá đắt quá.

Hai người nhăn mũi cười nhếch mép.

- Này táo hay lê ngon hơn?

- Lê được cái thơm, nhưng hơi chua.

- Bây giờ lê táo nước nào?

Câu chuyện của hai con đĩ ngựa cong cớn không cơn cớ cũng cạn dần với bát phở tái giò hành tây.

Quán cà phê ông lão 81 mọi khi vẫn thế. Mới tối, hàng quán các vỉa hè vừa dọn, nhấp nhoáng đèn đường trong bóng vòm lá cây sữa. Quanh chiếc bàn thấp, đợi ăn uống cái gì mà lố nhố người. Dưới lòng đường gánh cháo ông

Chữ, tiếng thổi lửa cái ống nứa pho pho. Giờ này chưa phải buổi cháo gà.

Lão 81 ngẩng lên, vồn vã:

- Ông đi tận những nước nào mà lâu không thấy?

- Nước nào, nước nhà quê nhà ông đấy.

Ông lão cũng hỏi cho có chuyện, lại cắm cúi thái rồi nghiêng cái chảo, tiếng mỡ xèo xèo. Chiếc đèn Hoa Kỳ lom đom trên nóc tủ hàng, ánh điện lao xao trong bóng lá không hắt tới. Chẳng trông rõ gì cả, nhưng chắc bọn khách đợi món này.

- Gì thế?

- Ngầu pín ông ạ. À, dạo này mới lại có.

- Trâu hay bò?

- Dê hẳn hoi, còn non, tuyệt bổ. Ông xơi...

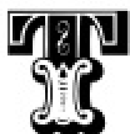
Tôi hãy còn mất vui về hai con đỏng đảnh ở hàng phở Hậu, tôi uể oải giọng đổng vu vơ:

- Lâu nay ở nhà quê, ăn dái dê, dái chó, nhiều bổ quá rồi. Xin một cái cà phê đen thôi. Cho giải phiền, bớt mỡ. Ông nghe rõ chưa?

- Rõ, rõ. Nhà cháu đương dở tay, ông ngồi chơi một mảy.

- Mấy mảy cũng được, thưa ông bếp Tây.

CHƯƠNG 7



ôi được giấy gọi đi học trường Nguyễn Ái Quốc khóa 1961.

Không biết khóa này khối văn nghệ được mấy người, hôm khai giảng chỉ thấy mình tôi. Khóa sau, có Trọng Hứa đương làm chánh văn phòng. Chẳng rõ được chọn hay Trọng Hứa xin đi, hay Trọng Hứa đi "thế mạng" cho ai. Dự lớp dài hạn trường trung cao cấp của Đảng là một vinh dự và nhiệm vụ. Người muốn cũng không được. Nhưng cũng có người trách nhiệm cao tự coi như đương nhiên chỉ ngồi bàn bạc và cử người khác đi học. Có những người như Nguyễn Tuân, không thấy giấy gọi đi học bao giờ mà không biết được mời thì ông có đi không, chẳng thể đoán được. Năm 1950 ở Thái Nguyên, Nam Cao và tôi đổi công tác từ báo Cứu Quốc về Hội Văn Nghệ. Trước khi về cơ quan mới, chúng tôi được đi học trường Nguyễn Ái Quốc - bấy giờ khóa học lâu nhất cũng chỉ ba tháng.

Nhưng rồi chỉ có Nam Cao được đi. Tôi cứ tiếc mãi.

Ý nghĩ đi học của tôi cũng giản dị. Có dịp sắp xếp lại mọi cái biết lõm bõm chẳng đâu ra đâu. Từ khi mới cầm bút tôi đã phú cho Dế

Mèn, Dế Trũi cái tư tưởng thế giới đại đồng không tưởng của tôi. Chẳng là bấy giờ đương tuổi mới lớn trong thời kỳ Mặt trận Bình dân 1938, chúng tôi hăng hái liên miên tranh luận đệ tam, đệ tứ. Cho đến ngày nay tôi cũng chẳng hiểu gì hơn. Cũng chịu khó đọc bản dịch Chống Đuy-rinh, và nhiều cái khác, có ghi cẩn thận những câu, những ý cảm thấy hay. Nhưng mà từ đấy vận vào thực tế, vào sáng tạo thế nào. Tôi đi cải cách ruộng đất thì cứ kế hoạch bốn bước mà làm, khi được chỉ ra như thế là sai, lại sang đội đi sửa sai. Tự mình cả đời làm theo, thấy ra, nhận thức, phân tích đều lờ mờ sai đúng đúng sai mù mịt. Tôi thật sự thèm được trình độ hệ thống hóa về lý luận và vận dụng được sự liên hệ và sáng tạo.

Sau vụ Nhân Văn mà tôi có sai sót, tôi đã đề nghị cho đi học trường dạy viết văn Gorky ở Matxcơva. Nguyễn Khải được chấm đi, còn tôi thì xin đi. Tôi nghĩ chỉ bỏ ra ít năm ăn chắc một ngoại ngữ lại đưa hiểu biết và nhận thức của mình tới được một bước mới. Nhưng rồi dự định ấy trên không chấp nhận. Lý do: Người sáng tác thì nắm thực tế đời sống đất nước là cần hơn.

Năm sau, Nguyễn Minh Tấn ở viện Văn học được đi học viện Gorky. Tôi thắc mắc thì nghe giải thích: Anh ấy làm nghiên cứu, cần đi. Nguyễn Minh Tấn công tác ban tuyên huấn, về khối văn nghệ làm chính trị viên trường Mỹ thuật sau lớp chỉnh huấn văn nghệ sĩ. Cũng như

Đặng Đình Hưng về đoàn Văn Công Trung ương.

Tôi cũng dự chỉnh huấn theo phương pháp Hoa Nam cùng Đặng Đình Hưng, Nguyễn Minh Tấn, tôi được biết trước kia Nguyễn Minh Tấn ở tỉnh đội dân quân Vĩnh Yên. Tôi làm nghề chữ nghĩa hẳn hoi, sao tôi không đi học. Nghĩ thế thôi, thói quen thấy mọi cái trên cắt nghĩa đều rồi là phải cả, tôi im. Ý nghĩ đi học của tôi cứ vừa trẻ thơ vừa đứng đắn.

Tôi sửa soạn cái bàn chải răng, quyển sổ tay mới và sách, như sắp đi đợt công tác dài ngày.

Trường Nguyễn Ái Quốc bây giờ vẫn hai tầng dáng dấp ngày ấy. Có thể liệt vào một khu di tích lịch sử văn hóa: Cơ quan đào tạo và bổ túc cán bộ chính trị qui mô nhất nước sau hòa bình lập lại. Nhà hai ba tầng, kiến trúc nửa lưu luyến hội trường trong rừng, nửa đại lầu Trung Quốc. Đến bây giờ mà xung quanh vẫn vắng không mấy bóng cây lâu đời. Mới biết các cụ ta xưa nền nếp xây cất đình đền, miếu mạo khi đặt viên gạch móng đã nghĩ ngay hạ thổ trồng cây: những cây đa, cây đề, cây chôi mấy trăm năm trường thọ với tòa nhà cho đời sau, như cây mọc trong cổ tích. Kiến trúc sư Hoàng Như Tiếp - người sáng tạo hầu hết các hội trường tre nứa trong rừng thời kháng chiến ở Thái Nguyên, ở Tuyên Quang. Hoàng Như Tiếp nói thế tôi mới biết. Những năm các kiến trúc sư ở với chúng tôi chỉ thấy những bản vẽ nhà tranh nông thôn kiểu nhà Ánh Sáng trong cặp các anh

Nguyễn Cao Luyện, Võ Đức Diên, Tạ Mỹ Duật... Anh Hoàng Như Tiếp thì làm quản trị lo liệu nơi ăn chốn ở cho các gia đình tản cư, quanh năm đạp xe từ Phú Thọ sang Bắc Giang, vào Thanh Hóa.

Tôi gặp Hoàng Như Tiếp ở ô Chợ Dừa, Tiếp hỏi:

- Cậu đi đâu sớm thế?

Tôi đáp:

- Đi học.

- Học trường Đảng a?

Tôi gật đầu. Hoàng Như Tiếp níu tôi lại, khoe:

- Tớ kiến trúc trường ấy đấy. Qui mô nhất Hà Nội. Được không?

Tôi nói:

- Tự dưng trên mái hội trường choang xuống một hòn gạch chỉ. May nó rơi ở mép tường, không vào đầu ai. Điều tra thì ra những hòn gạch thợ xây bỏ quên trên đầu tường. Việc người vôi vữa chẳng bận đến nhà kiến trúc.

Câu nói đùa không phải lúc. Hoàng Như Tiếp đẩy vai tôi một cái. Tôi chưa tha:

- Nhà vệ sinh, nhà tắm nước thấm tường mốc rêu rồi vỡ từng mảng. Các ống trong tường lắp chốt gỗ, nó mục ra.

Hoàng Như Tiếp quát:

- Cậu này dốt bỏ mẹ, lẫn lộn kiến trúc với xây dựng. Tớ không phải thằng thợ nề, biết chưa?

Chúng tôi học môn triết cho đến hết tháng

giêng. Ba tháng mùa đông ngồi trong cửa sổ họp tổ và đọc tài liệu. Xa kia, những ngôi nhà năm tầng nhô lên như đánh đai quanh ngoài khoanh tre. Cánh đồng làng tôi đương thành phường phố, dàn giáo và bụi đỏ lầm lên cao ngất. Những ý nghĩ và mắt tôi nhìn lẫn lộn thấy cả những cái không còn nữa. Con đường đất trong cầu Điều ra, sáng sớm người quảy cẳng ngô chỉ trông thấy hai bàn chân đất lướt trên đám lá và hoa bánh khúc vàng long lanh ướt sương. Những gánh cẳng ngô đã phơi nỏ ở trong làng Noi đưa ra bán cho các nhà nghề giấy trên Yên Thái, làng Thọ tra bồi can giấy.

Những việc seo can, cái tàu seo, cái bồi, cây ép uốn, cái cối giã bìa, đãi bìa mà trong sách và tài liệu tôi đương nghiên cứu gọi là lao động giản đơn, công cụ và lao động thời kỳ này, những cung cách làm ăn cổ xưa nghìn năm ấy phải chết đi thì công nghiệp mới lột xác được thành công cụ mới lao động phức tạp và tinh vi, những cái cũ tôi vẫn thấy trong tưởng tượng mà công cụ mới đã hiện ra đâu. Vẫn cây đa bên sân đình làng Nghè, mùa hạ từng đàn yểng bay đến rỉa quả đa chín vàng. Cây đề cổ thụ gốc to mấy người ôm đứng cạnh cầu chợ Bưởi, lá nõn đỏ hây một góc trời. Có bà hàng bánh đa ướt dưới cống Cót lên, thuở bé tôi theo u đi chợ được ăn bánh với hai miếng đậu rán phồng. Cảnh ấy không còn nhưng cây đề thì vẫn ngày trước, cổ thụ cứ trơ trơ đấy.

Chẳng còn đâu yên tĩnh nữa nhưng mọi cái

cứ biến đổi và không biến đổi. Nếu là nơi xa lạ nào chắc tôi không thể nghĩ vẩn vơ quanh quẩn. Ngồi đây, tôi nhắm mắt cũng vẫn nhìn được những cái không còn. Bên kia, Kẻ Cáo, Kẻ Đàn, bên này sông Tô Lịch, trước mặt mép nước hồ Tây. Đường cổng đồng gốc gạo, hai bờ tre xóm Giếng và làng Dâu vào cầu Điều. Cái cầu, cái quán cho người qua đường, người làm dưới đồng sâu lên nghỉ trưa. Kìa, lại hiện về thời sự của thành phố bị chiếm. Một boong ke xi-măng cốt sắt, nửa chìm nửa nổi cao như gò, lỗ châu mai bốn mắt dõi ra dưới hàng cây sồi lẻo khoẻo, vành đai lô cốt phòng thủ Hà Nội của tướng Đờ Tasinhi.

Trong tôi vẫn nguyên cái tò mò hồn nhiên như thuở bé buổi sáng cắp sách lên trường đình Yên Thái mà thật ra thì tôi đương mờ ảo trong khu vườn và nhà trường Nguyễn Ái Quốc trước kia chỗ này là xưởng làm pháo của chủ hãng pháo điện quang Phú Mỹ. Đã có lần tôi vào đây xin việc làm, nhưng không có việc bàn giấy, đây nhà kho và xưởng pháo giáp ranh các xứ đồng Nghĩa Đô và Cổ Nhuế. Đường trong Noi ra, người quảy đồ may thuê trong thành đem trả, đi một dãy dài lên bến tàu điện Cầu Giấy. Cái đêm 9 tháng ba 1945 Nhật đảo chính Pháp, các làng xung quanh cánh đồng kéo vào hôi của kho giấy hợp tác vạc làng Hồ và nhà pháo Phú Mỹ. Kho thuốc nổ, làng tôi có thằng Cửu và thằng con cậu ba Phát phải bỏng khiêng được về nhà, nằm kêu khóc mấy đêm thì chết. Ngày ấy tôi mà

xin được việc vào làm nhà pháo, không khéo tôi cũng toi mạng rồi.

Tôi trông ra cửa sổ bây giờ. Không dứt được ám ảnh những Trăng thề còn đó..., những Dám xa xôi mặt... phảng phất trên đầu lúa rì rào. Lại vừa năm nào, tôi đi với Nguyễn Tuân, Kim Lân và anh Ba Hĩ trong làng ra mùa tháng mười đi bắt chuột, xách những rọ, thuổng, mồi rơm, lồng sắt và hai con chó đen. Chúng tôi vào hun tổ chuột tận gò đất đồng Lỗ Vàng, buột mất con “ti ù” to bằng bắp chân thoát vào bờ rào nhà trường này. Thước phim những ngày qua cứ chồng chất, chồng chất.

Học viên các tỉnh ô tô đưa về trường suốt tuần - học viên bộ, thứ trưởng ở Hà Nội có xe đưa đón. Chế độ xe qui định ngặt, cơ quan chúng tôi chẳng ra bộ, thứ bộ, chỉ có thủ trưởng Nguyễn Tuân và thường vụ Nguyễn Huy Tưởng được phát chiếc xe đạp công gắn số biển xanh, nhất hội rồi.

Mỗi lần về thành phố tôi đi đường Cầu Giấy - ô Chợ Dừa, hai bên đường này xưa kia tường thành đất, Tây bạt thấp xuống làm đường, từ mặt đất lên mép đường vẫn cao bằng con sào, một quãng lại thấy tun hút giữa lũy tre một lối, trổ xuống vào các làng trại ở trong xa. Thỉnh thoảng mới thấp thoáng một quán nước chè tươi, cái lều chữa xe đạp. Bây giờ nhà và người đã mọc ra ở túi bụi, quang cảnh xưa ấy đã vào cổ tích rồi.

Quãng đường trống gió rét căm căm qua cái

bia đá nơi quan ba Phờrăngxi Gacnhiê 1874 chết trận cạnh tòa nhà thờ họ đạo vắng hoe. Ngày trước, mộ lão ấy dưới cánh đồng - chắc chỗ lão ngã xuống, không biết đã được đưa lên ven đường thời nào. Và tên lão thì Tây đã đem gắn biển oách nhất vào cái phố vòng hồ Gươm, bây giờ là phố Đinh Tiên Hoàng.

Rồi qua chỗ quan hai Ban Ny cũng chết trong trận ấy ở cửa đền Voi Phục. Người Pháp cũng đặt cho một tên phố, lại cắm cái cọc xi măng trước cổng đền Voi Phục, xây một cái bảng to đề là “Chùa Ban Ny”. Có lẽ chẳng ai để ý cái ngang ngược, cái dốt ấy, chỉ có tôi tò mò.

Cái mộ giả quan tư Hăngri Rivie bị giết 1884 ở trận Cầu Giấy. Ngôi mộ sắt thép nguy nga giờ chỉ còn một tảng đá to bằng con trâu kềnh. Bà hàng nước bày chõng hàng lên mặt đá lởm nhởm. Tôi ghé uống bát nước chè tươi, hỏi bà hàng: “Ở đây xa chùa Trầm, chùa Thầy mà ai khiêng hòn đá to thế này về làm gì”. Bà hàng nói: “Thấy bảo ngày trước nó là cái nắp mả Tây ấy mà”. Thật thì chỗ này xưa là phố nhà trò phủ Hoài, khách chơi ngồi trong tiếng hát, tiếng đàn trông ra “mả ông Năm” dưới bóng cây bàng, thấy cái mũi ông bằng đồng sáng nhoáng nhọn hoắt đâm lên trong bờ rào sắt.

Khóa học của tôi theo chương trình hai năm lần lượt có các môn và các hoạt động đã được thông báo:

Một - Triết học Mác. Duy vật biện chứng.

Hai - Duy vật lịch sử.

Ba - Chính trị kinh tế học.

Bốn - Sự tất yếu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đối với những nước kém phát triển nói chung và đối với Việt Nam nói riêng.

Năm - Các vấn đề kinh tế và cụ thể.

Sáu - Đi thâm nhập thực tế ở một hợp tác xã đã cải tiến quản lý (hoặc nhà máy) để kiểm tra, đối chiếu các môn đã nghiên cứu.

Bảy - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tám - Thu hoạch và tổng kết.

Duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các môn chính trị kinh tế học, kinh tế cụ thể có hai thày Liên Xô và thày ta phụ giảng ngoại khóa. Khóa này, khóa học cuối cùng có chuyên gia giảng viên Liên Xô. Chỉ những đầu bài nghe đã vừa hấp dẫn vừa ngại. Lại thấy bảo đến mục thu hoạch tổng kết câu hỏi và trả lời đều phải viết ra giấy. Cũng chẳng lo vì không phải thi lên lớp, không làm được bài chắc chỉ ngượng ti chút, ôi thôi có người có ta và không thể đoán trước được cái câu học tài thi phận. Cái năm xưa thi vào trường Bưởi, tôi nộp giấy trắng thì biết trước phải trượt rồi, nhưng đi thi lấy bằng Sơ học, bằng Cao đẳng tôi làm bài, viết cóc nhảy cho kịp giờ, và rồi vào vấn đáp, một bà đầm hỏi, tôi đứng đực ra không trả lời được. Thế mà đến hôm xem bảng cũng thấy đỗ.

Nhiều bài ngoại khóa, tôi nhớ hơn vì thày ta nói dễ hiểu. Những báo cáo điển hình minh họa bài học của anh hùng nông nghiệp Đỗ Tiến Hảo, của một công nhân kể khổ... Viện trưởng

viện triết Hoàng Minh Chính, nhà kinh tế học Minh Chi thuyết về khoanh vùng kinh tế. Nhanh thật, các anh ấy đã có chuyên môn thành các nhà triết, nhà kinh tế lúc nào. Hoàng Minh Chính giơ tay, cất giọng hùng biện. Mặt anh nghiêm nghiêm, lừ lừ kiểu thủ lĩnh bẩm sinh. Từ lâu tôi đã phục Hoàng Minh Chính tổ chức trận tập kích sân bay Gia Lâm đêm đầu toàn quốc kháng chiến, mà tôi nghe hơi đã viết một tin lên trang nhất báo Cứu Quốc là quân ta xung phong chất rơm hỏa thiêu 25 máy bay địch ở sân bay Gia Lâm. Dáng vẻ Hoàng Minh Chính tự tin một cách hồn nhiên. Chứ không thấy dơ như mấy ông tỉnh ủy bắt chước anh Ba mặc áo lụa bà ba ống tay rộng, phe phẩy cái quạt giấy. Minh Chi tôi quen từ trước kia cùng cánh phật tử với bác sĩ Thuyết, bè bạn đồn vì anh phải lòng con gái bác sĩ Lê Đình Thám mà thành phật tử. Dường như Minh Chi là người lúc nào cũng có vẻ vui, đọc khỏe và viết đủ các sách chính trị, kinh tế, lịch sử phổ thông, sơ giải từ thời mồ ma Nhà xuất bản Minh Đức 1946. Tóc Đinh Văn Vinh bạc sớm quá. Bây giờ anh giảng về kinh tế khoanh vùng, đúng sở trường hiểu biết mênh mông của anh chưa. Ít lâu sau có người bảo tôi là anh này "xét lại". Anh mới mượn tôi một tiểu thuyết Moravia, Cô gái Rô ma.

Chẳng hiểu thế nào. Rồi lại thấy anh dịch kinh Lăng Nghiêm. Đã lâu Minh Chi chuyển vùng vào miền Nam.

Không biết anh có ở chùa với cụ Minh Châu không, nhưng anh viết báo Giác Ngộ, ký cư sĩ Minh Chi.

Tôi chẳng nhớ tên ông thày Nga nào, mà nhớ tên anh Đậu Ngọc Xuân, người dịch các bài triết và kinh tế cực khó đối với tôi. Thày triết Xép-tô-lin khóa trước giảng chức năng mỹ học là tiêu chuẩn hàng đầu của văn nghệ rồi mới đến chức năng giáo dục vân... vân...

Đến thày dạy tôi thì lại bảo chức năng giáo dục mới là số một. Nguyễn Văn Bổng tha cái chức năng mỹ học vào khu giải phóng trong chiến trường B, thế là bị tai nạn. Tôi thì chức năng giáo dục, chính qui quá, nhưng tôi cũng chẳng phát huy được hơn câu giảng.

Khó lắm, tưởng là đến nghe giảng về kinh tế cụ thể rồi về nhà máy liên hệ, kiểm tra sẽ vỡ ra, nhưng càng ù ù cạc cạc vịt nghe sấm.

Mà chỉ nhớ, chỉ hãi những vớ vẩn. Có anh kể: Khóa trước có một thày Nga già dạy kinh tế cụ thể vừa lên bục hội trường đã dọa: "Tôi ghét những người ngồi nghe mà nhổ râu. Ai nhổ râu thì hoặc là người ấy hoặc là tôi ra khỏi đây ngay". Thày lớp tôi không nói thế. Nhưng tôi nhỡ sờ lên cằm, lại rụt tay lại.

Tôi nhìn quanh xem có thấy ông Hoàng Trung Thông nào đương vặt râu không. Hoàng Trung Thông hay nghiêng mặt phồng má nhổ râu. Tôi quá hoang tưởng, Hoàng Trung Thông không học khóa này.

Thế thì những cái được của tôi cũng vẫn lại

chỉ là chắp vá, khâu rúm, khâu đụp. Tôi chịu khó cóp nhặt nhưng biết đến bao giờ mới được cỗ máy. Vừa học vừa nhớ lăng nhăng, làm thế nào cho có trí thức. Có lẽ chẳng bao giờ. Tôi vẫn chỉ là tôi vậy, vậy thôi.

Thế nhưng tôi đã tỉ mỉ, cẩn thận sửa soạn hai loại sổ. Không bắt chước và cũng chẳng biết thành nếp bởi đâu, từ bao giờ tôi vẫn làm tương tự thế mỗi chuyến đi. Một sổ chép bài giảng, với những ý kiến trao đổi ở tổ. Một sổ những ý nghĩ liên hệ đến cái nghề cầm bút. Bài giảng được phát, tôi đóng thành bộ. Hết khóa học, tôi cho Nguyễn Bá Chính bạn tôi giảng viên Đại học Kinh tế Tài chính. Chính đỗ tú tài thời Pháp, người mực thước như sinh ra để làm thày giáo, chắc chắn những tài liệu và sổ tay ghi chép của tôi Chính dùng có ích hơn tôi. Anh đã đến nhà tôi ôm cả cái cặp giấy về.

Trước nay, tôi hay ghi thoắng cho tôi đọc. Nhưng lần này, sổ ghi tôi viết nắn nót không trốn nét. Chỉ vì ở bàn trên tôi có một chị ở cấp ủy địa phương lên học, chị ghi không kịp thày giảng, phải mượn sổ tôi để chép. Chị đã trả ơn, biếu tôi chai dấm làm bằng chuối chín và chị dạy tôi cách làm dấm chuối. Quí lắm, các cửa hàng nước chấm nhà mậu không mấy khi bán dấm. Nếu có chỉ bán ngữ một góc lít, không chua mà nhạt như nước lã. Đằng này, có cốt nước sôi tinh khiết, cắt quả chuối chín bỏ vào, nút kỹ để một tuần lấy ra ăn, cũng chua mà lành. Có người bảo tôi ngày trước chị ấy bán rau

ở chợ tỉnh, thạo rau cỏ, mắm muối. Chị mặc áo vét ka ki đeo túi tài liệu, nào ai đoán được ai.

Tôi nhớ những dớ dẩn. Tôi không có vốn học cơ bản. Tôi đi học cũng chẳng hơn chẳng khác chị bao nhiêu, chị không biết đấy thôi. Cũng như không rõ mấy trăm học viên tuổi tác lổn nhổn, có các cụ thâm niên Thanh niên Cách mệnh Đồng chí hội, có người học Tây, học Nho, có người đến tháng tám 1945 mới tập ngoáy chữ ký. Nghe giảng thế nào, làm bài kiểm tra ra sao.

Chẳng ai hỏi ai, mà rồi hình như cũng xong xuôi cả.

Cái hôm kiểm tra tổng kết tôi nhận một mớ câu hỏi: triết học, kinh tế cụ thể, lịch sử Đảng... Bấn cả lên.

Nhưng tôi không còn là trẻ con nộp giấy trắng như cái năm thi trượt vào trường Bưởi. Tôi cũng không hiền lành chép bài như chị bạn dạy tôi làm dấm chuối. Thế mà rồi tôi cũng viết được kín vài trang giấy.

Nghe nói khóa trước, nhà sử học Minh Tranh giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật đã không làm bài kiểm tra. Không phải Minh Tranh không làm nổi. Mà anh không bằng lòng cái cách thi cử hỏi đáp kiểu trường tiểu học vừa trẻ con lại vừa hình thức không đi đôi với điều kiện và trình độ mọi mặt khác nhau của những người đi học đầu đã bạc, đương bạc. Không biết những cán bộ mấy chục năm vùi đầu mọi công tác, khi phụ trách chung, khi dân vận rồi nông nghiệp, thương nghiệp, thuế vụ... mà anh ấy

xưa kia cũng như từ khi cách mạng, chưa bước chân vào một lớp văn hóa, chính trị nào bao giờ làm thế nào. Có hôm ngồi chuyện tếu, chúng tôi điểm mặt những ông này bà này, ở Trung ương, ở các tỉnh thì thấy nhiều người khéo trốn học lắm.

Trốn đến tài, công tác lên đến bí thư tỉnh, phó ban trưởng ban, công tác to thì càng lắm lý do thoái thác vì đột xuất, đột xuất, tiếc quá không được đi học đợt này, nhưng mà bận, đợt sau lại đột xuất. Cho đến tận ngày về hưu mà vẫn đàng hoàng cao cấp không lòi đuôi. Ghê không.

Tôi gặp chăng hay chớ, không táo tợn như Nguyễn Công Hoan ngày xưa đã nhờ bạn vào thi vấn đáp hộ bây giờ thì nhờ viết hộ. Tôi cũng không dám cứng cựa như Minh Tranh. Hết khóa học trở về, Minh Tranh cũng rời bỏ mọi công tác đương làm, hình như để ngồi chơi xơi nước. Nhà Minh Tranh ở khu phố tôi. Tôi lại làm trưởng ban đại biểu khối, mỗi năm ngày Tết chúng tôi đến chúc năm mới nhiều nhà bà con. Ít khi tôi được gặp anh ở nhà trong dịp ấy. Nhưng thường thấy anh tha thẩn quanh hồ Thiền Cuông. Già đi nhiều, anh vốn nhỏ người, bây giờ càng lủi thủi mình hạc xác ve. Lớp tôi, về tuổi tác, thì tuổi ai phần nhiều cũng đã cứng. Có những vị trong ngoài bảy mươi, các bà Nguyễn Thị Thập, ông Lò Văn Hặc, ông Kha Vạng Cân, ông Lê Văn Hiến... Đi học, ban tổ chức thông báo tiêu chuẩn, chế độ học viên. Cơ

quan đảng của ngành đề nghị rồi nhà trường triệu tập. Các cơ quan là cơ sở đưa người đi học. Người thì được đi trau dồi kiến thức, chuẩn bị lên cấp. Người đến trường vài ba tháng lại phải về, vì công tác khẩn ở chiến trường B, ở nước ngoài. Có người lão quá, đi học là một ưu đãi tinh thần rồi về hưu. Nhiều nơi cơ quan hục hặc nhau làm mẹo đẩy đi học, tạm hòa hoãn. Có cán bộ chẳng sắp việc nào cho êm, thì hãy gửi đi học cái đã. Bao nhiêu đoạn trường, mỗi người đến đây mỗi tâm sự, mỗi nỗi, làm sao mà tò mò cho thấu.

Ông Canh sáu mươi lăm tuổi. Người cao lớn nhưng béo bệu, không khỏe. Ông làm thanh tra hay nội chính, không biết. Học hết khóa thì về hưu, ông kể thế. Không cùng tổ, nhưng ông hay trò chuyện với tôi. Ông Canh quê Thái Bình. Ông hoạt động từ năm mười lăm tuổi. Ông bị bắt, bị giam Hỏa Lò rồi phải phát vãng lên Bắc Mê. Ông bị giam ở Hà Giang không biết bao nhiêu năm. Nó bỏ quên ông ở chỗ ma thiêng nước độc, nếu không có năm 1945, chắc ông đã bỏ xác ở đấy. Ông đọc cho tôi nghe những bài thơ ông làm trong tù. Ông Canh nói những bài thơ ca cách mạng của ông đem đóng lại được mười một tập giấy. Có thể, vì ông làm thơ, thấy tôi nghề văn thì ông làm quen.

Ông Canh nói:

- Xong đây thì tôi về nghỉ.

- Trông anh khỏe, minh mẫn lắm.

- Tôi tổ chức cơ quan đoàn kết và công tác

đâu ra đấy. Tôi về hưu không phải vì chuyện đấu đá. Hoàn cảnh tôi khó lắm. Cả thời trẻ ngồi tù, lấy vợ muộn quá. Bốn thằng con trai, mà nhóc đầu mới mười một.

- Thế chị ở nhà...

- Nội trợ, làm linh tinh. Ở tổ đan len, hết việc thì tổ hợp tác lại gọi đi đẩy xe than cho cơm nồi nước sôi...

- Vậy cũng gay.

- Gay lắm. Tôi ở nhà còn đi chợ, vào bếp, hò hét lũ trẻ, chúng nó đánh nhau cả ngày. Chứ cứ đi biền biệt, không xong.

Tôi thở dài, thương ông Canh, lại nói:

- Thế thì gay thật.

Ông Canh chỉ ăn bữa trưa ở bếp nhà trường, chiều tan lớp ông Canh cắm cúi đạp xe về. Nhà ông ở gần chợ Hôm. Có họp tối ông Canh cũng không ngủ lại.

Cả những tối có phim Liên Xô, phim Trung Quốc hay có văn công vào, ông Canh coi như không biết.

Ông Canh bảo tôi:

- Tôi về kể chuyện, mấy thằng con tôi bảo anh viết quyển Dế mèn hay lắm, phải không?

- Vâng.

Nó bảo tôi hỏi mượn hay là xin anh một quyển.

- Anh có làm thơ không?

Tôi đã thấy đầy đủ hơn cái cớ ông Canh làm quen với tôi. Một hôm ông Canh trả lại tôi quyển Dế mèn phiêu lưu ký. Ông Canh nói:

- Tôi chẳng thấy hay ở chỗ quái nào. Trẻ con bây giờ trình độ không ra sao.

Tôi đành cười ngơ ngẩn: "Ừ, trẻ con ấy mà. Tôi viết cho trẻ con, anh đọc làm gì".

- Trẻ con thì đọc sách cũng phải có mục đích. Anh viết quyển sách này có mục đích thế nào?.

Tôi đưa đẩy qua loa rồi sang chuyện khác. Chúng tôi vẫn trò chuyện bình thường, cũng chẳng lần nào ông nói lại cái chuyện viết sách có mục đích, trẻ con bây giờ chẳng hiểu gì. Việc nhà ông rối canh hẹ, còn hơi sức đâu mà nhớ con dế, con cào cào... Người ta sợ, người ta xấu hổ "được" nghỉ hưu, còn chạy chọt và giả mạo giấy má để chậm về, ông Canh thì không.

Ông mong chóng học xong. Có khi ông nghỉ cả tuần không có lý do. Đến lớp thì ông kể bà ấy nhức đầu, ông phải ở nhà đẩy xe than, Tết sắp đến, tổ hợp tác thêm việc nấu bánh chưng.

Một hôm, ở phòng thường trực nhắn tôi ra có người gặp. Tôi trông thấy một người mặc bộ đại cán màu xi măng đã phai nhợt nhạt, ngồi đợi tôi trong phòng khách. Tôi đã nhận ra Mùi Cá. Tôi chơi với vài bạn làm an ninh. Có người tôi quen biết từ hồi vụ Nhân Văn. Có khi tình cờ. Không phải tôi quen thuộc vì các anh nhờ làm tai mắt, tôi cũng không có thói quen rỉ tai khoe khéo tôi là cá, cá chuyên, cá việc, cá vụ. Có lần, Trọng Hứa hỏi: "Người ta bảo ông làm cá, phải không?" Tôi nói: "Công an nhân dân thì ai cũng làm cá được". Những người đã nghi thì

chẳng biết nói xuế xóa thế có đủ tin hay không, nhưng chơi với cá tôi cũng học được miếng võ còm. Là vào quán cà phê Phúc Châu trên Hàng Giày thường chọn góc ngồi có thể nhìn bao quát. Muốn quan sát được nhiều thì cách ghi nhớ của nghề văn cũng đòi thế.

Không nhớ Nguyễn Tuân hay Nguyễn Minh Lang giới thiệu tôi quen Hùng Cá, rồi với Lý Béo khách sạn Thắng Lợi, lại dây mơ rễ má quàng đến Khải cà phê. Còn Kim Sơn thì Nguyễn Sáng đã bạn từ trước, Kim Sơn hay rủ đến nhà đánh chén. Kim Sơn công tử Sài Gòn đã cùng Hoàng Đạo lặn vào hoạt động Sài Gòn

- Hà Nội mà chiến công kết thúc lúc nửa đêm đánh đắm tàu chiến Amiô Đanhvin ngoài khơi Sầm Sơn. Năm trước, báo Sài Gòn Giải Phóng đăng về sự tích anh hùng trên, tôi đọc biết Kim Sơn con nhà giàu khi ấy mới lấy vợ mà bỏ Sài Gòn đi làm công tác quyết tử, tôi thật bồi hồi... Tôi có nhờ Hùng Cá mua củi, bấy giờ củi đun và mũ nhà mậu đều bán phiếu, nhưng Hùng Cá cũng chưa mua hộ được củi lần nào. Chỉ thỉnh thoảng đi chè chén thì có. Hùng Cá hay đưa sách Pháp cho Nguyễn Tuân mượn. Người ta thì thào Hùng Cá theo dõi Nguyễn. Tôi nghĩ cũng cứ đồn to chuyện ra thôi.

Mà Nguyên Tuân nói có lý: “Tao không đi họp việc quan trọng, tao không biết bí mật quốc gia thế nào, chỉ thỉnh thoảng nói đổng chơi, cá theo tao làm gì cho tốn cơm”. Hùng hoạt động nội thành thời Hà Nội bị chiếm. Các khách sạn

lớn, khách sạn Mêtôpôn là nơi đi về, ăn ở an toàn của Hùng. Bây giờ Hùng thường đưa chúng tôi đến khách sạn ấy, mà anh em nhà bếp, nhà bàn... đều là cơ sở cũ, chúng tôi đánh chén giá nội bộ không có giá nào. Lưu Thiệu Lý chúng tôi quen gọi là Lý Béo quản lý Thống Nhất rồi lên Thắng Lợi. Cứ đàn đúm cả chủ lẫn khách thật thuận tình cho bộ mặt văn nhân tài tử mà những cái túi thì lép xẹp còm cõi của chúng tôi. Cũng còn hơn bao nhiêu lâu nay đi qua Mêtôpôn Sôphitel chẳng buồn ném vào cái đuôi mắt, mày còn dây mơ rễ má gì trong ấy nữa mà nhìn!

Chỉ còn cà phê Khải. Cái hàng cà phê trong hẻm chợ Hôm, bây giờ đã thành cao lâu đặc sản bít tết 202 phố Huế của tỷ phú Khải. Đôi khi, Hùng Cá và tôi đến lấy một bàn khuất, ngồi nhấm nháp lại những mơ màng đã qua. Hùng Cá đương được lo liệu viết lịch sử ngành ở thành phố. Những lần xưa đến đây, còn có Nguyễn Sáng, Nguyễn Tuân, nhưng rồi cũng chán không tới nữa. Bởi vì nhà hàng này độc đáo có cái bít tết, mà hai ông này thì chỉ trệu trạo món cua nhồi "phá xí". Răng đau, răng rụng cả rồi.

Khải vốn là một thày giáo hồ lơ ở ngoại ô Thanh Nhàn. Rồi lái xe, có xe hàng chạy và cũng có làm đôi ba vụ việc cho an ninh thành phố bị chiếm 1954 rồi lái xe sứ quán Pháp. Nhưng cái ham muốn của lão này lúc nào cũng đinh ninh, cả những khi khốn khó chìm nổi vật

lộn với tem phiếu và nhà mậu, Khải vẫn đuổi theo cái mộng và thực của mình. Cũng chẳng khác kỳ vọng sáng tạo của người cầm bút. Có điều Khải toại nguyện, tác phẩm nghệ thuật hoài bão lớn của anh đã xây dựng thành công.

Cà phê pha lấy cho khách. Phở thì Khải nấu nước dùng và đứng chan từng bát, đến bây giờ Khải đã có nhà hàng bốn tầng lầu, mà mỗi sáng Khải vẫn len chợ Đồng Xuân, tự tay mua lấy bó hành hoa, mớ cần tây và chọn từng súc thịt bò quẳng ra xích lô rồi lẽo đẽo đạp xe theo về. Không phải thân làm tội đời, mà cái đam mê của con người ta thì không cắt nghĩa được.

Cũng như hồi phở Khải đông khách nức tiếng phở bò, nhưng Khải không đụng một miếng. Anh hàng phở hay thèm rau muống, đằng này mỗi sáng xong hàng, Khải lên phở Hải con lão Chi làm bát phở cánh gà.

Khải cực khó tính và nền nếp với người làm. Một dạo, mụ vợ lẽ chủ rạp Mê Linh cũ cũng làm bưng bê ở đây. Trên tạp chí ảnh Châu Á ở Singapo có hình ông chủ 202 đứng với cô nhà bàn này, tôi những tưởng anh ta chộp được. Nhưng rồi có một Việt kiều “khách biên đình sang chơi” đến đây, đã bê mụ ấy về Mỹ.

Thỉnh thoảng mụ vẫn về và đến chơi. Số phận và may rủi biết thế nào là cùng nhỉ?

Có việc đến công an hay công an gặp thì chẳng mấy khi chuyện vui, nhất là anh công an Mùi này.

Mùi không chơi bời, Mùi không phải kiểu

những ông cá chìm cá nổi, cá ươn, cá nửa mùa bè bạn tiêu dao của tôi. Tôi biết Mùi vì công việc. Mùi chất phác. Chuyện với Mùi, tôi đùa: "Cậu làm công tác thuế, đi bắt rượu lậu hợp hơn và chắc là thành công hơn ở ngành văn hóa". Mùi lành, chỉ cười, không biết giận, lại thật thà hỏi tại sao anh lại nghĩ thế. Tôi bảo tôi quen một anh khu Năm bộ đội phục viên lấy vợ làng Giá. Anh làm cán bộ thuế huyện, trông nom thu thuế chợ Sấu, chợ Giá. Vợ con, nhà cửa, vườn cây, ao cá tươm tất lắm.

Chúng tôi chạy máy bay Mỹ, trại sáng tác thiếu nhi của Nhà xuất bản Kim Đồng mở ở làng Giá. Người xa cứ tưởng Sấu, Giá một làng, nhưng là hai làng ở gần nhau. Chỉ rượu bên Sấu có tiếng ngon, nhưng đương cấm rượu. Anh cán bộ thuế đi bắt rượu bên Sấu, thỉnh thoảng đem một hai bi đông rượu về, đi cửa sau vào bán cho tôi. Tôi thấy anh ấy làm việc phải sức mà ung dung và tôi quen anh vì thế - tôi bảo Mùi. Mùi cười, lúng túng nói: "Tôi không biết uống rượu, anh ạ".

Mùi ít chữ, được cái chịu khó, không lên điệu vừa khoe vừa giấu dốt, như một số cán bộ tôi hay gặp luôn.

Bấy giờ tuyển công an không lấy người thành phố, mà đưa người quê Vĩnh Phúc vào và ở Thanh Hóa ra, có anh chưa trông thấy, chưa ngồi vào cái ghế sa lông bao giờ. Nhiều khi họ tỏ hăng hái nhất lại do một mưu mẹo khác. Cái dạo Kim Lân mấp mé phải lên thớt vì tập truyện

ngắn Con chó xấu xí, Mùi hỏi tôi: “Anh có quen nhà văn Kim Lân không?”

- Có.

- Hàng xóm tố cáo anh ấy nuôi con chó đặt tên là con chó xấu xí, cứ chửi cả ngày, như chửi người, thế thì chửi ai. Nhiều vấn đề lắm.

Tôi bảo:

- Không phải. Ông ấy viết một cái truyện ngắn tên là Con chó xấu xí.

- Truyện ngắn chứ không phải người à?

- Ừ.

- Anh có truyện ngắn ấy không?

Cái người hàng xóm đi bô báo Kim Lân nuôi chó, chửi chó thì không phải bây giờ Mùi nói tôi mới biết.

Mà tôi biết cán bộ ấy trong nhiều cuộc họp đã phân tích và lên án dữ dội Con chó xấu xí. Anh là em sinh viên Nhung - người mà báo chí hôm đảo chính Nhật ca tụng Nhung đã cùng quân Nhật đánh thành Hà Nội, bị hy sinh. Em Đại Việt mà bây giờ là cán bộ ta phải giữ bùa hộ mệnh thì chưa biết chính anh ta sẽ làm cho Con chó xấu xí đánh chết được thằng viết ra nó.

Chẳng thiếu những kẻ lý lịch phức tạp, dối trá công tác lôi thôi đứt đoạn đã lên gân đấu người khác hết cỡ hồi xảy ra việc Nhân Văn. Cũng là vậy thôi. Mùi còn ít tuổi. Tôi thương Mùi vì thật thà. Mùi cũng quen vợ tôi và biết tất cả các con tôi. Mùi đã hỏi tôi những cái mà chắc Mùi không dám hỏi ai. Phố xá đương nhộn lên chơi phong lan, cá vàng. Con cá vàng thì biết

rồi, vì con Mùi hay mua cá vàng ở chợ về chơi. Nhưng phong lan thì chưa biết là cái gì. Mùi hỏi. Tôi không thạo chơi phong lan, nhưng ít ra tôi cũng cắt nghĩa cho Mùi về phong lan, lan gió, lan đất được. Một hôm, Mùi giơ cho tôi nhìn cái đầu mục một tờ báo Sài Gòn in to dòng chữ Phần văn luận trên đầu trang. Mùi băn khoăn: "Cái thằng Phần Văn Luận nghe quen quen, anh có biết nó không". Tôi nói: "Nó là tên mục, tên bài văn luận, xã luận, không phải tên người đâu". Mùi lặng lẽ ghi vào sổ tay. Không biết thì hỏi, có người tin cậy để Mùi hỏi, Mùi lễ phép, tự nhiên. Thỉnh thoảng Mùi còn nhờ tôi nói về văn học nước ta, văn học thế giới, Mùi lại mở sổ tay và chăm chú nghe.

Mùi hay đóng bộ ka ki đại cán 1954 vàng sẫm may ở Thái Nguyên về tiếp quản Hà Nội, màu đã nhạt trắng. Việc gì cũng chỉ ngồi đến gần mười giờ, Mùi xem đồng hồ rồi đi. Ở cửa hàng bia hơi phố Hàng Khay ra, tôi thấy Mùi đứng sắp hàng trước cái xe tải rau muống, rau dền, rau bí đương dỡ xuống hè phố Bà Triệu. Vợ Mùi làm nhà máy hoa quả, chắc là giờ đi làm của Mùi cao su hơn, có thể đỡ đần vợ được.

Mùi cười cười bắt tay tôi. Thấy công an cười, thế chắc chuyện vui thôi.

- Tôi đến xin hỏi anh một việc.

- Việc gì thế?

- Anh có quyển sách Bác sĩ Givagô...

- Ừ, nhưng không phải của tôi, mà cơ quan bảo giữ hộ.

- Vâng, cơ quan bảo anh giữ.

Tiểu thuyết Bác sĩ Givagô của Patecnăc dịch ra tiếng Pháp của Nhà xuất bản Galima hay nhà Laphông, tôi không nhớ. Patecnăc đã bị gạch tên hội viên Hội Nhà văn Nga và Hội Nhà văn Liên Xô. Patecnăc được giải Nôben văn học, nhưng không được ra nước ngoài dự lễ nhận thưởng. Lại ra tuyên bố báo chí "không thèm đi nhận". Những cái rắc rối ở bên Liên Xô, dẫu chưa tỏ tường ất giáp thế nào, nhưng cứ coi thế là có cái phải canh chừng ở đây. Cơ quan tôi được nhận một quyển tiểu thuyết Bác sĩ Givagô do trên phân phối.

Tự dưng lĩnh một quả bom, phải cất giấu sao cái của nợ này đây. Để ở thư viện không tiện, mà cái thư viện con con, không có tiêu chuẩn tiền mua sách, đâu biếu quyển nào thì có, cộng với một số quyển đem trên rừng Việt Bắc về đã cũ nát. Đôi khi, sứ quán Pháp cũng tặng sách, ôtô đưa đến cả ôm. Nhưng họ tinh ý, chỉ biếu các tuyển tập cổ điển Vônte, Coocnây... Không có sách mới, bây giờ bày của lạ này ra thì chắc thu hút tò mò ngay. Không để ở thư viện, mà cũng không thể cất ở đấy. Nhỡ mất thì khốn. Không biết ai đã có sáng kiến đưa cho tôi đem về giữ ở nhà.

Quyển Bác sĩ Givagô li ti chữ dày năm sáu trăm trang, tôi cũng rọc vài tờ rồi bỏ trên giá sách. Vừa dài lại đọc khó, phải tra từ điển luôn.

Anh Mùi kể cho tôi biết:

- Hiện ở Hà Nội có một quyển Bác sĩ Givagô

đương truyền tay nhiều người. Ở đâu ra, bọn phản động đưa lén lút trong Nam ra hay ở vali ủy ban Quốc Tế, tôi đi tìm...

Bây giờ hỏi tôi, chắc có ý nghi ngờ. Tôi nói:

- Tôi giữ quyển ấy đấy, nhưng tôi không cho ai mượn.

- Anh cho tôi mượn nhé.

Rõ ràng cách nói không tin và muốn kiểm tra. Tôi về nhà, hôm sau đưa quyển tiểu thuyết Bác sĩ Givagô cho Mùi. Quyển sách đã lâu để trên giá, bụi bặm cóc cáy mép sách như ám khói. Giấy búp phăng, không xén, tôi mới rọc mấy tờ đầu. Tôi gật gù khoái ngầm cái nghi kỵ của Mùi, nhưng cũng cẩn thận mở cho Mùi biết và cắt nghĩa thế nào là quyển sách chưa rọc và sách rọc giấy lờm xờm, lại quí hơn sách xén nhẵn.

Mùi nói:

- Cho tôi mượn quyển này vài hôm, anh nhé.

Mùi không biết tiếng Pháp, mà phải báo cáo, cho nên anh cẩn thận kỹ lưỡng hỏi tôi, chứ anh biết làm thế nào. Mấy hôm sau, Mùi đem sách đến trả tôi. Mùi nhìn quanh, trong phòng khách chỉ có hai chúng tôi, Mùi thì thào:

- Ở Hà Nội chỉ có hai nơi được có quyển sách này.

Cái quyển Bác sĩ Givagô đương nhiều người truyền tay ấy là quyển sách ở thư viện trường Nguyễn Ái Quốc này đấy, anh ạ.

Thế mới quái. Nhưng trước nhất chúng tôi

bị nghi ngờ đã - không thể trường Đảng cẩn mật vững chãi lại để lọt sách xấu ra được. Mùi đưa trả tôi quyển sách chưa rọc. Mùi đã cho tôi biết rõ vậy, mà tôi nhìn mặt Mùi dường như ngờ ngợ chưa hẳn Mùi tin tôi. Có thể lắm. Hay chỉ là cảm tưởng thành kiến và hoang tưởng của tôi. Cũng như, ông cán bộ lập trường cứng cáp đương sửa soạn bài bản đánh truyện ngắn Con chó xấu xí mà tôi lại mách ông ấy là em thằng sinh viên phản động thân Nhật thì ai tin được tôi, bởi không thể cái người vững vàng thế lại có liên quan xấu thế, thiếu lô gích tợn.

Mấy năm sau, có những dịp qua Matxcơva, các bạn chỉ cho tôi thấy cụ Patecnăc đến câu lạc bộ Hội Nhà văn. Cụ già nhỏ nhắn, gầy gò, đội mũ phớt, bước nhanh nhẹn. Cụ uống bia và vào phòng chơi bi a. Về khuya, các người đều chơi bi a ăn tiền. Nhớ đến chuyện vu vơ chúng tôi bị liên lụy vì tiểu thuyết của cụ, lại nghĩ cười, cười buồn. Suýt nữa chẳng phải đầu phải tai, chuyện ở xa thế, cụ không bao giờ có thể tưởng ra được.

CHƯƠNG 8



hững chuyện bâng quơ đâu đâu đến quàng vào đời người. Có khi thoảng qua, có khi tự dưng mà đổi đời. Năm 1947, chúng tôi làm báo Cứu Quốc ở châu Bạch Thông trên Bắc Cạn, có hôm chủ nhiệm Xuân Thủy kể với tôi: "Hồi bí mật, có thời kỳ báo Cứu Quốc đóng ở núi Thầy, gần vùng quê cậu. Chúng tớ định tìm cậu đưa đi thoát ly làm báo. Về thăm dò cơ sở Việt Minh ở làng cậu, mấy cô phụ nữ cứu quốc báo cáo cậu giăng hoa lắm". Cũng lại một tình cờ đã xảy ra và không xảy ra. Nếu ngày ấy tôi đi thoát ly, rồi thế nào, tôi có vẫn theo đuổi viết văn không và sau này tôi lên chức gì, tôi là ai, làm sao biết được?

Năm trước, gặp cô Phương ở nhà nghỉ Đầm Vạc. Phương hỏi:

- Anh có em gái là Ngọc?

- Vâng. Nhưng Ngọc ốm mất đã lâu.

- Cái ngày tôi với Ngọc sang Quảng Châu chữa bệnh, hai chị em ở với nhau mấy tháng. Ngọc hay kể chuyện về anh, bây giờ mới gặp anh mà tôi ngỡ như đã thuộc cả nhà cửa nhà anh và ngõ giếng, lũy tre quen biết đã lâu. Lạ nhỉ.

Năm ngoái, tôi đến thành phố Quảng Châu,

chợt nhớ đã có khi hai cô Ngọc, cô Phương đến đây và ở tòa nhà bên trong bờ tường bệnh viện y học dân tộc kia, hai người bạn gái đã trò chuyện những ngày xa quê. Tôi không có tơ vương gì cô em họ ngoại. Khi được tin Ngọc ốm nặng vợ chồng tôi tới thăm. Ngọc nằm nhìn đi đâu rồi nói: "Sao em sắp chết rồi, anh mới đến?"

Hay là cái cô Việt Minh Ngọc ngày ấy đã mách với Xuân Thủy rằng tôi hoa lá. Ôi chao, những tình cờ, những tình cờ chắp nối...

Ngọc có người em trai. Chung làm đội xếp ngoài bóp cảnh sát hàng Trống. Chung đã vào tổ chức cảnh binh cứu quốc thời kỳ bí mật. Sau Tổng khởi nghĩa, Chung được điều về làm trưởng ty công an tỉnh ở Phủ Lý. Một lần, Chung về nhà ăn giỗ mẹ. Có người đến bảo: "Anh về cơ quan ngay, có công tác khẩn". Chung đi và từ đấy không bao giờ về nữa.

Đã hơn năm mươi năm qua. Khi còn sống, bố Chung và chị Ngọc đã đi nhiều cửa hỏi. Đến bây giờ, thằng em út không biết mặt anh mà nhà tản cư đi kháng chiến, cũng không còn giữ được cái ảnh nào, thằng em vẫn đi kêu cứu và dò la về cái chết của anh. Việc ấy ở Hà Nam có còn ai biết, và ai có can đảm nói ra giải cái oan này?

Chung chết có phải cũng lại là một tình cờ. Trong khóa tôi học, còn có những tình cờ như con muỗi mắt chàng màng bề ngoài, mà rồi hóa oan gia và chẳng ra mặt mũi thể thống thế nào.

Có một chuyện người khác kể. Bệnh ăn cắp vặt của người ta khi đã thành một thói quen, một tính xấu thì chẳng cứ ai và không phải chỉ vì túng thiếu. Có một học viên, mỗi hôm sau bữa ăn trưa, ông đi từ phòng ăn ra chỗ căng tin mua chuối tráng miệng. Nhà hàng bày chuối cắt rời từng quả, tãi ra đến hai ba cái bàn, cho người mua đỡ phải xúm xít. Khách học viên ra mua hàng ngày là những người tuổi tác và đứng đắn cả. Lấy mấy quả trả tiền đưa tay hay đông quá thì đặt tiền xuống bàn như nải chuối, củ sắn luộc, quả xoài treo trên gốc cây của những quán "tự giác" không người bán hàng, thường ngày trước gặp trên dọc đường Sơn La - Lai Châu đầu các bản Mường người Thái. Ông học viên nọ đến bàn nẫng một quả chuối rồi quay ra, bóc ăn.

Ông không bỏ tiền xuống bàn. Ông mua quên không trả tiền từ hôm nào không biết, một học viên khác tình cờ để ý. Người ấy hơi lạ và tò mò thấy mỗi hôm ông chen vào thón một quả chuối rồi chen ra, vừa đi vừa bóc vỏ. Rồi tổ trưởng, rồi chi ủy lặng lẽ nhìn cả tháng vẫn thấy sau bữa trưa ông ấy lách vào lách ra nhặt một quả chuối. Đến hôm tôi hỏi để đi xem mặt ông có bệnh ăn cắp vặt ấy thì được biết nhà trường đã đuổi học ông rồi. Nghe nói ở cơ quan ông cũng làm cấp vụ, cấp cục thế nào đó. Ai túng đói đâu quả chuối, ấy là người có tính tắt mắt mà lại có tuổi, chân tay đã rề rà quềnh quàng lại ngỡ không ai nhìn thấy. Cũng không may phải cái ông khác tình cờ trông thấy mà

thôi.

Lại vẫn những tình cờ. Lê Lựu là binh nhì ở đơn vị. Chiến sĩ Lê Lựu chịu khó lam làm khiêng bàn, quét nhà như mọi người. Chứ không cả ngày ngồi thừ mặt, một tay đỡ vừng trán đương nặng trĩu những suy tư giả vờ, thế thì có khi còn công tác bàn ghế thau chậu đến tận năm nao ông Bành Tổ sống lại mới nhoi ra hay là không bao giờ có được nhà văn Lê Lựu. Lại cũng ở đơn vị như Lê Lựu, Vũ Anh Khanh miền Nam tập kết. Vũ Anh Khanh là cây bút trẻ ở Sài Gòn rồi vào chiến khu. Đoàn nhà văn Việt Nam đi thăm Ấn Độ, Lưu Quí Kỳ giới thiệu với tổ chức và Vũ Anh Khanh được đi cùng Nguyễn Công Hoan. Ở Ấn Độ về, Vũ Anh Khanh lại trở về đơn vị. Nhưng cái anh tiểu đội trưởng đội phó Vũ Anh Khanh đã mờ mờ đi đâu mất rồi. Người ta được Thủ tướng Nêru tiếp, người ta rong thuyền chơi sông Hằng. Về đơn vị cảm thấy đây chật chội quá, đây không phải đất dung thân. Nửa đêm, Vũ Anh Khanh đã bơi qua sông Hiền Lương. Vũ Anh Khanh gặp nước cường bị chết đuối hay Vũ Anh Khanh mới ra đến cái bãi cát giữa dòng đã bị dân quân tóm được. Không biết, việc thì tình cờ, nhưng không tình cờ ở con người. Tôi cũng gặp biết bao những tình cờ ở lớp. Rắc rối thật và lôi thôi hơn không phải đại khái như cái tiểu thuyết Bác sĩ Givagô. Năm ấy được nghỉ hè, tôi đi biển Sầm Sơn. Tôi đương tranh thủ viết kịch bản phim Kim Đồng, đã hẹn ngày tháng giao cho Điện

ảnh. Loay hoay đến hôm đã khai giảng vẫn chưa xong. Tôi viết thư về ban giám hiệu xin phép được ở thêm. Lý do bịa "tôi đi nghỉ muộn". Nửa tháng sau, tôi về. Tôi "trình diện" với bí thư chi bộ Kim Ngọc. Kim Ngọc người hom hem, lim dim mắt nhìn tôi: "Hôm nay mới đến à? Tớ tưởng cậu vẫn đi học". Thì ra ban giám hiệu cũng không báo xuống chi bộ việc tôi về muộn. Tôi ngại nhất nhà trường soát sổ cơm thì lòi ra người vắng mặt. Nhưng thấy yên. Tôi lại ngày ngày nghiên cứu, thảo luận tổ, lên hội trường và vẫn nhiều tối chuồn về nhà, sáng hôm sau gò cổ đạp xe vào. Yên trí, mọi cái đều bình thường. Một buổi, Kim Ngọc gọi tôi ra ngoài hiên.

- Tại sao đồng chí...

Lôi thôi rồi. Giọng Kim Ngọc vẫn nho nhỏ như mọi khi, nhưng hai tiếng "đồng chí" ấy là không phải mọi khi.

- Đồng chí về muộn quá. Ban giám hiệu yêu cầu báo cáo lý do.

Thái độ êm ả của Kim Ngọc khuyến khích tôi chẳng tội vạ gì mà phải giấu. Nói dối nhỡ quên chi tiết, lần sau nói lại không đúng thì đâm phiền phức. Tôi kể cho Kim Ngọc nghe, tôi ở nán lại viết cho xong cái phim Kim Đồng đã đến hẹn đưa cho xưởng phim truyện.

Kim Ngọc không nói gì. Vẻ như thờ ơ chẳng để tâm. Rồi hỏi:

- Cậu có viết thư xin phép ban giám hiệu?

- Có chứ, có thì nhà trường mới biết tôi về chậm.

Kim Ngọc cười: .

- Chẳng viết thư thì cũng biết. Xem sổ báo cơm thì ra ngay.

Tôi nghĩ thầm “ờ nhỉ”.

- Thế cậu có báo cáo như vừa kể không?

- Tôi nói tôi đi nghỉ muộn, về chậm.

- Thôi nhé. Ban giám hiệu bảo hỏi, tớ hỏi thôi.

Tôi đã quay đi, Kim Ngọc hỏi với:

- Cậu có biết Nguyễn Bùi Vợi?

- Tôi biết. Mới về đài phát thanh...

- Cậu ấy ở với chúng mình hợp hơn.

Những năm ấy Nguyễn Bùi Vợi dạy học trên Vĩnh Phú. Kim Ngọc là bí thư tỉnh ủy. Câu chuyện tôi về muộn không thờ ơ như chuyện với Kim Ngọc và chưa êm ả trong cuộc họp chi ủy. Học viên bí thư Đảng đoàn bộ Nông nghiệp Trương Hùng, một chi ủy căng nhất. Hùng cho là “không thể dung thứ văn nghệ sĩ lãng mạn tự do chủ nghĩa” cần họp cạo một trận cho chừa.

Hôm sau tôi đã biết cái ý kiến sắt thép ấy. Tôi đợi, tôi nghe. Nhưng lặng im. Rồi tôi đoán có thể nhờ cái nhẹ nhàng của bí thư Kim Ngọc như câu nói và thái độ hôm Kim Ngọc gặp, tôi đã thoát một trận bị riêng tới số.

Ở nhà tầng trên tầng dưới, tôi hay gặp Trương Hùng. Dường như Trương Hùng cảm thấy tôi biết cuộc họp chi ủy mà lão chủ trương đả tôi. Sắp giáp mặt, tôi chưa kịp lờ thì Hùng đã chăm chắm bước đi như không trông thấy tôi. Lão hay mặc quần áo nâu - màu nâu non mới.

Để ai cũng phải biết lão công tác nông nghiệp.

Tôi đã đi cải cách, đi sửa sai, tôi đã loạn mắt những bộ quần áo nâu dởm mà Hồ Viết Thắng khoác tưng bừng mỗi khi cắp cặp bước xuống ô tô. Ấy là chưa kể tôi làm anh đội cũng đã đánh một bộ nâu lên ngôi như thế, bây giờ trông thấy cán bộ mặc quần áo nâu tôi còn ngán và tởm.

Dương Văn Đàm bảo tôi: “Hùng là lớp chánh lý trẻ, học hết lớp nhất trường huyện. Nhà là cơ sở của các cụ, nhờ thế mà thành con nhà nòi. Có cậu với tớ lờ đờ thôi, các bà phụ nữ ở lớp ta tinh lắm. Các bà đã để ý hắn mặc nâu nhưng may ô trắng nõn, đi qua sực nức mùi nước hoa”. Hùng khoảng ngoài năm mươi, vẻ mặt và dáng điệu ấy như sinh ra chỉ để chỉnh đốn người ta.

Dương Văn Đàm biết kỹ, làm sao mà cái ông luật sư này cái gì cũng biết, có lẽ đấy là thói quen nghề nghiệp. Nhưng Đàm đã nói như cắt nghĩa cho tôi:

- Cái nghề thày kiện cãi kiện của tờ phải thạo về tò mò và chi tiết. Tiếc tớ không có khiếu làm văn. Ngày trước, mới tốt nghiệp, tớ tập sự mấy năm ở văn phòng mét Trần Văn Chương, những chuyện loạn luân ở nhà ấy, từ con Lệ Xuân, đến mẹ nó thì khủng khiếp…

Dài dài những ngày xưa của Đàm không bao giờ cạn. Tôi hỏi chuyện hôm nay. Đàm cũng nói được ngay.

Dương Văn Đàm nói:

- Tớ đã đến nhà Trương Hùng chơi. Nhà hai

tầng, chỉ có hai vợ chồng. Vợ hắn nhai trầu bỏm bẻm, người trong làng thì trông già thế thôi chưa chắc đã nhiều tuổi hơn hắn. Chả là người anh thỉnh thoảng đến có ý nghi cái cách ở một mình của hắn, mới về quê bàn khéo ra ở với chú ấy cho vui cửa vui nhà. Thế là khuân được bà em dâu ra chặn cửa. Nhưng bà ra ở được ít lâu, thấy tẻ lạnh thế nào, lại đòi về quê.

Nguyên do ả nọ làm ở một văn phòng cơ quan, có việc nhà khó khăn phải chạy. Chao ôi, cũng lại một tình cờ. Đến nhờ hắn, thế là đôi bên bập vào nhau. Nhiều năm rồi. Đi công tác các tỉnh hắn đều tha ả theo. Cửa hàng cao cấp bách hóa, thực phẩm, phiếu a, phiếu b, bệnh viện Việt Xô, khoa tai mũi họng Bạch Mai hôm xử đều phải ra tòa làm chứng. Hắn đã đưa ả vào các nơi ấy.

Người vợ già chán chường sự lạnh nhạt, thờ ơ của người chồng. Thì cái ả cứng nhân ngãi non vợ chồng kia lại càng sốt ruột vì năm qua tháng lại đã nhiều. Con gái có thì. Anh tính cho em thế nào?

Tôi triết lý vụn với Đàm:

- Thử thách hai luồng tư tưởng đây. Tư sản bảo: bỏ vợ, vứt công danh vào sọt rác. Ta ra đi hai trái tim vàng... “xây nhà bên suối. Suối mơ... Bên rừng thu vắng...”.

Dương Văn Đàm cười hề hề:

- Đằng ấy vận dụng lý luận khá đấy, lại văn chương tơ lơ mơ nữa. Nhưng không đúng với trái tim con lợn chứa cả hai thằng tư sản và

thằng phong kiến. Tư sản bảo: tình yêu vạn vạn tuế. Đế quốc phong kiến hét: Giữ cái ghế! Giữ cái ghế muôn năm! Tiêu diệt con nái xề, “đưa nàng về dinh”. Ấy thế, ấy đấy!

Hắn mưu giết vợ. Mấy chục viên thuốc ngủ nêprôbamat đã trữ được. Bà váng vất đầu, hắn pha cả vỉ thuốc cho uống. Bà ấy ngủ, nhưng thuốc nội không ăn thua, ngủ rồi lại dậy được. Ghê gớm, kẻ rắp tâm giết người lại sửa soạn keo khác, lần này mua được thuốc ngoại của Việt kiều bên Thái Lan về. “Ừ thôi, đi chơi biển chuyến giối già rồi về quê”.

Xuống đến bãi Cháy thì chặp tối. Cả một ngày đường bà lão say xe lại hâm hấp sốt. Hắn pha một cốc thuốc ngủ cho bà ấy. Bà lão uống thuốc. Quá nửa đêm vẫn li bì. Đổ cho cốc nữa, tắt thở.

Chẳng may phải cái cảm dọc đường - người chồng kêu lên. Mọi nơi mọi chỗ đều những công tác, những việc bộn bề. Tang ma chôn cất ngay đấy, mọi cái đều người chồng và người lái xe lo liệu.

Chỉ mấy hôm sau, an ninh đã chụp được ảnh tay đôi ngồi bên gốc muỗm đền Voi Phục.

Tòa xử mấy hôm, xử công khai, tôi có một tò mò oái oăm. Muốn đi nhìn cái mặt người thượng cấp lúc nào cũng nghiêm nghiêm, lạnh lạnh mỗi lần tôi chạm trán hắn ở nhà ăn, ở hành lang, bây giờ xem cái mặt ấy tròn méo thế nào. Tôi vẫn nhớ tôi bị Hùng đòi Kim Ngọc phải choảng tôi vì tội “văn nghệ sĩ lãng mạn tự do

chủ nghĩa". Thù đấy tôi cũng thù nó chứ.

Cái nhà tòa án Tây hơn hai mươi năm trước tôi đã đi với anh Vũ Ngọc Phan đến dự phiên xử Nhà xuất bản Cộng Lực kiện tuần báo Hà Nội Tân Văn của anh Phan đã in từng kỳ tiểu thuyết Chuyến tàu định mệnh của Lưu Trọng Lư, trong khi Nhà xuất bản đã mua của tác giả cả tiểu thuyết ấy và đương in. Anh Vũ Ngọc Phan thua kiện, phải bồi thường danh dự cho Nhà xuất bản một đồng bạc. Thày kiện Phan Anh cãi cho thân chủ Vũ Ngọc Phan, ông mặc áo thụng đen, tôi cứ nhớ cái câu ông cãi cũng bình thường, nhưng ông hùng hổ giơ tay và quật mình xuống bục, hết sức tuồng chèo cải lương.

Vụ xử án giết vợ này ở phòng khác to rộng, đông nghịt người, tôi chưa biết bao giờ. Tôi chen vào. Trông lên bục cao, các vị tòa án ngồi. Nhìn xuống chỗ vành móng ngựa thấy hai người cảnh sát, không thấy hắn ta đâu. Nhìn lại mới thấy hắn ngồi rù rù giữa hai người. Tôi không thể nhận ra ngay vì con người thiểu não chẳng còn mảy may như trong trí nhớ của tôi. Trông thấy rồi mà tôi vẫn ngỡ ngàng. Bộ quần áo xám có số tù trên lưng, thằng người ọp ẹp, như sắp bị đám người lố nhố xung quanh giẫm lên.

Tôi lại chen ra. Tôi chen ra vì tôi sợ nhỡ lại phải nghe thằng ấy nói lời cuối cùng: Tôi đã được Đảng giáo dục... tôi đã... tôi đã...

Thế là tôi hả hê, tôi ân oán xong rồi.

Tôi nghe kể lại - lại ông luật sư cái gì cũng

biết Dương Văn Đàm - ả nọ cất tiếng:

- Thưa tòa, tôi là đứa con gái dại dột. Thằng dê già kia đã lừa tôi, chứ tôi có người yêu tôi đây.

Ả chỉ một người đàn ông ngồi ghế sau lưng gần đấy. Và chẳng biết có thật đến đâu. Lúc tòa cho tên tử tù được nói lời sau chót, hắn đã nói:

- Tôi mong được tòa khoan hồng để tôi chuộc tội, tôi xin đem hết khả năng ra phục vụ cách mạng.

Hỏi thì Dương Văn Đàm cũng nói nghe có đứa kể lại. Không hiểu câu ấy có thật hay là người ta nói mỉa.

Chỉ chắc chắn cái án chém là có thật. Cũng như mắt tôi đã trông thấy cái bóng xám của thằng người rũ rượi trong cái vành móng ngựa.

Đấy là việc đã xảy ra hơn một năm sau khi tan trường. Chóng quá, sắp mãn khóa. Theo lịch học đã đến đợt đi thực tế, cơ sở nông thôn hay xưởng máy, kiểm tra mọi mặt lý luận và thực tiễn của khóa học. Tôi được tổ phân công đi với học viên Thử về huyện Đan Phượng. Ở Phùng được mấy hôm, tôi bảo Thử: "Anh là "nông dân quân chủ lực" anh đi đến làng người ta hay về làng mình cũng thế, anh biết cả. Tôi thì khác. Đất Thượng Hội, Hạ Hội này gần vùng tôi quá, chẳng thấy gì mới. Tôi đi Thái Bình, xa xa một tý cho lạ mắt. Hẹn ngày nào về trường thì ta về cùng cho có đoàn có đội".

Thử cười, không gật cũng không lắc. Anh tuổi chuột, tên Thử, người loắt choắt, dáng rụt

rè tinh tướng con chuột nhắt. Đã nhiều năm Thử ở khung cán bộ bên Lào, gần đây mới được về tỉnh nhà. Công tác sắp xếp dường như khó khăn, nay ở tỉnh mai tỉnh đẩy xuống huyện, bây giờ đi học dài hạn, mai kia đi học về rồi thế nào. Có lúc Thử thở dài với tôi: "Hay là tôi về hưu?" Chả trách, tôi đi Thái Bình, Thử cũng chẳng buồn hỏi thêm nửa câu. Những năm sau, tôi cũng hay hỏi thăm tin tức Thử. Có khi nghe anh về công nghiệp vào ban phục trách các lò nung gạch trên tỉnh. Gần đây anh đã nghỉ hưu. Chú em tôi ở thị ủy thị xã Sơn Tây lấy làm lạ sao tôi lại quen anh Thử. Chú ấy hỏi lại tôi như không tin:

- Bác Thử đã học trường Nguyễn Ái Quốc với anh à? Bác ấy hiền lắm!

Thế là tôi đi Thái Bình. Có lẽ như thế còn biết cái gì hơn - như tôi đã bảo Thử. Nhưng cái chính là hai năm bó cẳng không đi đâu, tôi muốn đi xa xa, đâu cũng được. Chỉ thế thôi.

Tàu thủy Phà Đen về bến cầu Bo thị xã. Mấy năm rồi, vẫn thưa thớt, vẫn vậy. Chỉ khác các tàu khách đều vào quốc doanh. Vẫn những cái tàu ọp ẹp từ thời thoát bom Đồng Minh ném, vỏ tầu trắng bệch như con cành cạch chết xác đã khô. Trên vách tàu, chỗ bẻ lái, treo cái bảng đề tên kíp lái, kíp trực. Dưới sàn, không thấy như hồi tàu còn ông chủ, có một mâm mở lồng bàn ra, đĩa thịt gà, chai rượu, nồi cháo ăn sáng. Hai bên hàng tàu vẫn người xuống đông từ lúc chưa tan sương. Có vài người như cán bộ đi công tác

xuống bến cuối. Còn vẫn vài ba bến người xuống người lên hai bên sông, người buôn về thành phố, người đem hàng đi các chợ quê. Những quảy sắn, cả bánh đa, miến dong riềng, phuy dầu tây, nhiều nhất những đệp túi đựng quần áo may sẵn mua lại của nhà mậu bách hóa.

Đôi khi cả tay nải lèn những cái nịt vú bằng miếng xốp bọc ni lông đỏ, không biết đã mua ở nhà mậu hay cất hàng ở các lò khâu.

Cái thị xã ngủ yên vẫn bên đường mọc cỏ xanh lì và vườn hoang um tùm, chỉ lác đác nhà. Bến ô tô đã sáng đèn, tôi vào hàng cơm. Tối rồi mà quán nào cũng toàn đùi chó, sườn chó treo lủng lẳng. Chủ quán nói: "Cả tỉnh đương triệt để chó mà". Tôi ăn một bát bún chó rựa mận. Lại đến nhà trọ năm trước. Tiêu điều, lụp xụp, những cái mái giấy dầu sắp đổ. Chị chủ trọ lại lấy cái thừng cho tôi buộc cái khung xe vào thành giường. Tôi lại bỏ đôi dép râu vào ba lô để trong màn, cũng như lần trước. Sớm hôm sau, tôi về Thái Ninh.

Đã xế trưa, nắng ấm. Ở trên đê nhìn xuống xóm Đồng lố nhố một đám người đương kéo ra. Như bọn đi đánh dậm, không phải người làm đồng. Những cánh ruộng đã gặt quang, một màu chân rạ đen sạm. Chưa một khoảnh nào bừa vào mùa.

Đến gần thì trông rõ bọn ấy vác những đồ nghề nấu rượu. Hai chiếc đòn ngang bằng con sào buộc cái mu rùa, người khênh quàng vai những xâu men rượu trắng như bỏng ngô. Lại

mấy cái nồi ba mươi, chảo gang bông bêng, lũ người bước lẫn lộn. Ai cũng hăm hở, đùa cười, đuổi nhau loạn xạ. Ngỡ như họ đổi bếp đem lò rượu sang nấu bên kia bãi. Tôi hỏi, mấy người cười rầm lên: "Bắt rượu! Bắt thằng nấu rượu nộp lên huyện. Không trông thấy xã đội trưởng đeo túi dết vác cái ống trúc cất rượu đi đằng trước à?".

Mới nhớ đương cấm rượu bắt rượu ráo riết. Ráo riết nhưng chẳng làm ai khiếp sợ. Ngày trước Tây đoan về khám rượu, cả xóm cả làng đâu ngồi đấy, không ai dám thò chân ra cổng. Bác Cả tôi, thày đồ ngồi bảo học ở nhà, lính đoan vào thuốn lên hóc cột, mái nhà, bới đất luống rau cải, nghi chôn rượu, chôn bã. Rồi được tang vật thì trói đi một xâu người. Bây giờ bắt rượu đem lên huyện như đám rước. Người mang vác tang vật đi lẫn với người nấu rượu, chẳng biết ai phạm pháp, ai đi xem. Như phường chèo đi làng xa hát đám, như lò vật trẩy hội.

Bắt rượu rồi phạt rồi lại bỏ đấy. Ở Hà Nội làm nghiêm thế mà cũng như trò đùa. Tôi sẵn thành kiến về bắt rượu lậu ơ hờ từ những cái trông thấy ở Hà Nội. Báo đăng tin bắt được rượu lậu cả trong xe cứu thương. Rượu giấu trong xe cấp cứu thì thọ quá. Chẳng biết ở chỗ nào, ông lái đã nếm, cái thèm uống vụng ăn vụng, cứ ngứa ngáy thòm thèm, có thế mới thò đầu ra cười cợt với người gác cầu. Ông lái lên cầu Long Biên, mặt rượu đỏ gay, vẫy tay cười hê

hê vẫy anh công an gác cầu. Cái xe bị ách lại. Trong xe kính màu, một ả nằm ngửa trên cáng thương, dưới lưng đệm một bọc rượu. Chẳng phải đọc báo, tôi cũng thường thấy ở quán nước bà hàng cạnh bến xe Kim Liên, có hôm Đặng Đình Hưng đeo bị rượu đến bán, có hôm một cô quang gánh ở ngoại ô vào, thoạt trông tưởng bán miến dong riềng. Cô hàng cũng như lái rượu Đặng Đình Hưng cứ bước tự nhiên vào gian trong. Rượu đựng vào túi ni lông Trung Quốc xanh lá cây đong ra. Lại cái xe cấp cứu màu hàng sữa của bệnh viện huyện in chữ thập đỏ hai bên sườn đậu chỗ rặng cây si bờ hồ đằng kia. Xe rượu đấy, có hôm ở quán 81 lại thấy cô nọ xách tải rượu vào, đặt đấy rồi ra. Cấm thì cấm, người bán rượu các phố cứ như thoi đưa.

Trong đám khuân đồ nghề rượu có tiếng gọi ra:

- Anh Tư, anh...

Trên dốc trông xuống, thì là ông Ngải. Ông Ngải đeo vai một tràng lủng củng, lởm nhởm những miếng gỗ quai guốc. Ông Ngải cũng trong bọn vác mướn hay ông bị bắt rượu. Trông ông không khác năm trước mảy nào. Cổ ông sạm nắng nhưng mặt vẫn nhợt nhạt thế.

Ông Ngải luống cuống hỏi:

- Anh về chơi à? Một mình à? Ở nhà có cái Hến. Tôi về ngay bây giờ...

Bọn người tất tưởi đem các thứ đồ nghề rượu lên trụ sở ủy ban xã. Ông Ngải nói "tôi về ngay", chắc ông không phải chủ bị bắt rượu.

Thiếu đâu người mà lại lôi ông lão làm dân công vác rượu.

Vẫn bụi tre lép giữa mảnh đất phẳng quanh chân tre, lưng tre nhẵn thín lốt người tựa lưng hay con trâu cọ thành bụng vào. Có một mình cái Hến trong nhà. Cái Hến thì khác, năm nao còn là đứa trẻ mới lớn nay đã sồ sề mặc cái áo bộ đội tàu tàu. Người con gái không có thì con gái. Hến ngồi ngoài bóng nắng.

Cái lược bí đương chải chấy dừng lại giữa làn tóc, khi thấy người bước vào. Trong nhà, chiếc võng lắc lư mảnh vải hoa.

- Chào cô Hến.

Tôi chào to thế, nhưng bụng lại thầm mong mình nhầm. Tưởng như mới gà gáy tan canh, bà Ngải vào cạnh giường: "Trỗi! Trỗi. Sáng rồi! Sáng rồi!" Quát mấy chặp cái Hến mới lạt xạt cựa quậy. Có hôm cái Hến nhờ tôi khiêng với nó buồng chuối tây ngoài vườn.

Buồng chuối chẳng nặng, nhưng xách thì cồng kềnh.

Tôi phải gọi "chú Phùng Quán" ở trong nhà ra ghé vai giúp. Bởi cái vai thờ của tôi, nhỡ một cái, gãy quả chuối của người ta. Vai thì vai thờ, chân tay thì thừa, người vô tích sự. Cái năm ở Nông Cống, quảy nước làm vỡ nồi. Vội ra chợ Nưa mua đền cái nồi mới. Quảy thử, nước vẫn chảy tong tỏng. Cô Đăng soi nồi lên nhìn rõ lỗ châm kim. Cô Đăng nói: "Anh mua nhầm cái nồi thủng. Bận sau mua nồi phải soi lên xem thế này."

Chắc chẳng bao giờ trong đời tôi có lần nào đi mua nồi nữa. Tôi cũng chắc là tôi khác Đặng Đình Hưng, dẫu các nơi sôi nổi văn nghệ sĩ đi thực tế, cũng không ai bảo Hưng đi, Hưng ở nhà buôn rượu kiếm cái sống, cái uống. Hưng không vụng như Trần Đức Thảo chăn bò nông trường Ba Vì. Có thư cơ quan gọi Thảo về, nông trường cho về ngay. Không biết đàn bò gần móp bụng ngày ngày Thảo dồn đi dồn về đã thiếu mấy con, con nào bị hổ vồ, mấy con bị trộm dắt mất.

Nhạc sĩ Đặng Đình Hưng và nhà triết học Trần Đức Thảo không biết nhau, đấy là tôi quen hai người.

Họ đã gặp nhau trong tôi, rồi cuộc đời hai người dài dài phí hoài, mà tôi chứng kiến.

Khi đó, ở Trung ương trên Việt Bắc, nhiều cơ quan đương chỉnh huấn, theo cách làm của các tỉnh Hoa Nam - mà chúng tôi gọi là phương pháp Hoa Nam.

Không có chuyên gia nước ngoài, nhưng cán bộ giáo vụ mặc áo bông ngắn bọc vải xanh Sỹ Lâm, ra lối ta mới học tập bên kia về. Tôi cũng dự cái khóa ba tháng đầu tiên theo phương pháp ấy. Cán bộ đèn sách khóa này rồi tỏa khắp các chiến khu, có đoàn vào chiến trường miền Nam, mới đến khu Nam Trung Bộ thì hiệp định Giơnevơ được ký kết lại quay ra. Đặng Đình Hưng công tác ở ban tuyên nghiên huấn giáo chuyên làm giáo vụ các lớp chỉnh huấn văn nghệ sĩ. Không nhớ Hưng có mặc áo

bông xanh Sỹ Lâm không, bấy giờ Đặng Đình Hưng cũng là nhạc sĩ, tác giả bài hát Nông dân là quân chủ lực. Nhưng chưa khi nào tôi nghe ở đâu hát bài ấy.

Về Hà Nội tôi cũng không gặp. Tôi chỉ biết Hưng có rắc rối về chuyện vợ, mà tôi làm công tác đảng ủy, chắc Hưng có ý tránh mặt. Bấy giờ các chuyên ngành văn, họa, nhạc, sân khấu, kiến trúc đã tách ra thành lập các hội riêng. Cũng không biết rồi tại thế nào mà

Đặng Đình Hưng vướng vào Nhân Văn. Ở hội nhạc, Đặng Đình Hưng đã bị ra khỏi biên chế, Hưng không đi hay là không được đi họp chi bộ, thế là mất cả đảng tịch. Bây giờ dịch tài liệu cho cơ quan ăn tiền bài. Khi đó đã giao thiệp với ngoài mấy đâu mà có cái để dịch và Hưng chỉ biết tiếng Pháp. Nghe nói Hưng đi cất rượu quê đem ra bán các quán. Một hôm, gặp Hưng. Khác hẳn trước, không còn râu hùm hàm én, cán bộ tuyên nghiên huấn trợn mắt giơ tay phát biểu choang choác. Ở một quán nước bán rượu chui, chỗ trông sang rạp xiếc cạnh công viên Thống Nhất. Một người mặc áo ka ki đại cán cháo lòng, đội cái mũ dạ rúm ró. Lấm láp như người đánh dậm ngoài cầu Giẽ vác cả cái dậm lên tận phố. Nhưng không. Người ấy khoác một cái bị cói lẳng lặng bước vào nhà trong. Thông thường, đấy là khách mua bán dấm dúi. Qua trước ghế tôi ngồi, cạnh bà hàng nước, người ấy cất tiếng nghe quen quen:

- Chào ông anh.

Tôi ngẩng lên, nhìn ra Hưng. Hưng ngồi ngay xuống với tôi. Hưng lấy trong bị ra một chai rượu trắng. Hưng nói vừa đứng đắn vừa chớt nhả, tự nhiên như vẫn gặp nhau thường ngày.

- Chẳng nói giấu ông anh, dạo này thằng em đét lắm. Lấy cái này tận quê ra, vừa bán vừa ghé gẩm đôi ba chén. Để cho ông anh một chai, thật cái tăm Chương Mỹ đấy.

Rồi Hưng đặt kín đáo chai rượu dưới gầm bàn, bên chân tôi. Tôi hỏi bao nhiêu. Hưng nói "Chỉ xin giá vốn thôi". Tôi đưa trả tiền Hưng như xưa nay vẫn sòng phẳng gọn ghẽ thế, chuyện tiền bạc thì Hưng rành rọt tính đếm thạo. Hưng đã kể ngày trước vị Hồ Đắc Điềm quan tổng đốc trẻ Hà Đông đã gọi Hưng làm chân thầu cơm trại lính khố xanh. Và Hưng vẫn nhớ tôi biết ở lớp chỉnh huấn cho họa sĩ trường Mỹ Thuật đóng ở huyện Yên Bình, một hôm lên lớp, cán bộ Hưng mất đôi dép râu để dưới thang nhà sàn. Hưng bắt cơ quan phải đền vì "đôi dép đã bị mất khi công tác". Những chuyện bình thường đã tháo vát lại cũng lơ mơ, như hôm ấy Hưng nhận tiền chai rượu rồi lại ngồi thịt luôn chai ấy với đĩa lạc luộc, quên cả đưa rượu bán, rồi bà chủ quán phải hỏi. Rồi quá chén, Hưng đi khật khưỡng, tôi phải đỡ vai, Hưng bảo đưa về một nhà ở phố Nguyễn Thượng Hiền sau lưng gần đấy, Hưng bước thẳng đến chân cầu thang cuốn lan can gô, cả người với cái bị chai không và chiếc mũ bật ra, Hưng rụi xuống ngay chân

tường. Nhà quen, Hưng vẫn tá túc ở chỗ ấy.

Tôi quen Trần Đức Thảo ở lớp chỉnh huấn trí thức trên rừng huyện Chiêm Hóa. Thảo ở Pháp về rồi từ Hà Nội lên Việt Bắc. Thảo mặc quần áo nâu, đội mũ lá gồi, đeo xắc cốt vải chàm đã xin hay mua được của bà con người Tày, người Dao trong làng. “Tớ phải thế này cho kịp các cậu” - đôi mắt kính cũng cười lấp lánh.

Chẳng biết rồi còn bao nhiêu đêm Thảo không nằm màn mới kịp chúng tôi để đến được những cơn sốt rét mặt bủng rứ.

Về Hà Nội mới gặp lại Thảo. Thảo vừa đi công tác Bắc Âu về, đội mũ phớt, rõ ra Tây. Nhưng vẫn áo đại cán may ở Thái Nguyên, trước khi về tiếp quản Hà Nội. Bộ ka ki xi măng này tôi còn thấy Thao mặc đến khi sờn cả cửa tay.

Mới gặp, tôi đã lạ và phục Trần Đức Thảo. Vì nghe đồn ở Pari, Thảo đã là bạn và tranh luận triết học với văn hào Giăng Pônsác. Lại nghe nói triết của Thảo đã phát hiện và có những phân tích mới về chức năng hai bàn tay trong quá trình từ con vượn lên con người.

Nhưng tôi gần Thảo hơn không phải chuyện nghe hơi tiếng tăm và cái triết lý hai bàn tay vượn người. Chúng tôi chuyện về Hà Nội ngày trước. Thảo bảo thuở bé học trường Cửa Đông, nhà ở phố Hàng Đường. Trường Cửa Đông tôi đã thi vào lớp bét mà trượt, bấy giờ tôi ở Hàng Mã. Rồi sau tôi đi làm hiệu giày Bata. Thảo kể thì tôi nhận ra nhà Thảo là chỗ nhà

bưu điện tư, ngoài cửa để ghé cái tủ kính bán tạp hóa và giày Bata. Hàng tháng tôi đi tính sổ các đại lý bán giầy ở Hàng đường, Hàng Bông. Thế là tôi ngỡ như đã biết Thảo từ thuở ấy. Tôi bảo: "Tớ còn nhớ ông cụ nhà cậu. Ông cụ người đẫy, đeo kính hay thắt cà vạt đen, ngồi trong quầy bán tem sau tấm kính".

Tôi hỏi Thảo:

- Bên Thụy Điển, bên Bắc Âu có gì hay không?

Thảo nói:

- Mua được cái chăn, tuyệt lắm. Lông ngỗng hay lông chim, nhẹ chỉ độ một cân, đi công tác rất tiện.

Thảo cho xem cái chăn lông chim của anh mà chắc anh lý thú nên mang đến tận nhà tôi. Lại biểu diễn luôn ở trên giường tôi cạnh bàn viết. Anh mở cái chăn màu vàng nhạt, kéo khuy bấm nằm thu lu vào giữa, dưới gáy sẵn cái gối thòi ra. Trông người nằm gói trong chăn, cái chăn màu vàng tôi nhớ ngày trước, đi đêm trong thành phố Sài Gòn hay gặp người nằm ngủ trong cái nóp trên vỉa hè. Tự nhiên, nghĩ đến cái triết lý bàn tay khi thấy anh hể hả chui vào rồi gấp chăn mở chăn cho tôi xem.

- Cái này để đi công tác.

- Cho mượn nhé.

- Đi đâu cứ lấy.

- Đùa thôi. Bó không chịu được. Tớ hay đạp, hay gãi.

Thảo không nói. Thảo không cắt nghĩa

thêm cho tôi về những cái tôi ngại, chắc anh biết thế là tôi chê.

Nhưng mà đấy là Trần Đức Thảo, cái chăn Na Uy, Thụy Điển gì ở Hà Nội hay bộ quần áo nâu và cái túi chàm ở Việt Bắc thì vẫn một người ấy. Lâu lâu mới lại trông thấy Đặng Đình Hưng. Nhưng tôi biết tin Hưng ốm, phải mổ phổi. Ốm đau, bè bạn thì trông vào ai, bản thân thì bị vứt đi rồi nhưng mà có mả cứu bần, dạo này Hưng được Đặng Thái Sơn gửi tiền cho. Đã ra viện và bình thường. Thế nhưng chợt trông thấy cũng không khỏi ngạc nhiên. Hưng ở cái chợ cóc bên đường Giảng Võ đi ra, tay vung vẩy một mớ rau muống. Không còn ốm o mảy may, người mới hiên ngang làm sao. Đầu đội mũ nan cao bồi Nam Mỹ rộng vành bóng nhoáng, áo sơ mi thể thao hồng sẫm có cầu vai, quần bó xắn gấu. Đôi giày da có cổ màu gan gà vàng bóng, gót cao đến năm đốt ngón tay.

Hưng đi đĩnh đạc như thả chân đếm từng bước giày chắc chắn. Mặt đẫy đà đỏ đắn, màu rượu hay là đương thuốc bổ.

Khác lạ thế, nhưng tôi nhận ra Hưng ngay. Tôi chạy sang đường. Mắt Hưng vẫn nhanh loang loáng.

Hưng giơ bó rau muống, reo to:

- A, ông anh. Nhà em gần đây, vào chơi cái đã.

Đặng Thái Sơn mua của nhà nước cho bố một căn hộ mười sáu thước vuông, lại tậu cả điện thoại. Ở tầng hai, trên lưng cửa hàng bách

hóa nhà mậu Giảng Võ.

Qua hai ba lần khóa dãy, khóa cửa mới vào tới gian hai buồng tối âm thầm có một lỗ cửa sổ trổ xuống đường treo miếng mành mành, tựa cái cửa ngăn ở khoang thuyền. Khách đứng dưới đường gọi. Chủ nhìn trong mành ra xem ai. Không muốn gặp thì không lên tiếng, mặc cho gọi.

Cả sàn nhà trải chiếu mộc. Không bàn ghế. "Như thế này hay. Lăn chỗ nào cũng được".- Hưng nháy mắt, nói thế. Trên cái bục gỗ áp tường gian ngoài bày bình hương trước bức ảnh truyền thần hình ông già chít khăn, râu ba chòm, chắc ảnh cụ thân sinh.

Trong nhà ra mở cửa, một cô dong dỏng người. Hưng không giới thiệu, và tôi cũng đã đoán biết đại khái thế, đại khái vậy. Tôi nói thế này:

- Cô để ông ấy đi chợ vác có mỗi mớ rau muống?

Cô cười:

- Người khó tính lắm ạ. Đòi phải mua rau lấy người mới xơi được. Nhưng người khôn lắm, không đòi luộc lấy.

- Nhà nó chỉ biết mua rau muống lợn. Nhà mà luộc thì tôi cũng ăn chiếu cố.

Nàng chẩu môi:

- Thế thì chiếu cố cả đời.

Hai người còn nói năng ỡm ờ những gì nữa rồi Hưng vào khay rượu trong góc nhà, nhấc ra cái chai trong cùng.

- Có chai đầy chai vơi là ý tứ cả đấy, không lộn xộn đâu. Rượu chợ thì thằng em bày đám ngoài cho các bợm uống bóng. Còn anh em ta làm cái này, cũng Chương Mỹ, nhưng mà hảo, tố hảo.

Hưng cắt nghĩa nguồn tiền mua rượu:

- Nhờ nó cả. Nhưng ở bên ấy thì nó cũng phải đi làm chứ có maphia đi cướp nhà băng đâu. Đủ tiền ăn và thuốc men, nó gửi ngữ, gửi tháng thôi. Nhưng mà cái ngữ, cái tháng của người ta...

Tôi không muốn nghe những chuyện ấy, tôi hỏi:

- Lái đem rượu trong quê ra?

- Chứ em ốm đau đi sao được! Thánh thiên tửu lắm, hơn đứt rượu Tây.

Hưng giữ tôi lại ăn cơm. Tôi bảo để khi khác. Hưng trịnh trọng:

- Ông anh, ông là anh tôi. Ông là học trò lớp bét trường Yên Phụ học thày Đặng Đình Hướng anh ruột tôi, ông là người nhà tôi rồi. Ông đã có một quyển sách để đời. Còn thằng em ngần này tuổi mà còn đương bơi, không biết bơi vào chữ hay vào màu.

Những câu ấy Hưng cũng hay tụng tôi mỗi lần gặp.

Tôi hẹn, nhưng ngay lúc ấy cũng ngồi làm mấy chén vui. Hưng lại tán cái này rượu quê ngâm củ ba kích.

- Cái trong kia, dái dê với ba kích thì lên một bậc nữa. Ông anh hãy nếm ba kích.

Tôi cười:

- Năm trước, nhạc sĩ Hồ Bông đã cho chén dái dê ở Sài Gòn. Chẳng ăn thua mẹ gì.

- Không, dái dê của thằng em thừa, đủ tháng đủ năm không già không trẻ. Nhưng ông anh xơi cái nam y ba kích này đã, xem máu huyết dẫn đến đâu rồi hãy sực cái thằng hùng hổ hơn. Em trông tạng ông anh thì ba kích là vừa.

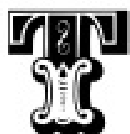
Rượu ba kích hăng hăng, ngái ngái. Hôm sau, cái cô thổi cơm bữa trước ở nhà Hưng đèo xe đạp đem cho tôi một bó củ ba kích tươi như mới đào ở vườn thuốc lên. Có củ to bằng củ cải. Tôi hỏi đùa: “Cái này ăn sống có được không, hả cô?”. Cô ấy trả lời ngúng nguẩy: “Những của quỉ này, em biết đâu”.

Tôi cũng không nhớ mớ ba kích tươi ấy rồi tôi cứ thế ăn sống, tôi bổ ra phơi khô hay tôi vứt đi. Vài hôm, tôi lại được Hưng gửi cho một bó ba kích. Mỗi lần lại một cô khác đem tới. Và khi đến chơi nhà Hưng, có hôm thấy vắng vẻ, tôi hỏi: “Các nàng ba kích đâu cả rồi?”.

Hôm ấy, tôi rủ Vạn Lịch, chúng tôi đem đến một bọc thịt chó - mua ngay ở chợ Giảng Võ. Hưng cho ăn rồi hay chửi những thằng ăn vọ, tôi giữ ý không đến tay không. Hưng đúng hẹn, lúc chúng tôi tới, cả ả người thanh mảnh đương mổ con ngan hay con ngỗng dưới bếp. Tối ấy, cuộc chén thêm nhạc sĩ Huy Du, nhà ở gần. Và cả cô đầu bếp. Con gái phường phố bây giờ lắm cô đã đoảng lại hư. Hai cẳng chân lão đã lạnh

lên tận đầu gối mà chúng họ vẫn lăn vào.

CHƯƠNG 9



ôi gặp Trần Đức Thảo ngoài cổng bệnh viện Hữu Nghị. Cả thành phố đã thuộc cái ông đi chiếc xe đạp con vịt trẻ con sơn xanh, không phanh, ngồi phải giạng chân cho đầu gối khỏi đụng lên ghi đông, đấy là nhà triết học Trần Đức Thảo. Ông dịch sách lý luận kinh điển cho Nhà xuất bản Sự Thật để lấy lương ăn. Người biết đôi chút thì thắc mắc: không biết ông có được dạy, ông có được phong giáo sư không. Tôi thì biết bây giờ ông dông dài lam làm chơi chơi thế thôi. Tôi cũng chẳng biết ông có Nhân Văn Giai Phẩm gì không và tại sao ông lại càng ngày càng bị quên lãng dưới đáy.

Tôi làm sao biết được, mà tôi cũng không tò mò. Tôi chỉ là một người tẻ nhạt và yếu đuối với những kỷ niệm Trần Đức Thảo. Gặp ai quen, đứng lại chuyện thì Thảo buông cái xe kềnh xuống như con chó rô bốt nằm phủ phục bên chân ông chủ, nói như quát.

Thảo đương đi ra chỗ gửi xe đạp. Tôi lại nhận thấy có một vật nữa khiến người ta dễ nhận ra ông Thảo. Ông Thảo đi đôi guốc mộc. Đi guốc mộc và hút thuốc lá cũng đương là cái mốt của mấy bác sĩ trẻ trong các bệnh viện. Nhưng đi guốc mộc và mặc bộ đại cán ra đường

và đã đứng tuổi thì chỉ có Trần Đức Thảo và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Ông Thảo đi guốc mộc mọi lúc, mọi chỗ. Bác sĩ Thạch thì lóc cóc đôi guốc và để đầu trần đi chơi buổi tối trong các ngõ rạp hát, các cao lâu phố hàng Giầy, hàng Buồm. Ông Thạch lực lưỡng, béo tròn khác ông Thảo gày gùa, mặt và mắt vàng nghệ màu bệnh gan.

Tôi chào và hỏi Thảo:

- Bệnh gì đấy?

- Vẫn cái gan mọi khi.

- Mới đi Đức về, không chữa ở bên ấy a?

- Ờ, mới về. Người ta mời đi nghỉ, không phải đi chữa bệnh. Về lại phải vào đây xin thuốc.

Rồi cứ giữa đường thế, Thảo nói ầm ầm một hồi chẳng để ý người qua lại đứng nhìn.

- Ở nhà nghỉ trong rừng cả tháng, bảo cho đi xem bức tường Beclin một cái thì không. Chúng nó sợ tao chạy sang bên kia à? Có là con chó.

Thảo nói “chúng nó”, tôi không hiểu đủ, tôi hỏi:

- Ai ngại ông?

- Chúng nó.

- Chúng nó là ai?

- Thằng Đức, thằng sứ quán.

- À ra vậy.

Cũng gần trưa. Tôi có ý nghĩ đi mua cái gì rồi rủ Trần Đức Thảo về ăn ở nhà Đặng Đình Hưng. Có thể cũng hay. Tôi bảo Thảo: “Chúng

ta đến nhà thằng...", mới nghe thế, Thảo đã lắc đầu. Tôi chợt nghĩ ra.

- Không được nhỉ, còn cụ ở nhà?

- Ông cụ mất đã bốn năm rồi.

- Có một mình ở nhà thì đi nhé.

- Đi đâu?

- Đến nhà Đặng Đình Hưng. Đặng Đình Hưng bố Đặng Thái Sơn ấy mà. Nó cũng ở một mình như ông.

Thảo lắc đầu nói:

- Đã lâu, tao không muốn quen thêm một ai trên đời này nữa.

Nghe câu triết lý cùn mà xa xôi, mà lạnh lẽo, tôi đành chịu. Nhưng con người hiền lành này không phải là kỹ tính khó khăn, tôi rủ ra quán cơm đầu ghế thì Thảo đi ngay. Phố Hàm Long, cái quán bia, lòng lợn tiết canh và cơm bát của vợ chồng con gái bà Tân Việt.

Hồi này chưa có nhiều quán bụi, nhưng đã lác đác bia hơi, cháo lòng, bún nem, không đến nỗi chỉ độc có phở miến dong riềng không người lái.

Cũng chưa lần nào tôi ăn với Thảo, không kể hồi lớp chỉnh huấn ở rừng, cơm tập thể ăn đứng, giữ vệ sinh gắp đổi đầu đũa. Tôi có cảm tưởng buồn cười nhà triết học như vẫn ngơ ngác tròn mắt với xung quanh khác lạ ý nghĩa và không ý nghĩa của quá trình hai bàn tay con người. Anh hay có nhận xét kết luận.

Anh không uống bia. Rượu thì chẳng biết nó có ở trên đời này. Anh ăn cơm, gắp miếng dồi

lợn chấm nước mắm, không mắm tôm rau sống, không đụng đến lòng tràng, cổ hũ.

- Lòng lợn nhồi tiết là nhanh nhất. Mà cũng ngon, sống ở trên đời, ăn miếng dồi lợn mà. Ở nhà, hồi còn ông cụ, lắm hôm nấu nồi cơm trộn nước mắm, ăn mấy hôm mới hết. Rồi quen, cái thói quen có được hay bỏ được cũng dữ dội lắm, cậu ạ.

Rồi nghe tin Trần Đức Thảo công cán đi Pháp gặp gỡ Việt kiều. Nhà trí thức Trần Đức Thảo đã hoạt động lâu năm bên ấy. Nhưng không ai để ý và thấu nỗi từ cái năm ở nông trường Ba Vì được về, Trần Đức Thảo chỉ tháng ngày quanh quẩn cơm niêu nước lọ một mình lâu dần đến đỗi không muốn quen thêm một người nào nữa, người đã sợ cả người. Giá mà hồi ấy gặp Thảo thì tôi bảo anh đừng đi. Bà con ở Pari về kể chuyện Thảo được Việt kiều quí mến, lập nhóm giúp đỡ Thảo. Đã vận động được Chính phủ Pháp tặng Trần Đức Thảo một giải thưởng khoa học lớn. Nhưng anh chưa kịp nhận.

Trần Đức Thảo ở nhà của sứ quán. Các bạn đã mướn một bà người Việt bếp núc giỏi nấu nướng cơm nước cho Thảo. Anh ăn món thịt bò bít tết và satôbriăng với rau xà lách dầu dấm mà anh rất khen. Nhưng thỉnh thoảng lại đòi mì ăn liền và nấu lấy. Khi ăn, cầm cả xoong, đỡ một thao tác đổ mì ra bát. Triết lý, triết lý đấy. Ôi Thảo!

Đặng Đình Hưng thì ốm ở cái gác trong hũ.

Cũng không gặp ai nữa. Người đứng dưới cửa sổ gọi, mặc kệ. Có một đứa cháu trong quê Chương Mỹ ra trông nom ông. Hôm đưa ma, tôi trông mặt anh trong khung kính quan tài, thấy đội cái mũ dạ to vành - chắc anh đã dặn đội cho cái mũ ấy.

Cô Hến ngước mắt nhìn ra sân.

- Anh... anh mới về.

- Tôi chào ông trên đê rồi. Ông bị bắt rượu a?

- Không, bố em khiêng hộ xã đội. Bố thích người ta bắt rượu. Bố em ghét người nấu rượu.

Tôi nhớ ông Ngải chỉ nghiện nước chè vò. Ông Ngải chửi những đứa rượu vào hay lè nhè. Tôi hỏi:

- Cô Hến cưới chồng năm nao?

Hến nhìn tôi, đỏ mặt, không nói.

- Cháu ngủ trong võng a?

Tôi lại hỏi:

- Con giai hay con gái?

- Con giai.

- Anh ấy đâu?

- Đi bộ đội.

- Có đóng gần nhà không?

Hến lại không trả lời. Ông Ngải đã vào đến đầu ngõ. Ông Ngải nói:

- Chỉ đem hộ ra xã, rồi dân quân vác cả lên huyện.

Hến kêu:

- Bắt với bớ, mấy hôm lại thấy rước về đủ lệ bộ cho mà xem. Anh có ở chơi được lâu không?

- Cũng vài ngày.

- Thế thì vui rồi.

- Quà Hà Nội của tôi đây.

- Cái gì thế?

- Cái ga len.

Tôi lấy cuộn dây đồng trong ba lô ra. Rồi những mảnh thiếc ghép, lò xo, cục pin, cái loa con con, một hộp gỗ. Những thứ ấy lắp lại, cái thì đặt trong gầm giường cái thì tròng lọng lên đầu cây tre, cắm ra ngoài bờ rào. Bắt được đài Tiếng nói Việt Nam cả ngày cả đêm, tối đến tiếp âm đài Bắc Kinh, đài Matxcơva. Nghe rõ mồn một. Cái năm mới có người đem ga len về làng, có cụ già sợ: "Nghe như ma xó nói, ghê cả tai". Bây giờ thì các hàng quán dọc đường từ trên tỉnh về đây và nhiều nhà trong xóm, trước cổng cắm lênh khênh cây tre mắc dây ga len.

Tôi lắp các thứ và cắt nghĩa cho ông Ngải. Ông Ngải nói:

- Tài thật, chỉ có sợi dây thép mà thu được tiếng tận đâu đâu. Anh mua mất nhiều tiền không?

- Cái đài đeo vai mới đắt, mà cũng không mua được. Còn ga len chẳng đáng bao, vì mình làm lấy cả.

Ông Ngải lại hỏi:

- Thấy bảo cái này nó hút sét, có nơi đương mưa sét đánh chết cả nhà.

- Thế là ông thạo ga len rồi. Người ta đồn đại quá đi thôi. Đề phòng dễ lắm, tối nghe xong thì nhổ cây tre đem vào nhà, thế vậy.

- Tôi cũng nghe nói làm vầy. Nằm trên giường cũng được nghe văn công, sướng chưa.

Trong nhà ông Ngải cũng nhiều đổi thay. Ốc đã đi bộ đội. Cả Toàn con rể, ông bà cho ở gửi rể, cũng đi bộ đội. Chỉ ông bà Ngải vẫn ngày ngày nghe kẻng ra đồng làm. Nhưng ông Ngải ghét nhất cái cảnh ra đầu xóm đứng lố nhố, chuyện râm ran, điểm danh mấy lần vẫn chưa đủ người, đến khi cả tổ ra tới giữa đồng thì mặt trời đã lên ngang lưng tre. Ông Ngải bực mình chửi làm ăn thế này thì đói rã họng ra đến nơi. Ông Ngải không đi với mọi người. Ông hỏi hôm nay làm gì rồi ông xuống đồng trước. Ông Ngải đi sớm về muộn, ông làm theo ý ông, không biết cái kẻng. Ông đã quá tuổi lao động, ông làm hay không cũng thế, nhưng hôm nào không đi làm thì chân tay như uỗi ra. Cái gì ông cũng tự nghĩ rồi làm. Ông chỉ cho con cái học cho biết mặt chữ. Ông gả chồng cho cái Hến cũng không biết thế là tảo hôn, mà làng nước cũng chẳng ai bắt bẻ ông. Thằng Ốc nhà độc đinh ông vẫn cho đi bộ đội. Ông bảo "đi cho biết đó biết đây". Thời còn trẻ, ông đã đi nếm cơm thiên hạ chẳng thiếu đâu. Tôi lại ngồi bên bụi tre lép với ông Ngải. Đến nhà Sự, nhưng Sự đi vắng. Xem ra công tác vẫn bận tối mắt. Về quê chóng đói, hôm nào cũng lại đánh ba bốn bát với con tôm cái tép hầm nồi trát bùn. Ông Ngải không uống rượu. Như năm trước, tôi cũng không uống, chẳng sao. Tôi là con ếch Cu Ba, ở rừng thì da xanh thẫm lá rừng, ở ruộng mía thì đổ màu lá

mía, đến mùa hoa, lưng ếch chấm đỏ, chấm vàng như cánh hoa rơi.

Năm trước, cả làng mới có xóm Đồng làm thí điểm hợp tác xã. Rồi hợp tác xã cả xóm, rồi khắp các xóm thành một hợp tác xã to. Đâu cũng đồn rồi cả huyện lên như công xã nhân dân bên Trung Quốc mà thôi. Chuyện ấy còn chưa biết, mới chỉ một xã thành một hợp tác xã đã lắm chuyện rồi. Ủy ban chỉ giữ cái triện, mọi việc đều qua chủ nhiệm. Hợp tác xã nắm nhân lực, cho đi bộ đội, đi học xa, cả các nơi về điều tra lý lịch để kết nạp vào đoàn, vào đảng, lấy người vào biên chế cơ quan chủ tịch xã đóng dấu, chủ nhiệm cũng ký cùng. Trụ sở ban chủ nhiệm đông người ra vào. Bên ủy ban, ngày làm việc mà lắm hôm khóa trái cửa. Ngay ở xóm Đồng, bà con chỉ biết đến tổ trưởng sản xuất, trưởng thôn cũng như anh xã viên chay.

Chẳng bù với nhiều nơi cuối tỉnh cuối huyện, các hợp tác xã điển hình quẫy như cá úi. Mỗi huyện, mỗi tỉnh đều thổi lên những cái bong bóng hợp tác xã điển hình. Một hình ảnh tưởng tượng hùng vĩ đến ngây ngất, cả nước gồm ba trăm huyện là ba trăm pháo đài đầy đủ mọi mặt như một bang. Cứ dóng dả lên thế, nhưng chẳng ngành nào điều được người về huyện, tài chính, nhà giáo, kỹ sư, bác sĩ... vẫn vắng bóng. Như thế, càng báo cáo phấn khởi ăn gian nói dối tràn lan.

Các hợp tác xã được tỉnh, được huyện hay cơ quan, nhà máy đỡ đầu. Suốt tháng nhộn

nhịp, nông nhàn cũng chẳng khác ngày mùa. Ngày chủ nhật, cán bộ, nhân viên làm lao động công ích đẩy những xe phân hố xí hai ngăn trên các cơ quan tỉnh, huyện về. Nhà máy kết nghĩa thì ủng hộ than để nung gạch, cho bã hoa quả, vỏ cam, lõi dứa thức ăn nuôi ngan, nuôi lợn. Về đến nơi, xã viên rỡ bã cam, mắt dứa nhặt riêng, đem ra chợ bán. Hợp tác xã có tổ nuôi ong. Bí thư tỉnh ủy chủ nhật nào cũng về xã theo dõi điển hình. Ông đã gửi tổ ong của hợp tác nuôi hộ ông một chục đõ. Chủ tịch huyện cũng có năm đõ nhờ nuôi. Ong chết dịch, ong bốc bay mất bao nhiêu thì đõ ong của các thủ trưởng vẫn đông đàn và đến vụ quay mật cứ là tố hảo, mật nhãn mật hoa ngô sánh như kẹo mạ. Mọi sự được đắp vào, được tiếng tăm, nhưng hoạn nạn ở đâu cứ kéo đến, trước nhất méo mặt vì nạn khách tham quan. Báo chí càng thổi kèn đu đủ bốc thơm thì các nơi lập đoàn, lập đội kéo đến tìm hiểu học tập càng nhiều, huyện bạn, tỉnh bạn ba trăm pháo đài huyện cả nước đổ đến. Các xã láng giềng phải nghĩ ra mẹo trốn thành tích. Ở hội nghị tổng kết trên huyện, các hợp tác xã theo nhau báo cáo năng suất đuối, không đạt mức thi đua - mới vụ trước thì vun vút vượt chỉ tiêu. Cả các anh điển hình cũng co lại. Chẳng biết đâu thật, đâu vờ, mà cái cớ chính thì cũng dễ hiểu. Tôi yếu rồi, thôi thôi đừng ai dòm ngó tôi nữa, tôi không nhất nhưng tôi không bét, tôi cứ tà tà cả làng không lên mâm, không có cỗ với ai cả.

Ông Ngải vỗ vẩy cái ống điếu.

- Lắm nơi rắc rối nhỉ. Nhưng mà nghĩ ra thì ở đây cũng không khác đâu. Hôm nọ ông cán bộ gà lại về dạy làm chuồng, cách cho gà ăn, cách chống gà toi.

Người ta nuôi gà cả đời nào phải học ai. Thôi thì cũng đồng ý, cũng phát cỏ, quét vôi, bắt gà ăn thóc ngâm muối cho phải phép.

Tôi hỏi:

- Ở đây có đoàn tham quan đến không? Dạo ấy thôn ta hợp tác xã thí điểm điển hình huyện cơ mà.

Ông Ngải hút một điếu thuốc. Cái nõ kêu ròn tanh tách. Rồi ông bụm môi, thở khói, như cái cười ngậm trong miệng theo khói ra.

- Tôi không biết. Ngày trước thằng Tây đóng bốt trên đê đầu làng, giữa làng, cuối làng, cả hàng huyện này đồn bốt chi chít như đế giày đinh của nó. Thế mà rồi bỗng chốc ta về nhổ sạch. Cho nên, tôi chỉ biết theo ta thôi.

- Nhưng cái gì thấy không đúng phải có ý kiến.

Ông Ngải lờ đờ mắt.

- Tôi chỉ ý kiến thế.

Tôi đã hiểu cái ý của ông Ngải. Ông nói cái gì ông cũng theo, nhưng thật ra xưa nay ông chỉ theo ông, theo bàn tay ông mà thôi. Tôi quí ông cũng vì thế, tôi đã bao lần nghe ông Ngải kể về sự tích cái đất và những mảnh ruộng này của ông với cái cuốc, cái mai.

Đã bao nhiêu năm rồi, mỗi hôm ông Ngải

lại ngồi tựa bụi tre lép, ngắm nghía cơ ngơi của ông từ vườn ra ruộng xuống bãi sông. Những khi mát trời, ông ngồi đến lúc ngôi sao hôm như một giọt sương sáng long lanh rỏ xuống mặt nước xa kia.

Tôi hỏi:

- Bây giờ đội nào làm mảnh ruộng này?

- Chẳng đội nào cả.

Tôi lấy làm lạ.

- Ông đã làm ban kiểm tra, ông giữ ruộng riêng sao?

Ông Ngải cười hề hề:

- Thế đấy. Mấy vụ tôi để các đội làm đều mất ăn, chỉ được vài gánh lúa lép. Chúng nó nói quàng: Bụi tre này ớm bóng làm cỏ áy, lúa áy. Nói láo, bóng tre chỉ bằng cái nón, lại ngả xuống ao, đâu ra ruộng.

Tôi gọi anh Sự với cả ban chủ nhiệm ra tận ruộng.

Tôi bảo cái tay tôi đã làm nên đồng đất này, tôi biết nuôi nó lúc đói lúc no thế nào. Các người tưởng ai cũng làm, làm thế nào cũng được sao. Cái cày máy có lia được vào bốn góc ruộng đâu, lại phải cần đến thằng cày chìa vôi. Để đấy, vụ này tôi làm. Thế là tôi lại vác cuốc ra. Ngày mùa, thóc quảy về chật nửa sân hợp tác, hạt thóc ken nhau, con đá phải lăn hai ba lần mới sạch rơm.

- Các tay hợp tác có hỏi ông kinh nghiệm làm thế nào?

- Tôi làm thế nào thì bày ra đấy, chúng nó

biết chứ. Có điều rằng người ta làm ruộng đất thịt trong đồng, không ai thuộc tính nết cái soi bùn, lưỡi cày không lật được tới màu, độc cái lưỡi cuốc mới len lỏi xuống đưa màu lên được. Chỉ có thế.

Tôi hỏi:

- Ông Ngải ngày trước có bao giờ lên tỉnh không?

Ông Ngải nhìn tôi:

- Anh ngỡ tôi không đi tỉnh, tôi không biết mặt rượu a? Tôi đã nghiện lâu năm đấy.

- Ông cũng uống rượu?

- Mỗi hôm đánh ngã hai ba chai con hươu, đến lúc sờ thấy nóng tai mới đứng lên.

- Ôi trời!

- Rồi tôi bỏ rượu. Cái ấy hại tiền, chẳng ra gì. Bấy giờ còn đương sức bay nhẩy.

- Ông ra tỉnh.

- Xa bằng vạn ra tỉnh ấy. Tôi ra Uông đội than, vào rừng trong Thanh ngả gỗ vần xuống sông đóng bè.

- Khiếp chưa!

- Hai chân đất, tôi cứ đi. Một đời tôi chưa biết cái tàu, cái xe, không biết cái màn.

Tôi đã ở nhà ông năm sáu tháng, thế thì những cái biết, cái nghĩ của tôi về ông đều phải vứt đi ráo.

Tôi chưa biết gì về ông Ngải. Tôi tưởng người các miền quê ta đâu cũng như quê Thiệu Hưng của lão AQ. Bên ấy đất nước mênh mông, người trong làng chẳng bao giờ đặt chân lên đến

trấn, đến huyện. Một nhà ở Hoa Trung chuyển vùng đi kinh tế mới lên Hoa Bắc, vào Tân Cương ngày ngày ròng rã thăm thẳm mịt mùng biết đâu đường nào về. Làng xóm ta thật khác, như ông Ngải đã tha phương cầu thực đến đâu cũng được.

Người gốc dưới Nam lên khai hoang trên Phong Thổ, Lai Châu. Xa nhất thì vẫn đi đi về về một chốn đôi quê. Đường ngược về, đeo đãy cao khỉ, hổ cốt, mật gấu, mật ong. Dưới xuôi thì quẩy lên những thứ trên rừng hiếm: lọ thủy tinh, bóng đèn, dây ni lông, gương lược...

Lẽ nào tôi chẳng biết, mà tôi không biết thật. Tôi chỉ trông cái trước mắt. Tôi không biết về ông Ngải, rõ là tôi đã biết gì đâu.

Mấy nhà trong xóm tối nào cũng đến trầm trồ quanh cái tai ga len treo trên cột.

Ông Ngải gật gù:

- Văn công hát chèo như người đứng trước mặt.

Vợ chồng, cả nhà Dũng đã lên tỉnh mở hàng cơm chứa trọ. Chắc không ở cầu Bo, tôi không gặp. Sự vẫn không có nhà. Mấy hôm ấy có lớp huấn luyện trên huyện. Sự nhắn tôi cố ở chơi được đến cuối tuần, Sự về. Vợ Sự và cái Soi đi gánh cỏ tóc tiên về bỏ làm phân chuồng lợn. Mới năm nao, chẳng mấy hôm không bị mẹ đánh đòn, bây giờ cái Soi đã lớn vổng, cao bằng mẹ.

Vợ Sự hỏi tôi:

- Anh mang cái máy hát về cho ông Ngải

hả?

Cái Soi nói:

- Cái ga len nói như ma nói.

Tôi bảo:

- Sự về, vợ chồng tối sang chơi nhà ông Ngải, cả cháu nữa.

Cái Soi cười:

- Tối nào cháu cũng vào đấy. Thoạt nghe nó nói rợn cả tai.

Tôi mới nhớ ra cái cô bé mặt ngẩn ngơ đứng ôm cột nhà, chốc lại nghé nghiêng nhìn lên ga len, là cái Soi.

Tôi về Đan Phượng đúng hẹn với Thử, chúng tôi cùng vào trường vừa chuẩn bị lễ bế giảng. Mỗi tổ được thông tri lịch từng ngày với những việc phải làm. Giấy giới thiệu sinh hoạt lại với cơ quan, thanh toán tiền ăn tháng sau cùng. Có một điều căn dặn mà thoạt đầu tôi thấy là kỳ quặc ở cái trường mà học viên đều đã nên ông nên bà và cán bộ cỡ. Không được viết bậy, ỉa bậy ra nhà vệ sinh. Không phơi quần áo dưới sân.

Nhớ khóa xe đạp... Nên cẩn thận và đề phòng những ngày cuối bận rộn dễ mất cắp mất trộm.

Có người thành thạo nói: Trường người lớn hay trường trẻ con thì cũng cứ gặp bế giảng lại như tháng củ mật áp Tết ở làng. Có người đưa gái điếm đến dọn dẹp hộ, bảo là con nuôi. Cô Ngọc học trường này mất cái đài Mẫu Đơn. Về nhà, về cơ quan không dám hé răng, ở nơi uy

nghiêm thế này không thể có trộm cắp.

Nhưng tôi vẫn nhớ đến cái ông ăn vụng quả chuối ở căng tin.

Rồi mọi việc êm đềm trôi qua. Mỗi tối trò chuyện khuya hơn mọi khi. Ngoài vườn, những luống ngô đương trổ cờ, hoa ngô thơm nồng nàn vào cửa sổ. Các bạn ở xa đi xin chữ ký vào sổ tay. Dẫu già vẫn là cảnh trẻ con đi học.

Tôi làm tổng kết, viết tự nhận xét và nhận lời phê của tổ đảng, của chi bộ.

Bản chứng nhận học tập của tôi:

Đảng lao động Việt Nam - Trường Nguyễn Ái Quốc

- Bản chứng nhận học tập. Lớp 8 tháng khóa 3. Từ tháng mười 1961 đến tháng bảy 1963.

A - Kết quả học tập.

1 - Duy vật biện chứng: Ý chính đủ. Thiếu định nghĩa giữa phạm trù chung và riêng. Không nhớ câu Lê Nin nói về chung và riêng. 2 - Duy vật lịch sử: Đủ ý chính. Liên hệ thiên về vai trò và đặc điểm văn học nghệ thuật trong phát triển xã hội. Phân tích tác dụng nghệ thuật trong đời sống còn sơ lược. 3 - Chính trị kinh tế học: Đủ ý chính. Thiếu phân tích lao động phức tạp, lao động giản đơn, giá trị và số lượng giá trị của hàng hóa. Sự tất yếu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đối với những nước kém phát triển nói chung và đối với Việt Nam nói riêng, đủ ý chính. Thiếu phân tích nguồn vốn, tiến trình. 4 - Kinh tế cụ thể: (Học thiếu 2 bài kinh tế xí nghiệp vì về dự đại hội Hội Văn học Nghệ

thuật Việt Nam và đại hội Hội Nhà văn Việt Nam). 5 - Đi công tác thực tế ở hợp tác xã thí điểm đã cải tiến quản lý: Làm được đầy đủ nhiệm vụ tổ giao (Nghiên cứu về chăn nuôi, có báo cáo riêng). 6 - Lịch sử Đảng: Đủ ý chính.

B - Tự nhận xét.

1 - Thời gian học toàn khóa. Nghỉ 10 ngày (Dự Đại hội Văn nghệ và Đại hội Hội Nhà văn), nghỉ hè ở Sầm Sơn về chậm 15 ngày (đã kiểm điểm). Những bài không học: 2 bài về kinh tế xí nghiệp (kinh tế cụ thể), 2 bài về lịch sử Đảng.

2 - Kết quả nhận thức lý luận, vận dụng lý luận liên hệ thực tế và nâng cao tư tưởng.

a/ Lần đầu tiên nghiên cứu lý luận dài hạn, lĩnh hội được một cách có hệ thống. Mỗi môn học đều có liên hệ, lại có đi thực tế kiểm tra lý luận trong thực tế. Với tôi, phần học triết và kinh tế nông nghiệp thu hoạch được đầy đủ hơn cả.

b/ Cụ thể kết quả tất cả các bộ môn như sau:

Về duy vật biện chứng - Thấy sâu sắc hơn được sự vật có liên hệ và phát triển lẫn nhau trên cơ sở những qui luật và phạm trù phép biện chứng duy vật, do đấy có cơ sở khoa học và chính xác là xem xét theo qui luật mâu thuẫn, hạt nhân phép biện chứng, mối liên hệ giữa các qui luật và phạm trù, sự vận động và phát triển. Đặc biệt: Phạm trù riêng chung đã liên hệ được nhiều mặt về tính dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa của xã hội và của đường lối văn nghệ

của Đảng.

Về duy vật lịch sử - Thấy được tính tất yếu khách quan của tiến triển lịch sử loài người thông qua đấu tranh giai cấp - động lực phát triển của xã hội. Mối quan hệ thượng tầng kiến trúc và hạ tầng cơ sở với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đặc biệt liên hệ chức năng của mỹ học trong phạm vi công tác và sáng tạo của văn học.

Về lịch sử Đảng - Thấy được cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình từ khi Đảng ra đời đã phát triển theo quan điểm Mác - Lênin rất khoa học, đặc biệt tốt với vấn đề nông dân và các chủ trương, chính sách liên minh công nông, mặt trận dân tộc.

Về kinh tế cụ thể - Hiểu được hơn cả là các bài về nông nghiệp như: Sử dụng ruộng đất, vấn đề thâm canh tăng năng suất, vấn đề kỹ thuật nông nghiệp (Các bài về lúa, phân, giống đất, các phương thức canh tác, vấn đề chăn nuôi). Tất cả các vấn đề trên được liên hệ, kiểm tra, so sánh, bổ sung trong đợt đi thực tế một hợp tác xã đã cải tiến quản lý ở Đan Phượng (Hà Sơn Bình).

c/ Tinh thần, thái độ học tập - Có tinh thần cố gắng, nhưng không đều. Phạm nội qui, nghỉ hè quá hạn đã bị phê bình ở tổ.

d/ Nhận xét của tổ, chi ủy và ban giám đốc nhà trường:

- Đồng ý với tự nhận xét.

- Qua học tập, nhận thức lý luận tương đối

tốt, có chú ý liên hệ lý luận với thực tế, nhưng có phần thiếu hệ thống.

- Tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc. Có việc phạm nội qui về thời gian nghỉ hè về trễ, đã tự kiểm điểm.

- Cần hệ thống hóa lý luận, kết hợp tốt việc vận dụng lý luận đã học vào lĩnh vực sáng tác văn học.

- Cần nâng cao hơn nữa tự phê bình và phê bình.

CHƯƠNG 10


trường về, tôi lại được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ, lại tiếp tục như đã làm hai năm trước khi đi học. Đã sát nhập Đảng đoàn Văn hóa và Văn nghệ.

Về Đảng bộ, đã thành lập Đảng bộ Văn hóa Văn nghệ. Bí thư Hà Huy Giáp, chịu trách nhiệm chung, phó bí thư tôi nắm khu vực các Hội Văn học Nghệ thuật.

Một đợt nghiên cứu học tập về bảo vệ Đảng. Yêu cầu là xem xét và đấu tranh đưa ra khỏi Đảng những trường hợp đảng viên phức tạp về chính trị và lịch sử. Trên bàn tôi, những đệp lý lịch xếp từng chồng, tôi đọc, tôi đọc, tôi đọc...

Đã bao nhiêu năm, những quyển lý lịch đảng viên, chẳng mấy khi không có trong cặp, trên bàn. Mỗi bản một đời hoạt động, nhiều lần phải đọc vì những yêu cầu công tác khác nhau. Tất cả đều viết tay và tự khai.

Có thể trông vào đấy thấy ra được biết được thời sự chính trị và quãng đời từng người nhưng chịu không thể biết sự thật được tôn trọng đến đâu - nếu coi mỗi bản lý lịch phải trải qua cuộc đấu tranh vì sự thực viết ra. Quen tay viết, cứ nhà nho thì “nhà nho nghèo”, trung nông thì “trung nông lớp dưới”, địa chủ thì “địa

chủ nhỏ", mà những chữ nghèo, dưới, nhỏ đều không phải những danh từ có vị trí trong lý lịch về ngôi thứ xã hội, theo cách viết hành chính, luật pháp và khoa học. Khi chuyển cơ quan trên Việt Bắc về, xem lại các quyển lý lịch, hầu hết đều thiếu. Không phải thiếu sổ cái, mà mất những bản kiểm điểm khi chỉnh huấn, khi đi cải cách ruộng đất, những bản tự sỉ vả nặng hết cỡ. Chẳng biết các vị chủ lý lịch đã rút trộm ra từ lúc nào. Nhưng tôi thì còn nhớ, vẫn nhớ, cứ nhớ...

Một hôm, một cán bộ ban tổ chức Trung ương đến.

Anh đã luống tuổi, gầy yếu, mặt sạm màu sốt rét kinh niên. Anh quê ở dưới làng Sét. Anh nói:

- Tôi trao đổi với anh về vấn đề họa sĩ Phan Kế An.

Rồi anh trình bày:

- Trên ban phụ trách vấn đề này. Đã gặp anh An nhiều lần, có bản kiểm điểm, có hồ sơ về những sai phạm của anh ấy. Nhưng khai trừ một đảng viên thì do chi bộ cơ sở quyết định. Đảng ủy các đồng chí có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu rồi thuyết phục chi bộ Hội Mỹ Thuật, chi bộ này sẽ khai hội thảo luận rồi biểu quyết. Tài liệu và hồ sơ này tuyệt mật, chỉ đảng ủy được đọc rồi phổ biến lại ở chi bộ.

- Tôi sẽ làm như thế!

Tôi cứ "vâng ạ" và "làm như thế", nhưng khách đi rồi mà còn chưa nghĩ ra thế nào. Việc

khó khăn phải làm, thế nào cũng phải làm. Những khi bối rối tôi hay nghĩ ra và nhớ lại mênh mang mờ mịt thời còn trẻ con, tôi nằm ngửa trên gò cỏ Mũ Đồng Cân, nhìn lên trời giữa cánh đồng. Đứa nào bịt mắt tôi, à tôi đương chơi trò bịt mắt bắt dê, mở mắt ra thì trông thấy An, à thằng này vừa bịt mắt tao, không phải, tôi đương nghĩ cách giải quyết, tôi muốn chạy trốn mà không chạy nổi, không chạy được. Những việc xảy ra quanh chuyện Hoàng Minh Chính đã qua, tôi chỉ nghe loáng thoáng và cũng không tò mò. Chỉ để ý không có ai giới văn nghệ dính líu thì tôi nghĩ Hoàng Minh Chính có kinh nghiệm hoạt động, về mặt nào đó, bọn này đã móc nối các người làm báo, đài, thông tấn cơ động hơn. Tôi không quen Hoàng Minh Chính nhưng đã có lần nghe nói chuyện về trận tập kích sân bay Gia Lâm sau đêm 19 tháng mười hai 1946 và ở trường Nguyễn Ái Quốc vừa rồi, Hoàng Minh Chính đến nói về triết học.

Nhưng Phan Kế An không liên can gì tới Hoàng Minh Chính. Không, An đã tu nghiệp mỹ thuật ở Lêningrat. An thân với nhà văn Marian Tkachôp, Marian cũng là bạn tôi, dịch nhiều quyển của tôi.

Tập hồ sơ là bản ghi những lời An đã báo cáo trình bày với ban Tổ chức các cuộc trò chuyện mỗi lần đến sứ quán Liên Xô gặp người công sứ, ông này là Pôgôđin hay Bôchep, tôi quên tên, ông ta có cái đầu bẹp dáng người

Trung Á. Mỗi dịp gặp tôi ông thường đùa kêu lên một câu tiếng Việt: "Ối giời ôi, một trăm năm nay mới lại được bắt tay ông". Triều đại Goocbachôp, đọc báo thấy ông ta làm đại sứ bên Lào.

Tôi đi báo cáo và xin ý kiến bí thư Hà Huy Giáp.

Anh Giáp hỏi lại tôi thấy thế nào, tôi nói tôi chẳng biết làm thế nào và ngại làm. Anh Giáp chịu trách nhiệm của Đảng mọi mặt bên Bộ Văn hóa, lại trực tiếp làm bí thư Đảng đoàn và Đảng bộ cả Bộ Văn hóa và Hội Văn nghệ. Công tác nhiều và nặng, nhưng làm việc với anh Giáp, tôi thấy thoải mái dễ chịu. Tôi thường tự động làm đỡ anh những việc trong phạm vi tôi cũng có trách nhiệm. Sự gần gũi anh cứ như là tự nhiên đã cho tôi ý thức làm việc thế. Một buổi tối đi tản bộ bên hồ Thiền Cuông, tôi kể anh nghe ở Mông Cổ, tôi gặp cái cô ấy lấy chồng Mông Cổ, cô chửi chồng như hát, khiếp quá. Anh Giáp bảo: "Cô ấy tên là... phải không? Tôi biết rồi. Cô này ngủ với chồng, thằng chồng không làm hạ được cơn nó, nó xé cả quần, thế còn khiếp hơn".

Nhưng không phải anh chỉ tiếu lâm, trong đợt học tập này cũng như việc Phan Kế An, anh Giáp chỉ nói một câu mà tôi luận ra mọi công việc:

- Kế hoạch chung anh cứ làm rồi trao đổi với tôi, trao đổi chứ không phải đợi ý kiến tôi. Có điều, một điều thôi, cái gì khó hãy nên gặp tôi.

Miên man đọc tài liệu và đương nghĩ tới cuộc họp chi bộ Hội Mỹ thuật. Đọc những cái ma quỷ này vào lúc đêm khuya ngày rạng gà gáy phảng phất tiếng trẻ hờn, dường như có bóng thằng ba đầu sáu tay Phạm Nhan hiện về trong bụi cúc tần bên kia bờ ao, những sự việc và những sắp xếp ai oán lo toan, may ra mới hiện lên được. Dường như đã sang canh. Những con chim lợn không biết mới bay ra hay đã đi ăn đêm về tiếng kêu éc éc rời rạc mỗi quãng rơi một tiếng rùng rợn. Tôi đã nghe tiếng ấy quanh năm hay là bây giờ, đêm nay thành phố chỉ còn thảm thiết ngang trời tiếng chim lợn. Xung quanh ngoài thành chẳng còn mấy mặt hồ nước, những đàn con giang con sếu trú đông về không đỗ xuống đây nữa mà những tiếng kít kít gọi nhau rẽ lên hồ thủy điện, hồ Suối Hai, hồ Núi Cốc trên kia.

Tôi mở đến một văn bản. Cuộc trò chuyện hôm ấy về tình hình văn học nghệ thuật Việt Nam. Câu hỏi là: Theo ý đồng chí Phan Kế An, ai bây giờ có thể lãnh đạo văn nghệ Việt Nam. An trả lời: Có thể là Nguyễn Tuân, là Tô Hoài.

Tôi nhìn trân trân những hàng chữ đánh máy đương bò ra ngoài tờ giấy dưới ánh đèn. Tôi gấp cái tập ấy lại, rồi đi nằm.

Chi bộ Hội Mỹ thuật có bảy đảng viên. Vào họp, tôi tóm tắt những cái đã đọc ở hồ sơ rồi hướng gợi ý những sai phạm như thế thì không thể kỷ luật nào khác là khai trừ ra khỏi hàng ngũ đảng. Mọi người yên lặng một lúc lâu. Vài ý

kiến lẻ tẻ. Tôi cũng không sốt ruột, không mong đợi gì. Họa sĩ Huỳnh Văn Gấm đứng lên nói: “Những khuyết điểm ấy là nặng, vi phạm điều lệ đảng và tư cách đảng viên. Nhưng đồng chí ấy làm cái sai ở đâu đâu, không ở chi bộ này. Hôm nay nghe tôi mới biết. Tôi không thể có thái độ thế nào được”.

Buổi họp có bí thư đảng ủy Hà Huy Giáp và anh cán bộ trên Ban, quê ở đầm Sét. Không ai nói. Mọi người cũng như tôi, chứng kiến cuộc họp rời rạc quần nhau trong tưởng tượng.

Lúc biểu quyết, Huỳnh Văn Gấm đứng lên. Gấm đứng yên nhìn mỗi người, nhìn An. Nhưng Gấm không giơ tay. An nói câu sau cùng, anh thấy “Tôi không có khuyết điểm. Ngày mai, ngày mai, thời gian sẽ ủng hộ tôi”.

Trong vài cuộc chè chén, đôi khi tôi đi với An. Không khi nào ai nhắc lại hôm ấy. Nhưng tôi vẫn nhớ một chuyện vẩn vơ. Mùi Cá kể với tôi: “Cái ông nhà văn Liên Xô này ghê lắm, đã đưa Thanh Tịnh đem các thứ đồng hồ và vải cho vợ Lê Vinh Quốc, Văn Doãn, ông ấy cho Phan Kế An một cái chân vịt to lắm bằng cao su. Chân vịt để làm gì, anh biết không? – “Chân vịt để đi bể lắp vào chân, bơi khỏe hơn”. Mùi lặng im, rồi nói: “Hay nhỉ”. Vừa lấy làm lạ, vừa như lại chưa tin câu cắt nghĩa của tôi.

Tôi cũng hay trông thấy anh cán bộ tổ chức quê ở đầm Sét, buổi chiều anh ấy đạp xe qua phố Huế, chắc tan giờ, anh về nhà. Anh ấy làm như không nhìn thấy tôi. Tôi chắc anh đã nhìn

thấy vì xe tôi lướt trước mặt. Một năm, tôi nghỉ trên đầm Vạc ở Vĩnh Yên. Giáp mặt, tôi chào, anh ấy đáp lại cẩn thận, nhưng như là không nhớ tôi và cũng không hỏi.

Lần này tôi nghĩ anh đã quên tôi thật. Mặt anh mọi khi mai mái bây giờ đổi màu vàng bủng, màu ốm.

Hai con mắt người bệnh nặng cứ thờ ơ thế nào. Có thể không phải không biết, mà không biết thật. Dẫu cho tâm trạng mỗi người mỗi khác, nhưng về việc này chắc cũng giống nhau. Nghiên cứu bảo vệ đảng, thực hiện có việc lớn việc nhỏ, nhưng việc nhỏ nhất cũng liên quan tới cuộc sống và tinh thần mỗi người. Tôi chắc là anh cũng như tôi mỗi khi nhớ còn áy náy về cuộc họp chi bộ hôm ấy.

Anh Nam trong Nam tập kết ra, làm ở hành chính. Anh người Bắc, nói là đi kháng chiến ở Sài Gòn. Nam công tác năng nổ, được bầu vào chi ủy. Nhưng Nam hay chim chuột léng téng lăng nhăng. Xem lại giấy tờ khi mới nhận về, chỉ có một giấy giới thiệu chung cả chục người. Tên ai cũng đánh máy là đồng chí, đồng chí thì tự nhiên được hiểu là đảng viên. Bây giờ lòi ra không phải đảng viên thì lại nghi quá, có thể không phải anh tập kết. Rồi Nam biến mất trước khi bị kỷ luật thế nào. Có người gặp ngoài phố, nghe nói bây giờ Nam đi buôn tem phiếu. Hay là thật anh ấy ở đâu chui vào cơ quan?

Phong trào bảo vệ Đảng được phát động rộng khắp các địa phương và các cơ quan, lại

kêu gọi mọi người cung cấp tài liệu, ai thấy ai thế nào thì cứ phát hiện, bất kể có biết người bị tố giác, có phải là đảng viên hay không. Có hai cái thư gửi đến tố cáo nhà viết kịch Thế Lữ và nhà thơ Quang Dũng là Quốc dân đảng thời kỳ phản động. Thư kể chi tiết, người viết đã có tuổi ký tên và ghi địa chỉ, cam đoan chịu trách nhiệm về những việc đã kể. Vậy phải xem xét kỹ lưỡng, có khi còn phải trả lời, dù các anh Thế Lữ và Quang Dũng không là đảng viên.

Tôi đến hội Sân khấu và Nhà xuất bản Văn Học mượn hồ sơ lý lịch của các anh ấy. Không có gì khó khăn, trong lý lịch, Thế Lữ và Quang Dũng đã viết ra những việc tưởng là bí mật chỉ có người tố cáo biết, một cách đầy đủ và rõ ràng đầu đuôi.

Năm 1946, Thế Lữ với đoàn kịch Anh Vũ ở Hà Nội biểu diễn qua các tỉnh vào tới Quảng Nam rồi trở ra. Đến Quảng Nam giữa khi Chính phủ ta ký tạm ước 6/3 với Chính phủ Pháp, trong nhân dân có người không đồng tình, nói nặng là Việt Minh ký giấy bán nước cho Pháp. Quảng Nam đương là nơi Quốc dân đảng công khai chống đối. Đoàn kịch nói Anh Vũ trở ra đến Thanh Hóa, đêm biểu diễn ở thị xã có một tiểu phẩm về tạm ước 6/3 mà dư luận nói là vở kịch phản động. Công an Thanh Hóa định bắt đoàn kịch. Nhưng cả đoàn đã thoát được lên tàu hỏa. Thế Lữ chạy vào trụ sở Việt Nam quốc dân đảng ở thị xã mà thủ lĩnh bấy giờ là nhà văn Tchya Đái Đức Tuấn. Ở đấy, Thế Lữ viết thư về

Hà Nội cho anh Hoàng Hữu Nam, thứ trưởng bộ Nội Vụ. Anh Hoàng Hữu Nam đã can thiệp. Thế Lữ trở ra được Hà Nội. Thư tố cáo cũng không có gì khác hơn những điều trong lý lịch Thế Lữ. Tôi báo cáo anh Hà Huy Giáp rồi xếp hồ sơ lại.

Những năm đầu 1940, Quang Dũng giang hồ phiêu bạt đến Liễu Châu. Ở Liễu Châu, Quang Dũng gặp Nguyễn Tường Tam thủ lĩnh đảng Đại Việt Dân Chính. Quang Dũng không biết về đảng phái, nhưng Quang Dũng yêu văn Nhất Linh với hình ảnh nhân vật Dũng cách mạng phong trần dọc đường gió bụi trong các tiểu thuyết Đoạn tuyệt và Bướm trắng, bởi Quang Dũng cũng đương phiêu lưu bắt chước các nhân vật ấy. Nhưng chỉ ít lâu, Quang Dũng nhìn tỏ mặt thật của họ. Những mưu đồ ám hại lén lút và Nhất Linh bố đẻ nhân vật Dũng nghiện rượu, say rượu, cứ sáng sớm ông Nhất Linh đã phải một cốc to rượu trắng mới đã. Quang Dũng vỡ mộng, lại lang thang rồi trở về Hà Nội. Cách mạng Tháng Tám, Quang Dũng vào quân đội, Quang Dũng được tuyển học sinh quân trường võ bị Trần Quốc Tuấn trên Sơn Tây.

Rồi đi vào kháng chiến toàn quốc, năm 1951 thì ra quân, rồi hòa bình lập lại, anh đương dạy học ở phố chợ Rừng Thông trong Thanh Hóa thì Vĩnh Mai chánh văn phòng Hội Văn nghệ, được đi tuyển người, Vĩnh Mai đưa Quang Dũng, Hữu Loan, Thanh Châu ra làm biên tập

báo của hội. Quang Dũng ghi lại vắn tắt nhưng rõ ràng như tôi vừa kể trên. Cơ nhỡ và chìm nổi biết bao những nhận đường tìm đường của thanh niên trên bước đi của cuộc đời và của lịch sử. Việc Quang Dũng cũng được xếp lại.

Trường hợp Đồ Phồn và Nguyễn Đình Lạp thì phải đợi ý kiến trên lâu hơn. Nguyễn Đình Lạp đã mất bệnh trong kháng chiến nhưng vì đây là vấn đề lịch sử, thế nào thì cũng phải xem lại các nhà văn này trước kia cộng tác với Nhà xuất bản Hàn Thuyên có khuynh hướng tờ-rốt-kít. Nhưng nhà Hàn Thuyên không phải một nhóm, một đảng chính trị hoạt động công khai hay bí mật. Có tư tưởng hay hoạt động tờ-rốt-kít do cá nhân mỗi người. Các anh ấy về sau, đến thời kỳ trước Tổng khởi nghĩa khuynh hướng mỗi người càng phân tán. Có người đi vào hành động. Có người chỉ "cách mạng thường trực" ở miệng. Có người theo học thuyết khác. Có người vào đoàn thể Việt Minh. Và nhiều người cộng tác với Hàn Thuyên chỉ in sách. Như Đặng Thai Mai, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đổng Chi. Hôm tôi nói lại với Đồ Phồn việc kiểm tra đã xong, Đồ Phồn cảm động, trịnh trọng bắt tay tôi. Nhưng tôi lại đùa nhả một câu không phải lúc, tôi bảo: "Ông thì cũng là bần cố nông tờ-rốt-kít ấy mà". Đồ Phồn chau mày, nói: "Không, không phải thế".

Trường hợp nhà thơ Trịnh Đường thì thời sự và rắc rối. Trong lý lịch, Trịnh Đường viết rõ như tự thuật: bản thân làm bang tá, là địa chủ.

1945, vào Việt Nam Quốc dân đảng ở Quảng Nam, phụ trách quân sự huyện Duy Xuyên. Ba năm sau, vào đảng Lao Động, hoạt động và sáng tác văn nghệ phục vụ kháng chiến. Trong một đợt Liên khu Năm học tập bảo vệ Đảng, những điểm trên của lý lịch được đem ra phân tích, chi bộ biểu quyết đưa ra khỏi Đảng. Giữa khi ấy là cuộc tập kết chuyển quân ra Bắc. Sự định đoạt về biểu quyết của chi bộ cũng được Khu ủy đưa ra theo.

Bắt đầu đợt sinh hoạt này, Trịnh Đường không đi họp chi bộ. Có thể anh đã thấy được mục đích của đợt nghiên cứu. Nhưng tôi thì cứ phải thu thập việc và con số. Tôi đến báo Văn Nghệ gặp Trịnh Đường. Tôi hỏi anh:

- Ra tập kết, chi bộ nào giới thiệu anh trở lại sinh hoạt đảng?

- Tôi được tập trung và chỉnh huấn ở Chèm.

- Anh có nhớ người giới thiệu không?

- Một đồng chí người đẫy đà, tôi quên tên.

Anh trả lời miễn cưỡng, thờ ơ. Chi bộ đã biểu quyết cho Trịnh Đường thôi sinh hoạt đảng. Không khai trừ mà cho thôi, như là nhạt đảng. Mà anh đã tự ý bỏ sinh hoạt từ trước. Ở khu vực văn nghệ, cũng đã kỷ luật “cho thôi sinh hoạt đảng” các trường hợp Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên...

Có một đảng viên trước kia đã bị án nặng về hủ hóa. Đến cuộc học này, chắc anh ngại có thể cái tội cũ lại bị lôi ra. Anh đã đề nghị đi vào

tuyến lửa mặt trận mấy tháng. Tôi định đợi anh ấy về, làm cho xong trường hợp của anh rồi viết báo cáo tổng kết nhân thể.

Bí thư Hà Huy Giáp nói:

- Anh không nhớ à, đợt này chỉ tập trung giải quyết vấn đề chính trị, không đụng đến các mặt khác. Thôi, anh cứ làm tổng kết...

Nhưng rồi anh ấy đã trở về cơ quan, lúc ấy tôi cũng chưa đốc thúc xong được sơ kết ở các chi bộ, mà báo cáo thì vẫn còn để đấy. Tôi hay đận đà, việc đã ôm đồm lại cứ nước đến chân mới nhảy. Tôi cũng không phải gặp anh ấy. Anh không ngờ đợt học tập ở cơ quan kéo dài quá, nhưng thế là anh đã thoát nạn, đợt này không truy tội hủ hóa và chắc anh đã biết từ hôm mới về rồi.

Thế mà đến lúc định viết, lại chưa viết được. Lại chuyện bất thường. Nhận được một thư, mở ra thì là một cái đơn viết tay trên đầu tờ giấy đề hàng chữ:

Đơn tự tố cáo của Nguyễn Hải Trừng. Việc trình bày đại ý là trong dịp học tập bảo vệ Đảng này, tôi thành khẩn bộc lộ thời kỳ Mặt trận Dân chủ 1938 ở Sài Gòn tôi đã sinh hoạt trong một tổ chức phản động là Quốc Dân đảng. Tổ phản động này gồm ba người là: Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Hải Trừng. Mai Văn Bộ đương là đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pari. Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước thì ở chiến trường B phụ trách văn hóa văn nghệ miền Nam. Việc quan trọng và ghê gớm quá. Tôi đi

gặp ngay bí thư. Anh Hà Huy Giáp bảo tôi:

- Anh đừng lo. Việc này tôi cũng có thể chứng nhận và giải quyết được. Trước hết, xem xét tư cách và nhân thân anh Nguyễn Hải Trừng đã. Nhưng anh cứ gửi đơn này lên tổ chức, rồi tôi sẽ lên trình bày.

Mấy hôm, Ban tổ chức có người xuống, nói:

- Ban đã nhận được thư này.

- Chúng tôi sẽ làm thế nào?

- Lưu hồ sơ, đồng chí ạ.

- Không phải điều tra?

- Không, xếp lại được rồi.

Nguyễn Hải Trừng thường hay có ý kiến và nhận xét quái lạ. Một hôm, uống bia ở quầy phố Tôn Đản, Nguyễn Hải Trừng bảo tôi: “Từ năm ra tập kết tới giờ tôi chưa được ai mời một cốc bia”. Tôi hỏi lại: “Anh có nhớ anh đã mời những ai uống bia không?”. Nguyễn Hải Trừng lặng im.

Nguyễn Hải Trừng đi đâu cũng hay sinh rắc rối, không lường trước được. Đi thực tế ở Quảng Ninh, anh nói dối tuổi, lấy vợ, người ta kiện. Trước khi anh trở lại Sài Gòn, tôi còn phải đại diện cơ quan ra tòa dự xử vụ tiêu hôn - ly hôn không có giá thú của anh.

Thỉnh thoảng anh có thư cho tôi kèm cả tranh ký họa - anh bảo chỉ có tôi là người anh còn thư từ. Nhưng tôi vẫn biết và được đọc thư anh gửi người khác. Tôi gặp ở Vĩnh Long con trai của anh công tác ở đoàn nhạc sở Văn hóa. Tôi bảo sao cháu không đón ba về Vĩnh Long,

dưới này tĩnh mịch lắm. Anh ấy đáp: “Ba con là nhà văn lớn thì phải ở thành phố như Sài Gòn”.

Anh viết thư kể một chuyện đau đớn mà gần đây anh mới biết. Khi anh đi tập kết, chị ấy đã ăn ở có con với người khác. Nghĩ đến nỗi đau lại ứa nước mắt. Tôi gọi điện thoại cho Nguyễn Hải Trừng. Một người nào cầm máy quát tôi rầm rầm… không có ai tên Trừng… không có ai… không được gọi… rồi bỏ máy rộp một phát. Sau hỏi biết anh đã để máy ra cửa cho thuê, không biết người thuê tháng hay thế nào. Và hồi này Nguyễn Hải Trừng hay xuống ở nhà con gái anh dưới Vũng Tàu. Anh mất bệnh ở Vũng Tàu. Chắc vẫn trong ray rứt bất mãn.

CHƯƠNG 11



ột hôm, Khang nhà ở phố ngoài bảo tôi: "Bác ra làm công tác phố cho vui". Tôi nói: "Cho nó buồn cười thì có".

- Không, bác làm thì hay đấy. Để tôi đi đề nghị.

Khang là đảng viên ở nội thành thời Tây chiếm, sinh hoạt đảng chi bộ đường phố. Nhà anh làm nan hoa, ổ bi xe thồ, xe bò cải tiến. Tổ đảng đường phố ấy có mười đảng viên. Khang đã giới thiệu tôi cứ như cấp ủy nói: "Đồng chí ấy xung phong làm trưởng ban đại biểu khối ta". Mọi người vỗ tay nhiệt liệt. Ừ, thì làm. Về sau tôi mới biết, có tôi ngẫu hứng "Ừ thì làm", còn Khang thì cố ý. Gia đình anh sản xuất danh nghĩa tổ hợp tác xã thủ công, nhưng thực thì ở nhà làm, bán cho người đến mua, tức là một tổ ma. Chính quyền ở phố mà bạn bè với anh, có việc thì anh dễ nhờ. Nhưng tôi cũng chưa phải giúp anh ấy việc gì.

Thế là tôi làm ban đại biểu khối 98 quãng từ 1965 tới 1972, ít lâu trước khi thành phố gộp khối phố thành cấp phường như bây giờ. Từ khi tiếp quản, địa giới hành chính và tổ chức chính quyền cứ cộng lại rồi lại chia. Một làng tôi, tên gốc là xã Nghĩa Đô đã bao đời.

Pháp chiếm lại Hà Nội đổi là xã Hoàn Ấn - vì tuyên truyền các báo đăng tin đã tìm thấy cái ấn vàng của vua Bảo Đại ở đấy, Hoàn Ấn đăng đối với Hoàn Kiếm. Ta về, đổi là Nghĩa Môn (cộng với Đoài Môn) rồi Thái Đô (cộng với Yên Thái), loay hoay rồi lại trở lại Nghĩa Đô như cũ, nhưng bây giờ là phường Nghĩa Đô. Tên các làng Nghè, Tân, Dâu, Yên Phú, Bái Ân trong xã thì thành những con số xóm l, 2, 3... Trên thành phố yên vị, còn ở dưới nhốn nháo lộn xộn các cấp khối, tiểu khu, khu, nhưng vẫn chỉ được coi là chính qui bộ máy ba cấp (thành phố, khu, tiểu khu). Thay đổi linh tinh đến quên hay là không, cả những người đương làm việc cũng không biết công tác mới cũ ra sao.

Năm trước, báo Hà Nội Mới đăng một bài nói về trật tự trị an rồi kiến nghị lập đội dân phòng các phường, phân tích đội dân phòng ở cơ sở ích lợi và cần thiết thế nào. Đó là thủ thuật tuyên truyền giới thiệu mào đầu rồi tiến tới tổ chức. Nhưng có lẽ nhiều người công tác ở cơ sở không nỡ để thành phố mắc lỡm đã cho biết thành phố ta có đội dân phòng từ ngày mới tiếp quản và chưa giải tán bao giờ. Tôi cũng gửi một thư tương tự. Rồi chẳng thấy báo đăng tiếp về đội dân phòng sắp thành lập. Chắc người ta đã xem lại các văn bản và sửa chữa bằng cách lờ đi.

Trưởng ban đại biểu khối phố cũng như trưởng thôn ở xóm - một hình thức tự quản, nhưng công việc thì lại chẳng khác chủ tịch xã.

Có lịch giao ban với tiểu khu, không được có con dấu nhưng cứ ký chứng nhận, xác minh, giới thiệu đủ thứ: đăng ký kết hôn; xin miễn phí cho người nghèo nằm nhà thương; mua bán nhà; đưa giấy gọi nghĩa vụ quân sự; mở lớp xóa nạn mù chữ, lớp chống tái mù; phụ trách vệ sinh, đánh bả chuột, phun thuốc muỗi; lập danh sách rồi lĩnh và phát tem phiếu lương thực cuối năm. Ôi chao, một đống việc phải mó tay vào. Có hôm đương họp, người chạy vào báo: Phố bên kia cho người lấy phân trộm, xe thồ cứt thối khắp xóm. Thế là lại phải chạy sang. Tôi không biết mặt chi bộ đường phố, cũng chẳng khi nào chi bộ gặp tôi, không kể chỉ một lần ấy tôi đến họp tổ đảng với Khang. Cuối năm, các trưởng khối được lên họp trên hội trường khu, có thường vụ, có chủ tịch thành phố. Ông Mai giải thích cả một buổi tối về ý nghĩa cái Tết, Tết độc lập khác Tết nô lệ và ở đâu có áp bức thì ở đấy có đấu tranh vân... vân...

Các trưởng khối cắm cúi ghi sổ tay để lấy tài liệu về truyền đạt lại. Tôi chỉ ngồi nghe. Ông nói xa xôi quá, chẳng đụng đậy chút nào đến bà con ở phố. Có năm thì ông khác về nói, nhưng bài vở cũng đại khái vậy. Tôi nhận công tác cũng không một mảnh giấy tờ lên xuống làm bằng. Anh Thắng cán bộ tiểu khu chấp nhận, báo cáo lên, thế là được. Tôi cũng không về báo cáo xin ý kiến cơ quan hay chi bộ đảng. Cơ quan tôi cũng biết tôi làm khu phố, qua vài mẩu chuyện tôi nói vui, tếu táo với mọi người, cũng

không khi nào tôi phải trình bày mà cơ quan cũng chẳng hỏi. Trong những người ra làm việc khối cũng có một số là đảng viên, họ công tác khác nhưng giống tôi, vì nể, vì những lẽ gì đó...

Công tác kiểu này ở cơ quan cũng là những việc tôi thường làm, lại cũng bởi một thói quen nhìn nhận của người xung quanh. Chẳng mấy khi trong cơ quan từ Hội Văn nghệ đến Hội Nhà văn, trong ba mươi lăm năm công tác tôi không được bầu vào chi ủy, đảng ủy, làm bí thư, qua từng thời kỳ, cái tên tôi và Hoàng Trung Thông, Vũ Tú Nam quanh đi quanh lại đậu ở những chức danh trên. Tôi đã kết nạp Đảng và đã làm kỷ luật và kỷ luật đưa ra khỏi Đảng cả chục đảng viên - nhưng chẳng qua cũng là chân chi ủy cơ sở, chuyên làm đầu sai tẻ nhạt. Tôi chưa thấy Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Xuân Diệu làm chi ủy bao giờ. Không phải vì quá bận hay không làm được. Âu cũng là một thói ỷ lại triền miên ở chi bộ, loại chi bộ cơ quan hành chính chúng tôi. Chỉ có một khóa tôi không được ở cấp ủy cái lần khối văn nghệ nghiên cứu nghị quyết 9 của Trung ương. Một lần gặp bí thư Đảng ủy Nông Quốc Chấn, tôi trông thấy trên bàn Chấn có bản danh sách phân loại nhận thức học tập nghị quyết 9. Ở mục cá biệt chú thích "lừng khừng, chưa rõ", có mấy tên người, tôi đọc ngược thấy: Nguyễn Tuân, Phạm Văn Khoa và tôi. Nhưng khóa sau, đã nhạt nghị quyết 9, lại bầu tôi.

Tôi làm trưởng phố, ông Đại đương trưởng

xuống chân phó. Đại nghề mộc ở đội sửa chữa nhà của khu, mà bộ dạng anh ta cũng rõ bác phó mộc. Hai bàn tay thô, nước da bánh mật, lúc nào cũng như rám nắng. Đằng sau xe đạp chằng dây thép buộc chiếc hòm gụ đựng cái tràng, cái đục, mảnh giấy giáp đồ nghề, trước ghi đông thì gài cái cưa. Chiều thứ bảy Đại đạp xe về quê trên Phùng, sáng thứ hai xuống sớm. Đại cũng đã đứng tuổi. Những người kiểu Đại nếu ra đây đã vài năm có thể ở làng vì sợ Tây càn, sợ du kích ta hay là vướng thành phần thế nào, cải cách xong rồi vẫn không dám trở về hẳn. Những năm ấy có nhiều địa chủ, phú nông bị đấu hay bị đấu hụt ở các nơi trốn ra thành phố. Đại ở cái gác xép, như cái cũi mèo, mỗi bề khoảng ba sải chân, đầu thang lên xuống có tấm cửa gỗ vuông sập xuống đội lên, lại tựa cái bẫy chuột. Một thân cặm cụi, quanh mình chỉ có một rổ bát, cái dây vắt quần áo và cái xe đạp treo ngược, mỗi khi đi lại dòng thừng xuống qua lỗ cửa. Đại là loại người nào ở quê ra cũng khó biết. Bởi Đại cũng không trống mồm, hỏi một câu thì nói một câu, chỉ có phát biểu ở cuộc họp thì lê thê không có chỗ xuống. Ở cuộc họp hai ban, cán bộ Thắng tuyên bố tôi thay Đại, anh ta cũng dửng dưng. Thì cũng thế, anh với tôi cũng chẳng có mấu cứ nào bận đến nhau để bằng lòng hay không.

Đại bàn giao cho tôi quyển sổ bìa các tông hoa chép biên bản các cuộc họp. Anh ghi lấy, mỗi buổi họp dài ngắn không rõ, chỉ thấy độ

nửa trang líp nhíp, mấp mô. Cuộc họp sau cùng có mấy dòng mà đã quá nửa năm. Nghĩa là muốn ghi thì ghi, ông này cầm tràng đục thạo hơn cái bút.

Cuộc họp ban cũ ban mới dài một khiêng việc. Cũng chỉ một lúc xong bởi không ai nói lại và chỉ xướng lên đầu việc. Các công tác xã hội, y tế, vệ sinh, thông tin tuyên truyền, thống kê, công tác các đoàn thể, bảo hiểm xã hội, quản lý thị trường cải tạo tiểu thương, trật tự trị an, bổ túc văn hóa, phân công các ủy viên phụ trách 6 tổ dân phố. Tôi phấp phỏng nhất, báo cáo nổi cộm về trị an. Một người phản động tù mười lăm năm. Hai người năm năm Hỏa Lò tội tham ô, một thanh niên tù ba năm vì hiếp dâm trẻ con. Còn đương trong nhà giam cả. Ba thanh niên phải tập trung lao động bởi tội ăn cắp, nạn mất cắp vặt cái cân, cái phích, bẻ khóa cửa, mất quần áo, phố nào cũng xảy ra.

Một người đánh nhau đâm người phải tù tám năm, đã về rồi nhưng vẫn lừng khừng. Hàng ngày đi nhặt đá ngoài đường về đắp lò nung đem bán vôi cho các bà hàng trầu cau trên chợ Đồng Xuân. Đã cảnh cáo, nó vẫn làm. Lại còn cãi bướng: Đá ngoài đường chứ của nhà nào. Tôi không làm thì ai nuôi tôi. Đợi tiểu khu cho phép thì ban bảo vệ sẽ phá cái lò vôi của nó chỉ to bằng cái chõ.

Tôi phụ trách chung và đặc trách các công tác nghĩa vụ quân sự, ban hòa giải và xây dựng gia đình 5 tốt. Khi đi vắng thì Đại thay.

Chỉ hôm sau đã xảy ra hai việc. Việc thì mình khờ, việc thì chưa biết nỗi sâu nông. Một cô ở phố ngoài đem sổ hộ khẩu đến làm bằng và tờ đơn xin việc để trưởng ban ký giới thiệu. “Cháu đã hai mươi tuổi, cháu phải tự lập”. Tôi ký luôn. Bảo vệ Dương bảo tôi: “Con bé ấy làm gái điếm, tối nào cũng ra đứng ngoài hồ. Anh ký giấy cho gái điếm vào làm cơ quan a?”

Một việc khác. Có người gọi: “Ông hòa giải ơi, ông sang ngay cho”. Chị ấy ẵm con vừa đi vừa kể: “Bé nhà em đi học mà nó cứ đổ cho thằng bé đái vào nhà tắm. Em nói thì nó đấm em. Vết đấm còn đây này”. Nhưng tôi không trông thấy má chị ta hằn chỗ nào.

Vừa về tới, chị xông vào tát anh thuê chung nhà một cái, rơi vỡ kính. Anh ấy bảo tôi: “Báo cáo anh, anh mới ra làm chưa biết, con nặc nô này cốt tát tôi trước mặt anh rồi nó sẽ đi khoe nó tát vào mặt chính quyền đấy. Trước lúc nó chạy đi gọi anh, nó cứ réo thằng cán bộ, thằng đảng viên ra chửi, tôi có cho nó một cái đấm, một cái đá thật”.

Tôi hòa giải trước mớ bòng bong. Cuộc bàn giao chẳng có gì vẫn chưa xong, mỗi lúc lại thòi ra những việc lắt nhắt.

Không có đồ đạc, không sổ quỹ. Trên cho tiền hay vật dụng để tiêu và dùng ngay. Tiền chè nước họp, ba tháng được một tập giấy và cái bút chấm lọ mực Cửu Long. Tài sản có bảy thước vải đỏ làm băng, cắt chữ dán khẩu hiệu. Trước mười thước, giải luân chuyển các nhà, không

biết nhà nào xé trộm mất ba thước, hỏi không ai nhận. Một cái khay, mười chén uống nước, không có ấm - trước cũng có, bị vỡ. Tôi cắp khay chén về nhà, mỗi lần họp lại bưng đến rồi mượn chủ nhà cái ấm tích và nồi đun nước. Thế mà cũng vỡ chén cũng bỏ quên, mất luôn. Hết quí lại xin tiền trên khu, sắm bộ chén mới.

Đại báo cáo:

- Tiền chè cuộc họp thì có biên bản họp trên mới chi. Giấy bút mỗi quí phát năm đồng. Quí này đã tiêu hết.

Tôi biết thế và chỉ biết hơn mỗi khi có việc, cứ im thì thôi, càng hỏi càng lộn xộn ra lắm chuyện. Việc trưởng thôn thì không thể có kế hoạch công tác, toàn các đầu mẩu trên sai bảo và dồn xuống, có vẽ vời thêm rườm rà, lắm đầu việc đấy nhưng chỉ nói xong đứng dậy là hết cũng được. Đại kể ra thì thấy như thế, nhưng đến tôi có thể còn đại khái nhanh hơn vì Đại phát biểu ê a hấm hứ dây cà dây muống dài dòng văn tự.

Tôi đi đường, hôm nào cũng có người gọi. Đứng vỉa hè cũng giải quyết việc. Người ta tố cáo với tôi những ông bà ở ban cũ.

Từ khi giải phóng đã mười mấy năm qua đến tôi trưởng ban là người thứ ba. Đầu tiên là một ông công chức lưu dung ngành bưu điện. Cả thành phố không ai đeo cà vạt, ông ấy lúc nào cũng thắt cái cà vạt đen. Ông bảo tôi: “Ông là người hiểu biết tôi mới nói. Đứa nào bảo tôi thắt cà vạt đen để tang nhớ chế độ cũ là nó ngu.

Cà vạt đen xã giao của châu Âu là đứng đắn lịch sự nhất, có phải không ông?". Người trưởng ban thứ hai là ông Đại rồi đến tôi. Người ta rỉ tai tôi: Ông An dân phòng buôn vàng, hải quan đã đến tận nhà cảnh cáo. Ông Dương bảo vệ thì uống rượu, đã bị bắt vì đánh tổ tôm, ít xì... Ông Đại ăn cắp mùn cưa của cơ quan đem về bán. Ông này ở làng không phải tên ấy, ông thay tên đổi họ chui ra đây. Có người phàn nàn: Nhà nó lý lịch có vấn đề, con cái học xong không xin đâu được việc thì đi dạy học, toàn bọn thày giáo bất mãn, thì dạy dỗ thế nào. Anh em nhà kia Tết năm nào công an cũng đến giải lên đồn nhốt mấy ngày để phố ăn Tết được yên ổn, khổ thế...

Đội dân phòng đi dự hội thi phòng cháy chữa cháy trên khu. Tập vài tối ở phố rồi đi thi toàn khu trên Cửa Đông. Việc này bên bảo vệ làm, nhưng chính quyền phải đứng ra đại diện. Người ta bảo ông giám đốc sở công an này trước làm trưởng phòng chữa cháy nên tập chữa cháy hăng lắm.

Bảo vệ Dương quãng trên bốn mươi tuổi, làm canh cổng thường trực một cơ quan bộ giao thông. Nhưng hồi này thấy ở nhà đi rà rà trong phố cả ngày. Dương tự giới thiệu:

- Tôi, Nam Bộ tập kết. Quê ở Phú Lâm, cạnh Sài Gòn. Anh vào Sài Gòn bao giờ chưa? Anh đã biết Phú Lâm, cả Hạnh Thông Tây? Anh ra làm việc hay lắm. Trên cử về a? Tôi có nhiều việc báo cáo riêng với anh. Phố này thì cán bộ, công nhân viên nhiều, nhưng phức tạp rất phức tạp,

mà phức tạp nhất là cái ông Đại trưởng ban đại biểu trước anh ấy. Trên cũng sáng suốt thật, thay anh về. Nó mua chuộc Thắng cán bộ tiểu khu, chiều thứ bảy nào cũng cùng nhau đạp xe về quê nhậu nhẹt, lại mua biếu đôi dép râu mới. Anh ta đương cạy cục xin vào Đảng ở cơ quan. Được rồi, để đấy tôi điều tra đầy đủ sẽ báo cáo anh. Thằng ấy là địa chủ có tội ác chạy ra Hà Nội từ thời Tây. Có khi mà Tây nó cài lại, chưa biết chừng.

- Ông An đội phó của anh thì thế nào?

- Đội viên thôi không phải đội phó. Anh này có người nhà làm tướng ngụy quyền Sài Gòn, ta phải cảnh giác, đội phó thế nào được.

- Ông Đĩnh làm đội phó a?

- Không phải, không phải. Lão này dân tạm chiếm cũ, buôn nhựa lậu, thuốc lậu, bây giờ vẫn buôn. Báo cáo anh tôi không cần phó, một tôi, một tay tôi đâu vào đấy hết. Tối mai mời anh ra dự buổi tập phòng cháy chữa cháy.

Chỉ hôm sau đã lại nhiều người thì thào với tôi về bảo vệ Dương. Nghe thấy nhiều việc Dương lôi thôi quá, nhưng hỏi lại thì không ai nói được đích xác. Chỉ rõ ràng có việc ngày mới đến đây, Dương cũng đi họp chi bộ. Nhưng rồi giấy tờ không đủ thế nào, Dương không được họp nữa. Dương cũng thôi không cầu cạnh để được họp. Tôi cũng không hỏi Khang.

Cái ông An "có người nhà làm quan to trong Nam" đến nói với tôi rành rọt từng chữ, như nhà chức trách đọc văn bản:

- Ông Dương có án nặng, khu giải phóng trong kia chưa xử xong, đem ra đây, thế nào mà lại sổng tù lên làm cán bộ. Trên đương điều tra xem ai đưa nó ra làm bảo vệ. Anh ta thì cứ dọa anh ta là cá chìm. Ông phải xác minh lại, chứ thế này...

Ở khối không có mảy may hồ sơ lý lịch người công tác, biết hỏi thế nào mà cần gì phải hỏi. Ở miền Nam ra tập kết cũng nhiều vấn đề, nhiều trường hợp tương tự. Đúng là ở Nam Bộ, người vướng án nặng chưa xử xong, và cả những người nếu thấy để ở lại, có thể bên kia lợi dụng đều được đưa ra, như trường hợp Nguyễn Bính. Nhưng các tỉnh ngoài không làm kịp được như thế, nhất là các vùng tự do ta phải trao lại, mà trong khi các tàu Nga, tàu Ba Lan chở người tập kết vẫn ra vào cảng. Nhiều cán bộ được bố trí ở lại mất tinh thần đã xô xuống tàu, không kiểm soát được, trong khi những người cần đem ra thì bỏ lại.

Các trường hợp Lam Giang, Võ Phiến là như vậy. Ngày đấy người thì làm tỉnh trưởng, người thì viết chống cộng. Nhưng đấy là những việc to tát còn cái anh Dương ban bảo vệ đứng đường này thì đi đến đâu, tôi dò la, hỏi han làm gì. Có thể nó là đứa giết người, tôi cũng chỉ nghĩ để đấy. Lại toàn những bới móc, chẳng thấy người nào tử tế. Soi mói nhau, coi ai cũng không ra gì thì ở cơ quan tôi cũng chẳng thiếu người đeo kính đen kiểu này.

Cái ông Dĩnh "buôn lậu" mách tôi:

- Vợ ông bảo vệ Dương trước làm "mai dông đờ te" nhà thổ. Tôi ở trong này, lạ gì. Thằng tù vớ được con đĩ, lại lên mặt bà bảo vệ, thối không chịu được.

Đại, phó ban của tôi nói về Dương:

- Báo cáo bác biết ông Dương hay đi dò dẫm bịa chuyện để tống tiền người ta. Trên tiểu khu cũng đã nắm được từ lâu.

Mấy tối nay, tất cả những người bị Dương bảo với tôi là những phản động và ông Dương, ông Đại và các ông An, ông Dĩnh đã bị người ta tố cáo đều có mặt, đều là các chân chủ chốt ra tập luyện, ai cũng hăm hở và cười nói trò chuyện râm ran.

Bộ dụng cụ chữa cháy khá đẹp mắt, từ thùng đến gầu, đến bơm đều sơn đỏ bóng nhoáng. Mười cái gầu sắt, một lô thùng xách nước, oai nhất cái xe hai bánh, trên lưng cõng một thùng tô nô chứa nước với cái bơm phun, mọi người đến vuốt tay lên và xuýt xoa gọi là cái máy bơm, ồ cái máy bơm. Nước đổ vào lòng thùng, hai đội viên dân phòng hùng hổ liên liến bơm, một người cầm cái vòi cao su vẩy nước chĩa lên chiếc vòng vành xe đạp treo trên đầu cái thang. Tia nước phọt được vào giữa vòng, thế là trúng đích. Người được nhấc vòi xả nước trúng vòng phải là đội trưởng, đội phó. Cả đám xách nước, bơm nước chen nhau, mặt phừng phừng như ốp đồng. Cuộc tập dượt làm cho hàng phố nô nức ra xem. Cái gầu, cái bơm, cái xe, cái vòi và có đến một trăm mét ống cao su

đều của mọi người ủng hộ. Hội thi, trên khu phát tiền chè nước và một yến gạo, mỗi tối tập đến khuya, tổ phụ nữ đã nấu chín nồi cháo hoa, giải lao húp cháo, mỗi bát rắc vài hạt muối.

Tưng bừng nhất cái tối lên hội thi trên Cửa Đông. Đội dân phòng đồng phục ba mươi người áo quần xanh công nhân, giày vải tím, có người đi tất lửng đầu đội mũ sắt trên chỏm có mào con gà của lính cứu hỏa Pháp ngày trước, cả mũ sắt nhựa quân đội khối Varsovie nhẹ nhàng bóng lộn, tròn xoe. Trong đoàn có bốn nữ các cô tổ đan len, cô công nhân nhà máy kẹo Hải Hà, cũng mũ sắt quần áo sơ mi xanh hệt nam giới. Vừa đi mượn được, mọi khi tập không thấy diện một loạt khéo thế.

Đội viên sắp hàng ba, hai người đi đầu cầm cán băng vải đỏ đính dòng chữ: Đội dân phòng khối 98.

Trong hàng, chốc lại phát ra tiếng hô một hai, một hai, chỉnh đốn bước đi đều phăm phắp. Tôi và Dương đi đầu hàng, cánh tay đeo băng, ra lối các người phụ trách. Cái còi kền trắng quàng dây đeo trước ngực, nhưng chưa thấy bảo vệ Dương thổi tiếng nào. Nhiều người tận dưới phố tôi, đông nhất là trẻ con đuổi theo nhìn dân phòng đi đều bước, người lớn thì tò mò lên xem thi thố ra sao, kết quả mấy hôm thức đổ mồ hôi tập. Mười bốn đội về hội thi. Đội khối tôi đã được tập trung vào chỗ qui định có tờ giấy treo đánh số. Cả đoạn đầu đường công an ngăn xe cộ qua lại bằng một hàng sáu chiếc xe đạp dựa

ngang. Đèn điện mắc sáng chói cả vào vòm lá sấu âm u. Các phố xung quanh đổ ra đông như hội.

Tôi nhận ra cái gác lấp ló lá sấu đầu nhà kia, ngày trước Huyền Kiêu thuê ở đấy, hồi đi dạy lớp tiểu học trường Lui Patstơ. Đinh Hùng, Nguyệt Hồ, chúng tôi đến chơi hay ngồi thành cửa sổ, nhìn xuống đường. Hiệu tạp hóa Sinômura của Nhật nhà hai tầng ở gác ngã tư. Đằng kia, phố Thiên Tân, ngày xưa, người ấy ở phố đấy. Chặp tối, đứng đợi chỗ ngã ba Cửa Đông này. Rồi hai đứa lên vườn hoa Canh Nông.

Bây giờ tôi đi dẫn đội dân phòng vào. Một thoáng xa, chẳng bận bao giờ đến nhau, nhưng cùng một chỗ này, kể cũng lạ một thoáng ngậm ngùi. Đội phố tôi bị xếp gần cuối. Chờ lâu, càng hồi hộp. Đến lúc giật mình loa gọi... a lô... a lô... 98, bảo vệ Dương nhảy phắt ra, thổi cái còi kền tuýt tuýt, tiếng kêu anh ánh.

Cả đội răm rắp đẩy cái xe máy bơm. Rồi xách nước, đổ nước, thay nhau tuần tự bơm, đội trưởng đội phó lần lượt cầm vòi vảy nước lên cái vành xe đạp bọc giấy thiếc lấp lánh treo giữa bậc thang.

Năm lần vảy vòi, lần thứ tư cố nhất cũng không lên được cái vành sắt. Cứ gần đụng tới thì ngọn nước lại cong xuống. Thế là thua, thua đứt đuôi rồi. Tôi như ù hai tai. Các tối tập ở nhà lần nào cũng rọi nước vọt tung tóe, cả các chị cũng vảy trúng vòng. Sao lên đây lại đốn mả thế, mà anh em đã cố gắng hết sức.

Ngoài ngã tư, các đội được giải, chốc lại nghe gọi tên, người vỗ tay hoan hô rầm rầm. Không biết phần thưởng thế nào, người tuôn lên chỗ loa réo. Chúng tôi chẳng còn ngoi được đến nơi vinh quang ấy, thua tiu nghỉu, ngoảy ra ngay.

Tôi nhớ việc của tôi. Tôi trèo lên lưng cái thùng tô nô, bắc hai bàn tay làm loa. Cảm như võ sĩ Bọ Ngựa, vừa ngố vừa oai, tôi hét: .

- Các đồng chí khối 98 trật tự... Cả đội đi đều, bước!

Đội dân phòng tiếp theo... một hai... một hai... Nhưng nghe như đuối hơi. Tôi còn ngẫm dư vị tiếng quát ra lệnh trước hàng quân. Nhưng đến lúc nhìn bánh sắt cộc cộc, cái xe máy bơm đầu nghếch lên như con voi trận, bây giờ vẫn nó mà thấy như cái xe bò tơi tả không ai buồn đẩy.

Về tới trụ sở, xe nước và vòi bơm quăng đấy, nhiều người vào húp vội bát cháo rồi đi ngay, mà hôm ấy cháo bồi dưỡng có thịt lợn băm. Uất quá, bực quá. Phó ban Đại nói nhỏ với tôi:

- Cái anh Dương nó xỏ lá. Bác mới ra làm việc mà nó cũng không kiềng, đểu thật.

- Thế nào?

- Những hôm tập ở nhà nó treo vòng thấp, anh em cứ cữ ấy vắt vòi phun lên. Đến đây thì vòng chuẩn cao hơn ba gang tay. Thế là mất đà, mặt mo cả lũ.

- Sao anh biết?

- Thợ mộc chúng tôi đo bằng mắt, con mắt là cái thước, bác ạ.

- Dương cũng vào phun nước cơ mà?

- Ấy thế mới thâm!

Đại bảo tôi phải làm cho ra nhẽ. Tôi nghĩ "cho ra nhẽ" cũng chẳng đi đến đâu, đằng nào cũng thua rồi.

Chẳng bao lâu lại sắp Tết. Công tác ở phố đã được ngót một năm và gia đình tôi về ở nhà này cũng gần mười năm rồi.

Các con tôi đã cọ gạch hoa, mua vôi vàng quét tường trước cửa - như phong tục ông ngoại tôi ở quê ngày trước, sắp Tết lại quét vôi trắng vẽ vòng tròn cánh cung lên mặt tường. Tôi xuống tận chợ Mơ tìm mua cái khánh, con cá đất nung về treo cây nêu, mà không đâu có.

Nhà tôi cách một quãng phố ngắn ra bờ hồ Thiền Cuông. Tôi sinh ở nhà ông bà ngoại xóm Giữa làng Nghè xã Nghĩa Đô. Cái nhà tôi ở thuở bé, mẹ tôi và các dì đã bán từ lâu. Trở lại Hà Nội, tôi thuê nhà ngoài phố, đầu tiên ở trên gác gần chợ Hôm. Đan Hà, Đan Thanh và các con chúng tôi mới bốn năm tuổi nghịch ngợm nhảy chơi sàn nhà gỗ, bà chủ phàn nàn quá.

Tôi đi qua cuối phố gần chợ Đuổi, thấy một nhà treo mảnh các tông đề "Nhà cho thuê" tôi dọn xuống. Ít lâu, Nguyễn Văn Tước - sinh viên mỹ học tôi quen ở Matxcơva tốt nghiệp về đi tìm nhà ở mách tôi trên phố có nhà muốn bán. Trong ngõ hẻm, căn nhà một tầng hơn sáu mươi thước vuông. Chủ nhà, một ông công

chức về hưu đã luống tuổi, cũng mới ở nhà này mấy năm muốn ra ở ngoại ô.

Tôi đã mua nhà bằng tiền kịch bản Vợ chồng A Phủ, vừa làm phim lại vừa in sách - cả thảy trên hai nghìn đồng. Văn tự nhà, hai bên thỏa thuận viết hạ xuống một nghìn rưỡi để tránh thuế - ông làm mối nhà xui thế. Trong ngõ có hơn mười cái nhà liền một bên, trước mặt là tường một cơ quan. Có mấy nhà tư, lẫn nhà thuê của thành phố. Ngõ cụt, không phải người ở trong ấy thì không ai đi vào làm gì. Bởi vậy, đi tìm phố, có khi hỏi công an trật tự cũng không biết phố này. Trên đầu tường nhà tôi - miếng lá vả trát giữa, hai cột trụ đắp nổi chữ số 1923 năm xây, mái lợp ngói Satic của nhà máy gạch Tây phố Quan Thánh. Cái năm chữa làm gác xép, dỡ những cột rầm trong lòng tường ra đầu cột bọc giấy trang kim chống mọt.

Các họa sĩ Huỳnh Văn Gấm, Trần Văn Lắm trong Nam ra học trường Mỹ thuật Đông Dương đều đã trọ học ngõ này. Các anh còn nhớ trong nhà có cái giếng.

Nhà tôi ở, trần cót quét vôi còn hai cái móc sắt để mắc quạt kéo. Ở sân bếp, một cái giếng mạch ngang, nước sủi váng vàng ố, nước để giặt giũ, không làm nước tắm nước ăn được.

Nhà như cái ống thế mà người ở phố này từ thời Tây nói nhà tôi có đến ba bốn chủ ở. Chồng đống gồng gánh bán quà sáng, quà tối, góc nhà quây lại nuôi cả lợn ở chung với người. Hôm nay đầu ngõ vẫn còn một vòi nước công cộng

trước ở vỉa hè ngoài đường được chuyển vào ngõ, tuổi cái vòi nước ấy phải ngót thế kỷ.

Những năm Mỹ ném bom thành phố, các con đi sơ tán, vợ tôi lắm đêm trực chiến cơ quan, cái giếng làm hầm trú ẩn cho tôi. Nhà toán học Lê Văn Thiêm kể chuyện khi Berlin bị quân Đồng Minh bao vây tấn công, nã đại bác và ném bom cả tháng liền. Ngày đêm, Thiêm và các bạn học đã chui xuống ăn ngủ trong lòng giếng cạn giữa thành phố.

Chúng tôi dọn đến, đồ đạc chỉ một xe xích lô, hàng phố không ai biết. Mỗi người đến một túi, một ba lô còn gọn hơn. Khi ở hẳn, hai bên láng giềng mới biết nhà có chủ mới. Vợ chồng tải bằng xe đạp hay xách bộ, một cái giường nan vầu, một tủ đứng hai ngăn, một bàn gỗ lim dài một thước, mấy túi xoong nồi, quần áo. Những đồ đạc ấy về sắm ở chợ Giời. Đến bây giờ vẫn còn, chỉ vứt đi cái giường vầu gãy nan. Chiếc bàn gỗ lim cứng như sắt, mối xông cũng không nhằn được, để làm bàn thờ.

Dẫu sao, nhà ở mới cũng thoáng hơn cái buồng bốn thước vuông chợ Đuổi. Nhưng hai con gái tôi thì sợ. Những đứa trẻ nhìn cái nhà bằng con mắt hãi hùng như ngày trước tôi ở túp nhà cô hồn như nhà hoang của ông bà ngoại, mà tôi đã nhớ lại trong những trang mở đầu Cỏ dại. Khi nhà vắng, chỉ có hai chị em, chỗ nào cũng thấy ma hiện ra. Không dám ra gần thành giếng, ma dìm chết. Cái cửa nách nhà rêu trơn u ám quá, trong kia, trên tường lù lù dây móng

rồng xanh eo éo như con ma xõa tóc. Đã tan học, bố mẹ đi làm chưa về, ở trường về không đứa nào dám vào nhà, chị em ra đầu ngõ ngồi ngóng.

Có lẽ đến năm tôi làm công tác khu phố, các tổ trưởng tổ phó họp ngay cạnh bàn viết của tôi kín ra đến cửa và rồi có đông các em hơn, mà bấy giờ cũng nhớn nhao rồi, các con tôi mới thấy nhà đỡ u ám.

Người ta nói ngày trước lòng hồ ăn vào tận đầu phố, có cầu ao bắc ra, nước ăn nước rửa đều ở hồ.

Bây giờ hồ lùi ra bên kia đường, nhưng mỗi khi mưa to lại như hồ ngày trước, nước dềnh vào tận các phố, các ngõ, có khi ngập liền mấy ngày. Trẻ con lội chơi, cả lũ kêu loạn xạ, gặp con rắn nước ở đâu ngoi ra.

Dáng dấp các phố vùng này cũng là kiến trúc phố cũ thời Pháp mà qui hoạch và bảo tàng thành phố chưa để ý. Không đặt tên phố (rue) mà Tây gọi là khu vườn phố (cité immobilière), không biết ai đã dịch ra là xóm, giữa phường phố có một cái xóm. Các ngõ ngoắt ngoéo, có đến năm sáu lối thông ra các phố bên. Nhà xây đá tảng chống ngập nước một tầng lửng, cột đá cột gạch đỡ sàn gỗ. Xung quanh mỗi nhà, vườn nho nhỏ, cây nhãn, cây cau. Ở đây trước xưa khi chỉ có người Pháp ở, thường là công chức các sở Liêm phóng Bắc kỳ, công ty hỏa xa Vân Nam, những công sở gần đấy.

Nhà thơ Ngô Linh Ngọc kể ngày trước trong

phố có nhà của Jean Marquet mà anh ấy còn nhớ cả số nhà, ông ta làm sở Đoan và là văn sĩ thuộc địa đã viết quyển Năm bông hoa (Bắc, Trung, Nam kỳ, Ai lao, Cao Miên), có bài trích sách tập đọc tiếng Pháp và những tiểu thuyết phong tục ngô nghê của mắt ông Tây xem người bản xứ. Học trò lớp ba lớp tư chúng tôi phải học thuộc lòng, đọc ra rả như cuốc kêu, tận bây giờ còn nhớ: Il fait froid! Il fait froid! De longues rafales parcourent le Ton Kin. Les feuilles du banian rougeoient le sol... Trời lạnh rồi! Trời lạnh rồi! Từng cơn gió bấc đã thổi qua xứ Bắc kỳ. Những lá đa rụng đỏ mặt đất... Chắc lá bàng, Tây gọi là lá đa.

Những tên xóm Hạ Hồi, phố Nguyễn Du, phố Nguyễn Gia Thiều đều là tên mà ông thị trưởng thời Nhật bác sĩ Trần Văn Lai đã đặt. Năm 1945, phố Nguyễn Gia Thiều, nhưng được gọi chức và tên hiệu là Ôn Như Hầu. Cái nhà ở gần đầu phố, công an đã ập vào bắt hết bọn Quốc dân đảng ở đấy. Tôi là phóng viên báo Cứu Quốc, đã vào nhà này. Hồi ấy, một số tòa nhà tương tự, Quốc dân đảng đóng rải rác các phố. Ở đây, ở hàng Bún, ở đường Quan Thánh, trụ sở Trung ương Quốc dân đảng đóng ở trường Yên Thành, lại chiếm cả khu các phố trong bán đảo Ngũ Xã hồ Trúc Bạch. Còn nhiều nhà ở kín, khó biết, mà cái nhà hai tầng ở Ôn Như Hầu này cũng là cơ quan bí mật của Quốc dân đảng.

Nhà có một vườn nhỏ đằng sau, liền hai bên hàng xóm. Những người bị giết trong nhà khi

đào xác lên còn thấy quang gánh, nón lá. Người sang trọng bị tống tiền, cả người bán phở, cháo gà, bánh giày bánh giò, thức ăn đêm, bọn canh gác gọi vào, ăn rồi quịt tiền, đánh chết người, vùi xác trong vườn. Nhà ở láng giềng đã phát giác ra tiếng gào khóc đêm khuya. Đấy là mấy chục năm trước, hôm nay đi qua chỉ thấy một phố thoáng đãng, yên tĩnh dưới hàng cây phượng lưa thưa. Nhưng mà chỉ cũng là bề ngoài của những sinh hoạt đời thường.

Bỗng có người gọi: "Ông hòa giải ơi! Ông ra mà can, không thì vợ chồng nhà nó giết nhau kia kìa". Tôi biết rồi, lão quét vôi thuê đi làm về, say rượu, dọa giết vợ. Trông lão gầy kheo khư, mà bà lão thì to béo như con trâu trương. Tôi quát: "Im đi! Trật tự!". Bà lão mếu máo: "Xin ông bắt nó lên đồn công an đêm nay, không có thì nó giết em mất". Lão đã nằm quay mặt vào tường ngáy khò khò. Tôi lững thững về.

Đầu phố đằng này có tòa nhà ba tầng, cửa sổ trổ ra như những lỗ tổ ong. Mỗi chủ ở một buồng, buồng trong buồng ngoài, túi bụi, nhếch nhác. Dưới sân, người ngồi giặt, người giã cua, người chẻ củi, trẻ con nhảy nhót, những cụ già móm mém nhìn ra đường. Chỉ thiếu cảnh sưởi nắng lần tay áo nhá trứng rận, không thì chẳng khác sân làng quê một ngày nắng hanh. Tôi đi quan sát qua các nhà trong khối phố. Đại bảo tôi nhà này của một ông trước làm quan, cự phú, người ở nhờ không phải thuê, đều là các con cháu được gọi đến cho ở, thành phố không lấy

nhà được.

Tôi biết thế. Cô Đàng, công an, bảo:

- Lũ trẻ con phố này hay trêu ghẹo ông cụ ở chỗ nhà ba tầng. Bác dọa chúng nó phải lễ phép với người già. Bác bảo thì chúng nó nghe hơn tôi nói.

Rồi cô Đàng kể:

- Cụ ấy ngồi đái ngoài vỉa hè, chúng nó hét đả đảo. Tôi bảo không được làm thế, chúng nó cãi: Ông này đái đường làm mất vệ sinh, cô công an không bắt thì để chúng cháu bắt.

Tôi trông thấy trong nhà thường đi ra một ông lão người nhỏ thó, mặt và râu nhợt nhạt, áo sơ mi trong áo vét tử tế nhưng đã cũ. Cụ ra vỉa hè, ngồi xuống vén ống quần. Mấy đứa trẻ như đã rình đằng kia, vừa chạy lại vừa la: “Chúng mày ơi! Lại xem cụ đái... cụ sắp đái!”. Nghe chúng nó gọi nhau thế, cụ lại đứng lên, thong thả đi vào trong. Nhưng quả là có hôm khác tôi trông thấy cụ ngồi xuống, vạch quần ra đái tự nhiên.

Người già cũng như trẻ con, đứng đâu đái chẳng được.

Ta nhìn nhiều cũng đã quen. Chỉ còn ngượng, nếu khi nào đưa khách nước ngoài từ sân bay vào thành phố, thỉnh thoảng trông thấy các chị đi trên đê, đương gồng gánh tong tả, lại xắn quần, đứng giạng háng ra. Cô Đàng hỏi:

- Cụ ấy trước là cán bộ cao cấp đấy, bác đã bảo các cháu phải lễ phép chưa?

- Cô biết cụ là cán bộ gì...

- Trong sổ hộ khẩu tên cụ là Vi Văn Định.

- À thế thì cụ là quan đế quốc, không phải cao cấp ta.

Tôi nghe tiếng Vi Văn Định từ thuở nhỏ, khi làm tổng đốc Hà Đông. Bây giờ mới biết mặt cụ Vi Văn Định, mà tôi tưởng phải to con, dữ tợn, hách dịch, bởi cứ nhớ nghe chuyện người làng tôi kể Vi Văn Định ghét bèo Nhật, đến làng nào trông thấy bèo Nhật dưới ao, quan bắt nọc lý trưởng, phó lý phạt đánh roi giữa sân đình. Sau này, đi công tác lên Lạng Sơn tôi đã vào Bản Châu huyện Lộc Bình quê ông ấy. Dinh cơ của Vi Văn Định khang trang, như lâu đài, như tòa thành, đoàn chuyên gia lão nông tri điền của tỉnh Quảng Tây Trung Quốc sang giúp Lạng Sơn trồng ngô giống mới đã ở cả tháng trong trang trại ấy. Nghe nói từ năm xuống xuôi làm quan rồi lên chức tổng đốc tỉnh Thái Bình thì ông không về quê nữa. Nguyễn Công Hoan kể: Ở thị xã Thái Bình, buổi trưa ai lê guốc ngoài đường mà trong dinh nghe tiếng, tổng đốc Vi Văn Định cho lính bắt vào đánh.

Ra cái cụ gầy còm lù khù ấy là Vi Văn Định. Cụ lại ra vỉa hè, lừ đừ thong thả đi.

- Chào cụ Vi.

Ông cụ ngước mặt. Tôi nói:

- Tôi đã đuổi đám trẻ con hỗn với cụ, cụ cứ đái tự nhiên.

Cụ Vi nói khe khẽ:

- Ông nhặt cho tôi hòn đá, tôi ném vỡ đầu có thằng. Ông trông tay tôi cứng gân thế này.

Cụ giơ cánh tay, cổ tay cụ nổi gân xanh như que đóm, không cứng gân như cụ tưởng tượng. Cụ lại nói:

- Ăn thịt mỡ, ăn mỡ cả lá, ăn mỡ thì khỏe cái ấy lắm, ông ạ.

Tôi quen ông nhiếp ảnh Lê Đình Chữ ở phố trên, người cũng trạc tuổi các cụ Vi, cụ Võ An Ninh. Các cụ già đĩ mồm hay khoe khỏe cái ấy. Cụ Chữ chiều chiều đi ăn cơm bụi rồi uống cà phê đen. Cụ Chữ, cụ Võ cũng khuyên tôi ăn nhiều mỡ, ăn mỡ lá... Các lão kễnh tám chín mươi lẫn lộn hoài cổ với hoang tưởng.

Tôi không bắt chuyện ăn nhiều mỡ của cụ Vi, tôi hỏi:

- Cụ có hay về chơi Lạng Sơn không?

Cụ Vi nhìn tôi, lờ đờ mắt và lặng im. Cụ biết tôi biết cụ hay là cụ nhãng tính, nặng tai, hay là cụ vờ nhớ nhớ quên quên không muốn nhắc chuyện cũ.

Chữ ký và chứng nhận, chứng nhận và chữ ký, tôi bận nhiều nhất công chuyện này. Dường như ngày nào cũng có, tờ giấy đơn giản mà phức tạp.

Bà Ải kể lể:

- Tôi với bà Lữ lên phố Lãn Ông. Chúng tôi đương ăn cái ngô luộc thì cán bộ phòng thương nghiệp ra khám túi. Chúng nó lấy của tôi 9 đồng bạc, nửa cân phiếu đường một cân phiếu thịt, 20 cân phiếu bột mì. Oan ức tôi quá. Bà Lữ ấy mà, về nằm rên suốt đêm, gần sáng thì chết.

- Tại sao bà ấy chết?

- Uất quá mà chết, chết thiệt thân, có bằng chứng giết người đâu mà kiện, có mà kiện củ khoai.

- Thế bà đến kêu việc gì?

- Xin ông cái giấy chứng nhận tôi không buôn bán lề đường, tôi đã học tập, tôi không vi phạm quản lý thị trường. Trả cho tôi các thứ...

Tôi nghĩ vài cái lặt vặt, bắt cũng chẳng ra thế nào.

Tôi nói:

- Bà vẫn buôn bán lề đường nên mới bị thu đấy. Người ta thuộc mặt bà rồi. Tôi chứng nhận cho bà lần này, lần này nữa thôi.

Ông kia mới chuyển đến, xin chứng nhận cho con được học đúng tuyến. Một ông bỏ vùng kinh tế mới trên rừng trở về, chưa nhập lại được hộ khẩu, không có sổ gạo. Tôi nói:

- Ông thì việc con đi học, ông thì phải có gạo ăn, tôi cho giấy một lần rồi phải đi lo ngay hộ khẩu đấy.

Một chị dược sĩ đến.

- Người nhà em bên Pháp gửi quà về. Xin ông chứng nhận cho em mới nhận quà lần đầu.

- Quà gì?

- Một cái xe ca mi ông, một ít thuốc.

Tôi trả lời:

- Tôi chứng nhận cho chị có hộ khẩu ở phố này.

- Em chưa nhận quà bao giờ.

- Tôi không biết, tôi không chứng nhận được.

Ngày mai, ngày kia lại những việc tương tự.

Ở rải rác trong phố có mấy nhà có tên gọi là hộ đặc biệt. Hộ đặc biệt khác các nhà khác. Nhà biệt thự, cửa sổ trên gác không mấy khi mở. Có ô tô đưa đón, cửa xe treo rèm vải hoa, không trông thấy người ngồi trong. Cổng chấn song sắt, một tấm tôn che kín, khóa và xích xủng xoảng, bên trên có nút bấm chuông điện.

Các hộ này không liên quan đến khối phố. Không có tên hộ khẩu ở sổ cái của ban bảo vệ. Hàng năm, không phải bận lên danh sách tem phiếu. Chỉ mỗi dịp bầu cử thành phố hay Quốc hội, chúng tôi phát thẻ cử tri cho các hộ ấy và vị chủ hộ được giấy mời ra dự khai mạc, ngồi ghế danh dự trên hàng đầu và được bỏ phiếu trước. Đã mấy dịp thế, nhưng tôi không biết, cũng chẳng làm quen với ai, chỉ đoán cụ nội chính, cụ thương nghiệp, cụ phó thủ tướng...

Thế mà cũng vẫn có việc phải làm với các hộ này.

Việc thứ nhất là cái chuông bấm. Trẻ con hay với tay lên bấm chơi một cái rồi chạy. Tôi nhận được công văn cơ quan phê bình để "nhân dân cãi nhau mất đoàn kết" và "không giáo dục thiếu nhi để trẻ nghịch bấm chuông cổng mất trật tự".

Đầu ngõ kia, một số nhà có nhiều hộ ở chân tường mà bên trong là một hộ đặc biệt ở cơ quan. Cái số nhà lắm hộ này chật chội kinh khủng, suốt ngày đụng chạm lủng củng to tiếng như có bệnh cãi nhau. Nhưng không khi nào xô

xát dao gậy, họ loạn xạ chán rồi im dần. Ban hòa giải đã đến mấy lần, chưa có cách nào dẹp được. Cơ quan nọ phê bình, tôi không trả lời.

Lần sau, hàng xóm cách tường cãi nhau, cơ quan cho cán bộ bảo vệ sang tận nơi. Nhưng người ta chỉ ngồi một chỗ ném lời qua tiếng lại, tức quá thì văng xa xả, chưa phạm trị an. Không đứng lên nắm tóc, đấm đá, cào cấu, giằng xé. Đồng chí bảo vệ không biết can thế nào, nói nhỏ nhẹ hay nói xẵng, chẳng ai chịu im mồm. Mấy lần sau cũng chẳng dọa nổi, thôi không thấy sang nữa. Vị chủ hộ đặc biệt bên kia tường đành chịu đôi khi điếc tai, hay là đã dọn đi, tôi không biết.

Việc thứ nhất là cái chuông bấm thì tôi đánh máy trả lời như công văn, cũng đánh số, đề ngày và ký tên cẩn thận. "Chúng tôi đã cấm thiếu nhi không được nghịch bấm chuông. Nhưng về mặt chủ động, chúng tôi không có điều kiện canh cổng nhà đồng chí 24/24.

Chúng tôi đề nghị đồng chí gắn cái chuông bấm lên cao quá đầu người thì trẻ con sẽ không nghịch được.

Kính chào quyết thắng".

Mấy hôm đi qua cổng, để ý thấy trên cổng sắt, chỗ bấm chuông đã gắn nhích lên lại đặt hõm vào trong tường, trẻ con kiễng chân cũng không tới được. Chắc các nhà có chuông bấm đã rỉ tai nhau, cổng nào cũng lắp chỗ bấm cao hơn. Các chú nhóc đành chịu. Không thấy nhà nào có lời cám ơn khối phố có sáng kiến. Tôi đương

phấn khởi việc ấy thì tổ thanh niên báo cáo con gái vị thứ trưởng kia không họp thanh niên, mời ra giúp thiếu nhi phố vui hè cũng không nhận, còn trả lời kênh kiệu. Chả là các cô các cậu ở các hộ đặc biệt cũng đi học tiểu học các trường quanh đấy. Chặp tối, tôi cùng nhóm thanh niên đến nhà vị thứ trưởng. Tôi bảo một hai cậu thủ cái gậy, phòng nhà này có chó béc giê.

Dương bảo tôi:

- Không nên cho con thằng tù vào nhà hộ đặc biệt, anh ạ.

Ý Dương muốn nói Xuân, con ông Phong, ông Phong là công chức. Ông bị đi tù. Người ta nói lờ mờ ông hai mang, ông đã làm cho Tây thời bị chiếm. Tôi ra làm việc phố, ông Phong vào tù đã lâu. Đến năm ông được tha, tôi cũng thôi trưởng ban rồi. Ông đến chơi, có ý cảm ơn tôi đã đối tốt với con cái ông. Tôi hỏi: “Ông phải vắng nhà mấy năm?” - “Thưa cán bộ, mười năm rưỡi”. Ông vẫn chưa quên cách thức thưa gửi trong trại tù.

Tôi trả lời Dương:

- Nó có phải tù như bố nó đâu, nó là thanh niên đường phố.

- Anh làm thế mạo hiểm quá.

Tôi cười.

- Mọi việc Xuân đều đầu tầu. Chôn chuột chết bả, đào sông Tô Lịch, dạy thiếu nhi sáng hè tập thể dục, thiếu nó thì rầy rà.

Dương nói theo ý nghĩ:

- Còn bố nó, còn lý lịch nhà nó. Anh mạo hiểm quá. Anh có phải là Nhân Văn không?

Tôi ngạc nhiên nhìn lại Dương. Dương thì chẳng biết Nhân Văn là thế nào, nhưng có thể có người đã bảo với anh và Dương đã hiểu Nhân Văn là có tội nặng, cán bộ nhà văn nhà báo mà lại phải vào hầm mỏ, đi nông trường, phải về công tác khu phố thì phải là có vấn đề. Buổi họp phố chỉ có các bà nội trợ, trẻ con hay cụ già, nhưng ở nhà thì chẳng thiếu người hiểu biết, cán bộ các ngành, người đi họp về kể lại và Dương chắc... đã nghe những lời đồn đoán về tôi. Với Dương, cho một đòn thế này thì hết thắc mắc, và lại phấn khởi là cái chắc, tôi nói:

- Tôi làm việc cơ quan, tháng lĩnh lương, hay được đi nước ngoài, nhà treo bằng Huân Chương Kháng Chiến Hạng Nhất, anh trông thấy đấy, anh bảo tôi Nhân Văn ở chỗ nào?

Dương phân trần:

- Có đứa nói láo thế, tôi báo cáo lại với anh.

Xuống đến mọi người thì mọi chuyện đều cứ mơ hồ và cụ thể lẫn lộn lạc ra nhiều nghĩa khác nhau theo mỗi người. Một lần tôi tiếp ở cơ quan một người cháu Nguyễn Bính. Chị ấy là đối tượng kết nạp Đảng của chi bộ. Có người phát hiện nhà thơ Nguyễn Bính là Nhân Văn. Hoang mang chẳng biết thế nào, cô đến hỏi cơ quan chúng tôi. Tôi đã trả lời: “Báo Trăm Hoa của chú Nguyễn Bính cháu không phải là báo Nhân Văn”. Rồi tôi phải viết xác nhận, cô mới chịu ra về.

CHƯƠNG 12



ộ máy tổ chức tạ dựng lên thì khoa học, trong ý nghĩ và trên giấy, nhiều cấp và cán bộ lại thu thập tài liệu và dư luận bằng nghe ngóng. Chu Văn, trưởng ty văn hóa tỉnh Nam Định được dự kiến đề cử tỉnh ủy khóa mới. Dấy lên tin đồn anh ấy là Nhân Văn, thế là bị nhấc ra. Chu Văn viết thư kể nỗi oan và đề nghị can thiệp - tôi đã được phân công xuống gặp bí thư tỉnh, nhưng rồi cũng không lại được lời đồn. Can thiệp với dư luận "có tin bảo, có người nói" thì như đánh nhau với bóng tối, cứ phòng sẵn cho chắc đã. Và cái việc Chu Văn bị dính đến những lôi thôi mập mờ này, đã làm cho Chu Văn hóa ra cứng rắn khác thường. Những ai đã công tác cùng Nguyễn Bính ở ty văn hóa Nam Định có thể biết Chu Văn đã quần Nguyễn Bính đến điều thế nào. Nguyễn Bính về Nam Định rồi quyết định ở hẳn dưới ấy chỉ vì Nguyễn Bính đã sắp nên vợ nên chồng với cô hàng cà phê thành Nam. Nguyễn Bính đã bỏ không ở Nhà xuất bản Hội Nhà Văn với tôi để xin ra làm báo Trăm Hoa. Khi Trăm Hoa hết tiền phải đình bản, Nguyễn Bính không còn ở biên chế nào thì Hội Nhà Văn đã giới thiệu Nguyễn Bính về Nam Định.

Nhưng có giai thoại rằng Nguyễn Bính bị đầy phải xuống xin việc dưới quê, Nguyễn Bính chỉ được biên tập ca dao, hò vè. Nhưng mấy người biết được thời kỳ ở Nam Định, Nguyễn Bính đã in nhiều sách trên Nhà xuất bản Phổ Thông ở Hà Nội. Trường ca Tiếng trống đêm xuân, lại vở chèo Cô Son đương công diễn.

Mỗi lần lên lấy nhuận bút kha khá, tôi được Nguyễn Bính và Trúc Đường rủ đi đánh chén. Có tiền, Bính đã đưa vợ con về Thiện Vịnh tậu đất, làm căn nhà có ao cấy cần, có giàn mồng tơi, có vườn cải hoa vàng như trong thơ. Nhưng trong thơ và ngoài đời không như nhau, chẳng bao lâu thì bán nhà, lại gồng gánh ra tỉnh. Cái năm Nguyễn Bính mất, tôi đi với Trần Lê Văn, Bùi Hạnh Cẩn về ăn giỗ trăm ngày còn được nghỉ trưa nhờ ông chủ sau cái gian nhà tranh tre của Nguyễn Bính đã tàn tạ như cái lều vịt... Rồi ở phố cũng không yên, tam tứ phen chửi nhau đánh nhau, vợ chồng xé đôi chiếc chăn đắp. Cái tờ bướm của ty văn hóa có bài vè giễu, tiếng đồn là của Chu Văn viết đấy.

Ấy bị thành kiến như Chu Văn rồi người đâm ra lên gân thì cũng là lẽ thường của miếng võ giữ mình.

Tôi bảo Dương:

- Các cháu chơi hè có liên quan đến trật tự, anh vào đây với tôi.

Nhưng Dương không vào. Không phải vì ngại tôi cứ đi vào cùng Xuân là con người tù phản động. Mà chắc Dương ngại nếu có lôi thôi

thì Dương mất chỗ đi lại. Tôi được biết các nhà hộ đặc biệt Dương thường ra vào. Nhưng lại hay giữ ý. Có nhà mời tôi đến ăn giỗ. Tôi bảo Dương đi thay. Dương nói: “Anh cử tôi đấy nhé, không tự ý tôi, chẳng có chúng nó lại quạc mồm bảo tôi chỗ nào có ăn thì la liếm.”

Chị chủ nhà ra mở cổng, mời chúng tôi vào phòng khách. Thứ trưởng và cả nhà ở trên gác, thấy ánh đèn sáng hắt ra hiên.

Tôi trình bày tôi đến đề nghị cháu ra sinh hoạt thanh niên giúp thiếu nhi khối phố vui chơi trong dịp hè. Chị chủ nhà vui vẻ:

- Vâng, tôi sẽ bảo các cháu. Công tác hè thì của thanh niên rồi.

Câu nói nhẹ nhàng và trách nhiệm dịu hẳn cái dự định hăng hái phê bình, chất vấn của mấy cậu thanh niên lúc nãy lăm le. Bây giờ các cậu ngồi im, nhìn tranh ảnh trên tường.

Tiễn ra cửa, chị chủ nhà hỏi tôi:

- Có phải đồng chí là nhà văn?

Tôi đáp:

- Không phải ạ.

Cũng chẳng bao giờ cô con gái vị thứ trưởng ra họp thanh niên khối, tôi cũng không biết mặt nó.

Tôi đi tuần tra. Một tốp hai người đeo băng đỏ, tay cầm cái đèn hai pin của đội dân phòng. Người đi tuần theo cắt lượt. Vào những dịp ngày lễ, ngày bầu cử hay có khách chính phủ các nước đến Thủ Đô. Ai lờ đi hay gọi mãi không ra thì cũng thôi. Nhưng số người đi tuần bao giờ

cũng nhiều. Trưởng ban được chiếu cố không phải đi quá khuya. Tôi cũng không để ý, mọi người tưởng tôi tích cực, thực ra chẳng đi tuần thì vào giờ ấy tôi vẫn đi dạo hay là thức đọc sách.

Tôi đã bị bệnh áp huyết từ hồi ấy. Chữa bệnh, mỗi tối tôi đi quanh hồ ba bốn vòng. Có khi quá bước lên cả trên hồ Hoàn Kiếm. Một hôm trời rét, trông thấy trong quầng sáng điện giữa đường một người đội mũ, quấn phu la. Một người đạp xe đằng sau lưng lên, quơ tay giật cả mũ và khăn quàng. Người mất của đứng ở xa, rồi kêu: Cướp! Cướp! Đường thì vắng tanh.

Sau đấy, tôi ngại quá bỏ không đi quanh hồ. Rồi lại đi, nhưng tránh giờ ấy. Đến mùa hè, tôi để đầu trần. Không phải vì lo mất mũ, mà tôi muốn trật cái đầu hói ra cho đĩ điếm khỏi mất công hỏi han. Ấy thế mà không yên, vẫn bị quấy rầy.

Phó ban Đại hay đi tuần với tôi, có khi tôi rủ, có khi Đại đợi. Chẳng phải đến lượt đi đôi với Đại, mà Đại thích đi với tôi. Đêm nằm khàn, Đại nhớ bia. Nửa đêm chúng tôi vào quán Gió hàng bia nhà mậu, uống thả cửa, trả tiền không lấy. Chả là nhiều khi tôi đi với công an khu tuần tra công viên tới đây vẫn uống thế. Năm trước, tôi đi Pnôm Pênh, buổi sáng thấy người đội xếp dẫn bố mẹ, vợ và lũ con ra nhà hàng ăn hủ tíu, uống cà phê xong rồi đứng dậy về. Tôi cười cái thời ông hoàng Sihanuc chẳng ra thế nào, thì bây giờ cái chẳng ra thế nào ấy hiện về đây và

chúng tôi cũng hóa ra người đội xếp Pnôm Pênh. Có những lần tôi kéo cả Nguyên Hồng, Dương Bích Liên đi thưởng thức cái lộc của trưởng ban.

Tôi vào trong phố. Phố đêm vắng vẻ thấp thoáng bóng cây. Các phố này không buôn bán, không cửa hàng cửa hiệu, ban ngày cũng như bấy giờ, vỉa hè không so le nhấp nhô bàn ghế hàng quán. Giữa bóng tối lặng lẽ, trong tôi bao nhiêu ý nghĩ vật vờ ngổn ngang. Mới năm nao mà đã ra hơn năm mươi năm qua, tôi đi trong đoàn người thất nghiệp từ phố Dã Tượng kia rẽ vào sân cỏ nhà Đấu Xảo mít tinh ngày 1 tháng năm 1938, mỗi khi nhớ lại còn ám ảnh trong mắt ánh màu lá cờ đỏ bay đằng trước. Rồi tôi bị bắt vào xà lim sở Liêm phóng, chỉ bên kia tường cái phố cụt nhà tôi bây giờ.

Mấy đêm nằm sàn xi măng, chân bị cùm, trước khi phải giải xuống đề lao Nam Định đối chất việc tổ chức Văn hóa Cứu quốc.

Rồi cuối 1946 toàn quốc kháng chiến, tôi làm phóng viên báo mặt trận Hà Nội. Đêm ấy trú ở một nhà trong phố bờ hồ Thiền Cuông, cả phố đã đi hết bỏ nhà hoang, thành phố không người. Không nhớ đã ở nhà nào, hay nhà ấy đã bị bom đạn phá hủy, chỉ nhớ các bãi cỏ dọc bờ hồ ngày ấy là những luống khoai lang, những bụi cây chuối. Thành phố đương kêu gọi mọi người tăng gia chống nạn đói. Tiếng xe bọc sắt, xe tăng đằng phố Duy Tân ầm ầm trổ xuống. Sớm hôm sau, đến ban chỉ huy đơn vị chiến đấu

đóng bên phố Khâm Thiên cạnh trạm gác của địch ở nhà dầu Sen biết tin đoàn thiết giáp Pháp từ trong thành ra tới ngã tư đầu hồ, chiến sĩ quyết tử Nguyễn Thành đã ôm một quả bom ba càng lao ra cản đường. Tôi đã viết tin ấy gửi về báo Cứu Quốc.

Chỗ nào cũng mờ chồng lên những chuyện cũ, chuyện mới. Tôi vẫn đương đi qua các phố. Tôi nhớ lại... tôi đương đi như bây giờ. Tôi ở trong làng đến năm ngoài hai mươi tuổi thì đi kháng chiến lên Việt Bắc ngót mười năm, rồi trở về thành phố cũng đã chừng ấy năm, bây giờ đến sinh sống tại phố này, đi tuần, đi họp phố chẳng khác trai tráng ngày trước đi hộ đê, đi việc làng, đi dạy truyền bá quốc ngữ, đi khiêng đòn đám ma...

Rồi mỗi hôm đến cơ quan tôi là tòa nhà ba tầng, ngày ngày mở cửa sổ ngồi vào bàn, các thứ cuộc họp nối nhau, rồi lĩnh lương, đi uống bia, uống rượu mà vẫn thấy lạnh lẽo thế nào. Đời bàn giấy làm nhạt nhẽo cả ngòi bút.

Chẳng bao lâu đã lại đến cuối năm. Việc dồn dập, đương bình cứu tế lại đến những tờ hướng dẫn kê khai, lên danh sách tem phiếu mua lương thực, tôi phải thuê các cháu học sinh giúp rà soát, đối chiếu...

Phố này nhiều cán bộ công nhân làm các cơ quan và nhà máy khác nhau. Cái năm mới về, nhà bỏ không, nhà treo bảng cho thuê, cứ vào hỏi, cứ đến ở. Có một số nhà vắng chủ thành phố cũng lắp người ở. Mới thật, nhưng cái ở cái

ăn bấy giờ cũng chưa phải đáng lo.

Chúng tôi còn mải kéo lũ đi loăng quăng nhìn đây nhìn đó dẫu tôi trước kia đã ở Hà Nội. Kỷ luật tiếp quản Hà Nội không được la cà hàng quán. Tôi đi công tác chống di cư ở Phúc Nhạc về, vào hàng chén bát phở, sau mới biết không được thế. Kỷ luật chặt quá, đến lúc không giữ được lại hóa lung tung. Khác nào nhiều nhà đón người họ, người làng cho ở, qui vì đi kháng chiến về, lại cũng sợ nhà rộng bị qui tư sản, đến lúc ở lâu rồi sinh rắc rối, kiện tụng nhau. Ở khối, ban hòa giải tôi đã mất nhiều công về mấy vụ này.

Mới dần dần biết trong những số nhà có người mới về có những nhà đã ở đây lâu. Người làm thuê, người thất nghiệp, người chạy chợ, mỗi nhà một nỗi nhưng đều không phải đã ở thành phố nhiều năm, nhiều đời, mà số đông là những người di chuyển theo thời thế.

Họ ở trong làng ra hay năm trước đã hồi cư về. Chiến tranh tràn lan, ở quê không thở được, phải nhao ra tỉnh, đến khi Tây rút đi, còn ta thì đi đâu, đi đâu chẳng phải lăn lưng làm, thế là đâu vẫn đấy.

Có những nhà dường như khá giả - vẻ người thành thị, lối ăn mặc và cách ăn nói, cho là sắp lên tư sản đến nơi, thế là không dám giao thiệp. Ông ấy thắt cà vạt đội mũ phớt, giày đánh xi bóng, quần là phẳng.

Tôi đội mũ lá cọ, mặc đại cán đôi khi đánh quần áo nâu, mùa rét thêm cái áo bông ka ki kẻ

múi trám kiểu Liên Xô. Chúng tôi đồng loạt thế.

Người đi họp phố đông, đông nhất là những bà con ở trong này, ai cũng muốn biết chính phủ thế nào, bởi đều phấp phỏng nghe những đồn thổi quái lạ: thịt con gà phải đi báo cán bộ, ai cũng ra quét đường, hót rác, móc cống. Nghe ghê ghê thế nhưng bảy giờ a lô! a lô! tổng vệ sinh, người ta cầm chổi ra quét cái hè, cái rãnh trước cửa, thấy chẳng có vẻ khác mọi khi.

Bà con giờ mỗi nhà chỉ cắt một người đi họp chứ cái hồi mới giải phóng thì vui lắm, cả nhà cùng đi.

Đến bây giờ ra làm việc khu phố và đi họp chỉ còn, chỉ có các bà trung niên, các bác thợ may, công nhân khuân vác ngoài ga, có nhà cho trẻ con hay người già đi cốt đủ đầu người. Nhiều người không biết trụ sở khối đâu. Thật ra thì cũng khó biết, vì nó chỉ là một căn phòng trong một nhà ở.

Nơi họp, một gian nhà mượn, hàng ngày nhà chủ để làm gì không biết, tối nào báo họp, đến đã thấy gian phòng quang đãng. Trưởng ban bảo vệ Dương tới sớm, mở cửa sổ, kê mấy băng ghế dài, một cái bàn và mắc lên giữa nhà một bóng điện.

Người đến lác đác, tổ trưởng phải đi gọi từng nhà, có hôm hơn tám giờ còn thưa thớt. Tôi báo cáo công việc xong, phó ban Đại nói thêm mấy câu giải thích dài dòng rồi giải tán. Lao động công ích đào sông Tô Lịch. Cấm thả rông chó. Danh sách đợt đi nghĩa vụ quân sự.

Lĩnh thuốc bả chuột về phải nhốt mèo, nhốt gà cẩn thận. Giới thiệu danh sách tổ hòa giải. Các nhà treo cờ ngày Quốc tế Lao động…

Hộ nào cũng có người đi họp đã thành lệ, nhưng cũng thành tật đến đúng, đến muộn tùy tiện. Có người hay kề cà, cũng có người đi làm ca kíp về còn lo cơm nước. Có người rỗi rãi hẳn hoi cũng cứ đà đận đợi tổ trưởng gọi giục.

Tôi đặt thành giờ giấc bảy rưỡi đánh kẻng thì tám giờ họp. Có mấy người tôi cũng cho họp và đến lúc nghe còi ủ thành phố báo chín giờ thì tan họp. Dần dần thành thói quen, người ta chịu khó đến đúng giờ.

Khi thành phố bỏ còi ủ để tránh lẫn với còi báo động thì tôi xem đồng hồ, chín giờ đương nói, đương còn việc cũng ra về, để hôm khác bàn tiếp.

Cái máy móc giờ giấc ấy cũng hay hay. Nhưng cũng có khi làm tôi ngượng, tội nghiệp. Tôi mới đi Liên Xô về, anh Nguyễn Xiển bảo đến câu lạc bộ đảng Xã Hội nói về quyển Dải đất hẹp của Brơ-giê-nep vừa được giải thưởng Lê-nin. Tôi thật có duyên tai ách với quyển này. ở Matxcơva, báoSự Thật đã mời tôi viết bài phê bình. Hà Nội chưa dịch in hồi ký Dải đất hẹp, mới có một đoạn trích dịch ở họa báo Liên Xô, hai bản tiếng Pháp, tiếng Việt, nhưng báo này dịch nhạt nhẽo, tôi không mấy khi đọc. Thế mà tôi vẫn viết được bài cho báo Sự Thật. Nhà văn Marian Tkchốp dịch, được đăng trang nhất báo, nhận nhuận bút một trăm rúp. Tôi thưởng sáng

kiến và nhiệt tình khuyến khích tôi viết của hai bạn Marian và Misen, phóng viên báo Tin Tức đã ở Hà Nội nhiều năm, chúng tôi đi uống vốt ca, ăn thịt cừu nướng rồi đến nhà hát Digan. Mẹ của Marian khen tôi "Bây giờ làm to dám viết về Tổng bí thư".

Đến câu lạc bộ đảng Xã Hội, tám giờ tôi bắt đầu nói, vừa chín giờ nghe còi ủ tôi cám ơn các bạn thính giả xin hết lời và bước xuống bục. Ở đây, chẳng ai nói tan sớm thế. Có người còn chưa đứng dậy. Tôi thì ngỡ đương họp ở khu phố!

Nguyễn Xiển hỏi tôi:

- Cậu say rượu à?

- Không, nói hết chuyện rồi.

Tôi không nói tôi quen cái đồng hồ ở khối phố, tôi đã nhầm giờ giấc. Ngồi họp, tan họp đúng như nhau, đầu tiên lấy làm lạ rồi "còi chín giờ đã giải tán" ai cũng ra về, bà con thích thú cái sự về sớm ấy nhiều hơn nhớ công việc.

Hôm ấy bàn tổ phục vụ nấu bánh chưng Tết thì có lo cơm nồi nước sôi như mọi ngày không. Bấn việc đấy. Nhà nào thì gửi gạo, đưa lá dong và phiếu thịt rồi chỉ việc nhận bánh, nhà nào gói lấy rồi thuê luộc.

Tôi hô hào các nhà ra nhờ tổ phục vụ, nhưng nhà tôi thì vẫn nấu lấy cho các con tôi vui nồi bánh, tôi thì nhớ ngày xưa. Bắc nồi ra giữa sân bếp, vợ tôi đèo củi về. Nhà mậu bán củi phiếu, nhưng toàn củi rều vớt ở sông Cái, củi cành xà cừ còn cả lá, "Ông nhà nước" vơ vội củi

Tết mà phải đem phơi, sang giêng mới đun được. Nhà tôi có năm thì bác Ba trên Nghĩa Đô đèo củi gộc tre xuống cho, có khi mua củi gốc cây, của những người đi chặt cây thuê trong phố, củi này chắc và đượm lửa, ninh bánh chưng được rền.

Con gái con rể tôi làm ở bệnh viện, mượn về nồi hấp và ống truyền, những thứ để thay cây nửa tép đục đốt với cái mu rùa, nồi đồng hai mươi. Tôi nấu rượu Tết, đổ mốc men thơm cả sang hàng xóm. Cấm nấu rượu, mà tôi nấu để uống. Vả chăng, nhà trưởng ban nấu rượu lậu, ai có biết chắc cũng chỉ thấy vui.

Nhưng tôi cũng chỉ nấu có một mẻ. Không phải ngại tai tiếng mà bởi rõ ràng làm lấy, bố con ủ men, ống thủy tinh nước rượu lên sạch sẽ, mở ra rượu nếm vừa đắng vừa khét, rượu chính phẩm lại như rượu rởm.

Không phải cứ có các thứ chính cống và đồ lề hảo hạng thì ai cũng nấu ra rượu ngon, nếu thế thì tài năng vứt đi rồi.

Trưởng ban bảo vệ Dương báo với tôi tình hình an ninh cuối năm từng ngày.

- Phố còn một nhà nuôi chó. Phải triệt, không nhỡ ngày Tết mà chó cắn ai thì lôi thôi.

- Bảo nó thịt hay bán đi, mà phải thịt sớm, Tết nhiều nhà kiêng thịt chó.

Hôm sau, Dương đến lắc đầu.

- Tôi nói nó không nghe. Vừa đi ra nó còn chửi theo: Tiên sư chúng mày!

Tôi ngờ chưa chắc đã phải thế. Dương hay

kéo tôi đi cùng. Cái khóe và cũng là hãnh diện của Dương.

Có người mách, mấy chị quảy thúng bán ô mai, củ sắn luộc, kẹo vừng ở cửa trường học Dương cứ lấy ăn tự nhiên lại phải đút tiền cho Dương mới được đỗ gánh ở đấy. Đêm Dương đi tuần, đem về trụ sở cái mũ cát, đôi dép râu bảo có đôi trai gái đứng xó tường đằng kia, thấy người chúng nó bỏ chạy. Có hôm sáng sớm Dương xách đến nhà tôi cái khung xe đạp. "Kẻ trộm tháo hết phụ tùng rồi vứt khung xe ra đường. Lôi thôi quá, ta lại phải trình báo". Dương lẩm bẩm thế rồi lại vác cái khung xe đi, chẳng biết có trình báo hay đem xuống chợ Giời, tôi cũng không xét nét hỏi lại.

Bọn dân phòng nói với nhau: "Nhà lão những ba bốn cái tàu há mồm. Lúc nào cũng hong hóng thì phải xoay cái ăn chứ".

Dương đưa tôi vào một nhà cuối phố, tôi cũng chưa vào trong này lần nào, phố ngóc ngách quá. Lô xô những nhà một tầng, nhà hai tầng chĩnh chện, nhà này chỉ có mái giấy dầu một phía ghếch vào đầu tường.

Nhà nuôi chó có hai vợ chồng, một ông bố và hai đứa con. Vợ chồng đi làm, hai con đi học. Bố ở nhà cơm nước. Tôi ngỡ con chó cũng thằng nhôm thằng vện lau nhau, không ngờ con chó ta mà to như chó bẹc giê, đứng cao ngang đầu gối ông lão.

Thấy khách vào nhà, ông lão vuốt vuốt một cái, con chó nằm mọp ngay xuống cạnh chân

ông. Người con cầm cái xích có cổ dề ngoằng xuống, dắt chó vào nhà trong.

Anh ấy nói nửa thật nửa đùa:

- Nó quái lắm. Nó mà nghe các vị bàn tán bán chó thịt chó, nó xông ra đợp các vị đấy.

Tôi ngại quá. Con chó khôn mà giằng cái xích mỏng mảnh kia ra thì làm thế nào. Thỉnh thoảng tôi nhìn vào góc nhà, nhưng rồi lại không dám, hình như con sọm già đương đụng đậy tai, nghe nghe. Nhưng chắc nó chả hiểu câu chuyện đương nói.

Tôi khen:

- Cụ nuôi được con chó to nhỉ?

- Thưa ông, đem trong quê ra đã ba năm nay. Cơm canh trẻ con rơi vãi, gọi là chó làm cảnh ấy mà. Nó có ý lắm, biết là ở phố chật chội, ai vào trông thấy mới biết nhà có chó. Nó chỉ rũ lông, không rít, không bao giờ cắn thành tiếng.

Tôi giải thích:

- Nhưng ở nông thôn khác ở thành phố, cụ ạ. Ở thành phố không được nuôi chó. Nhỡ phải con chó gió nó cắn tung lên thì khốn nhiều người lắm. Thuốc tiêm chó dại phải cầu kỳ tiêm vào rốn, mà đắt tiền.

- Tôi không cho nó đi đâu bao giờ.

Dương láu táu chêm:

- Nó cắn ngay người nhà ấy chứ, chó dại mà.

Người con trai ở trong nhà ra, xẵng giọng:

- Xin phép ông trưởng ban, anh Dương nói đổ xuống sông xuống bể, phỉ phui, con chó cũng

không nghe được.

Dương đứng lên, giơ gậy. Gã kia xông đến. Tôi nói to:

- Trật tự nào!

Tôi còn giảng giải một lúc về cái vô tích sự nuôi chó trong thành phố. Người con trai hầm hầm vào trong buồng, ông lão ngồi yên. Lát sau, ông lão chắp tay:

- Thưa ông, ông nói thế cháu đã nghe ra, để rồi nhà cháu xin thu xếp.

Thật cũng khó khăn và khổ tâm, lão thu xếp thế nào. Gọi lái chó vào hay mấy nhà quanh đây đánh đụng. Nhưng nghe ông lão nói nhà cháu thu xếp, coi như đã ổn, tôi đứng dậy.

- Cụ làm ngay, cụ ạ. Năm hết Tết đến rồi.

- Thưa vâng.

Rồi có lúc ngẫm nghĩ, tôi cứ áy náy. Con chó vàng to như con Bô Tô ngày trước bố tôi nuôi. Bố tôi đi Sài Gòn, để con chó ở nhà. Ông ngoại quí Bô Tô, nuôi Bô Tô nhiều năm đến khi già, Bô Tô ốm chết thì đem chôn, mấy hôm tôi khóc nhớ Bô Tô. Thế là ông lão sợ, nhà lão đem bán chó, nhà lão sẽ gọi đụng. Cứ bảo Tết nhất ăn thịt chó hãm tài, nhưng năm ngoái, hôm ba mươi, ông Hộ trên Nghĩa Đô đã đem xuống cho nhà tôi đôi bánh chưng nhân thịt chó, nhà túng, không có tiền mua thịt lợn. Chẳng sao, tôi không sợ xúi quẩy nhưng gói cái bánh chưng nhân thịt chó thì nghèo túng đến rớt mồng tơi rồi. Nghĩ xa nghĩ gần, vẩn vơ.

Dương gặp tôi.

- Nhà nó giải quyết xong con chó rồi.

- Thịt à?

- Nó đem gửi, dắt đi chiều qua.

Tôi cười:

- Thịt hay đem gửi cũng là con chó khuất đã mắt rồi. Đừng làm lôi thôi người ta nữa.

Dương không nói gì. Ông lão gửi con chó, có thể con chó không chết. Tôi nhớ mang máng ngày trước Tây cho nuôi chó trong thành phố, nhưng chó ra đường phải buộc mõm, luật lệ Tây ở đây hay tôi đã đọc trong truyện thấy nói như thế ở bên Tây. Giấc ngủ tôi chập chờn. Buổi tối, tôi vào nhà ông lão. Thấy tôi, lão chắp tay, vái một cái.

- Báo cáo ông khỏi bận tâm...

- Ông đem gửi chó rồi chứ gì.

- Không, giết rồi ạ.

Tôi hỏi:

- Thế a? Tôi đến nói cho ông biết có thể nuôi chó.

- Nhà nước cho nuôi chó?

Tôi lại nhớ thêm: ngày trước thằng Tây đi chơi, dắt con chó cái rọ da đóng vào mõm, bên cạnh có con đầm cầm bó hoa loa kèn trắng. Tôi nói:

- Con chó phải có khóa mõm mới được ra đường.

- Chó nhà cháu quanh năm ở trong nhà.

- Vậy là được, nhưng mà làm thịt mất nó rồi.

- Từ hôm nọ cán bộ chẳng bảo nhà cháu.

Thế là nhà này thịt mất con chó. Nó dắt đi thịt chứ không phải đem gửi. Con chó vàng to đẹp thế, đã vào bụng người cả, hoài của.

Một chặp tối rét co ro. Có tiếng gõ cửa khẽ. Tôi mở cửa, thấy ông lão tay cầm cái xích. Con chó vàng cao lớn, quanh lưng xuống tận bụng buộc mảnh khố tải như áo ấm, cái rọ da to xủ đóng quanh mõm. Ông lão cúi chào rồi hỏi tôi:

- Báo cáo ông thế này được chưa, đúng luật chưa ạ?

Tôi còn ngẩn người. Con chó hay hồn ma con chó, thế là thế nào? Ông lão nói như trả lời băn khoăn của tôi:

- May quá, nó sắp thịt.

Rồi ông lão vuốt đầu, ghé vào tai con chó, nói thầm:

- Con lạy ông nào!

Con chó bị đóng rọ mõm khuỵu hai chân trước xuống, đến lúc ông lão lại vuốt nó, con chó mới đứng lên như lúc nãy.

Con chó giỏi như người, hơn người. Tôi buột miệng:

- Tài quá.

- Thưa ông, nó ngoan, dạy được ạ.

Tôi nhìn theo ông lão dắt con chó, đóng cửa rồi vẫn như còn trông thấy ông lão và con chó trong bóng tối rét mướt xa xa. Ông lão bảo giết chó rồi cơ mà, hay là con chó ma, chó ma mới khôn thế.

Dương đến nói như khoe:

- Nhà nó lại đem chó về.

Tôi bảo:

- Chó ra đường phải rọ mõm. Ông lão ấy đến báo cáo tôi rồi.

Nói xong, tôi lại chột dạ. Dóng rọ mõm, không biết nhớ có đúng không. Dương không hỏi thêm. Một tối, mừng cuộc họp đầu năm, có hai bao Tam Đảo, hộp mứt bí nhà mậu điểm mấy cục đường giả làm hạt sen, quà Tết tiểu khu gửi xuống. Ông lão đến cạnh tôi:

- Báo cáo ông, tôi đã nộp hai đồng tiền thuế nuôi chó cho ông Dương.

- Ai bảo ông đóng thuế chó?

- Ông Dương ạ.

Tôi không bực mình Dương làm tiền tợn quá, mà tôi nghĩ lại mọi việc tôi thật chậm hiểu hơn Dương và hai bố con ông lão nuôi chó. Chỉ có một con chữ mà người ta múa rối, người ta đánh phép, tôi đần độn đi. Xử sự, đối phó, giải quyết... vẩn vơ trong đầu thế thôi rồi tôi lại nghĩ bãi ra và tự yên ủi rằng việc gì cũng quấn vào mình thì có đến ba đầu sáu tay cũng hết hơi. Vả chăng, lại năm cùng tháng tận đến rồi, cho nó kiếm chác đôi chút.

Lẫn lộn với giấy tờ và bản thảo, một đệp biên lai, một cặp tem phiếu gạo và thực phẩm, một hộ mấy người trẻ con và người già, người không biên chế nhà nước, mỗi người một từ, chưa tính các hộ độc thân. Vẫn chưa đủ so với thống kê. Mai phải đi lĩnh đợt nữa. Sai số hay thừa thiếu thế nào, tôi lấy làm lạ trong ngần ấy năm làm tem phiếu, ký sổ, ký tờ rời không thấy

trên hỏi lại, truy lại lần nào. Chẳng lẽ tôi lại chỉ có đúng, hay là không biết chừng trên đã có sổ cái, đã dò đã chữa hộ tôi. Ký miên man nhất vào các kỳ tem phiếu, phóng hàng nghìn chữ nguệch ngoạc, đến bây giờ chữ ký tôi chưa run nét có lẽ cũng nhờ những năm, những dịp luyện tay kịch liệt này.

Lại họp cán bộ cơ sở, cả sáu tổ trưởng tổ phó, một đẹp việc:

- Triệt để không còn chó thả rông, chó không tiêm phòng dại.

- Thông qua đăng ký đợt 1 tiểu thương (cua ốc, ngô luộc, chè tươi), tiếp tục lên danh sách các tổ.

Liên hoan tiễn 2 chiến sĩ tân binh, lên khu lĩnh 2 gói chè Hương Sơn, 5đ mua kẹo bánh.

Việc đột xuất: mức nước cuối thình lình lên báo động số 2, một tổ xung kích dân phòng đi thường trực.

Dương cặm cụi sổ sách thì có người hỏi. Chẳng ra giờ giấc gì cả. Đi cơ quan thì họp, bè bạn thì ở quầy bia bọt chiều chiều, khách trưa khách tối người khu phố, đêm đọc sách và đi ngủ lẫn lộn, không biết có ngày chủ nhật.

Vào cửa, một chị với hai đứa bé trạc năm, sáu tuổi. Ba mẹ con gày gùa, trong ánh đèn mà cũng nhìn được nước da sạm, bởi những con mắt trong leo lẻo khác thường. Dáng chị quen quen, chắc hay gặp đi họp phố.

- Thưa bác, mẹ con cháu đến xin bác...

- Việc gì thế?

- Có cái tem phiếu...

- Tem phiếu phát theo năm mới dương lịch mà.

- Cháu chỉ xin trước bác một tờ.

- Sao lại một tờ?

- Thưa bác, nông nỗi nhà cháu...

Nghe chị kể, chị làm y tá cơ quan. Vừa rồi, đi khám, bị chớm bệnh lao. Hai tháng nay nghỉ chữa bệnh, vẫn được lương. Hai con trai đứa lớn mới lớp bốn. Chồng cũng y tá, nhưng đi tiêm tư. Anh ta bỏ nhà biền biệt cả năm, không biết đi đâu.

- Năm ngoái, cháu đã xin được, bác cho.

- Anh ấy nhận phiếu ở cơ quan nào?

- Không, nó ăn vào hộ khẩu ở nhà. Cháu phải bán phiếu của nó lấy vài đồng...

- Ngộ Tết anh ấy về thì sao?

- Mẹ con cháu cấm cửa nó rồi.

- Mà sao lại bán tem phiếu của nhà nước. Bán ở đâu?

- Úi già, bác không biết chợ tem phiếu đông hơn chợ Đuổi dưới Vân Hồ. Cán bộ lĩnh tem phiếu rồi đem bán ngay, nhiều lắm.

- Rồi cả năm xoay xở làm sao?

- Chỉ xin trước bác tờ phiếu của nó thôi, còn phiếu cả năm của mẹ con cháu thì khi nào túng mới phải bán.

- Chị nói, tôi thông cảm hoàn cảnh. Hôm nào có thì tôi cầm đến cho.

Thật ra tôi đã có phiếu, nhưng tôi không dám đưa xé lẻ. Chị ta đã nói bịa "năm ngoái bác

cho", như thật.

Trưa hôm sau, tôi tạt vào nhà chị ấy. Mới nhận ra tôi đã biết ngõ này có một bác đạp xích lô quê Thái Bình lên Hà Nội từ năm 14 tuổi, năm nay trên năm mươi mà chưa về lại quê lần nào. Bác làm nghề xe từ thời kéo xe bánh sắt chỉ được vào đến đầu ô Khâm Thiên. Thuê xe lùn của cai Mơ, cai Mơ người nhăn nhó như thằng bả gà, mà giàu nứt đố đổ vách. Bây giờ, bác có cái xe xích lô của nhà, về thì xích vào sau cột vách. Xăm lốp nhà mậu bán cung cấp. Mua chui xích Pháp, mới toanh chưa bóc giấy bóng. Đi họp nói toang toang cứ như bác ấy thì trên đời chỉ có đạp xe xích lô là sướng nhất, vì "không có ai đè nén" được.

Qua cái mái tôn nhà bác xích lô yêu đời, đến nhà chị ấy. Cái mái vảy ghếch vào lưng tường nhà bên cạnh, nước mưa ẩm rườn rượt mặt tường nổi rêu tối như cái hang. Ba mẹ con ở nhà, ngồi trước cái lò đun bằng giấy vụn, lá xà cừ.

Mẹ con nhà này trông ban ngày mới khiếp sao. Những đứa trẻ mặt ơ hờ như ngái ngủ, người mẹ ngồi rúm ró, đầu gối trắng nhợt lồi ra như hai củ đậu. Đêm trước mới chỉ nhìn thấy những con mắt ho lao của người mẹ, con mắt trong veo bây giờ sáng rợn lên.

Chị ấy run run đứng dậy, nói:

- Bác đem phiếu cho các cháu.

- Chưa có đâu. Nhân tiện đi qua, tôi vào thăm ba mẹ con. Đun nồi gì đấy?

Người mẹ lặng yên như không nghe tiếng. Thằng bé lớn nhanh nhảu mở nắp cái xoong. Nồi rau muống đã sôi, mấy hạt cơm nhào lên nhào xuống trên mặt rau. Gọi là nồi cháo rau hay là nồi rau cháo cũng thế.

- Cơm trộn rau à?

Cái cười héo trên mặt người mẹ.

- Nhà cháu quanh năm cháo rau thế này, cũng quen rồi.

Chị lại kể về cái chợ tem phiếu ở trên đê. Không phải chỉ có tem phiếu đem bán, mà người ta mua tem gạo, bán lại ngay đấy cho người khác. Đổi chác cò con thế mà cũng có cai đầu dài, có buôn đi bán lại. Nhưng công an dẹp dữ, đương vơ vẩn vỉa hè, thoáng thấy bóng áo vàng đã biến sạch. Tôi chưa biết mặt mũi những cái chợ nhỡ độ đường này.

Tôi đưa chị ấy năm chục bạc.

- Cháu cám ơn bác, cháu không dám lấy.

- Tôi cho vay thôi. Bao giờ có tem phiếu bán thì trả, tôi không lấy lãi đâu. Chị cứ cầm.

Tôi đã ra tận vỉa hè, ngoảnh lại còn thấy những con mắt nhìn theo, trắng nhả như mắt người da đen ở tranh dân gian nước Kênia châu Phi.

Dương đi với một anh thấp bé, đội mũ tai bèo đã đứt một bên dây quai. Cái quần lính vá hai miếng đầu gối, nham nhở vết dầu, tay anh ấy cầm chiếc vành xe đạp. Chưa hỏi, đã biết anh nghề chữa xe.

- Giới thiệu anh: đồng chí Mẫn thương

binh. Anh Thắng cán bộ tiểu khu bảo khối ta nhận đồng chí Mẫn về làm phó ban bảo vệ.

Dương thêm một câu nịnh “anh Thắng cán bộ tiểu khu”, mặc dầu không có Thắng ở đây và Dương đã quên mọi khi Dương vẫn khoe không cần phó chỉ một tay Dương làm hết, xong hết. Mà Dương nói:

- Công tác nhiều, tôi mong có người đỡ. May quá.

Tôi và Mẫn chỉ chuyện một thoáng đã ra đầu đuôi.

- Anh Mẫn thương binh mặt trận nào?

- Khu Năm.

- Bao nhiêu lâu?

- Ở trong ấy hơn ba năm.

- Thế thì đã đánh nhiều trận lắm.

- Cũng phiêu lưu sơ sơ vài trận thôi. Ở ngoài này đi bộ ba tháng vào đến nơi được bổ sung cho tỉnh Phú Yên. Đi các xã huấn luyện, xây dựng dân quân. Hôm ấy đi vác gạo đến bờ sông Ba thì lộ. Trực thăng quần, định móc lên bắt sống cả bọn. Tôi nhảy xuống khe suối va vào đá, chết ngất. Tỉnh dậy, thấy nằm ở trạm quân y tiền phương. Gẫy xương đùi, mảnh đạn bây giờ còn nằm trong vai, tay này không giơ lên được. Anh trông tôi bước lê lê.

- Thế mà ra được tận ngoài này.

- Đâu chẳng đi được. Ra Bắc an dưỡng, nằm mấy tháng ở nhà dân trên Vĩnh Yên rồi tôi xin ra quân.

- Anh đi nghĩa vụ ở phố hay ở cơ quan?

- Nhà máy xe đạp.

- Sao không trở lại nhà máy?

- Chúng nó bảo tôi mới ở tổ hợp tác vào nhà máy, khi đi bộ đội chưa vào biên chế thì bây giờ nhà máy không phải nhận.

- Lạ nhỉ?

- Cần gì! Tôi lại ra vỉa hè chữa xe đạp. Công an đuổi, bực quá. Tôi thấy không ai dám đuổi công an, tôi vào bốt xin làm công an. Các ông ấy cho tôi xuống đây.

- Đây là ban bảo vệ thôi, không có lương.

- Ban gì cũng cần. Cốt ngồi đầu đường chữa xe đạp không đứa nào dám đuổi là được rồi.

Tôi đùa vu vơ:

- Yên chí lớn!

Mẫn đi nửa buổi trở về với một cái xe đạp không có yên, không có xích - xe chỉ để dắt. Khung xe buộc hai cái vỏ phuy xăng, trong lỉnh kỉnh kìm, búa, lắc lê, lọ nhựa, mảnh sắt để vá chín, bó nan hoa. Đầu chiếc bơm xe đính cái hoa ni lông đỏ. Chất lên trên tất cả, một thùng gô có khóa, trong đựng, mọi thứ gia tài và quần áo. Mọi đồ chữa xe dở ra ngổn ngang vỉa hè. Các nhà trong phố đã biết anh phó ban bảo vệ mới, tối anh ngủ nhờ vỉa hè nhà có mái hiên.

Ngay tối hôm ấy, tôi với Mẫn lên đê sông Hồng. Báo động số mấy không biết... nước đã vào lưng đê. Mùa kiệt mà nước lên, quái thật. Lối xuống bãi đã lấp, những chiếc xe lội nước của bộ đội đứng trấn đầu đê. Các tổ xung kích khối phố lên cắt canh từng quãng, đề phòng kẻ

gian phá đê.

Hầu như ở mỗi gốc cây bên cột đèn điện buộc một con bò, những con bò người dưới bãi nuôi để kéo xe đã chạy nước lên đây. Bò đứng nhai thong thả một đống cỏ tươi. Một người đạp xe tới, hạ xuống cái thùng phuy, đổ ra một chậu đầy bia, vừa mua ở quầy. Con bò đứng uống bia, nó oàm oạp một hơi cả chậu, xem ra con bò khoái bia như người.

Tối hôm sau, tôi lại đi với tổ dân phòng lên đê. Báo động vừa được báo tin khẩn. Bởi không có báo động số 4, đến số 4 thì nước tràn đê vào phố rồi. Những ngấn đo nước 12m6, mà mặt bằng đê thành phố 13m50.

Mấp mé lắm, còn 90 phân nữa thì nước ngang mặt đê. Trông vào phố, vẫn êm ả như không. Những chiếc xe lội nước của bộ đội đứng im như cái gò đất. Con bò buộc gốc cây thong thả nhai cỏ, lại có ông bò với cái chậu bia, tiếng uống, tiếng thở oàm oạp. Hè phố bên, tôi mới nhận ra những dãy lều bạt của người dưới bãi chạy lên. Một đám cắt tiết những con ngỗng. Đằng kia đương mấy chỗ cạo lông lợn. Gà qué và lợn đem dưới bãi lên, phải chạy nước dài ngày, không nuôi nữa.

Trên trời, máy bay lên thẳng lấp ló ánh đèn bay tuần nước cả đêm.

Cuộc họp cuối năm sớm nhất để xin cứu tế cho người thiếu đói, kịp phát trước Tết. Kinh nghiệm lập danh sách cứ ghi cả chục người, trên cho ngữ từ hai đến bốn, nài thì được thêm

một. Con số như thế, chọn ra bình bầu, cân nhắc, đã thống nhất thì viết tên và lý do túng đói rồi gửi lên. Kể ra người thiếu thốn khó khăn thì nhiều cả nút không biết hết. Bề ngoài, cũng chỉ thấy được bề ngoài, bởi vì ở phường phố đèn nhà ai nhà ấy rạng, lại là những nhà tứ chiếng ghép lại, khác ở trong làng xóm đã bao nhiêu đời thuộc nhau, cho nên cứ lên danh sách rộng ra rồi bàn, rồi trên cho thì vừa.

Có cô Đàng và Thắng tiểu khu cũng về họp, họp xong cán bộ Thắng đến nhà tôi, xuống bếp, có mấy con dao phay, dao rựa, anh cầm đi tất. Vài hôm sau đem trả, lưỡi con dao nào cũng sắc như nước. Tôi đùa: "Cứ thấy ông đến thu dao thì biết là sắp Tết. Ngày trước anh làm quân giới, phải không?". Tôi hỏi tôn lên thôi, chứ tôi đoán anh làm ở lò sát sinh vì để ý thấy dao phay, dao bàu mổ lợn được mài sắc hơn. Anh cười hì hì, không trả lời. Anh tên là Thắng, gọi là Thắng tiểu khu để khỏi lẫn với cụ Thắng điếc. Cô công an khối phố chưa bằng tuổi Đan Hà con gái lớn của chúng tôi Cô Đàng người Quảng Trị, bố cô hoạt động bên kia giới tuyến, vợ con được gửi sang Vĩnh Linh. Mẹ và các em còn bé, ra làm ruộng ở Nghệ An. Cô được học trường trung cấp công an, học xong ra Hà Nội tập sự. Phố tôi ít phức tạp, cô được về đây. Đến năm thống nhất, cô lấy chồng đồng hương, cùng ngành lại cùng quê, vợ chồng chuyển vào Tây Nguyên, nghe nói rồi công tác ở Đắk Lắk.

Trong số người phái cứu tế tôi đề nghị có

Dương ban bảo vệ. Kể ra đưa tên người làm việc vào thì dễ bị nói mình lại chia phần cho mình, nhưng cả Đại cũng không phản đối, lại vun vào: "Công tác khối phố, cơm nhà vác tủ và hàng tổng, ông Dương thì cơm nhà cũng còn khó khăn, phải có cái cứu tế như cái thưởng cuối năm ấy mà". Cán bộ Thắng và cô Đàng không nói gì.

Năm nay, tôi thêm Mẫn. Mẫn từ chối ngay: "Chữa xe đạp cũng có ăn rồi. Khi nào đói thì tôi đem thẻ thương binh lên bộ Quốc Phòng, đừng lo cho tôi".

Chỉ một cụ Thắng năm nào cũng giơ tay: "Tôi có ý kiến. Tôi không đồng ý cứu tế anh Dương. Anh ấy đã làm ban bảo vệ, thế là cán bộ rồi". Cụ Thắng điếc ngồi họp câu được câu chăng, tùy cái máy nghe, nhưng cụ lại hay nói. Có lẽ cụ Thắng ngỡ Dương cũng đi làm cơ quan có lương. Mọi người đều bằng lòng đề nghị Dương, không ai để ý cụ Thắng phản đối. "Bàn với cụ điếc thì đến mai cũng không xong. Cho qua". Khi thấy xung quanh đứng lên, ý kiến mình vẫn treo lơ lửng hay giải quyết rồi không biết, cụ Thắng cũng chống gậy đứng lên.

Cụ Thắng về hưu, ở cơ quan nào tôi không hỏi. Thiệt thòi cái tai điếc đặc chứ cụ Thắng tích cực lắm.

Đương bàn mở lớp Bình dân Học vụ, cụ Thắng đã yêu cầu định ngày chiến dịch đánh chuột để cụ lên lịch đi lĩnh thuốc bả. Mọi việc cụ lo, cụ đều nóng nảy, sốt sắng. Tuy chưa

khuya, nhưng cũng chẳng ai muốn nói đến chuyện chuột bọ vội, cụ Thắng cũng cất máy nghe vào túi xách, bước ra theo tôi.

Về nhà tôi, cụ Thắng lấy máy nghe đeo lên tai rồi hỏi tôi:

- Anh có biết anh Lệnh không, Trương Văn Lệnh.

Tôi ghé miệng, hét vào tai cụ Thắng:

- Tôi biết, tôi biết.

- Anh ấy mà còn sống thì tôi khác bây giờ rồi. Tôi vào Đồng Chí hội với Trương Văn Lệnh, tôi là đảng viên trước khi đảng ra đời. Thế mà bây giờ tay không.

Tôi chẳng đi vào uẩn khúc. Ở tuổi cụ, việc quen Trương Văn Lệnh có thể có. Không dưng, ai biết tên rõ ràng như thế được. Nhưng lan man từ ngày xưa trở về bây giờ, thế thì... Việc khu phố chỉ có tối mắt lại làm, làm mà thôi.

Có một người dân phòng vào gọi:

- Ông ơi! Có tiếng trẻ con khóc ngoài hồ. Đứa nào vứt trẻ con xuống hồ.

Mùa đông, chưa quá chín giờ, đã im ắng như khuya. Cụ Thắng thấy tôi đứng dậy, cụ lặng lẳng về. Tôi chạy ra cùng mấy người nữa. Cái tin ghê gớm quá, mà đứa vào gọi đã đi biến - nó sợ lôi thôi, hay nó đùa ác, hay lả nó trông gà hóa cuốc. Trên bờ đã lố nhố người. Mặt hồ mênh mang, sương buông mù mịt, tôi cũng chợt nghe một tiếng e é như tiếng kêu chẹt chân, chẹt tay, rồi im. Làm sao lội ra được, trời rét thế này. Ai ra mượn thuyền đằng nhà thuyền. Một người

chạy.

Giữa lúc ấy, tiếng Dương nói to:

- Kia kìa, trăng trắng kia kìa.

Thoáng gần ánh điện, bóng trăng trắng trên mặt nước thật. Dương đã lấy đâu được cái câu liêm. Dương men xuống bờ hồ cạn nước, gạt đưa được cái trăng trắng ấy vào, nó là cái nón trôi ngửa. Hai tay Dương bưng chiếc nón lên. Dưới chân cột đèn, nhìn rõ trong nón một cái thai cuộn mớ rẻ bê bết máu. Vừa còn khóc, chắc là tiếng kêu cuối cùng. Cái xác đã lạnh như hòn cuội. Nhiều người xúm lại. Người nào đã nhanh tay gài mấy nén hương lên chân cột đèn. Mùi hương ngai ngái, đã ra mùi hương đám ma.

Dương bảo Mẫn:

- Tôi cời được cái nón lên, thế là xong nhiệm vụ phần tôi. Bây giờ tôi đi báo công an tiểu khu.

Mẫn khẩn khoản:

- Tôi xéo vào xác thằng Mỹ, thế mà tôi hãi thây trẻ con. Anh Dương làm nốt, tôi đi báo công an.

Chẳng đợi Dương trả lời, Mẫn đi luôn. Dương chép miệng:

- Việc gì phải lôi thôi, cái thằng Mẫn bê quay thì làm chó gì. Cho tôi mượn xe đạp, tôi đem luôn cái này đi lên khu báo cáo rồi bỏ xuống nhà xác Bạch Mai. Sáng mai anh hỏi tiền bồi dưỡng công tác cho tôi.

Dương nói dễ như bỡn và rồi làm ngay. Chỉ bực Dương hay ganh tỵ, chỉnh người khác giữa

chỗ đông. Ừ, cái thai cũng như con chuột chết, như cục máu. Anh An dân phòng về dắt hộ cái xe đạp của tôi ra cho Dương mượn, tay cầm thêm một bó hương đã cháy nghi ngút. Dương gói cả cái nón vào miếng ni lông rách, ai đã đem ra cho. Dương buộc cái gói, nịt vào dây cao su, với cả nắm hương đương cháy, nhảy lên đạp đi.

Người đã về cả, bờ hồ lại vắng lặng. Mặt nước sẫm như bóng tối, đôi chỗ ánh điện lung lay. Đã gần nửa đêm. Cái nón trên gói cục máu hon hỏn. Cái nón còn mới, nón của nó đội. Không biết đứa con gái ấy con cái nhà ai, phố nào.

Tự dưng tôi nhớ bài thơ Cái thai hoang của Trần Huyền Trân và những chuyện buồn.

Tôi ít tuổi hơn Trân, nhưng một lứa hoạt động văn hóa cứu quốc ở Hà Nội thời kỳ chuẩn bị Tổng Khởi Nghĩa rồi được kết nạp vào Đảng ở những cơ quan khác nhau, cùng quãng những năm 1945, 1946.

Cách mạng thành công, Trần Huyền Trân được phân công về sở kiểm duyệt làm kiểm duyệt về sân khấu - Nguyễn Công Hoan thì báo chí, Như Phong văn thơ.

Chỗ làm và công việc vẫn giữ như tổ chức thời Tây, thời Nhật. Đến kháng chiến, Trân công tác về sân khấu, lên Việt Bắc phụ trách một đội kịch lưu động của Nha thông tin. Đội kịch đi diễn những đâu mấy tháng, khi trở về, Trân bị chi đảng ở Nha khai trừ đảng viên vì đã mất ba kỳ sinh hoạt. Trân giận dỗi, bỏ về với cơ

quan văn nghệ bấy giờ đương ở Yên Dã huyện Đại Từ trên Thái Nguyên. Trong công tác sân khấu, Trân không ăn ý với Nguyễn Huy Tưởng, thường trực cơ quan.

Trân lại bỏ đi, lênh đênh đâu mất mấy năm. Tôi chỉ nghe tin Trân yếu phổi, bị ốm rồi về ở trong núi chỗ Đa Năng. Suối Đa Năng ngang giữa chặng đường Tuyên Quang sang Thái. Bên Tuyên xuôi Bình Ca đến bến Chương - để tránh máy bay, rồi vào cánh rừng Đa Năng. ở đấy có lối xuống Thiện Kế chân núi Tam Đảo, có đường rẽ vào châu Tự Do an toàn khu của Trung Ương, thẳng thì qua Đèo Khế sang huyện Đại Từ đi Thái. Đa Năng, chặng dừng chân của lái buôn Tuyên - Thái, của cán bộ đi công tác, của những đoàn quân chủ lực lên Tây Bắc. Chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952, tôi theo Trung đoàn Thủ Đô xuất quân từ Kép Le ngoại ô thị xã Thái Nguyên qua Đèo Khế sang Đa Năng ra bến Bình Ca đi Yên Bái ngược sông Thao vào đèo Khau Vác xuống tấn công tiêu diệt tiểu khu Nghĩa Lộ.

Trần Huyền Trân ở phía trong Đa Năng, túp nhà tựa vách núi đá. Chỗ ấy cách dòng suối to hay ngọn sông Phó Đáy - cảnh xinh xinh như non bộ. Trân có cái tài làm cho chỗ ở thế nào ở đâu cũng gọn, cũng ưa mắt. Nhà tranh vách tre trúc, vườn cải, rau muống cạn ra bến đá. Sau này, Trân về ở Nam Đồng cũng vẫn cái nết đẹp ấy. Giữa phố phường huyên náo mà tựa như làng xóm, cửa sổ nhìn ra vườn, sau giậu trúc lưa thưa đưa lại mùi hoa sen, lá sen ở đầm nước xa

xa. Những chậu cảnh, cây cảnh, cái ống bút, hòn đá chặn giấy trên bàn trông đều hay hay. Kim Lân cũng một tính đáng quí ấy. Mấy chục năm nay ở gian nhà như trong hang mà tề chỉnh lồng chim, cây cảnh đâu ra đấy. Kim Lân đùa triết lý: “Không chơi với người, nhát người thì vui thú con chim cây cảnh vậy”.

Ngày ngày Trân ngồi câu bên suối, chỗ ấy tốt cá lắm. Năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, sắp trở về, Lành giao cho tôi đi tìm một số văn nghệ sĩ không ở hẳn cơ quan nào, cùng về tiếp quản Hà Nội.

Tôi đã đến “thảo lư” ở Đa Năng của Trần Huyền Trân. Tâm sự ông Lã Vọng với cái cần câu thời thế. Nhưng chẳng thắc mắc gì, Trân đi ngay.

Trân đậm nghệ thuật chèo nhất. Có phải những nghĩ ngợi và tâm trạng mấy năm náu mình đã đưa Trân đến mê chèo. Về thành phố, Trân lo nghệ thuật của đoàn chèo Cổ Phong. Và cho đến cuối đời, dẫu có khi tham gia quản lý văn hóa văn nghệ thành phố miếng nghề của Trân vẫn là chèo..

Tôi có vở kịch nói Giáng Kiều - loại kịch tôi viết để đọc. Trân bảo để Trân chuyển thể sang chèo. Tôi đã xem chèo Thạch Sanh của Trân. Khi Trân dựng Giáng Kiều, đến đoạn kết, tôi không biết nói thế nào, dẫu không được như ý mà cũng không muốn nói. Tú Uyên đã lấy được Giáng Kiều, Trân thể hiện thực thà như đếm. Giáng Kiều khuyên can, nhưng Tú Uyên không

bỏ được rượu. Giáng Kiều thất vọng, Giáng Kiều lên tiên rồi lại thương, lại trở về đoàn tụ.

Kịch tôi viết kết thúc khác. Tú Uyên được Giáng Kiều, nhưng Tú Uyên không hiểu được Giáng Kiều chính là lý tưởng của mình. Thế là Giáng Kiều bỏ đi. Có lý tưởng nhưng tâm hồn ta thấp hèn thì lý tưởng cũng bay mất.

Ở rạp Đại Nam, băng quảng cáo Tú Uyên - Giáng Kiều, tôi bảo Trân đừng đề tên tôi cùng tác giả - Trân đã đề quảng cáo. Vì ngay cách Trân đưa tên Tú Uyên sóng đôi với Giáng Kiều đã làm xa thêm Giáng Kiều của tôi rồi. Bên hàng rượu bà quán 73 cạnh rạp Đại Nam, Hoàng Trung Thông đương gật gù rượu suông với tôi Thông nói như vừa nghe sang rạp: “Chúng ông uống đây mà rạp hát bên kia tường chúng nó đương chửi những thằng uống rượu. Hay! Hay!”. Thông không xem và không biết trong kịch những bợm rượu của tôi chỉ là cái cớ. Tôi bảo Thông: Không, người ta không chửi đứa uống rượu. Thông hỏi: Thế chửi đứa nào? Tôi nâng chén lảng chuyện khác. Bởi không phải Thông hỏi thế rồi sang ngay rạp xem sân khấu chửi ai. Còn Trân thì lận đận và thôi hăng hái đã lâu rồi.

Trân viết theo góp ý và có khi Trân không nghe ra. Hay nghe ra mà mỏi tay, không để tâm viết lại. Vả chăng, xưa kia, dẫu Trần Huyền Trân đã viết nhiều câu thơ rất hay về rượu với Tản Đà, nhưng Trân cũng không phải những hũ rượu như Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Đinh

Hùng.

Năm 1957, thành lập hội Sân khấu Việt Nam. Trân vào thường vụ được cử phụ trách tuần báo Sân Khấu, ra được vài số. Phải khi xảy ra Nhân Văn, Trân chẳng bận bịu đến, nhưng đòn hội chợ đương được đà, Trân cũng tai bay vạ gió. Tờ Sân Khấu không tên không tuổi bị chết bất đắc kỳ tử. Trân cứ mờ dần, ngụp dần, khô héo đi, chỉ còn áo quần tuy giản dị, nhưng bao giờ cũng trang nhã.

Trân đã gõ nhiều cửa xin phục hồi đảng tịch. Xung quanh khối người lầm lỗi bề bề, mà lấp liếm, dối trá, khéo ăn khéo nói họ đã được trở lại. Tôi cũng đã xác nhận giúp Trân nhiều lần. Mãi chẳng được, đến độ Trân không muốn nhớ, muốn nhờ nữa. Chỉ có cái lỗi hai ba kỳ không sinh hoạt chi bộ, mà việc xảy ra đã ba bốn năm rồi và từ ngày ấy vẫn công tác, vẫn hoạt động mà không được trở lại Đảng. Người rầu rĩ, càng âm thầm mãi đi.

Nhưng dù cố quên, thì số phận cứ đeo đuổi, cứ hành hạ. Trong nghệ thuật, anh chỉ buộc tội to nhất đến nhân vật bị ma men ám ảnh, thì trong đời, sấm sét đã khủng bố cả thân phận, cả hình hài anh.

Anh chị đông con, có một con gái học khá, được ra nước ngoài học cao học. Cháu đã yêu một thanh niên nước ấy. Một năm nghỉ hè, nó về Hà Nội, có ý ướm hỏi gia đình, nhưng xem ra bố mẹ không đậm.

Hồi ấy dan díu với người nước ngoài còn là

cái xấu, cái lo lắm. Chúng nó cạn nghĩ thế nào mà khi trở lại bên Hung, con bé đã quyên sinh vào ngày sinh nhật, ngày cha mẹ đẻ ra nó. Thằng kia cũng đem cái chết của mình để tạ lòng người yêu, chết luôn. Cái lọ đựng tro đứa con gái được gửi về, anh chôn dưới chân giường ở Nam Đồng. Một hôm, nhà cháy. Chẳng biết có bới được lọ tro khốn nạn ấy không. Chỉ có mẹ Trân, bà lão thọ cả trăm tuổi ngồi tính từng ngày, đợi cháu, hỏi bao giờ cháu về.

Trân lâm bệnh hiểm nghèo rồi mất. Những tháng ngày cuối cùng của anh, tôi không dám vào thăm. Nhìn trong hố mắt đen sạm nước mắt rỉ ra tôi không thể nhìn, tôi không nỡ giày vò tâm tư anh khổ cực đến thế. Bệnh hoại thư đã lấy của anh mất hai bàn chân, rồi đầu gối, rồi dỡ đến cả xương đùi, anh chỉ ngồi lên được giữa cái săm ô tô.

Lê Quang Đạo đến nhà viếng Trân. Bí thư ban cán sự đảng thành phố thời bí mật trong bóng tối đã từng qua lại cái lều vó bè cưa mẹ Trân ở Cống Trắng. Trong mái tranh, Trân đã cất những tờ báo Cứu Quốc, báo Cờ Giải Phóng. Nhớ cái tình của người đồng chí thuở ấy, nhưng mấy ai thấu được cuộc đời Trân trầm luân đến thế.

Tôi thơ thẩn bên hồ đến mãi khuya. Những trang đời cũ mờ mờ trên mặt hồ sương, hay là mưa, trong mưa còn cái bóng trăng trắng trôi bài thơ Cái thai hoang.

Hôm sau, cô Đàng đến hỏi: “Tối hôm qua có

đứa trẻ con bị vứt xuống hồ, hả bác?”. Cô Đàng trên tiểu khu xuống hỏi, thế là Dương không đi đến nơi rồi. Dương vứt cái xác vào đâu. Tôi bảo cô Đàng:

- Đồng chí Dương đã lên trình khu. Cái thai chết ngoài hồ từ lâu.

Cô công an mở sổ ghi sự việc. Một chốc, Dương đem trả xe đạp, khuyết mất ba cái nan hoa. Tôi hỏi:

- Đêm qua trình công an chưa?

- Tôi trình ngay rồi. Anh nhận tiền bồi dưỡng cho tôi không có thì anh cho mấy chữ, tôi lên lấy.

Mẫn lắp cho tôi nan hoa mới. Mẫn bảo:

- Cái thằng tù sổng chỉnh tôi là bê quay sợ xác chết, là thẻ thương binh giả, còn nó...

Đứa nào đã hớt lẻo với Mẫn rồi. Tôi nói:

- Đâu có!

- Nó nói chỗ gốc cây, anh đứng đấy. Thằng tù sổng, tôi sẽ truy giấy tờ bắt nó đi tù thật mới được.

Mẫn đã chữa xong. Mẫn nhảy lên, đạp đi thử một vòng rồi cúi xuống bơm dầu vào xích.

- Tôi sợ cả chuột chết. Cũng khỉ thật. Hôm lên đê chôn chuột chết bả, tôi nhường cho thằng Dương đi đào hố. Anh tưởng tôi làm thế để giúp cho một mình thằng Dương được nhận mấy xuất bồi dưỡng. Không, tôi ghê chuột chết. Cái thằng tù sổng, tôi phải làm cho ra nhẽ, nó không yên được với tôi.

- Thôi, đoàn kết làm việc.

- Tôi không đoàn kết với thằng phản động.

- Được rồi.

Ở cơ sở, tất tật mọi việc lại dội xuống, thuế nhà đất tiêm phòng dịch, dẹp hàng rong, bộ mặt xã hội và cuộc sống thu nhỏ trong tổ dân phố. Tôi hay nói "được rồi", "yên trí", "để đấy", nói nhiều quen miệng. Mai rồi mai lại việc khác đè lên. Không quên, mà gác lại. Chẳng làm thì rồi cũng tới, cũng xong, không dở dang, cứ đưa đẩy, chống chế. Công việc cao su đã thành thói quen và cứ thế, cứ thế, ngày tháng qua.

Làm đảng ủy, lại công tác thường trực. Hà Nội mời giúp, tôi giữ một chân ở Hội Văn Nghệ với cơ cấu ban ngành của thành phố, tôi phó chủ tịch Mặt Trận phụ trách văn xã (đến tận bây giờ 1997) và tôi ủy viên hội đồng nhân dân. Các công việc cứ đi thành luồng chẳng bận vướng nhau. Cuối năm, đoàn kiểm tra văn xã của Mặt Trận, ban Nếp Sống Mới đi xem xét tình hình lễ bái, mê tín. Tôi làm mọi việc, có ý nghĩ như tôi đọc sách.

Sang giêng, mở lớp học chữ quốc ngữ. Không bỡ ngỡ, tôi đã mấy năm chăn các lớp truyền bá ở quê.

Chỉ khác thời Tây thì làm dấm dúi, bây giờ thành phố cấp không cho học viên giấy bút, biết chữ rồi mở thêm lớp chống tái mù. Cụ Thắng là giáo viên, là trưởng ban, là cổ động viên đi gọi học từng nhà. Bàn ghế và tiền điện, lớp ngay ở trụ sở, không phải đi quyên đồng nào. Mẫn bảo tôi bắt Dương học lớp tái mù. Dương chỉ biết

vạch một chữ ký, không biết đọc, đích xác thế.

Mẫn nói Dương là ban bảo vệ, Dương phải học. Dương lắc đầu:

- Tôi không xấu hổ đâu, dốt thì tôi đi học. Nhưng bận quá, việc tư việc công vắt lên cổ, học không nhớ nữa. Thôi thì có bằng nào chữ thì phục vụ bằng nấy.

Người đến học ngồi kín chỗ, lại còn người ngấp nghé đứng ngoài. Hai lớp mới đủ, lại thêm lớp ở trụ sở dân phòng, đèn điện bắc ra cả vỉa hè. Tôi lên lĩnh bút giấy về phát cho học sinh, buổi đầu tiên cũng là khai giảng.

Cả mấy chục người hai lớp mở cùng một lúc. Mỗi người nhận tập giấy, cái bút quản gỗ có ngòi, lọ mực xanh Cửu Long, như trẻ con đi học. Các bà các chị, người ở nhà, người chạy chợ, ông phó may, ông thợ cúp, người khuân vác ngoài ga... Rồi đến hôm bế mạc mà còn chục người đã là kết quả. Lớp truyền bá ngày trước cũng thế, không thể giữ đầu voi, nhưng được cái đuôi chuột đã quí. Tôi đã nghĩ trước thế, sao cũng lắm người mù chữ nhỉ?

Tôi phát biểu khai mạc. Nhìn mặt nhiều vị mọi khi đi họp thế mà hóa ra không biết chữ. Chỉ được cái bẻm mép tán gẫu. Người ta nhận xét tôi kỹ lưỡng đến tức cười. "Lúc ông ấy nói, ông ấy có cái gân nói nối với gân chân, cứ đương nói lại nhấc một bên gót".

"Các bà để ý mà xem". Bà xe gạo nói oang oang thế lúc đợi khai giảng. Tôi cũng để ý tật tôi. Quả là khi nói, chốc chốc tôi lại nhấc một

bên gót chân. Tôi đương đứng nói. Bỗng "choang" một tiếng, vỡ cái bóng điện tối om. Nhớp nháp trên trán, tôi sờ thấy ươn ướt, nhưng ngửi không tanh, không phải chảy máu.

Chánh phó bảo vệ chạy sục vào trong ngõ. Có người lấy ngay cái bóng đèn ra cho mượn. Mẫn về nói:

- Một thằng vọt ra phố ngoài.

Dương hoảng hốt: "Quân phản động phá hoại... Anh có làm sao không?". Tôi cúi nhặt được nửa quả mõ ném vào mặt tôi. Quả mõ đã chín nát nhoe nhoét, trơ cái hạt cứng. Trán tôi sưng bằng quả ổi. May. Nếu nhích xuống một tý nữa thì trúng vào mắt. Về nhà, vợ hỏi, tôi bảo: "Điện tắt, đi vấp trán vào tường".

Ai ném, đứa lưu manh ngứa tay hay đứa phá lớp, để nó khỏi phải đi học, nó uất ức thù hằn tôi hay người nào, đoán già đoán non cũng không ra được căn do. Tôi chỉ lạ quanh đây không có cây mõ, phải lên tận bờ hồ Hoàn Kiếm, cạnh chỗ mấy cây lộc vừng mới có mỗi một cây mõ cổ thụ, mà chắc cũng ít người biết đấy là cây mõ, cây rừng.

Những lớp học bình dân mở ra vẫn kĩu kịt mỗi năm một kỳ thi tốt nghiệp. Quả là về sau vắng nhiều, nhưng cũng đến dạo báo động có máy bay Mỹ ngày nào cũng vào trinh sát thành phố, các nhà hát, rạp xiếc bị cấm tụ tập, các lớp mới nghỉ học.

CHƯƠNG 13



ầu năm ấy, chiến dịch lao động đào sông Tô Lịch. Lao động công ích, mỗi năm một công dân thành phố góp bảy ngày bằng sức hoặc bằng tiền. Đào sông cũng như đắp công viên Thống Nhất, được trừ điểm lao động công ích lại được trả công đào. Không đi, thuê người khác đi hộ. Lấp mạch sủi đê sông Cái, đào hố chứa rác, vét bùn, đều được tính cả. Ấy thế nhưng phải tổng vệ sinh trước lễ Quốc Khánh đã. Sáng chủ nhật, sáu tổ lấy sáu người đem chổi và cái hót rác lên trường Trưng Vương tiễn đồng bào chạy nước về lại dưới bãi - thông tri viết thế, nhưng cung cách chỉ dẫn các thứ vậy thì hiểu nghĩa là lên quét dọn làm vệ sinh cho nhà trường các chỗ đồng bào đã tạm trú cả tháng qua.

Rồi tôi lên khu nghe về sông Tô Lịch và công việc đào sông. Sông Tô Lịch chảy qua làng tôi. Bút danh tôi có chữ Tô cũng bắt đầu từ dòng sông này - nhưng ấy chỉ là dòng sông mơ mộng trong sử sách và trong câu chuyện của người già mà thôi. Sông Tô Lịch đã bị lấp cửa từ bao đời. Khúc sông còn lại chui ngay dưới lòng phố đã thành cống nước thải ra đến đầu làng Thụy thì nổi lên chảy qua các vạc nấu dó làng Hồ, làng

Đông, làng Yên Thái. Những đầm nước để ngâm dó, đãi bìa, vào mùa hạ, trẻ con các làng ra câu cá, chỉ có sáng kiến của tôi là nói nhạt nhẽo không hung hăng như ông cán bộ nọ. Cái con sông Tô Lịch trong tưởng tượng đẹp ấy đến bây giờ hơn bốn mươi năm sau vẫn chưa ai trông thấy nó cũng những chuyện trên trời, như sự tích con Trâu Vàng mà sông Tô Lịch là vết thừng, là cái đuôi Trâu Vàng, là chuyện của cán bộ bốc phét.

Người đi đào sông thành tiểu đội, tập trung ở ngã tư giữa phố. Tôi ra nói động viên mấy câu rồi xuất phát. Mọi người lên xe đạp, buộc cái mai, cái sọt - công trường cũng phát dụng cụ, nhưng của mình làm thuận tay hơn. Việc được giao khoán cho mỗi tiểu đội. Tát nước, hót bùn, chặt cây, đào đất đánh đống xong ra trả thẻ, người công trường đến ngắm nghía kiểm tra, rồi về lẻ tẻ, không phải đợi cả lũ như lúc đi.

Ở mỗi ghi đông xe treo cái cặp lồng nhôm. Bấy giờ chẳng cứ buổi lao động, mà đến sở làm, đi bộ hay xe đạp, người người đều cặp kè cái cặp lồng ăn trưa. Tương tự, trong chiếc hộp nhôm dưới để cơm, lẻ bo bo như xôi nếp cái hay bột mì xào hành mỡ. Ngăn trên, miếng cà, vài ngọn rau muống xào, dúm tép kho, gói muối rang. Đến trưa, mở cơm ra ăn rồi ngả lưng đâu đấy.

Tôi chưa tường mặt cái công trường sông Tô Lịch. Tôi chỉ đưa người đến một lần. Không ai bảo trưởng ban được miễn, nhưng tôi cũng không nghĩ tôi phải đi ít nhất tôi cũng khác

người. Tôi đi tuần, tôi muốn đi, chứ tôi bảo "Bận làm nốt báo cáo" thì tôi ở nhà cũng chẳng ai trên tôi nhắc tôi. Vả chăng, tôi vai thờ, đến chỗ gồng gánh khiêng vác, tôi biết xoay xở thế nào. Lần sau cùng tôi đi với tổ đến nửa đường tôi về. Tôi lại trông thấy Tiến thứ trưởng bộ ngoại giao, quần áo nâu, mũ lá, cái mai buộc dọc khung xe đạp, nhưng không thấy cái cặp lồng. Tôi khó chịu. Rồi nghĩ: Ông này trước bán thuốc lào ở phủ Từ, đã quen quảy, thì lại thấy là thường. Ông không nhìn thấy tôi, mà tôi cũng không muốn trông thấy ông ấy có cái mai buộc xe đạp.

Lại đến việc cưới cũng nhộn nhịp. Hồi ấy, cưới xin nhiều cái cũng hay. Ở ngoài "hậu phương" đưa vào thành phố mốt cưới tiệc trà vỗ tay "Vui duyên mới không quên nhiệm vụ".

Những đám cưới giản dị khiến tôi nhớ lại ngày chúng tôi lấy nhau, còn "mới" hơn cả các đám cưới kháng chiến. Năm 1947, sau chiến dịch Thu Đông tôi ở chợ Rã trên Bắc Cạn về nơi gia đình tản cư ở Phú Thọ. Chẳng cưới, không đăng ký kết hôn, chẳng có gì nhớ mà nhớ suốt đời. Đã ra năm mươi năm qua, tình nghĩa đối với nhau, không có gì để soi, để thử bởi không soi thử được, như là tự nhiên và đã là tự nhiên thì mãi mãi.

Ở Hà Nội, nếp sống mới thêm cái thiếp báo tin họ hàng và bạn bè. Có nhà hôm sau sửa vài mâm, thiệp đính kèm miếng giấy nhỏ mời dự "bữa cơm thân mật". Đám cưới tất cả các con

trai con gái tôi rồi cũng vậy. Có thế thôi.

Ở phòng cưới nhà hàng Phú Gia chiều thứ bảy nào cũng liền mấy đám cưới phải đặt trước mới xếp được chỗ.

Cưới tiệc trà chỉ lắm trẻ con. Bàn ghế kê liền khít, khách hai họ chẳng ai biết ai. Tôi họp tình hình trị an trên khu nghe báo cáo, phòng cưới nhà Phú Gia bên Bờ Hồ đông người qua lại. Công an để ý một người mặc đại cán đóng khuy cổ cẩn thận đứng ngoài cửa, khi đông người vào, người ấy cũng bước vào, đám tiệc trà trước và đám sau liền như thế. Công an giữ lại, nhốt cho nhịn đói một đêm một ngày rồi thả. Tối thứ bảy, cũng như đi chơi vào cắn mấy hạt bí, lấy mấy cái kẹo, "Tôi không phải là trộm cắp", anh ta khai thế.

Nhưng hôm lên nhận đăng ký trên khu thì long trọng và ý nghĩa. Hội trường lớn, hai họ và bè bạn, cả ban đại biểu phố chúng tôi. Người nhà mời trầu nước, thuốc lá. Vị phó chủ tịch khu đứng lên nhắc nhở và mừng hạnh phúc cô dâu chú rể rồi đưa giấy đăng ký kết hôn, bắt tay chặt chẽ và chụp ảnh chung.

Năm cách mạng thành công, tôi đã đi dự đám cưới Trần Huyền Trân - Hạc Đính tổ chức trên phòng đăng ký kết hôn của ủy ban Giải Phóng cũng trang nghiêm như thế.

Một thanh niên đợi tôi ở cửa.

- Bác xác nhận hộ khẩu cho cháu.

- Việc gì thế?

- Cháu đi xin giấy đăng ký kết hôn.

- À nhớ rồi, cậu này. Hôm nào lễ nhận đăng ký trên tiểu khu nhớ báo sớm tôi mới thu xếp đi dự được. Hôm nào?

- Trên khu thôi không tổ chức lễ đăng ký nữa ạ. Bảo tại đông quá, sắp hàng cũng hết chỗ, tổ chức không xuể. Chúng cháu chỉ lên nộp đơn, trên ấy hẹn ngày lên lấy.

Thế là lại như cũ. Lại đến ủy ban ngồi ghế băng đợi gọi như đi làm khai sinh, đi đóng thuế thổ trạch, hay nhận biên lai chó đã tiêm phòng dại... Chẳng ra thể thống gì.

Nhưng việc cưới, ăn ở với nhau, đăng ký hay cưới, có hay không, ngổn ngang trăm nỗi không bận đến khu, đến thành phố mà ở đường phố thì lúc nào cũng rối bời bời.

Có đơn của cô Dung kiện người ta bỏ thuốc độc vào bát nước cơm của con cô ấy. Mới như hôm nào, Dung ở cữ thằng bé, thế mà đã được hơn một năm.

Bé kháu khỉnh như con chó con, lẫy cứng. Hàng phố bảo mặt thằng bé lau láu hệt mặt anh Bá - Bá ở cùng số nhà với Dung. Dung bỏ chồng, lấy nhau không cưới, không đăng ký, bỏ nhau cứ như không. Có lần người chồng lảng vảng về, mẹ con cô vác gậy, cầm dao đuổi đánh kêu: Cướp, làng nước ơi, cướp! Thằng kia chạy bán chết. Ấy thế nhưng thỉnh thoảng vẫn lại mò về, sáng sớm đi, có người nhìn thấy. Dung chạy chợ, gặp món buôn đi bán lại. Thằng cu mới đẻ, Dung cũng chẳng đi khai sinh. Chặp tối Dung ẵm bé đứng vỉa hè, cười nói nhởn nhơ với

người qua lại.

Mấy hôm ấy vợ Bá ở quê ra. Mỗi vụ khi nông nhàn rảnh rỗi chị ra, có khi bốn mẹ con đi cùng. Nghề đời, tiếng đồn có gió bay, không bỗng chốc mà tốn kém cả ngày đường từ Ninh Bình ra, ở làng chị đã nghe tiếng thế nào rồi. Nhưng mà chị ấy hiền lành chít khăn vuông mỏ quạ, chúng tôi vào nhà thấy đương ngồi, đầu rũ xuống bên tường, như con gà dây. Bá đứng cạnh cửa điếu thuốc lá phập phèo, trông ra đường. Nhà này có ba hộ, người lớn trẻ con chui rúc một cái buồng, mỗi hộ mỗi góc.

Dương yêu cầu mọi người phát biểu. Cô Dung cô đơn được nói trước. Đương tự dưng, Dung nức nở vừa khóc vừa kể lể:

- Tôi đi chợ, bát nước cơm chắt để cho cháu ở chạn bát đầu hè, đậy cái rổ cẩn thận. Đến trưa về, thấy bát nước đục vẩn, vón từng cục. Tôi không dám cho cháu ăn. Nó hại mẹ con tôi, nó bỏ thuốc độc giết cháu ối giời ơi...

Dung bưng mặt khóc hu hu. Gian buồng đông ních người, thêm người ngoài cửa thò cổ vào. Ba hộ ba góc trong nhà ngoài hiên, nằm trải chiếu xuống gạch, nhà rỗng tuếch như cái nhà trọ ngoài bến xe. Chẳng biết thổi nấu, ăn uống, ngủ nghê ra sao. Người hàng rong, người chạy chợ đi vắng tối ngày. Cả chục người chui vào chui ra, thằng Bá có nằm lẫn với cái Dung nửa đêm gà gáy lúc nào chẳng được.

Bát nước cơm bảo vệ Dương đã bưng vào đặt giữa chiếu. Trông lờ lờ màu bột nước cơm

loãng, biết sao.

Dương dõng dạc cất giọng:

- Số nhà này có mấy hộ, tôi đã báo tối nay phải có mặt đầy đủ. Đủ chưa, thiếu ai không. Người ngoài cửa không được ngồi lẫn vào đây. Việc này nghiêm trọng, phạm đến an toàn, trật tự xã hội. Chị kia ở đâu đến, đến từ bao giờ, đã khai báo tạm trú chưa?

Vợ Bá ở quê ra, cả mấy nhà quanh đây đã biết mặt nhiều năm nay, có lần chị còn đi chào hỏi láng giềng, mà Dương cứ dửng dưng hỏi thế.

Bá đáp:

- Dạ, chưa ạ.

- Thế thì không được. Ra khai báo tạm trú ở mấy ngày ngay bây giờ, không thì sáng mai tôi đuổi.

Tôi nảy ra sáng kiến: Cho gà mổ thử bát nước cơm thì biết có độc hay không.

Dương nói vun vào:

- Sáng kiến ông trưởng ban hay đấy.

Tôi lại hỏi:

- Nhà này có nuôi gà không?

- Không ạ.

- Các nhà quanh đây có gà không? Cho thử, gà chết thì được đền. Nhà nào có gà?

- Không ạ.

Ở ngoài cửa có người nói: “Gà chết thì được nhận cái giấy biên lai. Chả chơi!”. Mọi khi, tôi vẫn nghe bốn phía tiếng gà gáy ran nửa đêm như ở trong làng.

Gà nhốt chuồng, hầu như nhà nào cũng nuôi. Nhưng cách trả lời ấy là không ai muốn cho mượn. Cái mẹo gà uống thử nước cơm của tôi đâm ra vu vơ, vớ vẩn.

Ngoài cửa lại thì thào, rồi tiếng cười...

Dương lại nói như quan tòa:

- Cho gà uống nước cơm cũng chưa chắc. Có thuốc bả thì gà chết, nhưng có con chết ngay, có con khặc khừ vài hôm. Không được. Bát nước cơm này mai sẽ đem lên trên bộ Y tế xét nghiệm. Nhưng trong hộ từ hôm qua chỉ có chị này là người lạ, lại ở nhà cả ngày, chị là đối tượng bị tình nghi. Từ nay cho đến hôm nào trên cho biết kết quả xét nghiệm, cấm không được đến đây, chị phải về quê đợi tòa án gọi. Chị mà thò mặt đến, đề nghị đồng chí Đàng công an cho bắt ngay. Tôi kết luận thế, anh trưởng ban có phát biểu, cô Đàng có ý kiến không?

Mẫn đã bỏ đi từ lúc nãy. Tôi và cô công an để im chẳng biết nói thêm thế nào. Thế là chính quyền đồng ý rồi. Hôm nay Dương hoạt bát hách dịch điều khiển, ở các cuộc họp khác Dương thường nhẹ nhàng... đề nghị anh cho... đề nghị đồng chí... Vợ Bá lại gục mặt xuống nữa, hức hức nảy cái cổ. Cuộc họp xử kiện chỉ một mình cái Dung nói và Dương phán xét.

Ra về, tôi hỏi Dương:

- Con Dung thuê anh mấy đồng đuổi vợ thằng Bá?

Dương đứng sững:

- Ôi trời, trưởng ban phát biểu thế thì chết

mẹ em. Không đâu, không...

- Có thì từ giờ chừa đi, không thì thôi. Trắng trợn quá.

- Thằng Đại, thằng Mẫn đã ton hót nói xấu em, em biết rồi.

Có hôm gặp Dung đi chợ, tôi nói:

- Cô Dung đuổi người ta khéo nhỉ?

Dung không chối giãy nảy như Dương, Dung cười tít mắt, ỡm ờ hỏi lại:

- Bác phê bình em đấy a?

Vừa xong vụ hòa giải, đến một đám cưới buồn. Tôi nhận một cái phong bì đề giấy mời, nhưng lại dán kín, nét chữ Nguyễn Sáng. Hôm nào chúng tôi cũng đi uống bia, mà lại viết thư? Nguyễn Sáng đương ký họa tôi một tranh sơn dầu. Tôi không phải ngồi, Sáng nhớ dáng mà vẽ. Sáng đã mang đến nhà tôi treo. Tôi mặc áo sơ mi trắng, một tay chống lên má, trên một nền hoa cúc vàng. Sáng bảo: “Bà Cúc bà ấy gác đằng sau ông đấy”. Nhưng mấy hôm sau, Sáng thấy tôi mặc áo nhung đen kẻ, cổ ni lông nâu giả lông cừu, Sáng nói: “Những màu này hay hơn”. Sáng xách cái tranh đi làm lại.

Hay là thư hẹn giả tranh, hẹn đánh chén mừng tranh. Không phải. Thư Nguyễn Sáng mời vợ chồng tôi chủ nhật này dự đám cưới Nguyễn Sáng lấy Thủy. Việc vui lớn này, một tối Nguyễn Sáng theo tôi đi tuần rồi vào uống bia ở ga Hàng Cỏ đã nói, lại một lần quán Gió trong công viên, Sáng nói lại, nhưng cũng chưa hẹn hôm nào. Và tôi cũng ừ hữ biết vậy.

Đã lâu, họa sĩ Sáng thôi ăn kem bùa mê hàng Tiến Đạt. Nguyễn Sáng theo đuổi Thủy, một cô ngồi mẫu trường Mỹ Thuật. Thủy trắng trẻo, nhỏ nhắn, buồn bã gầy úa như giò hoa huệ héo. Đến nhà Sáng, những khi Sáng vắng thấy Thủy nhặt rau, bắc lò thổi cơm. Tôi nhắn hỏi Sáng xem cưới xin thế nào, nếu nhố nhăng thì tôi không đi. Sáng bảo: Cưới đời sống mới, khẩu hiệu là thanh lịch, tiết kiệm, lịch sự. Chương trình và thực đơn sẽ: Uống nước chè, cắn hạt bí, không kẹo bánh, không vỗ tay. Khách không mang đồ mừng. Không có hai họ, chỉ có cô dâu chú rể ra chào khách. Chỉ mời - Sáng đếm ngón tay, độ tám hay mười bạn, nếu đến đủ. Không tính dăm đứa cánh trẻ phù rể, phù dâu. Được không?

Tối hôm ấy cùng với vợ chồng tôi, có hai bác Nguyễn Tuân và Sỹ Ngọc, Mai Văn Hiến, hình như thế, tôi không nhớ thêm có ai nữa. Tôi ngượng nghịu và buồn buồn thế nào, không muốn trông tỏ mặt mọi người ngồi đấy. Phòng họp của Hội Văn Nghệ, đèn nê-ông sáng trắng, chiếc bình hoa lay ơn tím giữa cái bàn dài và mọi thứ hạt bí, ấm nhôm nước chè, cũng chị phục vụ mọi khi, như buổi họp thường ngày, đúng như Sáng đã báo trước. Chú rể Sáng đầu vẫn đội mũ cát két vàng ố kẻ ca rô thường ngày che cái trán hói, nhưng bộ đồ trôpican xanh nhạt còn mới, là thẳng nếp và đi giày da đen. Chú rể ra tận thềm đón khách. Không nghe tiếng cắn hạt bí ti tách, cũng không ai to nhỏ

trò chuyện. Chuyện gì ở cái đám cưới vừa như buồn cười lại như thương thương này.

Nguyễn Sáng trịnh trọng đứng dậy.

- Tôi thay mặt vợ tôi, xin cám ơn các bạn có lòng yêu đã tới dự lễ thành hôn của chúng tôi. Đến giờ rồi, các bạn ngồi chơi tôi xin phép đi đón dâu.

Rồi Sáng với mấy thanh niên, cũng giầy và quần áo mới - chắc mấy cậu sinh viên Mỹ Thuật, cả bọn ồn ào ôm những bó hoa xuống bậc thềm trước cửa. Không biết ra ngoài đường họ lên ô tô hay đi xe đạp. Chúng tôi ngồi chờ phút trọng đại của đôi vợ chồng mới.

Nhà Thủy ở phía sau phố Lò Đúc, nhà đông anh em, bố cô hình như đạp xích lô hay xe ba gác. Tôi đã uống rượu nem rán với bố Thủy ở cái gác con con nhà Sáng. Ông ấy kém tôi hai tuổi, chưa chắc đã hơn tuổi Sáng. Thế nhưng Sáng lễ phép, khúm núm xưng "con" nhẹ nhàng. Lần sau Sáng gọi tôi đến ăn bún chả, nhắn là Thủy làm và khách chỉ có "Ông cụ" và tôi.

Tôi không đến nữa.

Có đến ngoài chín giờ mới thấy chú rể về. Cái mũ lưỡi trai lệch vẹo một bên, vẫn bộ quần áo đẹp. Sáng ôm một bó hoa rực rỡ, mặt đỏ rừ. Chắc lại mới nạp thêm rượu. Các bạn trẻ phù rể xúm hai bên, không ra khoác vai, không ra xốc nách. Họ vẫn cười cợt, vui nhộn. Mọi người vào hết rồi mà chưa thấy cô dâu.

Nguyễn Sáng lại chắp tay, cất tiếng lễ phép

như lúc đi:

- Kính thưa hai họ, đúng đến giờ đón dâu, Thủy bị mệt. Thủy nhờ tôi xin lỗi các bạn, vợ chồng tôi xin lỗi các bạn đã đến mừng chúng tôi. Bây giờ thì mời hai họ giải tán.

Hôm sau, Mai Văn Hiến kể tôi mới biết. Sáng đã sửa soạn đám cưới thân mật như thế. Buổi chiều, Thủy đi chợ Hôm, bị ngất ở chỗ hàng bán hoa. Thủy vốn bệnh tim. Xe cấp cứu đến chở Thủy vào nhà thương Phủ Doãn. Sáng đã biết cả những trắc trở ấy, nhưng im lặng, sợ nói ra ở chỗ vui mừng thì bị sái. Lúc Sáng bảo là đi đón dâu, nhưng Sáng và các bạn trẻ đã đi uống ở đâu rồi quay về.

Hồi này, làm mạnh công tác chống mê tín. Tôi cũng vừa đi chống mê tín hụt về. Công tác văn xã của Mặt Trận thành phố, chúng tôi chọn đi đền Ghềnh.

Tôi chẳng soạn kế hoạch thế nào, chỉ nghĩ nhẹ nhàng đến xem ra sao rồi về rút kinh nghiệm, điều cốt yếu trên dặn là phải từ việc cụ thể phân biệt ra cái mê tín dị đoan, cái tín ngưỡng. Đền Ghềnh bên kia sông, có tiếng xưa nay. Thuở trẻ, năm nào hội đền Ghềnh tôi cũng đi. Nhưng chỉ còn nhớ quà hội đền có bánh đa, đa vừng, đa đường, bánh đa gối và người trong làng ra bán những xâu khế cơm không ngọt không chua. Bao nhiêu năm rồi, bây giờ, ngoài cửa đền vẫn bán bánh đa và những xâu khế cơm - nhưng bánh đa bột sắn và con mắt, cái miệng tôi làm sao mà còn thấy được các thứ ấy ngon

ngọt như ngày trước nữa.

Đền đông người lễ, nhà đền có tiệc. Chúng tôi đi như những người đi lễ, không giới thiệu trước, không ai biết đoàn công tác. Cho nên bị chèo kéo ngay vào chính điện, không kịp xuống nhà hậu xem có nhảy đồng không. Có lẽ nhà đền có vẻ nghi ngờ dạng cán bộ, công an, đã chặn khéo: "Nhà đền chúng tôi cúng thánh, không theo việc đường âm". Con công đệ tử đến tuần về lễ, ăn cỗ chay. Có đến cả chục mâm bày ba gian giữa. Dưới nhà hậu còn nghe tiếng hát, tiếng người nói, chắc dưới ấy cũng đương đánh chén. Chỉ không biết cỗ chay hay cỗ mặn. Ngay bấy giờ tôi không nghĩ có thể có người đã báo cho nhà đền biết trước đoàn kiểm tra đến.

Chúng tôi được mời ăn cỗ. Chúng tôi không phải đặt tiền thật vào mấy lá vàng lá đem để vào án thư.

Cỗ chay có rượu, lúc đầu vò rượu để khuất sau cột. Tôi cười, bảo một cụ đi lấy rượu: "Ta cứ tự nhiên, rượu cũng là cỗ chay không phải là sát sinh". Được khách thành phố buông cương, ông bưng luôn ra cả mấy vò. Đến lúc về tôi còn ngây ngất cả hai chân, thế là thất bại, chẳng thu hoạch được cái mê tín, cái tín ngưỡng khác nhau thế nào.

Trên trời thì mênh mang nghe báo cáo được, nhưng việc ở sát sườn trong phố thì không thể lơ mơ để yên.

Dương nói:

- Người ta bảo nhà mụ Na hay xách túi ra

chợ, túi có mấy nải chuối xanh, bó hương. Mụ đứng trong cửa, mắt trước mắt sau rồi mới bước ra, tôi nghi mụ đi đồng bóng...

- Theo dõi kỹ xem sao.

Mấy hôm sau, Dương lại nói:

- Nhà mụ buôn chuối, buôn hương.

Tôi nói:

- Chắc là nó đi bán đồ cúng. Ở bên đền Ghềnh người ta đem cúng nhiều chuối xanh, cứ ngày ngày nhà đền lại quảy gánh chuối với từng túi hương thẻ sang chợ Đồng Xuân.

- Á à! Thế là nhà này mê tín dị đoan rồi.

Tôi nói:

- Phải cẩn thận không có phạm vào tự do tín ngưỡng.

Cúng lễ là tín ngưỡng, ngồi đồng, xem bói, xóc thẻ mới là mê tín. Cái này cho đặc công Mẫn lặn vào tận nơi xem đích xác ra sao.

Một buổi tối, Mẫn hí hửng nói:

- Đền thờ ở trên gác, lạ lắm. Chuông mõ rồi hát ê a, người ngồi đảo đầu như rượu say. Nhà dưới đóng cửa cài chặt, nhưng ngoài đường cũng nghe được tiếng chuông mõ chập cheng. Thế mà không ai đi báo.

- Ai dại mà đi báo để nó chửi cho ủng mả! Mụ Na đanh đá có tiếng.

Tôi nói như ra lệnh:

- Chúng ta phải giải tán cái mê tín dị đoan này, không để nó lây lan.

Tối rằm, tổ công tác đại biểu và bảo vệ đến nhà mụ Na. Một ông đứng tuổi, dáng bệ vệ công

chức cũ.

Nhưng ông không sẵn cái cười xã giao tứ thời, mà ông lé mắt nhìn trộm. Bộ ria huê kỳ lốm đốm, hồi trẻ chắc du côn du kề, bây giờ trông còn cáo lắm. Ông chắp hai tay như ra sân khấu:

- Chào chư vị.

- Chúng tôi kiểm tra sổ vãng lai.

Ông lấy trong ngăn kéo ra quyển sổ bọc giấy bóng cẩn thận, đặt lên mặt bàn. Trong khi cô Đàng mở, chăm chú xem từng tờ các mục tạm trú, tạm vắng. Tôi hỏi:

- Nghe có tiếng mõ trên gác?

Ông ta cười hề hề:

- Các vị khéo vờ. Có bắt bỏ Hỏa Lò bọn ngồi đồng ngồi kềnh thì xin cứ việc lên.

Rồi ông làm điệu giơ hai tay, xin mời. Lại lẩm bẩm, không biết rủa ai "Con giời đánh, cho mày chết bỏ mẹ mày!".

Chúng tôi xộc lên gác. Cái gác lửng cạnh sân thượng, trong phòng mù mịt khói hương.

Góc trong, người cung văn già, áo đại cán, chòm râu lưa thưa, quần vải nhuộm cậy, cây đàn với người nghiêng ngả ê a bên một bà, tôi đã nhận ra mụ Na béo phục phịch. Mụ Na kéo trên đầu xuống một vuông nhiễu điều, miệng nhai trầu, mặt đỏ như uống rượu. Xung quanh, mấy bà nạ dòng đương rì rầm khấn vái.

Thấy người lố nhố, tất cả im bặt.

Trên bàn thờ, khói hương trắng mờ. Mấy nải chuối xanh chồng lên nhau giữa mâm ngũ

quả. Hai bên chân án thư dán hai con thanh xà bạch xà bằng giấy viền trang kim vàng chóe miệng há ngậm hòn ngọc giấy điệp nhấp nhánh. Cái đuôi con rắn ngoắt lên.

Mấy người quay ra, ơ mặt nhìn cô công an. Cô Đàng đội mũ lưỡi trai, áo ka ki vàng cứng nếp, nom oai vệ nhất. Tưởng cô ấy sắp lấy còng số 8 ra xích cả lại.

Mụ chủ nhà bỏ hẳn vuông nhiễu trên đầu xuống, trông rõ không phải vuông lụa vuông nhiễu, mà là hai ba cái khăn quàng đỏ của trẻ đi học khâu ríu lại.

Tôi hỏi:

- Bà là bà Na?

- Thưa vâng.

- Thế này là tụ tập trái phép làm mê tín dị đoan.

- Nhà cháu cúng người ốm.

Lúc ấy cái ông có bộ ria lởm chởm ở nhà dưới đã lên:

- Chúng nó đồng bóng nhảm nhí phạm luật nhà nước, các ông các bà cứ bắt đi cho tôi.

Bà Na bỗng cong cớn trỏ vào mặt lão:

- Bắt đứa nào! Bắt đứa nào! Bắt thằng tổ tôm, xóc đĩa, bắt thằng phản động việt gian đi tù về kia kìa.

Trong lúc hai vợ chồng to tiếng xỉ vả nhau, mấy bà hầu bóng đã lủi đằng nào. Ông cung văn già cũng biến mất, để lại cái nguyệt dựng trong tường. Cô công an Đàng mà mọi người đều hãi, vẫn đương tò mò ngây nhìn cái bàn thờ sặc sỡ,

trang kim óng ánh, có hai con rắn...

Tôi nói:

- Tôi nhân danh chính quyền cấm gia đình từ nay không được phạm vào đồng bóng dị đoan. Chúng tôi tịch thu các đồ mê tín. Yêu cầu các đồng chí bảo vệ làm việc.

Cái mõ gỗ, cái cảnh, cải tìu, những bát hương cúng vọng, cúng hậu trên bàn thờ thì đổ hoa giấy và cát ra, Dương bỏ cả vào cái túi vải đã đem theo. Dương với tay lôi chiếc đàn nguyệt. Tôi nói. “Cái này là nghệ thuật, không tịch thu”, Dương để đàn vào chỗ cũ. Hai con mãng xà trơ ra hai bên chân bàn chưa ai đụng tới. Dương vơ vét mọi thứ, cả mấy nải chuối, nhưng có vẻ ngại con rắn giấy.

Tôi bảo cô Đàng:

- Cô bóc nốt cái mê tín này đi!

Cô Đàng như mới hết ngơ ngác, cô bước đến lột hai con rắn cuộn lại, kẹp vào quyển sổ.

Nhà dưới chỉ còn ông bà chủ nhà. Vẫn như mất hồn, như còn sợ, như hầm hầm giận dữ.

Tôi nói an ủi:

- Chúng tôi chỉ tịch thu đồ mê tín.

Bà Na nhăn nhó:

- Các ông bắt nạt nhân dân. Chúng tôi không phải quân mê tín!

Cánh cửa vừa đóng lại, tiếng đàn ông quát: “Con giời đánh! Con chết chém! Chúng tôi... chúng tôi... Ông bận gì đến cái mê tín của chúng mày”.

Rồi huỵch huỵch, chát chát, không biết ai

đánh ai, tiếng đấm đạp, tiếng phá tủ.

Tôi nói:

- Vào can người ta đánh nhau!

Mẫn bảo:

- Thằng chồng thế là tiến bộ, cho nó đánh con vợ mê tín dị đoan mấy cái.

Lệnh vào can của tôi không có hiệu quả, mà tiếng đấm đạp, tiếng kêu cũng im.

Tôi bảo cô Đàng:

- Cô cầm mấy thứ này lên khu báo cáo.

Dương nói:

- Cô cho tôi con rắn về làm mồi nhóm bếp.

Rồi chẳng đem thứ gì lên khu cả. Mấy cái bình hương mỗi người lấy một cái, đựng muối, làm phạng muối dưa, tôi lấy một cái để trên bàn làm ống bút. Đại xin chiếc mõ, chiếc cảnh đem về quê để gõ đuổi gà vào vườn bới.

Đến đợt kiểm tra vệ sinh chuẩn bị toàn thành phun thuốc muỗi. Phát hiện ra ba nhà nuôi lợn trên gác, một nhà nuôi chó, bốn nhà hố xí phè cứt ra ngoài.

Tôi đi cùng các tổ trưởng và cô Nghệ phụ trách vệ sinh, rồi hội ý.

Tôi nói:

- Không được nuôi lợn trên gác. Bà tổ trưởng phải vận động người ta bán lợn, không có đến hôm phun thuốc trên khu về thấy thì không ra thế nào.

- Vâng, em sẽ vận động.

Bà ấy “vâng” rất nhẹ nhõm. Bà vâng để đấy, nếu tôi không đến xem lại, hỏi lại thì bà cũng

chẳng nhòm đến con lợn người ta nuôi trên gác đâu. Cứ ừ, cứ vâng văng mạng, tôi đã dần dần quen như thế.

Tổ y tế xem đã phun thuốc được chưa. Thấy có thể phun được. Đã hỏi cẩn thận, không có nhà nào không chịu cho phun như năm ngoái. Chỉ một buổi sáng thì phun xong. Tất cả các tổ trưởng, tổ phó, vệ sinh viên và hội viên chữ thập đỏ đeo băng đi hai ba người một kiểm tra khắp các phố. Một chiếc xe tải đã đưa các phuy thuốc tới. Sinh viên trường Kinh tế Quốc dân làm công tác xã hội, các cô các cậu cõng bình thuốc, tay cầm vòi, miệng đeo khẩu trang, vệ sinh viên hướng dẫn vào từng nhà, phun khắp từ hố xí đằng sau lên trước cửa, từ các phòng trên gác xuống nhà dưới. Mọi nhà đã được báo trước, nhưng cũng không phải đã dễ dàng. Nhà cẩn thận, chỗ này cho phun chỗ kia không.

Có người sợ mùi thuốc, đóng kín cửa, ra ngồi ngoài hồ. Cũng có nhà khóa trái, không ai ở nhà. Người ta không muốn cho phun thuốc, nhưng hôm nọ hỏi cũng cứ ừ.

Cả phố rộn rịch như đi mít tinh. Có người không phải ở ban vệ sinh cũng sốt sắng khuân thùng thuốc, chỉ dẫn nhà phun, chỗ phun. Buổi trưa, cả xe tải ra máy rửa tay chân rồi vào ăn liên hoan mỗi người một bát miến gà.

Vẫn cuối năm, nhiều việc dồn lại. Trật tự trị an lên hàng đầu chẳng khác dịp Quốc Khánh và các ngày lễ ngày Tết, đến Tết cả thì dân phòng tuần từ giữa tháng chạp sang tháng

giêng.

Ở trụ sở dân phòng, bắc cái đèn, kê ra chiếc bàn với hai ghế băng, trên tường treo bảng mới kẻ chữ: Trụ sở dân phòng thường trực tuần tra. Bắt đầu cắt lượt hai tiếng một tua, từ tám giờ tối. Hai người, bốn người hết tua về trụ sở đưa băng đỏ và chiếc đèn pin cho kíp sau tới sáng.

Tuần tra đêm đêm, những góc phố êm ả. Ban ngày chỉ có hàng rong mua đồng nát, sách báo cũ, gánh củ khoai lang, lọ kẹo, ô mai, đôi khi hàng bánh tôm trước cửa trường học, phố này không có chợ xanh, chợ cóc.

Có khi, nửa đêm nghe tiếng kêu thét lên rồi im lặng. Không biết trộm hay người mất của. Bên cạnh, lô nhô những ngõ ngang, thoắt một cái đã lẩn sang phố khác. Có mỗi một lần bắt được trộm, năm ấy, tôi vừa dọn nhà lên được mấy tháng. Tiếng chân chạy rậm rịch.

Lố nhố người dẫn ra một người bị tóm trói ngoặt tay, tóc xõa, máu chảy bê bết, không trông thấy mặt. Thằng trộm không thuộc đường đã chạy húc đầu vào tường cuối ngõ cụt.

Đi tuần khuya tôi hay đến rủ Nguyễn Sáng ra quán Gió hay cửa ga hàng Cỏ, làm vại bia thiu. Bia đêm không phải sắp hàng, mà những ông mua bia cánh tay đeo băng, chẳng biết ông bẻ ghi, ông trưởng toa, trưởng tàu, ông “cờ đỏ”, nhiều người đeo băng đỏ quá, và đều là người phải nể, nếu sắp hàng cũng được vẫy lên ưu tiên. Nguyễn Sáng nói: “Bận sau cho tớ mượn cái băng đỏ. Uống bia được mời, khoái quá”.

Lại chuyện bất ngờ về trị an. Đằng sau những nhà lẫn lộn phố ga với vùng bờ hồ, có cửa sau dãy hàng ngoài Hàng Lọng. Quán nhà mậu, cơm bát bán xuất.

Người đủ loại, các tỉnh, người công tác, người đi buôn, không đoán đếm xuể được, cả đứa lang thang, gái điếm.

Cũng như chẳng phải địa phận cũng đánh dẹp cho chúng khỏi tràn lan. Cốt có công an, nhưng việc này cô Đàng lại không làm nổi. Vào xét nhà lão Vinh quét vôi, có người báo lão giặt xi líp thuê cho gái điếm. Cô Đàng đứng lại:

- Cháu không vào đâu. Phạt người đái đường, chỗ bến xe lúc nào cũng cả chục đứa uống bia rồi đứng lên đái, thấy cháu chúng nó quay ra đái vung vãi, cháu hãi lắm.

Tôi thông cảm những khó khăn của cô gái hai mươi mốt tuổi quê miền đồng khô cát trắng trồng ớt trong Quảng Bình. Trong nhà lão Vinh, Dương tịch thu đem ra cả túi những cái xì líp, xú chiêng sặc sỡ. Dương ra kể cho cô Đàng viết báo cáo, rồi cô ấy ký.

Cô công an hộ khẩu này còn một tật nữa. Cô sợ chuột. Đến kỳ diệt chuột, thế nào cũng vắng mặt cô Đàng và Mẫn bảo vệ. Cô Đàng thì chẳng lạ, nhưng Mẫn sợ chuột thì thật quái lạ.

Ấy đêm qua, phổ biến kế hoạch diệt chuột. Năm ngoái đánh bả được ngót một nghìn con, toàn chuột cống. Được giấy khen của hội chữ thập đỏ. Chỉ phải một khuyết điểm là để người vứt chuột chết bừa bãi, lần này phải củng cố

khâu nhặt chuột, chôn chuột. Buổi trưa, trên khu mang một bọc thuốc chuột xuống.

Cô Nghệ nấu một nồi cơm to, để nguội đổ ra ni lông rồi trộn thuốc đem phát. Cả phố đặt mồi cùng một đêm, rồi ba hôm liền, tổ hội viên chữ thập đỏ đi từng nhà nhặt xác chuột. Cuối ngày, xe đạp thồ những sọt chuột chết vôi bột rắc cả trong cả ngoài. Trên bờ sông, một dẫy những huyệt chôn chuột đã được đào sẵn cho các phố đem lên. Năm nay không đánh được cả nghìn con như năm trước. Không vứt bừa bãi hay chuột đã chết thối, đem bỏ vào xe rác, hay đã báo cáo thổi phồng.

Không hiểu tại sao. Có lẽ đã đánh bả mấy năm liền, những con chuột thoát chết bảo nhau thế nào, không đụng đến cơm bả. Năm nay, cơm bả nhà trộn lấy, hôm công bố kế hoạch dặn phải phi hành mỡ lẫn vào cho mồi có mùi thơm. Mà số chuột chết cũng kém hẳn. Con chuột ở thành phố cũng ngày một khôn hơn.

Buổi sáng trông đồng hồ tôi thường có một ám ảnh buồn cười. Chợt nghĩ sắp có người đến, sắp có người đến, nhiều khi y như rằng. Nhưng cái ám ảnh có người đến hôm nay lại vào buổi trưa. Một người đàn ông mặc áo pydama, ung dung đi với Dương.

Anh này xúng xính quần áo ngủ pơpơlin lá mạ viền tím. Tôi nhớ năm trước người cửa hàng trưởng cao lâu Bôđêga phố Tràng Tiền. Ông ta cũng mặc pydama xanh. Chặp tối, Phạm Văn Khoa với Nguyễn Tuân và tôi vào nhà hàng.

Cửa hàng trưởng ngồi ghế ngoài hiên, đứng dậy chào. Nhưng Nguyễn Tuân đã quay ra ngay. Sang bên kia Bờ Hồ, Nguyễn Tuân nói: "Mặc quần áo ngủ đón vào ăn, bẩn quá, không nuốt được". Lên quán cà phê Nhân, uống một cái phin rồi về. Ông Nguyễn bỏ luôn bữa ăn tối ấy ở nhà. Bây giờ mới lại trông thấy một người mặc pydama đi công việc ngoài phố giữa trưa. Chắc là ông cửa hiệu Bôđêga báo cáo thành tích thi đua cải tiến đã tiết kiệm thời chiến, mặc quần áo pydama đi ngủ, ngồi bàn giấy, ra cửa chào khách, chỉ phải một bộ. Có thể nào, bộ quần áo mới được nhiều người trong ngành ăn uống, hàng quán bắt chước nhanh thế. Ông này cũng gầy gò, khắc khổ, ngăm ngăm đen.

Nghe giọng nói đường trong, biết ông cùng quê với ông cửa hàng Bôđêga. Ông ấy nói:

- Chào anh trưởng ban, tôi có việc đề nghị anh. Tôi phụ trách nhà trọ cửa hàng ăn uống Ga. Tôi luôn luôn giữ trật tự trị an nhưng có một bọn càn quấy, cứ mười hai giờ trưa đến thuê phòng ngủ. Chả là giờ nghỉ thì các đồng chí công an không đi xét giấy. Các anh phải đến triệt cho hết giống đĩ bợm thì thành phố mới sạch được.

Công an đã quy định: người có chứng minh thư ở Hà Nội không được thuê khách sạn, nhà trọ. Nhà anh ở Hà Nội, sao đi ngủ lang, chơi gái à? Không được. Làm hắc vậy mà vẫn khe hở ấy là giờ nghỉ trưa, bọn ăn chơi hay thuê chỗ trọ vào lúc ấy.

Tôi hỏi:

- Anh cho chúng nó thuê phòng lại còn kêu gì!

Người ấy trợn mắt, giơ bàn tay khía vào cổ.

- Không cho thuê, chúng nó cắt cổ tôi. Có thế mới phải nhờ anh can thiệp.

Tôi hẹn trưa nào có đứa đến thuê buồng để hủ hóa thì anh vào báo, chúng tôi sẽ ra.

Ông ta cám ơn rồi bắt tay, đi ra với Dương. Nhưng lại quay đầu, nói: “Ngay bây giờ anh ra cũng được, sắp mười hai giờ rồi.”

- Thôi hôm khác.

Chẳng lâu la gì, trưa hôm sau, người bồi xăm tự phong là phụ trách nhà buồng đã vào gọi: “Chúng nó đến! ”

Tôi báo với Mẫn và cô Đàng. Nhưng Mẫn đương bận chữa xe, cô Đàng thì họp trên khu chưa về. Chỉ có Dương và tôi. Người mặc pydama đưa chúng tôi vào nhà trong. Im lặng, trỏ tay vào cái buồng trên cửa có số 5.

Dương đấm chát chát như phá cửa. Ở trong có tiếng hỏi ra: “Đứa nào đấy?”- “Mở cửa mau, kiểm tra hộ khẩu”. Thấy lặng im, Dương lại đập cửa. Một cánh cửa bị đẩy hắt ra. Trán Dương cộc bốp một cái vào mặt gỗ.

Dương sừng sộ:

- Chúng mày chống lại chính quyền a?

- Không biết, tôi nhỡ tay. Ông tha cho.

Người ấy cười gượng ngượng nghịu. Không thấy nó vẻ du kê, du côn như người bồi săm nói. Nhìn vào gian buồng trống, trên giường góc

trong có một người đàn bà đương ngồi búi lại tóc, áo đại cán tím, quần đen, đôi dép có quai hậu, như cán bộ ở tỉnh lên.

- Anh đưa gái đi hủ hóa?

- Không ạ, vợ tôi.

- Giấy giá thú đâu?

- Tôi để ở nhà.

- Không có giấy giá thú thì là hủ hóa rồi. Chứng minh thư đâu?

- Tôi quên ạ.

- Anh tên gì? Ở đâu? Làm gì?

- Tôi... ở Hải Dương làm nhà máy đồ hộp.

- Chị kia?

Anh nọ đáp hộ:

- Vợ tôi cũng ở Hải Dương.

Tôi nói:

- Mỗi người một tờ khai viết những điều tôi vừa hỏi. Tôi sẽ ghi biên bản. Một gửi về nhà máy ở Hải Dương, một gửi khu công an ở đây. Trước mắt, tôi cảnh cáo hai người từ giờ không được đi ngủ lậu thế này.

- Vâng ạ.

Người mặc pydama đi lấy tờ giấy, người đàn ông nọ ngồi chép hai bản đưa cho tôi. Dương sẽ nộp khu và gửi về nhà máy. Người bồi săm cứ tấm tắc khen tôi giải quyết việc nhanh gọn. Rồi lấy trong túi ra mười đồng đưa cho tôi “Để các anh uống bia”. Tôi không cầm, cũng không đưa cho Dương.

Có hôm đi qua hè phố lại thấy cái thằng nhà máy đồ hộp - nó không nhìn thấy tôi, hay là nó

đã nhìn thấy tôi trước. Nó chạy vào nhà trọ ấy. Tôi về bảo Dương.

Dương hỏi tôi:

- Có ra khám nữa không, lần này thì bắt...

Không hiểu sao tôi lại nghĩ ra và gạt đi.

- Chúng ta đã bị lỡm. Thằng pydama chứa trọ nhờ ta khám dọa thằng kia để nặn thêm tiền đấy thôi. Mà hình như cái dãy nhà này không thuộc địa phận phố ta.

Dương nói một câu lạ tai:

- Nó nhờ anh giúp mà, chỗ ấy là khối phố khác.

Tôi bực mình:

- Nó nộp anh bao nhiêu tiền?

- Anh lại nghi oan em. Em thề...

Tôi nghĩ bụng: "Nó đút tiền mày trước cả lúc vào gặp tao. Mà mày cũng vứt hai cái đơn rồi". Nhưng tôi lại không nói.

Ngày ngày Dương tha thẩn trong phố và các ngõ như con gà, con chim đi kiếm mồi, nhặt hạt thóc, hạt rền. Dạo này không thấy đi giữ xe đạp nữa. Tôi cũng không bao giờ cất công đi dò hỏi xem ở trong Nam có phải Dương đã bị án, ngày trước vợ Dương đi làm nhà thổ. Cái ngại của tôi cũng có lý vì ở đây túi bụi việc trước mắt - như thời hồng hoang, không ai biết gốc gác ai và chẳng có lương lậu ngạch bậc để nhấp nhồm chèn cạnh nhau, thế thì đi hỏi làm gì. Thằng Dương kiết xác không vơ váo kiếm ăn thì có khi phải đi ăn trộm nuôi sáu miệng ăn cũng nên.

Vẫn việc trị an, cái này mới thật sự to

chuyện.

Cô Đàng trên khu về truyền đạt công tác đặc biệt. Cái nhà góc phố, một cơ quan nước ngoài thuê. Nhà này hay đem gái điếm vào. Chơi gái trong nhà ấy thì không ai làm gì được vì nhà thuộc ngoại giao đoàn. Không biết đã từng thoát bẫy ở đâu hay họ biết ta có thể chặn bắt ngoài đường, nên họ đề phòng lắm mẹo. Chở gái bằng ô tô, nhưng không ngồi ô tô che vải hoa lên cửa kính - xe nước ngoài không có thói che rèm như ô tô các cấp của ta, mà cửa xe Tây cứ thông thống, người nằm xuống ghế cũng trông thấy. Bọn ở đây cao tay, nó đặt cái thùng gỗ đằng sau xe, chằng dây cho khỏi bung lên, như tải về cái xe máy, cái tủ lạnh mọi khi vẫn làm thế. Chỉ khác, có lần ở trong ngồi một nàng Kiều.

Chúng tôi bố trí Mẫn gác ngoài đường, xế cửa, ngăn nó không tọt được vào cổng. Thấy bóng cái xe có thùng đằng sau thì Dương huýt còi, chặn lại. Tôi ra nói tiếng Tây và làm biên bản. Nếu xe cắm quốc kỳ thì tước ngay. Rồi yêu cầu mở thùng. Trong thùng không có người thì cắm lại cái cờ và cho qua. Có sai luật thì chúng tôi cũng chỉ như dân phố không biết pháp luật.

Cô Đàng và công an khu nấp đằng kia, có thế nào thì Mẫn chạy lại gọi. Kế hoạch tác chiến đã bàn kỹ và bố trí như thế.

Phố vắng, chặp tối đã im lìm. Đèn đường thấp thoáng, những cây xà cừ xào xạc rụng lá, vào mùa hạ nếu mưa to đường phố này có khi

mấy ngày ngập ngang đầu gối. Có người thắc mắc quãng phố ấy có mấy nhà hộ đặc biệt, sao để đường tệ thế. Nhưng lại có người giải thích mỉa mai: Ô tô kề thềm hè, biết lụt lội ra sao, đến Tết Công Gô vẫn lụt, cũng chẳng lo.

Nhưng công toi đã mất mấy hôm. Mỗi lần, có một hai xe về lúc chặp tối. Trong nhà lên đèn sáng, tiếng máy hát mở to, chắc là họ vừa ăn vừa nhảy đầm. Vào khuya gần nửa đêm, một xe nữa về, xe vào khóa cửa sắt ngay. Đèn trong nhà không sáng thêm. Xe này đi tiệc đâu về. Không xe nào có cái hòm đằng sau.Cô Đàng nói:

- Các anh ấy bảo gác nốt đêm nay thì rút.

Chặp tối, cũng hai xe, vẫn không có hòm xiểng buộc đằng đuôi. Xe bóp còi, trong nhà ra mở. Gần nửa đêm, lại một xe về, vào khóa cửa sắt, không có vẻ gì khả nghi. Hai cánh cổng sắt đóng, ô tô đã tắt máy trong vườn. Dương đi từ hè bên kia đến. Dương đẩy một cô gái trong bóng tối gốc cây ra sáng điện giữa đường.

Như ở đâu hiện ra, người con gái mặc áo vét, đầu phi dê mốt mới "u xi" xoắn lên đỉnh. Dương lôi cô gái ra đứng giữa chúng tôi, nói to:

- Chị này núp gốc cây định theo cái xe vào.

Người con gái nói:

- Không phải. Tôi vừa đi đến đấy.

Tôi hỏi:

- Cô đi đâu khuya?

- Em đi làm ca về.

- Nhà ở đâu?

- Nhà em dưới Khâm Thiên.

Dương nói:

- Quần áo, đầu tóc thế kia không phải đi làm ca.

Tốp công an trên khu cũng đã ra tới. Một công an nói: “Việc tối nay thế là giải tán. Bây giờ đem chị này về trụ sở”. Hôm sau chúng tôi không phải đi rình nữa, cô gái bị dẫn về trụ sở rồi ra thế nào.

Có lúc tôi lại nghĩ hay đấy là công an thả người ra bẫy cò ke mấy ông Tây.

Không thì giờ đâu mà nghĩ lâu, những việc khác đã ập tới chúng tôi họp công tác bầu cử Hội đồng nhân dân thành phố. Tôi cũng đương Hội đồng nhân dân, mà ứng cử huyện Từ Liêm, khóa Quốc hội thì ra đại biểu trên huyện Thạch Thất. Chưa khi nào tôi thấy việc ở khối phố tôi bận gì đến các chức danh và công tác ở trên của tôi.

Việc nhiều đấy, nhưng cứ làm theo trên bảo rồi cũng tuần tự trôi chảy cả. Tài liệu thì đã có các tờ bướm chỉ dẫn. Số người ứng cử có sáu thì lấy năm, bỏ một. Bỏ người nào thì gạch một cái, ở chỗ viết phiếu đã sẵn chiếc bút bi buộc vào cọc chân bàn. Trước kia có giải thích bỏ cho ai. Nhưng lần này không thấy trên tiểu khu xuống bảo gì cả.

Hội đồng nhân dân thường họp ở hội trường ủy ban thành phố. Đến năm xây xong khách sạn Giảng Võ thì xuống dưới ấy. Nhớ lại các cuộc họp cũng chẳng nhớ công tác, chủ trương thế nào, chỉ không quên những cái vớ

vẩn. Lần nào tôi cũng chịu khó mấy hôm đi họp. Ở hội trường ủy ban trên Bờ Hồ, buổi trưa được ăn bồi dưỡng bát phở gà, phở bánh hẳn hoi và một quả chuối. Ngày ấy không phải ăn phở miến dong riềng, phở "không người lái" là nhất Hà Nội rồi.

Cái bảng với hàng chữ to tổ bố "Khách sạn Giảng Võ" thực sự nó là cái hàng cơm chứa trọ của ga bến Nứa. Cơm thì ngồi bàn ghép mâm, buồng thì nằm bốn người, sáu người. Mép cửa sổ đóng hai cái đinh khoằm vào nhau, bên cạnh dán mảnh giấy "Chỗ mở bia". Nghiêng đầu chai vào, bật nút. Có hôm, tôi thấy bác sĩ Phạm Biểu Tâm - ở trong Nam ra họp, rửa mặt ở vòi nước nhà ăn. Hỏi thì bảo nước ở buồng không chảy. Nội qui ghi khách giả buồng thì giao chìa khóa cho nhà buồng.

Chúng tôi ra đứng ngoài cửa, cô nhà buồng cầm sổ vào đếm 1, 2, 3 theo số: cái chén, cái phích, cái gối... Đếm xong, cô bước ra tươi cười: "Đủ rồi ạ, các đồng chí về mạnh khỏe".

Đấy nhớ vẩn vơ cái hàng cơm chứa trọ Giảng Võ như thế. Và nhớ buổi họp mỗi lần giải lao gặp nghệ sĩ chèo Diễm Lộc ra uống bia hơi. Cô Diễm Lộc uống hơi ác đấy.

Một buổi tối họp phố, tôi đương giải thích các tiêu chuẩn người ứng cử Hội đồng Nhân dân. Một ông Tây mặc sơ mi hở cổ, ria mép trắng lốm đốm, mặt rượu đỏ thậm lù lù vào ngồi xuống cái ghế băng cuối. Chết tôi rồi, đấy là lão Tổng đại diện Pháp, lão P. Susini.

Hôm mới đây, Quốc khánh Pháp, tôi đến dự tiệc đứng trong vườn sứ quán. Tình cờ, ông ta đến mời rượu rồi nán lại chuyện linh tinh. Ông nói ông chưa đọc tôi, nhưng biết tiếng. Và hỏi tôi đương viết gì thú vị. Tôi bảo tôi đương làm một việc rất vui là làm đại biểu một khu phố, mà ở trong làng thì như người trưởng xóm. Tôi khoe đương có cuộc vận động bầu cử hội đồng thành phố. Ông hỏi: "Tôi đến xem được không?"- "Được, được lắm. Mời ông". Rồi ông đi bàn khác. Tôi tiếp tục uống và coi như những câu nói gió bay lên trời.

Nhưng lão Susini đã đến. Tôi không lạ người ta đến, nhưng tôi ngại cái sự lão tò mò chui vào cái phòng họp ở chỗ ngóc ngách và ngổn ngang như lớp học trong tranh thày đồ cóc.

Tôi ra chào ông. Và nói xin lỗi, tôi đương giải thích về bầu cử. Ông ấy nói không sao, không sao, ông ấy đi bách bộ chơi, nhìn thấy tôi thì vào, tôi cứ làm việc, mặc ông ấy.

Rồi lão P. Susini đi lúc nào không biết. Ông ấy nói xã giao - khó lòng, vì cái buồng phòng họp giữa nhà, ngoài đường không trông thấy người ở trong, hay là ông ấy thấy vẻ ngơ ngác của tôi - tôi không ba hoa chích chòe như hôm uống vang Boocđô ở sứ quán, ông ấy đã lẳng lặng rút. Không có qui định luật lệ tiếp xúc với người nước ngoài, nhưng người ta đều tránh.

Cô bán bia Bờ Hồ kể chuyện. Có một Tây không biết người nước nào nói tiếng ta sõi,

chiều chiều đến uống bia tán gẫu. Cô hàng bia bảo khách: "Đồng chí đến uống bao nhiêu chai bia cũng được, nhưng không nên đến nói chuyện với tôi. Nói chuyện với tôi thì mai tôi mất việc". Và cô đá mắt nhìn người công an đương thản nhiên như không đương đi đi lại lại bên ngoài.

Hôm sau, cô Đàng hỏi tôi:

- Bác có biết người Tây tối hôm qua đến chỗ phố họp không?

- Tôi không biết.

- Ông ấy là đại sứ nước Pháp. Sao nó biết ta họp?

- Biết được!

- Nó hỏi gì thế, hả bác?

- Nó có hỏi gì đâu!

- Nhân dân bảo bác ra nói chuyện với nó.

- À người ta vào nhà thì mình phải ra chào hỏi, phép lịch sự quốc tế mà.

Cô Đàng lại ghi vào sổ, không hỏi thêm rồi đi.

Một người đến. Không phải cô Đàng quay lại, mà cô Nghệ. Cô Nghệ đã trên năm mươi tuổi, ai cũng quen miệng gọi là cô, bởi vì cô chưa có chồng. Người làng nhàng, quắt queo, hay gắt gỏng, mặt khó đăm đăm, lại bệnh đau gan. Cô hay nhờ tôi tìm thuốc tiêm bổ gan sêlêpa. Các hàng thuốc không có những thuốc quí hiếm ấy. Tôi mua hộ cô ở y tế cơ quan. Cô Nghệ làm ban vệ sinh, thành phố chuẩn bị phòng không cô kiêm thêm ban cứu thương.

Lại có việc gì đây.

- Anh Vân đội viên dân phòng...

- Anh Vân lái xe ở phố bên ấy a?

- Vâng. Mấy hôm nay lôi thôi to. Cái hố xí hai ngăn của chung số nhà nước cứt đái ngấm sang cả mặt tường nhà anh ấy. Mấy hôm đã cãi nhau ầm ĩ, mà anh Vân thì ốm, con còn bé, nheo nhóc quá. Anh sang xem thế nào.

- Cô về báo số nhà ấy tối nay họp, tôi đến.

Cô Nghệ đã đi rồi, lại trở lại.

- Hay là trên đương giục báo cáo vệ sinh hố xí hai ngăn, anh để mai ta đi kiểm tra làm báo cáo rồi vào nhà anh Vân một thể.

- Thế thì chiều mai ba giờ tôi sang bên nhà cô rồi cùng đi.

Mấy lâu nay thành phố vận động các nhà làm hố xí hai ngăn. Việc ỉa đái của đất Kẻ Chợ từ thời Tây đã cứ không dưng như mưa nắng, như trời đất hết mùa hạ sang mùa thu. Hồi xửa xưa, chỉ độc mấy phố hàng Đào, hàng Gai, các nhà quan cách khá giả trổ ngõ sau ra phố tắt, ra vườn hoang, mọi đi lại, chợ búa, con cháu ở quê ra, người vào lấy phân tro đều đi cửa khuất ấy. Rồi quan đốc lý Tây cho thầu phân, các nhà làm hố xí đằng sau, nửa đêm có phu gọi cửa "Đổi thùng! Đổi thùng!"- mà người nghe lúc ngái ngủ nhầm là "đổ thùng". Nhà có cửa nách cho phu thùng, nhà chật chội thì mỗi đêm phu cứ xách thùng phân qua suốt các phòng ra cửa trước. Năm 1956, về hòa bình rồi, buổi tối tôi vào hiệu vằn thắn phố Huế, đương ăn còn thấy người

công nhân vệ sinh quẩy đôi thùng phân đi ra, qua ngay giữa nhà. Đấy là nơi có phố, còn lều quán chưa thành phường thì vẫn ngồi nấp bờ đầm, bờ sông, bụi rậm. Làng tôi ở ven nội, người lớn trẻ con đều ra các chân tre đầu đồng, mỗi hôm có mụ "mũi thung"- những người đàn bà lam lũ trên mặt nổi vết chàm có lông như miếng da lợn, họ ở các làng vùng trong quẩy thúng tro đi gắp phân về bán.

Nhà người Tây có hố xí máy, còn người ta ở Hà Nội thì cả trăm năm thuộc Pháp các phố cứ "đổi thùng" cho mãi đến những năm 1958. Không biết ai cải tiến ra cái hố xí hai ngăn đến bây giờ còn người khen, người thì bài bác kịch liệt đòi truy cho ra đứa có sáng kiến ấy để bỏ tù. Tôi là người đứng giữa có thực nghiệm với tư cách nhà có một hố xí hai ngăn và bây giờ trông nom hơn hai trăm cái hố xí hai ngăn của hàng phố, tôi thấy không phải tội ở người nghĩ ra, mà tại những đứa xây và đứa cai quản với thói kẻ cắp bớt xén, thói lười biếng. Lý nhẽ và lề lối nghe ra thuận tai, vẫn cái hố xí mọi khi đem chia thành hai ngăn. Đầy ngăn này, đậy nắp lại cho phân ngấu. Khi ngăn kia sắp ứ lên thì ty vệ sinh đến hót hố bên. Hàng tuần, đem tro và mùn đất rắc vào hố phân, lại trát vôi cho khít nắp. Mọi việc đều được giải thích ra các thành tích và kết quả. Phân này đưa đến nông trường, tốt bằng trăm phân hóa học nước ngoài phải bỏ tiền ra mua nhập.

Cái tưởng là sẽ tốt đẹp ấy đều đặn tử tế

được vài tháng đầu. Các người ở ngoại thành vào lấy trộm phân khốn khổ lắm. Công nhân vệ sinh bắt quang sọt, công an phạt tiền. Nhưng vẫn có người đi chui, có các nhà cho vào múc lậu. Chỉ ít lâu, đến khi chểnh mảng chẳng thấy công nhân đưa mùn đất, không đến trát nắp, lại những xe thùng cũng đỗ bất thường. Cả hai hố đã phè ra, chủ nhà phải ngồi ở cửa hóng người hót phân chui, lại phải dúi tiền để các bác ấy làm phúc vào lấy cho. Sự tích cái hố xí hai ngăn nẫu ruột là vậy, mà đêm ngày nhà nào cũng phải dùng đến, mà cái hố xí tự hoại, cái hố xí máy thì xa vời chưa bao giờ dám tưởng tượng đến, họa may chỉ có thật ở các nhà hộ đặc biệt cùng một phố tôi thôi. Nhà tôi nêu gương đã đợt đầu làm ngay hố xí hai ngăn. Xây thành hai hố, hai cửa, hai lỗ, lại trát xi măng lót tường, thợ xây đưa đến một xe ba gác mấy chồng gạch xỉ than. Tôi bảo:

- Gạch xỉ than thì vỡ ngay, thấm hết.

Anh thợ nề và anh công nhân vệ sinh cắt nghĩa quả quyết:

- Gạch xỉ than nhẹ và xốp, phân hả hơi càng chóng khô, phân sẽ rất tốt, bác ạ.

Tôi không thề hiểu biết hơn những người miệng nói tay làm này. Nhưng cái hố xí hai ngăn nhà tôi không thấm. Có lẽ người ta làm cẩn thận kỹ lưỡng cái hố xí nhà trưởng ban.

Tôi với cô Nghệ đến nhà Vân. Cái hố xí sát tường ấy không phải của một hai nhà mà chung năm hộ trong một số nhà. Trên gác, tầng dưới,

nhà ở bếp, nhà vẩy mái đằng góc sân. Nhà anh Vân ở xưa kia là nơi để xe. Không biết chủ để xe nhà, xe đạp hay ô tô, nhà này trước là cái biệt thự nhỏ một chủ.

Chỉ một gian thông thống, trong cùng kê cái thùng gỗ đựng xống áo. Hàng hiên là bếp, có cái hỏa lò đun củi. Anh Vân nằm, chưa phải mùa lạnh đã đắp chăn, chốc lại ho sù sụ - cái chăn rung nảy lên mới biết có người bên trong. Mọi khi, có lần đêm gọi Vân đi tuần tra, tôi chỉ đứng ngoài cánh cửa, không trông thấy cảnh tiều tụy này.

Tôi ngồi xuống.

- Chưa khỏi ho à?

Giọng Vân tự nhiên:

- Ho lao thì chỉ khi nào chết mới khỏi, anh ạ.

Tôi không dám động đến chuyện anh ốm nữa.

- Thế nào, cái hố xí...

Vân ngồi lên, trỏ tay bảo tôi và cô Nghệ vào chỗ góc tường. Tối như hũ nút. Bật điện cũng không sáng tới. Khi này người ở các buồng nhà trên thấy "chính quyền" tới đã xúm đến.

Một bà phân trần:

- Cái cô Nghệ nghe báo cáo báo mèo thế nào mà hóa ra tôi cãi nhau với anh Vân. Cãi nhau đâu với cái anh ốm như con gà rù thế kia. Tôi chỉ nói rằng anh Vân ơi, anh làm ở sở nhà nước có ô tô, có thế lực, nhờ anh đi báo cáo cho nhà này được làm cái hố xí chỗ khác, cái hố xí này

khốn khổ cả xóm, mà khổ nhà anh ấy trước. Có phải hố xí riêng của nhà tôi đâu. Thế mà thiên hạ chúng nó đã nói bẻ queo ngay đi.

Có người đem đến cho mượn cái đèn pin. Ánh đèn lia vào góc tường, tôi thoạt thấy đã kinh hãi. Chân tường thâm kịt, tình cảnh này thì chỉ ít lâu nữa, chỗ thấm càng nhầy nhụa ra. Bấy giờ tôi mới ngửi thấy hình như trong buồng có mùi thum thủm.

Bà hàng xóm mau miệng, lại nói:

- Ông xem có khốn nạn không, cháu nói vô phép ông, đứa nào ngồi phón bên kia, ở đây cũng nghe tiếng phèn phẹt. Đã nhục chưa!

Cái bà lão chết toi, ăn với nói!

Tôi sang nhìn cái hố xí. Vốn là một mảnh đất toen hoẻn bằng bàn tay, công nhân vệ sinh đã xây tường cửa, mặt ngồi, tường ngăn, nhưng không trát xi măng, lỗ hẹp quá, thế là phía trong để mộc. Bên trên mái lợp miếng ni lông với que chống. Không có cửa, người ngồi thò đầu gối ra thì ở ngoài biết trong có người.

- Hố bé quá, nó lại không lát đệm, cái tường con kiến để nguyên, không tráng xi măng...

Tôi nói như quan sát kết luận. Nhiều người thêm thắt:

- Chúng tôi đi cả ngày, làm xong người ta giao cho thế thì biết thế...

- Tôi đã hỏi lại, chúng nó tô vẽ rồng phượng cái hố xí bền vững đâu ra đấy, cái quân bán mồm.

- Trăm sự nhờ ông.

Tưởng như tôi có thể sai, có thể ra lệnh hay là gọi ngay ủy ban, công ty vệ sinh đến mắng cho một trận, bắt chữa lập tức. Tối hôm ấy tôi cũng làm một cái đơn kể sự tình - dùng chữ thời sự hôm nay, "để ô nhiễm môi trường đến vậy, đề nghị..."

Đơn viết ba bản gửi đi ba nơi. Mất hút, chẳng có tin trở lại. Tôi cũng đã đoán từ lúc chưa gửi kết quả sẽ như thế. Ít lâu sau, anh Vân ho ra máu, chết ở bệnh viện Bạch Mai. Chị Vân rồi ẵm con đi ở nơi khác. Mỗi khi tôi đi qua vẫn thấy cái buồng đóng cửa, chưa có người đến ở. Cũng chẳng khi nào tôi vào hỏi thăm xem cái chuồng xí thấm ra tường rồi thế nào.

Ở số nhà này đi ra, cô Nghệ và tôi sang một ngõ phố khác, làm việc cho cái báo cáo vệ sinh. Tôi đi suốt loạt hố xí một dãy nhà. Có đến mười mấy cái nhà một tầng, hố xí liền nhau đằng sau các gian nhà giống hệt nhau. Ở thành phố có nhiều nhà như thế, trước kia của một chủ làm cho thuê. Các dãy phố quanh nhà thờ Hàng Trống, ở Hăm Bốn Gian phố Huế, ngõ Yên Thái, ngõ hàng Cỏ, bây giờ phần nhiều đằng trước đã sửa sang lại, nhưng phía sau lưng thì vẫn như một trăm năm trước - một hẻm dài mỗi gian thò ra hai lỗ cửa chuồng xí, đấy cũng là lối đi cửa sau lấy thùng.

Tôi bảo cô Nghệ:

- Ta vào xem hết cái hẻm này đã đủ làm báo cáo được.

Cô Nghệ nhăn mặt:

- Anh vào à? Anh cho tôi đứng ngoài này. Tôi có chứng rức đầu.

Cô Nghệ không dám vào. Bẩn kinh khủng. Mùi hôi thối không trông thấy, nhưng có thể tưởng tượng như một cái cống, một cái bễ đương ngùn ngụt tuôn hôi thối nồng nặc ngạt thở. Hai bên tường, không quét vôi lở lói dưới hàng gạch lâu đời đã vỡ khấp khểnh xanh xám nhờn nhọt như màu tường nhà anh Vân lúc nãy. Cái chuồng xí cũ thì trống hốc, cái hố hai ngăn đã trát hai miếng vôi cát lờ tở, tôi đếm từng cái, mỗi thứ. Dưới rãnh, những con ròi trắng hếu bò lổm ngổm.

Nhưng không thấy nhặng xanh bay ngang mặt, có lẽ bí hơi quá, nhặng cũng không dám vào.

Đến cuối hẻm tôi quay ra. Cảm tưởng vừa xuống âm ty. U ám, nhơn nhớt, nghẹt cổ. Ở Hà Nội, phố nào cũng đằng trước mặt hoa da phấn, đằng sau là cái lối vào chuồng phân như thế này, cả bao nhiêu năm nay thế.

Cô Nghệ bảo tôi:

- Gớm cái anh, tôi ra kia mua nắm lá ngải cứu cho anh về đun nước tắm ngay đi.

Tôi cười:

- Có cái này khử hơi độc còn hay hơn. Mời cô sang bãi "chuồng cọp" uống bia với tôi.

- Chịu thôi, tôi không biết uống bia.

Việc chuẩn bị bầu cử đã vào độ rầm rộ cuống quít.

Tổ viết tên cử tri cả khối cộng lại, lên danh

sách niêm yết ra trụ sở trước hai tuần lễ. Ai xem có tên mình, có sai sót thì báo ngay. Rồi phiếu đưa đến từng hộ.

Hôm đi bầu, cử tri đem phiếu vào khu vực tổ mình để người ta đánh dấu vào sổ đã đi bầu rồi. Quá trưa, soát thấy tổ nào còn người chưa đánh dấu thì tổ trưởng về gọi. Người đi bầu ra chỗ viết phiếu đã kê bàn từng ô có ngăn giấy che. Chẳng phải viết chữ nào, chỉ đọc một loạt sáu tên người rồi gạch một. Họp phố đã nghe dặn cách bầu nhiều lần.

Mỗi buổi chiều, đoàn thiếu nhi sắp hàng khua trống ếch inh ỏi. Chặp tối, đội dân phòng và thanh niên nam nữ lại đồng phục sơ mi trắng, quần xanh công nhân, giày ba ta trắng, không đội mũ sắt, hàng trăm người sắp hàng ba đi hô khẩu hiệu: Hoan hô bầu cử Hội đồng nhân dân khóa... Hoan hô! Trông đội dân phòng lại oai, khác hôm thi cứu hỏa phụt nước thua trên Cửa Đông, lỉnh kỉnh đẩy cái xe máy bơm về, mặt ai nấy tiu nghỉu.

Bộn rộn nhất hôm sau cùng. Đêm trước đã họp các tổ trưởng, tổ phó, mọi người ra giúp việc rà lại giấy tờ, giấy mời, lại diễn tập hướng dẫn đi vào, lối ra, đến bàn đưa đóng dấu phiếu, vào viết phiếu, bỏ phiếu rồi hướng dẫn đi ra. Chặp tối mấy hôm nay các phố đã lên cổng chào tết lá dừa, chăng đèn kết hoa.

Trẻ con đùa chơi đến khuya. Tôi khoan khoái bảo Đại:

- Thắng lợi, phải thắng lợi chứ.

Từ tinh mơ, tôi sang sân trường nơi bỏ phiếu. Những người được phân công chuẩn bị các thứ còn đến sớm hơn tôi, những cái thừng căng và những biển chỉ đường ra vào cũng đã cắm cẩn thận rồi.

Người ở các hộ đặc biệt đều ra đông đủ. Vài ba năm những cái phố eo sèo thường ngày mới có một lần long trọng thế này. Nhiều vị chủ hộ ăn mặc tinh tươm, có người thắt cà vạt đỏ, đội mũ phớt. Thời ấy mặc oách thế còn hiếm, đấy là dấu hiệu tôn trọng cuộc mít tinh bỏ phiếu. Các ông là bộ, thứ trưởng hay bí thư đảng đoàn, viện trưởng, vụ trưởng, trưởng ban nội chính, đại khái thế, tôi cũng đoán biết sơ sơ.

Dương đến ghé tai tôi:

- Hay quá, các kễnh ra hết.

- Nhiệm vụ công dân của các vị ấy chứ.

- Mời anh đến chào khách.

- Miễn! Các ông ấy không đến chào tôi thì thôi.

Chẳng ai đến chào tôi cả. Tôi cũng như mọi người ở ban bầu cử lăng xăng chạy đi chạy lại. Dương vẩn vơ muốn đến bắt tay các ông kễnh, nhưng thấy tôi không đến, Dương chỉ lảng vảng gần dãy ghế hàng đầu.

Còi ủ nổi lên xa xa gần gần, còi hiệu toàn thành bắt đầu mít tinh. Tôi đọc một bài phát biểu trước micrô.

Tôi đọc thong thả, rành rõ bài đã viết sẵn của trên khu gửi xuống. Năm trước, bài nói in chú thích: "Đọc nguyên văn, không thêm bớt

nội dung". Có ông trưởng ban đại biểu nọ đã đọc nguyên tất cả câu ấy. Bây giờ chỉ dặn miệng.

Tôi đọc oang oang như lời mình viết, tai nghe cũng thấy oai. Tôi đọc xong, phó trưởng ban Đại hai tay giơ cao trước đám mít tinh cái thùng phiếu bọc giấy đỏ lại mở toang nắp, lật ngược lên, quay ra bốn phía để ai nấy chứng kiến cái hòm trong rỗng không có gì, không mờ ám gì cả.

Mười giờ, các tổ đi bầu đương đông. Trong các bàn, chỗ nào cũng tíu tít, có người đi bầu hộ cả nhà. Vẫn được ghi, vẫn bỏ phiếu vào hòm như thường. Có việc vội mới phải nhờ, người nhờ bầu cũng là hàng phố, xóm giềng thông cảm, biết nhau hết. Mấy phiếu người cao tuổi, có cả mẹ tôi, cụ yếu chân, lại không biết chữ, chốc nữa tổ công tác đưa hòm phiếu vào tận nhà, trưởng ban đi cùng, bảo vệ Dương bồng súng đi sau.

Quá một giờ, Mẫn phóng xe lên khu báo cáo cuộc bỏ phiếu khối tôi đã xong hoàn toàn lúc hai giờ bốn mươi phút. Năm nay sớm sủa, chắc ăn bằng khen rồi.

Còi ủ năm giờ, các nơi đều xong xuôi. Cái hòm phiếu được Đại dán giấy, niêm phong lại. Tôi viết lên tờ giấy, dán cạnh chỗ niêm phong: Hòm phiếu khối... bầu cử Hội đồng nhân dân khóa... ngày... Theo chương trình, lúc ấy mít tinh bế mạc kết thúc cuộc bỏ phiếu thắng lợi. Nhưng gọi loa các ngõ, chẳng mấy người ra mừng nữa. Chỉ có trẻ con đã nhảy rỡn à à. Tôi

bảo ông Đại vác hòm phiếu, một bên vai khoác khẩu súng, đem vào trụ sở. Hai ban và đại biểu các giới bấy giờ mới ra đi theo, như đám rước. Hòm phiếu được đặt ngay ngắn lên mặt bàn. Khi mọi người đã ra về, Đại cầm chìa khóa ra khóa trái cửa rồi bê hòm phiếu vào cuối phòng.

Chúng tôi bóc miếng giấy dán niêm phong, đổ cả thùng phiếu ra mặt bàn. Hai chúng tôi mở từng cái phiếu rồi lại bỏ vào thùng. Cả phiếu không gạch tên - phiếu trắng, cũng bỏ lại vào. Chỉ để riêng ra cái phiếu nào viết vẽ nhảm nhi hay viết phản động. Những phiếu này gói lại, tự tay trưởng ban đem nộp lên khu. Trong những năm tôi làm việc, mấy lần bỏ phiếu thành phố hay toàn quốc đều làm như thế, theo kế hoạch mật của khu. Chưa lần nào tôi thấy có phiếu viết phản động, chính trị. Chỉ có vài phiếu để trắng. Phiếu vò lại rồi nhét vào hòm. Có phiếu vẽ nguệch ngoạc cái thẹo.

Các đội viên dân phòng đeo băng đỏ đã ra đứng gác trước trụ sở, trong có để hòm phiếu, cho đến lúc đưa hòm phiếu lên khu. Tôi về tắm, rồi đóng bộ đại cán xi măng xám, như Đại, như Dương, chỉ Mẫn vẫn quần áo bộ đội xác xơ thường ngày. Đại ghếch xe đạp, tôi ôm hòm phiếu ngồi sau xe. Dương và Mẫn hai xe đạp theo sau, mỗi người trên lưng khoác khẩu mút cơ tông của khu đội cho mượn. Đoàn cán bộ khối chúng tôi rước hòm phiếu lên khu.

Trời đã tối, trong ánh đèn đường nhấp nhánh người vào nhộn nhịp cũng thấy được vẻ

ngày hội khác thường.

Bàn giao hòm phiếu, cầm tờ biên lai có đóng dấu ủy ban rồi sang nhận một chai rượu quít, hai bao thuốc lá Tam Đảo, quà của khu cho. Nhiều khối lúc ấy cũng đương lên. Có người ngồi đèo xe đạp như tôi, có người đi xích lô, hai tay bưng hòm phiếu bọc giấy đỏ, như cái quả đám ăn hỏi. Khối nào cũng có tay súng bảo vệ hòm phiếu.

Tôi bảo:

- Ta hoàn toàn thắng lợi rồi. Các cậu có uống rượu không?

Không ai trả lời. Tôi lại nói:

- Các cậu khéo vờ, sắp nói "không" đấy. Thắng lợi rồi, tôi thết các cậu chầu rượu.

Dương cười:

- Anh đoán sai. Tôi uống được chớ!

Tôi với ba vị chức việc khối phố vào quán rượu xế nhà thương Đau Mắt. Không phải lão 63 đặc sản ngầu pín, mà quán này có đậu nghệ nướng chấm muối, ông Be cắt tóc mách, tôi đã vào vài lần.

Dương và Mẫn dựng hai khẩu súng vào tường. Bà chủ quán đỏ đắn, béo tròn, mau miệng hỏi:

- Các ông đi giải tù về hả?

- Ơ cái bà này lạc hậu! Súng danh dự gác hòm phiếu. Hôm nay ngày gì, không biết a?

- À à. Ấy chết... tôi quên... Mà ai thuộc đâu được việc quan của các ông.

Phó Đại bảo tôi:

- Súng cho oai thôi, không có đạn. Tôi đã làm bầu cử, tôi biết.

Tôi hỏi:

- Thật á?

Dương đứng dậy, cầm một khẩu, kéo cò lách cách.

Tôi xua tay:

- Thôi đi ông!

Bà chủ quán quát to tướng:

- Có người nằm trên gác xép đấy. Đạn xuyên lên thì có mà vào nhà đá cả nút.

Nhưng đúng là không khẩu súng nào có đạn, như súng của trẻ con chơi. Tự dưng tôi thấy yên tâm hơn.

Chiếc đậu mát lạnh, phảng phất mùi khét, mùi nghệ quen thuộc từ thuở bé đã theo mẹ đi chợ Bưởi ăn đậu nướng. Bây giờ thì uống rượu giải nhiệt với đậu nướng, một ngày lôm lam cật lực.

Tôi ốm, có lẽ chuyến bầu cử thức khuya nhiều mà thói quen tôi hay ngủ sớm. Bệnh áp huyết tôi mắc từ năm trước, khi đang học trường Nguyễn Ái Quốc. Thời gian đầu, thần kinh tim rồi áp huyết thấp, ít lâu sau hết các bệnh ấy thì đến áp huyết cao và bệnh lâu năm thành mãn tính. Mỗi lần bị choáng váng, đi khám, chẳng mấy khi không bị giữ lại. Đến lúc đã ổn định lại lên nhà điều dưỡng trên Quảng Bá. Tôi đi bệnh viện, rồi bệnh lại khỏi, tôi cũng thấy như việc phải tới, như thời gian qua.

Một lần kia, tôi có việc đi Cao Bằng với bác

sĩ Phạm Khuê. Tôi hỏi Khuê:

- Tôi bệnh mà lại bia rượu, ông thấy sao?

- Chỉ cấm không được nghiện nhưng cũng không nên kiêng.

Tôi thích thú người thày thuốc lão luyện nghề và đời đã nói như sấm truyền. Một câu có thể bàn ra cả một quyển sách.

Lần này, ở bệnh viện ra, tôi lên nhà điều dưỡng trên hồ Tây. Vẫn còn phảng phất hãi cái chuyện mộng du - mộng du thật, mộng du không đẹp và sầu não như người đàn bà mộng du nhân vật trong truyện Nguyễn Minh Châu - mà đây là một cụ mộng du.

Cụ Lý đã ngoài bảy mươi. Cụ nằm cùng khoa với tôi. Cụ gầy làng nhàng kinh niên và mặt buồn hiu hiu kinh niên. Cụ là nhân sĩ trí thức. Thuở xưa làm tri huyện, bây giờ hoạt động đoàn thể trong mặt trận.

Tôi quen cụ vì công tác ấy. Giữa trưa, trong các buồng, người thức người ngủ, lặng lẽ. Một cô y tá lướt qua cửa. Tôi hỏi:

- Cái gì mà đi vội thế?

Cô ấy trỏ tay ra cửa sổ sau phòng, miệng suỵt suỵt khẽ:

- Ông Lý đương trèo tường. Bác sĩ bảo im hết, im hết, chẳng có...

Tôi ra cúi nhìn xuống thấy một cảnh hết sức kỳ quái. Cụ Lý đương lòng khòng bíu cái ống máng, hai chân run run, lúc quắp quắp, lúc quờ quạng vào cái đai sắt ống máng. Cụ đương tụt xuống tầng nhà dưới.

Trông mà rùng mình. Tôi quay đi, xuống cái ghế đá trong sân. Vẫn cứ thon thót sau lưng... này ngã... ngã... này ngã...

Bỗng cả nhà reo lên. Thì ra các buồng hầu như đều biết cụ Lý trèo ống máng, mà theo lệnh im hết, bấy giờ mới chạy cả xuống.

Cụ Lý không ngã. Cụ Lý ngồi giữa bãi cỏ, mặt tây ngây. Người ta xúm lại hỏi: Lúc leo tường, cụ có biết gì không?

Cụ Lý người nhợt nhạt, lắc đầu, mặt vẫn hiu hiu.

Một người ra vẻ hiểu biết:

- Cái bệnh thần kinh này, bấy giờ ai vô ý gọi to, cụ tỉnh ra thì cụ rơi vào thẳng nhà quàn kia rồi.

Lên nhà điều dưỡng, có nghĩa là bệnh đã lui, đi tẩm bổ ít ngày, thế mà còn cứ rợn cảnh cụ Lý trèo tường.

Nhà điều dưỡng Quảng Bá tiêu chuẩn hạng thường tem phiếu C mà ngày nào cũng tiêm thuốc bổ. Về sau và bây giờ bệnh viện bỏ lệ hàng ngày tiêm thuốc bổ. Khi đó y tá ném ống thuốc xoang xoảng và cơm thì bữa ba bốn món. Tôi có ông người làng công tác bên thương nghiệp, xưa ông đã làm chánh hội, ông cười to: “Bữa nào cũng ăn cỗ, chánh lý ngày trước cũng chẳng có đâu mà chén thế này”. Các cô y tá kể chuyện có bệnh nhân một tháng lên sáu cân. Hôm sau được ra viện thì nửa đêm ông lên cơn lăn lộn, đau đầu, nôn ọe. Thày thuốc khám cấp cứu, tiêm một phát. Buổi sáng, khám lại, tiêm phát

nữa, rồi cho xuất viện như đã định. Ông bệnh nhân nói: “Chân tôi còn run, đề nghị nằm thêm một tuần”. Bác sĩ bảo. “Yên chí. Hai phát tiêm ấy chặn hết rồi. Trưa nay đồng chí sẽ ăn năm bát cơm cho mà xem”. Bệnh nhân về rồi, các cô y tá đấm lưng nhau cười, nói vung lên: “Hai mũi B1 ấy mà”.

Tổ phụ nữ khối phố lên thăm tôi. Các bà quở quang:

- Ông trưởng ban ở bệnh viện một tháng nữa thì về chị em chúng tôi không nhận ra.

Tôi chỉ biết cười trả lời. Câu nói đùa trong lúc ở ngoài đương trăm thứ khó khăn, chỉ có khu Ba Đình, khu Hoàn Kiếm là bộ mặt trung tâm thành phố, tem phiếu được đong gạo đôi khi mới kèm bột mì. Các khu khác, bo bo và sắn, bột mì Liên Xô đem nặn làm bánh luộc, bánh rán nhá cả tuần.

Dương đưa cho một nắm giấy tờ đọng lại từ hôm tôi đi bệnh viện. Cái cách cầm giấy một nắm, khiến tôi đoán có khi Dương chưa cắp sách đi học bao giờ.

Mọi thứ đều nhét túi quần, giấy nhầu như mớ bạc lẻ của các bà các cô đi chợ về vo viên để khắp nơi.

- Có mấy giấy gọi nghĩa vụ quân sự, anh xem.

- Tôi đã bảo anh đừng đút công văn vào túi quần. Tôi đã đưa anh cái cặp, sao không kẹp vào đấy.

Dương cười thật thà: Tôi quên mất.

Thế là đợt này có năm giấy nghĩa vụ, ba người mới và hai người đợt trước đọng lại. Mỗi lần cầm giấy gọi nghĩa vụ, lại lo lắng thế nào cho đi được đủ. Sao có thể lên đường, những hô hào, những kêu gọi, những luật lệ qui định, những đua anh đua em và tuổi trẻ ra đi, không biết thế nào. Máy bay Mỹ đã bắn xuống vùng ngoại thành mấy lần, có hôm thành phố báo động cả buổi. Dọc đường 5 xuống cầu Phú Lương, đường 1 ra cầu Giẽ, tiếng bom rền rĩ.

Các cơ quan đã lo các nơi sơ tán. Những cơ quan nặng đã đi rồi. Nhưng phố xá vẫn đông, tưởng như càng đông hơn mọi khi. Đã thêm nhiều lớp hầm nổi bên các ngã tư, ngã năm, lại đặt vào hố cá nhân những vành hầm, nắp hầm trát xi măng trộn sỏi cát, xỉ than.

Khu vườn nhãn cạnh Nhà hát lớn thành phố từ lúc nào đã thành công trường phơi những giếng xi măng làm cốt hầm cá nhân. Những đợt gọi nghĩa vụ càng khít, không chỉ một năm hai vụ, mà mỗi quí một. Mỗi lần soát lại các sổ hộ khẩu, xem năm sinh thanh niên nam nữ đến tuổi thì báo cho nhà trường, cho cơ quan, nhà máy và khu đội, các nơi này trả lời khớp thì lên danh sách. Khu đội chọn lựa, đối chiếu tiêu chuẩn rồi chuyển lên ủy ban phát giấy gọi nhập ngũ. Ở nhà, ở khối liên hoan mặn và tiệc trà tiễn như mai đã lên đường nhưng mới chỉ là đến nơi khám sức khỏe.

Nghĩa vụ không gọi phụ nữ, nhưng cũng xét những đơn tình nguyện. Đợt nào cũng có,

lần này ba người.

Ít lâu sau, gặp hai cô bộ đội, mũ cát sao vàng, quần áo binh nhất, đi tới giơ tay ngang thái dương, nhoẻn cười: "Chào bác, bác có nhớ chúng cháu không? Tháng trước chúng cháu tình nguyện tòng quân ấy mà".

- À bây giờ các đồng chí đóng ở đâu?

- Chúng cháu về hậu cần...

Hai cô bộ đội trẻ, đi khỏi còn vẳng lại tiếng cười rúc rích. Có lẽ các cô cười cái tiếng "các đồng chí" nghiêm túc của tôi.

Tôi nhận được thư chúc Tết của các chiến sĩ mà tôi chẳng nhớ mặt ai. Có người ở chiến trường, có người được đi học chuyên môn, đi nước ngoài. Các thế hệ nhớn nhao nối tiếp, tưởng như ở một làng quần tụ đời đời có trên dưới ngôi thứ, có gốc rễ, có qua đình ghé nón trông đình... Các cụ ta ở quê ra Kẻ Chợ lập nghiệp đều xây đền miếu thờ vọng thành hoàng ngày trước đã vun xới ý nghĩa sâu xa, tinh thần khu phố thì cũng khác nào làng xóm.

Ba trường hợp mới không biết thế nào, nhưng hai tồn đọng thì cũng lôi thôi. Một trường hợp đã tránh mấy đợt không phải là mới gọi. Cậu này ở nhà phụ việc xén dép lốp. Nhận giấy báo gọi, người bố sốt sắng: "Cháu nó về quê mấy hôm. Vâng, chúng tôi nhắn cháu ra..."

- Hai bác đừng để quá mang tiếng khối ta.

- Vâng, vâng... chúng tôi...

Cách một hôm, lại tới. Bác chủ nhà mời uống nước.

- Cháu biết tin rồi, cháu đã hẹn ra...

- Cuối tuần này đã tập trung...

- Vâng ạ. Cháu ra kịp...

Một hôm, Dương bảo tôi:

- Đã trông thấy thằng con nhà ấy rồi.

- Anh vào nhà nó à?

- Tôi trông thấy, báo anh ngay. Công tác tòng quân, trưởng ban nắm mà. Tối nay anh đến luôn, được không?

Dương đi cùng tôi. Chúng tôi uống nước, trong khi bác chủ nhà gọi lên gác:

- Ấy ơi xuống bố bảo.

Một thanh niên trắng trẻo, hiền lành từ thang gác xép tụt xuống.

- Con chào hai bác chưa? Hai bác đến báo tin con đi nghĩa vụ đợt này. Quí hóa lắm.

Tôi lạ về cách nói niềm nở quá mức, không phải chỗ. Mà cũng không phải tôi mới chỉ đến đợt này và nhà này. Cả bốn nhà kia đều vui vẻ, tôi tin một cách mê tín chắc là ảnh hưởng dây chuyền tới đây. Không hiểu đối đáp thế nào cho hợp, tôi nói:

- Thứ sáu này, tôi đến đi đưa cháu ra tập trung nhé.

Cả năm thanh niên khối đều đi đúng hẹn. Tôi ra tiễn tận bến xe tải đỗ trong sân trường học, hàng trăm thanh niên ở các khối phố khác ríu rít như đi cắm trại. Không ai khóc. Có lẽ những người mau nước mắt đã ở nhà, không đến đây. Nghe nói vào doanh trại luyện tập ở Miễu Môn giáp rừng Hòa Bình.

Tôi đương đi trên Bờ Hồ. Một anh bộ đội bước nhanh nhanh tới, giơ tay chào. Tôi ngờ ngợ rồi nhận ra cái anh nhà làm dép lốp, dạo nọ tôi đã đến hôm sắp đi nghĩa vụ.

- Cháu chào bác.

- Cháu đóng gần đây à?

- Vâng, cháu được về thành đội.

- Thành đội ở chỗ kia hả?

- Không, cơ quan cháu ở xa. Đơn vị cháu sắp đi B.

Về thành đội lại sắp đi B, cậu ấy giấu đầu hở đuôi.

Vào lính mà ở cơ quan như thế người ta riễu cợt là "lính kiểng". Ở đây cũng có lính kiểng, có cậu tối về nhà ngủ. Phải rồi, có thế nào nhà nó mới bỗng dưng thoải mái. Tôi đã ngờ ngợ. Việc cậu này "đi lính" ở nhà có người xì xào lão Dương ăn tiền. Nhà này có thể lo lót có chỗ, nhưng chắc chắn không phải Dương. Dương chỉ cò con ăn quẩn loanh quanh, chẳng ai đút lót đâu đến Dương. Có chăng, lúc con cái nhà họ đã trúng được ở gần, hôm nào đấy, Dương đến dọa khéo, có thể cung ra vài đồng. Dương đi lẩn thẩn các phố. Có khi trước cửa trường học, đứng bóc củ khoai luộc. Chị bán khoai vừa lót tay một củ khoai còn nóng. Tôi đi tránh sang hè phố bên này.

Đột nhiên gay go, buổi chiều, máy bay Mỹ bắn rải rác lung tung nhiều nơi trong thành phố. Bom bi rắc xuống cây đa cạnh đền Bà Kiệu, giắt khe rễ, tróc một mảng vỏ. Mái nhà và bóng

cây cơm nguội nắng nhạt loang lổ tưởng như mọi khi. Nhưng khác. Sau cơn bom bắn, thành phố không vắng mà lặng lẽ hơn, mảnh nắng lao xao lặng lẽ vỡ ra trên mặt hồ và đầu đường. Ở một vòi nước công cộng ngay trên phố, một loạt đạn đã xả xuống mấy người đương nhặt rau vo gạo làm cơm chiều. Mấy hôm không ai dám ra lấy nước, vòi nước vẫn mở, nước xối xả lênh láng suốt đêm.

Các hầm nổi lại được hối hả xây thêm. Đầu ngõ Khâm Thiên, các ngã tư phố Huế, quanh Bờ Hồ. Tưởng như làm thế cho người đi đường chỗ nào cũng có hố nấp, nơi nấp. Chao ôi, Hà Nội. Những cái hầm thế này, hơn ba mươi năm trước quanh chợ Đồng Xuân, chợ hàng Da... Cũng máy bay Mỹ - cái máy bay hai thân, bấy giờ là máy bay Đồng Minh đến đánh phát xít Nhật và Pháp Pê Tanh. Bây giờ có chỗ vẫn còn những hầm trú ẩn ấy, như cái gò cỏ nổi góc chữ nhật

Giữa vườn hoa bên hồ cạnh nhà bưu điện và trụ sở ủy ban thành phố. Hầm của người Pháp, khi báo động máy bay, công chức Tây bên nhà dây thép và tòa thị chính chạy ra, chui xuống.

Cả tổ vệ sinh cũng lên khu tập cứu thương. Điểm danh mấy hôm, chỉ mấy chị trung niên nội trợ ở nhà hay chạy chợ vẫn chăm đi họp. Việc và người công tác ở phố bao giờ cũng đông và vắng chập chờn. Thanh niên đi học, người đi làm, theo thống kê hộ khẩu thì số người này ở

phố nhiều nhất nhưng họ chỉ trách nhiệm với cơ quan và nhà trường, nhà máy đơn vị chẳng biết ở đường phố thế nào. Người thất nghiệp thì ngổn ngang không biết đâu là phố xá. Thanh niên cũng khó, cậu nào cô nào chưa có việc làm mà có tinh thần thì ra phụ trách thiếu nhi tập thể dục vui chơi dịp hè, dạy bình dân. Nhưng cũng nhấp nhem, lập lòe như đom đóm. Thành thử mọi công tác, quen mặt nhất vẫn chỉ có các cụ các ông về hưu, các bà các chị ở nhà.

CHƯƠNG 14


hi bộ đảng viên đường phố gồm các thày cô giáo ở trường và công an trong địa phận với công chức hưu. Cũng lèo tèo vài người, không đại diện cho mọi tầng lớp người ở trong phố. Tôi chỉ họp chi bộ có một lần, cái lần đầu tiên Khang dẫn tôi đến. Rồi không bao giờ biết chi bộ ở đâu, có những ai. Bởi vì cả cái tổ chức ban đại biểu, ban bảo vệ khối, mặc dầu phụ trách sáu tổ dân phố, nhưng chưa hẳn là chính quyền, cũng không phải đoàn thể. Chỉ là tự nguyện và ngẫu hứng nhưng lại cáng đáng những công việc thiết thực liên quan sau cùng đến mỗi công dân. Hơn mười năm qua, từ khi tiếp quản đến bây giờ vẫn thế.

Những việc thật quyết liệt: sơ tán triệt để đối phó máy bay Mỹ có thể đánh mạnh. Thế mà tôi sơ tán cũng được, không cũng được. Nhưng lại cứ phải có mặt vì không làm thì không có ai khác. May, tổ len dạo này đói việc, thế là kéo cả lên học cứu thương.

Rồi cô Nghệ và mấy bà đi lĩnh đồ cứu thương về.

Bên dân phòng hỗ trợ lên khuân các thứ chất cồng kềnh một xích lô đem chia ra gửi các nhà. Bốn băng ca cáng thương, những bó nẹp,

những cuộn bông băng, cả chục túi cứu thương... các thứ mới nguyên nhãn hiệu Hungari, Balan, Tiệp Khắc...

Học trên khu, về tối lại tập. Tổ vệ sinh tập cáng thương, băng bó. Một cậu giả bị thương nằm trên cáng, cười hô hố. Hai cô khiêng bực mình buông phịch cái cáng xuống. Đội dân phòng lại đem đồ nghề ra luyện chữa cháy. Không có hội thi, tập ngay ở ngã tư đầu phố. Tô nô nước, vòi bắc lên bơm phụt phụt. Mẫn trèo thang buộc hai vành xe đạp vào nấc mười lăm, nấc mười tám thước. Lần nào nước bơm cũng phọt trúng vòng, có khi cao hơn. Tiếng reo ầm ầm, hay, hay quá. Chuyến này trên mà mở hội thi, khối ta ăn đứt! Cứu hỏa, cứu thương, có đêm trong tiếng còi báo động, tai nạn thật sự đến nơi. Chuyện khẩn trương mà như trò đùa. Bốn cái cáng lại đặt một dãy.

Người giả bị thương nằm thẳng cẳng dưới đường. Chị cứu thương đeo túi đàng hoàng, lấy bông băng buộc bó garô cánh tay, ống chân xong rồi xốc lên cáng, hai người cáng đi. Người nằm cáng kêu ối giời ôi đau quá, sướng quá, lại cười hà hà. Y tế khu về quan sát, cho điểm. Lúc đọc lên, cáng nào đạt tiêu chuẩn động tác nhanh gọn, chính xác, được phần thưởng tràng vỗ tay đốp đốp hoan hô.

Chúng tôi phân công ban chỉ huy tác chiến khi có bom bắn, dù ban ngày hay ban đêm. Dương phụ trách cứu thương. Mẫn thì cứu hỏa và tuần tra. Sắm thêm cả chục chiếc băng đỏ.

Tôi và Đại trưởng phó ban đại biểu đôn đốc chung.

Cứ nghĩ ra việc mà cắt đặt như thế.

Cơ quan tôi dạo nọ sơ tán sang Quế Võ bên kia sông, sau trở lại Phủ Quốc, rồi về gần chùa Hương.

Vợ tôi làm ở cửa hàng thuốc cuối phố Khâm Thiên, luân phiên trực chiến thông tầm. Đến chủ nhật, đạp xe cả đêm mấy chục cây số vào bến Đục, đèo gạo, nước mắm, mỡ, dầu hỏa, xà phòng. Các con lớn thì Phúc công nhân cơ điện đi bộ đội vào chiến trường Bình Trị Thiên. Đan Hà theo trường dược sơ tán đi Mai Siu Biển Động bên Đông Bắc. Đan Thanh sang học nghề ở Lêningrat. Mẹ tôi và ba con nhỏ của chúng tôi theo cơ quan, chúng nó đi học trường làng. Tôi ở thành phố về hàng tuần một. Hồi ấy đến phiên tôi làm tạp chí Tác Phẩm Mới, bài vở và việc nhà in phải đi lại luôn, khi ở phố khi sang nhà in bên kia sông.

Nhiều lần một mình trở ra thành phố. Không mua ngoài được cái gì ăn. Có phiếu nhưng cửa hàng chất đốt chưa có dầu hỏa. Mà có cũng còn để nhà tôi đèo về nơi sơ tán cho bà cháu đun nấu. Thỉnh thoảng, tôi thổi cơm bằng giấy báo, giấy vụn. Có hôm ba giờ sáng, tôi đã đi mua mỡ cửa hàng thịt phố Tôn Đản mà người xúm xít đã vòng trong vòng ngoài.

Lại còn không thể thiếu sắp hàng bia... Dạo này người đường phố nạp bia rượu tợn, không còn tập uống bia pha sirô, cũng không cốc, mà

vại, tay cầm vại bia làm một hơi mới đã và có hôm đôi ba vại thay cơm cũng thường. Đêm có báo động nghe tiếng bom thì ngồi dậy, đeo cái băng lên cánh tay, vào quán Gió trong công viên làm một hai vại cho tỉnh ngủ rồi mới lại ra đường. Vẫn còn báo động mà thấy người đi lướn phướn thì hơi bia của tôi quát: "Chết cả bây giờ! Xuống hầm! Xuống hầm!"

Cái đêm máy bay biệt kích Mỹ nhảy dù đánh úp trại giam tù binh Mỹ ở sông Tích ngoại ô Sơn Tây, tôi đương công tác bên Li Băng. Ở Saiđa lên thủ đô Bây Rút, thành phố ven Địa Trung Hải, buổi sáng xuống quầy khách sạn mua báo. Tờ Thế Giới ở Pari đăng đầu đề tin trang nhất: "Trận bất ngờ tập kích Sơn Tây ban đêm. Nhưng không kết quả". Trại tù bỏ không, tù binh phi công Mỹ đã chuyển đi từ lâu. Một máy bay lên thẳng của Mỹ gãy cánh quạt phải bỏ lại. Chúng nó lấy đi một cái vại và một con bò - có lẽ để kỷ niệm thành tích thật đã đến chỗ ấy...

Một cái tin ngắn, đọc cứ tưởng cả Sơn Tây, Hà Nội đương còn rung chuyển. Hàng đàn máy bay Mỹ đêm tối chui vào tận núi Ba Vì sâu như thế, trận đánh hiểm hóc, ác liệt như thế. Đến hôm trở lại Hà Nội, sân bay Gia Lâm vẫn vắng tanh như mọi khi. Chiếc máy bay IL 18 xuống, người đẩy cái thang, người ra đứng hai tay giơ hai mảnh cái quạt gỗ sơn trắng làm hiệu cho máy bay lăn vào chỗ đậu. Những ông này vừa ở trong phòng ra đường băng làm việc, sau lưng

trên bàn nước còn cái bàn cờ quân gô và chiếc điếu cày dựng bên chân bàn.

Mấy anh dân phòng và Đại với Dương, Mẫn đến chơi. Họ kể cái tối Mỹ nhảy dù Sơn Tây ở Hà Nội có báo động, nghe máy bay ầm ì xa xa và vài đợt cao xạ rồi im suốt đêm. Sáng hôm sau đọc báo mới biết đêm qua thằng Mỹ nhảy dù trộm xuống Sơn Tây rồi lại cút ngay.

Lệnh trên xuống, riết róng yêu cầu đi tuần đêm. Hà Nội lại thúc sơ tán. Người già, con trẻ cứ đi ít lâu, thấy yên yên lại về, nay lại rục rịch đi. Ngoài đường, xe ba gác, xe xích lô chở người qua cầu Long Biên.

Không ai tản cư lên phía Sơn Tây. Lần này lại lục danh sách những nhà, những người có vấn đề. Lung tung quá, mọi người đã đi sơ tán hay đi đâu cả, ai biết được, biết đằng nào mà lần. Những mụ buôn lậu. Cũng chẳng có gì biết thêm nữa, không phải thuốc phiện hay buôn vàng mà là mấy bà chạy chợ tem phiếu, bánh mì, buôn gà... Mấy người pạc ti dăng, đội xếp cũ, xếp bốt dân vệ bỏ làng ra phố, có người thấy quyển sổ bảo vệ ghi từ đời nào là chỉ điểm, là tâm lý chiến, công chức Pháp, là nhạc vàng... Hầu hết những ông bà này đều đã ở dân phòng, ban vệ sinh và cũng gia đình năm tốt, vẫn đi họp mọi khi.

Thì cũng phải nắm lại.

Giữa trưa, vừa nổi còi báo động, lập tức nhoàng nhoàng tiếng bom, tiếng cao xạ dội vào các góc tường, đinh tai. Người hớt hải chạy

đằng đầu phố lại: "Sứ quán Pháp ăn bom chết hết rồi". Cơ quan Hội Văn nghệ ở láng giềng sứ quán Pháp. Bom rơi vào trong sứ quán, xung quanh tường vẫn nguyên, nhiều người còn đương chạy ra. Những ngày căng thẳng, người ở lại thành phố hay tránh quanh quẩn. Nhà gần cầu Long Biên thì xuống phố Huế, chiều mới về. Đến hôm giữa phố Huế bị giội bom lại nhảo lên. Bây giờ thì kéo đến ngồi ngoài tường các sứ quán, nhiều người đi đạo thì vào núp trong vườn nhà thờ Hàng Trống. Thấy nói nước Mỹ theo đạo Tin Lành không đi đạo Thiên Chúa, Mỹ đã choảng bom đổ cả nhà thờ dưới Phát Diệm, lại phân vân. Mỹ ném bom đến sứ quán Pháp, núp bờ tường quán nước ngoài cũng không yên rồi.

Nhốn nháo bấn lên. Thúc thêm được một số người lớn trẻ con đi sơ tán. Mấy cụ phụ lão trong phố ra ngoại ô. Cô Nghệ không đi. Cụ Thắng thì nhất định không đi rồi, ai hỏi cụ lắc đầu, trỏ ngón tay vào tai.

Cụ bảo cụ điếc không nghe tiếng bom hay ai nói gì cụ không hiểu. Đội dân phòng vẫn nguyên vị, mấy tay thủ công phất quạt giấy vót nan tre sửa soạn sang năm làm đèn tháng tám thì chẳng đi đâu. Hai ông xích lô xung phong tải thương, nhờ các ông này mà đội dân phòng, đội cứu thương không hụt người. Có hai người theo nhà máy, nhưng nhà máy chia rời bộ phận cũng chỉ ở dưới bãi bên kia sông, tối không làm ca lại về nhà. Trẻ nhỏ mỗi nhà cũng như nhà tôi, phải

đi một nơi theo trường học, còn người lớn thì ai cũng thế, người đi làm, người chạy chợ, mọi người mọi nghề, không mỗi chốc xa phố xá được. Chúng tôi vẫn gần đủ quân số cắt lượt đêm tuần. Có thể vào mùa đông 1972, máy bay B52 ném bom giải thảm vùng Khâm Thiên mới có lực xuống khối bạn cứu sập, tải thương...

Hôm ấy máy bay bắn tên lửa giữa trưa, đổ tầng chính tòa nhà đại sứ quán Pháp. Ông tổng đại diện P. Susini bị thương nặng. Cô bồ của ông, Aléa El Hakim, người Ai Cập thì chết ngay lúc ấy. Con trai ông từ Pari bay sang, đưa bố về. Giữa đường, ông ta chết.

Có người chép miệng: “Lão này quan to mà số ăn mày, chết đường. Giá ở đây vào Xanh Pôn, Phủ Doãn có khi lại không tỏi. Nó chê thày ta, thuốc ta cơ”. Cô Đàng hỏi tôi: “Có phải cái ông Tây đại sứ tối hôm ấy đến họp bầu cử ở phố ta?” Tôi nói: “Hình như lão ấy đấy”.

Máy bay quần ám suốt ngày. Bảnh mắt đã còi rú.

Rồi liên miên, chốc lại... Alô, máy bay địch bay xa... đã bay xa... Loa phóng thanh to bằng cái thúng úp treo trong cành cây khắp nơi công cộng, các loa hộp đài Hà Nội mắc ở mỗi nhà cũng dóng dả luôn đến đỗi rồi câu báo động lặn lẫn cả vào trong câu người mẹ chín đứa con ham chơi: Cha đẻ mẹ mày, cứ suốt ngày đi xa về gần, bà mà tóm cổ được mày...

Mọi việc trong phố bận rộn chằng chịt không bao giờ một bề. Chợ đổi vai đêm ra họp

ra tận Cầu Giấy, Ngã Tư Sở, chợ Mơ, càng vất người kiếm ăn bám vào mớ rau, bó hành. Thế mà cách ngày lại tập cứu hỏa, tập cứu thương. Kinh nghiệm bom phố Huế được khu phổ biến các khối tập thêm cứu sập, moi đất, trên phát cho cả chục cái xà beng.

Cụ Thắng điếc có sáng kiến, hỏi:

- Lúc đáo sự khó nhọc lắm, phải có người đem nước uống, tìm đâu ra chè tươi nhỉ, không có thì chết khát.

Một người nói trêu:

- Trên trời thì bom nện, dưới đất thì người chết, lòng dạ nào mà ngồi uống nước được. Thôi thế bây giờ chúng tôi phân công cụ nấu nước nhé.

Cụ Thắng hỏi lại: “Ông ấy nói gì thế?” Không dịch câu nói đùa cho cụ điếc nghe. Cụ Thắng lại nói với tôi:

- Tôi có việc báo cáo tiếp với anh.

Tôi lại đoán chừng việc gì. Tôi ghé tai cụ Thắng:

- Hồi này căng lắm, cụ về sơ tán với các cháu.

Cụ Thắng không nghe thủng câu tôi nói hay cụ không muốn ai bảo cụ sơ tán, cụ chống gậy, đủng đỉnh ra. Sơ tán gấp, sơ tán triệt để. Các cơ quan bàn giấy và các cửa hàng nhà mậu vắng hẳn. Đóng cửa các hàng mậu đi thôi, cho đỡ đứng đám xếp hàng rồng rắn, muốn đuổi theo đâu bán phiếu lít nước mắm, lạng mỡ, cân bột thì tìm ra ngoài kia. Nhưng cũng chỉ lơ thơ

mươi hôm rồi người lại lác đác thập thò, chỉ có các trường thì vắng lặng hẳn. Biết bao người sinh sống ở thành phố không thể dứt đi được. Cụ Thắng đã tám mươi tuổi, lại điếc lác, chỉ còn lấy việc khu phố làm vui, các cháu đã thuê cả chuyến xích lô rước cụ đi. Cụ dửng dưng. Cụ cũng không biết hãi máy bay như tôi, vâng, cụ ung dung. Vài hôm, lại thấy cụ Thắng chống gậy lò dò đến.

- Báo cáo anh, tôi mới ra. Có việc thì phân công cho tôi.

Cụ Thắng thong thả ngồi xuống, lấy cái máy nghe đeo lên tai. Tôi đã đoán chuyện cụ sắp nói mà tôi biết khi nào cụ cũng ý tứ, chỉ lúc có một mình cụ với tôi.

Tôi nói trước công việc:

- Lớp bình dân phải nghỉ hẳn. Mà cũng không được phép tụ tập quá năm người. Chỉ bên tổ phục vụ còn nhúc nhắc cơm nồi nước sôi nhưng công tác này không hợp với cụ. Để tôi lên tiểu khu hỏi năm nay tem phiếu thế nào, nếu làm sớm tránh báo động thì nhờ cụ như mọi năm, chưa có thì mời cụ lại về sơ tán, bắt buộc đấy, cho được an toàn. Khi nào có thì tôi cho nhắn.

- Việc gì tôi cũng làm được.

Cái máy nghe hình như cũng chỉ giúp cụ câu được câu chăng. Cụ nhắc tôi:

- Anh xem cái vệ sinh thế nào, bây giờ sang mùa thu rồi chậm mất thuốc muỗi, nhưng còn cái bả chuột.

Thế là năm nay không phun thuốc muỗi như mọi khi. Cái cô Nghệ cũng đoảng, tôi cứ phải giục cô ấy mới nhớ.

Tôi im lặng một lúc lâu, không đáp chuyện cụ. Nhưng cụ Thắng chưa về, cái máy nghe vẫn áp bên tai.

Cụ Thắng nói: Đồng chí là người trí thức, tôi rất quí. Tôi hoạt động Thanh niên Cách mệnh Đồng chí hội, tôi ở Thanh niên rồi sang Cộng sản. Đồng chí biết Trương Văn Lệnh không?

Tôi có gặp Trương Văn Lệnh một lần. Sau khởi nghĩa độ một hai tháng. Tôi làm phóng viên báo Cứu quốc. Hôm ấy có một cuộc họp ở Bắc Bộ phủ. Xuân Thủy, chủ nhiệm báo Cứu Quốc cho tôi biết một người to lớn bận đồ kaki kiểu áo Tôn Trung Sơn là Trương Văn Lệnh mới ở hải ngoại về. Tôi chỉ biết có thế. Tôi cũng chưa biết gì về đời hoạt động ngày trước của cụ Thắng. Việc khối phố hàng ngày có thế thôi, tôi cũng không muốn hỏi. Nhưng có thể đoán đại khái: Cụ Thắng vào Thanh Niên với Trương Văn Lệnh rồi cụ bị bắt, đến khi được tha có thể là mất liên lạc, có thể là mất tinh thần, thực tế cũng là không hoạt động nữa. Và những uẩn khúc thế nào đó vẫn là một u uất cho tới giờ. Tôi tự chắp nối lại lý lịch cụ được đến vậy thôi.

Tôi cũng chưa khi nào trò chuyện hay hỏi han cụ về Trương Văn Lệnh, lúc ấy không hiểu sao, tôi lại nói:

- Tôi có biết ông Trương Văn Lệnh, người

cao cao...

Cụ Thắng nhìn tôi, rồi thở dài:

- Phải, Trương Văn Lệnh chết rồi, chết đã lâu rồi.Nhưng mà chuyện oan khuất của tôi thì không nói ra được. Mỗi khi nghĩ đến lại đau thắt ruột, không chợp được mắt. Khối đứa ngày trước là con chó, mà ngày nay...

- Chuyện cũ, bỏ đi, cụ ạ.

- Nhưng nó sờ sờ trước mắt, nó chọc mắt trêu ngươi mình, có mù đi mới không trông thấy, mà không trông thấy cũng không quên được. Anh có biết thằng Thúc nghỉ hưu chuyên viên bảy trước cũng ra làm ban bảo vệ khối bên kia. Nó không phải Quốc dân đảng Nguyễn Thái Học đâu, nó là phản động Quốc dân đảng. Hồi ở trong này, đáng nhẽ nó phải chết với Nhượng Tống ở chỗ chợ Hôm, nó cùng cánh thằng ấy mà, ban ám sát của ta lại chỉ khử có Nhượng Tống. Lý lịch nó khai láo thế nào hóa ra thành tích hoạt động nội thành...

Tôi không thể có điều gì hầu chuyện cụ Thắng được.

Cụ còn kể vô vàn những đầu lâu cuối lấu đâu đâu thế này thì tôi làm thế nào dứt ra. Vừa hay, ông Đại phụ trách “cơm nồi nước sôi” đến. Có người vào, cụ Thắng chống gậy, đứng dậy bắt tay tôi.

- Cơm nước ra sao đây ông?

- Ta bàn chuyện đóng cửa thôi.

Việc về kinh tế, tôi đã phân công cho Đại từ năm đầu. Cũng là cái cớ cho ông phó mộc có thể

nhặt nhạnh thêm đồng ra đồng vào. Hôm trước đã tính nếu có bom đạn thì Hà Nội cũng vẫn còn người ở lại, ai cũng phải ăn phải uống thì vẫn duy trì, làm kinh tế, kế hoạch còn đương mở mang mà. Đã vận động mọi người tham gia công tác khối phố và ở cuộc họp dân phố kêu gọi mỗi người mỗi nhà đóng vài đồng hùn lại được một số tiền, như chơi họ, tổ phụ nữ đứng làm hợp tác xã có mục đích giúp bà con. Kế hoạch thành phố gọi là hợp tác xã mua bán đương vận động xây dựng khắp các nơi. Làm giỏi thì cũng như khiêng cả cái chợ về phố, cái gì cũng có, lại tự tay mình bán, tự tay mình mua. Và còn nghĩ rộng được nhiều sáng kiến, tổ phục vụ này cũng do nó mà ra. Tết nhất, các nhà đặt bánh, đưa bánh chưng gói sẵn, tổ hợp luộc bánh lấy công luộc, công củi. Lò than đỏ rực suốt ngày, nước sôi lúc nào cũng sẵn, nước phích, nước tắm gội bán phích, bán chậu. Cơm thì gạo các nhà vo đổ nước bỏ vào nồi, vào xoong đem ra đặt lên lò, hẹn giờ lấy.

Thức ăn, nồi cơm chỉ việc xách về, lại nhận tem phiếu mua hộ dầu, củi, đong gạo... Nàng dâu trăm họ, người khen trước mặt chửi sau lưng, người xói móc, nghi bớt xén. Nhưng mà vẫn gửi, vẫn “cám ơn”, vẫn “quí hóa quá”, bởi thật cũng đỡ vất vả cho người ta. Đấy, đã được người tin, vốn hùn đã kha khá, mọi mặt đương trôi chảy.

Chúng tôi định sẽ lên một quán phở và bánh cuốn, phở bánh hẳn hoi không phải miến

dong riềng. Sẵn lò than cả ngày, lại tráng bánh cuốn, cũng tiện một công. Tổ phục vụ này dựng lên được thế là tổ thứ 16, trong khu chỉ còn bốn khối chưa có. Làm quán phở đã. Dạo trước họp bàn khai trương Đại mời bà thương nghiệp, bà lương thực và công an khối. Họp xong, mỗi vị khách đã được mời chén một bát phở gà đầy có ngọn. Quí vị thưởng thức tự tay phó Đại trổ tài nấu nướng. Nhưng rồi ông Đại lại nói: "Múa võ thế thôi, chứ đến hôm làm phở thật thì miến dong riềng. Cái dong riềng hồi này trên Phùng quê tôi làm khá lắm, chẳng khác miến Tàu ngày xưa. Cốt cái nước thật béo. Bây giờ có bát phở, thịt gà thịt lợn ai cũng đều cân tất, thế đã hơn phở không người lái rồi". Tôi gật gù khen tài giỏi ăn nói và con dao pha tưởng tượng của Đại. "Nhưng không đến nỗi thế, tôi đã rủ được một ông ở phố ta trước làm phở nhà mậu ở Quán Thánh mới về hưu. Ông ấy chuyên nấu nước phở rồi đứng chan, chan một giờ trung bình được một nghìn năm trăm bát, có nghề không - chiến sĩ thi đua chan phở mấy năm liền, ông ấy sẽ cộng tác với ta". Đại hào hứng bốc, thế mà bàn chuyện đóng cửa.

Tôi bảo Đại:

- Máy bay máy bò thì mặc kệ chúng nó, việc ai nấy làm, gì mà phải đóng cửa mở cửa, hết máu hăng rồi a?

Đại nói:

- Sơ tán loãng cả phố xá rồi. Bán hàng miến sống mà ế một ngày thì thiu thối đi đứt vốn. Hai

ngày vắng khách rồi, chạy ra chợ Hôm bán lại thịt ế lo bằng chết ông ạ. Cơm nồi nước sôi cũng chẳng còn mấy người gửi. Các bà nhà bếp ngồi giãi he cả buổi. Tính thế này thôi, xưa nay làm ta chỉ ghi thu chi vào sổ nháp, không kế toán thanh toán ra từng món, chuyến này xem lại sổ sách, rồi giữ lại nghe tình hình đã. Chẳng nhẽ thằng Mỹ cứ ở trên trời mà doạ nhau mãi a.

Tôi khoái những cái nghĩ về tổ phục vụ, hợp tác xã mua bán đương phấn chấn. Nhưng nghe Đại kể như thế tôi lại hình dung khác ra. Tôi đã trông thấy ông cháo gà Chữ cầm một túi những mảnh thịt gà ông Trí bán buổi trưa không hết về luộc lại làm cháo đêm. Phải, miếng hàng sống chỉ quá một buổi thì vứt đi, thì đóng cửa, thì mất khách. Chẳng biết bây giờ quán bánh tôm hồ Tây ngon lành thế nào, nhưng mấy năm trước, một sáng sớm, tôi chỉ nhá một miếng, biết ngay bánh ế hôm qua. Từ đấy, không đến cửa hàng này nữa. Thế là mọi tốt đẹp của tôi về tổ phục vụ lại hóa ra màu xám. Tôi nói theo đuôi Đại: “Thế thì ông cho làm sổ sách đi. Tôi cũng chỉ biết nói vậy”. Tôi đi qua chỗ đắp ụ than mọi khi lúc nào cũng rừng rực người ra vào người ngồi chơi, trước cửa một miếng ni lông đỏ giải ra, trên đặt lọ lạc rang, lọ ô mai hột mơ tẩm gừng và cái ấm giỏ chè chén - tiện lò than đấy, lúc nào cũng có nước sôi tới số, có cả chai nước trắng giấu trong kia. Đã hay mắt ra phết. Ở trong làng cũng như ngoài chợ, chỗ nào dựng cái phên quán nước thì đấy có

người đến, người ngồi tán gẫu.

Hôm nay đã vắng ngắt, trên cửa treo miếng cót ép đề chữ vôi trắng: Tạm đóng cửa, lệnh sơ tán. Tôi nhòm vào, một ông đeo kính trắng với ông Đại đương ngồi trước đống giấy má. Đấy là ông kế toán ông Đại thuê về tính sổ.

Hồi ấy, ở phố ở làng, các hợp tác xã mua bán mọc nhua nhúa. Nhà mậu cung cấp vật chất cho mọi nhà, cô đơn là lạc hậu, phải vào hợp tác mới hợp thời và tiến lên được. Đủ các thứ, hợp tác thợ mũ, thợ khâu, đẽo guốc, cả những ông vá giày, ông cắt tóc cũng vào hợp tác. Vì có vào hợp tác mới mua được cái làm. Sống cá lẻ bây giờ chỉ còn anh bán đóm, chữa khóa, lão mài dao kéo, móc cống, bổ củi và các cô cầu Giẽ bán rượu chui cứ quảy bìu rượu đựng ni lông xám hệt bọc phân đạm. Đương phong trào như thế không vào chỉ thiệt, giấy tờ có hợp tác xã, có chữ ký chủ nhiệm thì thương nghiệp nhà mậu bán hàng cho. Vào hợp tác, ông đánh máy chữ thuê ngoài vỉa hè mới mua được giấy pơluya, giấy than, dầu lau máy, ông cắt tóc mới được thương nghiệp bán định kỳ khăn mặt, xà phòng, than đá đun nước sôi.

Nhiều nghề kiếm ăn lần hồi mà vào hợp tác như là những trò chơi. Tôi đã lâu năm cắt tóc hàng ông Be, tôi biết. Hiệu cắt tóc ông Be đúng kiểu hay ho một thời. Trước kia, ông Be chủ hiệu, ông đứng cắt tóc và thuê hai ghế thợ. Đến đận cải tạo tư sản Be ta cũng ba đào lắm. Làm chủ với hai người làm thuê thì đúng tẩy lên

thang tư sản rồi. Ông chỉ còn phân trần ông đứng một ghế, ông cũng lao động. Thế thì ông cũng như phú nông. Phú nông ngồi cùng chiếu địa chủ, cũng ghê bỏ mẹ. Ông Be nhanh trí xoay làm ăn đời mới, coi như ông canh ty với hai anh vẫn làm thường ngày, lại gọi thêm hai anh cắt rong nữa, cả nhà có năm ghế. Thế là đóng sổ biên bản họp xã viên lên hợp tác xã, báo cáo thương nghiệp khu rồi treo cái bảng kẻ chữ sơn đỏ: "Hợp tác xã cắt tóc Quyết Tiến". Hợp tác xã có cách hoạt động riêng chỉ biết với nhau. Ấy là khách vào ghế ai người ấy làm rồi người ấy bỏ tiền vào túi. Khách thích một người làm, tôi chỉ cắt ông Be, mấy người tôi cũng đợi. Chẳng bởi cầu kỳ mai trắng mai xanh, mà chỉ mỗi lần cắt tóc xong tôi lại thành bạn rượu đậu nghệ nướng chấm muối với Be. Bây giờ ông Be chỉ là xã viên, ông nhường anh khác làm chủ nhiệm mà ông vẫn còn hãi. Đến kỳ mua các thứ đồ nghề, cái khăn mặt, miếng xà phòng... mua bao nhiêu, cái gì, mỗi người xỉa tiền ra, một người mang sổ của hợp tác đi lĩnh mua cung cấp.

Ba tháng hợp tác xã cắt tóc Quyết Tiến thuê một ông kế toán già về hưu đến lập sổ, dựng lên các cột chi thu mua bán, cột lãi, cột cứu tế, cột linh tinh... kẻ ngang dọc vui mắt. Rồi đánh máy cái biên bản gọi là đại hội xã viên, mọi người ký tên, đem trình lên thương nghiệp đóng dấu đỏ chứng nhận. Không có ông kế toán ấy đến vẽ vời cho vài con số ma đúng qui lát thì không lên được khung đình đám hợp tác. Chắc chắn trên

cũng biết nó làm hợp tác xã dởm, nhưng năm thằng bờm đầu thì đến đời nào mới thành triệu phú được, cho nên trên dưới đều giả vờ không biết thế là trò chơi và không ai bới ra.

Tôi nói với Đại cho phải phép: “Nhớ phải sòng phẳng, không hợp tác xã ma đâu nhé”. Đại cãi ngay và giải thích: “Các bà ấy kém chữ nghĩa, ông với tôi còn công tác cơ quan, thì giờ đâu mà gò đầu gồ cổ tính sổ sách. Tất cả trong bếp ấy, còn mỗi đống than để ngoài cửa, tối đã có người ngủ canh lò. Thuê người sổ sách mới ra tấm ra món được”. Rồi Đại cười, cười cái gì không biết. Tôi cũng nói trống không thế, chứ tôi biết đằng mù nào những việc chi tiết và chuyện lén lút ma ăn cỗ.

Lại giữa trưa, như quen thói, máy bay Mỹ đến ném bom vào giữa thành phố, vùng Nhà hát Nhân dân, Bộ Giao thông, ga Hàng Cỏ sang ngõ Hàng Đũa. Cái ngõ Hàng Đũa ấy, thời Nhật, máy bay Đồng Minh – cũng Mỹ đã thả bom triệt hạ cả phố. Hôm ấy, người ta nói Mỹ thả bom tia la de, bom biết tìm đến mục tiêu mới nổ. Bộ Giao thông, nền Nhà hát Nhân dân ngay bên kia, khác phố, nhưng cách nhà tôi vài ba trăm thước.

Tôi cũng đương ở nhà một mình. Nhớ như hồi ấy tôi đương viết cái tiểu thuyết Miền Tây. Ngồi đây tôi tưởng tượng lên với nhân vật mẹ con bà Giàng Súa bên Đào San, Phong Thổ, ở Sìn Hồ vùng thấp vùng cao.

Tôi kê mảnh ván bên thành giếng. Nếu bom

rát quá thì trèo xuống giếng, cái giếng có hai bậc, thành trên tôi ngồi xổm mới kín đầu, còn thành dưới trong giếng có nước thì sâu nữa.

Gió lật tốc cả dàn cây móng rồng trên tường, hơi bom trút xuống cùng lúc với tiếng nổ. Tôi tụt vào giếng, trông lên vòm trời vòng tròn trên đầu. Bên cơ quan Bộ Giao thông trúng bom hay tên lửa không biết, tàn than giấy bay đen trời rơi lả tả xuống đầu tôi.

Tôi đeo băng, vơ cái còi quàng vào cổ chạy ra trông về ga Hàng Cỏ, thấy lạ hẳn. Tòa nhà đồ sộ giữa ga vòm mái đá đen đã biến mất, chỗ ấy toang hoác như giữa bãi trống. Phía hồ Văn Chương sau ga, cao xạ ta vẫn nhả đạn từng đợt đoàng đoàng. Thế là máy bay lại bom bắn vào trong thành phố, lần này đánh nhiều chỗ. Có một cảm tưởng âm thầm cứ dần dà nghiêm trọng hơn.

Ban bảo vệ các khối lên họp trên tiểu khu, ở khu đội và công an dự. Dương và Mẫn về báo cáo: Trên thông báo lần này Mỹ sẽ đánh Hà Nội nữa mà đánh rộng, có khi nó cho cả B52 đánh ác liệt. Đề phòng nó có thể bất thần nhảy dù tập kích như trận Sơn Tây.

Khu ta gần các cơ quan trọng yếu cũng là trọng điểm mặt trận. Phải triệt để sơ tán nhân dân, tuần tra mười hai tiếng suốt đêm, kiểm soát chặt chẽ sổ tạm trú, tạm vắng.

Nhiều việc "phải" nữa. Điều khó khăn, nhiều việc trái ngược và chồng chéo. Công tác chủ chốt khối phố hầu hết bà con có tuổi, kể cả

đội dân phòng, bây giờ sơ tán triệt để thì ai cũng vào diện đi, đi được, ấy là chưa kể những người bắt buộc phải theo cơ quan, theo xưởng máy. Mà cả trăm việc dồn xuống.

Quá nửa đêm, tôi đi với bảo vệ Dương từ phía ga Hàng Cỏ ra hồ. Bom đã ném bay cái nhà thuyền góc phố đằng kia. Cửa hàng bia quán Gió vẫn đèn sáng, chỉ có quán bia cửa ga và quán bia nhà thuyền có nem nướng không nhân ăn rất hay thì đã hóa ra một lỗ trống hốc. Không biết các cô bán hàng cửa ga, các cô nhà thuyền mọi đêm, có ai còn sống? Ánh điện ban đêm sáng lạnh, trời dìu dịu sang thu, sương mù hay là khói bom nhà cháy còn đọng luẩn quẩn trên các ngả đường.

Nhưng đến gần thì không phải. Cái mờ mờ sương phủ ấy là lớp lớp những chiếc chông cắm nhọn hoắt nhấp nhô liền nhau rỡn lên như màu sương. Những bàn chông la liệt khắp nơi. Nhớ mùa đông năm 1946 trên đồng quanh các làng Nghĩa Đô, Cổ Nhuế, sáng sớm trông ra chi chít liền mấy cánh đồng xám mờ những bãi chông tre cắm đề phòng Pháp nhảy dù. Bây giờ những chiếc chông sắt chống Mỹ nhảy dù cũng như sương phủ - không phải chỉ là phòng xa, mà trận tập kích đã xảy ra ở Sơn Tây.

Chúng tôi vòng về Nhà hát Nhân dân, cái nhà hát giữa trời này đã dỡ bỏ từ lâu, chỉ còn bãi cỏ hoang. Từ xa đã thấy trong ánh đèn phòng thủ nghiêng mờ mờ vun vút lên những ngọn chông. Mấy xe tải quân đội vừa đỗ, trên

thùng xe đẩy xuống, tiếng gỗ, tiếng sắt loảng xoảng. Bộ đội khiêng vào trong bãi như những bó chông hay những bộ phận súng máy. Khu vực này bên nhà tù Hỏa Lò - khách sạn Hintơn Hà Nội nổi tiếng giam nhiều lái Mỹ, không biết trong lúc quyết liệt này có còn người tù Mỹ nào trong ấy không. Vào Tết Nôen mỗi năm, tôi hay đi với Nguyễn Tuân vào Hỏa Lò gặp phi công tù binh. Giam nó ở đây, hỏi chuyện nó cũng ở đây, nhưng khi cho gặp chúng tôi thì người ta lại làm vờ cho chúng nó tưởng đi xa lắm mới đến chỗ các nhà báo. Mấy phi công Mỹ, trên xe tải bước xuống từ ngoài cổng vào, băng vải đen bịt mắt. Không biết nếu nghe tiếng loa phát thanh vang các góc tường và tiếng động ngoài phố đưa vào, những tù binh đã bị nhốt nhiều năm ở đây có nhận ra những tiếng quen thuộc hàng ngày vẫn nghe không.

Tôi bảo Dương:

- Ta thử vào xem chỗ này chông tre hay chông sắt như chỗ kia.

Một bộ đội đứng gác trong gốc cây, đến tận nơi mới thấy bóng người và ánh lưỡi lê sáng nhoáng.

Tiếng quát giựt giọng:

- Đứng lại.

- Chúng tôi dân phòng đi tuần tra.

Có lẽ anh bộ đội đã trông thấy cái băng đỏ và hai chúng tôi cầm đèn pin. Anh nói nhỏ, tiếng vẫn đanh lạnh ngắt.

- Không được vào!

Chúng tôi quay ra, bước xuống đường. Dương nói: “Đằng kia thì chẳng thấy cấm”. Và có vẻ ấm ức. Tôi chẳng thấy là phiền lòng, bảo Dương:

- Người ta cấm là phải chứ.

Tôi không băn khoăn chông sắt hay chông tre, nhưng lại nảy ra cái vẩn vơ so sánh: Súng có lưỡi lê của anh bộ đội hẳn đã lắp đạn, không phải súng lép như khẩu mút cơ toong hôm nọ khu đội cho mượn.

Sáng hôm sau, đi qua cửa ga và bãi cỏ Nhà hát, chẳng thấy gì cả. Nền nhà ga cháy đen và các bãi cỏ quạnh vắng. Như chuyện ma trong Liêu Trai. Mấy chiếc xe tải phủ bạt đậu dưới bóng vòm cây xà cừ, như những chiếc xe ban ngày tránh máy bay.

Người sơ tán các nơi nhiều, khu yêu cầu làm tem phiếu sớm. Vì không họp các tổ được, lên danh sách rồi phải nhắn đi các nơi soát lại người từng hộ, có di biến động thế nào. Đưa đi đưa lại vòng vo mất cả tuần, mà năm nay cũng không nhờ được học sinh giúp.

Đại và tôi mở đống sổ sách năm ngoái. Tôi bảo Đại:

- Tôi phải bàn với ông gấp một tý. Tuần sau, tôi có công tác đi Ấn Độ. Ông ở nhà làm cho vào đà, đến hôm tôi về...

Đại nói:

- Ông yên chí, việc tem phiếu còn dài, ta chống Mỹ cũng còn dài. Chắc ông đi Ấn Độ bằng tàu bay, không sợ gặp tàu bay Mỹ đánh sao?

Tôi cắt nghĩa Trạng Lợn:

- Sáng sớm nó còn ngủ, chặp tối nó đi ăn cơm. Bay những lúc ấy được.

- Tôi chưa trông thấy cái tàu bay lên xuống bao giờ.

- Thứ bảy này ông sang tiễn tôi thì được xem. Ông đi nhé.

Sớm tinh mơ trên sân bay Gia Lâm, phó ban Đại đứng trong đám các con tôi.

Tàu bay IL 18 lênh khênh sừng sững trước mặt rồi từng chiếc một, bốn cánh quạt lần lượt quay. Một lúc cả bốn cái cùng quay tít, bụi và lá khô mù mịt trước mặt.

Hôm về, Đại bảo tôi: “Nó rún lấy đà, quạt lên như bão. Ừ, phải thế mới đẩy lên được”.

Tối tối, tôi với Đại lại đếm lại các loại tem, đối chiếu từng hộ. Trong khi, các tổ đi tuần tra đến năm giờ sáng.

Cuối năm, xong đợt tem phiếu đến sang giêng hai dương lịch, thành phố sắp xếp lại các cấp hành chính được thông báo hết quí một, có thay đổi. Vẫn có ủy ban trên thành phố, các tiểu khu nhập thành quận, trong nội thành có bốn quận. Ở dưới mấy khối cộng lại thành phường. Các tổ vẫn còn. Ban đại biểu dân phố giải tán, ra đời bộ máy phường tương tự như xã ở ngoại thành. Chủ tịch phường có con dấu và ăn phụ cấp như lương.

Cán bộ Thắng tiểu khu mà mỗi Tết lại đến nhà tôi lấy dao phay, dao bầu đi mài, anh vẫn đến chơi Tết, anh đã xin đổi công tác về nhà

máy sơn. Cái chạn bát, cánh cửa sổ nhà tôi cuối năm được sơn xanh lại tươi tắn. Dương ra giữ xe đạp cửa rạp chiếu bóng. Mẫn đổi chỗ lên ngồi chữa xe trên Bờ Hồ. Mẫn bảo dưới này đói quá, có hôm chỉ được vài nhát bơm.

Mẫn nói với tôi: "Anh cho em thôi cái bảo vệ đường phố, em còn phải đi bảo vệ cái dạ dày". Một năm, Dương đến mượn tôi cái va li, bảo là về Sài Gòn. Tôi đưa Dương cái va li cũ. Rồi Dương có về Phú Lâm hay đi đâu, tôi không biết.

Tôi thôi trưởng ban bao giờ, không nhớ. Khi làm, không ai mời, đến khi thôi thì thôi cũng không ai bảo.

Chỉ nhớ bấy giờ sau trận B52 máy bay Mỹ ném bom vùng Khâm Thiên, các khối dân phố đi cứu khối bạn, đội dân phòng, cả cáng thương và túi thuốc, cả xà beng như mọi khi đã tập, tôi vác cái câu liêm.

Chốc đã hơn bảy năm qua. Anh Khang đảng viên rủ tôi ra làm công tác phố ốm đã mất ba bốn năm nay. Nhiều người, cụ Thắng điếc, cô Nghệ, ông An cũng qui tiên cả rồi. Chẳng có cáo phó, khi ấy việc tang ma còn đơn giản, có người bảo tôi mới biết.

Nguyễn Văn Bổng và tôi vẫn hay vào quán Gió uống bia. Ngồi uống bia hiu hiu còm cõi, nhưng bên hồ nước, bao giờ cũng có cảm tưởng xa khơi. Không còn khi nào vào hàng nửa đêm. Mà các cô bán hàng thuở ấy không còn ai bây giờ và cũng không có bia hơi, cửa hàng đã lên

cấp. Chợt nhớ anh phó mộc Đại.

Tôi tạt đến rủ đi cho vui. Cái nhà Đại ở mọi khi đã biến mất, chỗ ấy thấy quây bạt, lủa tủa cột bê tông, đương lên nhà tầng. Ông thợ may hàng xóm, trước ở đội dân phòng nhận ra trưởng ban.

- Ông đấy à, ông vào xơi nước. - Ông có đi uống bia thì đi với tôi. - Mời hai ông. Nhà cháu bệnh áp huyết, bia rượu những cái ấy phải kiêng. Định vào rủ ông Đại - Ông Đại thợ mộc trên quận đã nghỉ hưu. Ông ấy về quê Phùng được mấy tháng rồi.

Mấy năm mới lại vào ngõ này, khác quá, khác quá.

Chúng tôi đến quán Gió. Đọc báo thấy đăng tin có đàn cò về đậu ngọn cây ở cái gò giữa hồ. Đã bao nhiêu năm nay những đàn cò không về lòng hồ. Nguyễn Văn Bổng hỏi cô bán bia hôm nay đã thấy cò về trong hồ chưa.

Cô hàng nói:

- Buổi sáng còn bay loạn ngọn cây, bây giờ chưa về.

Chập tối, đã lên đèn. Chẳng thấy một bóng cò. Cô hàng nói một câu có ý nghĩa thế nào chăng.

- Thời buổi này, con chim cũng vui đâu đậu đấy, có phải không hai bác?

CHƯƠNG 15



ầu mùa đông 1957, tôi đi Matxcơva, dự hội nghị quốc tế về Văn học thiếu nhi. Người dịch tiếng Nga cho tôi là Marian Tkchôp. Năm ấy, Marich trên hai mươi tuổi đôi chút. Tốt nghiệp khoa tiếng Việt ở Matxcơva rồi làm việc ban đối ngoại Hội Nhà văn Liên Xô. Thoạt trông, tưởng người ít ra đã trạc bốn mươi. Một lọn tóc vắt che trán hói lên gần đỉnh đầu, cái đuôi tóc còn thừa thòng lòng ra đằng gáy. Vừng trán cao phẳng lặng thật lạc lõng với người trẻ tuổi mới có người yêu.

Năm 1994, ngót bốn mươi năm sau, một hôm chúng tôi ngồi trên gác nhà hàng Cây sấu gần hồ Hoàn Kiếm. Cái đầu hói của Marich vẫn thế. Vẫn cái trán lồng lộng như ngày còn trẻ. Chỉ khác đã lâu mất chiếc đuôi tóc hắt lên che trán. Vẫn như từ thuở trước nhưng giờ không cần che nữa.

Marich đi với nhà văn Ke Babaep cao lớn đội mũ nan ra ga xe lửa đón. Ke Babaep, người nước Cộng hòa Tuyếcmêni. Ban Thường vụ Hội Nhà văn Liên Xô có chế độ làm việc luân phiên, ủy viên thường vụ các nước cộng hòa mỗi năm về Matxcơva thường trực ba tháng.

Tôi vừa đi chuyến tàu hỏa mười ba đêm

ngày, từ Hà Nội lên Bắc Kinh qua mênh mông rầu rĩ rừng taiga Sibêri tới Matxcơva. Ba ngày tàu Trung Quốc cơm với măng xào nấm, lạ miệng nhưng ăn được. Mười hôm tàu Nga, bánh mì đen, thịt băm viên súp cải bắp, đã chối đến ngắc ngư. Bữa ăn bán phiếu theo vé, chỉ bia Thanh Đảo, bia Matxcơva mua được bằng tiền Tàu, tiền Nga. Thanh Đảo chỉ có chai to - hãng bia ra đời từ đầu thế kỷ vẫn một kích cỡ ấy tới giờ.

Qua sông Tùng Hoa chập chờn ngước lên nhìn quan ải Sơn Hải cheo leo núi đỏ từng tảng đến xa mờ, những chơi vơi đồn lũy Trường thành đầu tiên, hơn năm trăm dặm nữa tới Gia Cốc quan, con đường Tơ Lụa đời Tần vắt ngang đấy sang châu Âu đã từ nghìn năm trước.

Sibêri cuối thu, tuyết xuống tơi tả. Những vòm cối sắt nâng tàu thay bánh ở Dabaican. Chốc lát, cả đoàn tàu đứng dừng như sắp lút trong tuyết, chỉ đen sẫm nhô lên mấy cái cọc sắt. Tuần lễ sau đến Matxcơva, tuyết bắt đầu đóng băng như những miếng kính, người lội trong bùn trắng. Khách sạn Ukraina trông xuống sông Matxcơva, những buổi sáng từng mảng băng mỏng đọng trên mặt nước.

Cũng một cảnh, một việc ấy, nhưng thời gian qua đi lặng lẽ mà dữ dội. Cách mạng tháng Mười Nga 1917 đã trên bảy mươi tuổi. Tôi biết Người từ tuổi thanh niên, bây giờ, hôm nay bỗng nhiên tên Người bị xóa địa giới trên bản đồ. Làm sao mỗi chốc có thể dửng dưng.

Phút chốc ai kia coi như ván bài tú lơ khơ, cái người mà trong chiến tranh thế giới lần thứ hai mới lên mười, mẹ dắt chạy giặc vào Trung Á. Goócbachôp bằng tuổi Marich. Marich thường kể khi tản cư thèm đường hay ăn vụng đường phiếu. Nó bỏ chế độ của nó như cất bàn cờ. Thế mà năm ngoái Goócbachôp lại ra ứng cử tổng thống. Nước Nga đã nhổ vào mặt anh ta. Goócbachôp không được nổi 0, 51 phần trăm phiếu bầu!

Hôm trước, sang ga Nội Bài đi Sài Gòn. Thấy trên sân bay đậu những chiếc máy bay Nga. Vẫn cái Airbus 87 và những họ hàng Tu, Il, An... nhưng thấy thiếu, thấy vướng thế nào. Mới nhớ ra bên cạnh chữ Aeroflot, cái chỗ trống ở dưới dạo trước vẽ hình búa liềm. Bao nhiêu năm đã nhìn cái hoa nở như thế. Cũng như tôi thật khó chịu - tất nhiên, một khó chịu vô lý, người ngoặc ra ngoặc vào cạnh chữ Liên Xô thêm chữ cũ. Ừ thì là cũ, là đã qua, nhưng trong tâm tưởng tôi, tôi không biết có chữ ấy.

Trông cái 87 ở sân bay Nội Bài không hình búa liềm ngỡ như cái máy bay vừa bị cướp, quả là chúng nó quân cướp ngày. Đã quen thuộc anh em IL, đi đâu đâu rồi về qua sân bay Sêrêmêthêvô 2, đã như đến Gia Lâm, Nội Bài nhà mình. Sáng sớm, đêm khuya, đoán được cả quãng máy bay sắp xiết bánh xuống đường băng lấy đà cất cánh.

Cái IL 18 bốn cánh quạt đến Hà Nội từ khi Nội Bài còn là sân bay dã chiến và chưa hẳn hoi

thành bãi ga trời giao du ra ngoài. Ở Gia Lâm, tôi đáp chiếc Aigle d Adzur mà ủy ban Quốc tế thuê của Pháp đi vòng Đông Dương mỗi tuần, lần ấy sang Pnôm Pênh. Trở lại Hà Nội, các con tôi kể bà Năm và chúng nó đi tiễn, máy bay lên rồi về nhà bà Năm ra chợ Hôm mua hương hoa về cúng cầu bình yên cho tôi. Chẳng như sau này, máy bay như con thoi một lèo Hà Nội - Matxcơva rồi Hà Nội, Nam Ninh, Trường Sa, Bắc Kinh - Iếc Cút, Ômsơ. IL 18 ngắn hơi hơn đỗ quãng một, nghỉ ăn ở Trường Sa, ở Tatsken. Những mùa đông gặp bão tuyết, có khi chờ bão tan ở Sveclôp, ở Iếc Cút mấy ngày đêm. Chẳng sao, máy bay nhà. Có hôm sắp tới Matxcơva lại ngược lên đỗ Lêningrat. Sau mới biết có máy bay ở Kiep lên đáp xuống đâm vào rừng thông, sân bay phải đóng cửa.

Tôi đến Matxcơva ngót nửa thế kỷ sau Cách Mạng Tháng Mười Nga. Không biết quang cảnh và sinh hoạt Matxcơva ngày trước thế nào, nhưng những năm này đã mỗi năm mỗi khác. Chặp tối, ánh sáng điện hè phố như tạnh ráo hẳn. Những hạt tuyết khô bay loăng quăng, ràn rạt vào mặt, thế là sắp lạnh nữa, chỉ vài hôm thì băng đóng kín trên sông. Rồi trong chốc lát, trời lại sạm ngắt, mưa tuyết trơn ướt tơi bời. Sân bay vẫn đóng, không phải vì mới xảy tai nạn, mà thời tiết dữ quá, máy bay không cất cánh được.

Ngoài đường đã thưa người mặc đồng phục đội mũ lưỡi trai, nhưng váy áo vẫn tương tự.

Mùa lạnh, áo lông đen khoác, áo bông ô quả trám, mũ hai tai có dây buộc. Những cô gái Nga mặc quần phăng, các ông gác cửa không cho vào khách sạn. Nhưng tối đến thì tha hồ. Phòng ăn đông từ chặp tối, cả sàn nhảy giữa nhà. Các bà váy lòa xòa đi qua sàn gỗ chưa có nhạc thì nhún chân.

Nền nếp ăn mặc thời ấy ở Matxcơva vừa phải với quần áo của tôi mà bộ Tài Chính cho mượn, cho thuê. Mũ lông, ủng da ủng nhựa, những cái áo khoác giả lông cừu nặng như cùm. Bởi có mấy khi đi đâu và tiền đâu mà sắm, hàng đoàn cả chục, mấy chục người ở đồng ruộng về chỉ đi dăm bữa nửa tháng thì nhà nước tất phải lo. Tôi mượn Hoàng Cầm cái va li to tổ bố. Không biết tại sao lão có cái va li da bò bự thế. Chắc của Hoàng Yến vợ lão. Nhưng hôm đến kho thử mỗi thứ một bộ, vừa cái va li giấy nhỏ, tôi đem trả anh.

Trong các bạn có dịp ra nước ngoài, Nguyễn Tuân không đến kho quần áo. Ông mượn của người có quần áo tốt, sau đó ông đã sắm cho ông lần đầu tiên đi Hensênhky, một bộ comlê chững chạc. Ông không coi thường cái kho, mà ông sợ. Những cái sơ mi trắng được đánh dấu bằng phẩm đen in hai chữ TC (tài chính) to tướng đằng lưng áo, ông đã hãi, ông miêu tả cả đoàn đại biểu áo sơ mi của ai cũng có cái dấu đằng lưng thế. Đôi giày, cái píp, cái can, cái cà vạt, các bạn Hà Nội lịch sự biếu ông hoặc cho mượn không bao giờ đòi. Có điều, không thấy ông

Thiếu quê hương dán vào va li những mảnh bảng tên nhà ga, khách sạn các nơi đã đi qua. Ngày trước chẳng được xê dịch bao nhiêu, chỉ giang hồ trong sách, thì ông cho nhân vật Bạch cái thú dán nhãn phiêu lưu như thế.

Cái kho quần áo nhà nước to dần, bộ mặt thay đổi. Đến kho mượn, rồi sau không cho mượn mà nhà nước cho thuê. Khi đem trả, nhà kho soát lại, quần có lỗ thủng tàn thuốc lá, rách sơ mi hay ố bẩn đều phải đền. Hồi đầu, kho cho mượn cả thứ lặt vặt mùi xoa, bít tất, áo quần lót... Nhưng giày không có dây.

Cả thành phố không đâu bán dây giày và hộp kem. Tôi lại phải xin đôi dây giày và mượn cái cà vạt của Nguyễn Văn Bổng, người hay chơi giày và cà vạt.

Kho quần áo những năm đầu chỉ một phòng, hai người thay nhau trông nom. Khách đến khách đi với ông coi kho trò chuyện, quen mặt. Đến khi kho dọn về đường Thái Hà đã thành lớp nhà tường bao cao cao như kho gạo, người nhộn nhịp, kho giày kho mũ và khăn quàng ở bên kia, ngoài cổng chính có phòng thường trực.

Ngày kho còn ở phố trên, có một ông già người khu Năm - mà tôi không sành tiếng, không phân biệt được ông người tỉnh nào. Chiếc khăn mặt bông được phát ở Sầm Sơn cái ngày dưới tàu tập kết lên, ông vẫn giữ, vắt trên lao màn đầu giường. Cái giường của ông ấy những đêm trực kê sau cánh cửa, khuất một

mảnh ván gỗ. Cán bộ cao cấp đến thử áo, giầy, lấy các thứ mượn bỏ vào va li, có người xách về sau. Một đoàn người, nông dân công nhân đi công tác, tham quan, sắp hàng đôi bước đều, mỗi người ôm cái va li trước ngực. Tôi không biết mọi người đến đây thoải mái hay khó khăn thế nào. Tôi chẳng khi nào có gì phàn nàn, mà phàn nàn vào đâu. Ông coi kho lần nào đến cũng bắt tay tôi chặt chẽ, thân mật như người cơ quan.

Ông ấy hóp má gầy gùa, da nhăn nheo ngăm ngăm đen. Đầu bạc, nhưng húi cua, chỉ thấy chân tóc lấp lánh. Hai bàn tay gồ ghề xem chừng chẳng quen thuộc với những của hàng hóa trong kho. Nhưng ông trật tự ngay ngắn có sách của ông ấy, một cái khăn thủng, một cái khuy đứt cũng không qua được mắt ông. Ông hỏi tôi:

- Lần này đồng chí đi bao nhiêu ngày?

- Hai tuần.

- Hai tuần thì lĩnh một bộ vét, hai áo sơ mi, một đôi giày màu nào thì đồng chí vào kho chọn.

Lần khác, tôi nói: "Đi sáu tuần, bên ấy có tuyết rét lắm", thì ông bảo: "Hơn một tháng thì được mượn hai bộ, hai sơ mi. Rét thì áo dạ khoác, mũ lông mỗi thứ một cái". Ông lão chẳng cần xem giấy tờ, mà cũng bởi có đi đến mấy tháng cũng chỉ một đôi giày, hai sơ mi, lấy các thứ xong đem mở va li trước mặt ông coi rồi ông mới đưa chìa khóa. Cái dây thép vắt cà vạt

lòe loẹt loăn xoăn như những dải rút màu, tôi cho qua. Vừa cà vạt bẩn mắt, vừa tôi có thành kiến người châu Á thắt cà vạt không đẹp.

Lấy va li trước rồi xách sang kho quần áo, kho giày. Chọn giày mà khó. Không vì kiểu dáng hay màu, mà cái bí mật của độ bền. Cái lần đi Rumani tôi nảy sáng kiến mượn đôi giày mới, chưa ai xỏ chân. Đến lúc vấp một cái, mỏm giày há như cái hộp mở. Thì ra người đóng giày ăn cắp, đóng mớm quá. May, đường phố Bucaret cũng lắm người vá giày và cũng được bà phiên dịch Madari sốt sắng, đã mượn khâu lại, ngồi đợi và lấy ngay. Lại kinh nghiệm mới, nên mượn đôi giày có người đã đi và còn có mã. Ông giữ kho đi theo người mượn, ông hay hỏi rồi lại trả lời lấy "Được chưa? Được rồi. Cái áo này thì mưa tuyết to mấy cũng không thủng được. Bên ấy rét thế thì phải bít tất len, kho mới về bít tất len có cổ, đồng chí có lấy không?"

Cứ kể mượn nữa cũng được, cánh hẩu mà. Nhưng đi về hai mươi cân không kể xách tay, mà xách tay cồng kềnh quá bị đè ra cân thì rầy rà. Đây mới lượt đi, còn để chỗ cho về, về mới là chính, bao nhiêu thứ đã tính toán, đã chờ mong. Thế thì phải phiên phiến. Tôi vừa chọn, có khi ông lão chọn, lấy ra hộ. Chỉ có một lần tôi được cầm phiếu đi hiệu may Tiến Thành, sắm bộ mới toanh - chuyến đi Campuchia 1963, cũng nhà nước cho mượn, nhưng được cắt một bộ tôpican mới. Bộ đồ ấy khi về cũng toan khai là đánh mất, rồi lại ngại, dẫu tôi cũng chẳng có

bộ quần áo nào nên hồn.

Dần dà, sự trễ nải tạo cho tôi một ý nghĩ và thói quen cho mình yên trí và được bằng lòng. Người Việt Nam mặc Tây không ra mẽ gì. Vả lại, trên thế giới cái sự mốt là thích thú của trai gái đương thì hay của người giao thiệp ngoại giao, kinh doanh. Còn ta mặc thế nào thì cũng chẳng ai buồn để mắt. Lại nữa, khi có tuổi, người ta thường ăn mặc theo kỷ niệm một thời, ở nước nào cũng gặp những ông già đội mũ phớt lệch, gấu quần gấp lơvê, ve áo nhỏ, thắt lưng có dây treo, cà vạt đen, tay chống can…

Tôi mua biếu ông lão coi kho một cái mũ giả lông cừu lông gấu ở Matxcơva.

Tôi vừa đội thử lên đầu ông, ông đã hỏi:

- Đồng chí trông có được không?

Tôi đáp:

- Đẹp lắm. Như ông chăn cừu.

Ông lão ấn cái chỏm mũ xuống, nói:

- Ngày nào tôi cũng sắm sửa cho người đi các nơi, chẳng khác đã đi các nơi, mình đã thuộc cả. Đấy, tôi đội cái mũ tây vừa ngay. Ở mà tàu thủy, tàu hỏa tôi biết cả rồi, chỉ chưa được ngồi tàu bay, mà tàu bay thì cũng bay trên trời kia chứ gì, tôi nhìn thấy cả rồi.

- Đâu cũng chỉ có trời, có biển, có đất thôi.

Ông lão im lặng rồi hỏi:

- Đồng chí đã trông thấy tuyết, phải không?

Tôi đáp như một người tai nghễnh ngãng:

- Khi nào có tuyết thì người ta đội cái mũ này.

Ông xoay ngắm mũ, nét mặt ông ngẩn ngơ. Không phải lúc nào ông cũng chỉ càu nhàu khó tính với người ta. Không, ông nghĩ đến bao nhiêu cái chưa biết mà tưởng như đã biết. Ông mơ mộng. Nắm tay cám ơn tôi, ông nói: "Đánh xong thằng Mỹ rồi, bao giờ tôi về quê, chắc tôi được đi tàu bay". Tôi nói: "Và đội cái mũ lông này". Ông cười, cả hàm dưới không còn cái răng nào.

Ông lão hay nhăn nhó mà hồn nhiên, chẳng mấy đám khách mà ông không cau có, làu bàu, nhưng ông vẫn tìm từng cái khăn quàng và vác va li hộ. Người thì ghét, người thì buồn cười cái ông lão chỉ rúc xó nhà mà hay chuyện bên Tây bên Mỹ như đâu cũng đã biết. Tôi biếu cái mũ, ông sướng ơ mặt, ông không biết cái mũ chẳng mấy tiền mà ông thấy đẹp kỳ lạ đến thế, và cái chỗ của chiếc mũ ở va li hay để túi cầm tay thì đêm sau cùng đóng gói ra về mới công phu thử đi thử lại. Bây giờ ông đội mũ ngồi tõe năm ngón tay trên đầu gối. Cái mũ lông hóa học đen nhánh có tai, có dây buộc lên buông xuống quanh chỏm cao chành ngang ra hai góc như mũ vua trên sân khấu, chỉ thiếu cái roi ngựa hay thanh kiếm. Tôi thấy mấy ngày đầu mùa đông ông đội cả mũ trong nhà.

Không thấy ông coi kho mọi khi ngồi trước cửa. Một anh mũ tai bèo, chắc là thương binh hay bộ đội chuyển ngành mới về đây. Anh đứng dậy, xem giấy.

Tôi hỏi:

- Cụ khu Năm chưa đến a?

- Cụ chết rồi. Chết bom.

Chủ nhật vừa đây ông về Tây Hồ. Quê vợ ông lão ở làng Tây Hồ. Bom ném, ông chết, mất cả cái xe đạp trên đê Nhật Tân. Chắc cái mũ cũng tan tành ở đấy.

Ai đã qua lại mượn quần áo tài chính có còn nhớ ông lão khu Năm đầu tiên giữ kho?

Tôi còn cái mũ lông nữa tôi biếu Vù Mý Kẻ, cũng mũ có hai tai vẫy như thế. Vù Mý Kẻ và tôi cùng một khóa Quốc hội, tôi đưa chiếc mũ ở hội trường, nghĩ đến cái làng Sà Phìn cao nguyên Đồng Văn không có mùa hạ. Chắc mũ này được việc lắm. Vù Mý Kẻ thú vị ra mặt, cầm mũ, ngắm nghía. Chuyến ấy, một đoàn đại biểu Quốc hội ta thăm châu Mỹ, đi từ Cu Ba lên Nicaragoa. Về Hà Nội, đại biểu Vù Mý Kẻ đến chơi. Mấy hôm ấy không còn những ngày nóng bức nhưng cũng chưa đã sang thu. Vù Mý Kẻ đi vào trong ngõ vẫn đội ngất nghểu cái mũ lông vàng vện của tôi. Anh muốn khoe anh quí cái mũ, anh muốn tôi nhìn thấy anh đã đội mũ đi công tác bên châu Mỹ về.

Tôi hỏi:

- Bên ấy nóng thế, đội mũ này hợp không?

Vù Mý Kẻ cười:

- Về Liên Xô thì rét, có mũ này mới chịu được.

- Quê nó ở đấy mà.

Nhiều năm nay, Vù Mý Kẻ nghỉ hưu đã về ở trên cao nguyên. Có người qua Sà Phìn, tôi hỏi

thăm. Thấy bảo buổi chiều ngồi uống rượu trước cửa, ông lão vẫn đội ngất ngưởng cái mũ ấy.

Lần đầu đến Matxcơva ăn bữa tối khách sạn Ukraina. Tôi hỏi Marich:

- Hôm nào phòng ăn cũng đông thế này a?

- Đông lắm. Còn người đứng đợi chỗ ngoài cửa. Nhưng không phải những người ngồi ăn đây đều ở khách sạn.

- Họ ở đâu?

- Chúng nó là người làm các cửa hàng quanh đây.

- Nhà nước cho ăn suất ở khách sạn a?

- Chắc là bọn ăn cắp. Tôi đã nhẵn mặt họ, ăn và nhảy đến tận lúc tan.

Tôi để ý mỗi hôm tôi xuống sớm mới tìm được chỗ ngồi khuất, đỡ có hàng xóm và loa nhạc hát chõ vào tai. Có khi bàn trống, người bồi bảo bàn đã có hẹn, và chỉ cho nhìn cái giấy đã ghi: Dành riêng. Nhưng đưa tiền boa trước boa sau thì chỗ hẹn ấy cũng là của mình ngay. Diệu vợi thế, cho nên đến năm không còn kiểu ăn ghi sổ, khách văn được hội chủ nhà phát tiền ăn, tiền tiêu vặt thì nhiều nhà văn Việt Nam đến Matxcơva đều ra quán công cộng ngoài phố. Chịu khó chen vai và bưng bê lấy, được cái giá bèo bọt. Tôi cũng đã theo Thu Bồn ra ăn bụi, nhưng hôm nào cũng chỉ món băm viên, tôi kinh cái cục thịt hổ lốn ấy từ cái năm đầu tiên đi tàu hỏa qua Sibêri.

Mai ngày họp, nhiều nhà văn các nước dự.

Tôi gặp P. Nêruđa nhà văn Chi Lê hình như ở lưu vong. Nhà văn Matxăc đưa về nhà chơi. Matxăc chuyên viết cho thiếu nhi, nhưng ông cũng là một dịch giả nổi tiếng dịch thơ Anh. Mùa hè nào Matxăc cũng được Nhà xuất bản bên Luân Đôn mời sang nghỉ. Ở hội nghị, tôi có sẵn bài diễn văn, nhưng không phải dùng đến. Chỉ có một chuyện, tôi nhớ cả cái dáng B. Pôlêvôi đứng lên. Buổi tối khai mạc, Pôlêvôi phát biểu kể chuyện con trai ông học phổ thông mải đọc Dế mèn phiêu lưu ký đến nỗi thiếu điểm thi học kỳ.

Dế mèn phiêu lưu ký vừa được in, Marich dịch, Ngô Mạnh Lân đương học mỹ thuật ở Matxcơva vẽ tranh. Chuyện Pôlêvôi nói ở hội nghị được tường thuật trên tờ tạp chí Phụ nữ Liên Xô rồi các phóng viên Lê Trung và Trần Đĩnh biên tập lại cho in trên báo Nhân Dân. Bấy giờ ở ta đương quét những cái hơi hướng xét lại. Có người phát hiện: “Dế mèn đi tìm thế giới đại đồng là quan điểm xét lại”. Hai chàng phóng viên bạn tôi bị kiểm điểm. Nhà xuất bản ngừng tái bản Dế mèn... việc cứ thế tấy lên đến tai anh Lành. Lành phán: “Không nên qui kết lịch sử các thời kỳ khác nhau”. Có thế mới thôi. Tôi viết quyển ấy từ năm 1940, khi nước ta còn thuộc Pháp, khi ấy Khơrutxôp còn dưới trướng Xtalin trên thế giới chưa có danh từ xét lại trong lý luận chính trị. Có lần gặp, Lành nói chuyện ấy: “Dế mèn thì vẫn Dế mèn, nhưng lôi thôi ở đứa viết quảng cáo bìa bốn”. Trời ơi, ông

ấy bấy giờ ngày đêm lo những chuyện tày đình cả nước, mà vẫn đọc quái thế.

Sau hội nghị, tôi đi Lêningrat rồi xuống thành phố cảng Ôđetxa, sau đó sang nước cộng hòa Cadăcxtăng.

Marich có nhiều bạn ở Leningrat - trong đó có nhà vật lý Borit bạn chí cốt cùng học và cùng quê Ôđetxa.

Marich bố Nga, mẹ Do Thái. Bố mẹ đã ly dị từ thuở Marich lọt lòng, người mẹ ở vậy nuôi con, Marich lớn lên giữa họ hàng đằng mẹ, quê mẹ. Cả cái tên Marian cũng gốc Do Thái. Ở Ba Lan, các trại tập trung Ôchiuych, Ôvetkin của phát xít Đức con số tù tới cả triệu, đã bị thiêu sống hết. Do Thái ở Ba Lan, Áo, Bỉ, Pháp, Hy Lạp, Nga, Ru, Hung cả người Di Gan. Lại có lẫn một người Trung Quốc, một người Ai Cập... Tôi trông thấy những mảnh thiếc viết chữ sơn đen tên những người Do Thái bị chết thiêu... những Marian... Marian... Marian... treo cửa buồng khắp các trại tập trung.

Marich đã đưa tôi về Ôđetxa chơi. Những chuyến đi hội nghị, chẳng nhớ bao nhiêu những ăn nói đấu tranh, những lập luận và câu chữ ở hội nghị đã quên ngay, mà chỉ còn lại những gặp gỡ, những vui buồn bạn bè. Trách nhiệm của tôi mờ nhạt hay là tôi không có sáng kiến gì hơn ở các cuộc họp nghề nghiệp và công tác xã hội của các hội hữu nghị châu Á, châu Phi mà tôi có gánh vác. Chủ trương thì đã bàn ở nhà, mà là cần thiết. Tôi đến hội nghị ở Ai Cập, đọc một

bài phát biểu về G. Nêru trong dịp kỷ niệm một trăm năm sinh Nêru, thì bài đã viết ở Hà Nội. Tôi làm sao được, có trao đổi cũng là những vặt vãnh. Cái cần thiết là sự có mặt của Việt Nam ở đấy là uy tín của cả đất nước, không phải của một nhà văn.

Cũng có khi chủ động đấy. Nhưng tôi chẳng mát tay, không nên cơm cháo gì. Nhớ lại có một việc định làm, đã làm mà không làm được. Bấy giờ là những năm sau 1975, Nguyễn Đình Thi có quen một nhà văn Anh trong ban chấp hành hội Văn bút quốc tế. Ông này gợi ý Nguyễn Đình Thi: Trong tình hình mới, Việt Nam nên gia nhập tổ chức quốc tế này. Cũng trong thời gian ấy một số nhà văn ở Sài Gòn đã ra nước ngoài cũng đương vận động vào lại Văn bút với tư cách Văn bút của các nhà văn Việt Nam ở hải ngoại. Hội Nhà văn Việt Nam được trên đồng ý cho tìm hiểu cách thức gia nhập, Nguyễn Đình Thi giao cho tôi lo liệu.

Văn bút quốc tế là một tổ chức văn học ra đời đã lâu, trụ sở ở Luân Đôn. Không thu nhận các hội nhà văn đã có sẵn, họ chủ trương kết nạp cá nhân nhà văn có tiếng hoặc các nhà văn tập hợp lại thành nhóm và trở thành hội của Văn bút ở nước ấy. Văn bút Quốc tế không có báo chí, không xuất bản. Nó chỉ họp hội nghị, đại hội bàn tròn, dung nạp mọi ý kiến khác nhau, không có kết luận và ai đi họp thì bỏ tiền túi ra mà đi.

Tôi đã tham khảo thái độ một số nước xã

hội chủ nghĩa đối với Văn bút quốc tế. Mỗi nước một khác nhau. Ba Lan, Rumani, Đông Đức và ba nước biển Ban Tích đã vào Văn bút quốc tế từ lâu. Ban đối ngoại Hội Nhà văn Ba Lan trả lời giễu cợt: "Chúng tôi cũng vào cho biết cái hội tự do và tự túc này thế nào. Có tiền mua vé máy bay thì đi họp, không thì ở nhà. Ngồi họp, ai công kích ai, ai bênh vực ai, cứ tha hồ". Họ kể cho tôi tên những nhà văn Ba Lan trong Văn bút quốc tế Ba Lan. Có cả nhà lý luận văn học Karon Giôdep Môgityla, tức là Gioan Pôn 2 giáo hoàng ở La Mã bây giờ, ông ấy là hội viên Hội Nhà văn Ba Lan. Tôi đã đến Ba Lan trong dịp ông đăng quang giáo hoàng. Vacsôvi mừng xả cờ vàng - cờ công giáo, ra cửa sổ và các nhà đều đưa đài vô tuyến truyền hình đặt trước các vỉa hè.

Nhưng cũng không chỉ bông lơn hay lắm vẻ như Hội Nhà văn Ba Lan, Hội Nhà văn Liên Xô nói: "Chúng tôi không vào Văn bút quốc tế. Văn bút này đã kết nạp nhiều nhà văn Nga lưu vong. Nếu họ công kích chúng tôi, ở đấy đã có nhà văn các nước xã hội chủ nghĩa bênh vực Liên Xô và văn học Xô viết".

Vào Văn bút Quốc tế, chủ chốt sẽ không là tổ chức có sẵn và không phải người có cương vị chính của Hội Nhà văn Việt Nam. Tôi đã đề nghị danh sách ban chấp hành lâm thời Văn bút Việt Nam gồm một số nhà văn tiếng tăm và ủy viên chấp hành Văn bút trước đây ở Sài Gòn (Thanh Lãng, Mộng Tuyết, Sơn Nam, Vũ Hạnh) và các nhà văn lão thành (Chế Lan Viên, Bùi Hiển,

Xuân Diệu, Lý Văn Sâm), các nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp chống Mỹ (Chu Văn, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng). Tôi đã trao đổi với Nguyễn Văn Bổng và dự định Tổng thư ký là Nguyễn Văn Bổng.

Thường vụ Hội Nhà văn được triệu tập bàn về vấn đề này. Hội nghị chưa thảo luận về tổ chức cũng như mọi công việc thế nào, mà có ý kiến đầu tiên cho rằng vấn đề rất quan trọng, ban thường vụ không thể quyết định mà cần có một hội nghị ban chấp hành mở rộng.

Một số ý kiến thì phân vân.

Đến bây giờ, đã hơn hai mươi năm, qua mấy khóa chấp hành và mấy đại hội, cũng chưa khi nào khóa nào đem bàn lại. Tôi cũng chẳng để tâm gì hơn, lại nghĩ bãi ra, thế cũng là cái sự thường. Bởi vì đọc bản tin, chỉ sau hội nghị thường vụ của chúng tôi ít lâu, trong cuộc họp Văn bút quốc tế ở Mêchxich, Minh Đức Hoài Trinh đại diện hội Văn bút các nhà văn Việt Nam ở hải ngoại đả kích tưng bừng Văn nghệ Việt Cộng.

Công việc văn nghệ ngày rộng tháng dài, có có không không cứ đều phảng phất, hiu hiu. Đại hội Nhà văn Á Phi ở Bâyrút, đến hôm thông qua Tuyên bố Bâyrút, ở tổ văn kiện, đại biểu Hoàng Trung Thông yêu cầu thêm một chữ - chữ gì, tôi quên. Mấy người trong tiểu ban, trao đổi giằng co đến quá nửa đêm. Sáng hôm sau, báo buổi sáng được đưa các phòng. Mở xem, vẫn nguyên thế Hoàng Trung Thông đi tìm hỏi nhà thơ

Azimôp trưởng đoàn nhà văn Xô Viết. Azimôp nói: "Khuya quá, nhà in in rồi. Khi in văn kiện này vào tạp chí Á Phi sẽ sửa". Hoàng Trung Thông băn khoăn hỏi tôi: "Trưởng đoàn có ý kiến gì không?". Tôi bảo: "Thôi".

Mấy tháng sau, ở Hà Nội, đọc những tờ tạp chí Á Phi được gửi tới, chẳng thấy sửa, thấy thêm chữ nào.

Ở Lêningrat, đêm đến chơi nhà cô Pecman Inna, kỹ sư hóa, thím của nhà vật lý nguyên tử Biếcbơlai Bôrit. Người đàn bà đã quá lứa ở một mình với một con mèo đen to xù. Lúc mở đĩa vui cũng ôm bế con mèo cùng nhảy. Tôi còn gặp ở nhiều nơi những người tuổi đã nhỡ như Inna, đã bỏ tuổi đương thì vào giữa cuộc chiến tranh thế giới đương ác liệt.

Khách sạn Astôria vẫn cổ kính nguyên dáng thế kỷ trước. Nghe nói nhà thơ Exênhin đã thắt cổ chết ở tòa nhà bên cạnh. Tôi cũng không hỏi có còn giữ di tích tuần trăng mật với người vợ lai Mỹ Jecđôra Duncan, Exênhin chết một mình hay chết cùng vợ và khách sạn Astôria có phải khách sạn Anh ngày trước.

Cái khách sạn này nhà chủ cũ vẫn có đơn kiện đòi lại. Các nước đương đòi nợ nhau dài dài. Trung Quốc đã thu lại được cả vùng đất Hồng Kông. Nếu Trung Quốc không như bây giờ thì con cáo già Anh đời nào chịu trả đất. Thế thì bây giờ Liên Xô đã vào dĩ vãng rồi, các chủ cũ khách sạn Astôria Ôđetxa chắc lại sang Nga đòi nợ. Sự ấy đã nhãn tiền ở nhiều nơi, báo đã

đăng tin vua giày Bata lưu vong sang Canađa mới trở về nước Sec chiếm lại các cơ ngơi nhà máy. Không biết thế nào, tôi bây giờ có nên đòi vài đồng lương hưu nhà vua giày Bata đã nợ tôi không?

Sông Nêva đóng băng phẳng lặng như phủ cát trắng.

Sông thành con đường băng xe vận tải chạy được ra tới mặt hồ Lagôđa - con đường bí mật mùa đông đã nuôi sống Lêningrat suốt ba năm bị phát xít Đức vây hãm. Giữa quãng trời đất trắng ngần kia, một người đương cuốc băng khoét một lỗ xuống mặt nước. Người ta ngồi câu cá giữa hồ.

Mấy hôm sau xuống Ôđetxa. Sân bay hải cảng này cũng như sân bay Simphêrôpôn ở bán đảo Crưm, có cảm tưởng đương đến giữa một vườn hoa khổng lồ.

Ban đêm ngủ lại tưởng như Simphêrôpôn rạt rào gió biển. Sáng ra mới biết đương trông ra cửa sổ giữa công viên và rừng thông, cách bến Yanta cả trăm cây số.

Cái ga trời vườn hoa Ôđetxa ở đất phương Nam khi mùa đông tới, cả nước Nga về đây tránh rét - ấy là thói quen và tập tục đã bao đời. Biệt thự nhà văn Sêkhôp trông ra biển. Nhà văn M. Gooky từ hồi còn nghèo cũng có nhà nghỉ đông trên bờ biển. Khi cả nước Nga đóng băng thì ở Ôđetxa, những cây catstan bờ hè mới bắt đầu rụng từng chiếc lá vàng. Cây táo, cây mận mọc hoang, những chùm quả chín đỏ. Đứng đợi

máy bay, Vlat ra ngắt từng ôm: “Cái giống quả dại này chua lắm, ăn cho dã rượu thì chiều mới uống nữa được”.

Máy bay nhẹ nhàng đỗ, khách bước ra lặng lẽ. Thành phố vườn hoa trong tĩnh mịch.

Nhưng thời kỳ ấy đương còn cái lặng tờ ma quái, cách đây có một ga bay. Từ Đông Phi lên, máy bay xuống lấy khách Bâyrut. Sân bay quốc tế này mới mở lại. Không một bóng người. Thành phố sau lưng, khói những đám cháy nham nhở. Đã có vạch xanh hòa bình kẻ ngang chia đôi mặt đường, con đường và từng vùng ngăn các phe công giáo và đạo hồi tràn sang nhau, nhưng tiếng súng vẫn râm ran, cả súng cối. Chỉ một đường bay này phẳng lặng, rùng rợn chết chóc. Người Ả Rập xưa nay tự hào “Bâyrut, Thụy Sĩ phương Đông yên lành giàu có”. Các cửa ống dẫn dầu Trung Cận Đông đều trổ ra cảng này. Các nhà băng thế giới đều đặt bàn giấy ở đây. Những đêm yến tiệc cung đình. Tôi đã được một đêm đội mũ vua Ả Rập uống rượu hồi với nhà văn chúa đất Gium Blat. Bây giờ tan tành dinh cơ Gium Blat trong khói súng, Gium Blat bị giết giữa lặng lẽ khủng khiếp kia. Cảm tưởng về hoa và người thảnh thơi phải về tới Ôđetxa mới thấy lại. Chẳng biết đến khi nào sân bay Bâyrut có lại được phong độ xưa.

Ôđetxa không thành chiến trường như Bâyrut năm ấy. Nhưng Ôđetxa hôm nay cũng như những cái máy bay hãng Aêrôflôt bị lột mất hoa búa liềm, cái đau thật thấm thía. Năm

ngoái, Marich đi Mỹ về, viết thư cho tôi, kể là vợ chồng Marich đương sửa soạn về Ôđetxa mừng thọ dì Luxia 85 tuổi. "Ông có biết không, đi Ôđetxa quê tôi bây giờ phải có hộ chiếu như đi Mỹ, đến Ôđetxa đã là sang nước khác rồi".

Những rắc rối của cuộc "cách mạng nhung" - chúng nó mỉa mai vẻ đắc thắng bằng cách thêm chữ "nhung".

Cụ Nicôlai, nhà văn Grudia hội viên Hội Nhà văn Liên Xô đã ngoài tám mươi tuổi. Cụ Nicôlai từ Tbilitxi lên ở Matxcơva đã hơn ba mươi năm nay. Chẳng biết cụ có bị trục xuất về nước Grudia không. Và cụ còn ở đây ai nuôi cụ, có khi đành bò về chết ở quê cũ cũng nên. Tôi đã đoán thế mà rồi đúng.

Thôi, ta trở lại ngày xưa. Mấy hôm ở Ôđetxa, ăn món Do Thái xúp lạnh, bánh manta nhà ông bác, nhà bà dì và các con cháu. Bà ngoại của Marich, bà lão Phayin Chilia Xôlômônôva quây quần họ hàng xa gần, họ Phayin cũng như người Digan thường đi và ở từng bọn, khác nào ở cảng Ôđetxa cá scumbria nhiều hơn nơi khác. Người Do Thái ở đâu cũng thành xóm, thành phố. Không phải tình cờ mà nhà văn Pautôpsky, những ngày hoang mang vô định sau 1917 đã xuống Ôđetxa định chạy sang Trung Âu. Luật pháp Xô Viết, các dân tộc bình đẳng, nhưng trong đối xử và chung đụng thì có nghi kỵ. Người vợ lấy lần thứ hai của Marich ở Lêningrat. Về Matxcơva, mẹ vợ cũng đi theo. Bà này ghét con rể, thường ra công an quận báo

cáo mật: Thằng ấy tụ tập bọn Do Thái, bọn Do Thái nói xấu nhà nước... thằng ấy... Do Thái... Rồi sau Marich mất vợ, mất cả nhà. Xử ly dị, pháp luật bênh người phụ nữ hơn. Một đời, hai lần mất nhà, đắng quá.

Đấy là những sau này. Lần ấy, tôi đi với Marich về Ôđetxa thì Ira, người yêu và người vợ đầu, hai người chưa cưới nhau. Mẹ Marich làm việc văn phòng Hội Mỹ thuật ở Mônđavia. Gọi điện, bà về Ôđetxa được ngay, có bốn mươi phút máy bay. Cả bà nữa, người đàn bà bị chồng bỏ từ thuở trẻ với các bà em đều nhỡ nhàng, người làm thợ máy, người bán bách hóa.

Họ uống rượu rồi nhảy với nhau, chẳng biết nhảy nhót thế nào, cứ ôm quây tròn, béo núng nính, ai cũng lôi vào vòng nhảy. Anh không biết nhảy a? Cứ ôm vai, nắm tay, đưa chân lên xuống. Nhớ không giẫm chân người khác. Đấy, đấy, được rồi. Nhảy được đấy.

Cuộc vui tràn trề thâu đêm rồi thì người đi, người ngủ ngồi ở các ghế đệm quanh.

CHƯƠNG 16

ùa hè 1997 này tôi đương đánh vật với Chiều chiều đây ở thành phố cao nguyên Đà Lạt. Tôi viết thư mừng sinh nhật bà Phayin Luxia Macôna tám mươi tám tuổi. Phòng tôi trên gác tĩnh mịch giữa đồi thông và những cây liễu Nhật hoa đỏ. Bà công nhân Luxia mà tôi quen biết từ chuyến đi Ôđetxa ấy. Mỗi lần gặp lại ở Matxcơva, lại nghe bà kể chuyện nước Đức. Hè năm nọ công nhân nhà máy được sang Đức chơi. Thế vậy từ đấy cái gì bà cũng nói kèm... ở Đức... Cái nước Đức của bà Luxia không còn, bà có biết không. Có biết thì chắc là bà bạn thân yêu cũng không tin, bà vẫn có cái nước Đức... bà chỉ có nước Đức một lần đã được ở bên Đức... nước Đức của bà khác, mãi mãi thế. Bà Luxia cũng đại khái người như ông lão quê khu Năm giữ kho quần áo tài chính nước tôi.

Cái thông minh và hóm hỉnh của Marich đã khiến nhiều người lầm Marich gốc Do Thái. Trẻ con Do Thái học lớp nào cũng giỏi nhất và người Do Thái cư ngụ mỗi nước đều nhiều những nhà tư tưởng, nhà văn, những triệu phú và chính khách có tiếng. Ở Marich, tính nết và nghị lực rất Do Thái. Marich khiêu vũ giỏi, nhưng không chơi. Marich uống rượu chẳng

kém Vlat và Mixen nhưng không rượu một mình và khi một mình thì ăn uống đạm bạc, khắc khổ.

Marich lúc nào cũng chỉnh tề, kiểu diện đứng đắn của người làm ra vẻ có tuổi. Marich mê mũ đẹp. Hàng chục cái mũ đặt trên giá như triển lãm mũ. Mũ của Marich hiện đại, nhưng không phải kiểu mốt xăng nghiêng vành mà Marich đội ngay ngắn, mốt mới nhất, mốt không có mốt. Ấy cũng vì mũ đẹp, diện mũ mà người đội mũ đã gặp tai nạn về mũ, suýt chết. Đứa nào chắc thèm cái mũ đẹp, nó đã ngắm rồi tăm sẵn. Marich đến nhà cụ Nicôlai ăn tối. Ở thang máy ra, đi qua mấy bụi lila có đu trẻ con chơi, thằng trộm thình lình xông tới, giựt mũ của Marich. Rồi nó phang một phát, không biết chiếc ba toong hay mảnh gỗ vào cái trán đồ sộ của người đội mũ. May, chỉ chảy máu và phải buộc băng, nằm nhà ít hôm. Tôi nghe kể rồi đến hôm gặp lại vẫn thấy Marich đội mũ và trên giá lại chiếc mũ mới, mũ vơlưa mượt mà, cái đen thẫm, cái màu xám nhờ nhờ... Đắm đuối thì phải lụy, cũng là cái thú, cái oan nợ chăng. Chẳng khác chị Ba Valenska bên Ba Lan. Nhà văn Monica Valenska chuyên viết phóng sự. Chị Ba đã đến khu giải phóng, chẳng những thế chị đã đóng vai y tá đi với phái đoàn quốc tế Ba Lan vào ở nội thành Sài Gòn. Nhưng tác phẩm về Việt Nam của chị là một phần quan trọng trong sự nghiệp nhà văn của chị. Chị thích khăn quàng đẹp. Bọn lưu manh cũng chẳng cần biết

chị thế nào. Mấy lần chị bị kẻ cắp lột khăn quàng trong cầu thang máy. Chị vẫn chơi khăn đẹp nhưng rồi hôm nào quàng khăn đắt tiền, chị đi bộ lên nhà ở tầng bốn.

Marich nuôi mộng rồi trở thành cây bút trào phúng. Nhưng trước mắt, Marich mới xin được việc ở Hội Nhà văn, may mà công việc gần gũi với ước mơ. Marich sáng tác truyện vui về bóng đá. Không đưa các báo ở Matxcơva, Marich gửi cho báo các nước cộng hòa.

Có cái được đăng, có cái không. Marich cũng không có nhiều thì giờ, ở đây thì giờ cho lao động trí óc cũng hơi hướng công nghiệp. Người ta trả lương cho công tác anh, không cho anh ăn lương ngồi nhà viết.

Bước đầu, Marich dịch văn học Việt Nam. Đến năm anh thôi việc ban đối ngoại thì dịch văn học Việt Nam là nguồn sống và giúp xây hoài bão cho nhà văn trào phúng. Dịch tiếng Việt có thành tựu đã đưa anh vào hội viên Hội Nhà văn Liên Xô ngành dịch thuật.

Marich dịch không nhiều, cẩn thận nhưng chậm. Văn học hiện đại, Marich dịch chuyên một số tác giả: Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi. Và Marich dịch cổ điển: Thơ Lê Thánh Tông, Truyền kỳ mạn lục, Vũ trung tùy bút. Không biết có người giới thiệu hay Marich đọc, tác phẩm đầu tiên Marich dịch là Dế mèn phiêu lưu ký.

Của tôi, Marich dịch Đám cưới chuột, tiểu thuyết Miền Tây, tập truyện ngắn Người ven

thành, Tuyển tập Tô Hoài, tiểu thuyết Đảo hoang. Cái kỹ tính khi dịch của Marich thật cực kỳ. Trong Đảo hoang tôi miêu tả một ngôi sao có tên là "sao gông cỏ". Marich hỏi bằng thư: "Xin anh trả lời cho tôi sao gông cỏ mọc lúc mấy giờ, ở vị trí phương hướng thế nào trên trời. Và tên khoa học của sao gông cỏ?" Tôi moi đâu ra tài liệu về sao gông cỏ. Chỉ bởi vì tôi muốn bạn đọc thiếu niên ta phân biệt gánh cỏ, quang cỏ, bó cỏ gông cỏ. Gông cỏ là một từ cổ, cái gông cỏ, cũng như cái gông, cái cùm gông vào cổ, cùm vào cổ. Cái gông cỏ là hai cặp tre kẹp cỏ vào giữa rồi gánh đi.

Tôi bịa ra tên ngôi sao cốt làm cho bạn đọc chú ý chữ gông. Tôi không thể bảo cho người bạn nghiêm túc biết cái ẩu ma mãnh của tôi. Tôi đã cắt nghĩa ba hoa cho Marich rằng nhà nông ở đồng bằng sông Hồng đêm đêm nhìn lên vòm trời thấy bao nhiêu là sao: sao tua rua, sao gầu dai, sao gầu sòng, sao con vịt, sao mũ vua Thần nông, có ngôi sao hai tên tối là sao hôm sớm là sao mai và cả một giải ngân hà chi chít li ti sao nổi lên một vòng cung làm cầu Ô Thước cho vợ chồng Ngâu tháng bảy gặp nhau. Sao gông cỏ thuộc sự tích chú Cuội. Chú Cuội ngồi gốc cây đa. Bỏ trâu ăn lúa gọi cha ời ời... Sao gông cỏ ở trong đám sao các đồ nghề nhà nông... gầu dai gầu sòng, mũ vua Thần nông, Marich được tôi cắt nghĩa kỹ lưỡng đến như thế, không thấy hỏi thêm.

Năm sau, Đảo hoang được in lại. Marich

dịch tiếp tiểu thuyết Hoàng Văn Thụ cho Nhà xuất bản Văn học Matxcơva. Nhưng quyển này gặp trắc trở. Mọi bản thảo dịch đều được Nhà xuất bản tổ chức ban giám định kiểm tra dịch và nội dung sách. Tiểu thuyết của tôi không lọt qua được ban này không phải vì trình độ dịch của Marich mà vì trong tiểu thuyết "nhân vật Hoàng Văn Thụ hoạt động cách mạng ở Trung Quốc nhiều quá". Vào lúc ấy, Liên Xô không muốn in một quyển sách nói đến Trung Quốc, đề cao Trung Quốc. Sách không in, Marich chỉ được trả một số tiền công dịch như tài liệu.

Marich rủ Mixen và Vlat, chúng tôi đến nhà hàng Bắc Kinh. Không được in vì tác phẩm đề cao Tàu thì chúng tôi đi cơm rượu Tàu cho hả. Những năm này, khách sạn Bắc Kinh không còn đầu bếp Trung Quốc với các món thịt cá tươi và rau quả được máy bay hàng ngày đưa từ Bắc Kinh sang. Nhưng vẫn sẵn hàng khô súp yến, long tu và rượu Mao Đài. Không đủ tiền ăn sang, chúng tôi uống vốt ca Nga với miến sào mộc nhĩ, canh măng trúc, ăn thì cầm đũa và cơm bát. Rồi bước vào những năm đầu thập kỷ, Matxcơva đương lên cơn sốt cải tổ thì khách sạn và nhà hàng Bắc Kinh được sửa chữa lớn, sang trọng bội phần. Thợ xây dựng và nhà bếp từ Bắc Kinh sang. Phòng ăn tầng lầu nguy nga như những mái đình. Nhưng tôi đến Matxcơva chỉ dửng dưng đi qua cái nơi đã từng ghé, cũng như năm vừa rồi Marich tới Hà Nội chỉ có nguyện vọng được vào cái khách sạn Thống Nhất mà

thôi.

Đến cái buồn sau cùng thì buồn quá. Giáo điều và xét lại căng nhau, không in tiểu thuyết Hoàng Văn Thụ Marich bắt tay vào dịch tiểu thuyết Chuyện nỏ thần. Đất nước Xô Viết đương rã rời ra từng mảnh, một Hội Nhà văn bỗng dưng thành năm bảy Hội Nhà văn - cải tổ mà, khó lòng Nhà xuất bản nào còn in một cuốn tiểu thuyết Việt Nam. Mọi sự đảo lộn, người ta bận cãi nhau về cải tổ, cải tổ. Không biết số phận Chuyện nỏ thần ra sao.

Ô hay, giữa những lung tung xòe như thế, Góocbachôp cấm rượu. Rượu không được bày quảng cáo. Giá rượu trong và ngoài giờ làm việc đều đắt và khác nhau - một trăm gam vôtca uống trong giờ trả nhiều tiền gấp đôi, người mua rượu sắp hàng dài cả dãy phố. Ở khách sạn chỉ bán rượu trong bữa ăn - cả bia và rượu đều bán có hạn. Chẳng biết ở các nơi khác còn bao nhiêu điêu linh. Quanh tôi, khách sạn Nước Nga đồ sộ và hiện đại nhất thành phố mà quang cảnh tất tả như tan chợ vẫn chưa mua được gì. Không bán cho người ngoài phố, nhưng người ta cứ vào, khách ở buồng phải giơ chìa khóa, mỗi người chỉ được mua một bánh xà phòng tắm và một lọ nước eau de Cologne. Trong khi tôi trông thấy những gói xà phòng thơm của người bán hàng nhét vào ngăn tủ riêng, rồi bán cho người ngoài phố vào mua lén lút. Lọ nước thơm đem về đun lên tách cồn ra, không có rượu thì người nghiện uống cái cồn nước rửa

tay ấy.

Những sâu rượu không vào được cửa hàng, bâu cả ngoài cửa. Chán rồi kéo ra cuối phố. Đằng ấy có một cái đài to như đài nước xây đá tảng ở vườn hoa hàng Đậu tại Hà Nội - nhưng cái đài to cao ngoại hạng này không bằng đá, mà chẳng biết là sắt hay tôn lá sơn đen kịt đứng trên hàng cọc sắt chi chít. Đấy là trạm trung chuyển bia hơi đặt rải rác các phố vành đai ngoại thành vào trung tâm, bia nhà máy theo đường ống ra đấy, các xe téc đến đỗ chìa lưng ra cho vòi xả bia xuống, rồi phân phát đi các cửa hàng. Biết những xe téc ấy chạy đi đâu, vào hồi khó khăn này chẳng mấy khi cửa hàng nào có một giọt bia hơi. Và cũng chẳng biết cái hồi chứa chan bia rượu thì thế nào, bây giờ người bu như kiến quanh cái vòm bia này từ bảnh mắt. Họ mua sỉ qua người đánh xe, người bắc vòi bán chui hay người ta hứng can dưới những cái bể tràn, chốc chốc lại một bọn rùng rùng xô ra, mỗi tay xách một xô bia, mặt mũi bừng bừng. Cả một quãng hè, la liệt người uống bia từ sáng sớm. Say rồi lăn ra đấy, lúc dậy lại uống, có khi qua ngày…

Tiểu thuyết Chuyện nỏ thần thế là gác lại.

Có thể Marich bận những chuyện khác. Marich cũng đương hung hăng ủng hộ cải tổ. Vẫn ở cái trụ sở mọi khi, tượng L. Tôntôi ngồi trên bệ giữa vườn táo suốt mùa hạ sang mùa thu, những con chim sẻ, con bồ câu đến đậu trên đầu, trên vai ông. Nhưng mà trong nhà bây

giờ người ta chia buồng, ngăn vách ra thành những Hội Nhà văn khác nhau. Marich là một tay hoạt động đả đảo kịch liệt Hội Nhà văn Liên Xô. Marich thường nói lỡm: "Tôi bằng tuổi lão Goócbachốp". Có nghĩa là trong chiến tranh, Goobachốp cũng như thằng bé Marich lên mười đi tản cư vào Trung Á với mẹ, lúc nào cũng thèm ăn đường. Marich hăng hái trong một Hội Nhà văn nào đó mới được lập ra. Marich không phải đảng viên cộng sản. Tôi cũng không bao giờ nghĩ anh có thể là một người có quan điểm macxit. Anh là người vui tính, nhìn cái gì cũng trò đùa. Nhà văn trào phúng thì chưa thấy đâu, nhưng trong cuộc đời thì Marich hay nhặt ra những triết lý khi nào cũng mỉa mai và buồn cười. Marich chỉ cho tôi một câu trẻ con viết phấn nguệch ngoạc ở vách thang máy: "Tao không bằng con chó. Con chó đứng đâu cũng đái, không ai cấm được". Khi xe buýt chạy qua phố nhà in báo Sự thật, Marich nói: "Cứ hôm nào tôi buồn quá thì tôi lại phải đi qua đây, có thế tinh thần mới lên được một chút".

Mất hút hy vọng in Chuyện nỏ thần. Không nghe Marich nói gì về nó nữa. Không phải cứ truyện ngắn truyện dài Việt Nam là được người dịch và Nhà xuất bản vồ lấy, nhất là tình hình bây giờ. Tôi biết có tập truyện, có tiểu thuyết ta dịch ra tiếng Nga số in có 500 cuốn - in cho có đầu sách báo cáo. Cái lần Niculin sang bàn in một số tuyển tập của nhà văn Việt Nam, Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam gợi ý bạn nên

in nhiều hơn các tác giả đương thời và các tác phẩm đề tài mới. Niculin trình bày "cũng đã chú trọng, đã in nhưng các Nhà xuất bản của chúng tôi quan tâm hàng đầu vấn đề tác phẩm với đối tượng bạn đọc".

Tác phẩm văn học Việt Nam ra thế giới còn là cả một quá trình mà trước nhất phải có được các nhà dịch thuật giỏi tiếng Việt, tiếng Việt văn học. Một nền văn học lớn như văn học Trung Quốc, những người có trách nhiệm đến bây giờ vẫn nhận xét văn học Trung Quốc chưa ra được thế giới bao nhiêu, bởi chưa có được lực lượng các nhà dịch thuật giỏi.

Buồn hiu hiu, trời thì lạnh, ước lượng cả lũ sẽ uống hết chỗ rượu này mà không mua thêm được. Chưa đủ liều, chẳng bõ chua miệng. Các bạn cử Marich và tôi đi lùng vôtca. Tôi đi với Marich, không phải tôi là chủ tiền mà bởi dẫu tôi không biết tiếng, nhưng có việc phải bàn thì còn có thể biến báo và có phải sắp hàng thì có thêm một nhân mạng. Cái cung cách mua bán ở đây vào cửa hàng, mua mấy lưỡi dao cạo râu, nắm ruột bút bi đều qua ba khâu nhà hàng ở ba nơi. Người bán ghi phiếu, người mua đem phiếu ra quĩ trả tiền, cầm phiếu trở lại chỗ lấy hàng. Ba chỗ đều phải xếp hàng. Đi với Marich, một buổi sáng chỉ mua được mấy cái dây mai so. Khuya rồi, chắc các cửa hàng có bán rượu đều đã đóng cửa. Người nghiện thì đã ở nhà uống cồn, hay là chui lủi ở những đâu, người rượu ở Matxcơva bây giờ như con chuột cống.

Marich bảo người lái taxi:

- Đi đâu à? Tôi đi tìm rượu. Anh giúp cho nhé.

Người taxi nhìn chúng tôi và nói:

- Bây giờ sang Mông Cổ may ra mới có rượu. Nhưng mà cứ đi xem.

Những dãy đèn huỳnh quang sáng trắng lần lượt tắt. Còn lại những ngọn đèn vàng khè. Người taxi có vẻ thạo và thương người đi săn rượu đêm trong lúc khốn khó này. Qua mấy phố, vào mấy cửa hiệu khác nhau, có cửa hàng đã đương đóng cửa. Nhưng không đâu tìm được rượu.

Một lát, xe vào một ngõ hẻm. Phía bên tường cao cao sấp bóng, nhận ra đương đi vào con đường cổ kính bên chân tường pháo đài điện Kremlin tối âm thầm.

Nhưng đằng xa còn có nhà mở cửa sáng đèn. Xe đến trước một hiệu thực phẩm. Người lái đỗ xe, lại nhanh nhẹn bước vào trước. Một lát quay ra vẫy Marich theo.

Rồi lát sau trở ra, mỗi người ôm một bọc ni lông. Lên xe mở gói, bốn chai vôt ca loại 75, ối giời ôi. Đã lâu mới trông thấy một người cầm mấy chai một túi rượu to như thế.

Người lái xe nói:

- Chẳng ai phải ngạc nhiên đâu. Góócbachôp cấm rượu, rượu chỉ bán có giờ, mỗi giờ một giá, nhưng quán này ông đến lúc nào cũng được. Cửa hàng này dành riêng ông ta mà.

- Góócbachôp đi mua rượu a?

- Lái xe của ông ấy ra mua. Có thể cánh lái xe chúng tôi mới biết tận tổ quỷ chớ. Chúng nó nhầm tôi đi mua rượu uống khuya cho Goócbachôp. Các ông được làm Goócbachôp một lúc, oai không.

Ai cũng cười hê hê. Câu chuyện bịa tạc ba lơn, Marich biếu anh taxi một chai. Chúng tôi chỉ uống tiếp cho khỏi nhạt miệng. Người taxi còn quay đầu lại hỏi to: “Mai các ông Goócbachôp có đi mua rượu không?”

Đêm ấy ngủ nhà Marich, khuya quá, không muốn về khách sạn. Tôi ở nhà Marich cũng đã quen, có khi mê đọc ở luôn năm ba ngày. Phòng làm việc của Marich với thư viện là một, tôi nằm ngồi giữa giá sách, nhiều sách Việt Nam xưa và nay. Có cả quyển Năm Việt Nam so sánh âm lịch dương lịch, tôi tò mò lần đầu tiên tìm ngày sinh năm dương lịch của tôi. Khai sinh của tôi 16 tháng tám là năm âm lịch. Tôi được sinh ở làng, thời ấy chưa có lệ làm giấy khai sinh. Đến năm ra học trường tiểu học Yên Phụ mới đi xin khai sinh và lậu xuống ba tuổi cho không quá tuổi lớp bét. Mẹ tôi bảo: “Đẻ con chặp tối ngày 16 tháng tám ta, hôm ấy trăng tròn hơn trăng đêm rằm”. Nhớ thế, giấy tờ nào về sau, cả khai sinh tôi đều lấy ngày tháng âm lịch như dương lịch và năm thân là 1920. Bây giờ nằm ở Matxcơva mới tìm ra tôi sinh ngày 23 tháng chín dương lịch.

Nhà Marich căn hộ bé bỏng tầng bốn, có một buồng ngủ và buồng khách cũng là phòng

làm việc. Buồng ăn và bếp cũng một. Bác sĩ khoa sản Ina Ivanôpna đi làm cả ngày. Tôi làm khách, buổi tối chỉ việc ngả cái giường gấp bên cửa sổ. Trên tường gắn mẩu gỗ chạm làn mây đuôi rồng sơn son thếp vàng nhặt được ở bãi cỏ trên đồi vườn đền Bà Triệu ở Thanh Hóa, cái lần đi với Simônôp vào tuyến lửa Vĩnh Linh. Cạnh tường đặt chiếc đôn sứ Bát Tràng mua ở chợ Đồng Xuân - kỷ niệm ê chề cho tôi. Tôi cắt nghĩa mãi, anh cán bộ đối ngoại đi phục vụ đoàn cũng không cho đem ra cân gửi máy bay, vì “nó là đồ cổ cấm xuất khẩu”. Marich đã toan bỏ lại.

Chỉ gặp Marich ở nhà hàng và nơi chơi nhởi không thể hiểu được con người Nga có máu Do Thái, thông minh và sinh hoạt đạm bạc. Bữa chiều lắm hôm dùng xúp lạnh vừng đen, miếng bánh mata như chiếc bánh đa nướng. Có hôm tảng xương bò, xương cừu hầm xúp, buổi tối uống nước chè đen, bánh ngọt. Marich lấy một thìa nước mắm nhưng phết vào dăm bông hun khói, nước mắm Marich đã mua trữ mỗi lần đi Hà Nội hay đôi khi quà của Nguyễn Tuân, chè xanh và nước mắm Cát Hải mà bà Nguyễn đã chưng cô lại, một lít nước chỉ còn được một lọ kem.

Chúng tôi không uống rượu. Bàn ăn chỉ có rượu những hôm thết bạn và thường rượu các bạn mang tới. Có những bạn đã đến Việt Nam nhiều lần, như Marich đã trải biết mọi thời tiết chính trị cũng như thiên nhiên đất nước ta và

đã đến Hà Nội bằng nhiều đường khác nhau. Lại Misen phóng viên thường trú báo Tin Tức ở Hà Nội liền ba khóa mười hai năm rồi ở Hà Nội về đi thường trú ở Ý đến tận bây giờ. Aliôsa - Simônôp con, nhà đạo diễn điện ảnh kể: “Năm ngoái, một chiếc tàu đại dương mới hạ thủy, mang tên bố tôi, tàu Simônôp. Tôi được mời đi chuyến khánh thành đầu tiên tàu Simônốp đi vòng quanh thế giới”. Chỉ thương Vlat và Êmin, bao giờ gặp cũng hỏi: “Tôi có nên đi Hà Nội không? Bao giờ đi?”. Cán bộ Vlat ở bộ phận đối ngoại tiếng Pháp hay sang giúp ban tiếng Việt. Vlat nói: “Tôi đến Việt Nam, tôi sẽ lấy vợ và ở đấy không về Matxcơva nữa”.

Vlat thì còn may ra, nhưng cái người chẳng bận chút nào đến công việc chúng tôi mà vẫn ao ước thế, ấy là Êmin. Êmin diễn viên kịch nói nhà hát thành phố. Không biết Êmin đóng thế nào, nhưng tôi đã xem Êmin vào vai Đôngkixôt. Anh mảnh khảnh, cao lêu đêu, làm Đôngkixôt chẳng cần độn vai, ủng cao gót.

Có điều Đôngkixôt đi chu du cứu nhân độ thế tưởng tượng, uống nước lạnh mà khen là mỹ tửu vua chúa ban cho, còn Êmin Đôngkixôt thì uống rượu cả lít.

Tối ấy, Êmin có vai. Từ chiều, chúng tôi đã tụ tập trong quán bên kia đường trước nhà hát. Êmin nốc như trút nước vào hũ, và chuyện tưng bừng. Marich dịch cho tôi nghe rằng anh ta đương kể về những vui chơi thuở bé ở Ôđetxa. Êmin cũng là con một bà dì, một ông bác nào đó

của Marich. Lại những người quây quần ở một xóm Do Thái ngoài cửa cảng, ở đấy chỉ đi quá vài bước, vài giờ thuyền thì đã sang nước khác. Êmin kể chuyện ngày nào cũng kéo hội đi đánh nhau với trẻ con Nga, đánh nhau vui lắm. Bất chợt, Êmin xem đồng hồ rồi đứng dậy. Chúng tôi theo Êmin vào nhà hát. Êmin bước như không vào sau sân khấu. Nếu không cùng bàn rượu lúc nãy không thể biết Êmin vừa uống vô hồi kỳ trận. Thế mà kìa kìa Êmin đã ra, Êmin trong cánh gà bước ra, ông Đôngkixôt Êmin lênh khênh giữa sân khấu. Rượu hay không thì cái dáng Đôngkixôt cặp kè với thằng lùn đầy tớ Păngsô vẫn ngất ngưởng lêu đêu thế.

Êmin vẫn đi bước một quay lưng, ngửa mặt, mỗi tiếng Đôngkixôt quát Păngsô thì cả rạp rào rào vỗ tay.

Có lẽ vai kịch thành công được nhờ rượu lúc nãy. Tan hát, lại sang quán uống. Êmin nói "Vai hôm nay giỏi, được thưởng". Rồi xòe ra mấy đồng rúp giấy bạc mới.

Một năm kia tôi nhận được thư Marich báo tin Êmin đã mất vì bệnh phổi. Cây rượu Hoàng Trung Thông của tôi cũng mất bệnh phổi. Hay là cái rượu chỉ bổ máu, không bao giờ thành bệnh gan bệnh ruột.

Nguyễn Văn Bổng gửi tôi đem đi một bình hương bằng sứ mua ngoài chợ để đặt ở mộ Êmin. Nghĩa trang để Êmin cũng ở vùng trung tâm - một nghĩa trang vẫn nền nếp ngày trước. Những cây cổ thụ âm u như rừng. Đương mùa

thu, màu cây và mặt đất vàng rượi, nhưng trên các lối đi được quét gọn ghẽ, người đến viếng nghĩa trang đông cả ngày chủ nhật. Những dãy mộ giản dị. Êmin nằm giữa hai hòn đá tảng, cái đĩa sứ in hình Êmin vẫn phảng phất ông hiệp sĩ Đôngkixôt trang nghiêm, say rượu cũng như không, thật cười ra nước mắt. Sắm sửa ra mộ, Marich đã sẵn một thẻ hương - ở nhà Marich lúc nào cũng trữ hương và trầm, Marich đã quen bà bán con bột giống và hàng hương bên cửa chợ Đồng Xuân, và chúng tôi đem theo cái bình hương mới của Nguyễn Văn Bổng. Marich kể mỗi chiều thứ bảy mẹ Êmin lại mang hoa đến mộ con. Chúng tôi ngồi bên mộ Êmin đến tàn nén hương. Marich cầm cái bình hương, đổ đất ra rồi bỏ vào túi xách. Marich nói cắt nghĩa: Để đây thì người ta lấy mất.

- Có thể gắn xi măng vào tảng đá này.

- Không được. Cái bình hương lạ mắt thế này có gắn vào tảng đá nó cũng nậy ra. Tôi đem về, khi nào đi viếng lại mang theo, thế mới chắc chắn và bền lâu được. Ông về nói với ông Bổng cách tôi giữ cái bình hương ông ấy cho Êmin như thế, chắc ông ấy bằng lòng.

Những chuyện mơ màng, bao nhiêu chuyện mơ màng.

Marich kể một chuyến ở Việt Nam về đã bay lên đậu Khatmanđu nước Nêpan chân dãy Hymalaya. Trở về, chỉ có một chuyện làm quà: ở kinh đô nước này có cụ Dir Narayan Chouhury, năm ấy được 138 tuổi - người đương già nhất

hành tinh, ai đến Katmanđu nghe tiếng cũng đến chơi. Hai nhà văn đến thăm người có tuổi thọ để cầu phúc. Nhưng cụ lại muốn chết. Cụ nói: “Chúa ơi, đời tôi dài quá. Chúa hãy nghe lời tôi nguyện, cho tôi về ngay nước Chúa”. Nhưng rồi hỏi khách: “Các ông đã gặp đức vua chưa? Tôi ước được thấy đức vua ngồi tàu bay đến chơi với tôi”.

Những chuyện kỳ lạ nhưng vẫn chưa giang hồ bằng Marich với Acanôp ở Việt Nam về đã đáp một tàu đại dương chở chuối và dứa, cả tháng trời lênh đênh ven Thái Bình Dương lên cảng Vlađivôttôc, rồi sang tàu hỏa về Matxcơva.

Ở Hà Nội tôi quen Misen Ilinki phóng viên thường trú báo Tin Tức. Misen ở tầng hai khách sạn Thống Nhất, cửa sổ trông ra bụi tre đằng ngà vườn hoa Con Cóc.

Bây giờ đi qua khách sạn đã tân trang lộng lẫy nhưng vẫn giữ cái cửa sổ màu vàng nhạt như thế. Năm đầu Misen ở một mình. Cô Nhã làm nhà phòng cho Misen ít lâu, rồi bị khách sạn đuổi việc. Phòng khách nhà Misen ở Matxcơva treo bức ánh cô Nhã phóng to. Tôi chỉ trông thấy và biết như thế thôi. Năm sau, vợ Misen sang và ở liền hơn mười năm, tới khi Misen về. Con trai Misen học lớp mẫu giáo trên đại sứ quán. Nó nghịch hơn quỉ giãy, mọi người làm ở khách sạn nói đùa: “Thằng bé này nó đốt khách sạn lúc nào không biết chừng”.

Và người ta cũng gọi đùa Misen là “quan năm tình báo”. Misen cười, nói thêm, “Tôi là

quan năm tình báo bằng giấy”.

Tôi hỏi Misen:

- Ăn thịt chó được không?

- Rựa mận thì cũng như sasơlich thịt cừu nướng.

- Hôm nào về quê chén thịt chó.

Misen đã xin được giấy phép xe ra ngoài Hà Nội.

Người nước ngoài ra khỏi thành phố phải có giấy, mà chỉ được phép từng chuyến. Nhà thơ Eptuchenkô ra Hạ Long. Chương trình có cuộc thăm ủy ban tỉnh. Nhưng giấy phép chỉ được đi đến khu nghỉ mát Bãi Cháy, sang tỉnh thì phải có giấy khác. May thay, thoát được việc cập rập xin giấy, bởi vì chàng Eptuchenkô tự do chủ nghĩa suốt cả ngày ở biển cởi trần nằm trên mái thuyền ăn tôm hùm nướng chấm muối rồi mở đài và làm thơ. Anh ta xua tay “Tôi không muốn nghe con số. Cứ cho tôi ngồi trên mui thuyền thế này!”

Lúc về Hải Phòng lại rắc rối khác. Ở Hà Nội, Eptuchenkô đã gặp người chỉ huy một tàu đại dương của Liên Xô. Vừa vào cảng, ông này mời Eptuchenkô có dịp thì xuống tàu nói chuyện thơ với thủy thủ. Đến đây mới được gặp nhà thơ lớn này, chứ ở Nga không phải dễ đã mỗi lúc gặp được. Qua Hải Phòng, người chỉ huy tàu chưa về mà Eptuchenkô thì không có giấy vào cảng. Eptuchenkô nói: “Tôi là người Nga không phải người Mỹ”. Người gác cảng nói: “Tôi biết đồng chí là người Nga, nhưng chúng tôi cần giấy

phép!". Thế là chúng tôi đành chào thua.

Chúng tôi về Nghĩa Đô, nhà anh Ba - anh em họ tôi và đồng tuế. Anh Ba giỏi làm thịt chó. Món anh nấu hợp với tôi, tôi ưa thịt chó mộc không gia giảm nước đường, bột ngọt. Chẳng bao giờ, chẳng bao giờ có nữa, Nguyễn Tuân, Phạm Văn Khoa và anh Ba về đất cả rồi. Những ngày tháng mười rét ngăn ngắt, Nguyễn Tuân, Kim Lân với tôi cùng anh Ba ra đồng bắt chuột rồi về nhà đánh chén. Các nhà văn đi xem bắt chuột thôi, còn thì hai ông bạn tôi uống rượu thịt gà. Đến hôm nay chỉ còn hiu hắt, nhóc nhách có tôi với anh Hạc - Kim Lân đóng vai lão Hạc trong phim truyện Chí Phèo của Nam Cao. Những tối vào quán Cây Sấu đi với nhạc sĩ Xuân Đào, Viện trưởng Bộ Giao thông Vận tải con trai cụ Nguyễn được các em, các cháu láo lếu gọi "Anh Hạc, anh Hạc ơi, anh Hạc!"

Nghe cứ vui ít buồn nhiều thế nào ấy.

Quả là Misen bằng những người Tây táo tợn nhất, cũng chỉ đả được rựa mận và chả chó, không ăn được thịt luộc. Hôm ấy cả vợ Misen, một cô bạn Nga và thằng nhóc nhà Misen. Rựa mận, thịt nướng, bún mắm tôm, bún xáo. Misen vui chén, bốc: "Tôi sẽ đề nghị khách sạn Thống Nhất làm món mới, thực đơn đề: Cừu nướng, cừu hấp Hà Nội. Tôi sẽ mời anh Ba ra chuyên trách bếp".

Với tôi, ăn uống cũng là cái thú thưởng ngoạn. Quán Grudia thịt cừu nướng. Tranh Pirômanivili vẽ hoành tráng hầm quán ăn phố

Putordi, thịt cừu treo, ông lão vác bìu rượu, những sừng rượu. Quán Praha xúc xích hun khói... nhạc Tiệp. Cũng như vào quán Bắc Kinh ngự thiện nơi cung điện choáng lộn. Bây giờ mà "thịt cừu Hà Nội" của Mixen có tên trong thực đơn khách sạn, cũng hay.

Có tiền thì nhung nhăng, nhưng mấy khi có tiền.

Theo cách trả tiền nhuận bút ở Matxcơva, Nhà xuất bản trả công cao người dịch, bởi người dịch là người lao động truyền đạt áng văn thơ tới bạn đọc. Tôi được một nghìn rúp về Dế mèn phiêu lưu ký, trong khi Marich ăn mười nghìn. Ấy là quyển sách in số lượng lớn. Và không phải cứ tác phẩm Việt Nam in ở nước ngoài thì nhất thiết được nhuận bút. Không có đâu. Chỉ vì Việt Nam không có chân Hội Bản quyền quốc tế. Mà ta cũng không nên vào. Cả chục năm, chưa chắc đã có nước in một tác phẩm Việt Nam, mà một năm các Nhà xuất bản nước ta in hàng trăm, hàng trăm sách dịch. Thế thì người ta sẽ mở văn phòng ở Hà Nội, ở Sài Gòn để thu tiền bản quyền. Chẳng chơi. Trước kia, các nước xã hội chủ nghĩa đưa nhuận bút sách cho ta là vì tình, không phải vì luật. Một Nhà xuất bản ở Thái Lan in Dế mèn phiêu lưu ký, ở Nhật in Truyện Tây Bắc. Tôi nhận được mười quyển sách biếu và thư cảm ơn trân trọng và "lấy làm tiếc không được trả bản quyền ông vì..." ấy thế nhưng vẫn có những ngoại lệ lắt léo. Nhà văn Việt Nam nào đó có bài, có sách in ở nước ngoài, một ngày kia

nhận được nhuận bút qua bưu điện hay là có người đưa đến tận tay. Nhà xuất bản Aube ở Pari mới năm ngoái 1996 in Tuyển tập Truyện ngắn Việt Nam đã đưa sách và tiền đến Hà Nội trả các tác giả. Cũng Nhà xuất bản này cũng mới năm ngoái in Dế mèn phiêu lưu ký, không hỏi tôi, không một lời cám ơn tôi và cũng quịt luôn tiền và sách biếu. Không lơ đãng đâu, họ có thủ đoạn của họ cả.

Và cũng lại vô khối những ngông nghênh ngang trời của người cầm bút mà tôi biết, các nước khác thôi, tôi chuyện cho sướng tai. Cái năm tôi đến Nhà xuất bản Văn học ở Matxcơva nhận tiền bản quyền Tuyển tập Tô Hoài in lần thứ nhất. Trong chuyện qua lại, được biết Nhà xuất bản đợi nhà văn Hêminuây sang lấy bản quyền, ông ấy đang xem đấu bò tót ở Tây Ban Nha. Rồi Hêminuây trả lời ông sẵn sàng đến Matxcơva, đề nghị Nhà xuất bản mời cùng đi với ông một người bạn của ông đấu bò tót, ông chịu tốn phí. Nhà xuất bản đã không được phép mời như vậy. Hêminuây không đi Matxcơva. Lại như G. G Mackêt đã bỏ tiền đi thăm Việt Nam. Đi chơi thôi, mà về G. G Mackêt cũng viết được một phóng sự dài về Việt Nam. Vợ chồng con cái đáp tàu biển từ Thái Lan sang. Đi xem hát, thằng bé mười tuổi thích cái sáo. Khôi Viên cán bộ Hội Văn nghệ Hà Nội dẫn nó đến đoàn chèo Hà Nội nghe thổi sáo và mua cho nó một cái sáo. Mackêt kể: Nhà xuất bản ở Matxcơva đã mời ông đến lấy nhuận bút tiểu thuyết Trăm

năm cô đơn. Thư ký của ông xem lại tập sách dịch, thấy một số đoạn bị tước bỏ. Mackêt đã trả lời phản đối Nhà xuất bản lược dịch không đến lấy nhuận bút và hủy bỏ chuyến đi Matxcơva. Mackêt cũng có một ý muốn thú vị. Ông sẽ tặng giấy, nếu ta in tiểu thuyết Trăm năm cô đơn. Chỉ yêu cầu không bỏ đoạn nào. Bấy giờ sau 1975 mới một hai năm. Hơn hai mươi năm đã qua, mọi chuyện vào quên lãng...

Thỉnh thoảng qua lại Matxcơva nhận được đôi chút bổng lộc như thế. Các bạn còn nghĩ ra cách lấy tiền nhuận bút sao cho thuận tiện. Bởi ở Matxcơva đi lấy tiền sách cũng lỉnh kỉnh tương tự mua hàng. Trong tuần, có những buổi trả tiền nhất định. Đứng trước chấn song lưới sắt, đưa hộ chiếu qua cửa mắt bò, nhặt cái bút bi đã buộc một đầu dây vào góc bàn, ký ngoằng một chữ. Những tờ giấy bạc và đồng xu lại đưa ra qua cửa mắt bò. Làm thế nào chỉ đi qua cũng có thể có tiền ngay được. Ira đã mua cho tôi hai sổ tiết kiệm, cái đứng tên Marich, cái thì tên Ira Dimonina. Tôi có tiền nhuận bút sách hay bài báo, nơi lấy tiền gần nhà bạn nào thì bạn ấy nhận hộ. Sáng kiến gửi tiền sổ tiết kiệm cũng gần gũi với thói quen người thành phố bấy giờ. Người ta có tiền, cả tiền lương cũng gửi tiết kiệm, thường tiêu đến đâu lại đi lấy.

Năm 1990, tôi còn một sổ tiết kiệm đứng tên Marich. Trong sổ chỉ có một rúp - một cách giữ để khỏi mua sổ mới. Marich hỏi tôi: “Ông lấy một rúp ở sổ ra, giữ làm kỷ niệm Liên Xô”.

Bây giờ cả nghìn rúp mới mua nổi mẩu bánh mì gối, tôi giữ cái thương đau ấy làm gì. Tôi bảo Marich đốt cái sổ tiết kiệm ấy đi...

Kể ra thì từ lâu sổ tiết kiệm đã cạn kiệt tiền. Chỉ còn vài ba đồng, mà anh em mừng lại gặp mặt nhau thì đông đủ sẵn. May gặp khi nhà phóng viên Misen có ở Matxcơva. Làm thế nào cho có tiền, mọi người tính kế. Tôi được đề nghị viết một bài "đọc sách" trên báo Sự Thật. Marich đi lĩnh được một trăm rúp, vừa đủ tiền. Tôi "đọc sách" một quyển sách chưa đọc bao giờ, hồi ký Dải đất hẹp của Brơgiênep!

Misen đã hết nhiệm kỳ sau cùng ở Việt Nam, bây giờ thường trú ở Rôma. Trong cuộc chén Misen dọa sẽ tìm cách cho tất cả bọn ngồi đây đi Ý chơi. Rượu hẹn thế chứ chẳng cơn cớ nào, mà Misen tiền đâu.

Thế mà Misen đã có mặt ở Sài Gòn ngay trong năm 1975. Có lẽ vì cả mười mấy năm ở Hà Nội, việc của Misen, bài viết của Misen tất cả tinh thần vì sự nghiệp giải phóng miền Nam Việt Nam, bây giờ Misen phải đến, Misen phải tận mắt nhìn thấy, phải bước chân trên thành phố giải phóng, Misen đã từ Rôma bay sang Việt Nam.

Tình cờ làm sao, tôi gặp Misen ở Sài Gòn. Chúng tôi đưa nhau đến một địa chỉ đặc biệt của thời cuộc, quán ăn của luật sư thượng nghị sĩ Phước Đại. Bà nghị sĩ và thày cãi có cỡ ấy mở quán nhậu - quán nhậu vừa khai trương đã có tiếng. Bà Phước Đại hàng ngày đi chợ mua thức

ăn và phụ bếp. Khách vào phòng ăn ngồi giữa những giá sách đóng gáy mạ vàng, có lẽ những bộ luật các nước trên thế giới. Những cô thiếu nữ bưng bê mà chủ nhân giới thiệu là các cháu trong nhà, những sinh viên luật, những luật sư mới tốt nghiệp. Rồi những năm về sau bà Phước Đại càng có tuổi càng đẹp lão và có duyên trong mọi công việc, ly kỳ và mới mẻ hơn cả thời kỳ cái quán hàng mà tôi nghe đồn Tổng thống Pháp Mittơrăng thăm Sài Gòn cũng đến đây nhậu. Có lúc muốn làm thiếu nữ, và đi thi nói tiếng Pháp, giật giải nhất, được thưởng một chuyến đi thăm Pháp - đất nước mà bà đã ở cả thuở thiếu thời. Bà đã đưa một đội các lão bà thái cực quyền và đồng ca của câu lạc bộ ngoài trời vườn Tao Đàn ra giới thiệu với câu lạc bộ ngoài trời hồ Hoàn Kiếm. Và không biết ai lĩnh xướng, bà hát, bà hát...

Hơn hai mươi năm trời, vẫn con người bay nhảy yêu đời Misen. Misen và tôi ngồi quán Phước Đại đến khuya, khách đã vãn. Misen nói với Phước Đại chủ nhân: “Thưa bà, nếu có thể được, xin bà cho xếp những chồng sách luật xuống đây kê làm giường, làm gối. Nằm trên một núi trí thức thế, chắc ngày mai chúng tôi sẽ thông minh hơn”.

Lâu lắm không gặp Misen. Nghe tin mẹ anh đã mất. Thằng con như quỉ sứ làm loạn khách sạn Thống Nhất năm xưa đã vào đại học từ lâu. Lại biết chuyện không vui lúc này Misen bệnh dạ dày, phải kiêng. Misen mà bỏ rượu thì còn

đâu là Misen. Báo Tin tức vẫn ra. Misen có còn làm việc hay là bị cánh cải tổ đuổi đi rồi?

Còn đến bây giờ là đời vợ thứ ba của Marich. Không phải Marich bỏ vợ mà Marich mất vợ, mất cả nhà. Trở về mối tình đầu Marich với Ira, hai người lúc nào cũng quyến luyến trân trọng đến với bạn bè. Dự tiệc nhà ông Simônôp, ăn cơm Grudia cụ Nicôlai nấu, đến sinh nhật Sôlukhin hàng trăm khách. Sôlukhin đã viết bút ký Bưu thiếp Việt Nam rất thơ, mà một lần ở Hà Nội tôi đưa vào hiệu nem Cát Tần ở phố Hàng Cót.

Thành phố đương qui đấu tư sản, nhà hàng lơ lửng hé cửa nghe ngóng. Trên bàn trơ trọi mấy chai bia, chẳng thấy cái cốc nào. Chủ hàng thì đương sợ bạt vía, khách thì về khoe cả trong sách là được uống bia bằng bát kiểu phương Đông.

Nghỉ hè, Marich đưa Ira đi chơi Buđapet. Oách quá. Ừ anh đã cho cô ả thấy được cái đáng yêu của nhà văn cũng đi du lịch nghỉ mát mùa hè, như ai. Đến khi tôi trở sang Matxcơva đã thấy Marich ở một mình.

Thì ra chuyến chơi nước Hung, gã đại lý hàng không Hungari ở Matxcơva đã quyến rũ được Ira. Đi nghỉ trở về Ira đòi ly dị. May mà cô ấy lấy chồng nước ngoài giàu có nên Marich lần này chưa mất nhà. Ở Liên Xô kiện ly dị thì cả đôi bên đều bị phạt nặng và tòa án thường xử bênh phụ nữ. Đồ đạc trong nhà phải chia đôi. Cô ấy lấy một số tranh và đĩa sơn mài của Sỹ

Ngọc, Nguyễn Sáng mà Nguyễn Tuân và tôi đã tặng Marich. Marich nói: “Tôi làm vẻ cao thượng, không cần gì. Cứ để nó lục lọi. Sau xem lại mới biết nó ăn cắp của tôi nhiều quá, tất cả đĩa sành, đĩa sơn mài mấy tập ký họa giấy dó tôi đi Việt Nam các bạn cho”.

Cô Ira ấy vỡ cái mộng lấy chồng nhà văn, dẫu cho họ đã từng yêu nhau. Cái cô thư ký kế toán này đã làm con tính: nhà văn trẻ rồi thành nhà văn lớn, nhà hai buồng rồi nhà bốn buồng, sáu buồng có nhà nghỉ, có xe riêng, như các ông Simônôp, Mikhancôp...

Nhưng đã mấy năm rồi vẫn chỉ tàng tàng, những sang trọng phú quí cứ bay phất phơ như diều trên trời. Còn cái chàng gà tồ Marich thì mất tiền đưa vợ đi chơi, lại để mất vợ lúc nào không hay.

Marich ngoài ba mươi tuổi đã lâu rồi. Cái trán hói đến đỉnh đầu không còn cần phải vắt cái đuôi tóc lên che bớt. Chưa đến nỗi lụ khụ nhưng phải một quả đắng thế cũng đau điếng, phờ phạc nhiều rồi, già rồi. Cô sinh viên Tania làm luận án tốt nghiệp bằng tiểu thuyết Miền Tây của tôi. Tania nhờ người dịch là Marich giúp đỡ. Một lần đến làm việc khuya quá, đón taxi về không được. Ở phố nhà Marich không khuất nẻo mấy mà đêm gọi taxi rất cực. Những năm ấy, taxi Matxcơva chưa có điện thoại đón đưa khách như bây giờ ở Hà Nội. Tania phải ngủ lại. Tania cầm chìa khóa buồng làm việc của Marich rồi khóa trái. Marich bảo Tania:

“Tôi sắp chết rồi, cô khóa buồng hay cô mở buồng cũng thế”.

Nhưng Marich không chết. Marich chỉ bị một đòn chí tử. Đến khi lại người, lại được xơi đòn khác. Một cuộc tình sét đánh. Ở một đám cưới trên Lêningrat, Marich làm quen với Ôcsana. Mươi hôm sau, nàng xách va li xuống Matxcơva ở với chàng.

Ôcsana kém Marich cả hai chục tuổi. Người đẫy đà, khuôn mặt không ra Trung Á, không ra Nga. Ông nội cô ấy là người Trung Quốc. Marich nói người Trung Quốc ở đâu chẳng có, đội tự vệ đỏ bảo vệ Lênin những ngày đầu Cách mạng Tháng Mười cũng có hai người Trung Quốc đấy thôi.

Cuộc tình mới êm đềm. Ôcsana sinh cho Marich được một con trai, thằng Alêchxanđơ. Alêchxanđơ kháu khỉnh đáng yêu như con chó con. Bà nội ở Mônđavi về chơi luôn. Bà ngoại trên Lêningrat thì xuống ở hàng tháng rồi ở hẳn. Tôi cũng được làm quen với bà ấy. Bà nhỏ nhắn, nhẹ nhàng, chắc khi còn trẻ bà đẹp hơn cô con gái. Rồi mới biết ngày trước bà là nghệ sĩ múa. Bà nói là nhớ con gái, nhớ cháu, bà quí con rể, bà phải xuống ở với chúng nó. Bà thành người hộ khẩu Matxcơva. Nhà có một buồng, nhưng cái vui là chính.

Hai con mắt Alêchxanđơ lay láy hệt bố và mới đầy năm mà vầng trán to đã vằn ngang một vệt mờ mờ, chắc rồi lại hói sớm như bố. Nhưng cái vui với trẻ thơ cũng không hẳn làm êm thấm

được trong nhà. Dần dần nảy ra những rắc rối, mà tất cả bởi bà mẹ vợ.

Ôcsana không có việc làm, bây giờ mới đương học đánh máy. Bức tranh tiền bạc tiêu sơ trong nhà thì cũng tương tự như cái hồi Ira. Mẹ vợ có lương hưu tự cho là không phải nhờ con cái. Nhưng nhà có con nhỏ thì tốn kém lắm không thể tính trước được. Mỗi tháng một thứ tã lót, xống áo và đồ chơi - con cái người ta, ngồi xe dạo vườn hoa quần lành áo tốt thế nào thì nhà mình cũng phải thế ấy. Mà tiền bạc của Marich lúc này có phần còn khó khăn nhiều. Marich vẫn chỉ là người làm, lĩnh lương tháng. Lại đã thôi việc ở Hội Nhà văn, sang tạp chí Văn học nước ngoài với hy vọng gần gũi hơn với giấc mộng văn chương.

Đến năm tôi gặp lại Marich thì anh chàng đã mất nhà, mất luôn cả vợ con rồi. Câu nói bông lơn của Marich có thể thấu suốt mấy năm gian khổ vừa qua: “Họ có mưu đổi Lêningrat về Matxcơva, thế là Trung Quốc đã về Matxcơva chiếm nhà tôi, ông ạ”. Ly dị xong, Marich phải ra khỏi nhà. Alechxanđơ còn nhỏ, ở với mẹ. Tháng tháng, Marich đem tiền ra bưu điện gửi cho Ôcsana nuôi con, như tòa án đã qui định.

Nghe Marich kể thế. Và lại bao nhiêu năm đã qua, Marich bây giờ ở với bác sĩ khoa sản Irina. Bác sĩ Irina Ivanôpna góa chồng có một con trai. Họ gặp nhau thế nào không biết, tôi cũng không bao giờ hỏi. Marich ở nhà của Ina, tầng hai cạnh ga cuối xe điện ngầm ra ngoại

thành, cũng gần sân bay nào, ngày đêm máy bay thường qua. Marich bảo vùng này có tên ngày xưa là rừng Vua Săn Cọp.

Lắm lúc nhìn cảnh mà ái ngại. Marich xuống hẻm trước nhà nghịch đá bóng với thằng con trai Ina, trong khi thằng Alêchxanđơ thì chơi bóng ở đâu, với ai. Những năm sau, mẹ Marich yếu, nghỉ việc, từ thành phố Kisinhiôc ở Mônđavi cũng về đấy. Rồi bà ốm, cô con dâu săn sóc mẹ chồng cho đến khi mất.

Marich lại thôi việc ở tạp chí Văn học nước ngoài. Marich muốn được hoàn toàn tự do, dẫu cho biên tập tạp chí cũng ít phải khuôn phép giờ giấc. Marich đã là hội viên Hội Nhà văn ngành dịch, từ dịch thuật đến sáng tác, Marich vẫn theo đuổi mơ ước mà Ira mối tình đầu và Ôcsana đều đã tan mộng nhà văn nổi tiếng.

Nhưng với bác sĩ Ina thì đã êm đềm dài dài, họ không còn ở tuổi loăng quăng.

Việc mà Marich nghĩ bao giờ cũng giản dị nhưng thực thì công phu, kiên trì. Dịch văn học Việt Nam, lấy đấy làm chỗ đứng cho tương lai nhà văn trào phúng sẽ vang lừng thế giới. Thỉnh thoảng, Marich lại khoe một truyện đả kích bóng đá tỉnh lẻ, một truyện giễu cợt và khinh bỉ một giám đốc Nhà xuất bản văn học như chỉ ham chơi ngựa thi. Đến năm không còn Liên Xô, các thứ in ấn loạn xạ tràn lan trong lúc "cải tổ", tôi được Marich tặng một tập truyện ngắn trào phúng khoảng trăm trang, in ở Matxcơva hẳn hoi. Tôi đã nhờ dịch in truyện

ông giám đốc văn học chơi ngựa thi trên báo Người Hà Nội.

Phạm Vĩnh Cư là anh em kết nghĩa của Marich, từ khi Cư còn ở tuổi thiếu niên. Cư học phổ thông ở Matxcơva. Marich có hai bạn trẻ thân thiết là Cư và Tước. Tước học khoa báo chí đại học Lômônôsôp. Tước về nước, hồi đầu Marich có dịp đến Hà Nội, Tước đều gặp. Nhưng đến khi có chuyện canh chừng thằng bệnh xét lại, Marich vào khách sạn Thống Nhất phải xách va li và làm thủ tục lấy thì Tước cũng biến. Không bao giờ Marich nhắc đến tên Tước nữa. Chỉ có Cư vẫn bền chặt tình nghĩa đến bây giờ. Cư cho tôi biết Marich dịch cẩn thận, nhưng chậm, thêm cái tính rề rà bẩm sinh. Marich mua được cái bàn viết cũ mà Marich nói "bàn này từ thời Nga hoàng, vua Nga đã ngồi". Vua Nga đâu không biết, nhưng anh ta cứ ngồi tha thẩn cả ngày không được một hột việc, đã đôi phen khiến bác sĩ Ina phải mất công đi các Nhà xuất bản khất hạn nộp bản thảo dịch cho Marich.

Ông nhà văn tự do và thất nghiệp, thế là Ina phải gánh mọi việc trong nhà. Ina quê ở một tỉnh trên sông Đông. Hầu như anh em họ hàng nhà ấy đều làm nghề y. Nghề này ở tỉnh nhỏ còn lắm bổng lộc. Nhờ vậy, dưới quê thường có gửi đỡ đần. Rồi lại lâu năm trong nghề, Ina đã là chủ nhiệm khoa sản một bệnh viện lớn. Ina mới tậu một chiếc Matda hàng ngày lái đi làm. Marich bảo tôi: "Ông nên cố

gắng có dịp trở lại đây mà ngồi xe của bà ấy. Tôi thì không bao giờ đi xe phụ nữ lái. Tôi sợ chết".

Bố mẹ thì già đi, trẻ con mỗi năm mỗi lớn. Alêchxanđơ của Marich đã vào đại học, bác sĩ Ina đưa nó đi học y. Thằng bé mê bóng đá, đương sinh viên đại học y đã làm phóng viên tường thuật bóng đá trên đài thành phố. Thằng con riêng của Ina thì tốt nghiệp khảo cổ, bây giờ có khi nó đi dạy ở Ixraen, khi sang Mỹ như thằng con trai anh vật lý Bôrit trên Lêningrat. Từ lâu, vợ chồng Marich đã vào ở trung tâm, cái nhà gần ngoại ô hay có máy bay bay qua nửa đêm, thằng khảo cổ ở.

Cho tới nay, vợ chồng Marich đã đi Mỹ mấy lần ở chơi hàng tháng. Không phải là theo thằng con Ina sang Mỹ có lớp giảng bên ấy. Mà vì cùng lứa tuổi học với Marich ở Ôđetxa, Marich có mấy người bạn thân như Bôrit vật lý. Bôrit bây giờ có tiếng, ở biệt thự trên Lêningrat, nhưng cũng chẳng có mấy tiền. Ở nhà Marich, tôi bổ quả dứa đem quà ở Hà Nội sang, vợ chồng Bôrit nhặt vỏ dứa ăn hết cả mắt. Anh bạn Ilya cũng tốt nghiệp vật lý như Bôrit nhưng không tìm được việc, phải di cư đi nước ngoài. Ở Mỹ, Ilya chỉ làm chuyên môn, nhưng đã triệu phú. Anh về nước chơi nhiều lần. Tôi có nghe điện thoại anh ấy chúc sức khỏe và gặp ở nhà Marich.

Marich cho tôi xem tập ảnh vợ chồng Marich chơi nhà bạn bên Mỹ. Thôi thì buồng khách, bể bơi, vườn bên sườn núi và bãi cát giả,

nhà có ba người thì ba ô tô...

Mới đây, tôi viết thư khoe với Marich tôi đi Quảng Châu về. Marich lại đùa một cách mỉa như thói quen: “Vợ chồng tôi lại sắp đi chơi nước Mỹ. Ừ, những người danh tiếng như chúng ta thì nhất định phải đi du lịch các cường quốc trên thế giới”.

Cũng như Misen, khi Sài Gòn giải phóng, vợ chồng Marich đã cố tới Việt Nam. Bác sĩ Ina kể lại chuyến đi huy hoàng, kỳ ảo đến đỗi tôi nghe dịch lại không tưởng đấy là những chuyện Việt Nam. Ina thích nhất cái áo dài và bãi biển Vũng Tàu. Tôi nói cho Ina sửng sốt tiếc: “Trời ơi! Nếu cô được đến Đà Lạt nữa thì những cái đẹp kia xếp đằng sau hết”. Ina tin như vậy, ước sao có ngày trở lại.

Nhưng Marich không thể hồn nhiên thế. Bao giờ trở lại, khi nào lại gặp nhau. Tình bạn hơn ba mươi của chúng tôi phút chốc bồng bềnh như mây nổi ngang trời. Việt Nam và nước Nga bây giờ cũng thường tình đậm nhạt như mọi nước. Sách báo Việt Nam - ngoại ngữ duy nhất mà Marich thuần thục, Marich không có tiền mua vì đắt và hiếm. Thỉnh thoảng cũng trông thấy sách bán ở các ốp, các chợ người Việt, nhưng không mua nổi. Trước kia, Marich có nhiều báo Văn Nghệ và nhận cả báo Nhân Dân hàng ngày. Tôi thì hàng tuần báo tiếng Pháp Tin tức Matxcơva và họa báo Liên Xô tiếng Việt. Ấy thế mà tình cờ ma quỉ làm sao, năm 1996, tôi lại gặp Marich ở Hà Nội, trong phái

đoàn văn hóa nước Nga đến Việt Nam. Bởi vì Marich có bạn trước kia là phó giám đốc Trường viết văn Gooky, bây giờ là Bộ trưởng Văn hóa. Marich cũng là giảng viên và phụ trách sinh viên Việt Nam trường ấy, chuyến đến Hà Nội này đã được bạn cánh hẩu kéo đi ké. Marich ở một nhà trọ mini trong hẻm phố Hai Bà Trưng.

Mấy năm mới lại gặp, không nghĩ là còn gặp. Marich đã đến đây trải mưa trải nắng, khi thì tấp nập cả ngày khách gõ cửa, khi thì vắng teo không một ai bén mảng, nhòm ngó, và bây giờ thì có lẽ nhiều người đã quên hẳn rồi. Xa quá, khác quá, không dưng chỉ còn có ngậm ngùi. Marich cũng đương một nỗi niềm ấy, Marich nói:

- Ông ạ, chỉ có tình nghĩa thì bao giờ cũng thế.

Chúng tôi đi vẩn vơ trong thành phố chẳng có mục đích gì, cũng không phải đi lùng xem các hàng đồ cổ thật đồ cổ giả như mọi khi Marich hay tìm kiếm, thế mà cứ muốn tha thẩn mãi. Buổi trưa, Marich với Vương Trí Nhàn và tôi đến quán nhậu còm Cây Sấu có cái cầu thang leo lên quanh co như tới đỉnh núi, như những gập ghềnh trong gặp gỡ của cuộc đời chúng tôi.

Vương Trí Nhàn lần ấy ở Matxcơva đưa tôi đến cái hầm xưởng vẽ của họa sĩ Yuri chồng Ina Dimônina.

Kể ra những người quen và thân ở Matxcơva của tôi chỉ có Marich, cô Ina và vợ

chồng Niculin - Nicôlai Ivanôvich Niculin và Ivêta Glêbôva, Glêbôva đã dịch truyện ngắn Truyện Tây Bắc của tôi. Các bạn đều nói và dịch giỏi tiếng Việt. Và đã quen nhau lâu, thuộc mỗi người một tính. Niculin không đùa, nhưng lại mê và dịch thơ Hồ Xuân Hương, truyện trào phúng Nguyễn Công Hoan. Ina thay Marich ở ban đối ngoại khi Marich sang tạp chí Văn học nước ngoài. Ina học tiếng Việt ở Matxcơva rồi sang Hà Nội thực tập. Hà Minh Đức đưa Ina đến nhà tôi. Tóc vàng sáng như ánh nắng, sóng tóc các cô gái Lêningrat. Thế mà lần ấy đón tôi ở sân bay tóc cô đen óng ả. Tôi không nhận ra, tưởng là vợ người lái xe. Ina tức lắm. Nhưng về sau biết tôi hay quên mặt người, cứ sắp gặp ai, Ina phải rỉ tai nhắc tên trước.

Ina gắt gỏng, khó tính, các nhà văn nữ Việt Nam sang thăm Liên Xô đều ngại. Nhưng Ina nhanh nhẹn, thật được việc. Mọi người vừa phàn nàn lại cũng vừa bằng lòng cô. Cô dịch văn học Việt Nam. Cô dịch cũng nhanh như mọi công việc. Marich loay hoay cặm cụi tra cứu và viết cả năm chẳng xong bản thảo dịch Thánh Tông di cảo thì Ina đã dịch và đưa in cả hai tiểu thuyết của Nguyễn Minh Châu và Ma Văn Kháng. Nhưng Ina vẫn chưa được là hội viên Hội Nhà văn. Điều ấy khiến Ina bực bội, cáu kỉnh. Khi Ina lấy Iuri, có điều kiện sinh sống dễ chịu, Ina đã bỏ việc ở đối ngoại, chán cái Hội Nhà văn Liên Xô lắm rồi - Ina bảo thế.

Tôi cũng còn đi với Ina nhiều chuyến khác.

Tôi chứng kiến tính cứng cỏi của cô và cảm thông những đau khổ trong đời tình của cô.

Ina hay nhăn nhó bẳn gắt, đáo để mồm miệng đến như Xuân Quỳnh cũng phải chịu. Có những việc với tôi cô cũng tự ý làm băng băng. Hội nghị về Văn học Á Phi họp ở Tăcken, Ina đi cùng. Thông thường các hội nghị quốc tế họp ở nước nào thì các đại biểu sở tại được đến đông. Ở các nước Trung Á, nhà văn các dân tộc Udơbêch, Tắcdich, Cadắc, cũng nhiều nhà văn Nga gốc Đức, Nhật, Triều Tiên. Trong chiến tranh thế giới vừa qua, nhiều người Đức ở sông Đông, người Nhật và người Triều Tiên ở Viễn Đông đều phải di vào ở các vùng sâu trong Trung Á. Đã mấy chục năm qua, các miền định cư ấy đã trở nên những nông trường, nông trang giàu có ở lẫn với các dân tộc thiểu số. Tôi cũng thường gặp ở câu lạc bộ Hội Nhà văn những nhà văn khuôn mặt Nhật mà quê ở Sveclôc, ở Iêccut, ở Nôvôxibiếc...

Trong các đại biểu vào hội trường, có một người thâm thấp, bộ ria cắt ngắn, mắt một mí, xách cặp và đội mũ lông phảng phất có thể người Uyagua, người gốc Nhật. Nhiều đại biểu còn tụ tập ở các sảnh quanh hội trường. Nhà văn Aimatôp bước lại, bắt tay tôi muốn nói gì. Lúc ấy Ina vừa đi đâu ra ngoài. Cái người thấp, đội mũ lông để ria trông như Nhật cũng bước lại và nói với tôi:

- Chào anh. Tôi là Lê Vinh Quốc. Tôi có thể dịch hộ anh.

Tôi không quen Lê Vinh Quốc. Nhưng tôi đã đọc trên báo ở Hà Nội của anh bài thơ “thi sĩ máy” hay “thi sĩ gỗ” thế nào đó, tôi không thuộc. Lê Vinh Quốc sang học bên này rồi ở lại.

- Vâng, nhờ anh hỏi giúp ông ấy...

- Aimatôp mời anh vào chỗ ban thư ký có tài liệu tiếng Pháp. Tôi xin đợi anh ở đây.

Tôi vào lấy tài liệu rồi trở ra chỗ lúc nãy. Không thấy Lê Vinh Quốc. Mà cô Ina nhỏ nhắn, tươi cười của tôi đã đứng đấy.

- Cô có thấy một người Việt Nam...

- Lê Vinh Quốc.

- Phải.

- Tôi đuổi nó đi rồi.

- Sao cô lại đuổi khách của tôi?

Ina không trả lời câu hỏi, mà hỏi lại tôi một câu rất tinh và ác:

- Ông hỏi thật hay hỏi đùa?

Rồi lại nói:

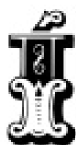
- Tôi ghét những người ý kiến khác lại trốn đi ở nước khác.

Ina có hai chị em, đều sinh ở cảng Hacbin bên Trung Quốc. Bố Ina là thợ máy hàng không - anh hùng không quân Xô Viết, nhiều năm ông làm chuyên gia trong hồng quân Trung Quốc. Chị của Ina dạy học. Mẹ Ina làm báo đã nghỉ hưu, bệnh áp huyết. Trước kia ở Lêningrat, khi tôi quen Ina thì cả nhà đã về Matxcơva. Cụ thợ máy tàu bay gầy yếu nhưng vui lắm. Có khi chơi nhà khuya, trời lạnh, cụ lấy quần áo ấm cho mặc thêm rồi đưa tôi về khách sạn.

Tôi đi với Ina, đoàn tàu Mũi Tên Đỏ, tám trăm cây số một đêm Matxcơva - Lêningrat, mờ sáng đã trông thấy mùa xuân về nở hoa vỡ ra đậu trên tảng băng trôi mặt sông Nêva. Nhưng tôi nhớ nhất chuyến đi Mông Cổ. Chúng tôi ở nhà khách trong núi Chúa, hoàng hôn xuống trông ra đồng cỏ mênh mông, những con hươu trước mặt đứng nghển đầu lên trên ngọn cỏ tranh, ánh trăng lẫn bóng với người. Ina kể chuyện nỗi buồn thân phận và những cuộc tình của mình.

Ina làm việc thay Marich được ít lâu thì lấy chồng, cũng lấy chồng muộn. Lêon người Acmêni về Matxcơva học rồi ở lại. Lêon học triết học, tốt nghiệp đề tài về Giăng Pôn Sac. Trời ơi, những đề tài Puskin, Giăng Pôn Sac, L. Tônxtôi cả nghìn người các nước theo đuổi thì ra trường còn nhoi lên kiếm ăn làm sao. Tất nhiên, ở nhà ăn bám vợ. Lêon có bộ râu rậm, mặt ngơ ngẩn vẻ triết nhân. Chỉ được cái uống rượu khỏe. Ở khách sạn Nước Nga đồ sộ anh ấy đã uống với Hoàng Trung Thông đến độ không tìm thấy cửa ra. Ina khó nhọc lắm vì nhà triết học ẩm ương này. Ina than thở: “Tôi đi làm, tôi dịch sách, tôi làm ra tiền, nó không kiếm nổi một đồng rúp. Nó bắt tôi ngày ngày tỉa râu cho nó và phải làm bếp. Nó bảo ở nhà này nó mới là trí thức”. Đêm Mông Cổ, đêm thảo nguyên như trở lại đêm cổ tích, nghe chuyện đời người đàn bà tưởng như nghìn năm vẫn u uất thế.

CHƯƠNG 17



t lâu sau, Ina và Lêon ly thân. Rồi Lêon nhảy cửa sổ tự tử. Không khi nào tôi hỏi Ina những chuyện ấy. Một lần Ina đến Hà Nội. Trong một buổi tiếp đoàn nhà văn Liên Xô trên khách sạn Thắng Lợi, Hoàng Trung Thông đứng lên, nâng cốc, sốt sắng. Không ai kịp cản, bởi không biết Hoàng Trung Thông nói một câu như thế. Thông nói: “Lêon dạo này thế nào? Đã xong quyển sách về Sác chưa? Cho tôi gửi một chén chúc sức khỏe Lêon”. Ina cúi mặt, không nói gì.

Mấy năm sau, Ina lấy họa sĩ Iuri. Rổ rá cạp lại, nhưng mà yên vui. Họa sĩ đồ họa Iuri chuyên phục chế tranh cổ, nghe nói làm ăn khá. Vương Trí Nhàn đưa tôi đến gặp Ina chỗ đấy là xưởng vẽ của Iuri. Vợ chồng có một nhà nghỉ cách trung tâm hai trăm cây số. Ina nói: “Chúng tôi bây giờ ở chùa xa lánh trần gian”. Thế cũng là thỏa. Đời người ta còn có hậu.

Tôi với Ina vô duyên, nhiều khi chỉ vì những rắc rối không đâu rồi giận nhau. Có lần tôi gửi thư đi Ba Lan lại bỏ nhầm phong bì cho Ina, Ina trả lại, đánh mấy dấu than. Có lần đi với Iuri đón tôi đi chơi nhà ngoại thành, hôm sau tôi về Hà Nội. Khách sạn Nước Nga mênh

mang, cửa trông ra bốn phía. Vợ chồng đợi ở cửa tây, thì tôi lại ngóng cả buổi bên cửa bắc, mà tôi yên trí đấy là cửa tây. Từ bấy tới bây giờ không lần nào gặp lại, thư chúc Tết cũng không thấy đáp lại.

Nếu Ina vẫn giận tôi cái tật không nhớ đường và quên mặt người thì có còn khi nào để xin lỗi được. Nhưng biết đâu nhỉ, như cuộc gặp không hẹn với Marich đây.

Quán Cây Sấu, bác sĩ Nam Thanh mở quán chẳng biết để kinh doanh hay là một sự hoài cổ cho nó khuây khỏa bóng chiều. Những khuya vui, bà đệm đàn hát cho vài người nghe những bài hát ngày đầu kháng chiến của Phạm Duy, của Tử Phác... Lưng khoác chiến y. Mà hồn mang bóng quốc kỳ... Quay quay thương nhớ quyến vào tơ... Bà đưa rót rượu ngâm nam sâm nhẹ và dịu của bà pha lấy. Marich khen ngon và bà biếu ông khách xa một chai.

Marich lại khẩn khoản bảo:

- Làm thế nào cho tôi được trông lại cái khách sạn Thống Nhất, một phút cũng được.

Khách sạn Sôphiten Mêtrôpôn bốn sao nhất thành phố. Không nguy nga như Đai U, như Bảo Sơn, Sôphiten Mêtrôpôn hơn người vì dinh cơ này đã vào hạng lão lai trăm tuổi, vẫn dáng lâu đài Pháp thế kỷ 19. Bên trong chắc là bây giờ không còn những buồng hạng cuối, quạt trần quay lọc cọc trên đầu và khăn trải giường lấm tấm những chấm ố vàng của thời Hà Nội ngày nào cũng có báo động khách phải chạy ra hầm

trú ẩn ngoài sân cạnh cái chuồng khỉ mà Marich đã được nếm mùi. Cả cái cửa ra vào quay như cối xay gió mà Đôngkixôt huơ gươm đánh, ngót trăm năm người trong làng ra Kẻ Chợ đã đứng xem cái cửa quay cả buổi cũng bị vứt đi rồi. Sôphiten hiện đại lại có cả khách sạn nhánh trên Đà Lạt.

Hôm sau, tôi điều đình được một chuyến cho Marich đi "xem" khách sạn. Chúng tôi vào quầy rượu, ngồi lên cái ghế đẩu ngật ngưỡng. Trước kia, cô Linh Phi kịch sĩ đổi nghề đã ngồi bên cái két trong kia. Tráng lệ quá, các cô bán hàng yêu kiều giữa cái quầy lóng lánh như gian thờ mẫu đền Cửa Ông. Cô đang nhoẻn nụ cười với một ông Tây. Cái khi tôi hay còn lai vãng đây cô ấy chưa chắc đã đến tuổi học lớp 1.

Tôi giới thiệu với cô:

- Ông này người Nga, trước kia năm nào cũng sang và ở khách sạn này. Ông ấy muốn nhìn lại chỗ ở cũ.

Cô hàng đon đả:

- Mời các ông lên gác hai, hỏi ông quản trị người Pháp. Ông ấy sẽ bảo met ô ten đưa đi. Khách sạn này cũng hay có khách tham quan như các ông.

Nhưng Marich buồn buồn nói:

- Tôi ngồi đây cũng được. Ngày trước tôi vẫn ngồi đây uống bia và trông thấy tất cả. Cái lối xuống nhà ăn, à cái chuồng khỉ ngoài sân, còn không?

Cô hàng đáp: "Không biết. Trước ở đây nuôi

con khỉ à". Rồi cô khen: "Ông ấy nói tiếng ta rành quá".

- Thì người Nga với ta là anh em một nhà mà.

Cô hàng cười, nửa ngờ: "Cháu có thấy mấy người Nga đâu. Ông nói đùa thế nào..."

Tôi bảo:

- Cô cho hai lon huyckên. Chúng ta uống bia như ngày xưa.

- Khách nước ngoài trả đô la.

- Tôi thì trả tiền Việt Nam chứ, cô?

Rồi chúng tôi cũng chỉ uống bia Hà Nội. Marich nhấm nháp vài ngụm rồi lặng im.

Khi trở ra, Marich nói:

- Chắc không bao giờ còn vào đây, mà cũng không vào nữa.

Tôi cũng nghĩ tương tự như Marich về những Matxcơva, Lêningrat, Ôđetxa... Bởi vì chẳng may mà tôi đã chứng kiến những ngày tan rã năm 1990 ở những nơi đấy bây giờ ra sao? Tôi sợ, tôi không muốn biết.

Ở các quán Grudia nghe tiếng nhạc núi uống một sừng rượu, ăn lobiô đậu răng ngựa với trađi bánh ngô, hào hứng chuyện văn chương Việt Nam ra thế giới tiếng Nga đương vùng vẫy năm châu. Lại ra vùng Bachicharai thắng cảnh Yanta, lên cổng đá nhìn... Kéo quân ra cửa Hùng quan. Chim muôn tiếng hót, hoa ngàn hương đưa... Bây giờ thì Chuyện nỏ thần, Nhà Chử mà Marich đã dịch, bỏ xó. Tôi xin chào tôi nhớ lại buổi đầu xiết bao hớn hở gặp

Matxcơva năm kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga bốn mươi tuổi.

Tôi đưa Marich một ít tiền. Marich cầm tiền, nhìn tôi, mắt rưng rưng, nét mặt và cử chỉ phảng phất ngượng nghịu, lại thân thương.

Marich nói: "Tình bạn của chúng ta không biết có thời gian đâu. Tôi vẫn thế, ông ạ. Tôi không buồn như lần sau cùng ông ở Matxcơva năm trước. Tôi không xin lỗi vì chẳng đại diện cho ai mà xin lỗi được. Cho tôi gửi lời thăm ông Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Đình Thi, Nguyên Ngọc".

Năm trước, cái lần sau cùng tôi rời Matxcơva, sự tan rã thật trở trêu và khốn khổ. Tôi đi nghỉ Pitsunđa bờ Hắc Hải khu tự trị Apkhadi nước Grudia. Tôi đi với con gái tôi, con Sông Thao. Bấy giờ thì còn yên, nhưng sau đấy, chiến tranh đã xảy ra. Apkhadi nổi lên đánh nhau với cộng hòa Grudia đòi độc lập. Đã hơn mười năm rồi đôi bên vẫn giằng giựt từng đường phố và mỗi ngôi làng, không biết bây giờ bờ biển Pitsunđa đổ nát, hoang vắng đến thế nào rồi.

Ở Pitsunđa trở lại Matxcơva, bố con tôi mua vé xe hỏa đi Đức. Con trai tôi, Đán đương làm thợ bên Laixich. Từ Nga qua các nước Đông Âu đương náo động lung tung. Những mắt thấy tai nghe trên đường đi đã khác lạ lắm. Người nhà tàu Ba Lan uống rượu từ chặp tối rồi suốt đêm chúi vào xó nào, chẳng thấy ai.

Hải quan đi từng tốp khám ráo riết. Nhiều

người Việt Nam bên Ba Lan - sinh viên, người đi lao động, cán bộ sang Nga buôn thịt hộp, bánh mì. Vacsava đương khan Tết cả cái ăn cái uống. Họ chỉ cho tôi những người Hà Lan cùng toa, cũng những tay buôn, buôn lậu cò con. Hai bên đã ăn với nhau, chỉ khám làm phép. Cả một toa buôn trá hình, hải quan soát từng người, từng ghế mà chẳng bắt được ai, cái tàu rầm rập chạy thâu đêm. Các cô các cậu sinh viên mời tôi: "Bác xuống Vacxava với chúng cháu vài hôm, hay lắm". Chẳng biết hay thế nào. Đến Beclin vẫn thế, nhưng cảnh khác, những cô cậu ta bán hàng, đứng như người gỗ trên vỉa hè, cánh tay vắt đệp khăn mặt, cà vạt, áo gió. Thuốc lá thì nhét ngực áo, dưới mũ. Chốc chốc, cảnh sát xộc đến, lại chạy. Hàng xén rong và cảnh sát rình nhau, đuổi nhau đến khuya. Cả người đương đi học cũng ra đứng đường hết. Không phải ham buôn, mà không đâu cho phụ cấp, không trả lương, phải ra đường kiếm cái ăn lấy.

Đông Đức rỗng không chính quyền. Mọi mặt xã hội và đời sống sinh hoạt cứ trong cái guồng có sẵn. Còn hai tuần nữa mới bầu cử. Trên tường, các thân cây dán chi chít áp phích cổ động của các mặt trận, các đảng: PSD, CDV, CDS, đảng Xanh cổ động đi xe đạp... Nếu ở Mỹ người ta vẽ con bò, bắp ngô để nhớ mà bỏ phiếu thì ở đây là những chữ tắt ấy, in to tướng. Cũng không buồn hỏi xem Đảng Xã hội Thống nhất nó là CD nào. Bởi chắc chắn nó sẽ thua phiếu.

Đương nô nức "cải tổ", vứt cái cũ đi mà.

Phố xá vẫn tấp nập bình thường. Cái xe phun nước, những chuyến tàu điện chạy đến khuya. Ở các nhà nghỉ con con trong góc vườn, bếp nấu đun củi, trên bờ rào lila một làn khói vẩn vơ. Chỉ lạ mắt có một đám đầu trọc một nửa, tóc nhuộm đỏ. Năm ngoái tôi đã trông thấy bọn đầu trọc đi cả đàn thế này trong các phố bên Tây Beclin.

Bây giờ chúng kéo lũ sang đây, có những đứa vác gậy, cái thang gấp, đi nhông nhông. Trông thấy cảnh sát, chúng nó xỏ ngón tay vào lỗ mũi, cười hích hích.

Tôi ở ngoại ô Lai Xich một tuần. Con tôi có ý muốn ở lại Lai Xích vài năm. Nhà máy vỡ nợ, đóng cửa. Nhưng nó đã tìm được việc ở một trại trồng hoa, bán hoa.

Tôi đã đến chơi chủ trại có hai đứa nhỏ rất quyến luyến con tôi. Chả là Đán nhiều tài vặt, dễ làm vui bọn trẻ con.

Trở lại Matxcơva, phố xá chợ chiều, mua bánh mì sắp hàng. Cảnh nhốn nháo xảy ra trong các cơ quan.

Một người ở ban đối ngoại gặp tôi và nói: "Đáng lẽ đồng chí về Việt Nam tuần trước, lại đi Đức, thế là quá hạn một tuần, chúng tôi không còn trách nhiệm với đồng chí nữa".

Tôi không nơi ở, không còn được đưa tiền ăn và dẫu muốn cũng không còn gặp được ai, không phải vì không muốn gặp tôi, mà cả cơ quan Hội Nhà văn đương lung lay, nháo nhác, không làm việc.

Ira cầm vé máy bay đi đăng ký cho tôi về Hà Nội. Thật ra vé máy bay không phải việc của Ira, nhưng các bộ phận khác không còn người, Ira đã đến Hà Nội một lần và Ira đã lo mọi việc hôm tôi đi Pitsunđa. Đến trưa, Ira về, nói hồi này nghỉ hè, người đi Việt Nam nhiều quá. Cứ ghi tên ông vào đấy, nhưng có lẽ hàng tháng mới đến lượt. Ira lại nói: “Tôi đương bận việc sửa cái nhà nghỉ ở ngoại ô. Tuần lễ sau tôi mới đến đây”. Đối ngoại ở bộ phận này có mỗi mình Ira. Tôi không có chỗ ở. Không tiền ăn. Có nghĩa là cô ta bỏ khách thẳng thừng. Marich đến hỏi đã đăng ký được vé Hà Nội chưa. Tôi kể chuyện. Marich nghĩ ngợi gì một lát, rồi nói: “Ira nói dối thôi. Công việc đi đăng ký vé là của người khác. Con mẹ này vẫn nói nó rất ghét Việt Nam. Thế là các mụ mất dậy bỏ việc đấy”. Bây giờ mới nghe tận tai có người nói ghét Việt Nam. Cũng có khi có người đã nói, mà tôi chỉ đi với các bạn, nếu bạn không nói lại thì làm sao tôi biết được thế nhưng cũng có khi biết. Lần ấy, Marich và tôi đi Lêningrat, buổi chiều xem tàu Rạng Đông rồi về nhà Bôrit. Trong bữa ăn, một anh bạn Bôrit nói: “Chưa bao giờ nước Nga hùng mạnh nhất thế giới như bây giờ, nhưng tại sao nước Nga vẫn nghèo, vẫn thiếu. Bởi vì của cải nước Nga bị đem rải ra khắp nơi, châu Á, châu Phi, Mỹ La tinh, trong đó có Việt Nam của mày”. Marich cười nói với người kia câu gì rồi bảo tôi: “Thằng này say rồi nói mất lập trường, tôi không dịch”.

Tôi cũng chỉ đảo qua đến Hội Nhà văn Liên Xô. Không còn là cơ quan như mọi khi, không ai ngồi trong phòng, nhưng túm tụm ngoài sân. Marich cũng không đến đây, bởi anh nói: “Tôi đả đảo cái Hội Nhà văn bảo thủ. Chúng tôi lập Hội Nhà văn đổi mới rồi”.

Marich đã tìm cho chỗ ở tạm tại trường Goocky.

Không phải ở phòng khách, mà cái phòng chứa đồ đạc, mền, đệm linh tinh. Marich và hai bố con tôi khuân dọn lại cho gọn. Tôi ở đấy mấy hôm, hai lần người quản gia mời xuống bảo phải đi. Marich nói thế nào đấy hay Marich đã đút tiền cho nó, thế là lại yên yên và hồi hộp. Buồng bên cạnh, vợ chồng một người Trung Á hay Mông Cổ và một đứa con nhỏ, ở bình thường. Người chồng mặt lầm lầm, có vẻ lén lút, chắc cũng trọ chui như tôi. Mỗi ngày, Marich đến, ngơ ngẩn chơi rồi chúng tôi ra quán nhà mậu ăn cơm bụi. Mỗi người bưng một khay bánh mì đen và mấy viên rán thịt lợn băm viên. Bia rượu thì không ngửi thấy mùi đâu nữa rồi. Ở vỉa hè bên kia đường, một xe tec bia hơi đến đậu đấy. Người xúm xít như những con kiến bâu quanh miếng mồi. Người tay không, người cầm chai, cầm cái xô. Đám sâu bia kia mặt bệu đỏ đã uống ở đâu lại đến xông vào mua uống tiếp. Tôi chỉ nhìn các bợm bia, sâu bia xoay xỏa lộn bậy với tình thế này. Bia nhạt thếch, chỉ bia chai nhỏ Matxcơva còn vị đậm một chút, nhưng không đâu có. Nhìn người

chen chúc, hung hăng, đã xa lắm rồi, đã thôi rồi cái hồi cô Ina Dimonina cứ đi mua bán giữa đám đông sắp hàng, nói Việt Nam, Việt Nam, là người dãn cả sang hai bên.

Đến ở chui ở nhà trường Goocky - tưởng như ở đấy là những chốn nơi, những gian buồng có ma ghê rợn như nhà Hôp Man. Ấy là đương dịp nghỉ hè, vắng người lên xuống tấp nập. Các học viên Việt Nam còn ở lại có Trần Đăng Khoa và Trần Nhuận Minh mới sang chơi với em. Đương giữa con sầu não được Khoa thết bữa cơm có canh tai chua, tưởng như đã thoát được về đến nhà.

Trời rét cóng cá, nhưng tắm giặt vẫn phải theo lệ. Cái ngày đến nông trường Cờ Đỏ ở Udơbêkistan, cả lũ trần truồng tắm hơi, lại như thuở nhỏ đến trường bị đi tắm chữa ghẻ. Cũng chưa kỳ hình dị tướng bằng tắm ở đây. Một chục người đứng dưới hai cái vòi, nước xả xuống, người ghé vào, người chạy ra, như những con nhộng có chân. Tôi bỗng liên tưởng năm xưa trông thấy tù binh Anh bị giam ở Pnôm Pênh, lính Nhật giải ra sông tắm, nắng rám mình mẩy đỏ như con tôm luộc. Tôi thấp lũn chũn đứng vào một vòi giữa đám thanh niên cao lớn, lông lá. Quần áo thì đút trên khe cửa sổ trước mặt. Cũng chẳng ai để ý tôi.

Nhưng tởm nhất cái chuồng xí. Tôi đã được biết kiểu chuồng xí công cộng lộ thiên ở chân Vạn lý Trường thành, liền cả chục cái lỗ, không vách, không tường, người đứng lên, người ngồi

xuống nhăn nhó, người lẳng lặng bước vào. Đằng này là một kinh rợn khác. Mỗi lần đi phải mang một tệp giấy báo để lót chân, lót đít. Cái nhà xí hỏng đã lâu, nhưng hàng ngày vẫn dùng, vẫn phóng vào đấy. Những ụ phân chồng chất, tràn trề, không biết một ngày, mấy ngày người ta tháo đi thế nào, lấy đi thế nào.

Hơn ba mươi năm trước, ông thường vụ Kec Babaep ra ga xe lửa đón tôi, trang trọng thân tình. Ông mất đã lâu, ông không được chứng kiến những ngày tàn tạ này. Tôi kể cho Marich nghe những cái tôi thấy và tôi đương nghĩ. Marich phân trần khéo: “ Ở Hà Nội của ông, trước mặt cái nhà thì nhìn được, đằng sau cái nhà thì cũng nhiều thứ không được, à nói cho chính xác, nhiều thứ chưa được”. Nó nói cũng chẳng ngoa gì. Có lần tôi đến khách sạn Hòa Bình thăm G. Buđaren. Anh ở tầng ba, nhưng phải xuống nhà vệ sinh tầng một. Trên ấy ngập nước, khóa trái. Marich bảo tôi: “Hay là ông và con gái về nhà tôi đi vệ sinh, tắm giặt”.

Cũng đến phải như thế mới ra khỏi chỗ quỷ ám này, nhưng hôm sau chúng tôi được vé về Hà Nội. Ban tiếp tân của sứ quán ta đăng ký được ngay. Không phải chờ hàng tháng như cái người Hội Nhà văn đã dọa thế. Ira gọi điện thoại cho tôi. Vẫn nghỉ phép và ở ngoại thành chữa nhà. Nó xin lỗi bảo có người khác đưa chúng tôi ra sân bay. Tên anh ta là Vichto và Ira cho tôi số điện thoại. Thôi tôi chỉ mong đi được. Cũng chẳng có phàn nàn gì. Cả nước người ta

còn đương loạn lên cơ mà.

Marich gọi điện thoại cho Vichto rồi bảo tôi: "Chỉ có thằng say rượu lảm nhảm...". Tôi cũng gọi. Nghe đáp tiếng Nga, tiếng Pháp lè nhè líu lưỡi.

Sớm tinh mơ, lại gọi điện thoại Vichto. Bây giờ thì không có tiếng đáp lại. Tôi nói: "Có thể anh ta ra sân bay rồi". Ở sân bay, chỗ cửa về Hà Nội chen chúc hỗn độn nhất. Người chạy ra chạy vào như úi lên. Người đứng rình những ai hành lý nhẹ, đưa tiền cước nhờ mang hàng hộ. Người đẩy hàng qua rào sắt, cái rào bị chen lung lay sắp đổ. Cảnh sát đến vung roi cao su lên vi vút đánh xuống đầu, xuống vai. Tôi chưa trông thấy ở sân bay này cảnh đánh người thế bao giờ. Người ngồi, người chạy, người khóc hu hu.

Vì bị đánh đau, vì lạc mất hàng...

Giữa đám nhốn nháo, tôi cầm mảnh bìa các tông có chữ Vich to giơ cao trên đầu. Chẳng thấy Vichto đâu.

Không phải nó đi sân bay. Bây giờ Vichto ngủ giữa cơn say rồi. Và Ira đã nói dối, nói láo. Mảnh giấy bìa tôi cố giơ lên kia như là cái dấu hiệu sau cùng gọi:

Vich to... Liên Xô... Liên Xô... Nhưng không có tiếng thưa. Rời Matxcơva, chỉ nghe trong đầu tiếng Adieu Moscou. Cái "Vĩnh biệt Matxcơva" này mới thấm thía, mới đau làm sao.

Thôi thôi, để tôi kể nốt về những người bạn những thuở còn ngày tháng tiêu dao. Chính ra,

anh Vlat chẳng bận đến tôi. Cũng ở ban đối ngoại như Marich, như Ina, nhưng Vlat lo về các nước châu Phi nói tiếng Pháp.

Mỗi khi châu Phi ngơi việc thì Vlat lại giúp bên này. Vlat có cái băn khoăn ngây ngô là Việt Nam rất xa châu Phi, xa nước Pháp mà lại có người nói tiếng Pháp.

Vlat là người hướng dẫn và phiên dịch đoàn nhà văn Việt Nam đầu tiên thăm Liên Xô năm 1956, trưởng đoàn Nguyễn Văn Bổng. Trong những bạn phiên dịch thường gặp, tôi đã đi nhiều với Vlat.

Vlat không phải người Nga. Vlatlen người dân tộc nước cộng hòa tự trị Chu Va. Dân tộc thiểu số ít người và ở phân tán, Vlat không biết quê ở đâu, nhưng chẳng bao giờ đi tìm. Chỉ nói: "Thằng người Chu Va đã thành người Nga cả rồi, như tao". Bố Vlat là người hoạt động trước 1917, có cương vị lớn ở khu tự trị nhưng ông đã bị xử bắn trong một đợt thanh trừng của Xtalin.

Bấy giờ Vlat còn nhỏ, học tiểu học. Có lần đi thăm cộng hòa Grudia, Vlat đã cùng tôi về Gôri quê Xtalin. Chúng tôi ngắm bức tượng Xtalin đồ sộ đứng đầu làng - bức tượng hiếm hoi, từ Matxcơva đến đây mới thấy một bức. Và xem túp nhà của bố Xtalin thợ giày, Xtalin đã ở đấy cả thời niên thiếu. Nhà có mỗi một gian, ông cụ khâu giày, đóng đế, lại cũng ngủ và ăn uống ở đấy.

Cả túp nhà được đặt trong một lồng kính sáng choang. Vlat nói: "Lịch sử là lịch sử, không

ai thù lịch sử bao giờ". Vlat ở Matxcơva với mẹ và em trai. Chiến tranh thế giới, em của Vlat đương học đại học thì phát xít Đức đánh đến ngoại ô Matxcơva. Cả Matxcơva ra trận, em Vlat đã hi sinh ở ven đường mà Vlat ra sân bay đưa đón khách thường đi qua, bây giờ là những chiến lũy và dây thép gai tượng trưng sáng đèn suốt đêm.

Còn lại một mình Vlat với mẹ. Khi tôi biết Vlat thì mẹ Vlat mất bệnh mới hơn một năm nay. Từ khi mẹ chết, ít lúc Vlat về nhà. Đêm đêm, Vlat vạ vật ở nhà bạn nào đó.

Đi Lêningrat, tôi muốn có một vài cuốn sách đọc ban đêm. Vlat bảo về nhà tìm, có thể có. Nhà Vlat trong một ngõ hẻm nhưng ở trung tâm thành phố, trông ra thấy tường điện Kremli ngang trước mặt. Ngoài đại lộ lúc nào cũng ngộn người và xe cộ, trong hẻm thì yên tĩnh, tiếng ồn ào chỉ vang lại, gợi một cảm tưởng hẫng kỳ lạ. Vlat ở căn phòng tầng hai một tòa nhà cổ. Vlat vừa cho khóa vào ổ, vặn lạch cạch, buồng bên cạnh đã có người hé nhìn ra. Chủ nhà lâu không về, biết là ai động cửa, có thể kẻ trộm. Nhà Aliôsa "Simônôp con" ở tầng một, trần nhà treo chùm đèn đẹp ánh thủy tinh rực rỡ gian phòng. Thế mà, trộm đã vào nẫng mất. Khi biết là Vlat, cánh cửa lại ập lại. Căn buồng đã lâu không người. Cửa sổ mấy lần kính mà trên mặt chồng sách bụi phủ về vệt. Cái điện thoại cắt dây từ bao giờ, chỏng chơ giữa bàn. Chiếc giường gấp dựng một xó. Một chiếc

giường đệm ở góc buồng. Vlat bảo: "Mẹ tôi nằm giường này, tôi vẫn để nguyên". Chiếc gối ghếch một bên, tấm chăn hoa mỏng gấp một nửa, như người vừa trở dậy.

Vlat lục được một quyển sách nghiên cứu về mèo đưa cho tôi mang đi. Vlat nói: "Nhà tôi trước nhiều mèo lắm. Phải mua sách này để hiểu chúng nó. Mẹ tôi chết, chúng nó bỏ đi cả. Anh đọc trong sách sẽ thấy những con mèo rất giang hồ cũng rất gia đình. Có thằng mèo bỏ đi chơi mấy thành phố lúc quay lại vẫn tìm về được nhà cũ. Tôi thì ngủ đâu cũng được, tôi đi khỏi thì quên nhà. Tôi không bằng những thằng mèo".

Không phải tôi đến Lêningrat lần đầu. Tập ký sự Thành phố Lênin của tôi xuất bản đã được mấy năm.

Nhưng mà nhớ Lêningrat bao giờ cũng nhớ đầu mùa xuân, những tảng băng tan ngổn ngang sông Nêva, suốt đêm va vào nhau như con sông nghiến răng, sáng ra còn rùng rùng chuyển động. Mùa xuân đã về, sông nhánh Môica của tôi hé mặt nước sáng trong, người đi đường cao hứng cũng không bước qua những tảng băng ngang sông được nữa. Lại nhớ sáng sớm chiều tối ở Hà Nội uống bia hơi với họa sĩ Nguyễn Văn Mười, càng nhớ, chao ôi...

Thế là đi Lêningrat, để lại những lo toan và chơi nhởi hàng ngày ở Hà Nội mà vẫn vương vấn Lêningrat.

Thế mới lạ ở bờ tường bên kia viện Mắt,

phía chợ Hôm đi xuống, thấy treo một cái bảng con con chữ sơn xanh: “Ragu, bít tết thỏ và các món”. Những năm ấy, cái quảng cáo thế khá lạ mắt. Bởi vì trước các nhà dọc phố chỉ thường thấy thòi ra mảnh giấy dán cánh cửa sổ: Nhận lộn cổ sơ mi hay một miếng bìa: Cơm nồi nước sôi - Khối phố...

Tôi nói với Nguyễn Tuân:

- Dưới kia mới có quán thịt thỏ, các thứ ragu, bít tết...

- Được đấy.

Tôi khoe thịt thỏ với ông không phải vì biết ông ưa thịt thỏ mà chỉ vì biết răng ông đã kém, đến cao lâu 202 chỉ nhấm nháp được món phá xi cua hấp. Ông Nguyễn bảo “được đấy” có thể chỉ vì thịt thỏ mềm. Chúng tôi đến quán nọ. Cái bảng quảng cáo lắc lư đỏng đảnh bên tường trên hai cửa sổ rèm vải hoa xanh nhạt. Nguyễn Tuân đứng lại ngắm rồi gật gù “Được”, sau mới bước vào.

Một ông đã đứng tuổi, áo đại cán kaki ximăng, người nhỏ nhắn, nhanh nhẩu, lịch thiệp, hai tay giơ mời khách.

Những chiếc bàn kê góc tường, khăn bàn trắng. Đằng kia, trên quầy bày hai hàng chai rượu quí, có chai còn bọc rơm. Chắc chỉ là chai không để trang trí. Giời đất này đào đâu ra những của họa may mới có ở trên thiên đình. Đến nhà hàng Bôđêga trên Tràng Tiền cũng chỉ bán một thứ vang nước Bun chua như dấm mà mỗi lần được mua tiêu chuẩn có một chai.

Không thấy người khách nào. Vừa chiều, chắc chúng tôi đến hơi sớm. Tôi hỏi:

- Mấy món đề ngoài bảng hôm nay có đủ chứ?

Ông chủ vui vẻ đáp:

- Xin lỗi hai cụ, chẳng có món gì cả.

- Hôm nay nghỉ hàng à?

- Bẩm, nhà cháu đóng cửa rồi. Chưa kịp bỏ cái bảng.

Chúng tôi cũng chưa kịp tò mò đầu đuôi ra sao thì ông đã cắt nghĩa - nét mặt bình thản như chuyện hàng phố, không phải chuyện nhà ông vỡ nợ.

- Tại hàng ế thôi. Bán hàng sống mà vài hôm vắng khách thì đi đứt ạ.

Tư dưng, cũng cửa hàng này, lúc nãy trông trang nhã, đẹp đẽ gọn gàng thế bây giờ bỗng đượm vẻ quạnh vắng, ủ ê, nhìn thương thương, tội tội như khi ta vào nhà hiếm trẻ, chỗ nào cũng quá gọn ghẽ, quá ngăn nắp.

Ông chủ quán cười cười, chào chúng tôi: .

- Tuần sau, nhà cháu với mậu dịch canh ty mở bia hơi. Mời hai cụ...

Cái thư ngày 26-6-1966, Nguyễn Tuân gửi lên Lai Châu cho tôi, có câu:

“Ông cao lâu nhà thương đau mắt chuyển thành nghề quốc doanh. Ông lại làm công ngay tại đó, ấn vòi bia theo giờ nhà nước, tháng lĩnh 50 tờ như một người bỉnh bút không viết bài nào...”

Ông cao lâu Ragu thỏ ấy đấy. Tôi cũng chưa

bao giờ hỏi tên ông.

Tôi đến quán bia ông Ragu lâu dần thành lệ. Tôi đến theo thói quen, dửng dưng không để ý, uống bia giết thì giờ, tôi lơ đãng cả với ông Ragu hễ vừa thấy tôi ông đã rảo bước ra, mời vào một góc lau bàn, ông dẹp mấy cái cốc uống dở. Dần dà, tôi cũng nhận ra giữa đám người uống đứng uống ngồi, cũng có người như tôi, đến uống vào quãng chiều. Cái ông ngồi trước mặt cũng có tuổi, người cao xương xương, thanh mảnh, trắng trẻo. Nghe tiếng Nam Bộ thì chắc là cán bộ tập kết. Ông uống từa tựa tôi, mỗi cốc làm một hai hơi rồi ngồi thừ ra, không nhắm nhót lạc ngọt, nem chua, mực nướng gì cả.

Chúng tôi mỗi người đến một lúc, nhưng hàng ngày hay gặp nhau. Những khi ấy dù ông Ragu có đương tíu tít rót sirô vào bia cho khách, ông cũng vội ra lấy hai cái cốc vại, bấm vòi bia cho xuống đầy ngấn, ít bọt. Tôi tò mò đoán về ông uống bia ngày nào cũng gặp. Bộ đại cán không mới nhưng có nếp là, không dây dầu mỡ. Bàn tay chắc chắn, nhưng không thô.

Người bàn giấy thì phải rồi. Nghề gì, làm kế toán, cán bộ nghiên cứu, nghề văn hóa hay nghề y. Đây gần nhà thương, các con nhà y cũng hay ra uống tợn.

Nhưng nhất định cái ông nói giọng Sài Gòn này cũng dân chơi. Có khi ở tuổi ông, xưa đã từng uống bia bốc buổi chiều ở cái xe téc đậu chỗ bùng binh chợ Bến Thành. Ông uống khá điệu. Ông thảnh thơi uống lâng lâng, uống lẳng

lặng. Được, được lắm, nhưng ông là người thế nào. Xem ra ông cũng không để ý có hay không có ai trước mặt.

Không biết đã bao nhiêu buổi chiều. Đôi khi đi vắng lâu về, đến đấy vẫn thấy ông như dạo trước. Rồi tôi chịu thua, không thể đoán ra ông và cũng không tài im lặng được như ông.

Một hôm, tôi hỏi:

- Anh công tác ở đâu?

- Tôi là Mười, họa sĩ.

- A, anh Nguyễn Văn Mười.

- Dạ.

Rồi họa sĩ Mười cười dịu dàng, giơ tay cho tôi bắt, và nói:

- Tôi cũng đã biết anh.

- Thế mà bao hôm nay không nói.

Họa sĩ Mười lại mỉm cười:

- Chúng ta đương uống bia. Uống bia chẳng bận gì đến vẽ, đến viết cả.

Câu nói chí lý tuyệt. Cứ cái sự anh uống bia đúng kiểu từng hơi dài đã rõ can trường ấy. Chúng tôi lại trầm ngâm uống. Chúng tôi đương uống bia, có bia vui, có bia buồn và thế thôi. Hơi bia không bốc phét chích chòe. Hơi bia chỉ phục vụ chúng tôi lặng im.

Có lần, Nguyễn Tuân đi với tôi uống bia hơi ở quán trước ga Hàng Cỏ. Nguyễn Tuân đến chào một ông khách ngồi bàn gần, mọi khi tôi vẫn hay trông thấy, ông nhỏ nhắn, điềm đạm, áo vét tông và mũ phớt. Nguyễn Tuân bảo tôi:

- Tiên sinh Cao Xuân Huy.

Mỗi buổi chiều, chúng tôi cũng uống bia im lặng. Ừ uống bia chẳng bận đâu đến thế thái nhân tình. Tôi chỉ nhận thấy một sự lạ, có lẽ Hà Nội còn mỗi một người mặc tề chỉnh đi uống bia hơi và giữ vệ sinh như ông. Ông Cao Xuân Huy, khẽ ho rồi khạc đờm vào mảnh giấy báo đã mang sẵn và gấp lại, bỏ vào túi áo.

Họa sĩ Mười cắp một cái cặp bìa đen cứng khổ rộng, trong đựng một tệp ký họa. Mười nói:

- Tôi đem cho anh xem mấy cái vẽ sông Nêva và nhưng sông nhánh. Có những ba trăm mấy con sông nhánh của Nêva, anh đã viết đấy.

Tôi hỏi lại:

- Anh đã đến Lêningrat?

- Tôi đã ở Lêningrat lâu lâu.

Họa sĩ Mười chỉ bức ký họa một bến đá trơ trọi mấy thanh lan can sắt.

- Đây là sông Môica. Nơi anh đã gặp Vêrônica.

Trời ơi! Họa sĩ Mười đã đọc đến thế, những bút ký tôi viết về thành phố này. Mỗi lần, mỗi hôm, mỗi lúc tôi lại biết thêm về họa sĩ, nếu anh có trò chuyện với tôi. Quả thế, không phải cứ gặp ai thì đã là biết và chắc đâu đã biết. Mới cốc bia trước thôi, tôi chưa một chút nào rõ được hồi đầu thập kỷ sáu mươi, họa sĩ Nguyễn Văn Mười đã nhiều năm ở Lêningrat. Họa sĩ kể những ngày ở cái lâu đài khổng lồ trên phương Bắc trái đất ấy, họa sĩ mê nhất sông nước và những đầu mùa xuân, khuya nghe tiếng những

tảng băng tan va vào nhau gãy răng rắc, vang động dòng Nêva ban đêm qua thành phố.

Tôi lơ đãng nhìn qua bóng bia trong cốc thấy người họa sĩ đương tha thẩn bên dòng sông, đôi lúc ngước nhìn ra những tảng băng trôi. Tôi cũng soi mặt vào bóng bia xem có thấy cái cửa sổ nhà ai nhìn xuống bến sông Môica?

Vlat đi Lêningrat không va li. Đi đâu cũng xách mỗi cái túi, ấy thế mà kiểm lại các thứ cũng thấy đã bỏ quên bộ dao cạo râu điện, không biết quên ở nhà ai. Chẳng lẽ sáng nào cũng xuống tiệm cạo râu phòng ngoài khách sạn. Tôi không hỏi Vlat làm thế nào, nhưng mỗi hôm đều thấy Vlat mày râu nhẵn nhụi.

Chúng tôi ở hồ Lagôđa về. Băng đóng trắng mờ chân trời, xe đi trên đường cũng như mặt sông. Khi mùa đông tới, con đường tiếp tế qua mặt hồ này đã nuôi Lêningrat sống chiến đấu được trong vòng vây mấy năm trời. Bây giờ chỉ có từng đàn hải âu. Bọn khách du lịch ném bánh mì lên cao cho hải âu bay xúm lại xâu xé cái bánh tan biến giữa trời. Trẻ con chỉ nhớ hồ Lagôđa có trò chơi ấy, chiến tranh đã qua ba mươi năm rồi. Vêrônica cùng đi với chúng tôi. Marich đã cho tôi biết Vlat là bồ của Vêrônica. Vlat thì lắm bồ, đi đâu cũng có được, kể cả ở bàn ăn câu lạc bộ. Những năm sau này, Vlat ở hẳn với cô Lọ Lem bồi bàn. Chúng tôi gọi là Lọ Lem vì cô thấp bé, đen đủi. Vlat nói:

“Lúc túng thiếu và về già, tôi lại trở về với dân tộc tôi”. Nghe nói cô Lọ Lem cũng người

dân tộc Chu Va.

Mới được mấy ngày đã hết tiền. Mỗi hôm đều tốn chỉ vì uống, nếu để Vlat mỗi ngày uống mấy lần, chắc còn hết tiền nhanh hơn. Ở thì vẫn Astôria, tiền phòng trả séc, không lấy ra ăn được. Nhưng tôi yên trí vu vơ thế nào và bao giờ Vlat cũng xoay xỏa ra. Vlat cười:

"Có thể! Có thể! Chúng ta cũng như con hải âu, rồi cũng có người ném bánh lên trời cho ăn."

Buổi tối, Vlat bảo tôi:

- Chúng ta đến ăn tại nhà Vêrônica.

Tôi hỏi lại Vêrônica: "Có phải thế không?" Vêrônica gật đầu.

- Tôi mời hai ông làm khách.

Chẳng biết Vêrônica có rõ chúng tôi đã cạn tiền. Vêrônica ở một phòng trong tòa nhà ba tầng. Nhiều phố Lêningrat được giữ cổ kính nguyên như cả trăm năm trước, chỉ sửa nội thất. Cửa sổ phòng Vêrônica trông ra sông Môica. Sông Nêva ngang qua thành phố toả ra bao nhiêu sông nhánh nước trong xanh, hai bên bờ lan can sắt và dòng sông cũng thành con đường khi mùa đông đóng băng. Họa sĩ Nguyễn Văn Mười đã ký họa khúc Môica chỗ bến này đây.

Tuyết cuối mùa còn phơi phới xuống trên sông mỗi lúc càng mù mịt hơn. Người lác đác dưới đường, bóng lướt qua bên những thanh lan can đen sẫm. Tưởng tượng như Đốttôepski đương với các nhân vật của ông lang thang

trong Những đêm trắng. Hôm trước, đã thăm nhà lưu niệm Đốt ở một chung cư năm tầng. Tường căn buồng nhỏ nhà Đốt đương được bóc giấy báo ra, tìm lại ngày tháng ở những tờ báo hồi Đốt ở đây, mùa lạnh đã dán cho ấm tường. Cũng như ở quảng trường Cỏ Khô, nơi tử tù Đốt đã đứng đợi để đến lượt bị hành hình treo cổ, đã được khắc cái biển đá về sự tích ghê rợn ấy. Vào mùa xuân năm này, các tác phẩm của Đốt mới được in lại, bán khắp các hiệu sách.

Thành phố bắt đầu gắn biển và sửa sang những nơi có dấu vết của ông. Tôi tưởng như, nhớ như ở thành phố chỗ nào cũng trông thấy ông và các nhân vật, những cái bóng ngất ngưởng, người gàn dở, một bà già không chồng, một trọc phú uống máu người không tanh... tấm lòng thương bao phủ tất cả các con người, con sông, những lan can trơ trụi bên đường, trên cầu ông đã vịn tay. Ông viết càng rùng rợn bao nhiêu, càng thương đau bấy nhiêu. Heinơ nói rằng: “Người ta kể lại không bao giờ đúng, bởi vì con người luôn luôn nói dối khi nói về mình”. Không, Đốt nói: “Người ta có cố gắng nói sự thật, chỉ có điều là sự thật ấy không bao giờ đầy đủ”. Vẫn một lòng thương cảm sâu thẳm, không biết đến đâu.

Ngoài kia vẫn mờ mờ, chẳng biết đã đêm trắng hay còn ngày. Vêrônica uống cũng ra trò. Một lúc, Vlat nói:

- Đêm nay mày ngủ ở đây với Vêrônica. Tao về chiếm cái giường của mày ở khách sạn.

Tôi không nói gì. Vlat không biết tôi đã khiếp sợ từ hôm mới đến chơi, trông thấy chiếc xe đạp cuốc treo ở sau cánh cửa. Mỗi sáng sớm, Vêrônica đã cưỡi nó, đạp thể dục hai mươi cây số ra ngoại ô. Những Vlađia ở ga Gian Côi trên tàu hỏa qua Kiép, những Vêrônica, những Madari xa lạ quá rồi.

Mấy năm sau, gặp lại Vêrônica ở Matxcơva. Cô đã đổi về làm cho đài truyền hình dưới này. Tôi giật mình. Võ vàng, tiều tụy đến độ thoạt nhìn không nhận ra được. Hỏi thì cô ấy khóc. Cô đã lấy chồng và sinh được bé gái. Đứa con chết và người chồng bỏ đi. Từ đấy Vêrônica mê mụ không hồn như nhân vật mụ Tường Lâm trong truyện của Lỗ Tấn. Gặp lại tôi, có điều cô được an ủi là tôi vẫn nhớ cô, tôi đã đem tặng cô bức tranh sơn dầu Cây chuối của Nguyễn Sáng. Xem tranh Nguyễn Sáng, tôi có nhận xét Nguyễn Sáng ở rừng Việt Bắc mà sao ít vẽ cây chuối. Nguyễn Sáng đã cho tôi đem đi bức tranh Cây chuối, cũng chẳng hỏi tôi mang bán hay mang cho ai. Khi về, xách về đền ít hộp sơn trắng, thế là mừng rồi.

Dương Bích Liên bảo cái sơn trắng quét lót, lúc nào cũng cần. Biết thế, tôi hay mua sơn màu trắng cho Sáng và Liên. Hồi ấy, cái tranh chẳng đáng một giá nào. Vẽ vì thèm vẽ, vẽ rồi cho, vẽ rồi xếp lại. Tôi đã đem những đĩa sơn mài vẽ mèo, vẽ chân dung của Sỹ Ngọc và Nguyễn Sáng cho Marich, cho Ina Dimônina.

Ấy thế nhưng họa sĩ uống tách cà phê, ăn

bữa cơm nhà Lâm Toét cũng được coi như bán tranh, không phải là đem cho tranh không. Đồng tiền thời ấy hiếm vậy. Ai tò mò cũng biết Lâm Toét bán cà phê đầu tiên chơi tem rồi chơi tranh. Nhưng ít người biết Lâm Toét chơi tranh và chơi sách. Anh khoe với tôi lùng mãi mới săn được tập thơ Tản Đà và hai quyển Tục ngữ phong dao của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, nhà Minh Đức xuất bản, có chữ ký của ông Nguyễn Hữu Đang.

Tôi lên gác xem tranh bày trên ấy. Lâm Toét chỉ cho tôi một chồng báo cao cao. Anh ta nói thì thào nhỏ nhẹ, lễ phép: “Ông Hoàng Trung Thông mới để lại cho em đấy”. Tôi ngơ ngẩn cả người. Tôi không còn đủ sức lấy hơi đến nhìn xem nó là những báo gì. Cái thằng cho tranh lấy vài đồng và tách cà phê thế mà còn bớt đau hơn thằng bán sách một bậc.

Ấy thế mà rồi tôi và Vlat đã đi một chuyến vung vinh thú vị không lúc nào phải lo tiền, chúng tôi làm khách nhà nước Udơbêkitstăng. Mỗi khi đi đường dài, xuống nghỉ ở sân bay Tasken, máy bay là là dọc đường băng, trông thấy ven cỏ một tòa nhà xinh xắn, đấy là lầu đón khách Chính Phủ. Đêm ấy, đèn nhà khách sáng trưng, ô tô rước chúng tôi từ thang máy bay tới.

Bộ trưởng ngoại giao Adimôp đón tôi, ông mời tôi chơi nước ông. Nhà thơ Udơbêch Adimôp năm trước làm đại sứ ở Libăng, bây giờ về nước cộng hòa này làm bộ trưởng ngoại giao.

Gặp lại Adimôp ở câu lạc bộ Hội Nhà văn, Adimôp nói: "Có đi Tasken chơi không?". Thế là đi.

Nhà khách chính phủ thênh thang như cả chục cái đình làng ta, mà chẳng có một mống khách. Vlat nói: "Có thể chúng ta uống rượu say ở đây rồi thắt cổ chết mấy ngày mới có người biết". Mỗi đêm, xa xa tiếng gà gáy. Nếu có tiếng còi tàu hỏa nữa thì chẳng khác nghe đoàn tàu chạy đêm hun hút gió trên cánh đồng chiêm bên kia cầu Giẽ, cầu Guột...

Chẳng đâu lạ mà ngẩn ngơ thế nào, cũng không vì cơn cớ gì. Con người đương vui lại buồn, nghĩ ngợi vẩn vơ vắt vào nhau chẳng ra làm sao. Không còn cái ông đại biểu Adimôp tranh luận với Hoàng Trung Thông về một chữ trong thông báo của Đại hội các nhà văn Á Phi ở Bâyrut, cũng không phải ông đại sứ, ông bộ trưởng ngoại giao nước cộng hòa. Chỉ thấy một lão chăn cừu ngồi giữa đồng cỏ, cốc rượu bằng sừng dê và đọc thơ, đọc thơ, đọc thơ. Thơ ông về thảo nguyên, về cây dâu, cây thông và con cừu, đàn cừu. Năm sau, tôi lại đi Apganixtăng, cũng với Adimôp và ở nhà nghỉ, Adimôp cũng đọc thơ. Lạ thay, nghe giọng thơ mà một lúc tưởng như trên mặt đất bụi mù mịt, những con cừu nhiều hơn con người ở làng mạc và thành phố. Ở Adi Abba, ở Đaet Salam buổi chiều người cõng cừu qua phố về nhà. Ở Angiêri, ở Mông Cổ lúc nào trông xuống mặt đất cũng thấy những đàn cừu chân bước liên liến, đi từng đàn, chập

chờn vàng như khói, người chăn cừu cầm gậy đứng chơ vơ như cái cọc, sóng cừu mênh mang xung quanh. Adimôp đọc thơ cừu. Vlat dịch lại, chẳng biết thơ hay thế nào, lại chỉ thấy bề bộn những cừu là cừu, cái cảm tưởng thơ cừu của mình là đúng. Quả là trên đồng cỏ những làng Udơbêch, đâu có cừu thì có người. Cũng hay.

Tôi đọc mấy câu thơ Nguyễn Bính. Tôi vốn không thuộc hết một bài thơ nào. Những câu thơ tôi nhớ được chỉ vì ngày trước Nguyễn Bính đến chơi trên Nghĩa Đô đã viết chữ tung hoành cả bài thơ vào tờ giấy lệnh dài cao hơn thước tây dán lên vách đầu giường tôi.

Lúc nào cũng nhìn thấy, nên phải nhớ mà cũng chỉ lõm bõm. Câu thơ Nguyễn Bính, cái tranh Tô Vũ chăn dê đã vào ký ức đời mình.

...Mùa xuân chín vạn bông trời nở
Riêng có tình ta khép lại thôi...

Adimôp khen tôi hát hay lắm. Vậy là tôi bằng lòng rồi, các bạn đã được nghe cái tiếng Việt trầm bổng như chim hót.

CHƯƠNG 18


hật ký - Hà Nội đã vào tháng chạp 1972. Hàng ngày cứ căng thẳng rồi lại bình thường. Nhưng với tâm lý muốn bình yên thì tưởng tượng của người ta ngả về bình yên nhiều hơn. Đường phố đông người khác thường, hình như ai cũng ra đường. Vẫn giục từng nhà đi sơ tán. Nhưng trong bụng người giục cũng cho là nếu có bom xuống thì họa may người ta mới đi.

Họp khối phố, thu được 150 đ, hôm nào thu đủ thì đem lên khu lấy tem phiếu đợt 1. Nửa đêm, tiếng bom bên kia sông phía Gia Lâm. Tháng vừa rồi yên yên, lại ra vẻ bắt đầu đây. Gần sáng, tiếng bom kéo dài nặng nề hơn. Phúc thức giấc, nói: "Con nghe như tiếng B52". Nó có kinh nghiệm chiến trường. Mình đoán vu vơ: "Không có lẽ". Tiếng bom đến tận tảng sáng, trời cứ vừa hửng vừa sẫm lại.

Bom B52 đã ném suốt dọc sông Hồng, Yên Viên, Giang Biên, Đông Anh...

Nửa đêm, lại một đợt bom đến sáng. B52 đánh vào tận Đuôi Cá, hay phía nào, như tiếng trên trời xay thóc ỳ ỳ.

B52 dội Khâm Thiên.

Gần sáng, phố và đường không một người. Dạo một vòng thấy rõ ràng những quả B52 đầu

tiên ném xuống bờ hồ Thiền Cuông rồi rải qua bến xe Kim Liên vắt sang vùng Khâm Thiên. Hố bom chi chít nhưng nông lòng. Một cái ô tô chở khách đỗ nghỉ đêm ven đường văng xuống hồ. Khúc đường nhựa cong lên như cái cầu vồng một màu đen. Biến mất dãy cây si buông rễ trông sang cổng công viên.

Sáng sớm, đài Tiếng nói Hoa Kỳ đưa tin Ních ra lệnh ngừng ném bom ngoài vĩ tuyến 20 từ sáng 30.

Trông ra phố, đã thấy trẻ con gánh chăn, nồi xoong, nhanh thế, ở đâu về không biết. Đến trưa, người đã đông bộn lên xếp hàng mua gạo, mua dầu. Tấp nập khác mọi khi.

Áp Tết, việc khu phố:

- Giải quyết cho 6 thanh niên tòng quân đợt này. Cố gắng đi được cả. Lên đường ngày 6, đêm 5 phố liên hoan tiễn.

- Soát lại con số gia đình khó khăn, bổ sung cứu tế, trợ cấp. Mở rộng diện: năm ngoái 2, năm nay 12.

- Treo đèn ra cửa trụ sở. Tuần tra canh gác bắt đầu đêm 28.

- Tổ phục vụ nấu bánh chưng. Nhận gói 0.15. Nấu 0.05. Chuẩn bị than. Tới 27 đã nhận gói và nấu 2.700 chiếc.

- Tổng vệ sinh. Trọng tâm: các hầm nổi, hố cá nhân.

- Mùng một Tết, chúc Tết các gia đình liệt sĩ, thương binh, quân nhân tại ngũ. 7 giờ sáng tập trung nhà trưởng ban. Đến tổ nào có tổ

trưởng đi cùng. Nếu Hoài vắng, cụ Trượng thay, đi với các cụ Ninh, cụ Bính.

Trên bàn thờ mỗi nhà mâm cỗ cúng gần giống nhau: cái bánh chưng, đĩa xôi gấc, đĩa thịt gà luộc, bát canh bóng.

Trưa mùng một, ra vườn hoa Thống Nhất. Những cây quất thi được giải, quả chín vàng thậm trong lá.

Không trông thấy cây mộc mà mùi hoa mộc ngan ngát trong mưa bụi.

Lên hồ Gươm. Cây và hồ nước, sóng hồ xanh kỳ lạ Đã quen mắt cả đời, từ khóm lộc vừng, cảy mõ, cây gạo- trong lòng, trong kỷ niệm. Khác phong cảnh nước ngoài, thấy mà không thấy.

Tối làm va li. Chuyến máy bay chậm, được thêm một ngày ở nhà ăn Tết. Cô Phụng văn phòng hôm cuối năm nhờ mua dây mai - xo bếp điện, mấy cái cũng được.

Mai đi Bucaret.

Lại IL 18 bay giữa trưa Gia Lâm. Thảnh thơi. Có lẽ vì Ních ngừng ném bom. Trời trở lạnh.

Mỗi lần đến Matxcơva, muốn mua gì. Tôi lại kê một tờ sớ dài đưa cho Thiên, cho Hân nhờ mua. Các bạn Marich hay Vlat và cả cô Ina nữa không thể xoay xỏa mua nhanh được. Một lần, có lẽ Marich cũng áy náy, Marich nói: “Có một cửa hàng bách hóa tên là Một nghìn thứ lặt vặt, hay lắm. Cái gì không tìm thấy ở đâu thì ở đây có, mà đều ở một chỗ. Chúng ta đi xem”. Cửa

hàng Một nghìn thứ lặt vặt, quả là một cửa hàng xén lắm thứ linh tinh, từ cái đinh vít, cái búa đanh đến cái bát, thỏi xà phòng giặt. Chỉ phải cái vẫn ba nấc sắp hàng, lấy phiếu, ra quĩ trả tiền rồi trở lại nhận. Cả buổi sáng, Marich mua cho tôi được con dao phay. Các bạn ấy chẳng đến chỗ này bao giờ, không như Hân, như Thiên, cả trăm cửa hàng, các nơi bán đồ cũ, bán vải mảnh - cửa hàng bán vải mảnh ở Matxcơva và xe đạp Phượng Hoàng phế phẩm ở Bắc Kinh đều đông khách hàng Việt Nam. Lắm người chịu khó đến đợi mua từ sớm chưa mở cửa. Ở nhà chỉ mong và dặn những thứ ấy và túi tôi thì sang nhất cũng mua được cái đồng hồ đeo tay, cái đồng hồ báo thức. Những búp bê gỗ matriôtca đồ chơi Nga một con đẻ ra năm con tôi chẳng đụng đến bao giờ.

Thiên hỏi tôi: “Bác có giấy vào cửa hàng quốc tế không?”. Tôi đáp: “Không. Có cửa hàng quốc tế a?” - “Có chứ. Vào đấy có nhiều hàng hiếm: máy khâu Nhật, nồi áp suất, các thứ vải đẹp... Các cán bộ theo các anh sang hay vào cửa hàng đặc biệt này”.

Tôi không được biết cửa hàng Tôn Đản ở Matxcơva ở đâu. Mỗi ngày, Hội Nhà văn hay cơ quan ủy ban hòa bình đưa cho tôi 5 rúp hay 10 rúp, ấy là ở Nga, còn đi các nước châu Phi, các nước Trung Đông, Nam Á thì chẳng đâu đưa tiền tiêu vặt. Chắc người ta không nghĩ mình ra thế giới mà không có đồng nào. Những khi đường xa, cây chà là, cây thốt nốt, chùm hoa

vàng hây như hoa cau, thèm bẻ xuống làm bát nước ngọt, đương khát nước. Cả khi ở Nga thì số tiền hàng ngày nhận cũng không ăn nổi ra bữa, chỉ mua được bánh mì và trứng luộc. Ngày nào cũng xuống buýp phê mua, đã quen mặt những cô bán, nhớ cả lượt họ thay ca.

Không thể xuống phòng ăn, bởi hai trăm gam cô nhắc, uống cho đủ liều thì chỉ rượu đã hết cả ngày tiền ăn. Ở khách sạn Ukraina, có hôm tôi trả tiền ăn, Phan Tứ cám ơn và nói: "Xin lỗi, hôm nay chúng tôi ăn của anh hết hai cái bàn là". Nghe tục và thảm quá, nhưng mà thật vậy. Tôi xuống Bacu thăm Đan Thanh, con gái tôi học dưới ấy. Nó đi tìm mua một cái mâm nhôm, rồi lấy vải thô, dây gai chằng lại. Cái mâm vào bí mật bỗng thanh nhã như chiếc đàn bạn tặng lưu niệm. Chiếc mâm nhôm vững chãi đã thọ nửa thế kỷ - cái mâm luyện bột chẳng bao giờ thủng, bây giờ vẫn hàng ngày hầu hạ trong bữa ăn ở nhà tôi.

Những tờ kê cả chục thứ mua, đưa cho Hân, cho Thiên đại khái những là quạt tai voi - có dạo quạt tai voi và bàn là điện hiếm, thấy bảo vì Việt Nam mua nhiều, phải đợi chuyển tải từ các nước Trung Á lên.

Sắm quần áo giày dép thì Hân đưa đến cửa hàng thiếu nhi. Cái quần, cái áo vét của tôi chỉ bằng đứa trẻ mười ba mười bốn. Mọi thứ cho thiếu nhi giá rẻ nửa đồ người lớn. Rồi thì đem về làm quà cái khóa cửa, nan hoa, líp xe đạp, một nắm ruột bút bi, chia tặng mỗi người một

hai cái. Qua Bắc Kinh, ca sĩ Mai Khanh mua cho lọ Hà sa đại tảo hoàn, lại cân thang thuốc và chép kèm cái đơn "thuốc bổ của bác Mao". Ở Pnôm Pênh, ở Angiêri về thì hộp chà là khô, lụa bombay, xì líp, xú chiêng... Những năm tám mươi, các thứ đem đi cho đủ cân thì áo gió, áo bay, áo phông, cả túi khuy đồng quần áo bò Lơvit, nhờ bán để sắm những cái không mua được ở nhà, cả đến lưỡi dao cạo râu...

Nếu không có khi mênh mông tưởng tượng bay lên trời trên biển Hắc Hải, thì những chuyến đi đây cứ lầm lũi, cặm cụi như thế. Ở hội nghị ra, dạo phố, khách đi tìm mua các thứ lưu niệm còn ta thì chưa bao giờ.

Làm thế nào.

Cũng như mỗi lần gặp lại Hân và Thiên tôi mừng hú, chỉ vì các cậu ấy mua được chóng vánh và chịu khó nhặt nhạnh từ cuộn chỉ trắng và đủ loại kim khâu, dây mai- xo... Trong khi Hân đương bảo vệ bằng tiến sĩ ngữ ngôn vào loại những người đầu tiên ở nước ta và chỉ có Phan Hồng Giang dịch Pautôpski tôi mới đọc được. Và Thiên, Trần Mai Thiên, tiến sĩ cá nước ngọt nước lợ ở viện Cá Lêningrat - mà Nguyên Hồng gọi là thằng đốc Chép. Tất cả đều là những kiệt hiệt hơn người. Nhưng hãy để đấy, để đấy, giúp tôi đã, giúp tôi.

Đi Yanta, lại ra người phong lưu nhàn nhã rồi và lại đi với Vlat. Trong những nơi nghỉ tôi ưa ở vùng đồi Sinaia nước Rumani và các thành phố trên Hắc Hải. Nhà ở, đồi núi và bãi biển liền

nhau. Lúc nào cũng là đi tắm, quần đùi áo may ô dạo phố Yanta mua báo hàng ngày và uống bia hơi Tiệp máy bay tải tới.

Ba tuần lễ ở đồi Sinaia giữa mùa phấn thông vàng. Bây giờ mới thật thấy ngày đêm phơi phới nồng nàn mưa phấn thông vàng của Xuân Diệu. Nhưng hàng ngày cũng lắm lo toan đột ngột như cái hôm giày bị vấp há mõm. Cố nhiên, không phải là chiếc giày, mà là cái khó chịu đáng yêu của bà phiên dịch Madari.

Madari trạc trong ngoài năm sáu mươi, phốp pháp, phúc hậu, xôm xốp như người nặn bằng tuyết ở biển băng Bắc Cực.

Tôi cũng đem bản thảo Chuyện nỏ thần đương viết. Trời cao nguyên mát rượi vào mùa hạ thuận cho công việc viết. Nhưng làm được hay không, có thể lại bởi cái bà hồi xuân này.

Tôi chuyện với Madari:

- Ba tuần lễ, không biết tôi có sáng tác được không?

- Cửa buồng anh trông ra rừng thông đương mưa phấn thế kia, sẽ gây cho anh nhiều hứng thú.

- Nhưng tôi ốm, nhiều bệnh. Bà cho tôi đi kiểm tra xem thế nào.

Madari đưa tôi đến phòng khám bệnh viện quận dưới chân đồi.

Người bác sĩ đã đứng tuổi, đo áp huyết rồi bảo:

- Ông bình thường. Ông có thể yên tâm nghỉ ở vùng núi.

Ở Bucaret nhiều người nói tiếng Pháp. Các báo ở Pari hàng ngày được máy bay đưa tới. Tôi ngần ngừ:

- Tôi hay đau đầu, mất ngủ. Ông có thể cho tôi...

Người bác sĩ nhìn bà Madan ngồi ngoài cửa, rồi đột ngột hỏi tôi:

- Ông muốn uống thuốc cường dương?

Tôi cười, lắc đầu:

- Không, tôi đến Sinaia nghỉ và làm việc.

- Tôi hiểu, tôi hiểu. Ông bảo bà phiên dịch là ông phải chữa bệnh áp huyết, hàng ngày đến đây tiêm B1.

- Sao lại Bl?

- Chỉ cần ông không được nói tên thuốc với bà ấy, ông hiểu chưa?

Ngày ngày, tôi ra trạm tiêm. Không ngờ mà tôi lại giống cái ông giả vờ ốm muốn ở lại nhà an dưỡng trên Tây Hồ, bị tiêm những mũi B1 ăn khỏe của một thày thuốc tốt bụng và tinh quái. Tôi được biết nghệ thuật tiêm của các cô y tá khéo tay. Các cô vỗ cánh tay tôi một cái, thì mũi tiêm cũng vừa xong.

Madari viết thư cho tôi, lần nào cũng hỏi thăm bệnh và gửi thuốc, khuyên tôi giữ gìn. Người thật hiền và dễ tin. Rồi nghe tin Rumani phải một trận động đất dữ dội, thành phố Bucaret bị đổ nhiều dãy phố. Người con gái Madari cho biết mẹ cô chẳng may đã chết trong trận động đất rồi...

Marich đã biết lần trước chuyến đi

Lêningrat với Vlat tiêu lung tung hết tiền mà Marich cho là Vlat đã uống hết. Lần này chỉ nhận tiền hàng tuần, tuần sau lại gửi. Tôi đưa Vlat giữ. Của đáng tội, tiền có là bao, chẳng khi nào Vlat tiêu cái gì khác, chỉ lỡ miệng uống quá, mà uống thì cả tôi uống. Nhưng Vlat chửi Marich đã xui kế toán hành chúng tôi: "Thằng Do Thái, nó gửi tiền từng tuần lễ, chỉ đủ ăn không có uống. Nhưng không lo, không thể đói rượu được, đã có cách. Chúng ta sẽ lao động làm ra tiền, người lao động chân chính là chúng ta".

Chưa biết cách gì. Trên Lêningrat thì chắc lại đến ăn vạ Vêrônica. Ở đây Vlat cũng có một Vêrônica chăng.

Rồi có hôm nó bảo tôi đi nói chuyện ở nhà trẻ quốc tế Atếch, lại khi đi đài phát thanh đài truyền hình thành phố và viết bài cho báo địa phương. Tôi biết thế là lao động những cách ấy. Dù sao cũng không còn lo lắng nhờ các mẹo vặt của Vlat.

Nhà sáng tác ở biệt thự trên đồi, dinh cơ của một nhà quí tộc trước kia. Thành phố bờ biển, những thắng cảnh và di tích lịch sử. Các lâu đài của vua Nga, lâu đài Livađia nơi hội nghị Yanta của thủ lĩnh ba cường quốc Anh, Mỹ, Liên Xô trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, vườn bách thảo nhiệt đới, biệt thự của Sêkhốp, hòn núi Gấu đẫm mình trên mặt biển...

Tôi tha thẩn một mình ven bờ, lắm hôm tận khuya ở bãi tắm và xem cảng thức suốt đêm có người đi câu ngồi im lặng. Cát trắng lẫn những

hòn sỏi thủy tinh huyền ảo rạt rào trong tiếng sóng.

Chúng tôi ghé hầm rượu vang đỏ nhãn hiệu Rừng Crưm, vang ngon. Những khúc gỗ, những cặp sừng hươu trong bóng nhập nhoạng ánh điện giả lửa sưởi, như những người thợ săn ở cửa rừng ra, gác súng bên gốc cây, làm cốc vang chát cho ấm người. Vách giả đá như tường hầm, người ngồi lên các thùng vang rỗng. Ô hay hôm nay lắm các bà xuống hầm rượu. Các bà các cô uống và hát. Ngoài phố, cờ búa liềm đỏ phấp phới. À các bà các chị uống rượu mừng Quốc Khánh. Ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng mười Nga năm thứ 52.

Vlat và tôi cũng mừng Quốc Khánh với hai người thợ mỏ vùng Đông Bắc ra nghỉ biển. Họ hát như gào liên tiếp những bài dân ca về tình yêu và chiến tranh.

Mười giờ đêm vẫn còn quán bia hơi máy bay Praha chở đến. Đến đâu lại hợp thổ ngơi ấy, bia Sinha Thái lan, chai Stema Ai Cập cũng đường được, nhưng vẫn nhờ bia Kon nhãn vẽ hình móng ngựa của Hà Lan. Uống từ bao giờ ở Pnôm Pênh nay vẫn nhớ vị nó. Nhưng ở đây chúng tôi đứng uống bia hơi quán Cua Bể. Đấy là treo biển vẽ con cua - chứ không có cua bán, quán mở cửa từ bảnh mắt, cho người đến uống bia súc miệng. Nhưng chẳng có bảng hiệu cũng có thể biết có quán bia vì các chân tường quanh bên đều quét chữ hắc ín dòng chữ: Cấm đái. Ra ở đâu uống vào cũng đái bậy. Một bàn dài suốt

gian nhà, không phải lồi lõm vì mối mọt, mà bởi vết bào mấp mô làm vẻ thô kệch.

Các bợm bia uống đứng hai bên. Những chiếc cốc to tổ bố nâng lên phải đỡ hai tay, thật khoái. Chiếc bánh vòng ròn xốp cho thấm bia, uống được nhiều. Đôi khi có người câu cá dưới biển lên lẻn vào bán dúi con cá ướp muối, mặn thì càng uống tốt. Nhưng cũng chỉ có thế khác ở ta. Cụ tổ bia có sống lại mà đến Hà Nội cũng phải trợn mắt vì cách uống bia của ta. Nước giải khát có cồn được gọi thẳng là rượu bia và uống nhắm đậu rán, lòng lợn, tiết canh, phở, thịt chó, thịt dê. Cái cốc gọi là cái vại và các bợm Hà Nội uống cả chục vại bia vẫn ngồi bần thần.

Vlat lấy bia uống một hơi rồi ra đứng ngoài phố.

Tôi tưởng Vlat chỉ uống rượu mạnh, nhưng một lát đã thấy vào, uống cốc nữa, rồi lại ra. Vlat bảo: “Tao không thể đến cạnh những thằng già ở Yanta, tao chỉ muốn đấm vào mặt chúng nó. Bọn ấy trong chiến tranh đã chạy chết ở các nơi về Yanta. Em tao bỏ xác ngoại ô Matxcơva, chúng nó trốn đến đây rồi thành triệu phú, có nhà cho thuê nghỉ mát”. Vlat đã chỉ cho tôi những biệt thự rải rác thấp thoáng sau những hàng rào lila.

Nhìn ra mặt biển, hôm trời quang trông thấy núi Gấu. Hệt cái đầu gấu đen thẫm vục mõm xuống mặt nước. Bao giờ cho chàng Gấu si tình trong cổ tích kia uống cạn nước Hắc Hải để cho Gấu có đường đi tìm người yêu. Dọc xuống

chân đồi, những ổ mèo hoang trong bụi lila. Cũng quây quần như chuồng mèo ở nhà ấm áp, mèo mẹ vờn mèo con dưới chùm hoa lila đung đưa mới nở tím ngát cho đến khi hoa tàn màu nhàn nhạt. Mai kia mùa lạnh, tuyết sa phủ khắp vườn cây, mẹ con nhà mèo đi đâu? Đứng đây cũng nghe tiếng sóng. Không phải sóng cát âm thầm mà tiếng những hòn thủy tinh được đổ xuống bãi giả sỏi. Sau đồi, tiếng chó sủa trăng. Đêm trăng suông, mặt đất tựa hồ đâu cũng như nhau. Tưởng như những đêm xóm Đồng ra biển Diêm Điền dưới Thái Ninh, mặt nước sông Diêm lờ lững ngoài chân tre cũng thế này.

Nhiều nhà văn nước ngoài được mời đến đây nghỉ và sáng tác. Đêm đêm phảng phất rào rào tiếng máy chữ ở một buồng nào. Mỗi khách một buồng, có người đi cả gia đình. Người phiên dịch đi theo khách thì ở tập thể phòng tầng dưới. Vlat hay ngủ ngay ở buồng tôi, Vlat kêu: Thằng ở cùng buồng tao ngáy to quá, không chịu được. Vlat nằm ra sàn. Tôi rút khăn trải giường đắp cho.

Vlat uống lắm thế, nhưng không có thì thôi. Nhiều hôm cũng thương, tôi rủ xuống quán ăn dưới phố. Tiền chỉ đủ ăn, không có uống. Ra hàng mà không uống thà ăn trại lính ở nhà cho gọn bữa. Vlat nháy mắt:

- Cách thần diệu, nhớ ra rồi.

Tôi nhìn xem cách thần diệu ra sao.

Nhà hàng dưới đường ven biển, Vlat đưa tôi tới một buồng nhỏ trước khi vào phòng ăn.

Khách sạn này tôi vẫn đi qua, nhưng không biết cái phòng nhỏ là chỗ bán rượu. Có thể vào đấy mua rượu uống trước. Đứng làm một tợp mỗi cốc rồi ra. Nhiều người uống như thế, có lúc khách đông nối đuôi. Rượu không có hầu bàn, rẻ khác hẳn trong quán, vẫn vôtca, vẫn cô nhắc nhãn ấy.

Uống rồi vào phòng ăn hay đi đâu, không ai để ý.

Có ăn lại cả uống, đôi khi cũng vào cho biết. Nhưng cũng không dám la đà tiêu không đếm, bởi tiền gửi xuống đều đặn mà quá ngặt. Hôm trở về, Marich hỏi: “Ông có giận tôi không? Tôi bảo gửi thế cho thằng Vlat mất tiêu hoang”. Tôi đáp: “Không sao. Ngày ngày vẫn ăn và uống bình thường”. Tôi kể Marich cái sáng kiến mua rượu uống trước của Vlat.

- À ở Matxcơva các quán ăn cũng đều có bán rượu uống trước như thế.

Có lúc Vlat cho tôi xem thư của nhà văn nhiều nước châu Phi mà Vlat đem theo để làm việc. Lắm khi nửa đêm Vlat dậy thức suốt sáng. Những năm về sau, Vlat yếu và mắc chứng ho. Nếu không nương nhờ được cô Lọ Lem thì khốn đốn. Nhưng Vlat vẫn là tay giỏi xoay. Marich bảo Vlat chơi bida rất nghề. Ở câu lạc bộ, khoảng chín giờ tối trở ra, người ta đánh bida ăn tiền. Hôm nào Vlat cũng được bida. Vlat về bằng taxi. Buổi sáng dậy muộn, cô Lọ Lem đi làm rồi. Vlat ra vẫy xe cứu hỏa. Gần phố ấy có nhà chứa xe cứu hỏa. Vlat lên xe, đưa tiền. Xe

cứu hỏa bon bon hết cỡ, đến gần cơ quan, thả Vlat xuống. Ít lâu sau, Vlat ốm bệnh rồi mất. Một lần kia, Ina đã đưa cụ Nguyễn Tuân, người bao giờ cũng chu đáo, đem hoa đến nghĩa trang viếng mộ Vlat. Hội Nhà văn Liên Xô mời Nguyễn Tuân đi nghỉ. Nguyên Hồng cũng đi dự kỷ niệm về Puskin. Nhưng Nguyễn Tuân chỉ đến Matxcơva rồi ở lại đấy ngắm đầu mùa thu tuyết rơi.

Hôm tôi trở lại Matxcơva, Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng đã trở về Hà Nội. Mà Nguyễn về trước cả thời gian được ở lại. Nguyễn Tuân chưa đến Yanta bao giờ, nhưng mà mỏi chân quá, cũng chẳng thiết nữa rồi.

Tôi bỗng nhớ cái buồng bỏ hoang của Vlat trong hẻm chân tường Kremli. Quyển sách nói về mèo, tôi vẫn giữ. Ở Yanta hay khi đi vùng di tích Samakan ở Trung Á, Vlat thấy tôi cứ nghe tiếng máy bay thì nhìn lên trời. Vlat hỏi: "Ở Việt Nam không có máy bay?" Tôi bảo: "Nhiều lắm, máy bay Mỹ. Tôi phải nhìn nó để liệu hướng chạy tránh bom". Đây không phải máy bay Mỹ mà tôi thành thói quen chạy rồi.

Vlat bảo: "Việt Nam nhiều cái lạ, tôi phải sang Việt Nam một lần mới được. Mỗi bạn nuôi tôi một ngày rượu, có ở được tuần lễ không, anh tính xem". Vlat chưa đến Việt Nam lần nào. Vlat chẳng bao giờ đến Việt Nam được nữa.

Lại xuống Yanta, đi với Hêlena. Người không đậm, không nhạt chỉ phải cái hút thuốc lá thở khói như kéo bễ. Hêlena nói: "Bây giờ

trên thế giới, đàn bà hút thuốc kỷ lục hơn đàn ông”.

Các bạn ăn tiễn ở nhà hàng Bắc Kinh. Dẫu chỉ đi ít tuần, nhưng đến với biển khi nào tôi cũng trân trọng và háo hức như được đến với những mới mẻ, mặc dầu đã biết. Chỉ có một lần chối quá, bỏ đi ngay.

Ấy là ở bờ biển Vacna nước Bun. Gặp nhà văn Ba Lan Giucôpxki - người đã đến mặt trận Điện Biên Phủ làm phóng viên, Giucôpxky bảo tôi:

- Tôi đưa anh đến nhà dưỡng lão, cũng ở Vacna này. Anh thích thì ở lại đấy cũng được.

Rồi lại nói:

- Quan sát những người già cởi truồng.

- Không sao!

Vùng bãi này có rào chắn cách với các khu khác.

Tôi trông thấy thật đông những đàn ông đàn bà nằm, ngồi và đi lại trên cát, mọi người đều lông lá trần truồng.

Toàn người có tuổi như chúng tôi, lễ mễ, lôm nhôm như cái xác. Tôi ngán như vừa ra cửa gặp mụ Digan mời chìa tay để xem tướng. Ở La Havana, đến sàn nhảy Tropicana khiêu vũ cởi truồng, nhìn người nhảy như con ếch, chán ngắt, tôi chẳng đụng đậy mảy may.

Tôi quay ra, bảo Giucôpxky:

- Đi thôi.

- Không bằng lòng a?

- Xem làm gì những con trâu con bò về già.

Tôi chưa muốn trông thấy tôi như thế, ông bạn ạ.

Uống cô nhắc, nhắm thịt cừu nướng. Bàn bên, hai gã Ba Lan và một cô Nga. Ngỡ thế, vì thấy chúng nó gọi bia Ba Lan. Chắc đoán tôi là người Nhật, họ chào lễ phép. Người Nhật đến đây thì được giá. Những cô chiêu đãi viên hàng không Nhật ở sân bay về khách sạn Ukraina nghỉ, đồng phục mũ và váy áo tím than, các cô yểu điệu xinh như mộng, đẩy chiếc xe va li nhỏ, ai đi qua cũng ngoái nhìn lại. Tôi ra dạo công viên khách sạn, một cô điếm Nga mặt nhợt nhạt gọi: “Giapan... Giapan...”. Ông già Nhật Bản rởm này vẫn im lặng đi.

Ba giờ sáng ra sân bay. Hêlena chỉ đi hai tuần rồi về trước để đi nghỉ biển ở Riga với chồng.

Lại xuống Ximphêrôpôn. Những mảnh nắng rải vàng dịu. Ga mới ra vẻ ga trời quốc tế không mộc mạc cái ga tỉnh lẻ mọi khi. Cây táo hoang, Vlat đã ra ngắt quả xanh ăn cho dã rượu đã bị chặt, cũng chết - cái cây không phải chết bệnh. Hồ nước mênh mang, không cạn như mọi khi. Ra đến Yanta giữa trưa, mặt biển còn sương mù bốc lên quanh núi Gấu. Bản thảo tiểu thuyết Đảo hoang của tôi, đem theo ra đây lần trước mà đoạn mở đầu tôi ngồi viết trên núi đá hang Phai Vệ giữa thị xã Lạng Sơn - cái hang tôi ngồi viết tránh bom máy bay, tôi tả hệt cái hang đá nhà An Tiêm bị tạm giam trước khi bị đầy ra đảo. Đến Yanta, cổ tích núi Gấu cũng đã vào tiểu

thuyết tôi thành nhân vật anh em Gấu ở đảo hoang với cả nhà An Tiêm. Lần này, tôi đi Luang Prabang về, đến Yanta cùng với bản thảo Họ Giàng ở Phìn Sa đương viết.

Trên đường, ngọn núi giống hình mặt người từ đời nào đã được đặt tên là mặt nàng Catêrin, tuyết phủ mờ mờ tảng trán. Các làng ven núi trồng táo và những luống giàn nho. Nhớ thế, nhớ Xín Vàng, Vằn Chải, Sùng Đô bao giờ các xóm núi ở ta có mái ngói, có nước máy thế này?

Mây mù mây tảng dâng từ mặt nước lên các vườn nho lan ra tận mép bãi. Hệt trên đường từ Bâyrút sang Đamát, những dây nho được chặt gốc, nho đợi nảy mầm ủ trong băng qua mùa đông.

Hoàng hôn thành phố biển. Máy bay phản lực gầm thét - những tiếng rống của công nghiệp và quân sự hiện đại. Bờ bên kia là nước Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ đặt những bệ phóng tên lửa vượt đại châu ở nước Thổ. Nhưng tiếng cuộc đời muôn thuở vẫn đây. Con chim gì thấp thoáng hót nho nhỏ trong lá. Cây bạch dương càng vàng lá thì thân cây càng trắng như bột. Từng đàn hải âu bay qua trên cột ống khói tàu vào đậu cảng Yanta. Tiếng trẻ đùa râm ran bên kia bờ tường. Trước mặt, sương xuống đậm hơn, những dãy đèn màu lên lóng lánh, như những cây Nôen giữa không trung.

Một ngôi sao dưng dưng mọc bên trời nước Thổ. Vẫn như năm năm trước, mười năm

trước, dinh thự nhà sáng tác hai tầng, trông ra biển, cơ ngơi này đã xây năm 1916. Nhà ăn vẫn hai món chí cốt trại lính: súp cải bắp và thịt băm viên. Cô nhà bàn như nhân vật tiểu thuyết Poil de Carotte, cái mũi vẫn đỏ hơi sẫm. Chỉ khác đã già úa và đẫy ra. Cô hỏi thăm Vlat. Không nói Vlat đã chết, tôi bảo: "Ông ấy có việc không đi được". Chẳng nên để ai bận lòng hơn.

Ăn sáng xong tôi lên buồng sửa soạn những dòng đầu tiên một chương mới, trong khi Hêlena xuống bãi sớm. Tôi đương nhớ lại những làng người Mông mà mới tháng trước đi qua. Ở Luang Prabang, người Mông sinh sống đông hơn người Lào. Tôi lại nghĩ loăng quăng về dân tộc Mông mà từ lâu tôi đã định viết trình bày với Quốc hội về những hiểu biết và đề nghị của tôi.

Thế là lại ngồi vẩn vơ, tôi chưa gọi được hồn các làng xóm vùng cao ở Phìn Sa có họ Giàng, nhưng cứ đặt bút lấy đà.

Nửa đêm chập chờn như mới chập tối, tiếng hát dưới cửa sổ. Chắc là rượu hát.

Dọc đường biển, cây hoa ô môi nở hồng. Ở bờ hồ Gươm cũng có một cây ô môi, rồi cây ô môi cổ thụ ấy bị đẵn đi từ lúc nào. Có lẽ vì cái thân cây già lão còng rạp xuống mặt cỏ. Người ta không để ý cây ô môi hoa mùa hè, miền Nam nhiều, cả Hà Nội chỉ có vài ba cây. Thế mà tôi chiêm bao vẫn thấy Bờ Hồ có cây ô môi còng lưng.

Đường dốc lên, những gốc mận mọc hoang,

quả chín vàng chín đỏ. Nẫu ra thì rụng, chẳng ai hái đến, như cây táo ở sân bay Ximphêrôpôn. Chặp tối - theo mẹo của Vlat dè xẻn tiêu tiền, xuống phố làm trước cốc 200 gam vôtka rồi lên phòng ăn. Cô Hêlena không uống, đi theo xem tôi uống. Quán rượu có cốctay chanh, Hêlena lấy một cốc. Ông già làm rượu hỏi: “Có đi với ông người Nga năm trước không?”. Hêlena dịch câu trả lời của tôi: “Ông ấy chết rồi”. Ông già nói: “Tội nghiệp, ông ấy chết trẻ”. Hêlena nói trêu: “Sang năm tôi cũng chết, cụ cũng chết, ông Việt Nam này giết được nhiều người lắm”. Ông già nói: “Tôi chết là vừa phải, còn cô thì nên cố uống vài triệu cái cốctay nữa hẵng chết”. Rồi ông rót ba cốc vôtca không tính tiền. Ông mời chúng tôi uống không chạm cốc. Chúng tôi uống tưởng niệm Vlat.

Cũng như ở mâm rượu với bạn, Vạn Lịch hay để ra cái bát, đôi đũa và châm nén hương, bảo để mời thằng Nguyễn Sáng. Phong tục nhớ người đã khuất, đâu cũng tương tự. Vạn Lịch ơi, bây giờ mày chết rồi thì ai mời mày. Nhưng phút tưởng niệm Vlat cũng chỉ giây lát, bởi người uống rượu chay đã vào đông và những thùng loa nhạc trong phòng ăn và sàn nhảy trên kia đã oang oang hết cỡ. Thế giới bây giờ, tiếng nhạc đâu cũng ầm ĩ rên la, chói tai.

Bãi tắm của du lịch Inturit riêng một góc, nhưng ở Yanta chưa có bãi tắm truồng như bên Vacna. Bãi đây nhiều sỏi thủy tinh nhân tạo ít cát, tôi xách một mảnh giường ván đi nằm đâu

cũng được. Hêlena đã mua vé cho tôi cả tháng.

Hôm qua Hêlena ngâm nước nhiều, kêu chán nước, chỉ ngồi khỏa chân, hút thuốc và lại trêu tôi: “Trái đất quay ngược, bây giờ chỉ có đàn bà hút thuốc”. Chẳng khác trước hôm xuống đây, phải đi kiểm tra, tôi kêu tôi ít ngủ. Ông bác sĩ già nói: “Ông đừng lo. Ngày nay trái đất quay cũng khác, cả thế giới đều ngủ ít như ông”. Tôi có nhận xét tưởng tượng người Nga vào thế kỷ này hay triết lý châm biếm chán chường.

Cô nhà bàn mũi đỏ mỗi bữa bưng cho tôi một đĩa hành ngâm dấm, ngoài những món cố định đã có trong thực đơn. Cô ấy thật nhớ lâu, cả người và thức ăn.

Mới đến, cô đã bảo Hêlena: “Tôi đã biết ông khách này như người Mỹ không thích ăn cá, mỗi hôm ông đòi một đĩa hành, cá mới đắt, còn hành thì dễ quá.”

Hêlena đi trong mưa, không mang đồ tắm. Cô ấy lên rủ tôi ra mua vé máy bay về Matxcơva. Chóng thế đã hết hai tuần. Chúng tôi ở đại lý hàng không ra, xuống quán hầm rượu vang Rừng Crưm. Vẫn đông nghịt và những mẩu gỗ, những thùng gỗ làm ghế. Ánh đèn mờ mờ trong những cây nến giả. Hêlena uống hai cốc. Cô ấy không thích rượu mạnh, nhưng vang thì uống tốt. Nhớ Vlat lạ lùng. Bố chết oan, em chết trận, mẹ chết già, Vlat thì chết một mình.

Hêlena đi rồi, tôi xuống bãi tắm đã quen. Cái may - ô, cái quần lửng với cái mũ quần rách

- chả là ở đầu phố Hàng Gai có cụ chủ hiệu mũ Triphooca ngày trước, bây giờ cụ khâu mũ thuê. Đưa đến cụ cái quần kaki rách gối cụ may cho cái mũ vải. Cụ lấy công bằng chỗ vải thừa. Cứ cái mũ vải quần rách tôi tha thẩn dưới bãi lên phố, mua báo, bia, người ta tưởng một ông già Nhật đi du lịch. Tôi cũng cố đóng vai lão Nhật, lặng im như hôm gặp cô gái điếm ở vườn khách sạn Ukraina.

Vào quán, ai nâng cốc, tôi cũng nói được "cạn chén" tiếng Tàu "can pây", "can cây" tiếng Nhật giả cày.

Tôi yêu Yanta đêm nhiều hơn, không phải vì hay thức đêm viết. Mà đêm Yanta nghe sóng rồi xuống giỡn được với sóng ngay dưới kia. Ban đêm nghe tiếng sóng nhởn nhơ dễ tưởng như hồi còn thơ dại. Khuya trong nhà lều người Mông Cổ ở cánh đồng Đakhan, gió hú trên ống khói bếp nhớ thuở bé bẻ cong chiếu làm tùm hum chui vào bóng tối, hai tai dỏng lên. Đêm ở làng chài Nghi Sơn, Biện Sơn bờ biển Quảng Xương, tiếng sóng bủa quanh mình chỉ nghe thế thôi, không dám thò chân ra. Những con rắn hổ lửa hay quăng mình đi ăn đêm. Tiếng đêm thăm thẳm, con cú rúc từng hồi trên bụi tre lép nhà ông Ngải ở xóm Đồng. Đêm Yanta, tiếng sóng và sáng điện hiền lành, bình yên, tôi lững thững đi bên mép nước... Nửa đêm đã thưa tiếng xe, bấy giờ mới nghe thấy râm ran tiếng dế kêu.

Gió thổi vào những cành liễu trước cửa sổ. Gió thu xào xạc rụng lá khác gió vờn trong cây

mùa hạ. Có cô Galina ở Matxcơva xuống thay Hêlena. Đi tắm, bà già giữ cửa hỏi giấy tôi. Vừa hay, Galina tới. Cũng trạc Hêlena, nhưng Galina gầy, võ vàng. Ở bãi lên mua chai vang uống mừng Galina. Galina không phải cây thuốc lá, mà là một cái ông rượu không đáy. Galina kể trên Matxcơva đã lạnh, nửa đêm tuyết rơi.

Tôi hẹn với nhà văn Tiệp Khắc Givi Vôrisêch và cô phiên dịch của ông ngày mai đến quán thịt nướng Lơnôi hồ Kavagon giữa rừng, năm trước tôi và Vlat đã đến đấy với vợ chồng Simônôp. Ngồi ăn giữa những khẩu súng săn treo trên vách, như kiểu những người thợ săn vừa ở rừng ra. Lá bạch dương vào thu đã vàng chóe. Những bụi hoa lila nở chậm khác lila ở Bucaret bên hồ Hêrêch trên gió thổi bay hoa "tuyết mùa hè", nở tím bạt ngàn từ tháng năm. Mưa tầm tã, nhưng người đi tắm đi chơi không biết mưa.

Ba giờ sáng trở dậy. Trăng vằng vặc trước cửa sổ. Còn hai chương nữa thì xong Họ Giàng ở Phìn Sa. Làm sao cho những chương cuối nổi lên được vấn đề người Mỹ mà cụ thể là bọn biệt kích CIA mũ nồi xanh mạo hiểm đến vùng dân tộc Mông hoang sơ. Họ nhảy dù xuống, lấy tư cách người văn minh đem đến những cái hiện đại: tàu bay, súng đạn, quần áo, mũ, rượu và đòi ngủ với đàn bà. Người ta thất kinh. Và đến khi chúng nó ở lâu, thì con người với con người chỉ còn có căm thù.

Bà nhà văn Đức Indơ Richte và ông Tiệp

sang chơi. Bà 81 tuổi. Chỉ bánh mì đen mà bà ngoạm khỏe như thần trùng. Bà kể đêm qua nhà văn Tiệp đi chơi ba giờ đêm mới về. Ông trèo cửa sổ buồng cô Tania phiên dịch. Tôi hỏi ông Tiệp: Ông vào ngủ với Tania?

Ông Tiệp nói:

- Tôi đi chơi với nhà văn Ukraina mới tới. Tôi chỉ trèo nhờ tường buồng cô Tania, tôi về buồng tôi.

Ông ấy cười. Tôi khoe đã viết xong chương cuối tiểu thuyết. Ông hỏi:

- Ông viết chữ Trung Quốc?

- Không, chữ Việt Nam.

- Tôi thấy các nhà văn Nhật viết chữ Trung Quốc.

- Không, chữ Nhật đấy.

Tôi mở tập bản thảo. Hai nhà văn Indơ và Giri cùng nhìn và reo lên:

- Ơ, chữ Việt Nam cũng giống chữ Tiệp, chữ Đức.

- Chữ nước tôi đã Latinh hóa từ lâu.

- Tôi sai lầm quá, cứ tưởng chữ Trung Quốc cũng là chữ Nhật, chữ Việt Nam.

Rồi ông nói to:

- Viết xong chương cuối một tác phẩm tôi phải ngủ với một người đàn bà để tự thưởng. Anh thế nào?

- Bà hàng xóm tôi 81 tuổi.

- Hêlena thì chưa già, được lắm.

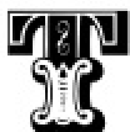
- Hêlena về Moscou rồi, Galina vừa mới tới.

- Cô nào cũng thế. Galina đẹp đấy, uống

mừng một cốc nào.

Chúng tôi uống cô nhắc với mận ngắt ngoài vườn, mận còn chát phải chấm muối. Các nhà văn nước Tiệp, nước Ukraina, nước Đức đều chúa rượu cả.

CHƯƠNG 19



ối ấy, tôi viết một thư gửi Quốc hội.

Yanta 28-8…

Kính gửi Hội đồng Dân tộc của Quốc hội khóa 7

Sau kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa 7 tôi đã đề đạt nguyện vọng cho tôi được đổi từ ủy ban Văn hóa Giáo dục của Quốc hội sang làm thành viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội. Nguyện vọng của tôi đã được Quốc hội biểu quyết thông qua ở kỳ họp Quốc hội vừa qua. Tôi chân thành cám ơn.

Tôi xin trình bày một số hiểu biết và đề nghị của tôi về vấn đề dân tộc Mông ở nước ta.

I.

Trong giai đoạn nước ta thuộc Pháp nhiều quan cai trị và những người truyền giáo đạo Gia Tô thường chú ý nghiên cúu các vấn đề dân tộc. Sabachiê công sứ Đắc Lắc sưu tầm dân ca Đam San và viết nhiều về các dân tộc ở Tây Nguyên. Cờretxông, công sứ Yên Bái nghiên cứu dân tộc Tày, quan ba Bôniphaxi biết chữ Hán đã viết về dân tộc Dao. Linh mục Savina tu ở Sapa đã soạn Lịch sử dân tộc Mèo. Linh mục Hiền (tên Việt Nam) đã tu ở Nghĩa Lộ (Yên Bái) từ 1924 tới 1950, soạn Từ điển Pháp- Mèo. Tất nhiên, những việc

làm về học thuật trên đều có liên quan tới vấn đề chính trị, xã hội.

Dân tộc Mông có ước chừng trên hai triệu người cư trú ở 5 nước nhưng liền một khu vực (Trung Quốc, Lào, Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện), đông nhất ở Trung Quốc (hai tỉnh Quí Châu, Vân Nam) và ở Lào (ba tỉnh phía bắc). Về tính cách và những đặc điểm của người Mông: trung thực, lao động, dũng cảm, cưỡi ngựa, bắn súng giỏi. Họ ở tập trung, tin tưởng và phục tùng dòng họ, ít quan hệ các dân tộc xung quanh, đem thuốc phiện đi chợ chỉ cần đổi muối, mua muối. Người Mông tin tưởng (cách mạng) hay không tin tưởng (phản động) rõ ràng và hiếm khi thay đổi.

Trong thời Pháp đô hộ, cho tới 1919, dân tộc Mông đã nhiều lần nổi dậy. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918, linh mục Savina viết trong Lịch sử dân tộc Mèo: Đế quốc Đức đã tìm cách giúp người Mông chống Pháp ở Đông Dương. Ở Hà Giang (Việt Nam), ở Xiêng Khoảng (Lào) binh lính Pháp phải đi đánh dẹp, linh mục Savina làm cố vấn chính trị trong các binh đoàn.

Cuối năm 1919, Savina đã họp được với các vua Mèo ở bắc Việt Nam và Lào ở Xiêng Khoảng. Hội nghị này công bố một hiệp định của chính phủ Pháp ký với các thủ lĩnh Mèo có mặt và đại diện. Trong văn bản hiệp định, điều khoản 1 là: (nguyên văn) Từ nay dân tộc Mèo ở Đông Dương thuộc quyền bảo hộ của nước

Pháp, không thuộc các quan lại Annam, Thổ, Thái... Người thay mặt nước Pháp ở mỗi tỉnh là quan công sứ. (Hiệp định này in toàn văn trong quyển Lịch sử dân tộc Mèo của Savina).

Chế độ bảo hộ này đã có ảnh hưởng thực tế. Năm 1973, tôi lên Sùng Đô (Nghĩa Lộ) còn nghe người già ca ngợi và khoe mỗi năm đến Tết, người Mèo được "đến chơi nhà quan công sứ". Người Mèo ở Phìn Hồ được sang nước Pháp chơi. Gần đây, nhà thờ Phìn Hồ không có cha xứ, đến Tết Nôen nhiều người Mông đã về lễ tận nhà thờ Hà Nội, như vợ chồng nhà Pàng Dơ (Nghĩa Lộ).

Không phải ngẫu nhiên, giữa chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952, quan ba tình báo Pháp Givơ đã đem toán biệt kích nhảy dù xuống vùng người Mông ở Thượng Bằng La (Nghĩa lộ).

Âm mưu của địch đối với các vùng Mông là liên tục. Những vụ người Mông xưng vua trên biên giới phía bắc, tây bắc năm 1955 là một mưu lược rõ rệt suốt từ Hà Giang qua Lào Cai sang Lai Châu, Sơn La.

2.

Từ 1975, nước ta đã hoàn toàn thống nhất, cách mạng Lào đã thành công, nhưng mọi thủ đoạn và những âm mưu vẫn tồn tại và phát triển. Con cháu Vàng Pao vua Mèo ở Lào được đưa về Mỹ học trường quân sự cao cấp. Người Mèo di cư ra nước ngoài tập trung thành làng ở đảo Guyan do Mỹ nuôi có linh mục Pháp tới truyền giáo (phóng sự báo Express 1988). Nếu

trước kia thủ đoạn của Pháp chỉ có tính cách đối phó - như hiệp định Xiêng Khoảng, thì nay Mỹ có chủ trương và kế hoạch lâu dài. Trên thế giới có bốn đài phát thanh hàng ngày có giờ phát tin tức và ca nhạc tiếng Mông. Các đài: Tiếng nói Hoa Kỳ, Châu Á tự do, Manila, Vatican. Nhiều báo Pháp thường bàn tới một nước Mông, người Mông đương ở 5 nước hiện nay, cho là vùng này có thể trở thành một nước "Itxraen phương Đông". Ý đồ đó không phải một phương hướng hành động mà họ đã làm cụ thể, như kể ở trên. Và như trong kháng chiến, người Mỹ đã soạn và in sách học chữ Mèo Latinh hóa, từ Lào đã phổ biến sang vùng người Mông ở Kỳ Sơn, Mường Xén (Nghệ An). Nhiều nơi ở bắc Lào, Mỹ đã tổ chức những đội mũ nồi xanh (quân riêng của CIA). Phóng sự Lính mũ nồi xanh của nhà báo A. Villiers đã miêu tả biệt kích Mỹ được thả dù xuống làng Mèo để huấn luyện đánh du kích chống quân đội Lào.

Miền Bắc nước ta, người Mông ở trên biên giới phía bắc, giáp Lào và Trung Quốc có trên 30 vạn người dân số đứng hàng thứ tư trong 54 dân tộc anh em. Từ trước tới nay, với chế độ ta người Mông trung thực, một lòng một dạ.

Tuy nhiên, từ Cách mạng tháng Tám 1945 tới nay chưa hình thành được một đội ngũ cán bộ người Mông thật sự có trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn vững chắc. Việc đi học, đi công tác với người Mông chưa thấy phải là đòi hỏi và cần thiết. Đi học, đi công tác hay ở làng,

làm nương cũng thế, chẳng thành một băn khoăn so sánh đi công tác hay ở nhà.

Về văn hóa, chữ Mông đã được đặt ra, đã in sách giáo khoa, đã mở lớp học tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông, nhưng không qui định biện pháp sử dụng, mọi giấy tờ từ xã lên vẫn chỉ dùng tiếng phổ thông. Cho nên, học thì biết rất nhanh rồi bỏ đấy.

Về sản xuất và đời sống vật chất có vấn đề trồng cây thuốc phiện.

Kinh tế thuốc phiện không phải chỉ một khu vực mà là vấn đề kinh tế và chính trị người Mông ở cả 5 nước, đã nổi tiếng thuốc phiện và bạch phiến khu "Tam giác vàng" ra khắp thế giới...

Sự sinh sống của người Mông xưa nay trông vào 3 nguồn chủ yếu: trồng ngô lấy cái ăn, nuôi lợn lấy thịt và mỡ làm dầu thắp; làm nương cây thuốc phiện để có tiền mua sắm. Ta đã vận động không trồng cây thuốc phiện vì thuốc phiện khó về trị an (trộm cắp, buôn lậu) và hại cho sức khỏe vì mắc nghiện... Theo nhận xét của tôi, người Mông cũng không thiết trồng thuốc phiện, nhất là chị em phụ nữ. Vì người đàn ông nghiện thì ốm yếu bỏ sản xuất. Nhưng không trồng thuốc phiện thì cây gì thay thế để bán cho có tiền mua sắm. Đã được khuyến khích và hướng dẫn trồng tam thất, đậu tương xuyên khung, hạt giống rau... đều không thành công vì cây chết, vì giá quá rẻ. Trong khi, vài đồng cân thuốc phiện đã bán được một nắm tiền và

cái nương thuốc phiện thì nhỏ bé, dễ làm... Người ta vẫn trồng thuốc phiện khi nào ngơi lệnh cấm thì trồng ở vườn, khi nào cấm ngặt thì trồng lậu trên các đỉnh núi cao.

Lại những tình cờ tôi đã gặp ngót bốn mươi năm trước, lần đầu tiên đến Matxcơva bây giờ nhớ lại mà như gặp lại, cái gì không bao giờ còn có thì lại như có.

Cụ Lêôn Chức hay cụ Hồng, ông lão giác ngộ cách mạng ở Pháp năm 1923 trốn sang nước quê Cách mạng tháng Mười. Thế nào mà rồi ông lại theo phái tờ rốt kít. Ông bị bắt, bị đày chung thân đến Xibêri. Hơn hai mươi năm sau ông được thả, ông lấy vợ người dân tộc Cômi ở giữa đồng hoang taiga. Mãi đến năm ấy, nghe tin nước nhà độc lập, ông lặn lội về Matxcơva tìm đến sứ quán ta. Ông chỉ còn nói tiếng Việt lơ lớ, ông kể quê ở Thái Bình. Ông già yếu quá rồi. Ông ngồi khóc. Ông cũng không có nguyện vọng về nước.

Ông không còn nhớ hẳn tên ông là Hồng hay là Lêôn Chức, là Lêôn. Người bé nhỏ, bước lủi thủi. Nhà nghiên cứu văn học Niculin có viết về cụ Lêôn Hồng trong một bài bút ký. Tôi đã được gặp cụ lần ấy năm 1957. Về sau tôi hỏi thăm, ở sứ quán ta nói không thấy ông đến nữa. Chắc ông khuất núi đã lâu rồi.

Cũng một cảnh đi đày, trong chuyến những người tờ rốt kít bị bắt đày đi Xibêri có Tưởng Kinh Quốc, con trai Tưởng Giới Thạch. Ông thống chế Quốc dân đảng này gửi con sang du

học Liên Xô. Hoạt động tờ rốt kít, cũng bị bắt tù luôn. Sau nhờ bố can thiệp, Tưởng Kinh Quốc được thả. Tưởng Kinh Quốc về Trung Quốc, đem theo người vợ Nga quê ở Sveclôp. Bà Tatiana đã ăn ở với chồng đến đầu bạc răng long. Khi tổng thống Đài Loan Tưởng Kinh Quốc chết, bà đi sau xe tang.

Báo chí thế giới đã đưa tin về chuyện lạ ông tổng thống Tàu lấy vợ Nga này.

Ông Lêôn Hồng, ông Tưởng Kinh Quốc, những tay rờ rốt kít phải đi đày, nhưng khác nhau, số phận và những tình cờ.

Nhưng số phận khác nhau. Tôi quen Platôn từ năm ấy. Platôn quê ở Ukraina vùng Cuốc cách thành phố Kiep sáu mươi cây số. Tốt nghiệp trung học hai mươi tuổi, Platôn tòng quân. Năm 1942, cả binh đoàn vào trận đánh, bị bao vây và bị phát xít Đức bắt ở Khacôp.

Tù binh Platôn phải giải về Đức, học lái xe rồi làm tù binh lái xe tải của quân đội Đức đóng ở Đan Mạch.

Phát xít Đức thua trận. Tù binh Nga được giải phóng. Platôn cũng được về nước, nhưng phải nhốt trong toa tàu những tù binh đã cộng tác với địch. Platôn sẽ phải ra tòa án quân sự.

Đến một ga xe lửa giữa đường gần biên giới Nga, Platôn nhảy xuống, chạy trở lại. Platôn sang Pháp. Thấy các nơi dán áp phích lấy lê dương, Platôn vào lính lê dương Pháp. Năm 1947, đội quân lê dương ấy bị đưa sang mặt trận Đông Dương. Đơn vị của Platôn đóng ở Phú

Nhuận rồi Bến Tre, rồi Vĩnh Long. Vào lê dương, Platôn lại làm nghề cũ. Ngày ngày lái xe tải chở thức ăn uống, dây thép gai, dây điện thoại đi các bốt. Cuộc đời phiêu đãng khốn cùng, chỉ còn biết uống rượu giải khuây. Platôn kể: Thường nhờ người vào mua rượu trong làng, vì vậy Platôn liên lạc bắt mối được với du kích Việt Minh. Du kích đưa cho Platôn xem tài liệu về Việt Nam kháng chiến, thế nào là chiến tranh chính nghĩa, là phi nghĩa. Và truyền đơn kêu gọi binh lính phản chiến, đòi trở về quê hương. Platôn quyết định ra vùng tự do, đã định ra ở Phú Nhuận, nhưng rồi mối hỏng. Rồi xuống Bến Tre, Platôn tìm bắt liên lạc được với một du kích tên là Mô, Platôn theo du kích Mô ra vùng kháng chiến. Chèo thuyền suốt đêm mới tới được điểm hẹn. Platôn đem theo được hai khẩu súng trường làm chiến lợi phẩm.

Platôn kể với tôi là vừa tháng trước, Platôn được quân đội ta mời sang Bến Tre dự lễ kỷ niệm ngày thành lập tiểu đoàn 307. Platôn gặp lại du kích Mô. Mô đã già, rụng hết tóc, đã lẫn cẫn. Một lúc mới nhớ ra Platôn, thế là ôm Platôn, hai người khóc hu hu.

Platôn được đặt tên là Nguyễn Văn Thành, phiên chế vào chủ lực tiểu đoàn. Cấp trên cứ ngỡ là Pháp, là Đức, là Nga tất nhiên phải biết về súng nặng. Thành được ngay chức khẩu đội trưởng súng cối. Thành đâu biết cái khẩu súng cối ra sao. Nhưng mầy mò rồi cũng bắn được cối, cối hóc Thành cũng chữa được. Đội trưởng

Thành nghiễm nhiên hóa ra tay thạo và đã đánh nhiều trận. Có trận chỉ thổi tin cho ngụy biết trận này có Tây bắn súng cối, bên kia đã bỏ đồn chạy êm. Ở khu giải phóng đan cài vùng địch vùng ta, tiểu đoàn cũng có quê mỗi khi dưỡng quân, luyện quân - đấy là một phố tản cư bên sông ven rừng dừa. Anh em làm mối vợ cho Thành. Ở đấy có một bà trước kia là vợ một người Pháp lai Mangat đã đi lính rồi làm công chức nhà dây thép tỉnh. Không ai biết ông Tây dây thép bỏ bà ấy về Pháp hay ông bị Nhật đem đi giết khi đảo chính. Chỉ có một bà ấy và cô con gái ở bờ kênh trong khu giải phóng. Cô Mai còn có tên Tây là Côlet. Tuổi dậy thì xinh đẹp, mắt nâu, tóc vàng óng. Nhiều chàng trai mê cô nhưng đương đánh Tây, không chàng nào dám bập vào cô Tây lai. Thế là Thành được se duyên. Đám cưới bộ đội giản dị, nhưng cũng tiệc bánh kẹo, rượu để và đàn ca hò hát cả đêm.

Vợ Thành về thị xã ở cữ, sinh được con gái. Thành ở đơn vị được tin, nửa đêm bí mật vào gặp vợ. Con gái giống bố quá. Thành đặt tên con là Giênhia. Thành ẵm con được một lúc, lại đi. Mẹ vợ rất quí cháu Giênhia và con rể. Trong cuộc đời gian truân của Platôn chưa bao giờ Platôn được những ngày mong nhớ yêu thương như mỗi khi có dịp về hậu cứ thuở ấy.

Một ngày kia, Thành về. Mẹ ẵm cháu Giênhia ra đón, chỉ khóc mà không nói. Những người hàng xóm đến an ủi, cho Thành biết Côlet đã bỏ con lại, đi theo người thợ bạc về Sài

Gòn. Thành làm sao trốn đơn vị đi tìm vợ được!

Vả chăng, nó đã tham vàng, tham bạc bỏ ngãi đi theo người ta, bắt về được nào. Thế là rồi Thành lại lăn lộn trận mạc với khẩu moochiê.

Chiến tranh kết thúc. Bộ đội tập kết, Thành cũng được ra Bắc. Mẹ vợ và cả Côlet Mai ở Sài Gòn nghe tin, cũng xuống Năm Căn tiễn Thành. Côlet đã có hai con với người thợ bạc. Giênhia thì đã lên sáu tuổi, bà cho đi với bố.

Thành và con gái Giênhia ra Bắc. Những chuyến tàu Nga, tàu Ba Lan đưa bộ đội và cán bộ từ các mũi tập kết đi. Cả mấy tháng trời Platôn được giao nhiệm vụ làm phiên dịch trên những chuyến tàu ra Sầm Sơn.

Rồi hai bố con ở Hà Nội có đến hai năm. Không phải lưu luyến nhớ cảnh nhớ người ở đây mà tù hàng binh Platôn phải ở lại lo giấy tờ gửi về nước trình bày nông nỗi, tòa án quân sự bên Nga xem xét hủy cho tù binh Platôn cái án tử hình đã cộng tác với phát xít Đức.

Rồi cũng xong. Năm 1956, hai bố con về Matxcơva.

Rồi Giênhia đến tuổi trưởng thành vào làm đài phát thanh Matxcơva nói tiếng Việt. Platôn cũng xin vào đài, nhưng không được nhận, vì lý lịch phức tạp. Buồn nông nỗi, trở về quê ở Cuốc. Cả vùng quê không ai ngờ Platôn còn sống. Mẹ Platôn chỉ mới mất cách đấy hai năm.

Rồi sau Platôn cũng được làm ở đài, nhưng chỉ làm hợp đồng. Hợp đồng ba mươi năm cho

đến năm ngoái mới nghỉ, Platôn tự nhận xét và an ủi: “Ba mươi năm người ta viết cho tôi ngồi đọc, chỉ có cái miệng làm việc. Vậy chỉ hợp đồng cũng phải”.

Đến năm 1980, được tin mẹ Côlet mất. Còn Côlet, chỉ sau khi Thành tập kết ra Bắc ít lâu Côlét chết bệnh ở Sài Gòn. Mẹ già sống cô đơn, từ ngày miền Nam thống nhất. Ở Matxcơva, Thành vẫn thường gửi biếu tiền, có khi là vải, đồng hồ và quần áo về Bến Tre. Thành thương mẹ vợ như ngày ở chiến khu.

Vừa rồi, được trở lại Bến Tre dự kỷ niệm ngày thành lập tiểu đoàn 307, khẩu đội trưởng moochiê Platôn Nguyễn Văn Thành đã đi thăm mộ mẹ và vợ. Hai ngôi mộ mẹ con được đưa về đặt cạnh nhau trong nghĩa trang. Thành đưa cho tôi xem cái ảnh Thành thắp hương đứng chắp tay vái giữa hai ngôi mộ, người mẹ hiền từ và người vợ bạc phận ở nghĩa trang Hạnh Thông Tây. Cuộc đời lưu lạc đứt từng quãng, nhưng trong một con người lúc nào cũng có sợi dây vô hình nối thắt lại quãng đau, quãng vui, quãng ngậm ngùi.

Nhà Platôn ở gần đường ra sân bay quốc tế giữa một rừng cây castan. Đương mùa lá castan rụng vàng rơi xung quanh ngôi nhà các căn hộ ở năm tầng. Giênhia đã lấy chồng, Platôn ở với bà vợ góa một ông tướng, hai người đều đã ngoài bảy mươi. Bà Ơgiêni trước là giáo viên dạy tiếng Pháp. Truyện thiếu nhi Tính ác của tôi năm trước Platôn đã dịch chữ sang chữ rồi Ơgiêni

dịch ra tiếng Nga. Sách đã in từ hơn mười năm trước bây giờ mới gặp và tôi thành bạn của hai dịch giả.

Hôm chúng tôi đi Alma Ata, Platôn đem quyển Tính ác xuống cho một Nhà xuất bản ở Cadăcstan dịch in ra tiếng Cadăc.

Tôi đã đi với Platôn ba lần, một lần họp ở Alma Ata, hai lần ra bờ Hắc Hải nghỉ ở Pitsunđa. Platôn tự giới thiệu: Tôi là Thành, Hai Thành, Nguyễn Văn Thành, Platôn Thành.

Platôn nói, giọng và tiếng hoạt bát hệt một người Việt Nam, hai người Việt Nam trò chuyện, cả những hấm hứ cười mũi, cười khẩy và các thứ tiếng lóng. Platôn đã chung đụng, lăn lộn nhiều năm từ Nam ra Bắc.

Platôn lại kể chuyện Bến Tre, mà Platôn đã nói mấy lần rồi, lại bày ra cho tôi xem những bút máy, bút bi, đồng hồ, sổ tay, huy hiệu mà các bạn đồng đội 307 mới cho và được đơn vị tặng.

Platôn cao hứng lỗ mỗ hát vang:

“Ba trăm lẻ bảy! Ba trăm lẻ bảy! Cửu Long giang sông trào nước xoáy! Ba trăm lẻ bảy! Anh hùng biết mấy! Đánh đâu được đấy! Ba trăm lẻ bảy! Lẻ bảy!”

Platôn sinh 1922, người cao lớn phốp pháp, vẻ ra trễ tràng và khệ nệ của một người về già. Không thể tưởng tượng được ra con người mà cuộc đời đã chìm nổi đến như thế. Ông lão hiền hiền, trầm ngâm ít nói. Đôi khi, Platôn nhấp một chén rượu, phảng phất thấy Platôn thuở

nào ở những bước khiêu vũ như vờn của thời trẻ, một hôm chúng tôi đi chơi núi. Nhanh nhẹn nhẹ nhàng, uyển chuyển ông lão nhảy sánh vai với một cô gái trẻ nhất hội.

Tôi lại đem ra bài mua rượu uống trước khi vào phòng ăn của Vlat hồi đi Yanta. Platôn chẳng lạ khóe ấy.

- Platôn uống bao nhiêu, mấy trăm gam?

- Cho tôi 50 gam.

- Ít thế. Ở Bến Tre, Platôn nốc một ngày mấy chai đế cơ mà?

- Ngày xưa với bây giờ khác. Hai Thành đi tu đã lâu, lên sư ông rồi.

Platôn đột nhiên kể:

- Tôi có một người bạn Việt Nam làm ở Nhà xuất bản Tiến Bộ.

- Tên là gì?

- Tên Nga là thằng Ivan.

Tôi đoán là Văn Doãn hay Lê Vinh Quốc mà có lần Marich kể họ hay đến thư viện câu lạc bộ Hội Nhà văn mượn sách.

- Có phải thằng Văn Doãn?

- Anh quen nó a? Nó nói chuyện rất vui.

- Tôi chỉ biết, chưa hề gặp.

- Platôn muốn rủ nó đi Pitsunđa. Nhưng Ivan tự tử rồi.

- Sao nó chết?

- Không biết. Những người uống rượu nhiều hay tự tử. Có lẽ tôi bớt uống rượu vì thế.

- Platôn thì chết sao được. Nếu chết, chắc Platôn chết đã lâu rồi.

Hôm sắp đi, Platôn hỏi tôi:

- Tôi đem một bà bạn đi được không?

Tôi cười:

- Platôn đi tu lên sư ông rồi cơ mà.

- Mục sư Tin Lành vẫn có vợ, có bồ, tôi là mục sư. Anh lấy làm phiền thì thôi.

- Chẳng bận đến tôi, anh cứ cho bà bạn đi.

Tôi hỏi:

- Cái năm Platôn đi Pitsunđa với Nguyễn Văn Bổng, Platôn có đem bồ đi không?

- Có.

- Giới thiệu với Nguyễn Văn Bổng?

- Không. Phải bí mật chớ.

Platôn kể: "Đi đường tôi chỉ chuyện với bà ấy như người trên tàu xe làm quen với nhau. Tôi ở nhà nghỉ với anh Bổng, bà ấy trọ ở nhà vườn trong đồi, nhà nào ở Pitsunđa cũng có nghề chứa trọ người đi chơi biển. Thỉnh thoảng chúng tôi ra biển gặp nhau, chui vào bụi lila, đắp chăn cát. Có vậy thôi".

Platôn đã giới thiệu bà ấy với tôi trên một chuyến xe điện ngầm. Người đàn bà không còn trẻ, cũng chưa già mấy. Nhưng rồi bà ấy không đi. Platôn bảo người ta bận việc nhà. Phải thế không hay thế nào, tôi không biết.

Chợ nông trường ở Pitsunđa. Hàng quán lèo tèo mấy bàn thịt bò, thịt cừu. Những giỏ đào, giỏ mận. Treo cao cao từng tảng sáp tổ ong cả khoái. Platôn uống đúng một trăm gam rượu trắng và nói một câu triết lý: "Lắm lúc tôi nhớ Bến Tre, không muốn nhớ mà không được. Anh

biết tại sao không?” Chẳng hỏi tôi cũng biết đấy là những ngày hạnh phúc, những ngày đau đớn, những kỷ niệm gậm nhấm mòn mỏi cả đời người không thể bao giờ quên đi được cuộc sống xã hội mà người lính, người tù, người lê dương giang hồ đã trải. Chẳng có ngày tháng ai bằng phẳng, chỉ nhìn nhận thế nào, sống thế nào cho còn là thằng người nữa mà thôi.

Không hiểu tại sao, tôi đương viết về chợ nông trường Pitsunđa, lại nghĩ đến Trần Đức Thảo và Đặng Đình Hưng. Tôi phải nói lại hai người ấy không hề bận đến nhau, chỉ có tôi quen hai người. Họ chìm nổi mà họ cũng phẳng lặng, lẫn lữa như dửng dưng vào cuộc sống như Platôn, buồn quá đến không biết thế nào là buồn.

Những cuộc đời một mình thui thủi. Mỗi người mỗi khác, biết hay không biết, nhưng chung một nỗi buồn. Là Trần Đức Thảo, là Trần Huyền Trân, là Trọng Hứa, là Vạn Lịch hay Platôn Hai Thành, ai thấu cho, mà biết thế nào được. Hay là những chuyến đi của tôi nặng nhọc, vớ vẩn và buồn. Không phải có những chuyện không muốn nhớ, không bao giờ muốn nhớ mà cứ nhớ, cái sự đời thế vậy, ấy là lần sau cùng qua Matxcơva bỗng rồi Liên Xô thành “Liên Xô cũ”, hỡi ôi, và những lần ấy đến Mông Cổ, qua Trung Quốc.

Bốn mươi năm trước với bây giờ khác quá mà không tự biết, cuộc sống xã hội và đời mình. Tuổi nhiều thì ngại đổi thay, mà cứ như định

mệnh không tránh được.

Đi Mông Cổ lần này khác trước rồi. Tôi đã đến Mông Cổ có lần với Nguyễn Quang Sáng, có chuyến với Vi Hồng và bây giờ đi một mình.

Đến Ulan Bato với Nguyễn Quang Sáng phải chạy máy bay Mỹ bom ga Đồng Đăng, thì cũng là chuyến đi trọn vẹn. Với Vi Hồng, ở Hà Nội đến Matxcơva rồi từ đấy vòng sang. Thế là đã có khó khăn, hai phen Mông Cổ hai sự tình đi khác nhau. Đến lần này, còn thế nào nữa hơn, chưa biết. Đón tôi ở Ulan Bato, Somon Đacsơven có tên Việt là Viên. Viên tốt nghiệp đại học văn ở Hà Nội và là người dịch Dế mèn phiêu lưu ký in ở Mông Cổ.

Hôm nay Mông Cổ lại đã khác những ngày xưa và Đacsơven đương kim chủ tịch Hội hữu nghị Mông Cổ - Việt Nam, cũng như Gadunôp Hội hữu nghị Nga - Việt bây giờ, Gadunôp đã dịch tiểu thuyết Áo trắng của Nguyễn Văn Bồng, hai hội hữu nghị thật năng động, dẫu thời thế đã qua rồi, vẫn còn thấy được cái tình cái nghĩa của các bạn đối với đất nước ta thấm đằm nhường nào.

Đi một mình đã là oái ăm, lại đi tàu hỏa, lại vào cuối năm 1979 trời đất khác trước. Tàu hỏa Hà Nội Bắc Kinh liên vận quốc tế nhưng ở Hà Nội đi vẫn đường sắt hẹp. Sang Bằng Tường tàu đổi ì ạch cỡ lớn hơn. Thế mà Mỹ đánh bom, không còn cây cầu nhỏ nào sống sót. Đến cầu Bắc Lệ sau cùng phải bỏ tàu, ôtô tăng bo lên Đồng Đăng. Máy bay giặc vẫn đuổi theo, thả

bom từng hố sâu ngay trước cửa quan Hữu nghị đã chặp tối, còn vài bước chân thì sang đất Trung Quốc. Cỏ tranh bị vùi trong hố bom đất đỏ như miệng giếng mới đào. Những đợt trước ném bom miền Bắc chưa khi nào máy bay Mỹ lên tàn phá tận đây.

Ven sườn núi biên giới trời còn tối đất, đến Bằng Tường đã le lói sáng những ngọn điện. Ở đâu kéo ra dòng người sang chợ đêm bên Đồng Đăng. Áo váy, tay nải chàm dưới vành nón lá, người Tày người Nùng hai bên biên giới về chợ. Hầu như cũng tự nhiên, cột mốc thì đánh dấu phân chia, nhưng dòng sông Kỳ Cùng mải miết chảy không biết đâu đất nào nước nào. Hai bên núi cũng là núi, người lấy vợ lấy chồng, họ nội họ ngoại, tắt lửa tối đèn đi lại thế. Năm trước, tôi có lần đã lên Khơ Đa đi với Mã Hợp sang ăn cỗ đám cưới bên ải Khẩu. Làng Lũng Nghìu bên ấy cũng dân tộc Nùng, thời kỳ đen tối trước 1945, đồn Tây ở Đồng Đăng lùng bắt, ông Mã Thành Nhân bố Mã Hợp đã đem các con chạy sang nương náu ở Lũng Nghìu bên ải Khẩu.

Người thị xã Lạng Sơn còn kể trên cửa quan Hữu Nghị năm ngoái năm kia, nhà mậu bên Bằng Tường đã lên mở hiệu cao lâu bán mì vằn thắn. Ngày chợ Đồng Đăng và chủ nhật, cả người dưới phố thị xã cũng nô nức lên nếm vằn thắn Tàu, tuyệt ngon so với vằn thắn Hà Nội chỉ có sợi mì gạo và lá kiệu thay lá hẹ. Chỉ vài bước về xuôi, máy bay Mỹ đêm ngày bắn phá, phở chua chợ Kỳ Lừa không còn thì được húp cái

nước dùng vằn thắn ấy đã tỉnh người - đào đâu ra các thứ thiệt không thấy bóng cả ở phố phường Hà Nội lúc ấy.

Trên cửa quan Hữu Nghị có còn quán vằn thắn ngon không, lại một câu hỏi ngao ngán. Tàu hỏa lượn vào trông lên sườn núi tường thành thấy lơ thơ dây dợ ăng ten. Lên trên kia, bên này Da Bai Can hay ga Nhị Liên, các ga biên giới, mái nhà và chim bồ câu thảnh thơi đồn biên phòng hai bên, bây giờ chất ngất những gò đống dây thép gai xám như sương mù. Rừng núi ngoài kia chắc cũng thế, lại trở lại Trấn Nam quan, Mục Nam quan có phải không?

Đã lâu mới đi xe hỏa - như bốn mươi năm trước, lần đầu tiên qua Trung Quốc, tàu lên Đông Bắc, cơm trên tàu ngon như cỗ ngày Tết. Bây giờ cũng vẫn trang nhã thế, người nhà tàu lễ phép, lịch sự. Cửa sổ trông ra phong cảnh dọc đường. Những gốc liễu rũ, những cây cầu thảnh thơi như trong truyện Tam Quốc, Thủy Hử. Tưởng như không có những khó khăn và xích mích, bởi chỉ thấy cảnh đẹp vẫn như bao giờ.

Nhưng chỉ một lát đã ập đến những cái lo, những ngần ngại. Người công an trách nhiệm an ninh toa tàu bước tới. Anh trạc ngoài hai mươi tuổi, dáng người Hoa Trung, Hoa Bắc cao lớn đẹp trai, quần áo sắc phục mới. Anh đến trước buồng tôi, giơ tay chào thân mật.

Anh nói được tiếng Pháp. Tôi đã ngợ về hiện tượng hiếm có ấy. Tàu quốc tế vắng teo. Ban chiều, qua cầu Bắc Lệ đã bị đổ gục, vài

người khách ôtô tăng bo đi tiếp sang ga Bằng Tường không có khách lên.

Anh công an xin phép vào buồng tôi chơi. Một lát, nói:

- Xin lỗi đồng chí... đồng chí có thể cho tôi hỏi.

Đồng chí cứ tự nhiên.

- Tôi đọc báo thấy tin Việt Nam và Campuchia có chiến tranh. Tại sao các đồng chí đánh đồng chí Pôn Pốt?

- Tôi cũng chỉ biết trên báo như đồng chí đã đọc.

Nửa ngày đường, cho tới Nam Ninh, chốc anh lại đến chơi lại xin lỗi, lại hỏi một câu tương tự và tôi cũng trả lời đại khái vậy. Đích là người công an đã được chọn làm trách nhiệm toa này.

Tôi bảo:

- Ta nói chuyện khác nhé.

- Chuyện gì?

- Đồng chí được đến Hà Nội chưa?

- Tôi chưa biết Hà Nội.

- Đồng chí nên đến Hà Nội.

- Hà Nội đẹp lắm a?

- Cũng như Vũ Hán, như Bắc Kinh.

- Thế thì tôi biết rồi.

- Có điều đồng chí chưa biết. Con gái Hà Nội rất đẹp.

- À!

Từ lúc ấy, câu chuyện lạc ra ngoài những hỏi đáp lăng nhăng phức tạp vừa rồi. Đất nước

Việt Nam và vẻ đẹp con gái Hà Nội mà người con trai quê gốc Hoa Trung theo gia đình lên lập nghiệp vùng kinh tế mới Tân Cương cứ hỏi tôi mãi mà chưa hết chuyện.

Ga Nam Ninh, ga địa đầu làm thủ tục vào Trung Quốc. Nghỉ đây lâu, mọi lần đều như vậy. Khi tàu đương vào ga, người trưởng tàu đến bảo tôi:

- Các thứ hành lý đều mang xuống.

Tôi lặng lẽ làm như lời dặn. Nhưng mọi khi, chỉ một mình xuống với chiếc cặp xách tay. Tôi cũng không hỏi, e phiền phức. Bây giờ không phải như trước. Ở phòng hải quan có cả chục nhân viên. Tôi gặp lại niềm vui quen thuộc mọi khi. Những người đi lại trước mặt tôi đều chào lịch sự, họ nói tiếng Việt. Các khách nội địa đã ra cửa ga. Trong phòng hải quan trơ trọi cái va li và tôi.

Một người bước đến chào tôi:

- Đồng chí đi một mình?

- Vâng, tôi đi một mình

- Đồng chí ra bàn ngồi đợi.

Một người hải quan khác thân mật:

- Chào đồng chí. Trông đồng chí không được vui?

Tôi cười như đùa, nhưng nói thật:

- Mọi khi ngồi đợi tàu chạy được uống nước, hút thuốc.

- Xin lỗi, xin lỗi.

Một cốc trà có nắp đậy và bao Đại Tiền Môn được đưa ngay ra. Tôi nhấp ngụm nước chè

nóng. Đến lúc làm việc, người cán bộ hải quan bảo:

- Mời đồng chí vào. Đem cả va li.

Tôi biết là phòng khám. Nhưng tôi cũng biết, bình thường ra, đi máy bay hay tàu hỏa, không khám dọc đường. Tôi lại biết bây giờ khác. Trong phòng có ghế ngồi lịch sự. Cái va li được đặt giữa tôi và người hải quan. Tôi lấy chìa khóa.

Người hải quan ấy giơ tay như cản lại và nói:

- Tôi không khám. Lát nữa chúng ta sẽ cùng ra.

- Có ai hỏi, đồng chí nói là khám rồi.

Ở mỗi ga lớn mà tàu dừng, từ Vũ Hán lên Trường Sa, đều có nơi tổ chức khám. Nhưng lệ nghiêm ngặt chỉ ở bàn giấy và khi một tổ hai ba người, còn một người với nhau thì cười, không khám. Cái va li của tôi chỉ bị mở có một lần và hai người hải quan cũng nhìn qua, không đụng vào một thứ gì.

Bấy lâu qua lại, cứ khi xa lại khi gần mỗi lúc. Điều đó khiến tôi vừa xúc động lại vừa buồn. Dường như ở đâu cũng tương tự, những khúc quanh của tình thế cứ qua đi, chỉ có tấm lòng con người vẫn ấm và đượm lại. Mấy năm ấy, dẫu có những ngăn ngại và éo le, nhưng đường từ Hà Nội ra nước ngoài, vẫn quá giang qua Bắc Kinh, qua Matxcơva, tôi đã chứng kiến những xử sự biết bao phức tạp, cái thì nhìn thấy, cái thì chính mình trải nếm trên đường đi.

Hoàng Trung Thông và tôi đi Cận Đông, chặng nghỉ đầu tiên ở Bắc Kinh. Trước sân Hội Nhà văn Bắc Kinh có hai lò luyện thép xây đá, ống khói tuôn ngùn ngụt, tấp nập người đi lấy than, người ra kéo bễ. Ngoài đường, phấp phới như bướm đỏ bay, mỗi chiếc xe đạp cắm trên ghi đông một lá quốc kỳ xinh xinh. Chín giờ sáng, mọi người đứng ra ngoài trời, cầm quyển Mao tuyển bìa đỏ, kể cả ở sân bay các đội bay đương sửa soạn đi. Nghe nói thắng cảnh Di Hòa Viên không còn, ở đấy đã dựng lên những khẩu hiệu "Công nghiệp gang thép 20 năm đuổi kịp nước Anh". Chúng tôi đã chơi Thập Tam lăng và Di Hòa viên. Đó là lời đồn thổi nặng nề, những cảnh đẹp và di tích vẫn nguyên vẹn. Chỉ có, nếu để ý kỹ thấy đôi chỗ trên tường, trên bức hoành ở một vài đền đài còn mờ mờ vết mực hay sơn đen xóa chưa được sạch hẳn mà thôi.

Ngủ lại Hán Khẩu ở một khách sạn cũ của người Anh. Từng đoàn hồng vệ binh sắp hàng mười hai mươi, bước đi khí thế ngùn ngụt và trong khách sạn, trên mặt tường phòng ngủ, phòng ăn đều kẻ khẩu hiệu đả đảo đế quốc. Nhưng hai bên vỉa hè, người ta vẫn đi lại bình thường và chặp tối những bà lão ngồi lẳng lặng ngâm chân vào chậu nước nóng. Trên các ụ súng ở tường thành lẫm liệt nhô ra khẩu cao xạ, đại bác nghênh nòng hướng phía biển. Bên kia xa xa ấy là các đảo Kim Môn, Mã Tổ ngoài Đài Loan - đôi khi xảy ra những trận đấu pháo liền mấy ngày đêm. Đến khuya, hàng phố đã đóng

cửa, dưới lòng đường, các đoàn hồng vệ binh vào thành phố vẫn cuồn cuộn như con trăn quăng mình.

Trên Bắc Kinh đương dán các áp phích báo chữ to, Hoàng Trung Thông đọc bảo là báo và khẩu hiệu đả đảo tác giả tiểu thuyết Đá đỏ.

Những vụ án văn, từ hồi Đinh Linh rồi Triệu Thụ Lý và những ai, cũng không thấy rợn nữa, vì nhiều. Vả lại, đến ông Đặng Tiểu Bình mà còn bị đày đi Tân Kiến ở Giang Tây, từ 1969 đến 1973, năm năm làm thợ sửa chữa xưởng máy kéo. May mà thuở trẻ ở Pari, ông đã học cơ khí. Kiên gan kiên tâm đến thế, mỗi tối trở về ở cái nhà "lều trâu", trước khi ngủ, ông đi bách bộ. Mấy năm trời trong vườn cỏ vệt nhẵn một lối đi.

Cái lạnh sa mạc Gô Bi đã đưa về Bắc Kinh buốt xám ngắt. Chặp tối, một bà lão mặc áo bông xách cái làn mây ra các bức tường bóc những mảng báo chữ to giấy đỏ đã khô cong, đem về đốt sưởi. Vào khu chợ Đông An cũng những bức tường, có người đeo túi đi gỡ mảng báo cũ, bên cạnh những tờ giấy đỏ, giấy trắng mới được dán lên. Sáng sớm, những đoàn hồng vệ binh đi thâu đêm ở xa về không biết từ vùng nào, vẫn đông nghịt.

Trên máy bay, các cô chiêu đãi viên đồng loạt tóc cắt ngắn, áo quần xanh công nhân. Máy bay lên tới độ cao, khách được thoải mái đi đứng rồi. Hoàng Trung Thông ra chỗ mượn báo, anh nói chuyện với các cô chiêu đãi. Được

biếu một quyển Mao tuyển sách đỏ. Lại được uống bia Thanh Đảo và cả một cốc Mao Đài.

Bởi Hoàng Trung Thông đã bút đàm, lại hát lơ lớ được Đông phương hồng bằng tiếng Trung Quốc. Khi Hoàng Trung Thông hát tiếng Việt thì tất cả các cô đều hát nhịp đệm. Thế là thưởng rượu, thưởng rượu và tôi cũng được ơn thưởng lây.

Trông Hoàng Trung Thông mặt rượu đỏ lựng bao giờ tôi cứ ái ngại. Tôi không lo Thông say, mà có say cũng rất vui và khi tỉnh thì khi nào anh cũng nói dài, tỏ ra ta chưa say. Và lý sự những cái đúng trong cái say. Nhớ hôm ở khách sạn Thắng Lợi trên hồ Tây, Thông nâng cốc với Ina Dimônina chúc sức khỏe Lêon. Lêon đã chết từ năm trước. Lúc ấy Ina lặng im và cúi mặt.

Hôm sau, ở quán rượu phố Huế, tôi kể với Thông câu chuyện Ina đã nói với tôi.

Tôi bảo:

- Ina không nên buồn. Ông ấy không biết nên đã lỡ lời.

- Tôi không buồn đâu. Khi người ta không gặp nhau thì chết rồi cũng vẫn là như còn sống.

- Vả lại, Lêon có tốt gì với Ina. Hãy quên đi.

- Tôi ở với anh ấy đã mười một năm, tôi phải nhớ, quên thế nào! Ông tàn nhẫn quá. Ông Thông biết thương người hơn ông.

Hoàng Trung Thông sảng khoái, giơ chén: “Đấy, đấy con bé triết lý và kết luận hay. Câu chúc của mình có ý nghĩa vượt vũ trụ chứ”. Tôi lại nhớ một hôm ở cơ quan. Chúng tôi họp đảng

ủy buổi trưa. Mặt Hoàng Trung Thông cũng đỏ phừng phừng. Mùi rượu sực nức.

Tôi thường khó chịu khi ngửi hơi rượu ở miệng mình hay mùi rượu quanh người khác. Tôi không ngại Hoàng Trung Thông rượu vào rồi nói lằng nhằng ở một cuộc họp nghiêm chỉnh. Trông thì tôi biết Hoàng Trung Thông uống lệ, uống giữ, không thể bao giờ mỗi chốc anh đã nói không chủ động. Nhưng không thể có mùi cồn ở cuộc họp vài ba người mà lại có phụ nữ, chị Vũ Thị Thường.

Một lúc khác, tôi bảo Thông:

- Đi họp đừng uống rượu.

Hoàng Trung Thông không nhìn tôi và lặng im.

Cũng lúc ấy, anh tặng tôi tập Thơ Mao Trạch Đông anh dịch, Nhà xuất bản Văn Học in đã lâu. Đưa tôi tập thơ đã đề tặng, Hoàng Trung Thông nói:

- Tôi rất yêu, rất phục Trung Quốc. Tôi rất buồn về tình hình Trung Quốc, Trung Quốc với ta, tôi buồn lắm.

Tôi thật không phải. Có thể tôi mang lỗi với cả người đã khuất. Tôi vẫn nghĩ anh nghiện rượu vì quen miệng thôi, không phải bởi những cái yêu ghét to tát và sâu xa kia.

Máy bay đỗ xuống sân bay Trường Sa, khách xuống nghỉ lữ quán. Các chiêu đãi viên vào phòng trong cởi thay áo đại cán xanh Sĩ Lâm, các cô đã hóa ra những nàng tiên sơ mi trắng nõn, má đỏ, cổ tay trắng ngần.

Thế nào thì con gái vẫn có cách làm đẹp của con gái. Lần này tôi một mình qua Bắc Kinh khác nhiều những lần ấy, kể cả tôi đương trên đường. Xung quanh đường như hớn hở, tâm sự mình thì không được vui, lạnh lẽo thế nào. Bắc Kinh cổ kính và Bắc Kinh hiện đại lại lồ lộ sức sống, vừa uy nghiêm vừa trẻ trung. Những bức tường nào không chi chít báo chữ to thì lộ ra hàng gạch vồ nghìn năm chân phương. Tửu lầu lừng danh đặc sản tái dê lẩu dê Đông Lai Thuận lại mở cửa, hai chiếc đèn lồng chao nghiêng thắm đỏ.

Trên cột đèn có chỗ còn vết dán kẻ chữ đổi tên phố mới ở nhưng tờ giấy gió tuyết quét còn sót lại từ bao giờ. Những cây hòe cổ thụ, Vũ Xương toàn cây thông, Hán Khẩu những hàng dương liễu, Bắc Kinh thành phố cây hòe, và những cây bồ liễu cành quang đãng đương ủ mầm sắp sang xuân.

Bắc Kinh đã phảng phất hơi xuân thì trên Ulan Bato vào trong giá rét kinh hồn. Mặt đất đóng băng trắng toát, nhà lều và người ủ trong hộp băng. Nửa đêm, đội quân cảnh Xô Viết tuần tra bước rào rạo, như đàn gấu trắng đi ngoài hè. Tôi lại ở nhà khách chân núi Chúa như cái lần đi với Ina. Nhưng hồi ấy tháng tám mặt trời rực rỡ tận chặp tối - tháng ấy nhiều nắng nhất trong năm, những đàn nai nuôi trên đồi cỏ tranh nhởn nhơ rỡn vào tận thềm. Bây giờ lạnh quá, cái lạnh khiến chỗ nào cũng khô cong bật ra điện. Cởi áo len, điện lóe xanh tanh tách như

nổ sọt. Cầm chốt cửa, điện giật thót ngón tay. Người ta như không ai để ý, còn tôi phải lấy khăn lót tay mỗi lần mở cửa, cho đến hôm quen.

Trong phòng, ngồi một phụ nữ váy đỏ sẫm, trông đã thấy ấm. Chị nhà buồng quay ra, mỉm cười. Tôi hiểu có thể cô gái này ở lại với tôi. Tôi lắc đầu, chắp hai tay. Cô ấy đứng dậy lấy áo khoác và xỏ đôi bốt. Tôi đưa cô ra quầy buýp phê. Tôi uống vôtca chống lạnh. Cô ấy dùng một cốc nước chè sữa, rồi đi. Hôm sau, Đácxơvên đến, tôi kể lại chuyện. Anh hồn nhiên nói: “Không phải gái điếm. Có khi người ta muốn lấy giống của anh”.

Chúng tôi đến sứ quán Việt Nam. Đại sứ trò chuyện thân mật ngay. Ông hỏi tôi: “Thế nào, anh Lê Nguyên Hồng hồi này có khỏe không?”. Đại sứ đã đứng tuổi, ngày trước đã phải phát vãng đi tù căng Bắc Mê với Nguyên Hồng. Tôi đáp: “Anh Lê Nguyên Hồng rất khỏe, vẫn uống rượu tốt”. Ông cười to, nói: “Hôm nào anh về tôi gửi biếu Lê Nguyên Hồng chai vôtca Mông Cổ. Cái này quí lắm, bên Nga khan rượu phải sang đây mua đấy”. Và ông đại sứ vẫn gọi Nguyên Hồng với họ Lê. Chắc ông thuộc sử Tàu hồi đầu thế kỷ, các nhân vật lẫn lộn Nguyên Hồng với những Lý Hồng Chương Trương Học Lương, Bạch Sùng Hy...

Ông đại sứ vui tính, tôi lây ngay cái vui của ông. Quần áo tôi không thể chống nổi cái lạnh phương bắc. Ông đem ở kho ra đôi ủng da, cái

áo lông cừu cổ lông kín nửa mặt. Kho sứ quán trữ những thứ ấy cho mượn, nếu khách đến vào lúc quá rét, nhưng cũng tùy công tác tùy người mới được mượn. Lạnh đến đỗi hôm trở về tôi vẫn áo lông và bốt cao cổ thế lên khoang tàu. Ông đại sứ phải vào tận buồng, tôi mới cởi áo và bốt đưa ông cất vào túi ni lông đã mang theo sẵn. Đến đây có hai cái hãi, mùa đông dữ tợn và sinh viên ta sang học chăn nuôi sợ bị lây bệnh cừu khó chữa vì ở nước ta không có bệnh cừu.

Tôi thì hợp hơi cừu, thịt cừu. Mùi cừu ấm người, ăn thịt cừu như thịt chó và thở ra mùi cừu. Ở cửa hàng, trên ô tô, trong khách sạn đâu cũng thoang thoảng mùi cừu ấm áp. Cừu nấu cari ngon chẳng khác thịt chó rựa mận Đông Lỗ trứ danh. Lạnh đến không cần tủ lạnh. Tôi đã đến một nông trang trong thung lũng Đakhan, trước mỗi cổng nhà lều có cái móc xích treo một con cừu đã mổ sẵn. Mỗi hôm, cầm dao ra xẻo thịt, chặt khúc xương, đem vào bếp nấu nướng. Cứ nhớ những bữa ăn Ả Rập và Mông Cổ thịt cừu, sữa cừu, nước chè cừu. Trên thế giới này, người chén thịt cừu nhiều lắm chứ.

Đại hội Hội nhà văn Mông Cổ. Thong thả, bài diễn văn đọc tại hội trường đã viết và được dịch từ nhà. Chẳng nhớ hội nghị thế nào, cũng không có gì phải nhớ. Tôi làm hội Hữu nghị Á Phi, đã dạo hầu khắp các nước châu Á, châu Phi, đã gặp nhiều ông tên tuổi bây giờ còn rầm rĩ, tổng thống Ađam Hutxen nước Irắc, nước Syri thì tổng thống Atxat, Hailê Mariam chủ tịch

cuối cùng nước Êtiôpi tiến bộ, chẳng qua trời sai đi đâu thì đi đấy, nên chưa khi nào đến Tây Âu, Bắc Mỹ, Bắc Á, chẳng biết những nước Pháp, nước Mỹ, ở đâu.

Đácsơven đã cho in lại Dế mèn phiêu lưu ký vào dịp này, có lời tựa tôi viết cho bản in mới. Vợ chồng anh ấy và con nhỏ, chúng tôi ăn mừng Dế Mèn lại sang Mông Cổ. Ngoài kia, thành phố nhà tầng và nhà lều vẫn một màu băng trắng long lanh và tuyết lại rơi.

Viên nói:

- Tôi sẽ lấy tiền bản quyền cho anh. Có ít thôi nhưng ở Ulan Bato không có gì mua hợp đem về Hà Nội. Tôi lấy ngân phiếu, anh về Bắc Kinh đổi ra nhân dân tệ, ở Bắc Kinh có nhiều thứ, anh biết rồi.

Viên học và ở Hà Nội năm năm, đã thạo cả. Viên lo cho tôi còn hơn những cái tôi có thể làm. Đấy, tôi đã vào bách hóa Ulan Bato, thấy quần bò rẻ quá. Mua một chiếc đem về xem cái nhãn trong cạp quần, mảnh vải có chữ: Nhãn hiệu Việt Nam Hà Nội.

Tàu rời trong gió tuyết tơi bời. Xe lửa xuyên Xibêri đến quãng này có hai nhánh, đường trên quanh hồ Bai Can, được xem mùa đông đóng băng phủ con hồ lớn nhất trái đất. Đường dưới này chắc chỉ những ai có việc đến Ulan Bato mới đi, bởi mênh mông mịt mù ngày đêm rừng và đồng hoang. Những khách cùng toa thoạt đầu tôi tưởng người Mông Cổ, áo dài lót lông cừu, thắt lưng bụng nhụng cả trước mặt sau lưng

như cái túi tròn quanh mình, có thể nhét vào lấy ra cả cái bánh mì, tảng thịt sấy bọc giấy bóng. Nhưng rồi nghe nói tiếng Trung Quốc, mới nhớ Hoa kiều ở Mông Cổ cũng nhiều. Tôi cùng buồng với hai người, đoán là vợ chồng.

Những người ra ga tiễn vác từng bịch lớn cất dưới gầm ghế, bên trên để các túi quần áo, chăn và những bọc quả táo đỏ. Chúng tôi chuyện với nhau bằng miệng cười và bàn tay, ngón tay. Chẳng bao lâu, tôi cũng biết những bịch cất trong gầm ghế là những bao gạo.

Vừa xảy ra trận động đất nặng nề ở vùng Đường Sơn cách Bắc Kinh có trên trăm cây số, nhiều người sợ chạy xuống thành phố. Hôm tàu lên Mông Cổ tôi đã thấy khoảng hè đường ngay ở ngoại ô Bắc Kinh những cái hố đào ngang lòng đất, đắp mái lên chống tuyết - những hang hốc trợ thời như mùa đông ở các sa mạc Đông Bắc. Các ngả đường khác thế nào không biết, nhưng gạo và bột mì ở Mông Cổ tải về nhiều. Không biết hàng lậu hay đi tự do, nhưng dường như có khám xét, mà cũng trễ tràng thôi.

Anh ấy làm hiệu tay nhấc tôi đứng dậy rồi chỉ xuống nguyên chỗ. Tôi hiểu anh muốn bảo tôi cứ ngồi đấy, công an và hải quan không khám tôi. Mọi người đều phải ra ngoài cửa. Công an xem hộ chiếu tôi rồi giơ tay mời tôi vào chỗ cũ, chỗ mà dưới gầm chất những bì gạo của vợ chồng nhà kia.

Tàu chạy, anh ấy bắt tay tôi, nói rối rít. Anh xuống toa ăn mua về cả chục cái quẩy. Quẩy

trên tàu ròn nhai gau gáu. Thấy thế đã ngon, lâu rồi ở Hà Nội bán quẩy bột sắn nặn rắn như hòn cuội.

Địa đầu Mông Cổ, ga Đường Lạc Đà Chamôuti. Sang Nhị Liên, đã vào đất Trung Quốc. Không được biết ga này xưa kia yên lành thế nào, bây giờ chỉ thấy mịt mùng dây thép gai. Xa xa, nhấp nhô những doanh trại mái tôn, những ụ pháo lạnh lùng không một ý nghĩa. Vào ga Nhị Liên tàu dừng lại hai giờ. Xuống tàu, mọi người được mời vào hội trường mười lăm phút xem phim. Những tranh ảnh và khẩu hiệu chống chủ nghĩa xét lại và cuốn phim miêu tả bọn xét lại Liên Xô đã làm hại các nhà máy, đường sá và đồng ruộng Trung Quốc như thế nào. Trong lúc khách xuống sân ga thì hải quan lên khám các toa.

Hai vợ chồng người láng giềng và tôi cùng xuống.

Anh không bảo tôi phải đóng vai ngồi lên chỗ giấu những bao gạo. Trong khi chúng tôi thu gọn hành lý để xuống, người chồng đưa cho tôi nhìn một phong bì cứng có chữ Kodax, chắc những cuộn phim. Rồi anh nhét cái phong bì dầy cộm ấy xuống dưới cái gối của tôi rồi anh chắp hai tay quì xuống vái tôi. Tôi không biết làm thế nào. Những người hải quan đã nhấp nhô lên bậc thang sắt cửa tàu. Tôi đành bước ra, rồi thế nào thì thế nào. Có đến một tiếng sau, trở lên tàu, mọi thứ ở chỗ của tôi vẫn nguyên như cũ. Người chồng cầm lên cái phong bì

Kodax dưới gối tôi. Anh chàng lại cuống quít chạy đi mua quẩy, lần này mua mấy chục cái.

Về Bắc Kinh một đêm một ngày nữa, nhưng không còn trạm khám.

Tôi chẳng bụng dạ nào cắn nổi cái quẩy như lúc trước. Tôi đưa tiền, ra hiệu bảo anh ấy đi mua cho tôi chai bia Sin Tao. Ở dưới nhà khách ga, tôi vừa bị ăn một quả đau. Chuyến đi đã lường sẽ khó khăn, mà không lường hết. Tôi có cái ngân phiếu Viên đưa cho để đổi ra nhân dân tệ. Tôi nghĩ cẩn thận: đem ngân phiếu nước ngoài về tận Bắc Kinh có thể bị khó dễ, bởi ở ga Nhị Liên đã có bàn đổi ngoại tệ. Tôi đổi ở đây.

Tôi phải giữ gìn và đúng luật. Trong quầy đổi tiền, người cán bộ tiếp tôi, nói tiếng Việt như tôi. Sự ấy không làm cho tôi mừng mà lại chột dạ, như hôm đi gặp người công an nói tiếng Pháp. Tận cùng trời, vẫn nghe được tiếng mình, tôi vừa lo vừa mừng.

- Tôi có một ngân phiếu Mông Cổ muốn đổi lấy nhân dân tệ.

Người ấy cầm tờ ngân phiếu, vào trong. Trên bàn trước mặt tôi có cốc nước đậy nắp, bao Đại Tiền Môn mới đã bóc sẵn. Tôi ngồi yên, không biết tôi có khát, tôi có muốn hút thuốc không. Tôi chăm chắm nhìn vào cửa phòng, chiếc màn cánh sáo che khuất.

Không một tiếng động. Không biết trong ấy có bàn bạc, có gọi điện thoại, tôi chẳng là cái gì mà sao người ta phải để tâm thế. Khách xem phim, khách xem mua đồ lưu niệm, uống giải

khát đã lục tục lên tàu. Trưởng toa nghiêm túc, cẩn thận, bao giờ cũng đứng dưới thềm đợi khách lên hết. Tôi cũng bồn chồn, dường như trắc trở thế nào đây.

Người quầy đổi tiền thong thả trở ra, từ tốn nhẹ nhàng. Vẫn chỉ một mình như lúc nãy, nhưng không giấy tờ không bút, không thấy cầm tờ ngân phiếu của tôi.

- Thưa đồng chí, chúng tôi xin lỗi. Chúng tôi đã thôi trao đổi loại ngân phiếu này với Mông Cổ từ một năm nay. Tôi đã hỏi lại Bắc Kinh. Bắc Kinh xác nhận thế không có ngoại lệ, không đổi được.

Tôi lặng im rồi nói:

- Cho tôi lại tờ ngân phiếu.

- Chúng tôi xin phép được giữ.

- Tôi để làm kỷ niệm thôi.

- Tôi đã được điện của cơ quan yêu cầu thế.

Người ấy nói tiếng Việt như tôi, tôi nghe rõ mồn một, không lạc chữ nào, tôi cũng không muốn nói nữa.

Người ta đã bàn ở đâu rồi, nói lại cũng thế.

Đi qua quầy nước, tôi muốn uống bia. Nhưng lại sợ trong kia trông thấy, biết mình còn tiền người ta ra ra khám lấy hết vài đồng trong túi thì từ giờ đến Bắc Kinh phải nhịn đói là cái chắc.

Tàu chạy ra khỏi ga Nhị Liên tôi mới uống giải phiền chai Sin Tao nhờ đi mua.

CHƯƠNG 20



ề đến Sứ quán ở Bắc Kinh thấy đông nhộn khác cái thoáng vắng hôm trước. Giữa vườn cây lê cây táo trơ trụi mùa đông, những đống cao lù lù như cây rơm phủ kín ni lông xanh, ni lông xám. Hỏi mới biết đấy là những núi đồ đạc mới đưa về, để trong nhà không có chỗ, phải chất ra giữa trời. Bắc Kinh đương mưa tuyết, mưa cả đêm. Những mảng băng đầu mùa bám ngoài ni lông, khi tuyết rơi nhiều, băng sụt xuống như bùn trắng nhão quanh chân các gò đống đồ đạc.

Người về ở đông kín các phòng chiêu đãi sở, khắp cả nhà cơ quan làm việc. Xe lửa Matxcơva về Hà Nội bị cắt lưng chừng, giữa khi qua Cát Lâm trên Đông Bắc. Sứ quán phải thuê xe lên đón. Cán bộ và sinh viên đi công tác, về phép, về hết hạn, người và hành lý đưa cả về đây. Tạm ở, đợi bao giờ lại có đường có tàu thì chưa biết.

Quang cảnh ngổn ngang như đồn bốt, như cái nhà đương xây cất vá víu. Ngoài cổng, chốt đóng mấy lần cửa. Trong nhà, cả khách và cơ quan được chia thành tổ, phòng khi bất trắc. Hàng ngày, cả cơ quan cũng như khách mỗi người mỗi việc gọn ghẽ đâu vào đấy chẳng khác quân sự hóa. Ba hôm, nhà bếp đi mua gạo một

lần về cơm nước cả trăm con người. Phức tạp, phấp phỏng, nỗi buồn mất tiền của tôi hòa vào cái lo này, tan mất.

Tự dưng tôi cũng cộng với đám khách chờ không biết khi nào có tàu hỏa, có máy bay. Dần dà, hàng tuần qua rồi và đếm từng ngày nhớ lại, cứ thấy gian nan dài dài. Tôi quen Quyền Sinh ở chuyến ấy, Quyền Sinh giám đốc du lịch Sài Gòn, đi hội nghị quốc tế du lịch ở Beclin về.

Bỗng được tin đột ngột đường bay Bắc Kinh - Hà Nội đã được nối lại. Chưa biết nối thử hay nối thật, chỉ chắc chắn ngày kia có chuyến Hà Nội đầu tiên.

Cái may và vui nữa, tất cả khách đọng lại ở đây mấy lâu đã đăng ký và mua vé được về chuyến TU 134 này. Nhưng vẫn còn hồi hộp, quá lo rồi đâm quẩn quanh, từ nay tới ngày kia còn có bất thường nữa không. Biết thế nào, những cái rớp. Và thời gian trôi qua trong những trận mưa tuyết ngoài vườn lúc đậm lúc nhạt, mờ mừ.

Lại một lo lắng khác. Nhiều người phải lo, hầu hết đều là khách đi tàu hỏa, nhiều người công tác dài ngày, có khi đã đi học năm bảy năm, hành lý mang theo về cũng bề bộn, không phải như tôi hai mươi cân theo qui định đi máy bay. Thế là cả nhà bỗng hóa cái chợ. Đem cái gì, còn để lại xếp đống giữa vườn, ôi thôi, bao giờ mới lại lấy đi tiếp được.

Đóng va li thử, mặc thử, rồi lại bỏ ra, xếp lại, lại mặc lại. Đống đồ lều ủ trong băng tuyết

ngoài kia vẫn cao lừng lững. Nhưng cuối cùng cũng xong. Mỗi người bỗng phổng lên thành ông hộ pháp, may mà trời đã lạnh. Bởi vì quấn đồ đạc vào người và xách hai tay không phải cân, thôi thì lụa vải, cả bàn là, cả quạt tai voi tháo cánh, cả máy khâu không chân gấp vuông nhét bụng nhét lưng được tất. Tôi không nhìn mà cũng không muốn nhìn, chỉ thấy người lên được máy bay rồi ngồi ềnh xuống, nhưng rồi ai cũng đứng lên, đi đàng hoàng và xuống ga Nam Ninh ăn cơm hẳn hoi. Đến Nội Bài, máy bay vào đỗ ngay trước phòng làm thủ tục nhập cảnh. Không phải trèo leo lên xe xuống ngựa gì nữa, nhác trông ai cũng phì nộn mà ung dung, đĩnh đạc. Bởi vì đã về được tới nhà, sức bật vô biên!

Nhớ mãi một cam go sau cùng ở Nam Ninh, bữa cơm sân bay, chẳng có gì đáng nhớ thế mà nhớ. Như mọi khi phiếu ăn cầm kèm vé. Ở sứ quán, Quyền Sinh mải xếp đồ đạc, để rơi phiếu ăn lúc nào không biết.

Mọi người đã vào phòng ăn. Quyền Sinh mất vé ngồi ngoài hiên, các túi xách lỉnh kỉnh xung quanh.

Tôi hỏi, Quyền Sinh chép miệng: “Mất vé! Mà cũng sắp đến Hà Nội rồi”. Tôi nói: “Cứ vào với tớ, không sao ăn bữa tạm biệt cũng hay”. Tôi nói cứng, thật trong bụng nửa tin nửa không. Nhưng niềm tin mơ hồ mà mạnh hơn, bởi suốt chuyến đi, những người hải quan khám rồi lại không khám, cứ chỉ nhỏ bé thân thương ấy, dẫu đương cơn sóng gió mà đối với nhau có

trước có sau.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Người nhà bàn tới. Người ấy bước đến một mình, tôi mừng thầm. Tôi giơ vé ăn của tôi với cả mấy đồng nhân dân tệ vét túi nữa, lại đưa kèm chiếc vé máy bay không có phiếu ăn của Quyền Sinh. Người nhà bàn cười, xòe tay ra hiệu bảo chúng tôi ngồi. Rồi anh bưng khay đến hai chai bia Xin Tao. Lát sau, mỗi người một bát mì vằn thắn hảo hạng.

Tôi nhớ thế, nhưng hôm vừa rồi mở sổ tay xem lại đoạn nhật ký chuyến đi Mông Cổ 1979, lại thấy ghi: Ăn sân bay Nam Ninh. Uống nốt chai vôtka Mông Cổ với Quyền Sinh. Có lẽ chai bia thì mang về âu là nhớ lẫn lộn lúc đương vui. Người nhà bàn ấy cao hứng, quên cả thu vé ăn của tôi. Những cốc bia, cốc rượu đã trút đi bao nhiêu lo toan vặt vãnh, tủn mủn.

Mamađu Triôp Điôp người Sênêgan. Điôp là giáo viên. Điôp viết kịch, làm thơ, làm công tác xã hội và ăn lương dạy học. Điôp thường đi dự Đại hội các nhà văn Á Phi với tư cách ủy viên chấp hành. Ở cái cộng đồng bé nhỏ của thành phố Đaka, Điôp cũng là một nhân vật cứng cựa. Có khi Điôp đưa tôi một bài thơ tiếng Pháp đã đăng báo. Tôi đem về Hà Nội, nhưng chưa báo nào nhận dịch đăng.

Điôp hơn bốn mươi tuổi, có thể là một người đàn ông đẹp theo mẫu châu lục ấy. Mỗi sáng, Điôp bôi dầu bóng nhẫy lên mặt. Tóc Điôp xoăn từng đám như những con ốc bươu bám quanh đầu. Trên khuôn mặt đen bóng, lòng

trắng con mắt và hàm răng óng ánh, thế là anh ta làm dáng đấy - Điôp cười. Mỗi khi Điôp nói chuyện về Việt Nam cứ như lẫn cổ tích với bây giờ. Bởi vì, Điôp đã được nghe nhiều chuyện và đã tưởng tượng về Việt Nam từ thuở ấu thơ. Nước Sênêgan thuộc địa Pháp cũng như Việt Nam, cho nên biết bao chuyện của lính khố đỏ, lính chào mào ở xứ An Nam đâu đâu sang và lính "mặc váy" người Sênêgan đã đến Đông Dương, họ khoác những cái áo choàng trắng, các cụ ta gọi là Tây đen mặc váy. Điôp lấy làm lạ tôi biết lãnh tụ khởi nghĩa ở Marốc, ở Sênêgan tên là Apđen Krim, lại có tên mà lính khố đỏ An Nam gọi là giặc Mạc Đình Kim.

Chú tôi làm ruộng xưa nay chỉ biết có cái chợ Nghệ rồi phải bắt lính khố đỏ sang Pháp rồi sang châu Phi đánh nhau với Mạc Đình Kim. Đi dẹp giặc nhưng ở lính mà không biết cầm súng, chỉ giữ chân cắt cỏ ngựa, vào vườn bới trộm khoai tây. Chú tôi bảo rằng nước Pháp đồng trắng nước trong, nước Sênêgan có khoai tây giàu hơn nước Pháp, cho nên nước Pháp phải đi cướp nước Sênêgan, nước An Nam ta. Điôp và tôi cười ha ha những chuyện ngày xửa ngày xưa của chúng tôi. Tôi kể với Điôp ở nước tôi ai cũng làm thơ, không biết chữ cũng làm thơ. Mỗi người khố đỏ đều làm những bài thơ kể đời lính từ khi bước xuống tàu thủy chạy sang Tây. Điôp càng lạ hơn. Nhưng rồi nghe tôi kể nhiều chuyện nữa thì Điôp reo lên: "Dân tộc Việt Nam văn hóa cao nhất thế giới". Không phải chỉ vì

những chuyện thơ, mà nhiều chuyện khác đã khiến Điôp có ý nghĩ ấy. Tôi kể chuyện về chiến dịch biên giới phía bắc 1950, cả nghìn lính binh đoàn Tabo của Pháp bị bắt làm tù binh trong rừng núi Đông Khê, Thất Khê. Có nhiều lính da đen, thể nào cũng có người Sênêgan.

Tôi kể: "Mày biết không, tao đã trông thấy một buổi chiều trời rét mưa phùn dưới chân núi cạnh đồn Đông Khê vừa bị bộ đội tiêu diệt, chủ tịch Hồ Chí Minh ra đứng bên đường nhìn đoàn tù binh đi qua. Người đã cởi áo sơ mi đương mặc quàng lên vai một tù binh da đen cởi trần đi trong mưa. Người tù binh được áo sơ mi chắc không bao giờ biết ông già cho áo là ai".

Điôp nghe im lặng. Rồi Điôp thở dài:

- Tao sẽ nói tên với mày về mấy người trong họ Mamađu của tao, một người bác, một anh họ và mấy người trong làng phái đi lính sang Đông Dương. Ghi vào sổ tay đi, rồi mày cũng có thể gặp, hay là họ đã chết rét cái năm ấy rồi.

Ở thủ đô Bon nước Tây Đức tôi cũng đã gặp những người Sênêgan, người Marôc sang làm culi, làm gác cửa khách sạn hay hỏi thăm tôi về ông nội, về chú bác đi lính Pháp đã mất tích bên Đông Dương năm xưa.

Trên máy bay nhìn xuống phía đông Địa Trung Hải, sóng bủa lên ngang núi. Những mũi đá nhô ra như trăm nghìn đầu cá sấu khổng lồ đương húc ra dọa lại mép nước trắng xóa, như ôm lấy những cột đá phế tích Pompêi kỳ quan thế giới.

Máy bay đỗ hai mươi phút ở Itămbơn. Sân bay xa thành phố, nhưng các nhà ga châu Âu trang nhã, không ngợp bãi cỏ như những sân bay dã chiến giữa cỏ tranh như Luang Prabang, như Điện Biên Phủ. Tôi nhặt vài quyển sách bỏ túi: truyện trinh thám Sas và Thám tử Megrê chăng bẫy của G. Simơnông, khách vứt lại trên ghế. Vào quầy sách, trên giá bày bán tiểu thuyết Nỗi buồn của A. Môravia - nhà văn hiện đại Ý tôi vẫn ưa đọc.

Loại sách bỏ túi, giá một đô la rưỡi. Không có tiền lẻ cô hàng sang đổi ở quầy khác. Lát sau, quay về, vẫn chưa đổi được tờ năm đô la của tôi mà tiếng loa đã báo giờ máy bay cất cánh.

Về Matxcơva, Marich bảo tôi:

- Tôi chưa được đến sân bay Itămbơn nước Thổ, nhưng đã nghe nổi tiếng mánh khóe các hàng quán ở đấy lấy cắp tiền khách. Ông là người khách khù khờ thứ bao nhiêu triệu rồi đấy.

Đến lúc xuống sân bay cảng Sait thì tôi ngồi suông. Không phải vì còn bực mình, ta đã đần độn nên bị hố thì còn bực bội nỗi gì, mà chỉ băn khoăn thương cái túi tiền eo hẹp đếm từng đồng của người đi xa.

Lại mơ bao giờ đến sân bay Bắc Kinh, dẫu cho thời tiết chính trị thế nào và trong thắt lưng lép kẹp đến đâu cũng uống tự nhiên được cốc nước chè thơm nóng đậy nắp tử tế. Nhớ đời cái chuyến máy bay hãng Hà Lan đi Libăng, lại đi với Hoàng Trung Thông. Cô chiêu đãi viên

đẩy đến cái xe lanh canh những chai cốc màu sắc đẹp mắt.

Xe chở các thứ uống không mất tiền, nhưng trên máy bay các hãng qui định khác nhau. Hoàng Trung Thông đã trông thấy chai Mácten.

Hoàng Trung Thông trỏ chai rượu. Cô phục vụ nhấc chai, đặt ly trên thành xe. Nhưng cô chưa rót. Cô nói, Hoàng Trung Thông cũng võ vẽ tiếng Anh, nhưng có lẽ mùi Macten đã át cả, chỉ thấy anh gật gật. Cô hàng, tay vẫn nghiêng chai rượu, tay kia bật ngón làm hiệu đếm tiền và trong cặp môi hồng dịu của cô thánh thót rơi ra hai tiếng “đô la”. Ông bạn rượu cực nhanh trí, quay mặt lại cắt nghĩa cho tôi: “Rượu thì bán, chỉ nước giải khát mới gratuit”. Thông đã tán ra rất đầy đủ, mà tôi không nghe cô ấy nói.

Từ lần ấy, đến trước quầy nước giải khát nào dưới đất hay trên trời tôi cũng xem ngắm kỹ. Nhưng ở sân bay cảng Sait này thì không phải băn khoăn, không có xe được đẩy đến. Cuối phòng, quầy rượu lớn. Tôi ngồi lặng yên như một người không thèm nhạt gì cả.

Điôp bảo tôi giữ hộ cái cặp rồi biến đi. Không nhìn thấy nó ở quán rượu. Điôp cũng không phải tay rượu, mặc dầu trong các cuộc dạ hội anh hoa chân múa tay, múa may hăng đến lăn đùng ra trên sàn như người quá chén rồi lại đứng lên đánh trống. Điệu múa lăn thế, Điôp không say.

Chao ôi, nhớ lại một chuyện ngẩn ngơ - một kỷ niệm khi mới cầm bút, tôi đã viết về cảng

này, vâng, cảng Sait mơ hồ, tôi nào đã biết Sait ở xứ sở nào.

Ngày ấy tôi vớ ở đâu được một quyển lịch năm Anmanach của Nhà xuất bản Haxet. Tập lịch mấy trăm trang có đủ chuyện tò mò, ly kỳ và tranh vui, truyện vui, thơ và quảng cáo, các thứ đọc giải trí. Về sau, kiểu sách lịch này ở ta hàng năm cũng làm bắt chước, như Niên lịch thông thư của Nguyễn Văn Vĩnh. Và năm 1946, Tết âm lịch đầu tiên sau cách mạng, chúng tôi làm báo Cứu Quốc cũng cho in một quyển niên lịch tương tự thế, tên là Lịch Cứu Quốc. Định sẽ mỗi năm ra một quyển. Rồi kháng chiến...

Tôi bấy giờ khoảng mười sáu mười bảy tuổi, đã thôi học, chưa đi đâu khỏi làng, chưa biết cái xe đạp, mới được ngồi cái tàu điện vào thành phố. Đọc quyển lịch năm của nhà Haxet, tôi tưởng tượng ra một câu chuyện hoang đường: Có một chàng thanh niên kia thất vọng vì tình, lang thang xuống làm tàu biển rồi đi biệt xứ. Giữa đại dương mênh mông, anh gặp khách đi tàu là người đồng hương, anh đã kể câu chuyện tình đau khổ đã khiến anh phải cất bước giang hồ.

Tôi chẳng còn nhớ cái lệ sử của nhân vật ấy, nhưng tôi vẫn nhớ trong truyện tôi đã tả tỉ mỉ những hải cảng mà con tàu đại dương đã ghé ăn hàng, đón khách.

Cảng Madrat, cảng Sait, cảng Macxây... Những công viên, những tên phố, tiếng chuông nhà thờ, các cửa hàng, hiệu ăn... Chuyện như

thật, mà toàn sự thật nhờ quảng cáo và bảng chỉ dẫn khách du lịch tôi đọc được trong quyển lịch năm của nhà Haxet, biết bao nơi mà đến bây giờ tôi cũng chưa khi nào được tới.

Dưới truyện, tôi ghi: Trung Nha, mùa thu... và truyện ngắn ấy tôi đặt tên là Những chuyện khó hiểu - khó hiểu thật. Tôi gửi báo, cả một mặt trang phụ trương văn chương báo hàng ngày Đông Pháp đã đăng. Mấy năm sau tôi mới viết các truyện ngắn Nước lên, Bụi ô tô, Một đêm sáng giăng suông và những truyện loài vật trong đó có Con dế mèn...

Cảng Sait! Cảng Sait vào Hồng Hải đây. Tôi chẳng biết gì về nơi xa lạ này ngoài câu chuyện ngây ngô nửa thế kỷ trước. Trước mắt, nước thủy triều ban ngày rút xa xa, mặt bãi lổn nhổn đá sỏi xám quanh những gốc chà là dại rũ rượi. Một lá cờ Anh trên ống khói một tàu vào cảng. Sân bay gần cầu cảng, trên sườn tàu và thân máy bay, chữ Ả Rập rối loạn màu sơn xanh thẫm. Địa đầu châu Á châu Phi với những tiềm năng dầu lửa và kim cương, bề ngoài đều cằn cỗi, hoang dại, như cảng Sait đây.

Điôp và tôi đi Ađi Ababa. Máy bay tạt xuống Đông Phi, dưới kia đại dương Ấn Độ lại mịt mờ. Điôp ngủ gật gưỡng.

Tôi hỏi:

- Lúc nãy mày đi đâu?

Điôp choàng tỉnh, cười nhe hàng răng trắng nhả:

- Ở sân bay anh có để ý những đứa con gái

đứng cửa phòng khách.

Tôi cũng cười:

- Tao không thích môi chúng nó bôi màu nghệ.

Tôi lại hỏi:

- Mất bao nhiêu?

- Một đô. Chưa bằng một góc giá tiền thật cuốn Moravia của anh.

Điôp giễu tôi. Tôi đã thấy ở sân bay Karachi, ở Cairô bọn gái điếm hóng khách "đi tàu nhanh", chúng nó da dẻ ngăm ngăm, môi màu hoa hiên, màu vàng nghệ. Ở Sait thì môi vàng sẫm, da đen nhãy, người đẹp theo gu từng vùng.

Ađi Ababa, cả nửa thế kỷ loạn lạc. Trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, thành phố đã đẫm máu trong súng đạn xâm lược của phát xít Ý. Vua Haliê Hatsiê lưu vong, khi trở về nước thì chết già chết đói giữa những thế lực chính trị và bộ tộc kình chống nhau. Chỉ mới tạm yên được ít lâu nay.

Tôi ở khách sạn Hintơn Ađi, đầu giường đặt một quyển Kinh Thánh ba thứ tiếng. Phòng ăn hiện đại lộng lẫy, người ta phải làm cho đượm vẻ man rợ bằng mái lá cọ, cột cây cổ thụ xù xì và ghế gỗ nguyên cả vỏ. Nhưng cái hoang sơ thật thì ở ngoài kia, trên tầng lầu nhìn ra cửa sổ trông ra thấy còn dữ dội hơn nhiều.

Tít tắp xa trước mặt, chồng chất trập trùng những xóm bi đông, rợn lên xám ngắt như sóng đất. Nghe ánh ỏi tiếng trẻ con đá bóng hò hét ở đâu vang động.

Những trái ngược này đã thấy ở Sait, ở Ađen, ở Dibuti hai bên Hồng Hải mỗi lần đi qua. Quang cảnh đâu đâu cũng tương tự, bãi lầy lội khi nước triều xuống, tường nhà đoan cao như pháo đài và những lô cốt cả trăm năm còn đấy. Địa đầu các châu lục, nơi qua lại những mưu lược, những tội ác, khi đổ máu, khi phẳng lặng ngỡ là bình yên. Hầu như một phần gốc gác văn hóa văn minh của nhân loại phát tích trên nửa trái đất đã nảy sinh quanh nơi này, thế mà vạn triệu năm ở đây vẫn xác xơ, hiu quạnh, vẫn ngã ba, ngã năm những giàu sang và cái nghèo khó chen nhau. Con chim sẻ trong hốc lô cốt, những đàn hải âu lượn trên cửa biển, chúng nó có cộng đồng xã hội như con người, tiếng kêu tiếng hót có nghe được nhau không, cả nghìn đời có giống nhau không.

Cũng như ở Ađi Ababa này sang Trung Cận Đông, vào châu Phi, ở đây hay ở Bâyrut, ở Batđa, những cao ốc Hintơn A, Hintơn B, những xóm liều, chỗ nào cũng người đông như ruồi quanh đống vỏ hộp đi nhặt về nạo lấy cái thừa thãi người ta vứt đi.

Các thành phố Trung Phi mà A. Moravia tới chẳng khác Ađi Ababa ở Đông Phi, cái muôn thuở trong cái hỗn độn hôm nay.

Đây là giữa thành phố Libơrơ. Cửa hàng, cửa hàng, cửa hàng. Nhà trọc trời cao ngất, lại vừa phải, lại bé nhỏ, kỳ quặc như những cái hòm đã mở toang hết các ngăn, lại những cái chỏm cao ba ngọn, những cái hộp bằng thủy

tinh, bằng sắt, đôi chỗ nhô ra một hàng hiên giả vờ xiêu vẹo, như ở Nữu Ước. Chúng tôi đương đi trong những công trình kiến trúc siêu hiện đại và siêu, siêu, siêu hiện đại thế nhưng mà chỉ bước thêm hai bước, ba bước là đã vào đến cửa rừng, rừng thật.

Thành phố không rộng không thẳng như đường phố ở nước Mỹ, nhìn phía nào cũng thấy những cánh rừng bao quanh như đại dương mà các tòa nhà là ốc đảo cô đơn, trong ấy chỉ có người châu Âu tấp nập, nhốn nháo với mọi công việc và mua bán. (Đi chơi châu Phi - A. Moravia 1993).

Tôi đến nước Tandania cũng dự kỷ niệm 100 năm ngày sinh G. Nêru danh nhân Ấn Độ được ủy ban Á Phi của quốc tế làm mít tinh tưởng nhớ ở châu Phi.

Không phải cuộc họp của giới văn học, nhưng gặp nhà văn của nhiều nước: nhà thơ Mukecgi của Ấn Độ, Adimôp LiênXô, Atsadoula của Afganixtan, Mamađou Triôp Điôp của Sênêgan, Alex La Guma Nam Phi. Alex đi thay E. Sêbai tổng thư ký Hội Nhà văn Á Phi.

Sêbai cũng là Bộ trưởng Văn hóa Ai Cập. Tháng trước Sêbai bị bọn khủng bố chính trị bắn chết ở Cairô, ở Hà Nội tôi đọc tin đã biết. Các nhà văn làm chính trị ở các nước đương phát triển gặp lắm hiểm nghèo.

Diện mạo châu Phi có những nét khác các lục địa - những vệt trắng dài đến ngút mắt, không biết sa mạc hay rừng cằn cỗi về vệt kẻ dài

hòa vào chân mây. Qua Kênia, hiện lên vùng trời nước đảo Dandiba nổi như con đồi mồi khổng lồ, bên này dải đất Tanika viền một khoảng tuyết trắng phau giữa trong xanh không gợn mây. Đột ngột như cái đầu bạc khổng lồ của một ông già ngồi tư lự giữ thinh không, đấy là niềm tự hào của châu Phi, đỉnh núi cao hạng nhất thế giới, núi Kilimangiarô. Quanh núi viền những vùng rừng xanh li ti mà thoạt nhìn, nắng và băng nghìn năm đọng đỉnh núi lóa trắng không nhận ra được.

Châu Phi có hai con sông lớn, Nin Xanh bắt nguồn từ hồ Victoria nước Su Đăng, Nin Trắng thì ngọn nước từ các thung lũng chân núi Kilimangiarô này.

Khách sạn Kilimangiarô trên bờ biển trông vào chỏm núi Kilimangiarô hùng vĩ. Nhưng đấy là ở chân trời xa thẳm, còn xung quanh thành phố - lại như A. Moravia đã ký họa những nhà và đường ở nước Cônggô, những ngăn kéo hộp xi măng chồng lên giữa rừng, giữa cát trắng, giữa những xóm bi-đông mà sự sống thoi thóp đôi lúc inh ỏi vọt lên tiếng hò hét của đám trẻ chơi đá bóng.

May thay, cái sân thượng nhà mười tầng đã cho tôi hoang tưởng tôi đương chơ vơ ở một ốc đảo sa mạc trông ra thấy đỉnh Kilimangiarô đột lên ngang trời châu Phi, dưới chân tuôn ra ngọn nguồn sông Nin Trắng chảy về Ai Cập.

E. Hêminuây đã viết truyện Tuyết trên đỉnh Kilimangiarô.Con người cầm bút viết nhiều đi

nhiều này cũng có thể vào hộ khẩu châu Phi. Cuộc đời và sáng tác của ông gắn bó nhiều với những vùng đất quanh Kilimangiarô.

Năm 1954, Hêminuây đi săn ở rừng nước Kênia, trong sáu tháng hai lần rơi máy bay lên thẳng mà không chết. Sau đó ông về Kêtinga dựng lều bạt lên làm trại viết giữa ốc đảo và ở đấy suốt năm.

Năm 1999 này, kỷ niệm 100 năm sinh E. Hêminuây.

Cuốn tiểu thuyết tự truyện sau cùng của E. Hêminuây 850 trang sẽ được xuất bản. Ông viết tác phẩm này rải rác từng mảng, ở nhiều nơi. Phần cuối xong ở bang Idhahô nước Mỹ.

Rồi cũng ở đấy, E. Hêminuây đã bắn hai phát súng vào miệng, tự sát. Mấy năm qua, có vài phần trong sáng tác đã được ra mắt bạn đọc, nhưng đây là lần in đầy đủ nhất.

Các tác phẩm của E. Hêminuây đều pha trộn tự thuật, hồi ký và sáng tác. Nhà văn cố ý không phân biệt rạch ròi các thể loại này khi cầm bút. Ông đã từng nói: “Những tác phẩm hay đều có một điểm chung, ở đấy sự thật còn hơn cả thực tế”. Có lẽ cũng là châm ngôn viết của ông.

Ở tác phẩm sau cùng, có một nhân vật đáng yêu. Cô Đơba mười tám tuổi người bộ lạc Vakamba. Có thể xem nhân vật ấy là người yêu, là vợ tác giả, là người thật và người trong mộng, Đơba đã cùng ông đi khắp các cuộc săn bắn và ở rừng. Đến bây giờ báo chí, các nhà

nghiên cứu văn học vẫn tranh luận cô Đơba có thật hay không. Nhưng với bút pháp thể hiện như E. Hêminuây đã từng nói, bí ẩn ấy thiết tưởng không bao giờ tìm ra được.

Hêminuây quyến luyến nhất với vùng Tanganika và Kênia có ngọn Kilimangiarô. Hêminuây sáng tạo tung hoành nhưng lại yêu kỷ niệm cụ thể, ở trang viết ông đã lấy tên núi mà đặt cho truyện.

Khi về Cu Ba, nhà ông ở ngoại ô La Havana, trên đồi Phinga Vigia, ở đấy trông xuống bãi biển. 1952, Hêminuây viết truyện Ông già và biển cả tại đây, trên cái bến hoang vắng này, cái bến và nghị lực những con người được miêu tả trong sáng tác tuyệt vời này đã đưa ông vào giải thưởng văn học Nôben. Tôi đã có lần đến thăm nhà Hêminuây trên đồi Phinsa Vigia. Người ta kể ông hay lên cái chòi cuối vườn, nhìn ra bể, tưởng như Hêminuây đã ngồi viết trong chòi, đôi lúc ngẩng mặt lên trước trời nước mênh mang.

Tuyết trên đỉnh Kilimangiarô, câu chuyện một người bị tai nạn máy bay nằm đợi chết trên lưng núi. Người hấp hối chiêm bao chập chờn thấy mình bay qua đỉnh núi với người yêu. Sự sáng tạo đã buộc sự từng trải của người cầm bút vào vùng đất vùng núi đã có những kỷ niệm sống chết. Ta hiểu thêm những miếng nước đầu nguồn hư ảo và hiển nhiên ở mỗi chữ của ông.

Trên sân thượng này nhìn lên ngọn Kilimangiarô trọc lóc phủ băng trắng trong

nắng chang chang, tôi có cái tò mò ngẩn ngơ thử đoán xem nhà văn cho cái máy bay lên thẳng bị rơi trên ngọn nước đã được ông đặt ở quãng nào. Đoán mơ màng thôi, chứ từ đây vào chân núi những một trăm ba mươi cây số.

Tôi đương nhìn về núi Kilimangiarô từ thành phố Đaét Salam thì được đọc báo có những tin kỳ lạ. Một người Việt Nam, một phụ nữ Việt Nam vừa lập kỷ lục trèo lên Kilimangiarô. Hãng tin RFI đã phát đi: 9 giờ 30 sáng 7 tháng mười một, một phụ nữ Úc gốc Việt, cô Nguyễn Thu Hương đã leo tới mỏm cao nhất đỉnh Kilimangiarô. Cùng đi với cô có kỹ sư hàng hải Geri. Hành trình liền sáu ngày đêm. Những người dân tộc Maxai khiêng vác đồ đạc và dẫn đường hai nhà leo núi lên theo phía thung lũng Maxam. Ở đây cũng người làm nên kỳ tích mà không bao giờ được kể đến, những người Maxai cũng như người Xecba bên dãy núi Himalaya châu Á cả đời chuyên nghề mang vác, dẫn đường các nhà du lịch leo núi lập kỷ lục đến chóp núi mà không khi nào được cắm cờ chụp ảnh phát đi thế giới.

Tin điện miêu tả lúc ấy đỉnh Kilimangiarô trời nắng, có mây trắng bay qua trong tuyết rơi. Lác đác, cây thạch anh, cây lôbêli trồi ra trong tảng băng. Một đàn gà gô trắng. Những con gà gô chưa biết sợ người, đã được đứng chụp ảnh chung với cô Nguyễn Thu Hương và bạn đồng hành.

Đêm giã từ Tandania trong rừng dứa dưới

bãi biển, có cuộc vui nhộn của làng chài tiễn khách. Không biết làng chài hay làm nghề đánh chão. Hàng ngày, không thấy lưới thấy thuyền, chỉ từng đám đàn ông, đàn bà xúm xít tước xơ thân dừa ra đánh thành những cuộn chão chồng cao hơn đầu người.

Chão dừa neo buộc thuyền bè đi biển không bị hà ăn, mòn xác xơ cũng không đứt. Trong đêm, các làng chão ven bãi sôi nổi trống và người rập rờn nhảy.

Từng đám mấy chục cô gái đứng thành hàng. Những khuôn mặt đen nhoáng đương múa lưỡi, những cái đầu lưỡi trong miệng thò ra uốn éo múa lên nhấp nhoáng quấn quít đỏ như ánh lửa. Tiếng trống rồn rập, những chàng trai cởi trần lăn trên cát như làn sóng. Không phải một Điôp múa lăn mọi khi, mà cả trăm Điôp đương cuồn cuộn. Năm trước, ở Tân Đêli ngắm thần Lửa thần Nước nghệ sĩ đứng múa bụng cả giờ trên sân khấu đã thấy hãi công phu điêu luyện, bây giờ ngốt lên nghệ thuật bốc lửa cả trăm con người, hầu như mọi đàn ông đàn bà trong làng đều biết chơi đánh lưỡi, lăn mình. Tiếng trống dồn dập, thoắt biến thoắt hiện, lại thấy nhô ra một trăm chàng Điôp cởi trần ôm tang trống, đánh trống bằng những cùi tay, những bàn tay. Dãy trống kê vòng quanh người người lăn lượn, mặt trống cùi tay và những ngọn lưỡi rừng rực lên giữa bãi cát, lửa củi, lửa người.

Các nhà nghiên cứu sự phát triển của xã hội

loài người đã công bố một số liệu phân tích: Châu Phi đương đuổi và đuổi kịp mọi mặt châu Á. Những dị dạng, những kỳ lạ, không gì khuất phục được sức mạnh từ ngọn núi Kilimangiarô đến những con người đồng bằng sông Nin lên có lẽ là đây.

Tôi lại có dịp với Mamađu Triô Điôp đến bang Tây Băng Gan rồi lên nghỉ trên cao nguyên Đacgiơlinh biên giới nước Nêpan chân núi Hymalaya. Cùng đi có nhà thơ Tây Băng Gan Kecmugi. Kecmugi đã hai lần đến Việt Nam. Tôi đã đưa Kecmugi thăm Hòa Bình lên một làng Dao ở Tu Lý gần Toàn Sơn. Anh ăn thịt gà, chấm nậm bìa - nước ở lòng bò vắt ra, như mọi người trong làng. Trong khi, một lần khác cũng đến núi ấy, nhà văn Xevun ở nước cộng hòa Trung Á và Marich thì không dám đụng đến các món dân dã này.

Tôi và Điôp ở buồng cửa trông sang nhau. Tôi vừa đọc một tờ báo đăng tin một nước, không nhớ Camơrun hay Marôc, không phải Sênêgan, ông tổng thống mới được bầu có tên trùng với Điôp. Tôi kể, thì Điôp nói: "Họ Mamađu nhà tôi ở nhiều nước, nhất là ở Trung Phi và cũng lạ lắm, nhiều người làm tổng thống, cũng nhiều người điên".

- Mày đương làm quan to hay mày đương điên?

- Tôi a, có lẽ tôi đương cả hai.

- Cả hai là Liên Xô hay Mỹ?

Điôp cười, không nói. Cũng không phải

không có lý Mặt trận nào thì Liên Xô và Mỹ cũng đều có người của họ. Có thể thế này có thể thế kia. Phải tính chứ, mỗi lần Điôp đến sứ quán Liên Xô ở Đacca nhận giấy mời và vé máy bay đi nước ngoài. Không là bình thường. Vlat ở Hội Nhà văn Liên Xô làm đối ngoại về châu Phi đã kể tôi nghe những mưu mẹo tranh thủ lắt léo đầu làm việc này đuôi lại sang kết quả khác, không ngay thẳng bao giờ.

Buổi sáng, vào phòng tắm, Điôp hun tóc rồi mới rửa mặt. Điốp đánh từng que diêm, nhìn vào gương hơ cho tóc quăn lên. Tay xoe khéo đã có cỡ thoảng mùi khét, nhưng không hẳn tóc cháy. Rồi tóc Điôp cuộn thành búi, thành cục tới đỉnh đầu. Làm đẹp những hôm long trọng, đầu Điốp xoắn ốc kỹ lưỡng và hai hàm răng trắng rợn.

Điốp cho tôi một mẩu rễ cây, như rễ cây duối, để cọ răng. Dễ cây swek này tôi đã thấy bán ở chợ Casablanca, như cau khô đánh răng. Đám rễ ấy Điốp bỏ trong cặp, đem từ nhà đi. Lúc thong thả một mình và trước khi đi ngủ, Điốp cầm một mảnh rễ cọ răng.

Điốp cắt nghĩa cho tôi hiểu vẻ đẹp trai gái: Nhìn thấy nhau, là khuôn mặt đen bóng, hàm răng trắng và đôi mắt loáng như gương. Đấy là những màu nổi nhất, nhận ra nhau trước nhất từ xa trên mặt người thanh niên châu Phi. Tranh dân gian châu Phi khi nào vẽ người cũng có hai mắt to choán nửa mặt, con ngươi và lòng trắng mắt mới tình tứ sao - Điôp bình luận thế.

Ở Đácgiơlinh tôi cũng gặp lại Ôta. Nhà văn Nhật này viết tiểu thuyết, nhưng tôi biết Ôta bởi Ôta năm ấy ở Tôkyô là thành viên một tổ chức phản đối Mỹ xâm lược Việt Nam. Ôta đến Việt Nam có công việc khác nhưng vì Ôta là nhà văn nổi tiếng nên Ôta cũng là khách của chúng tôi.

Còn công tác của Ôta đến Hà Nội thì thật xa lạ với bút mực. Tổ chức nhân dân Nhật chống Mỹ xâm lược Việt Nam của Ôta hoạt động sâu rộng, được sự ủng hộ của các giới và có tác động trong binh lính Mỹ. Lính Mỹ đánh nhau ở Việt Nam được thưởng phép thường về nghỉ ở Băng Cốc, ở Hồng Kông, ở Nhật. Tổ chức của Ôta bắt mối được với nhiều lính Mỹ đã chán nản không muốn trở lại chiến trường. Những đứa này tìm cách ở lại Nhật, mỗi ngày một đông. Tổ chức của Ôta giúp họ trốn, đã bí mật nuôi giữ nhiều người. Ôta sang Việt Nam có ý hỏi ta có việc gì cần đến bọn Mỹ đào ngũ này, như viết tài liệu, phát thanh...

Đấy là những việc Ôta giao thiệp với những cơ quan khác, và rồi Ôta có được việc không, tôi không biết. Nhưng Ôta là khách, tôi đã trò chuyện văn chương với Ôta và gặp Ôta đến tận hôm tiễn. Ôta uống nhiều, khen Lúa Mới ngon đậm hơn rượu sakê.

Tôi có cảm tưởng là người Nhật lặng lẽ và nghiêm túc trong mọi công việc. Như các nhà văn Nhật thường gặp ở hội nghị, kể cả Kauabata nhà văn có tiếng. Họ ít nói, đi thành bọn và vào

phòng ăn hay mang theo thức ăn mua sẵn ở Nhật. Họ đã biếu tôi những hộp dưa cải muối, lạc muối. Những thói quen và sinh hoạt giản dị này tôi đã quen biết từ những năm kháng chiến ở Tuyên Quang, cơ quan tôi có Nguyễn An Nghệ Shoisi Aki. Khi Nhật hàng Đồng Minh, anh sinh viên kinh tế Aki đã chạy ra với Việt Minh ở Nghệ An rồi Aki được đưa ra Việt Bắc ở với chúng tôi. Nhưng Ôta thì khác. Ôta mơ màng lảo đảo ra tận sân bay. Hôm sang Nội Bài suýt lỡ chuyến bay. Sân bay dã chiến cánh đồng Nội Bài, máy bay Mỹ hàng ngày đến bom bắn. Cả đài chỉ huy bay đã bị bom hủy - ngày nay hãy còn đứng sừng sững cái cột loang lở trơ trọi như một chứng tích thời chiến. Có lẽ vì sân bay Gia Lâm đã hư hại nặng, cho nên ở Nội Bài cứ sáng sớm và chập tối chớp nhoáng những chuyến bay dân sự.

Nhà đợi bay chỉ mấy mảnh tôn, vách gỗ dán. Mỗi hôm, khi vàng mặt trời, những chiếc TU 154 cả ngày ẩn ở đâu được xe tải kéo ra đậu trước nhà đợi, khách lật đật lên rồi máy bay lao vút lên vòm trời xâm xẩm, trông lại thành phố đã sáng đèn.

Ôta lẩn thẩn ra ruộng một lúc, không biết ngồi nôn hay đi vệ sinh. Chúng tôi phải ra dắt, chỉ là Ôta quanh quẩn ngoài bãi cỏ không nhớ lối vào. Ôta nằm trên cái ghế dài trong nhà đợi. Ôta ngủ luôn. Ai cũng lo, chốc nữa có lẽ phải cõng anh ra máy bay. Rắc rối quá, khi đó chưa có cái xe bậc lên xuống, mà chỉ có thang sắt

ngoặp vào bụng tàu bay cho khách víu bước lên.

Nhưng, như là linh tính, tiếng động cơ máy bay nổ ngoài sân thì Ôta ngồi dậy. Một bà khách Pháp đương ngồi rũ ra, mắt nhắm, bây giờ cũng ngẩng mặt.

Hành khách ra sân bay thời ấy, phụ nữ cũng uống rượu - tôi đã trông thấy các bà đầm Rumani mặt đỏ tưng bừng. Máy bay Mỹ sắp ném bom sân bay, cả lên trên trời kia cũng có thể gặp nó, cái rượu cũng làm cho ta lẫn lộn nhãng đi đôi chút. Một người Tây, một người Nhật loạng choạng bước ra. Anh lái xe và tôi xốc vai Ôta, đủn Ôta bám vào thang sắt, Ôta như bò lên, những cô chiêu đãi viên người Nga ra kéo vào khoang từng vị khách. Trời vừa chạng vạng tối.

Lần này, gặp Ôta ở Đacgiơlinh, Ôta tiều tụy hẳn. Vẻ người nhầu nát vì rượu, thân hình to lớn mà hốc hác nhợt nhạt. Được mấy hôm, rồi cả ba nhà văn Nhật về Canquitta trước. Không biết họ có việc phải về hay bởi Ôta yếu không chịu được cái lạnh núi cao.

Ở Đacgiơlinh, ô tô hai mươi cây số trên núi trong rừng ra mới gặp sân bay. Tôi đi tiễn Ôta tận nơi. Ôta quàng vào vai tôi cái đài Natiônan nhỏ hơn bàn tay và không nói gì. Đến lúc ra máy bay, Ôta nước mắt đẫm trên má ôm tôi rồi giơ tay: Hà Nội! Hà Nội!

Từ bấy tới nay không gặp lại. Chẳng biết có còn sống không.

Chỉ có Điôp vẫn như thường, răng trắng

nhởn nhơ.

Điôp không rượu, chỉ ăn khỏe. Ngày nào cũng đi chùa. Điôp bảo ở Sênêgan không có chùa, hỏi ở Việt Nam có chùa, phải không? Người Tây Tạng chạy sang Đacgiơlinh đã nhiều năm, họ ở trong chùa đông đúc. Đacgiơlinh giáp giới Tây Tạng với Nêpan và ở sườn núi. Điôp lạ mắt, cái gì cũng muốn biết. Có hôm, Điôp bảo tôi: "Chúng ta nên leo một chuyến lên Hymalaya, xem trên ấy có gì mà người ta thích lên chết ở trên ấy".

Điôp vào những ngõ hẻm có người Xecba trú ngụ. Người Xecba bé nhỏ, nhanh thoăn thoắt, chuyên đi vác đồ đạc và dẫn đường cho khách du lịch và người leo núi Hymalaya. Điôp thường chỉ quen bốn phía sa mạc phẳng đến chân trời, thấy những khác thường ngày thì háo hức. Tôi đã thuộc tính Điôp, nhiều cái lạ không trả lời được.

Điôp hỏi:

- Những người Sênêgan về bảo bên Đông Dương nhiều nước lắm, phải không?

- Nhiều lắm, nước suối, nước sông, nước giếng, nước mưa...

- Trời ơi, ở Đacca, cả năm chưa chắc đã được trận mưa. Khi có mưa, cả châu Phi chạy ra nhảy múa trong mưa.

- Huế, Đà Lạt biết chứ?

- Biết trên bản đồ.

- Những nơi này có khi mưa cả tháng, mấy tháng.

- Ôi chao, tôi có thể đến Huế, đến Đà Lạt được không?

- Được chứ, Eptuchenkô vừa đến Hà Nội. Bây giờ đương ở Cu Ba hay ở Mỹ đấy.

- Thằng ăn mày Điôp ví sao được với Eptuchenkô!

Ở Đacgiơlinh đi, nhớ Điôp, một nhà văn chưa có tác phẩm mà tôi gần gũi nhiều trong các chuyến đi, con người như một pho tượng hồn nhiên và đau khổ.

Cái gì, ở đâu cũng khác Sênêgan. Điôp là người như thế nào? Không biết anh thế nào, nhưng tôi tưởng như tôi có thể biết. Một tiểu trí thức, tầng lớp gần dưới đáy đông đảo nhất châu Phi. Anh không muốn ra đồng kéo cày với con ngựa, nhưng anh là ai đứng đây thì anh cũng không tự biết, hay là biết mà như không.

Người có đôi chút chữ nghĩa như anh thì đi lính dễ có cơ hội đổi thay nhất, sẽ là tướng tá, là tổng thống lúc nào không biết chừng. Nhưng anh ghét vào lính và anh buồn vì thấy ở đâu cũng hơn Sênêgan. Ở Sênêgan không có Hội Nhà văn, anh cũng chưa biết anh sẽ là nhà thơ, nhà viết kịch hay nhà gì, bốn mươi hai tuổi rồi mà tất cả còn ở trước mặt. Anh ra nước ngoài bởi được mời, mỗi lần về có khi vui hơn, có khi buồn hơn, lo hơn và lại ngày ngày bước vào cái lớp tiểu học chữ Pháp của anh.

Tôi đi Cu Ba dự hội nghị phong trào đoàn kết Á Phi Mỹ La tinh. Vẫn như chuyến trước đã đến Cu Ba, ở Matxcơva sang Buđapet xuống

Tuyni rồi Sênêgan, bỏ châu Âu lại đằng sau lưng, chỉ thấy xanh thẫm. Angiê, Tuyni bên biển, thành phố trắng nhạt trong bóng tường đá và vòm lá chà là. Xa xa, những đồn điền bậc thang trên đồi ô liu. Như vẫn ở khách sạn En Riadh, tiếng sóng ỳ oàm vào những hang hốc cửa sổ suốt đêm.

Đến Sênêgan, máy bay đỗ lâu hơn một tiếng ở Đacca trước khi bay dài trong một đêm khác thường qua Đại Tây dương. Ở Matxcơva tôi đã gửi điện cho Điôp ra đón gặp một chút chơi. Sân bay trong ánh điện, những cây chà là, chùm hoa chín vàng xuộm, chà là họ nhà hoa cau, hoa dừa. Ngoài trời tối đen, tiếng sóng rào rào như mép biển ngay kia.

Điôp ra sân bay với vợ và một con nhỏ. Tôi hỏi vợ làm gì. Điôp nói vợ ở nhà. Tôi hình dung những người đàn bà đội những cành bạch đàn khô, tay dắt con cừu chiều đi ngoài rừng vào trong phố. Lúc này Điôp giống người chăn cừu về, đương vui, sắp lăn ra múa như lên cơn.

Tôi tặng Điôp một chiếc đĩa Bát Tràng treo, trong lòng đĩa vẽ in chú bé cưỡi trâu, tóc để trái đào. Nhưng Điôp thích nhất, hớn hở nhất tôi đem đã cho Điôp một số báo Văn Nghệ đã dịch in một bài thơ của Mamađu Triôp Điôp.

Điôp lật đi lật lại trang báo rồi đưa lên môi hôn… chữ Mamađu… Điôp… và kêu lên: “Tên tôi… Tên tôi… Mamađou… Điôp… chữ Việt Nam, chữ Việt Nam, tôi đọc được ngay… chữ Việt… Hà Nội…”

Điôp bảo vợ:

- Tôi sẽ đi Việt Nam. Con tôi sẽ cưỡi con trâu như thằng bé này.

Vợ Điôp bảo tôi:

- Điôp đã kể nhiều lần, ở Hà Nội đã in thơ của anh ấy, rồi sẽ in kịch, diễn kịch nữa. Điôp có tiền bản quyền, sang sống ở Việt Nam. Điôp đi ngay chuyến này với anh, có được không?

Ba chúng tôi cùng cười. Chỉ có chú bé ngơ ngẩn nhìn ánh đèn ngoài xa lóng lánh.

Chốc mà đã ra mười mấy năm rồi.

CHƯƠNG 21

Tôi Lại Về Xóm Đồng



hải vì thế nào. Mỗi người đều có thói quen, nếp nghĩ, sinh hoạt, đi đứng... Tôi hay nhẩm lại những nơi tôi thèm đến mà chưa khi nào được đặt chân, càng thèm: huyện Sông Mã ở Sơn La, đảo Phú Quốc ngoài biển Đông... Tôi lại về xóm Đồng, cuốn sách người đã đến đoạn ấy, bây giờ xem tiếp.

Mỗi khi trở lại những nơi đã từng đến, tôi hay nhớ lại kỷ niệm từ thuở bé. Năm nào cũng vậy, tháng mười giỗ ông tôi lại thấy bà Bống về. Người lớn bảo bà ở tận trên ngược, bà là em ông tôi, bà quẩy về một gánh những bó sắn, củ mài và đôi gà trống. Trên ngược đây là huyện Lập Thạch. Nhưng thuở ấy Lập Thạch với tôi đã là rừng xanh núi đỏ xa xôi tận đâu và tôi cũng không bao giờ biết tại sao bà em ông tôi lại phải đi lấy chồng xa thế. Hàng năm, bà Bống về với họ hàng ăn giỗ ông tôi, lại khiến tôi cảm thương tình máu mủ ruột thịt. Và sau này, lại một điều trông thấy đã khiến tôi nghĩ đến sự thăm hỏi và tình nghĩa.

Năm ấy, chúng tôi ở Phia Biooc tỉnh Bắc Kạn, trên núi những làng Dao Đỏ. Tết đến, từng đoàn người, cả trẻ con, khăn chít và váy áo đỏ

rực rỡ, đeo túi.

Tôi hỏi: “Đi đâu?”. Bà con nói: “Đi chơi Tết với người trong họ”. Người trong họ ở các núi tận trên Cao Bằng hay dưới Thái Nguyên, có khi đi rừng mấy ngày mới tới. Nhưng mà năm nào cũng đi, không hề quản ngại.

Tình nghĩa cũng trong lẽ sống tự nhiên, khi nào nhớ những chuyện trên tôi cũng thấy một niềm vui đầm ấm rồi lại bùi ngùi.

Cảm thấy đã quên mặt, quên tên nhiều người. Thế mà vẫn nhớ cái hôm tôi buộc cây hóp làm cột dây đồng vào thân cây cau, ông Ngải ngồi trong nhà lim him mắt, tay cầm cái galen to bằng trôn bát “cứ nói eo éo như con ma nói”. Hoàng Trung Thông - tôi nghe Trần Lê Văn kể, thỉnh thoảng gặp, Thông hay hỏi: “Dạo ấy mình thế nào?” Tổ trưởng Thông ngại những chuyện lố lăng gì chăng hay là anh cũng vẫn nhơ nhớ những ngày ấy.

Tôi đi xe hàng, không đáp tàu thủy và không mang theo xe đạp như hai lần trước. Bạn bè hay đi bảo bây giờ xó xỉnh nào cũng nhan nhản xe ôm, tội gì mà chen chúc ô tô hàng, còn khiêng cái xe trâu để mà chết a. Mà từ thị xã xuống Thái Ninh thì cũng chẳng mấy bước đường.

Phố xá Thái Bình đã nhiều cái khác xưa. Những lần trước trông chỉ loi thoi vài ba ngôi nhà, gió thổi rào rạt cuốn rối lên những búi cỏ tranh. Từ ngày hoang vắng ấy, nhưng có cái hay là đã sẵn vết đường bằng phẳng dễ cho những

đại lộ sắp mở, đương dọn cỏ.

Ở đây mấy năm nay đã lên thành phố giữa những bước tiến giằng co. Một dạo, vô số xe và máy với chuyên gia nước ngoài đổ về khoan dò dầu khí khắp một miền ven biển. Báo Nhân Dân đã đăng ảnh một mũi khoan có khói và dầu (hay nước) phụt tóe lên. Thật thì đã tìm được khí. Nhà máy sành sứ Tiền Hải chạy điện lấy từ khí khoan này. Nhưng ai từng qua lại Nam Định, Thái Bình đã biết từ thuở xa xưa ngày trước có nơi ở vườn, ở ruộng chọc lỗ xuống, trong đất nhả ra hơi nóng ngùn ngụt. Có thể bắc bếp thổi cơm, cả thui chó được. Người ta đã làm như thế. Giờ mới biết đấy là khí, rồi sẽ có ét xăng, rồi mở mang khai thác qui mô. Những người hay đọc báo nói rằng Thái Bình sắp giàu đến nơi, nước ta sẽ nhiều mỏ dầu khổng lồ như Brunây, như Trung Đông.

Thế là Thái Bình được gấp rút xây đón đầu một thành phố công nghiệp. Giữa những bãi lau sậy ngập đầu nguy nga nhô lên các nhà trụ sở ủy ban, nhà thư viện, nhà bảo tàng đã lên tường cao cao, cái khách sạn năm tầng cho chuyên gia và khách du lịch được khánh thành trước tiên. Dưới bãi Đồng Châu quanh năm nước xuộm đỏ các cửa sông đổ ra biển, nhưng đất bồi màu mỡ, nhiều nhà nuôi vịt, chiều đến, người ta đi nhặt trứng vịt đẻ trên cát, đội hàng thúng về.

Bây giờ đồ sộ ngôi nhà nghỉ Công Đoàn. Mọi cơ ngơi đã huy hoàng nhưng vẫn là cái sự hóng. Cho nên nhiều công trình còn dang dở. Đường

xuống Đồng Châu sẽ tráng lệ còn đợi, chưa nâng cấp, ô tô chạy chồm chồm trên ổ trâu. Cái nhà bảo tàng giữa thị xã chẳng biết bao giờ mới xây tiếp, tường nhoe nhoét vôi vữa, những lỗ cửa chưa có khung, như cái hàm răng móm.

Thành phố vẫn đương đợi vận hội. Dù sao, không đến nỗi "Cao Biền dậy non" như Xuân Hòa, Xuân Mai, những thị trấn vệ tinh tưởng tượng quanh Hà Nội.

Thái Bình không bị đứt đoạn, mà chuyển đoạn quang cảnh hôm nay hiện ra vẻ nhộp nhịp cũng em em mấy phố Sinh Từ, phố Hàng Lọng náo nhiệt hàng hóa trên Hà Nội. Đường Cầu Bo qua cổng tỉnh sang Nam Định không còn nhà vách đất lợp phibrô xi măng xám, đã nhấp nhô những nhà một tầng mái ngói, mái bằng.

Trước cửa thừng ni lông chăng, vắt từng đệp quần áo loang lổ đủ các màu trên đời, đòn ngang nối liền với những chiếc bàn, những cánh phản phủ tấm nhựa đỏ trên bày tú ụ bánh kẹo gói bọc giấy bóng nhấp nhoáng, Tết trung thu ngày trước cũng không được như thế. Phố "siđa", lại phố "quân khu" và choáng lộn bánh kẹo lạ mắt rối mắt như Hà Nội lan xuống dưới này đông như chợ. Người trong làng kéo lũ ra, đi xem, đi sắm. Anh kia trả tiền rồi đến đứng tựa lưng vào gốc cây tụt quần cũ xỏ quần mới vào rồi bước ra, người nọ ngắm người kia, vỗ tay cười hê hê như được bạc. Rồi lại tạt sang các bàn kẹo bánh xanh đỏ đến hoa mắt.

Đầu Cầu Bo, mấy nhà lá hàng cơm chứa trọ

năm trước đã lên nhà gạch cả. Không còn cái gậy tre chống tấm phên cửa lên, mà buông phất phơ một rèm vải hoa, lụa trứng sáo, ở trong đi ra một cô mặt mũi nhẹ nhõm, kẹp tóc. Cô chào: "Mời bác vào nghỉ hàng nhà cháu". Cô này hẳn ở trong làng mới ra, chỉ mai kia thì mắt xanh mỏ đỏ tới nơi. Vẫn bến tàu, nhưng người không đeo vai cái tay nải, cái bọc mà hàng chục gánh nối nhau đi một dãy. Mụ nọ khoác cái túi giả da bóng nhoáng hộc tốc chạy xuống chỉ trỏ tốp người gánh thúng bọc lá chuối khô đặt dọc lòng tàu, trên boong, cả khoang lái. Đấy là những thúng trứng vịt lộn từ vùng biển lên. Tàu thủy thì mất một ngày đường nhưng hàng hóa không lo bị xô đẩy dễ vỡ như gác nóc lên xe tải.

Cả chuyến tàu ngược Phà Đen chở trứng vịt lộn. Mụ đeo túi, áo kếp trắng viền đăng ten, môi son phơn phớt, đương cau có chỉn riết róng, lại cười cợt bả lả. Kiểu người này năm trước mộc mạc hơn, đã gặp ở cầu Bo, ở Hải Dương, tôi tưởng như bọn đây là con cái chúng họ xuôi ngược nối nghiệp. Ông bạn tôi quanh năm ngồi xó hàng nước, nghe hóng đủ chuyện, chẳng cần đi đâu mà mách đúng cho tôi. Chỗ nào bây giờ cũng lắm giống xe ôm. Ở Hà Nội chỉ có xe máy ôm, dưới này vô khối xe đạp ôm nữa. Cái xe hàng vừa vào bến, đã cả chục xe máy, xe đạp ôm xô đến hỏi bác về đâu, xe đạp giá mềm, cam đoan chạy suốt, không bán khách... mời bác, mời...

Một thanh niên áo xắn tay kẻ carô tím, đội

mũ lưỡi trai. Trông vạm vỡ khỏe mạnh, tôi đã ưng ý. Chợt nghĩ lại ngại. Đường xa, mấy chục cây số đồng vắng, nó lực lưỡng thế kia mà trấn thì mình bỏ đời. Nhưng nghĩ lại, thấy là tôi cũng lẫn lộn thời sự. Hồi này khách bỏ thuốc mê, khách giết lái cướp xe ôm nhiều lắm. Tôi bèn chọn anh tài chắc chắn ấy. Anh ta rõ cẩn thận. Anh lấy dưới yên một khúc dây da quấn quanh bụng tôi rồi mắc hai đầu móc xích xuống đệm ghế. "Dây an toàn, bác ạ. Tha hồ ngủ gật, có ngã cũng không văng ra được. Ở bên Đức, bước lên xe là cài dây an toàn, đội mũ bảo hộ, luật đi đường thế, không thì phải phạt ngay". Nhớ rồi, tôi đã thấy bên thành phố Quảng Châu, chẳng biết khách ngồi đèo có buộc dây an toàn thế này không, nhưng người lái, người đằng sau đều đội mũ bảo hộ, nom như hai cái đầu con dế mèn tròn bóng. Tôi bằng lòng sự cẩn thận mà tôi nghĩ nhân lên là có tính hiện đại, tính quốc tế của anh tài này.

Anh lái có vẻ vui chuyện. "Tên cháu là Khế, khách quen gọi là Khế ôm. Bác vào đến đầu phố huyện hỏi Khế ôm, trẻ con cũng chỉ nhà Khế ôm đúng ngay".

Tôi hỏi:

- Cháu đã sang Đức à?

- Bốn năm.

- Cháu ở tỉnh nào, Béc Lin a?

- Không ạ, Lai Xích.

- Cháu ở quận nào dưới Lai Xích?

Tôi buột miệng hỏi câu ấy để làm gì. Anh lái

có trả lời hay không, tôi không nghe. Đán, con trai tôi đã ở Lai Xích, đã chết ở Lai Xích, tôi đã có lần tới Lai Xích, tôi vẫn nhớ địa chỉ, cả số nhà, phố, quận...

Một lúc lâu, tôi không nói được.

- Bác đã đến Lai Xích rồi a?

- Chưa, cháu ạ.

Khế nói:

- Bác mà đến Lai Xích thì bác phải mê. Nhà ga xe lửa mái lợp to bằng trăm cái chợ Bo mà cấm thấy một cái rác. Tài chưa!

Tôi hỏi Khế chuyện khác.

- Đi bốn năm rồi về?

- Cháu chẳng thiết ở đâu cả. Cháu sốt ruột về nhà. Mẹ thì già. Vợ còn con nhỏ. Hết hạn lao động mà lại không còn nước dân chủ Đức nữa mới chán chứ. Cháu về thẳng. Khối đứa trốn ở lại.

Đương khoái chuyện, Khế kể:

- Tổ cháu có sáu đứa ở lại, cả bọn con gái. Tìm việc bên ấy chẳng khó. Nhổ cỏ cũng ra cái ăn. Nhưng chúng nó thích đi buôn. Chúng nó bảo đi buôn kiếm tiền nhanh.

- Buôn thế nào?

- Buôn đi bán lại vớ vẩn ấy mà. Đứng đường bán thuốc lá, thấy công an thì lủi. Dễ ợt!

- Đầm với đìa, bác ơi! Sẵn quá, bọn đầm lười như quỉ, chỉ nằm ườn bắt thằng bồ nuôi.

- Buồn cười nhỉ!

- Cơm nhà, cơm nhà, cháu cứ là cơm nhà...

Khế cao hứng, nghêu ngao:

- Ta về ta tắm ao ta. Dù trong dù đục ao nhà vô tư, có phải không bác?

Xa xa, đã trông thấy bóng đen những thanh sắt trên cống Trà Linh. Xóm Đồng kia rồi. Mặt cỏ vệ đê cống Bắc phẳng mờ, đến gần nữa, hoa cỏ may trắng như hơi sương. Mỗi khi nghĩ đến đồng quê, tôi lại cảm giác như thuở bé, mong mãi chưa thành người lớn, ký ức dừng lại, xóm làng ở đâu cũng chẳng khác, mà khác cũng cứ nhớ ngày xưa thế.

Mấy nóc nhà lèo tèo và cây đa chợ Thượng không còn. Một trường tiểu học, dãy nhà quây trong bốn phía tường gạch quét vôi vàng. Trơ trọi không một bóng cây. Tôi nói:

- Đến nơi rồi. Tôi xuống làng bên chân đê kia.

Khế hỏi:

- Làng bác ở đấy à? Bác về quê chơi.

- Không, tôi thăm người quen.

Rồi tôi dặn Khế:

- Tôi vào làng, nếu chẳng gặp người quen thì tôi lại nhờ cháu cho về tỉnh ngay. Bằng như gặp được thì ta tính sau. Có khi mai mới về cũng nên. Giá cháu cũng ở lại, mai đưa tôi về thì vui quá.

Khế sốt sắng:

- Bác cho cháu đi cùng xuống làng. Để xem thế nào.

Khế dắt xe đi với tôi. Xóm Đồng ngay kia. Cái mà tôi nhận ra, ấy là mặt nước con sông nhỏ cong cong quanh xóm. Còn những khoanh

tre thì đã bị phát quang. Cái xóm trọc lốc, giống nhiều nơi bây giờ. Có điều ngạc nhiên mà không lạ đối với tôi, ở nơi nước ngọt nước lợ tít mù thế này mà các đầu xóm cắm biển cũng đánh số xóm 1, xóm 3 như ở Cầu Giấy, ở Nghĩa Đô đất Kẻ Chợ. Lổm nhổm bát úp cao thấp, không một mái lá, một tường đất, nhà nhà mái bằng, nhà tầng, nhấp nhô tường xám xi măng. Vẫn lối ấy vào xóm, nhưng đã mất hai bờ rào ô rô và những cây xương rồng, bụi duối, mà so le trồi ra thụt vào những góc tường, ba người cùng đi thì đụng vai nhau.

Tôi bỡ ngỡ đôi chút khi nhớ chỗ ấy là một cái ao. Bây giờ mọc lên nếp nhà hai tầng, dưới sân trên giại bể có giàn trầu không, cổng sắt khóa. Tôi đương vào ngõ nhà ông Ngải mà cứ vừa quen vừa lạ. Cái nhà vẫn trong kia, nhưng không vách đất mà tường lên vàng khè. Đầu nhà trổ ra vườn chỗ ấy đặt chõ nước đái, chúng tôi đã làm hố ủ phân xanh, ngoài kia những cây chè khẳng khiu. Bây giờ xi măng trát phẳng, mất cả mấy cây cau lùn đằng trước. Nhưng dòng sông vẫn thấp thoáng sau bờ rào búi hóp. Cái chuôm thả vịt còn nhưng chỉ như vũng nước bên chân tường.

Trên bờ chuôm, lạ lùng chưa, vẫn đám tre lép phờ phạc chết khô. Không phải, những cây tre vào mùa hanh hao đều xơ xác vậy, bụi tre đã bề thế ra thành một vòm tre hẳn hoi. Ô hay, ai như ông Ngải. Như mấy chục năm nay, từ hôm ăn bữa thịt vịt rắn cắn rồi tôi lên tỉnh. Có phải

chỉ là một cảm tưởng, một mong mỏi cái bóng. Không, ông Ngải đấy, ông Ngải tựa lưng vào bờ tre, hai chân duỗi, ống chân tóp như cái ống giang ngày Tết chẻ lạt gói bánh chưng và nước da ông Ngải trời hanh nhờ nhờ mốc trắng.

Ngày trước, ông ngồi bụi tre thường cầm con dao chẻ lạt vót nan đan rổ rá, cái đăng, cái lờ. Khi này ngồi im. Một bức tranh tĩnh vật: chân tường, mặt đất, một bụi tre lưa thưa, một ông lão không có tuổi, một chuôm nước cạn.

Pho tượng Phật nhịn ăn gày giơ xương trên chùa Tây Phương, đấy là ông Ngải. Cái nước da vẫn nhờn nhợt như một ông Phan Khôi - nhận xét hay hay ngộ nghĩnh của Phùng Quán hãy còn đây. Ở nhà ông Ngải, tôi còn thấy cả chân tay, mình mẩy ông Ngải cũng bềnh bệch ít bắt nắng. Ngày ấy và bây giờ, ông Ngải vẫn thế, ngót hay là hơn bốn mươi năm đã qua, dễ thường ông Ngải có hàng trăm tuổi. Người Mông ở trên núi cao, nhiều cụ không nhớ tuổi. Lắm cụ ở trong làng như ông Ngải cũng không nhớ, cứ thong dong ngày trời tháng bụt mênh mông thế. May ra, có cụ bảo tao sinh năm con mèo, năm con gà thì con cháu còn tính được. Ông Ngải da bọc xương, mặt trắng nhọt, lại càng hệt ông Phan Khôi hơn. Ông Phan Khôi nằm trong đất từ 1959, cái năm lần đầu tiên tôi ở Thái Ninh về. Không lẽ ông Ngải là ông Phan Khôi, ông Phan Khôi dưới suối Vàng mới lên ngồi đây sao.

Nhẽ ra tôi cũng chẳng rõ ông Phan Khôi

mất bao giờ. Tôi mà biết cũng chẳng vì cơn cớ gì. Hồi ấy, nhà tôi thuê ở đầu ngõ cuối đường Bà Triệu cửa sổ trông chếch ra phố chính. Buổi sáng, chợt thấy đi qua ngoài đường một cái xe tang một ngựa phủ vải đen. Sau xe, có mấy người khăn trắng bước theo. Tôi nhận ra có chị Hằng Phương. Chị Hằng Phương là cháu gọi ông Phan Khôi bằng cậu. Tôi liên tưởng đoán chắc đám ma ông Phan Khôi. Ông đã ngoài bảy mươi, ốm đã lâu, từ độ dọn lên ở gác trong một nhà phố Thuốc Bắc. Ngày tháng chạp cuối năm âm u, đám ma lạnh lẽo ra ngoại ô ngoài ngã tư chợ Mơ.

Tôi vốn thích đọc Phan Khôi, dù vẫn biết đã nhiều năm ở cùng cơ quan ông chẳng coi tôi là cái đinh.

Viết báo, tạp văn, ngòi bút Phan Khôi sắc đọng, ngang như cua mà đọc lại chịu, như ăn gừng cay. Phó Chi Ngô Tất Tố là phó lý, phó cối cãi nhau văng gạch vào mặt; Ngô Đức Kế, Phạm Quỳnh thì chữ nghĩa trang trọng cân đối; Hoài Thanh là nhà thơ viết lý luận... Đọc Phan Khôi ngang ngạnh vẫn muốn đọc.

Cái ông gia trưởng này cũng không một bề, mà ông không nổi nóng khi tôi cãi với ông, có khi lại hăng hái biện luận là khác. Ông khó hiểu mà dễ hiểu, vừa người lớn lại vừa chất chưởng trẻ con. Vừa khờ lại cũng khoái được đưa lên mây. Ông không để mắt đến tôi nhưng ông cũng hãi tôi chứ. Cũng như ông không biết tôi lắm lúc cũng cho ông như con trẻ. Thật vui.

Ông ra tắm ngoài suối. Hồi ấy anh Trần Ngọc Danh đã mất. Tố Hữu bảo lên đưa chị Thái Thị Liên về cơ quan. Chị Liên với cháu Hà từ Quặng trên Chiêm Hóa xuôi sông Lô. Chị ở tạm với chúng tôi trước khi sang công tác ở đoàn Văn Công bên kia sông. Chị đã học nhạc ở Tiệp Khắc. Ông Phan Khôi chúa trùm tiếu lâm. Chị Liên cũng được một mũi. Suốt ngày, cái gian nhà chỗ ông “con, cây, cục, cái này” cứ chốc lại om lên tiếng cười. Ông Phan Khôi bước vào, lưng trần còm nhom, khăn mặt ướt vắt vai. Ông nói:

- Tư Mã Thiên mỗi khi nhớ là đã bị thiến thì rùng mình, toát mồ hôi. Tôi bây giờ mà trông thấy đàn bà được mắt thì có một luồng điện chạy suốt sống lưng. Ông kia bị người ta cắt, còn tôi là đồ bỏ, điện toát ra ngoài.

Mọi người lại cười rầm lên khi ông kết luận “Tôi cũng là cái xác thuốc hết thuốc. Võ Tắc Thiên vứt ra vườn”. Ấy là lúc vui, nhưng cũng có lúc khác, tôi giở trò cật vấn ông. Tôi hỏi:

- Cái năm 1945, ở Quảng Nam, có phải ông suýt bị bắt rồi anh Hoàng Hữu Nam cứu ông ra Hà Nội?

- Anh là Việt Minh thì anh phải biết việc ấy, hỏi tôi làm gì.

- Tôi nghe nói.

Ông trừng mắt:

- Không biết thì đừng mở miệng.

- Tôi chỉ muốn hỏi ông.

- Thì hỏi nữa đi.

- Ra Hà Nội, ông đến 80 Quán Thánh ở với Nguyễn Tường Tam.

- Thì đến xem chúng nó làm ăn thế nào.

- Ông bị bắt ở báo Việt Nam, ông lại được bầu làm Trung ương Việt Nam Quốc dân Đảng.

- Bao giờ chứ? Ai bảo anh thế? Anh làm mật thám à?

- Tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc. Báo có đăng tin.

Thế là tôi đã khơi được nguồn cơn. Ông đăm đăm mắt rồi thở dài:

- Kể anh nghe. Anh nói tôi mới biết, chớ tôi có họp hành với họ bao giờ. Ở ít ngày, nhìn ra mặt thật chúng nó. Chè chén, hám chức trong Chính phủ liên hiệp lắm, lại làm ra bộ. Cái hôm bị bắt ở báo Việt Nam là tôi đã định đi, nhưng chưa tìm được chỗ ở. Tôi mang tiếng là ghét con cháu, con cháu không ưa tôi, tôi xung khắc không nhìn mặt con cả tôi là Phan Thao. Không phải, không phải vì nó cộng sản, tôi không là cộng sản. Tôi chỉ ghét sự nhờ vả con cháu. Cái hôm Phan Thao ở trong Nam ra, trước khi nó đi nhận công tác, đã về đây ở với tôi cả tháng, anh biết đấy. Anh có thấy cha con tôi cãi nhau không? Nói láo. Ở trong kia ra, tôi đến Quan Thánh còn vì lẽ nữa, tôi không muốn nhờ cậy Phan Bôi quá. Sau cái việc ở báo Việt Nam, tôi về Cầu Giấy ở nhờ ông Tú Mỡ. Anh bảo nó cải tổ Quốc dân đảng tháng mấy? Tôi đi khỏi đã lâu rồi.

- Ông về ở nhà ông Tú Mỡ, ông làm bài ca

dao "đốt nhà" tiêu thổ kháng chiến, ác lắm. Tôi không nhớ...

- Anh biết lắm thế! Tôi nhớ tôi cũng không đọc cho anh nghe...

Ông Phan Khôi mất rồi, mất lâu rồi, mà da dẻ như ông Phan Khôi nào vẫn ngồi tựa bụi tre lép kia.

Năm trước sang sân bay Gia Lâm, tôi tiễn ông đi Trung Quốc dự kỷ niệm năm sinh Lỗ Tấn, máy bay ấy ghé Côn Minh rồi mới lên Bắc Kinh. Cà vạt màu đỏ thậm dưới bộ râu lưa thưa. Tướng ông giống một học giả Nhật Bản, vẻ phương đông mà hiện đại. Tri thức của ông xứng đáng ra thế giới kỷ niệm Lỗ Tấn lắm chứ.

Lúc này thì tôi quên những hoang dã ngang ngược của ông ở Việt Bắc, ông đau dạ dày phải mổ cấp cứu. Thể lực đuối, lại trọng bệnh giữa rừng, ông không chết nhờ nơi bác sĩ Tôn Thất Tùng trên Chiêm Hóa mới nhận được máu khô ngoại viện. Khi ông bình phục, chủ tịch Hồ Chí Minh gửi mừng ông bộ quần áo lụa.

Họa vô đơn chí, ông thường kể chuyện vui "trời đánh ông cũng không chết" là cũng có sự thực của nó. Hồi ở Phú Thọ, đêm mưa sấm sét dữ dội, ông trông thấy một con sét hòn xanh lẹt ngoằng giữa nhà. Mà ông không việc gì. Tôi nghe ông kể chuyện ấy, nhưng việc này thì tôi chứng kiến. Ở Tuyên Quang dự lớp chỉnh huấn, buổi sáng ông ngồi trước lán. Một cành cổ thụ to như cột nhà gẫy rơi ngay trước hai chân ông duỗi ra sưởi nắng. Rồi về Hà Nội, ông viết bài

Ông Năm Chuột.

Tôi cũng không gần ông liền năm, tuổi tác lại chênh đến ngót ba con giáp. Tôi biết ông ương bướng, mà cũng không phải chỉ thế, ông vốn trọng công việc. Khi đương tập kết ông được mời vào khu 5 nói chuyện kháng chiến thắng lợi với đồng bào ở Bình Định, Quảng Ngãi lúc ta chuyển quân ra Bắc. Ông đi ngay. Và mỗi khi tôi nhờ việc, nhờ viết bài, ông làm đến nơi đến chốn. Tôi đã cậy ông so sánh các bản dịch tiểu thuyết Mặt trời trên sông Tang Càn của Đinh Linh, ông soát và viết báo cáo nhận xét cẩn thận, kỹ lưỡng.

Ông thích nói tiếu lâm chọc cười, cũng như không biết giận, tưởng như ông cốt nói ngang hơn, to tiếng vặc lại, chỉ vì ông không để bụng lâu. Chao ôi, không ương bướng thì đã không phải là Phan Khôi, cái câu giễu "Lý luận Phan Khôi" mà các báo Phong Hóa, Ngày Nay đã đặt cho ông chẳng đã thành tiếng thuở nào.

Tôi lại mơ màng rồi, trông cái ông Ngải không biết chữ mà lại hóa ra học giả Phan Khôi một bồ chữ sao được.

Ông Ngải ngồi như đống đất, thế mà ông nghiêng tai, lối nghe của người nghễnh ngãng, ông đã đánh hơi được có người đi tới.

- Ai thế?

Tôi gọi to.

- Ông Ngải!

- Ai...

- Cán bộ Tư chào...

Tôi chưa dứt câu, ông Ngải đã run run gối đứng lên.

- Anh Tư đấy à?

Ông lão lại nghếch mặt hỏi:

- Có anh Quán đấy phải không?

Ông lão nghe rất thính. Khế cười ngặt nghẽo:

- Khế ôm đây, cụ tổ ạ.

- Anh Quán...

Tôi nói:

- Anh Quán mất rồi.

- Ôi sao thế?

- Giỗ đầu, giỗ hết rồi.

- Khốn khổ.

Ông Ngải nắm cánh tay áo tôi. Tôi đỡ ông ngồi xuống, lại tựa vào bờ tre. Ông Ngải bảo tôi, như ngày trước, như mọi khi: "Anh ra vườn ngắt mấy cái lá chè". Rồi ông hỏi: "Anh vẫn uống nước chè vò chứ?"

Mảnh vườn chỉ còn một luống đất. Không biết chỗ nào cái hố phân xanh ngày xưa. Nhưng tôi vẫn nhớ bài học hái chè ông Ngải dạy. Bỏ lá già, tôi ngắt một ôm lá đương bỡi. Bên bờ tre, Khế đã đun nồi nước.

Rồi Khế vò chè, luộc chè, đổ nước cho ngấm. Như ở nhà chú và cả đất Thái Bình này đều biết món chè vò.

Để ý kỹ, bụi tre xác xơ nhưng đã lan ra thành hũm vững chắc trông như trong cái hang có ổ mái lợp những tàu cau, xung quanh táp phên vách, trên đặt một giát giường to hơn cái

mâm chõng, như túp nhà trẻ con dựng chơi đình chùa.

Tôi hỏi:

- Ông vẫn ngủ trong bụi tre à?

Ông lão đương ủ hai bàn tay xù xì trên mặt cái ấm vừa sưởi để xem chừng hơi nóng mà biết chè chín đến đâu. Tôi hỏi lại rõ từng tiếng, ông Ngải mới à à ừ ừ: "Ngủ ngoài này chứ ở cái nhà trong kia thì chết ngạt chẳng ra bộ gì. Thế các anh bây giờ...". Tôi hiểu ý ông Ngải hỏi anh em chúng tôi dạo ấy. Tôi kể: Tổ trưởng Thông mất rồi, anh Chu Ngọc đã được sang nước Tiệp Khắc ấy mà, cũng ốm chết rồi. Cả tổ còn anh Trần Lê Văn, anh Hoàng Cầm và tôi. Ông Ngải trầm ngâm ra rồi nói: "Ở ngoài tỉnh hại người lắm. Anh Quán còn ít tuổi, khỏe mạnh thế mà cũng đi rồi. Tội nghiệp, ở tỉnh làm quái gì!"

Trên cành tre tay tre vẫn cái bát đàn, thêm chiếc ca nhôm, cả ống điếu cày treo lủng lẳng. Chắc vẫn có người qua lại, ghé ngồi. Ông Ngải nói: "Được", rồi bảo Khế rót nước trong ấm đất ra bát.

- Người ta miếng giầu làm đầu câu chuyện, tôi cả đời chỉ có miếng nước. Ông Ngải tưởng tôi vẫn uống chè vò như ông.

Đã lâu, một lần tôi đi Hà Tĩnh về làng có uống chè vò bây giờ mới lại được nhấp, nước nóng vào đến đâu thấy chát ngọt lìm lịm đến đấy. Nhớ những tinh mơ ông Ngải dậy từ gà gáy uống hết hai ấm vại chè vò mặc cả nhà ăn cơm đèn rồi ông xách cuốc ra ruộng, lòng không dạ

đói đến quá trưa mới về, đeo một giỏ ếch nhái, cá cua sau lưng. Trông ông lão vẫn phảng phất đồng áng bờ bụi thế. Hai con mắt toét nhèm viền vải tây điều đã sụp xuống ti hí. "Lúc nào tôi cũng thấy trời sắp tối, anh ạ". Nhưng ông nhìn bằng tai, cái tai ông dở điếc mà vẫn nghe ra tiếng người, mấy người và tiếng chó, tường lắm.

Ông Ngải đưa tôi vào trong nhà. Tôi trông thấy trên giường thờ ảnh cu Ốc, mặt trang nghiêm, đội mũ cát sao vàng.

Ông Ngải nói:

- Cái thằng Ốc lại mải đi theo anh Quán tập dân quân rồi. Cả bà nó nhà tôi cũng đi chơi với nó. Mẹ con nhà mày ạ, có anh Tư về chơi.

Tôi bấm Khế ra sân.

- Tôi ở lại, sớm mai về. Nếu cháu ở lại được...

- Để cháu xem.

- Bây giờ cháu lên trên Cống mua thẻ hương, tìm đâu được con gà. Tôi cúng cậu ấy, cả bà cụ...

Khế nổ máy xe, đi ngay. Tôi rút nén hương trên bàn thờ rồi lấy diêm châm cái đèn Hoa Kỳ. Tôi đã đến nhiều nhà thấy trên bàn thờ ảnh và truyền thần chân dung các chiến sĩ. Tôi cứ tưởng như không phải người đã khuất. Anh ấy ốm đau gì đâu, cái ảnh lại trẻ đẹp thế kia, ý nghĩ ngây dại thường trở lại trong tôi.

Nhà ông Ngải chỉ khác cái mái bằng và tường xây để mộc, giường phản vẫn tuềnh

toàng thế. Nhà kín bưng, ẩm mốc. Ở trong làng bây giờ cứ đua nhau nhà tầng, nhà gác, có người méo mặt vì ganh nhau làm nhà.

Ông Ngải thắp nén hương rồi lại lò dò ra ngồi bụi tre. Ông Ngải nói:

- Xóm này nhà ngói, mái xi măng hết. Bữa ăn bữa nhịn, cũng lên nhà tây. Anh Quán mà về thì không kiếm ra đất bức vách ủ phân.

- Thời buổi mới, đâu cũng ăn nên làm ra, ông ạ. Ối người đi vay lãi, bán lúa từ lúc vào đòng để làm nhà. Chỉ khác ngày xưa lý trưởng, phó lý giàu có. Bây giờ chủ tịch, bí thư, xã đội, dạo trước còn chân chủ nhiệm, kế toán nữa cũng trộm cắp mà nên giàu có cả. À anh biết chủ nhiệm Sự...

- Ông ghét ngói hóa, bê tông hóa nên ra nằm đây.

- Có mà hóa điên hóa rồ. Hồi còn thằng Tây tôi đã sợ cái hầm lô cốt. Tôi không chịu được ở nhà hầm, tôi mà ở trong nhà hầm ấy thì tôi chết đã lâu.

- Sao ạ?

- Suốt ngày nắng nung sân xi măng, mái xi măng, đêm vẫn oi như trong chảo rang. Tôi làm thằng kéo vó, ra đây chui vào cái lều vó cạn. Chẳng nắng gió nào động được lông chân. Chân mễ tôi kê cao cho con hổ mang, hổ lửa lấy đường đi, tôi nằm trên. Chỉ có thằng rắn ráo thì đợi nó leo lên, tôi tóm cổ. Thịt rắn ráo ngon hơn thịt gà. Anh chưa được ăn nhỉ?

Tôi rụt rè hỏi về Ốc. Nhưng ông Ngải nói

như đương chuyện với ma:

- Nó tập bắn súng gỗ với anh Quán. Rồi đến dạo ngày đêm máy bay ngoài bể vào, bay ngang mặt đê.

Đến mùa nước có đứa đồn máy bay Mỹ sắp phá đê cho cả tỉnh chết đuối. Các làng lên đê đặt ụ súng bắn cho nó không dám xuống thấp, bắn súng thật.

Cả đêm cũng đòm đòm.Ấy thế mà thời buổi tàu bay tàu bò lại kiếm ăn được. Chuyện này cô Hến về đã kể cho nghe. Chặp tối, đàn máy bay chúng nó đi ném bom về qua ném xuống hàng trăm cái vỏ thùng hết dầu. Đầu tiên tưởng nó ném xăng đốt làng. Ra xem mới biết cái thùng rỗng, thế là vớ bở. Thôi thì làm nồi, làm vại, làm thùng, làm muôi, bán đồng nát, bán cân cho nhà mậu giũa làm lược, làm hình máy bay đồ trẻ con chơi...

Thanh niên ca cẩm: Ngày nào cũng bắn mà cấm nhặt được thằng Mỹ nào. Rồi có đợt tuyển quân.

Thế là đi, Ốc cũng theo. Nhà con một, xã cho miễn. Nhưng Ốc bảo làm tiểu đội trưởng dân quân thì phải đi với quân, đi ít lâu xem sao rồi về thôi mà. Được một năm rưỡi, giữa tháng tám nhận được giấy báo hy sinh ở mặt trận phía Nam. Một năm sau thì mẹ cũng mất.

Cô Hến kể:

- Bố em bảo thôi thì nằm xuống ở đâu cũng là nằm. Bố em hãi cả ai nhắc đến, bố em sợ nghe ai nói thương binh liệt sĩ. Nhưng chúng em

không yên lòng. Giải phóng rồi, nhà em đi tìm mộ. Đeo một tay nải thẻ hương, tối nào cũng thắp một nén khấn, rồi cứ thế đi. Run rủi thế nào lên núi Trường Sơn đến khu mộ liệt sĩ Thái Bình có hơn một nghìn ngôi đã bốc về đấy. Dò hết một ngày, tàn nén hương thì gặp mộ anh, rõ ràng cả quê quán, cả tên ở nhà, tên lúc đi bộ đội. Nhà em đã lấy giấy rập khuôn đá bia đem về tạc hệt cái bia ở núi Trường Sơn trong kia.

Trên bàn thờ, sau tấm ảnh Ốc, một tấm đá bia khắc dòng chữ: Liệt sĩ Kiên Cường tức Lại Văn Ốc hy sinh ngày...

Ngày trước, có lần ông Ngải đã kể như tâm sự với tôi, ông vào hợp tác sớm vì ông tin ở chính phủ, con ông lớn lên trông vào hợp tác, chứ vợ chồng già rồi chết rồi, con cái biết nhờ cậy ai. Nhưng bây giờ ông Ngải không nói chuyện Ốc, có nói thì cứ như Ốc vẫn đứng đâu đấy trong nhà.

Tiếng xe máy xè xè ngoài đê. Khế về. Con gà trống, thẻ hương buộc trên túi trước tay lái. Tôi bảo Khế:

- Bây giờ cháu về...

Khế nói:

- Cháu ở lại với bác.

- Nhà mong thì sao?

- Cháu đã vào ủy ban gọi nhờ điện thoại, nhà cháu yên chí rồi.

Ông Ngải bỗng nói góp:

- Xã này có điện mồm rồi, chưa có điện đèn. Chỉ nghe nói mà tôi đã ghê cái điện đèn. Thấy

bảo có nơi mắc điện bẫy chuột bẫy cá, điện chạy sang người giật chết nhiều người lắm.

Khế đã nhanh nhẹn bắc bếp ngoài bờ ao đun nước làm gà. Tôi vào đặt thẻ hương lên giường thờ, thắp nén hương mới. Ông Ngải lại đã ngồi ngoài bụi tre.

Cả ngày ông quanh quẩn đấy. Ông đem ra cái áo bộ đội - chắc áo của Ốc để nhà, ông mặc thêm vào.

Trời chiều đã se lạnh. Tôi đỡ ông xỏ tay áo, lộ mảng xương sườn gồ ghề. Bao nhiêu năm rồi, ông Ngải ngồi bên bụi tre lép, ngày ngày mọi việc trôi qua như dòng sông quanh ngoài chân tre. Tôi cũng đã móm mất cả một hàm răng rồi mà ơ hay, ông lão vẫn còn răng cửa như ngày trước, buổi chiều vàng mùa lúa, mùi rơm mùi thóc mới, con trâu kéo đá. Không biết có còn cái sân trâu kéo đá không. Nhưng vẫn đây, cái bụi tre cổ thụ bụi tre thấp lè tè đốt thẳng không gai, bụi tre trâu cọ lưng nhẵn thín trông ra miếng ruộng xuống bờ sông, bàn tay ông Ngải đã cuốc nên. Cũng đồng đất ấy, nhưng chẳng ai nhắc đến thời hợp tác xã. Người đời hay tránh cái đau, cái hèn kém cả đến trong ăn nói cũng kiêng những tiếng thô, tiếng bỗ bã.

Một con trâu vào xóm. Đường ngõ vướng tường và nhà cao, chân trâu bước âm âm rời rạc như tiếng chày giã bèo. Rồi ló ra con trâu đi, một bé cưỡi trâu, một người đàn bà vai vác như cái sào, như cây mía, một bé quẩy gánh cỏ rảo bước như chạy. Ông Ngải không nhìn ra, nhưng

nói:

- Mẹ con nhà nó.

Nói rồi ông ngước mặt:

- Anh Tư về chơi, mẹ Hến à!

Cô Hến ngả nón. Cô Hến chỉ bé sắt người lại còn thì vẫn như trước, cứ hao hao mà không khác mấy.

- Anh mới về. Mấy chục năm rồi...

- Năm nay cô bao nhiêu tuổi, cứ trừ đi khoảng mười lăm năm thì là bấy nhiêu lâu.

- Tính làm gì cho già người. Trông anh vẫn thế, bố em mà không gọi tên em vẫn nhận ra.

- Cô với cháu đi làm đồng về. Thằng bé cưỡi trâu này ngày trước nằm võng phải không?

- Em vào trong xóm mua chuối.

- Có lần tôi đi với vợ chồng cô khiêng buồng chuối xuống chợ Diêm.

- Anh nhớ dai quá. Nhưng bây giờ không khó nhọc thế nữa. Em đi các nhà có chuối, được giá thì mua để đấy. Đến hẹn có xe công nông về chở xuống Diêm.

Mà cũng không phải bán chợ, đem xuống tàu hết. Làm sao mà các nước người ta ăn chuối xanh khỏe thật lực, bao nhiêu cũng bỏ vào tàu tải đi bằng hết.

- Thế thì cô là lái chuối.

- Lèo lái chẳng ra sao, có điều cũng đỡ vất. Nhưng thừa người lại thiếu việc. Không còn gian dối như cái hồi hợp tác năm xưa cứ bầy việc ra để gãi công điểm.

Tôi hỏi:

- Anh Toàn nhà cô đâu?

- Đấy thừa người thiếu việc là cái tích ấy. Nhà em đi bộ đội về, cả nhà em với ông, bác Ốc liệt sĩ vẫn được tính, có mấy sào mẫu ruộng, con trâu với cái máy đập thuê nó nuốt sạch việc, nửa năm làm nửa năm chơi nhong nhóng. Báo cáo với anh, nhà em lên Hà Nội làm xế lô. Có khi anh gặp mà không nhận ra thôi. Đến mùa thì về đỡ đần việc nhà. Cày cuốc ra hạt gạo, thì đồng tiền lại hiếm. Chẳng đạp cái xế lô thì đào đâu ra tiền làm nhà, trát sân, lại tiêu pha cho các cháu đi học. Thằng nhớn cũng thôi học rồi, chưa đến tuổi tuyển quân, đương đòi xuống Diêm làm cửu vạn, dưới ấy bây giờ còn vui hơn Hà Nội. Cả làng, cả vùng kéo ra Diêm bốc vác, có người sắm xe máy chuyển hàng cho nhanh. Để nhà em về, chuyến này chúng em tính. Có khi nhà em cũng về làm dưới Diêm cho gần gũi cửa nhà, anh nhỉ?

Cô Hến lại kể:

- Nhà em bảo em lên ở Hà Nội. Giàu có nhà quê không bằng ngồi lê Kẻ Chợ, vẫn đồn thế mà. Người hèn đớn cũng kiếm được, không mất bữa. Gánh đồng nát mà lãi quan viên. Nhà em bảo thế, em cũng đã lên xem sao.

Rồi cô Hến cười rúm mặt lại:

- Chưa nổi phiên chợ em phải nhào về. Kệch đến ngày xuống lỗ.

- Thủ đô đấy, mà cô chê a?

- Mỗi tối thuê cái chiếu nằm gầm cầu, có tiền bạc của nả thì gối đầu, giắt lên ngực. Bốn

bên lủng củng người nằm, nói anh bỏ lỗi, nó đéo nhau huỳnh huỵch rồi lại chửi nhau, quát nhau to tiếng hơn ô tô chạy ngoài đường. Cả đêm không tài nào chợp mắt, ăn cơm lại ọe ra, ốm đến nơi. Thế là cút ngay. Thuê kẹo em cũng không bao giờ dám lên Hà Nội nữa.

- Anh ấy ở Hà Nội cả năm, cả tháng thì sao!

- Có cái chiếu nằm tơ hơ không màn mùng, muỗi như trấu. Em bảo cho nhà em ở trên ấy thạ hồ vơ váo con nào cũng được. Nói ra nặng thế chứ nhà em hiền lành, vài ba tháng lại đem tiền về, cả quần áo các con cũng lo tươm tất. Tội nghiệp, anh Quán còn trẻ, khéo chỉ bằng tuổi nhà em, thế mà đã mất, ốm thế nào ạ?

- Sau này chú ấy để râu, lọm khọm lắm.

- Để râu thì để râu, trẻ thì vẫn trẻ chứ.

Ở sân sau, con trâu giẫm đứt cái mành mành che chuồng xí, hai con cô Hến hí hoáy buộc lại, xong rồi ra xúm quanh anh Khế ôm. Khế đã nhanh lại khéo tay. Khế làm gà, cô Hến vo lẻ gạo nấu cơm nếp. Đun bếp lá tre, một mình Khế tay dao tay thớt làm cả.

Tôi khen thì Khế bảo: “Ở bên Tây cháu cũng chân bếp núc, những thằng lười đi làm về thuê mình làm. Cũng kiếm thêm tí ti”.

Ông Ngải bước vào trong nhà. Mới biết lúc nãy ông mặc thêm cái áo bộ đội không phải vì chiều gió heo mà ông mặc áo cho tề chỉnh. Ông lấy thẻ hương, rút hai nén cắm lên bình rồi vái, lẩm nhẩm khấn, lại nói như nhắn:

- Anh Tư về chơi, có mâm cơm cúng. Mẹ

con nhà mày về ăn với cả nhà.

Mọi người đã vào mâm. Ông Ngải ngồi tựa lưng vào tường, nhìn ơ hờ. Cô Hến nói: "Ông em dạo này có chứng nghẹn, mắt lại kém, cứ vừa ăn vừa thở, lâu mới xong bữa". Ông Ngải cầm đũa. Ông và miếng cơm, nhai mãi. Quả là ông hay nghẹn. Cô Hến đã mua về một lẻ rượu. Ông Ngải vẫn không rượu như ngày trước.

Còn tôi, đụng đến rượu thì phải có sự thế nào, chẳng vui cũng chẳng cơn cớ gì mà uống, tôi và Khế cũng chỉ đểnh đoảng một chén. Ánh cái đèn phao treo sáng cả gian nhà, bữa chén buồn buồn.

Ông Ngải nói:

- Có anh về tôi vui không biết nói thế nào cho hết, không ăn được mà cái lưng không cho ngồi lâu. Hai ông cháu cứ cơm rượu tự nhiên, tôi phải đi ngả lưng. Sang canh tôi dậy nấu nước thì anh ra uống với tôi.

Ngày trước hôm nào anh cũng uống chè sớm. Rồi anh có nghiện không? Ừ mà rượu Tây rượu Tàu, chứ nghiện đâu cái nước chè nhà quê!

Cô Hến nói:

- Đêm nay giở gió, ông không được ra ngoài bụi. Mà nhà có khách, ai lại nằm bờ ao. Ông em lẩn thẩn lắm, cứ bảo ra ngoài ấy dễ ngủ.

Ông Ngải nói:

- Hay là bố con anh ra với tôi. Cái lá chuối khô, ấm hơn chăn bông.

Cô Hến lại bảo ông Ngải:

- Cháu nó giải lá chuối phản trong nhà rồi.

Cả chỗ nằm cho hai ông con anh Tư.

Ông Ngải ngồi im rồi đứng dậy, nhưng ông không ra bụi tre mà sang cái phản bên. Ổ lá chuối khô hai thằng cháu đã ôm vào từ lúc nào.

Tôi nói:

- Ông Ngải này!

Ông Ngải sột soạt cựa quậy trong ổ lá. Tôi ghé xuống:

- Có cái quà biếu ông. Ông có nhớ hôm tôi buộc cọc dây galen lên cây cau ông nghe galen nói eo éo, cái này còn hơn galen nhiều.

- À!

Tôi lấy trong ba lô ra chiếc đài National bằng bàn tay chạy điện chạy pin đều được, mà nhà văn Nhật Ôta đã cho tôi hôm chia tay ở Đacgiơlinh. Tôi cũng dùng từ ngày ấy, cái đài vẫn tốt. Từ lúc Ôta cho đài, không hiểu liên tưởng thế nào tôi đã nghĩ có thể rồi một ngày tôi đem về biếu ông Ngải. Xuống đây, cũng có phần trong ngụ ý việc vui ấy.

Ông Ngải nghiêng đầu lên. Tôi nói thong thả lại câu vừa rồi và giơ cái đài. Ông Ngải lắc đầu.

- Tôi không... tôi quên cả rồi.

Cô Hến nói:

- Ngày trước ông cháu mê galen nghe suốt đêm. Sau có cái đài chạy pin, rồi ông cháu đem bổ đài ra bóc vỏ làm đóm.

Khế hỏi ngơ ngẩn:

- Lạ nhỉ, đài hát vui lắm.

Cô Hến rầu rầu:

- Cứ nhỡ nghe nói đến thương binh liệt sĩ ông cháu tắt đài ngay. Ông cháu sợ.

Có một bóng người lù lù dật dờ vào. Tiếng thều thào:

- Anh Tư về chơi, còn nhớ tôi không? Sự, thằng Sự đây mà…

Tôi reo lên:

- Anh Sự! Quên thế nào được. Mạnh khỏe chứ? Định sáng mai sang anh.

- Không mạnh, cũng không khỏe. Sang tôi nhé.

Sự ngồi ghé vào ánh đèn. Trông rõ một bộ xương run run ngồi. Chưa thấy người nào gầy vêu vao nhường này. Tôi hỏi nửa thật nửa đùa:

- Lo nghĩ sao mà rạc cả người thế? Chị ấy với các cháu thế nào?

- Tôi phải cái chứng ho, ho bệnh anh ạ. Trông anh cũng già, chúng mình già cả rồi. Chóng quá. Thôi đã khuya, anh đi nghỉ chả mệt. Mời anh sáng mai, anh với cậu này sang bên tôi rượu cháo lòng. Ông Ngải nữa, mời ông. Ngoài đầu xóm có nhà mổ lợn lòng sốt ăn được.

Không đợi tôi trả lời, Sự lại lù đù về. Bước lẩy bẩy mà cái cách ăn nói "dứt điểm" vẫn nóng như lửa.

Cô Hến nói:

- Không phải bác ấy ốm, mà bác ấy nghiện đấy.

- Nghiện cái gì?

- Thuốc phiện ạ, nặng lắm. Bác gái thấy để ở ngoài Diêm không tiện vì khách khứa, buôn bán

ra vào. Mà nghiện ngập thì ở làng nước còn thông cảm chứ ngoài Diêm người ta bắt đi cai rồi.

- Nhà bác Sự ra ở Diêm rồi sao?

Cô Hến kêu lên:

- Ấy chết, từ nãy quên kể, nhà bác Sự bây giờ giàu nhất vùng chứ lại chả nhất làng. Bác gái với cái Soi, đảm lắm. Hai mẹ con buôn hàng tàu đỗ ở ngoài bể. Mối lái các nơi về cất hàng lúc nào cũng đầy nhà khách. Đủ thứ, xe máy, đồng hồ, tủ lạnh, buôn cả người nữa. Nhà em mà bỏ xế lô cũng phải ra xin việc nhà ấy. Con Soi diện mốt ăn đứt gái Hà Nội kia. Sáng mai anh sang chơi, bác Sự tốt bụng mời thật đấy. Nhà trong này cũng sang hơn cả nhà chủ tịch. Điện thoại nói chuyện bắt vào tận tai, sướng chưa!

Nhưng rồi cô Hến chép miệng:

- Nứt đố nổ vách thế mà con cái hỏng ráo. Hai thằng con trai thì ngồi ăn cơm nhà đá. Còn cái Soi ra ngoài tàu ngủ với trăm thằng, cả mẹ nó...

- Già mõ ra rồi.

- Bà lão cũng chẳng tha thằng nào. Có thế mới giàu như điên.

Tôi tặc lưỡi:

- Những nhà có của ở đâu cũng thế.

Trong ổ lá chuối, ông Ngải đã nằm im từ lâu. Ông vẫn quen ngủ sớm hay là ông trằn trọc trong im lặng.

Khuya rồi, tôi quá giấc cũng không chợp mắt được. Quả nhiên, ông Ngải đã ra ngồi uống

nước từ lúc gà chưa gáy. Mọi thứ chè vò, ấm bát các cháu đã sắp sẵn. Thói quen đã khỏe hơn cả nỗi già nua. Ông Ngải vẫn một mình một bóng in trên vách. Tôi ra với ông lại bởi không ngủ được. Đã lâu mới lại được nếm cái vị chè vò chát mà đậm giọng. Ngày trước thì ông đã chuyện ran rỉ, nhưng bây giờ chỉ lặng im.

Nhà anh Sự khang trang thật, không còn lù lù đống cây rơm ở góc sân. Năm gian mái ngói âm dương, sân lát gạch hoa từ thềm ra tận bờ ao, cổng xây hai cột trụ như cổng đình. Tôi đã nhắc là hôm qua anh Sự mời ông Ngải sang ăn sáng. Ông lắc đầu: "Cả đời có ăn sáng bao giờ. Anh biết đấy. Anh kiếu hộ tôi".

Trong nhà, gian giữa, bộ ghế sa lông bóng cánh gián. Trên mặt tủ chè, đặt chiếc chóe đồng sáng nhoáng. Gian bên trống hốc, mọi cái sang trọng lẫn với lạnh lẽo, tựa như cái nhà không người. Lạ là trông thấy máy điện thoại kia, nhưng không thấy đài, vắng tiếng nói tiếng hát rộn rã mà các nhà hợm của hay mở cả ngày. Có lẽ bởi người nghiện sợ tiếng ồn. Trên cái sập gụ, Sự quấn chăn chùm đầu, đương hí hoáy nạo sái. Anh đẩy cái gối, mời tôi nằm bên chiếu. Đã lâu mới lại trông thấy cái bàn đèn kiểu cách cầu kỳ. Năm mới giải phóng, vào Sài Gòn, Điều rủ tôi đi tiệm hút ở chợ Cũ. Tôi đã toan đi, rồi lại thôi, bởi vì nhớ có lần Nguyễn Tuân đem ra Hà Nội cái gối đầu lấy ở một tiệm hút, vẫn cái gối sành trắng hếu, rỗng ruột, trong nhét cái giẻ lau đen xỉn, trước kia đã thấy những cái gối lạnh rợn

mắt này trong tiệm hút chui rúc ở Hà Nội, ở Chợ Lớn, ngõ Sầm Công cũng như đường Cây Mai, tôi ghê ghê lợm giọng.

Rồi ông Nguyễn cũng vứt cái gối ấy ngoài hiên, chỗ chai lọ đồng nát. Dẫu ở nhà ông Hy Chả Cá, cái bàn đèn riêng gọn ghẽ, rồi lên vùng cao, chiếc dọc tẩu làm bằng đốt hóp đá, tôi cũng không để ý, nhưng bàn đèn của Sự thì chưa được thấy ở đâu. Chiếc khay gỗ đen tuyền, chụp đèn pha lê xanh nhạt, cái dọc tẩu khảm trai lấp lánh, những cái tiêm, cái nạo, cái khoe bằng kền bằng bạc nhoang nhoáng. Các thứ đồ lề của làng bẹp khác mắt này chắc phải chuốc tận các tổ hút lò hút bên Ma Cao, Hồng Kông mới có được.

Tôi bảo Sự:

- Để tôi tiêm cho.

Sự cười, miệng mếu nhợt nhạt như rách ra.

- Anh cũng biết tiêm thuốc a?

Thật tôi cũng chỉ trông người ta tiêm, thấy chẳng phức tạp gì. Tôi hơ thuốc rồi vê lại, nghiêng vào ngọn đèn vun thành cục nướng xèo xèo bên lỗ nhĩ rồi đưa miệng dọc tẩu sang cho Sự.

Sự nói:

- Mời anh hút trước.

- Vui với anh thôi, tôi không hút.

Cũng không ép tôi thêm, Sự gò lưng đến rụt cổ, cong hai vai kéo điếu thuốc rồi ngồi lên, chiêu ngụm nước hãm bát nước chè vò đặc sánh. - “Anh tiêm được đấy. Biết tiêm mà không

hút, ừ, tôi phải học anh, nhưng tôi đắm đuối quá rồi, anh ạ. Sáng ngày ra tôi kéo sáu điếu cả thuốc cả sái mới mở được mắt. Tôi đã bảo cả rồi, các thứ ăn uống đều làm bên kia, sắp mang sang."

Tôi hỏi Sự về những người, những việc tôi còn nhớ. Tôi không động câu nào về nhà anh. Nguồn cơn buôn bán giàu có; tại sao vướng vào vòng nghiện ngập; anh có còn là đảng viên không. Tôi e Sự khó nói hay là tôi ngại. Có lẽ cả hai.

- Ông Dũng trong làng hồi này thế nào?

- Ra tỉnh mở hàng cơm một dạo. Chết đã lâu rồi.

- Lại thắt cổ à?

- Ốm bệnh già thôi.

- Cậu Quốc...

- Đại úy Quốc. Rồi cậu ấy đi bộ đội thiết giáp. Xe tăng vào chiếm dinh Độc Lập đấy.

Nói câu ấy, Sự nhô vai, cổ nổi gân đũa, hăng lên như khoe chiến công của mình.

- Bây giờ làm hội Cựu chiến binh, Chủ tịch xã kiêm Bí thư Đảng ủy...

Chỉ hỏi qua loa mà ra bao nhiêu chuyện và đời người khác nhau. Nếu ở lại đây vài hôm, vào trong làng, gặp lại những cô Dăm, cô Vĩnh thì chắc đêm nào cũng còn mất ngủ nữa.

Tôi nhận ra Sự nói vẫn sang sảng, anh Sự bẹp tai mà làm như vẻ ta đây. Tôi không hào hứng chuyện đồng ruộng và làng xóm, tôi hỏi chuyện khác.

- Nghe ngoài Diêm đương xây cảng lớn, tàu nghìn tấn vào được. Anh có hay xuống Diêm chơi không?

Sự chau mặt:

- Không! Xuống làm chó gì!

Một cô bé quảy một gánh hai cái thúng con con bước vào. Một bên nồi cháo đương sôi bốc trắng kẽ vung, bắc trên cái bếp dầu vặn nhỏ lửa. Quang bên kia, cái mâm đậy lồng bàn - "Mày giải chiếu rồi dọn ra". Đã gọn gàng cả, hai đĩa to đủ cả lòng, dồi gan, cổ hũ... Cái rổ con xếp mớ húng chó, mùi tàu, quả chanh và mấy quả ớt chín vàng bên bát mắm tôm. Chai rượu trắng đã đặt đầu mâm với đũa bát tình tươm. Con bé không phải người nhà hàng, nó được thuê cơm nước hầu ông bẹp Sự.

Tiếng xe máy xình xịch vào đầu xóm.

Sự lẩm bẩm, không nhìn ra.

- Mẹ con nó về. Tôi đã điện thoại bảo có anh sáng nay sang chơi.

Vào trong ngõ, một cái Drim màu mận chồm thẳng qua bậc cổng. Người đàn bà cưỡi ghì như hiếp cái xe. Cứ như những chuyện cô Hến nói thì tôi đoán nó là cái Soi, chứ làm sao tôi nhận ra con bé ngày trước đứng ơ mặt nhìn nghe cái galen ở nhà ông Ngải và con bé xúc thóc trộm hợp tác, mấy mẹ con suýt đánh nhau với bố. Nó đã cứng tuổi, nhưng ăn mặc như trẻ trung đương thì. Một cô "tiếp thị" đúng mốt, áo thụng tám túi, đeo cái túi xách hai ngăn. Tóc cắt vét tém, bôi son môi, quầng mắt xanh, váy bò

cỡn trên đầu gối, thừa ra nửa bắp chân trên đôi giày da nâu đế cao. Đằng sau, ngồi một bà béo ục ịch, chắc mụ Sự đây. Mụ cũng sấy tóc cũn, quần phăng đen, sơ mi hồng dài tay, mặt bự phấn, cổ đeo dây chuyền vàng to như cái xích mèo. Nước hoa đã phả vào nhà thơm sực nức.

Hai mẹ con bước vào, như không trông thấy bố Sự ngồi đấy. Tiếng cười khành khạch và một câu chào hàng:

- Ối kìa anh Tư. Vẫn thế, trẻ ra đấy.

- Tôi không nhận được chị.

- Cái thời mỡ màng theo con gà ngày mùa nhặt thóc đã đút bếp rồi, anh ơi!

Mụ hỏi:

- Xe anh để đâu, ngoài đình à? Khéo nó tháo mất.

- Để bên ông Ngải. Các cháu nhà cô Hến cẩn thận, đã chằng cả cuộn chão vào hai bánh. Chú lái của tôi đây.

Tưởng cái ô tô hóa ra cái xe ôm, thế là mọi chuyện đểnh đoảng dần rồi nhạt thếch. Cái Soi ngồi bên sa lông, chốc lại vóng sang giục mẹ: "Nhanh lên! Nhanh lên!", chẳng giữ ý khách lạ. Mụ Sự cũng không để mắt đến mâm cháo. Có lẽ vì tôi và mụ câu chuyện chẳng còn ăn nhập gì. Mụ nói: "Sáng nay khách tôi ngoài tàu hẹn. Có thong thả thì mời anh ra Diêm chơi". Rồi cười rung má, đá mắt nhìn Khế ôm. Mụ nói lửng, ỡm ờ không vẻ mời mọc, hiểu sao thì hiểu.

Ấy thế mới là đời bây giờ. Tôi nghĩ chua chát. "Thằng Sự còn mấy hơi mà chặt cổ thằng

nào nữa, chuyện cổ tích lắm lắm rồi”.

Cái Soi vùng vằng cứ ra nổ máy xe. Tôi không thể còn đầu mối nào chắp được chuyện những cái cô Dăm, chị Sự, cô Vĩnh năm xưa nói “chúng em như con gà, ngày mùa thì gà béo” với mụ Sự bự rự son phấn này. Đến lúc tôi trông thấy mụ ngồi, đôi dép đặt lên cái vấu sau xe, chỗ gót chân mụ còn hằn vết sẹo khía đen nẻ miếng thì tôi gật gù khoan khoái như đã được an ủi là tìm ra cái dấu nối rồi.

Sự ngồi yên, hai con mắt như lồi ra. Khi tiếng xe đã lên trên đê, Sự văng một câu dõng dạc:

- Đồ đĩ rạc!

Sức lực gân cổ Sự dồn cả vào câu chửi sau lưng ấy. Rồi rót rượu, nói:

- Mời anh nhắm tự nhiên. Nồi cháo sôi cạn cả.

Bữa chén cụt hứng, đâm loãng hẳn.

Tôi về, ông Ngải đã ra ngồi bên bụi tre lép đan rổ. Hai thằng cu nhà Hến đã đi kéo riu tép. Con trâu lên trên mặt đê gặm cỏ. Rỗi rãi, trâu được thả đi ăn từ sớm. Xóm làng bày ra những trái ngược, nhưng cũng dễ cắt nghĩa. Chỉ không biết rồi mai kia sẽ thế nào.

Tiếng gọi nghé văng vẳng trong cánh đồng.

Nghé ơi... nghé ơ...
Chân đi thon thót
Vọt chẳng bén lưng
Bé ăn chơi dưng
Lớn phải đi cày

Đi cho đến bờ đẽo lại
Đập rợ vào lưng, là vặt bước vào
Đi cho thẳng đường cày, cho ngay đường bừa
Chân đi tai nghe, dạ nhớ lấy
Chớ đi quàng, phải đòn
Nghé ơ...

Bốn phía phẳng lặng đồng không. Chẳng trông thấy ai gọi nghé. Chỉ là tai tôi phảng phất tưởng nhớ mà thôi.

CHƯƠNG 22


ường về tỉnh, bây giờ mới để ý xe của Khế len lỏi giữa những xe máy, xe tải xuôi ngược, che đậy bịt bùng. Chốc cái bạt lại tốc lên. Những tủ lạnh, quạt điện, máy khâu, các máy móc gì nữa, quần áo vải len sặc sỡ. Thấy nói ngoài khơi biển Diêm Điền có một cái chợ trời, tàu các nước chở hàng lậu đến đậu từng đám. Hàng trăm thuyền ra rút hàng suốt đêm.

Cái năm tôi qua thành phố Đaét Salam nước Tandania, trên vỉa hè người đứng bán từng đống xống áo cũ, hết mốt. Tôi về đã viết một bài báo chế giễu châu Âu đương mở mang công nghiệp tống phế thải sang thị trường châu Á, châu Phi. Nhưng ở Việt Nam không thèm những cái bẩn mắt ấy. Bây giờ thì những cái bẩn mắt ấy tràn khắp chợ quê ta.

Viết đến đây, tôi vẫn đương ở Đà Lạt. Tháng chín, thành phố cao nguyên mưa và lạnh. Tôi không đem theo áo ấm, cháu My xuống chợ mua cho ông cái áo bludông vải xám có sọc kẻ đen như áo tù. Tôi đương mặc cái áo ấm cũ người mới ta ấy và ngồi viết. Ở đây nhiều người đã phất lên, cũng như mụ Sự kia béo mầm chỉ nhờ những cái ôi thối của thiên hạ. Lại những tình cờ, phải chăng. Những sa sút của Sự, ngày tàn

tạ của Vêrônica, cái chết của Madari, bước đường phiêu bạt không thể định trước của Platôn Thành, ông Ngải vẫn ngồi ở bụi tre lép, không biết đến bao giờ.

Đường tấp nập đông, khi trở về bao giờ cũng ngỡ như nhanh hơn. Chẳng mấy lúc đã qua phố huyện.

Khế tự dưng hỏi tôi, câu hỏi như kết luận những quan sát của Khế từ hôm qua.

- Bác là nhà báo à?

- Ừ.

- Nhà cháu ngày trước cũng có người đăng báo, bác biết không?

- Tôi biết thế nào được!

- Bài báo Bà ký Đường ấy mà!

Tôi giật mình, nhúc nhích cả sợi dây chằng ngang lưng. Cái truyện ngắn của Nguyễn Khắc Mẫn đăng báo Ngày Nay, một chuyện có thật. Tác giả đã đi hát ả đào phố huyện Vũ Tiên đầu tỉnh. Nhà hát bà ký Đường được tiếng không phải vì sang, vì người đẹp hát hay mà vì nó không giống kiểu các nhà hát khác.

Ông ký làm sư lục lộ, kém mắt, bị mất việc. Ông ký về mở nhà hát, làm kép đàn, bà ký và cô con gái hát. Nhà hát bà ký Đường không nuôi đào rượu hầu hạ ôm ấp khách. Không có chầu mặn chè chén và khách ngủ lại đêm. Hát chầu chay xong, chi tiền rồi khách ra về. Được tiếng mà lại vắng khách, cái nhà hát còm cõi ấy.

Ông Dương một tay giỏi võ làng tôi, chủ xe ôtô con thỏ Mỹ Mâm thuê đứng trùm du côn

tranh khách đường Thái Bình - Hà Nội. Chúng tôi hay xuống chơi với ông, có khi dăm bữa nửa tháng. Tôi kể ông nghe cái truyện ngắn Bà ký Đường. “Ừ, có cái nhà hát bà ký Đường. Chỉ nghe hát suông rồi cút, chán bỏ mẹ. Chúng mày muốn đi thì tao cho đi”. Ông Dương bảo thế.

Rồi tôi được rõ hơn lai lịch nhà hát này cũng không phải chỉ một màn “chán bỏ mẹ”, như ông trùm du côn làng tôi nói khinh thế. Hát cô đầu phố phủ, phố huyện ở đâu cũng tẻ nhạt - dẫu sao cũng chỉ là nơi chốn ăn chơi cò con của mấy ông chánh lý có việc quan, những đám kiện cáo bên nguyên bên bị có máu mặt lên công đường và những dịp sưu thuế. Ở Vũ Tiên, đất này có nghề nhà trò hát cửa đình cửa đền, đến mùa đám thứ thì đi hát thờ, có khi gặp dịp vào hát trong dinh quan bố, quan thượng, quan án. Đã tàn tạ rồi, nhưng còn giữ lề. Ả đào Vũ Tiên vẫn có nếp, còn kiêng: hoa là huê, lễ là lỡi, liễu thì hát là lão... còn giữ hơi giữ tiếng con nhà nòi họ Tam, họ Ngàn từ xưa nghề hát.

Chúng tôi được võ sư Dương dẫn đến nhà hát bà ký Đường. Đúng như Nguyễn Khắc Mẫn đã tả trong cái truyện ngắn. Nhà phố huyện, vườn thưa hai bên bờ rào. Mái ngói, vách đứng trát vôi cát. Có hai gian, gian ngoài làm nhà hát. Ông ký khoảng trong ngoài năm mươi, người gầy kheo khư, cổ lộ hầu, áo the khăn xếp. Ông ngất ngư nghiêng ngả cả người với hai bàn tay khô đét nắn phím gảy tửng tửng cây đàn đáy ba dây. Võ sư Dương kể lão ký Đường nghiện nặng,

trước làm cai phu sở đạc điền ca đát, người ta gọi tôn lên chân ký lục. Nhà hát tiêu sơ thế này đào đâu ra tiền mua thuốc ty, lão chỉ nuốt sái, càng gầy rộc, mà lại hay ghen, bởi vì bà ký Đường còn mẽ người, bà vấn khăn sa tanh bỏ tóc đuôi gà, ngồi xếp thẻ hai đầu gối quần lĩnh. Tiếng hát khi thánh thót khi dịu dàng trong khổ phách mau thưa. Chúng tôi đã cơm rượu từ chiều ngoài hàng ở bến xe, như mọi khi. Tôi không biết cầm roi chầu, nhưng cũng nghe biết ông Dương say cứ gõ tom chát loạn xạ. Cả nhà có ba người đều phục dịch vào hầu chát. Cô con gái vừa đun nước, lại mời nước. Cô mặc áo the nâu, cô còn nhỏ nên vấn khăn lượt chưa bỏ đuôi gà. Cô hát hàng hoa nhẹ nhàng đỡ mẹ những bài dễ, khi mới khai trống chầu, nào Bầu trời cảnh bụt... nào Hồng Hồng Tuyết Tuyết... Cô bé chừng mười ba mười lăm tuổi, người mỏng như cái đóm, lại có cái tên ngồ ngộ, cô Thẹn.

Tôi cũng chỉ đi "che tàn" theo ông du côn cho biết, nhớ đâu được cái nhà hát sài đẹn này. Tối hôm ấy ông Dương cũng chỉ đánh trống nghe hai ba bài rồi kéo chúng tôi về. Bây giờ bỗng dưng nghe nói tên "bà ký Đường", lại đương về qua Vũ Thư rồi...

- Bà ký Đường là thế nào với Khế?

- Bà cháu, ông ạ. Bà cháu mất đã lâu, cháu cũng không biết mặt.

- Mẹ cháu tên là Thẹn, phải không?

- Ối giời ôi! Sao ông biết tên cúng cơm của mẹ cháu, sao...

Mặc cho anh chàng cứ kêu giời rồi sao... sao..., tôi không trả lời. Có gì mà trả lời, những chuyện nhà trò cô đầu đã xếp xó, như tuổi cậu này bấy giờ còn ở trên trời dưới âm phủ mô tê nào, biết đâu được.

Chao ôi, lại một tình cờ giữa đường...

Về đến thị xã, Khế ôm nhất định chưa nhận tiền công tôi trả mà nằng nặc "Mời bác vào nhà cháu... mời ông... Ông ở chơi với bà cháu, với vợ chồng cháu, mai hẵng về. Mà bây giờ đã trưa rồi, ông cũng đến đi tìm nhà trọ chứ đi đâu".

Khế đoán đúng, tôi đã tính ra Cầu Bo lại vào những cái hàng cơm chứa trọ trên bến. Thế là tôi theo Khế về nhà ở phố huyện cũ. Có lẽ vẫn chỗ cái nhà hát bà ký Đường năm xưa mà tôi không thể nhận ra.

Khế sắm nắm đi, lúc đèo lúc dắt, hớn hở ra mặt.

Tôi cũng chẳng có kỷ niệm gì ở đất này, chuyện "bà ký Đường" thì vì Khế nói đến mà nhớ. Có lẽ mỗi khi qua Vũ Hiên, Thư Trì lại nhớ anh bạn vong niên Vũ Đình Cự nhà vật lý chất rắn cự phách đã cùng anh em trổ tài hiện đại kết hợp với thủ công phá thủy lôi Mỹ thả vây cảng Hải Phòng. Chẳng biết anh chàng đã lấy vợ chưa, hay không. Và tôi nhớ bài thơ Xuân Diệu vàng ngời những vườn hoa ngâu chín làng Thuận Vi.

Biết đâu Khế chẳng nghĩ rằng mẹ Khế gặp tôi thì có thể hai cụ đã thế nào với nhau ngày trước.

Ôi, tôi lại nhớ chuyện Hoàng Trung Thông viết bài giai thoại trên báo Văn Nghệ về Hoàng Trung Thông và Nguyễn Tuân sang chơi Lỗ Khê huyện Đông Anh.

Lỗ Khê, một làng nghề ả đào. Nguyễn Tuân hỏi thăm một danh ca có tiếng ngày trước hát ở Khâm Thiên, người làng này. Bà con nói cụ nhà trò ấy mất rồi.

Đêm ấy trời sầm sập mưa, Nguyễn Tuân uống rượu gõ chiếc đũa vào lưng cái bát làm trống cầm chầu và Nguyễn Tuân hát, nước mắt ứa ra. Hoàng Trung Thông đã viết lại cảnh ấy. Bạn đọc có thể ngậm ngùi với người đãng tử một thuở đương khóc cố nhân.

Nguyễn Tuân bảo tôi:

- Tao có nhân nghì nhân ngãi gì với bà ấy đâu.

Biết thì hỏi thăm vậy. Nghe chuyện bả bị bắt lúc cải cách ruộng đất, bả đã thắt cổ chết thì tao nghĩ thương cho một cái tài hát kiếm được ít tiền tậu mấy sào ruộng, lại phải chết vì cái tài ấy. Thương là thương thế!

Tôi hỏi:

- Hoàng Trung Thông không biết như ông?

- Nó biết. Nó cùng nghe mọi chuyện với tao. Nhưng nó viết thế thôi. Ấy đấy!

Hai chữ "ấy đấy" ai hiểu thế nào thì mặc lòng.

Cái nhà của một người đi kiếm tiền ở nước ngoài về như Khế có đầu óc, thu vén thật chỉn chu. Nhà một tầng, giàn hoa ti gôn đỏ hây trên

đầu tường phủ xuống trước cửa, phảng phất dáng một căn nhà nghỉ ngoại ô Beclin - hay là tôi tưởng tượng ra thế, nhưng dẫu sao cũng là một gian phong quang, nhẹ nhõm được mắt.

Dắt xe vào giữa sân, Khế nói to:

- Bà ơi! Có khách.

Một bà lão ngồi cái chõng trong nhà ngước mặt ra. Cái nhìn của một người kém mắt, nghe cũng là nhìn, như ông Ngải.

- Ai thế?

- Chào cô Thẹn.

Bà lão đứng lên, nghẹn ngào, mếu máo:

- Ông nào...

Trong khi Khế dựng xe vào tường hoa, hỏi mẹ:

- Nhà con trưa nay có về không?

- Có, nó vừa ra chợ.

Rồi Khế nói bô bô, như mọi việc đã xếp đặt cả.

- Ối giời ơi, từ hôm qua đi với ông, con sướng quá. Các cụ ngày xưa cũng lắm chuyện chứ chẳng chơi. Thế nào con cũng phải giữ ông ở lại đây xơi cơm với bà cháu, với vợ chồng cháu. Mai con lai bố về tận đầu ngõ trên Hà Nội. Con phải bảo nhà con về sớm làm con vịt đánh chén mới được.

Rồi Khế vào trong nhà, nhấc điện thoại, gọi ríu rít.

Tôi nắm tay bà lão, đốt ngón tay lạnh ngắt - cái cô bé đun nước, mời nước, hát hàng hoa tiếng e é chua như mèo rên ngày xưa đây. Hàm

răng móm làm cho môi và cằm rúm trũng xuống. Nước mắt bà lão chảy ra, không biết cái nước chết lưu niên ở hai con mắt lòa lúc nào cũng ràn rụa nhợt nhạt trên mí, hay là nước mắt. Cô Thẹn ấy nhỏ thó, gầy rạc, cái bóng ngày xưa ngồi sau lưng bà ký Đường đợi hát đỡ mẹ, tiếng đàn đáy lắc lư.

Cô Thẹn ngày ấy đây. Bà lão vẫn nắm tay tôi cất giọng phều phào, rè rè:

- Đến bây giờ mới thấy đây

Mà lòng đã chắc những ngày một hai...

Câu Kiều này, đầu mùa đông 1959, Nguyễn Đình Thi đã ghi sổ lưu niệm bảo tàng L. Tôn Tôi trong điền trang Jasnaia Poliana ở Tu La.

Mỗi khi mơ màng lại cái chuyến về Thái Bình này, là thật hay chiêm bao. Hai câu lẩy Kiều tình nghĩa kia đã thấy ở Tu La hay đã nghe cô Thẹn, bà cụ Thẹn nghẹn ngào.

1997, Đà Lạt